

SẮC LỆNH CÔNG BỐ

Chúng ta được gọi để là những môn đệ của Chúa Giêsu Kitô, là những chứng nhân cho Vương quốc và là những nhà truyền giáo cho giới trẻ khi sống kinh nghiệm đoàn sủng mà Chúa Thánh Thần đã khởi lên trong Giáo hội qua Don Bosco.

Việc đào luyện để sống đời tu sĩ tông đồ Salêdiêng tìm được một hướng dẫn vững chắc trong văn kiện có tính chuẩn mực này: “Việc Đào Luyện Những Người Salêdiêng Don Bosco. Những Nguyên Lý và Quy Tắc” và trong “Các Tiêu Chuẩn và Quy Tắc Để Phân Định Ôn Gọi Salêdiêng. Việc Tiếp Nhận” một văn kiện bổ sung cho văn kiện trên. Thực vậy, cuốn Ratio “triển khai cách có hệ thống và đúng sự phạm toàn bộ các nguyên tắc và quy luật của việc đào luyện có trong Hiến Luật, Quy chế Tổng quát cũng như các văn kiện khác của Giáo hội và Tu hội” (QC 87).

Tổng Tu Nghị (TTN) 24 đòi phải duyệt xét và cập nhật bản Ratio được công bố năm 1985 (TTN 24, 147). Khi thực thi yêu cầu này, TTN xem xét những chỉ dẫn của Giáo hội về đời sống thánh hiến và thừa tác vụ linh mục; sau khi phát hành ấn bản Ratio trên, những chỉ dẫn này mới được đưa ra, cách riêng những tông huấn Vita Consecrata và Pastores Dabo Vobis. TTN ấy cũng để ý đến những thách đố của việc rao giảng Tin mừng và hội nhập văn hóa, có ảnh hưởng đáng kể trên một ơn gọi vốn mang tầm vóc quốc tế trong những bối cảnh đa dạng; TTN đó cũng để ý đến những khía cạnh mới của kinh nghiệm về ơn gọi Salêdiêng được các Tu Nghị mới đây nhấn mạnh, đến nhu cầu phải đáp ứng thích đáng những đòi hỏi của ngày nay và những vấn đề của đào luyện. Đồng thời, khi nhìn nhận sự vững chắc cốt yếu của cơ cấu, những tiêu chuẩn và chỉ dẫn trong cuốn Ratio năm 1985, các thành viên TTN nhấn mạnh nhu cầu cần phải nhất quán hơn nữa trong việc chuyển dịch Ratio thành những việc cụ thể trong đào luyện.

Khi thi hành việc duyệt xét này, các thông số của công việc mà TTN24 đề ra được trung thành tuân giữ; đồng thời những nhận định và đề xuất đến từ các Tỉnh dòng và các chuyên viên trong lãnh vực này cũng được xem xét cẩn thận.

Vì thế, sau khi được Ban Tổng Cố vấn phê chuẩn như được Hiến Luật 132 §4 qui định, do thẩm quyền thuộc về chức vị của tôi, nhờ sắc lệnh này, hôm nay ngày 8 tháng 12 năm 2000, lễ trọng kính Đức Maria Vô nhiễm Nguyên tội, tôi công bố văn kiện “VIỆC ĐÀO LUYỆN CỦA NGƯỜI SALÊDIÊNG DON BOSCO, CÁC NGUYÊN LÝ VÀ QUI TẮC” “Ratio Fundamentalī Instituionis et Studiorum” ấn hành lần thứ ba, và phải được toàn Tu hội Salêdiêng trung thành tuân giữ. Văn kiện này có hiệu lực theo Qui luật phổ quát. Việc công bố này cũng trải rộng đến văn kiện “CÁC TIÊU CHUẨN VÀ QUI TẮC PHÂN ĐỊNH ƠN GỌI SALÊDIÊNG. VIỆC TIẾP NHẬN,” được tu chỉnh cho phù hợp với Ratio.

Văn kiện Ratio mà tôi trao cho anh em biểu lộ Tu hội quan tâm chăm sóc đến tặng phẩm nhận được cũng như đến ơn gọi của từng hội viên; nó mời gọi mỗi người Salêdiêng hằng ngày đáp lại tiếng Thiên Chúa gọi để cam kết “đào luyện liên tục chính mình cho xứng hợp” (HL 96); Ratio này mời gọi mỗi Tỉnh dòng theo dõi ơn gọi của từng hội viên trong những hoàn cảnh và giai đoạn cuộc sống khác nhau để thực thi trách nhiệm của Tỉnh dòng đối với đoàn sủng và để nâng đỡ kinh nghiệm Salêdiêng trong những cộng thể địa phương.

Tôi ký thác văn kiện căn bản này cho Đức Maria Vô nhiễm Phù hộ các Giáo hữu hầu “Bà Giáo của Don Bosco” có thể khởi hứng, nâng đỡ và hướng dẫn việc đào luyện của chúng ta cũng như giúp chúng ta theo đuổi sự thánh hiến tông đồ của chúng ta cho thanh thiếu niên bằng cách canh tân niềm vui và sự trung thành; sự thánh hiến tông đồ ấy là cách thức chúng ta vượt đến sự thánh thiện” (HL 2) và sự hoàn thành chính chúng ta trong Chúa Kitô (x. HL 22).

Roma, ngày 8 tháng 12 năm 2000

Cha Juan Edmundo Vecchi,

Bề Trên Cả.

HIỆU ĐÍNH VĂN KIẾN *RATIO*

VỀ GIAI ĐOẠN TIỀN TẬP

Roma, ngày 22 tháng Bảy, 2009

Prot. 09/0787

Kính gửi:

Cha Giám tỉnh

Thông tin tới:

Ủy viên Đào luyện Tỉnh

VỀ: Bản văn “*Ratio*” về Tiền tập viện được hiệu đính

Cha Giám tỉnh thân mến,

*Vào ngày 16 tháng 7, Bề Trên Cả với Ban Tổng Cố vấn đã phê chuẩn bản trình bày mới của *Ratio* về Tiền Tập viện mà tôi đính kèm với lá thư này.*

1. Những động cơ hiệu đính

*Theo Dự phóng sinh động và cai quản trong thời kỳ sáu năm bắt đầu từ tháng 9 năm 2008, Ban ngành Đào luyện khởi sự một tiến trình để duyệt xét bản văn “*Ratio*” về Tiền Tập viện. Mục đích là giúp từng Tỉnh dòng thực thi sự lượng giá nghiêm chỉnh về kinh nghiệm đào luyện của Tiền Tập viện khi ghi chú những điểm yếu cũng như điểm mạnh của nó.*

Cùng một lúc ta cũng muốn nhận diện sự chia sẻ một số hướng dẫn mới hầu kiện cường hơn nữa giai đoạn này, vốn tiếp tục là yếu kém và không tập

trung tốt đẹp vào những mục tiêu cơ bản là sự trưởng thành nhân bản, thâm tín kinh nghiệm về đức tin Kitô hữu, về sự chín muồi của chọn lựa ơn gọi và phân định ơn gọi.

Sự tiến bộ đã được thực hiện trong phẩm chất của kinh nghiệm đào luyện thời Tiền Tập, nhưng nó vẫn không đủ. Sự yếu kém của Tiền Tập viện chắc chắn có những hậu quả trên tất cả những giai đoạn đào luyện khác. Thực tế, trong đào luyện ban đầu, sự mỏng dòn/đổ vỡ ơn gọi tiếp tục tồn tại.

2. Tiến trình hiệu đính

Theo TTN26, với sự tham khảo các Điều phối viên đào luyện của Vùng, Ban ngành Đào luyện chuẩn bị một bản nháp đầu tiên để hiệu đính bản văn về Tiền Tập viện. Trong những Ủy ban Đào luyện Vùng được triệu tập giữa tháng Chín và Mười Một năm 2008, những ấn tượng đầu tiên được thu thập lại và những đề xuất được trao ban về cách thức công việc này phải được đảm nhận.

Sau đó, vào tháng Ba năm 2009 hầu hết các Ủy ban Đào luyện Tỉnh đã gửi những lời đáp của mình. Vào tháng Năm và Sáu, Ban ngành Đào luyện học hỏi những câu trả lời từ các Tỉnh dòng và chuẩn bị một bản văn được hiệu đính mới mà nay được học hỏi, nhập hiệp và được Bề Trên Cả cùng Ban Tổng Cố vấn phê chuẩn.

3. Những thay đổi trong hiệu đính

Bản văn được hiệu đính đã giữ cùng những số; nó liên quan đến cùng một độ dài; nó đã đơn giản hóa “những hướng dẫn và nguyên tắc để thực hành”. Những thay đổi được đưa vào so với “Ratio” trên hết nhìn đến sự kiện rằng trong Tu hội, theo HL 109 và TTN26, có một sự chú ý mới được ban cho sự đồng hành ơn gọi và cho thời tu sinh trước thời tiền tập: số 329. Ta nhấn mạnh hơn đến tiến trình trưởng thành nhân bản, tới sự trợ giúp được chuyên viên tâm lý mang lại, và tới gia đình: số 332. Mối liên hệ với Đức Giêsu chiếm chỗ trung tâm, điều ấy được nhấn mạnh thêm nữa khi làm hành trình đức tin, huấn giáo, đào luyện lương tâm, dẫn vào sự linh hường: số 339.

Những khía cạnh về đào luyện tri thức cũng được duyệt xét, cũng như cộng thể đào luyện, kinh nghiệm cộng thể, đội ngũ đào luyện và vị linh

hương: các số 342, 344, 345. Có những thêm thắt quan trọng về việc chăm sóc sức khỏe, lao động tay chân, trò chơi và thể thao, những phương thế cá nhân và đa phương tiện, âm nhạc và chơi nhạc cụ, kịch nghệ và những hình thức diễn đạt của giới trẻ: các số 333, 336, 337, 342. Ta nhấn mạnh hơn nữa sự lượng giá về sự thích hợp đối với đời sống thánh hiến Salêdiêng và cần chú tâm hơn nữa đến sự thích hợp ơn gọi, cũng như làm cho các tiền tập sinh can dự vào tiến trình phân định: số 346. Cuối cùng có sự trình bày lại về “những hướng dẫn và nguyên tắc để thực hành” tránh những lặp lại quá mức của bản văn trước: các số 348-356.

Nay bản văn này được trao phó cho Tỉnh dòng, cách riêng cộng thể Tiền Tập viện, cho Ủy ban Đào luyện Tỉnh, cho Ban Cố vấn Tỉnh hầu nó được học hỏi, và trên hết, để trong năm 2010 kế hoạch Tỉnh dòng về Tiền Tập viện có thể được duyệt xét lại, trên cơ sở của bản văn mới này.

Tôi hy vọng rằng công việc này sẽ kiện cường và mang lại phẩm chất tốt đẹp hơn cho giai đoạn đào luyện này. Tôi cảm ơn anh em vì sự cộng tác chân thành và gửi đến anh em lời cầu chúc tốt đẹp nhất.

Trong Don Bosco,

Cha Francesco Cereda

Tổng Cố vấn Đào luyện

HIỆU ĐÌNH “RATIO”
VỀ ĐÀO LUYỆN BAN ĐẦU CỦA SALÊDIÊNG SƯ HUYNH

Roma, ngày 18 tháng Giêng, 2012

Prot. 12/0071

Kính gửi

Cha Giám tỉnh

Gởi đến

Ủy viên Đào luyện Tỉnh dòng

***Về: Hiệu đình “Ratio” về đào luyện ban đầu của
Salêdiêng Sư huynh***

Cha Giám tỉnh và Ủy viên thân mến,

Sau khi học hỏi trong Ban ngành Đào luyện, một sự tham khảo trong các Tỉnh dòng và một nghị quyết của Ban Tổng Cố vấn, vào ngày 13 tháng Giêng năm nay Bề Trên Cả cùng với Ban Cố vấn ngài phê chuẩn một số thay đổi cho bản văn “Ratio” về đào luyện của người Salêdiêng sư huynh.

Một trong bốn yếu tố cần để cổ xúy sự trân trọng và tăng trưởng của hình thức giáo dân thuộc ơn gọi thánh hiến Salêdiêng chúng ta là một phẩm chất đào luyện cao. Thực thế, ngoài việc đào luyện, “sự chăm sóc và tiến bộ của ơn gọi Salêdiêng sư huynh” đòi hỏi một hiểu biết sâu rộng về căn tính ơn gọi, tinh “khả giác” của người Salêdiêng sư huynh, và sự cố xúy ơn gọi ấy (x. AGC382, Roma 2003, pp. 29-43).

TTN26 cống hiến một cái nhìn mới về ơn gọi của người Salêdiêng sư huynh trong chủ đề then chốt thứ ba bằng cách miêu tả tính độc đáo của ơn gọi thánh hiến Salêdiêng trong hai hình thức. Những tình trạng mới cũng đòi hỏi những lời đáp trả thích đáng trong việc đào luyện người Salêdiêng sư huynh. Và như thế, một số thay đổi trong “*Ratio*” trở thành cần thiết cho toàn Tu hội. Ở đây tôi sẽ cho anh em một cái nhìn tổng quát về những thay đổi mà anh em sẽ tìm thấy trong bản đính kèm với lá thư này.

1. Một trình bày tổng quát [toàn diện] về tiến trình đào luyện

Thông thường trong quá khứ, đào luyện Salêdiêng sư huynh đầy bất trắc. Những ứng biến xảy ra dưới dạng uyển chuyển. Vì nhiều lý do khác nhau của ơn gọi và đào luyện, một cái nhìn toàn diện về tiến trình bắt đầu cảm nhận là cần thiết. Chính cái nhìn toàn diện này nay đã được trình bày, khi vẫn ghi nhớ rằng đào luyện Salêdiêng, dù sư huynh hay linh mục, là “*duy nhất trong nội dung cốt yếu song lại khác biệt trong những diễn đạt cụ thể.*” (HL 100).

Trong số 323 của bản văn được hiệu đính, anh em sẽ tìm thấy một trình bày toàn diện về tiến trình đào luyện của Salêdiêng sư huynh. Những bất trắc quanh những giai đoạn đào luyện bị quét đi, và các ứng sinh của chúng ta nay được cống hiến một bức tranh rõ ràng về đào luyện Salêdiêng sư huynh, vốn xếp ngang tầm quan trọng với đào luyện Salêdiêng tư giáo, mặc dù có những nét đặc trưng riêng. Nay từng Tỉnh dòng phải đặt ra những quyết định thực tiễn về điều này trong phần đào luyện của Nội Quy Tỉnh.

2. Phân định ơn gọi

Cho đến nay một sự thiếu sót nghiêm trọng trong phương pháp đào luyện là ít chú tâm đến khía cạnh phân định ơn gọi liên quan đến hai hình thức của ơn gọi thánh hiến Salêdiêng. Điều này phần nhiều được bỏ mặc cho cá nhân; ta không nhắc nhở về những tiêu chuẩn khách quan; và ta không rút lấy sự phân biệt về sự đóng góp của mỗi giai đoạn cho chính sự phân định.

Bây giờ ngược lại, anh em sẽ tìm thấy tầm quan trọng được dành cho sự phân định. Trước tiên, ta khuyến khích rằng, sau khi trình bày trong

Tiền tập viện về đời thánh hiền Salêdiêng trong hai hình thức và sự hiện diện của một Salêdiêng sư huynh trong đội ngũ đào luyện (số 345), tất cả các tập sinh phải thực hiện một sự phân định trong tập viên về ơn gọi Salêdiêng của họ như linh mục hay sư huynh tương lai (số 371, 384), đang khi nhờ đến và học hỏi những dấu chỉ được cống hiến trong những số 84-87 của “Các Tiêu chuẩn và Quy tắc”.

Đối với Salêdiêng sư huynh, sự phân định tiếp tục – trong thời hậu tập viện, khi thầy phải nhận diện cánh đồng làm việc để thực thi sứ mệnh Salêdiêng ở đó trong tương lai (số 417); trong sự chọn lựa thầy phải làm về trình độ chuyên môn/ nghiệp vụ để được đạt tới, tốt nhất là trước thời tập vụ (số 409, 417, 425); và trong tập vụ, khi thầy được chỉ định tới một khung cảnh trong đó để thực tập trình độ chuyên nghiệp/nghiệp vụ thầy thủ đắc được (số 439).

Hơn nữa, trong khoá chuẩn bị khẩn trộn, các Salêdiêng tư giáo và sư huynh được yêu cầu duyệt lại toàn bộ tiến trình đào luyện để đào sâu những động cơ của mình, cũng về hình thức ơn gọi mà họ đã chọn; sự phân định này được thực hiện trước khi họ bắt đầu đào luyện chuyên biệt, nếu nó phải đi trước khẩn trộn đời (số 512).

Cuối cùng, một tiến trình nghiêm chỉnh và trách nhiệm hơn phải được bắt đầu trong trường hợp một Salêdiêng sư huynh xin đổi ơn gọi trong sự chọn lựa của mình. Tuy nhiên, một trường hợp như thế phải là một luật trừ, và kết luận của tiến trình này sẽ là một quyết định do Bề Trên Cả (số 481).

3. Các môn học

Các môn học được coi là quan trọng đối với Salêdiêng sư huynh. Chúng không được kéo dài vô ích tiến trình đào luyện làm phương hại tới trình độ nghiệp vụ/chuyên môn. Một sư huynh cần một nền tảng triết học và sự phạm cũng như thần học và mục vụ.

Để đạt mục đích này, nay ta dự liệu thực hiện một chương trình tương đương hai năm, hay tối đa ba năm, cho những môn học triết học và sự phạm trong thời hậu tập viện; những môn học này sẽ giúp để hiểu văn

hóa đương thời và thủ đắc những tài khéo/kỹ năng cần thiết trong lãnh vực giáo dục (số 409, 417, 425).

Đào luyện chuyên biệt của Salêdiêng sư huynh, cũng bao gồm những môn thần học và mục vụ, nay được giải thích rõ ràng hơn để tránh bất kỳ sự lẫn lộn nào giữa đào luyện chuyên biệt và trình độ (văn bằng) nghiệp vụ/chuyên môn. Ta minh nhiên nói đến tất cả các Salêdiêng sư huynh cần phải hoàn tất giai đoạn này trong một trung tâm Vùng hay liên Vùng được thiết định cho mục đích này (số 456, 480).

4. Trình độ (văn bằng) chuyên môn

Trong quá khứ mới đây, văn bằng chuyên môn thường bị xao nhãng bởi vì nó không được cấu thành tiến trình đào luyện. Và dù, theo truyền thống chúng ta, thế giới lao động và đào luyện chuyên môn tiếp tục là rất quan trọng, thì không phải tất cả Salêdiêng sư huynh cảm thấy được kéo tới làm việc trong lãnh vực này và vì thế thủ đắc những tài khéo/kỹ năng kỹ thuật cần thiết.

Sự kiện là những nhu cầu của sứ mệnh chúng ta thật là nhiều và đa dạng, vì thế trình độ chuyên môn (văn bằng) trong lãnh vực chuyên môn bao gồm việc thủ đắc những tài khéo/kỹ năng cần thiết để chu toàn các trách vụ trong những lãnh vực khác nhau ngoài việc huấn luyện chuyên môn, chẳng hạn, trường học, truyền thông xã hội, quản trị và điều hành. Một trình độ chuyên môn/văn bằng như thế phải đảm bảo cho người sư huynh một uy tín vốn đặt thầy ngang tầm với một người đời thực thi cùng một nghề nghiệp đó trong xã hội dân sự (số 409).

Văn bằng/trình độ chuyên môn đòi phải được phân định trong thời hậu tập viện (số 409, 417, 425); Nếu có thể, tốt nhất nó được thủ đắc trước thời tập vụ (số 439); và nó có thể được hoàn tất với một sự chuyên hoá nghiệp vụ sau đào luyện chuyên biệt (số 456, 480).

Tôi hy vọng tất cả điều này có thể đóng góp để nâng cao phẩm chất đào luyện được cống hiến cho hình thức này của ơn gọi thánh hiến Salêdiêng.

Ước chi các Salêdiêng sư huynh chúng ta, Chân phước Artemide Zatti, Đấng Đáng kính Simon Scrugì, và Đầy tớ Chúa Stephano Sandor, cầu bầu cho chúng ta và chiếm cho chúng ta từ Thiên Chúa tặng phẩm ơn gọi quý báu này.

Với những lời cầu chúc chân thành,

Trong Don Bosco,

Cha. Francesco Cereda

Tổng Cố vấn Đào luyện

GHI CHÚ CHO ẢN BẢN LẦN THỨ TƯ

*Vài lần trong quá khứ đã có những yêu cầu xin tái bản *Ratio*. Tuy nhiên, căn cứ vào nhiều lao nhọc cũng như thời gian đã được dành cho một trách vụ như thế, cha Pascual Chavez yêu cầu Ban ngành Đào luyện chỉ hiệu đính một vài phần của văn kiện quan trọng này – chương về Tiền Tập viện, và một vài khoản nói về đào luyện ban đầu của Salêdiêng sư huynh. Những hiệu đính này, cho tới nay, chỉ sẵn đó dưới hình thức là những văn kiện riêng rẽ trên website của Tu hội www.sdb.org; chưa bao giờ xuất bản một ấn bản mới nhập hiệp những hiệu đính này.*

*Nay chúng tôi quyết định làm cho sẵn sàng ít nhất trên *online* một bản văn đầy đủ về Đào luyện các người Salêdiêng Don Bosco khi nhập hiệp những hiệu đính này, với bản văn về tiền tập viện được nêu bật bằng màu xanh đậm, và những khoản mới về đào luyện ban đầu của Salêdiêng sư huynh bằng màu xanh nhạt.¹ Hai lá thư của cha Francesco Cereda chứa đựng các bản văn hiệu đính cũng có sẵn đấy trên *online*. Đây là điều mà chúng tôi quy chiếu tới như là ấn bản lần thứ tư.*

Ước chi cha Rua, cùng với Đấng Đáng kính Simon Scrugi chuyển cầu cho chúng ta khi chúng ta chú ý đến các Tổng Tu Nghị mới đây của chúng ta lên tiếng mời gọi kiện cường căn tinh thánh hiến Salêdiêng trong hai hình thức của nó.

Lễ kính Don Rua, ngày 29 tháng Mười, 2016

Ivo Coelho, St. Don Bosco

Tổng Cố vấn Đào luyện

¹ Vì giới hạn của việc in ấn tại Việt nam, nên bản dịch tiếng Việt này chỉ dùng một kiểu chữ cho ấn bản *Ratio* 2016. Ấn bản để in này không thể dùng màu để phân biệt. Trong bản *digital*, chúng tôi sẽ giữ theo các màu của ấn bản tiếng Anh *Ratio* 2016.

PHẦN MỘT

ĐÀO LUYỆN

SALÊDIÊNG NÓI

CHUNG

Cuộc sống môn đệ theo Chúa mà chúng ta ôm ấp là một hồng ân của Chúa Cha, Đấng hiến thánh chúng ta bằng ơn Thần khí của Ngài và sai chúng ta đi làm tông đồ cho thanh thiếu niên.

Với việc tuyên khấn tu trì, chúng ta tự hiến mình cho Thiên Chúa để bước theo Đức Kitô và cùng Ngài làm việc xây dựng Nước Chúa. Sứ mệnh tông đồ, cộng thể huynh đệ và việc thực hành các Lời Khuyên Phúc Âm là những yếu tố bất khả phân của sự thánh hiến chúng ta; chúng được sống trong một động lực tình yêu duy nhất đối với Thiên Chúa và anh em.

Sứ mệnh đem lại sắc thái cụ thể cho toàn thể hiện hữu của chúng ta, chỉ rõ nhiệm vụ chúng ta trong Hội Thánh và xác định chỗ đứng của chúng ta giữa các gia đình tu sĩ (HL 3).

CHƯƠNG I

ĐÀO LUYỆN SALÊDIÊNG

TRONG NHỮNG HOÀN CẢNH HIỆN NAY

RATIO

1.1 On gọi và đào luyện: một tặng phẩm được hân hoan tiếp nhận và nuôi dưỡng

1. *On gọi Salêdiêng* là một tặng phẩm của Thiên Chúa đâm rễ trong phép Thánh Tẩy. Đó là một tiếng gọi để như Don Bosco trở thành những môn đệ Chúa Kitô và hình thành những cộng thể làm chứng cho tình yêu của vị Mục Tử nhân lành đối với giới trẻ. “*Chúng ta đáp lại tiếng gọi này trong nỗ lực đào luyện thích đáng và liên tục, một công việc mà Chúa hằng ban ơn sủng mỗi ngày.*”¹ Bằng cách trung thành đáp lại ơn gọi của mình mỗi người Salêdiêng tìm được lối đường hoàn thành chính mình trong Chúa Kitô và lối đường đạt tới sự thánh thiện.²

“*Chúa Giêsu đã kêu gọi các Tông đồ từng người một để ở lại với Ngài và sai đi công bố Tin mừng. Ngài kiên trì và yêu thương, chuẩn bị họ và ban cho họ Thánh Thần để dẫn dắt họ tới sự thật trọn vẹn. Ngài cũng kêu gọi cả chúng ta nữa để sống kế hoạch của Đấng Sáng Lập của chúng ta trong Giáo hội là nên tông đồ của các người trẻ.*”³

Điều mà các môn đệ đầu tiên đã kinh nghiệm khi họ gặp gỡ Đức Giêsu và con đường mà họ tiến bước khi chia sẻ đời sống của ngài, chấp nhận mâu nhiệm của con người ấy, ôm ấp mục tiêu là Vương quốc của ngài và tán thành kiểu sống Tin mừng được ngài đề xướng cũng là kinh nghiệm của mọi Salêdiêng và là con đường họ theo đuổi.

¹ HL 96.

² x. HL 2. 22.

³ HL 96.

Đào luyện là vui tươi chấp nhận tặng phẩm ơn gọi của mỗi người và hiện thực nó vào mỗi thời khắc cuộc đời của họ và trong mọi hoàn cảnh. Đào luyện là một ân sủng của Thần khí, là thái độ cá nhân, là một sự giáo dục cho sự sống.

1.2 Nhìn vào Don Bosco, Đấng Sáng Lập và nhà giáo dục, và nhìn vào thực tại của tu hội

2. *Don Bosco đã là một môn đệ chân chính của Chúa Kitô.* “Thật sâu xa là người của Thiên Chúa, đầy tràn ân huệ của Chúa Thánh Thần, ngài đã sống “như thể nhìn thấy Đấng Vô hình.”⁴ Nhiệt tình đối với Vương quốc, phục vụ Giáo hội, và đáp lại những nhu cầu thời đại – đây là những nét tiêu biểu trong cuộc đời của Don Bosco, trong đó ngài nghiệm rõ Đức Mẹ Vô nhiễm, Phù hộ các Giáo hữu, luôn hiện diện và nâng đỡ.

Giới trẻ và ơn cứu độ của chúng là ơn gọi cũng như sứ mệnh của ngài và là lãnh vực ngài liên lý quan tâm. Vì chúng, Thần khí đổ xuống trên ngài tấm lòng của một người cha và thầy, có khả năng tự hiến hoàn toàn: “Cha đã nguyện hứa với Chúa là cho đến hơi thở cuối cùng cha vẫn sống cho các trẻ em nghèo khổ của cha.”⁵ Don Bosco tìm được căn tính đời sống mình nơi *tình ưu ái dành cho giới trẻ*, nhất là những em nghèo khổ nhất, nơi mỗi quan tâm ngài dành cho giới lao động và nơi trọng trách truyền giáo.

Don Bosco vui tươi sống ơn gọi này, ý thức rằng tặng phẩm ngài nhận được là để *thông truyền cho những người khác*. Vào mọi thời khắc, ngài có thể gọi lên sự tham gia và chia sẻ trách nhiệm.⁶ Nhiều người chia sẻ tinh thần và sứ mệnh của ngài, sống chung trên một bình diện rộng lớn của các ơn gọi. Bằng cách này, ngay từ đầu, đoàn sủng Salêdiêng trở thành một cộng thể, một gia đình, một phong trào.⁷

Don Bosco, Đấng Sáng Lập, *muốn một cộng thể gồm những người được thánh hiến ở tại trung tâm của công cuộc của ngài*. Đó là những

⁴ HL 21.

⁵ x. HL 1.

⁶ x. TTN 24, 71.

⁷ x. TTN 24, 48-49.

người muốn hoàn toàn hiến cuộc đời mình để thành những nhà giáo dục và truyền giáo của giới trẻ, đặc biệt những em nghèo nhất, sống trong những cộng thể huynh đệ và tông đồ, và theo Đức Giêsu trong sự vâng phục, nghèo khó và thanh khiết của Ngài.⁸ Được khởi hứng từ sự tốt lành và nhiệt tình của thánh Phanxicô Salê, Don Bosco gọi họ là những người Salêdiêng.⁹

3. Ý thức trách nhiệm đối với đặc sủng mà Đức Chúa ký thác cho mình, Don Bosco hiến mình để *ưu tiên đào luyện những người con cái tiên khởi của mình*. “Người ta không thể nghĩ Don Bosco là một Đấng Sáng Lập mà không cùng lúc nghĩ ngài là một nhà giáo dục.”¹⁰

Việc đào luyện là mối quan tâm thường hằng và là nỗ lực lớn nhất của ngài, từ thời kỳ của Nguyễn xá khi ngài chọn giữa đám trẻ của mình những em rớt cục có hy vọng ở lại với ngài, cho tới những năm cuối cùng cuộc đời ngài khi ngài mạnh mẽ khuyên nhủ các Giám đốc, Giám tỉnh và các vị truyền giáo hăng hái làm việc cho và huấn luyện các ơn gọi.¹¹ Don Bosco không giới hạn mình vào việc tìm kiếm những cộng sự viên, nhưng mời gọi họ tới một mức nào đó trở thành môn đệ và thầy dạy cùng một lúc, thành những người cùng với ngài “sáng lập” một Tu hội mới.¹²

4. Hiến Luật chúng ta xác quyết: “Những người Salêdiêng tiên khởi đã tìm được nơi Don Bosco người hướng đạo vững chắc. Được hội nhập vào sức sống của cộng thể hoạt động của ngài, họ học khuôn rập đời sống mình theo đời sống ngài.”¹³

“Khởi đầu một đoàn sủng”¹⁴ mà ngài sống theo kiểu của Hệ thống Dự phòng, Don Bosco sống:

- Để phổ biến cho các con cái thiêng liêng của mình ngọn lửa “*da mihi animas*”, một nhiệt tình đối với sứ mệnh giữa những người

⁸ x. TTN 24, 149-150.

⁹ x. HL 4.

¹⁰ ISM 359.

¹¹ *ibid.*

¹² x. TTN 23, 159; DSM 23.

¹³ HL 97.

¹⁴ DSM 23.

trẻ và một niềm vui nội tâm sinh ra do bởi tận hiến cho Vương quốc qua làm việc và hy sinh;

- Để cống hiến cho họ một môi trường phong phú các giá trị và những mối tương giao, được xây dựng trên sự tín nhiệm lẫn nhau và sự tự do nội tâm;

- Để đồng hành với họ theo từng cá nhân bằng cách giáo dục họ tới một kinh nghiệm đơn sơ nhưng sâu xa về Thiên Chúa, bằng cách cống hiến cho họ một tiến trình trưởng thành hóa được nhập thể trong đời sống thường nhật của họ, bằng cách mở ra trước họ những chân trời rộng lớn và bằng cách làm cho họ chịu trách nhiệm về dự phóng tông đồ của họ.

Trong việc cổ võ ơn gọi và trong công việc lâu dài là huấn luyện các môn đệ của mình, Don Bosco cùng một lúc đòi phải kiên nhẫn, cứng rắn song cũng uyển chuyển.

Việc đào luyện Salêdiêng có nghĩa là đồng nhất chính mình với ơn gọi mà Thần khí đã khơi lên qua Don Bosco, là sở đắc khả năng của ngài để chia sẻ ơn gọi ấy với những người khác, và rút được sự hứng khởi từ thái độ và phương pháp đào luyện của ngài.

5. *Tu hội Salêdiêng* mang lấy một kinh nghiệm độc đáo của Thánh Thần trong Giáo hội, một kinh nghiệm được Don Bosco đã từng sống; nó tiếp nối một cách sáng tạo dự phóng và tinh thần của ngài trong lịch sử.¹⁵ Ngay từ nguồn cội cho đến hôm nay Tu hội đã sống và nuôi dưỡng kinh nghiệm đó với niềm yêu mến và liên lý trung thành; Tu hội cũng nỗ lực thông truyền kinh nghiệm đó theo nhiều phương cách, nhất là bằng cách chăm sóc các ơn gọi và dẫn thân vào việc đào luyện. Trong thời hậu công đồng, Tu hội đã mãnh liệt nỗ lực cách riêng để trung thành và canh tân chính mình; bằng chứng của điều này là tiến trình duyệt lại Hiến Luật và những suy tư và hướng dẫn của các Tổng Tu Nghị.

Ngày nay Tu hội mang tính cách phổ quát trong diện mạo và cội nguồn của mình. Thánh Thần đã ban cho những đặc sủng của ngài cái khả năng để sinh hoa trái vì phần ích của các người trẻ; Ngài tiếp

¹⁵ x. MuR 11.

tục khơi lên những người muốn “ở lại với Don Bosco” và sống sứ mệnh Salêdiêng trong đời sống tu sĩ thánh hiến. Tu hội hiện diện khắp thế giới, được tháp vào trong rất nhiều bối cảnh nhân loại, văn hóa, tôn giáo và mục vụ; nơi đó, Tu hội đối diện với những trạng huống khác nhau: bắt đầu hay tái thiết, kiên định hay phát triển, định hướng lại hay tái định vị. Những bối cảnh cũng rất đa biệt trong đó các ơn gọi trời hiện và phát triển; số lượng, bối cảnh và chiều sâu của ơn gọi cũng khác biệt.

Vì vậy, khi nói về việc đào luyện Salêdiêng chúng ta phải để ý xét đến thực tại của *một ơn gọi được sống trong những cách thức khác nhau trên bình diện thế giới*; chúng ta phải xét đến “Don Bosco trong thế giới” đặc thù này – cách tri ơn, trách nhiệm và thực tế.

Bằng cách này ơn gọi Salêdiêng cho thấy một căn tính đang tiến hóa liên tục: trong khi vẫn là một, ơn gọi ấy canh tân chính mình khi trung thành một cách sáng tạo và liên lý nhập thể chính mình. Tăng trưởng trong đặc sủng của Don Bosco và cố gắng trung thành với nó: đây là đào luyện; điều này tuyệt đối là ưu tiên nền tảng cho Tu hội hôm nay và cho mọi Salêdiêng, giống như nó đã từng là như vậy cho chính Don Bosco trong thuở ban đầu.

1.3 Những điểm quy chiếu cho việc đào luyện hiện nay

6. Để đạt được những mục tiêu của mình, ngày nay việc đào luyện cần tập trung vào một vài điểm. Nó phải hiểu biết bối cảnh trong đó một ơn gọi phát triển, phù hợp với Giáo hội và dễ dạy đối với sự hướng dẫn của Giáo hội, chạm đến kinh nghiệm của Tu hội về đoàn sủng Salêdiêng và gắn bó với mô hình đào luyện mà Tu hội đề xướng.

1.3.1 Hiểu biết bối cảnh: những ảnh hưởng và thách đố chủ chốt

Kinh nghiệm của mỗi người về ơn gọi và đào luyện của mình được đánh dấu bằng bối cảnh nhân bản và lịch sử mà họ thuộc về và trong đó họ phải hoạt động; nó là một *kinh nghiệm “bị bối cảnh hóa.”*¹⁶ Khung cảnh và những nhu cầu hội nhập văn hóa và rao giảng Tin mừng đòi hỏi rất nhiều ở mỗi hình thức của đời sống tu sĩ và sứ mệnh

¹⁶ x. MuR 11.

tông đồ và có một ảnh hưởng sâu xa trên chúng. Những bối cảnh văn hóa khác nhau mang đến những ảnh hưởng và thách đố chủ chốt liên quan đến khái niệm và sự phát triển của con người đó cũng như việc đào luyện của họ.

Đối diện với thực tại đòi hỏi và lượng giá này, dẫn thân vào một việc phân định và có thể *đáp lại với sự trợ giúp của một chiến lược sự phạm thích đáng* trở thành bó buộc. Hiểu biết những bối cảnh khác nhau và những vấn đề chúng nêu lên, và hiểu biết những đòi hỏi phải có cho bất kỳ ai muốn sống ơn gọi của mình trở thành trách nhiệm của mỗi hội viên và là bổn phận của những người can dự vào sự sinh động hóa và đào luyện những ơn gọi. Tạo nên một kinh nghiệm đào luyện thích đáng đòi phải xem xét kỹ càng đến bối cảnh của mỗi người.

Điều này còn cần thiết hơn nữa trong một tình trạng vốn phức tạp, phân mảnh và liên tục đổi thay, cũng như đối với một Tu hội ngày càng trở nên phổ quát hơn và đa văn hóa hơn.

7. Trên bình diện của Giáo hội và Tu hội, có những khóe nhìn tổng quát về thực tại hiện hành và những cất nhắc sắc sảo về một vài tình trạng đặc thù. Chúng ta nói đến điều này ở đây hầu như mạnh đến *mối quan tâm thường hằng đối với việc đào luyện* vốn phải thấm nhập Tu hội ở bình diện thế giới, và trong những bối cảnh khác nhau mà các Tỉnh dòng, cũng như những người có trách nhiệm về việc đào luyện: vấn đề là phải xem xét cẩn thận và phân định đúng đắn những tình trạng liên quan đến đào luyện ban đầu và liên tục.

Những mục tiêu và phương pháp luận của việc đào luyện phải luôn hòa hợp với việc đọc ra những tình huống văn hóa theo phương diện mục vụ, và những người phụ trách đào luyện phải trở thành có khả năng đối thoại vốn để ý cả hai yếu tố đó.¹⁷

Ý thức rằng không thể chỉ có một lối trình bày mà thôi bởi vì các tình trạng thật đa dạng, chúng ta phải chú ý đến một vài thách đố đang nổi lên trong những bối cảnh khác nhau và ảnh hưởng chặt chẽ đến kinh nghiệm về ơn gọi.

¹⁷ x. TTN 24, 246.

- Ngày nay ai nấy đều nhìn nhận phẩm giá độc đáo và thánh thiêng của nhân vị, nhưng chúng ta bắt gặp những tình trạng trong đó một sự tán dương cá nhân quá đáng dẫn đến chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa cá nhân.

- Có một ý thức ngày một lớn về phẩm giá cũng như vai trò của người nữ trong việc xây dựng xã hội mới, nhưng trong nhiều nơi, người nữ vẫn bị lạm dụng và bóc lột dưới những cách thức khác nhau; vì thế người nữ nhận được sự luận bàn lưỡng giá.

- Ngày nay người ta nhấn mạnh đến khía cạnh phái tính, nhưng cũng thường là theo một cách thức hàm hồ hay bị bóp méo; vì thế cần phải có những nhân cách lành mạnh và trưởng thành.

- Đa nguyên đã là một thực tại rộng khắp tại nhiều nơi. Nó có thể biến thành một sự phong phú, nhưng nó đòi ai nấy phải có một cảm thức mạnh mẽ về căn tính và có thể làm những quyết định trưởng thành; nếu không, có nguy cơ rơi vào chủ thuyết tương đối và tư duy yếu kém.

- Người ta dành một tầm quan trọng đáng kể cho giá trị của tự do, và có một sự tăng trưởng trong nhận thức rằng điều ấy có thể được đảm bảo chỉ qua một lương tâm được huấn luyện hẳn hoi.

- Tính phức tạp hiện có của thế giới và của đời sống có xu hướng tới sự phân mảnh và làm cho việc sống một đời sống đời hòa hợp tốt đẹp thật khó khăn.

- Khuôn mẫu của sự thay đổi liên tục, sự thúc đẩy hướng tới việc toàn cầu hóa và sự nhấn mạnh của các ngôi vị và các nhóm đến việc bảo tồn căn tính của mình đòi hỏi một lập trường phê phán và một sự quân bình, với việc đặt nền trong nền văn hóa của chính mình, mặc dầu với sự rộng mở chính đáng.

- Trong lãnh vực tôn giáo, người ta ghi nhận một ao ước ngày càng lớn về linh đạo và về Thiên Chúa, trong khi đàng khác có những lãnh vực rộng lớn trong đó những giá trị tôn giáo ngày càng trở thành không thích đáng và ít hệ quả trong đời sống của dân chúng.

- 8.** Bản miêu tả này về những yếu tố tích cực và nhiều khi âm vang sâu xa trong tâm hồn mọi người, và nhất là ảnh hưởng trên việc đào luyện

của những người ôm ấp ơn gọi tới đời sống thánh hiến, dẫu họ trẻ hay không còn trẻ. Ta nhất thiết phải tra vấn về loại “*tình trạng giới trẻ*” trong đó các ơn gọi ngày nay nảy sinh và mối tương giao giữa những tiêu chuẩn và những mẫu đời sống mà tình trạng đó đề xuất cũng như dự phóng đời sống thánh hiến Salêdiêng. Không thể có một câu trả lời đồng bộ cho những câu hỏi này bởi vì “những tình trạng giới trẻ” quá đa dạng, và những người bắt đầu việc đào luyện ban đầu của mình mang lấy nơi họ những kinh nghiệm rất khác nhau về gia đình, văn hóa, tôn giáo, việc làm, học hành và giao tiếp với những người Salêdiêng; hơn nữa, những lối đường họ bước theo ơn gọi của họ khác biệt quá sâu rộng.

Chúng ta hãy gọi nhắc một ít nét đặc trưng vốn thích đáng đặc biệt từ quan điểm đào luyện:

- Những người trẻ muốn là những kiến trúc sư cuộc đời của mình, nhưng những chân trời của họ thường rất hạn hẹp và họ kinh nghiệm thật là khó khăn để làm những quyết định dứt khoát có tầm vóc lâu dài hay suốt đời, những quyết định đời phải kiên trì và hy sinh.
- Những người trẻ nhạy bén trước những giá trị của nhân vị, nhưng đồng thời cũng bị xã hội tiêu thụ thu hút.
- Họ có xu hướng bảo vệ sự tự do của mình, nhưng thiếu những điểm quy chiếu vững chắc và bị những thay đổi mau lẹ tác động, họ có thể biến thành những nhân cách vô định hướng, không được đào luyện đầy đủ và thiếu sự nhất quán trong tâm lý.
- Cách riêng trong lãnh vực phái tính họ bị ảnh hưởng bởi cách thức dân chúng hành xử trong những môi trường trong đó họ sinh sống; khía cạnh cảm xúc cũng ảnh hưởng nhiều trên họ.
- Họ thường rút lấy thông tin, sự hiểu biết về thực tại và giá trị của chúng từ thế giới của truyền thông xã hội. Họ không có một cảm thức mạnh về lịch sử, và vì thế họ có khuynh hướng coi trọng những gì là tức thời.
- Trong những mối giao tiếp thường nhật họ thường rộng mở, chân thành và sẵn sàng thông giao. Họ uyển chuyển, chịu đựng và dễ dàng thích ứng với những tình huống mới mẻ. Nói chung họ có thể quảng

đại và phục vụ những người thiếu thốn, và một số trong họ ở trong những phong trào thiện nguyện; tuy nhiên, những kinh nghiệm tích cực này cần được hòa hợp với đời sống của họ, nếu không chúng vẫn còn ở trong ngõách.

- Khi ấn tượng giáo dục và Tin mừng hóa của gia đình và học đường suy yếu dần, thì thời hiện đại đầy phức tạp khiến cho việc tạo được một sự duy nhất trong đời sống của con người và kéo dài tiến trình lớn lên tới mức trưởng thành và căn tính cá nhân quả là khó khăn.

- Người trẻ nhạy cảm đối với tôn giáo. Họ tìm kiếm Thiên Chúa và những giá trị mang đến ý nghĩa cho cuộc đời họ. Họ cảm thấy cần khoa linh đạo và cầu nguyện, nhưng họ luôn luôn thấy rằng vừa theo đuổi những trào lưu trong xã hội và đồng thời lại nội tâm hóa mối tương giao của họ với Thiên Chúa không dễ dàng gì.

1.3.2 Kinh nghiệm và những hướng dẫn của Giáo hội

9. Ý thức về những thách đố của thời hiện tại và trung thành với sự canh tân được công đồng mở ra, Giáo hội *dứt khoát học hỏi những hình thức khác nhau của ơn gọi thánh tầy*, và cho thấy làm thế nào những ơn gọi loại biệt khác nhau hòa hợp với nhau và làm giàu cho nhau trong một khoa Giáo hội về sự hiệp thông.

Trong bối cảnh này Giáo hội:

- Cổ xúy canh tân ý thức về *ơn gọi của người giáo dân* và mời gọi mỗi người nhắm đến một đời kitô hữu có phẩm chất tốt hơn, một đời sống vững chắc hơn, cá vị hơn và có khả năng đối thoại với văn hóa.¹⁸

- Công hiến một sự hiểu biết sâu xa hơn về đời sống thánh hiến và chỗ đứng của đời sống ấy trong Giáo hội. Giáo hội đòi phải sống đời thánh hiến cách chân chính và trung thành với đoàn sủng và như một chứng từ ngôn sứ mà thế giới hôm nay rất cần.¹⁹

¹⁸ x. Gioan Phaolo II, *Christifideles Laici*, 1988 (THĐGM 1987).

¹⁹ x. Gioan Phaolo II, *Vita Consecrata*, 1996 (THĐGM 1994).

- Một lần nữa suy tư về thừa tác vụ linh mục, nêu bật sự phục vụ của họ đối với Dân Chúa và họ cần phải cải thiện những mối liên hệ và thông giao trong công việc mục vụ.²⁰

Giáo hội làm nổi bật lên khía cạnh chứng tá và tông đồ của ơn gọi kitô hữu. Giáo hội muốn mỗi người can dự vào việc rao giảng Tin mừng cách mới mẻ, vào canh tân động lực truyền giáo và vào cuộc đối thoại giữa đức tin và văn hóa. Được tháp nhập tích cực vào những trạng huống đa văn hóa và đa tôn giáo trong những bối cảnh xã hội khác nhau, Giáo hội công hiến những trực giác sâu xa hơn vào những động cơ và cách thức để hội nhập đức tin vào văn hóa, để khai phá cuộc đối thoại đại kết và liên tôn, để diễn tả sự liên đới với thế giới, và nhất là, để cổ xúy công bằng và hòa bình.

10. Đối với Giáo hội, đào luyện có phẩm chất cao và thích đáng với thời đại là chìa khóa [mấu chốt] để canh tân và sinh động các ơn gọi. Trong khi đề xướng đào luyện là một ưu tiên mang tính chiến lược và là một sự cam kết thường hằng, Giáo hội chú ý đến một vài yếu tố rất quan trọng: một căn tính rõ ràng liên quan đến ơn gọi và đặc sủng, một đào luyện mang tính chất hữu vị và đồng thời được chia sẻ với những người khác, một chương trình đào luyện để ý đến những nét đặc trưng của những ứng sinh mới cũng như bối cảnh nhân sinh và văn hóa biến chuyển nhanh chóng, và một đào luyện liên tục vốn giữ cho nhiệt tâm và sự trung thành của một người với ơn gọi luôn sống động.

Một vài văn kiện mới đây công hiến những tiêu chuẩn, những hướng dẫn và những chỉ thị cho việc đào luyện. Sau đây là một số trong những văn kiện đó: *Vita consecrata*,²¹ *Potissimum institutioni* (Những chỉ dẫn về việc đào luyện trong các dòng tu),²² Sự cộng tác liên dòng về đào luyện,²³ *Pastores dabo vobis*,²⁴ *Ratio*

²⁰ x. Gioan Phaolo II, *Pastores Dabo Vobis*, 1992 (THĐGM 1990).

²¹ Gioan Phaolo II, *Vita consecrata*, Roma, 25/3/1996.

²² Thánh bộ lo về các hội sống đời thánh hiến và những Tu hội của đời sống tông đồ, 1990.

²³ Thánh bộ lo về các hội sống đời thánh hiến và những Tu hội của đời sống tông đồ, 1999.

²⁴ Đức Gioan Phaolo II, *Pastores dabo vobis*, Roma, 25/3/1992.

Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis (chương trình căn bản về việc đào luyện linh mục),²⁵ và những chỉ dẫn về việc chuẩn bị những nhà giáo dục cho các chủng viện.²⁶

1.3.3 Kinh nghiệm và những hướng dẫn của Tu hội

11. *Tu hội đã phải đáp ứng lại* những thay đổi văn hoá mau lẹ, thế giới tuổi trẻ, những khích lệ và tình trạng của chính Giáo hội trong thế giới. Con đường mà Tu hội đã theo trong những thập niên mới đây chứng thực Tu hội nỗ lực rất lớn để canh tân hiểu biết của mình về đoàn sủng, để tái khởi động sứ mệnh và rộng mở cho việc canh tân.

Một vài khía cạnh của ơn gọi đã là đối tượng *cho những nhấn mạnh mới*: từ ý nghĩa của sự thánh hiến tông đồ tới sự hiểu biết được canh tân về Hệ thống Dự phòng, từ cảm nhận cần đến một linh đạo tới một kinh nghiệm cộng thể, từ một văn hóa căn bản đến đào luyện liên tục, từ một ý thức về các ơn gọi biệt loại tới những tương giao bổ sung và hỗ trợ trong gia đình Salêdiêng, từ một khả năng để làm cho người giáo dân tham gia đến vai trò sinh động hóa của những người Salêdiêng trong cộng đoàn giáo dục và mục vụ.

Những thách đố mới nảy sinh từ trạng huống của các cộng thể chúng ta, từ khuôn mẫu lao động mới²⁷ và môi liên hệ mới mẻ với những người giáo dân, từ một cảm thức mạnh mẽ hơn về tính cùng-với-nhau trong gia đình Salêdiêng, từ những biên cương mới của sứ mệnh chúng ta và những tình trạng mới của sự nghèo khổ, và từ nhu cầu phải diễn đạt một sứ điệp qua các công cuộc của chúng ta.

12. Mỗi người Salêdiêng được gọi để *đáp lại những thách đố này*, và Tu hội mạnh mẽ bị buộc phải mang lại sự canh tân về kinh nghiệm Salêdiêng chân chính cũng như một đào luyện mà giúp cho các hội viên và các cộng thể trở thành:

- Những người mang lấy một căn tính Salêdiêng rõ ràng và có một phẩm chất cao về kinh nghiệm thiêng liêng và tông đồ;

²⁵ Thánh bộ lo về giáo dục công giáo, 1985.

²⁶ Thánh bộ lo về giáo dục công giáo, 1993.

²⁷ x. TTN 24, 39.

- Được nhận diện rõ ràng nhờ hiệp nhất, khi theo gương Don Bosco, người đã đạt được “một sự hài hòa tuyệt diệu giữa tự nhiên và ân sủng”²⁸

- Có thể phân định những trạng huống và phản ứng cách tích cực, và như thế, có khả năng sáng tạo trong lãnh vực mục vụ và khơi mào những dự phóng ý nghĩa vì phần ích của những người trẻ;

- Ý thức về vai trò của mình như hạt nhân sinh động trong một mạng lưới chia sẻ trách nhiệm với những người giáo dân; mạng lưới ấy là cộng đoàn giáo dục và mục vụ;

- Ý thức rằng ơn gọi Salêdiêng là một ơn gọi rộng mở để chia sẻ sứ mệnh và đoàn sủng của mình với một Gia đình thiêng liêng và một Phong trào vốn được khởi hứng từ Don Bosco, là cha và thầy.

Tất cả điều này đòi buộc rằng chúng ta phải khuyếch trương một kế hoạch hành động thực tiễn để đào luyện những người Salêdiêng cho Giáo hội và thế giới hôm nay.

- 13.** Bản văn *Hiến Luật*, được Giáo hội chính thức phê chuẩn, là nền tảng vững chắc mà theo đó lối đường của sự trung thành với ơn gọi chúng ta phải vạch ra và phải tổ chức công việc đào luyện.

TTN và Bề Trên Cả thực thi trách nhiệm và thẩm quyền của mình trong việc đảm bảo sự hiệp nhất tinh thần; họ công hiến phương thế thích hợp để chăm sóc, bảo vệ và phát triển đặc sủng, và đề xuất những chỉ dẫn có tính qui phạm đặc thù hầu đoan chắc rằng việc đào luyện của các phần tử có thể đáp ứng những đòi hỏi của ơn gọi chung.

Dựa trên những chỉ dẫn của *Hiến Luật*, các *TTN*, và các *Bề Trên Cả*, Tu hội đã đưa ra *những văn kiện khác* nhằm đào sâu kinh nghiệm Salêdiêng và chỉ ra phương cách để vun xới nó. Chẳng hạn, những văn kiện này là sách bình giải *Hiến Luật*²⁹ và những bản văn về thực hành giáo dục và mục vụ (*praxis*), phận vụ chúng ta phải thực thi

²⁸ HL 21.

²⁹ *Kế hoạch đời sống của những người Salêdiêng Don Bosco. Một hướng dẫn cho Hiến Luật Salêdiêng*, Roma 1986.

trong Gia đình Salêdiêng, và việc Giám tỉnh và Giám đốc thực thi quyền bính.³⁰

Giữa những bản văn chính thức, cuốn *Ratio* (“**Việc đào luyện những người Salêdiêng Don Bosco**”) là một văn kiện có tầm quan trọng độc đáo. Nó chỉ ra cách thức để lưu truyền đoàn sủng của Don Bosco “hầu các thế hệ tương lai sẽ sống đoàn sủng ấy cách toàn vẹn, trong những văn hóa và địa dư khác nhau,” và nó cũng cắt nghĩa cho người Salêdiêng “làm thế nào để sống tinh thần đó trong những giai đoạn cuộc đời khác nhau trên đường đạt tới sự trưởng thành đức tin sung mãn trong Chúa Kitô.”³¹

1.4 *Ratio*: Mục đích, nội dung và những người mà tài liệu này gọi đến

1.4.1 Mục đích của *Ratio*

14. Hiến Luật nói: “Đoàn sủng Đấng Sáng Lập là nguyên lý cho sự hiệp nhất của Tu hội và nhờ sự phong phú của nó, đoàn sủng này là nguồn phát sinh những lối sống khác nhau của ơn gọi Salêdiêng duy nhất. Cho nên việc đào luyện cùng một lúc *phải vừa thống nhất về nội dung chính yếu vừa khác biệt trong cách diễn tả cụ thể*: tiếp nhận và triển khai tất cả những gì là chân thật, là cao quý, là chính đáng chứa đựng trong các nền văn hóa khác nhau.”³²

Từ quan điểm này *Ratio Fundamentalis Institutionis et Studiorum* là một dụng cụ để rèn đức căn tính ơn gọi và là một sự phục vụ đặc biệt cho việc đào luyện vừa duy nhất vừa phân quyền. Nó “trình bày và triển khai cách hệ thống và đúng sự phạm *toàn bộ các nguyên tắc và quy luật của việc đào luyện* có trong Hiến Luật, Quy chế Tổng quát và các văn kiện khác của Giáo hội và Tu hội;”³³ nó chứa đựng những chỉ dẫn và những quy luật tổng quát vốn phải hướng dẫn các Tỉnh dòng khi qui định cách thức mà công việc đào luyện phải được thực thi, đang khi luôn ghi nhớ những đòi hỏi của bối cảnh văn hóa.

³⁰ x. Phụ lục 4 ở dưới đây về những tài liệu quan trọng cho đào luyện.

³¹ VC 68.

³² HL 100.

³³ QC 87.

Cuốn *Ratio* là một chỉ nam thực tiễn và bảo đảm nhằm diễn tả những lý tưởng mà Don Bosco đã để lại cho chúng ta như gia sản của ngài. Nó công hiến *những qui tắc thực hành* và trình bày một tổng hợp của những điều kiện, những phương pháp sư phạm và những tiến trình mà phải đặc trưng hóa việc đào luyện trên cấp thế giới.³⁴ Trong cuốn *Ratio* ta tìm thấy nền tảng của tính duy nhất cho mọi sự đa nguyên hợp pháp theo cách thức chỉ đạo công việc đào luyện và chương trình học hỏi.

15. Chính TTN21 đã đòi buộc phải soạn thảo cuốn *Ratio* Salêdiêng. Ấn bản đầu tiên được phát hành năm 1981; lần thứ hai được chuẩn bị vào năm 1985 sau khi bộ Giáo luật được phát hành và Giáo hội châu phê dứt khoát bản văn Hiến Luật Salêdiêng được canh tân. *Bản văn hiệu đính hiện tại* được TTN24³⁵ yêu cầu trong ánh sáng của những thách đố mới trong việc rao giảng Tin mừng và hội nhập văn hóa, và để đáp lại sự cam kết được canh tân cho việc đào luyện vốn đã từng nổi lên mãnh liệt từ việc phân tích tình trạng của Tu hội và từ việc nghiên cứu học hỏi sâu xa hơn chủ đề của Tu nghị ấy.³⁶

1.4.2 Cấu trúc và nội dung của *Ratio*

16. Cuốn *Ratio* gồm hai phần với bốn phụ lục.

Phần thứ nhất khai mào với một chương nhằm nêu bật vài khía cạnh đào luyện Salêdiêng trong những hoàn cảnh của thời nay và tuyên bố mục đích của *Ratio* (ch.1). Tiếp theo là một trình bày về căn tính ơn gọi Salêdiêng: khởi điểm và mục tiêu của đào luyện (ch. 2), những chiều kích của đào luyện cùng với một bản miêu tả về một vài giá trị và thái độ mà ơn gọi Salêdiêng đòi hỏi (ch.3), và một vài chiến lược cho một phương pháp luận để đào luyện (ch.4).

Phần thứ hai tập trung vào tiến trình đào luyện được nhìn từ quan điểm đào luyện liên tục. Sau phần giới thiệu vốn phác họa những nét đặc trưng của tiến trình đào luyện (ch.5), ta lần lượt trình bày những thời kỳ hay những giai đoạn khác nhau của việc đào luyện ban đầu

³⁴ x. VC 68.

³⁵ TTN 24, 147.

³⁶ x. TTN 24, 244.

cho tới tuyên khẩn trọn đời; và nêu ra bản chất và mục đích, những nét đặc trưng riêng và một ít điều kiện cần thiết (ch.6-11) cho từng giai đoạn ấy. Chương cuối cùng bàn đến đào luyện liên tục (ch.12).

Bốn *Phụ lục* hoàn tất tài liệu. Hai phụ lục công hiến những đề nghị để thảo ra phần về đào luyện của Nội Quy Tỉnh dòng và Kế hoạch Đào luyện của Tỉnh dòng. Phụ lục thứ ba chứa đựng những chỉ dẫn cho chương trình học hành. Và phụ lục bốn trình bày một vài văn kiện quan trọng về đào luyện.

1.4.3 Những người mà *Ratio* hướng đến

17. Cuốn *Ratio* là một bản văn được trao cho tất cả những người *Salêdiêng*. Trong đó họ tìm thấy Tu hội quan tâm đến sự thánh thiện và huấn luyện các hội viên của mình. Cách riêng, những hội viên trong đào luyện sẽ tìm được ở đây một lời mời và một động lực để cá nhân tăng trưởng trong việc đồng nhất hóa với ơn gọi *Salêdiêng* của mình và để ôm ấp những cam kết của họ cách hoàn toàn ý thức.

Một cách đặc biệt, cuốn *Ratio* được ký thác cho các *Tỉnh dòng* và trực tiếp liên quan đến Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài, các Giám đốc cộng thể, Ủy viên Tỉnh và Ủy ban Đào luyện, những người chịu trách nhiệm về đào luyện, và tất cả những ai sinh động ơn gọi, đào luyện ban đầu và liên tục.

Phù hợp với những nguyên lý và những tiêu chuẩn chung được *Ratio* đề ra, qua những cơ quan khác nhau trong việc sinh động hóa và quản trị, mỗi *Tỉnh dòng* có bốn phần soạn thảo “cách thức thực hiện việc đào luyện theo những nhu cầu của bối cảnh văn hóa riêng và phù hợp với những chỉ dẫn của Giáo hội và Tu hội.”³⁷ Trách nhiệm này thường hằng đòi phải suy tư và đối thoại giữa căn tính *Salêdiêng* và bối cảnh văn hóa. Trong lãnh vực này sự cộng tác giữa các *Tỉnh dòng* có những hoàn cảnh tương tự với nhau phải được cổ võ.

18. Đối với một *Tỉnh dòng*, vốn là chính cộng thể chịu trách nhiệm hội nhập đoàn sủng *Salêdiêng* vào văn hóa, thì chấp nhận tinh thần và tâm trí của *Ratio* có nghĩa là thiết lập một bầu khí và não trạng đào

³⁷ HL 101; x. ISM 363.

luyện trên bình diện Tỉnh dòng, một sự phục vụ sinh động hóa và cai quản vốn phù hợp với sự ưu tiên thật sự dành cho việc chăm sóc các ơn gọi, và một *nhóm hội viên* – thông thường là Ủy viên Đào luyện Tỉnh và Ủy ban Đào luyện Tỉnh – những người này thật sự có khả năng tư duy, lượng giá và đề ra những đề xướng để cứu xét. Một nhóm như thế, hoạt động tùy thuộc vào Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài, sẽ chịu trách nhiệm sinh động hóa và phối hợp việc đào luyện trên những bình diện khác nhau.

Tỉnh dòng sẽ biểu lộ trách nhiệm của mình về *Ratio* bằng cách soạn thảo:

- *Phần về việc đào luyện trong Nội Quy Tỉnh dòng*, trong đó nó chuyển đổi những chính sách và đòi hỏi của *Ratio* thành những qui tắc chính xác, khi áp dụng chúng vào trạng huống địa phương;³⁸

- *Kế hoạch Đào luyện của Tỉnh dòng*, một kế hoạch về đào luyện ban đầu và liên tục chứa đựng những mục tiêu, những nhu cầu cấp bách, những ưu tiên và một đường lối hoạt động cụ thể – phù hợp với *Ratio* – những điều này được bố trí theo, và được dựa trên, một sự lượng giá hợp thời và căn kẽ về tình trạng đào luyện. Kế hoạch ấy dựng xây một tiến trình đào luyện tiệm tiến và hữu cơ, cho phép một sự chứng nghiệm và liên lý thích ứng với các tình trạng, và ngăn chặn sự ứng biến và những quan tâm tức thời.³⁹

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

19. “Đoàn sủng của Đấng Sáng Lập là nguyên lý cho sự hiệp nhất của Tu hội và nhờ sự phong phú của nó, đoàn sủng này là nguồn phát sinh những lối sống khác nhau của ơn gọi Salêdiêng duy nhất. Cho nên việc **đào luyện** cùng một lúc phải vừa **thống nhất** về nội dung chính yếu vừa **khác biệt** trong cách diễn tả cụ thể: tiếp nhận và triển

³⁸ x. QC 87; ISM 365.

³⁹ x. ISM 366.

khai những gì là chân thật, là cao quý, là chính đáng chứa đựng trong các nền văn hóa khác nhau."⁴⁰

*Đa nguyên trong cách thức làm cho việc đào luyện Salêdiêng được hiệu quả phù hợp với những nhu cầu của một bối cảnh văn hóa đặc thù*⁴¹ *đòi hỏi đoàn sủng phải là nền tảng của sự duy nhất.*

20. *Cuốn 'Ratio Fundamentalis Institutionis et Studiorum' là "Hướng dẫn thực tiễn cho việc đào luyện trên cấp thế giới; còn trên cấp Tỉnh là Nội Quy Tỉnh được Bề Trên Cả phê chuẩn với sự ưng thuận của Ban Cố vấn ngài.*

Cuốn Ratio đề ra một cách có hệ thống và đúng sự phạm toàn bộ các nguyên tắc và quy luật của việc đào luyện có trong Hiến Luật, Quy chế Tổng quát và các văn kiện khác của Giáo hội và Tu hội."⁴²

Cuốn Ratio là một văn kiện phục vụ cho sự hiệp nhất và sự phân quyền của đào luyện trong Tu hội. Vì thế, nó công hiến những định hướng, và là chuẩn mực trong những chỉ thị thực hành của nó, ở bất kỳ nơi đâu chúng được tìm thấy. Nó phải dùng như một nền tảng cho phần về đào luyện của Nội Quy Tỉnh, cho chương trình học hành và cho Kế hoạch Đào luyện của Tỉnh dòng.

21. *Giám tỉnh và Ủy viên Đào luyện Tỉnh lo liệu để tất cả hội viên quen thuộc với cuốn Ratio và tập sách nhỏ "Các tiêu chuẩn và Quy tắc phân biệt ơn gọi Salêdiêng. Việc tiếp nhận." Hai văn kiện này phải trở thành điểm quy chiếu thường hằng cho những ai có trách nhiệm trong lãnh vực đào luyện và ơn gọi, do các vai trò khác nhau của mình (Ban Cố vấn Tỉnh và những sinh động viên, các Giám đốc, những người liên can đến công việc đào luyện, các cha giải tội, v.v.)*
22. *Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài chịu trách nhiệm hàng đầu để sinh động công cuộc đào luyện. Mọi Tỉnh dòng phải đảm bảo rằng đào luyện được thực thi cách hữu cơ, hệ thống và được điều phối*

⁴⁰ HL 100.

⁴¹ x. HL 101.

⁴² QC 87.

như một sự phục vụ vốn lưu tâm đến những tình huống khác nhau, có suy tư, kế hoạch và lượng giá.

Thông thường, Ủy viên và Ban Đào luyện Tỉnh đảm trách sự phục vụ này, trong đồng ý và dưới trách nhiệm của Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài.

23. *“Qua các cơ quan khác nhau có nhiệm vụ cố võ và cai quản, cộng thể Tỉnh có bốn phận ấn định cách thức thực hiện việc đào luyện theo những đòi hỏi của bối cảnh văn hóa riêng, phù hợp với những đường hướng của Giáo hội và Tu hội.”⁴³*

Phần về đào luyện trong Nội Quy Tỉnh, được Tu Nghị Tỉnh⁴⁴ đề ra và được Bề Trên Cả phê chuẩn cùng với sự đồng thuận của Ban Cố vấn ngài, “áp dụng những nguyên lý và qui tắc của việc đào luyện Salêdiêng [được Ratio đề ra] vào những tình huống địa phương cụ thể.”⁴⁵

Mỗi Tỉnh dòng hãy đều đặn lượng giá – thông thường qua Ủy ban Đào luyện Tỉnh, hay nếu xét là thích hợp, phù hợp với chức năng riêng của mình, qua Tu Nghị Tỉnh – sự thực thi thực tiễn lãnh vực đào luyện trong Nội Quy Tỉnh dòng. Giám tỉnh sẽ gửi báo cáo này cho Vị Cố vấn Đào luyện.

24. *Phù hợp với Nội Quy Tỉnh dòng, Giám tỉnh hãy đảm bảo việc trình bày **Kế hoạch Đào luyện Tỉnh** là một thiết kế hoạt động trong lãnh vực đào luyện ban đầu và liên tục. Kế hoạch đó phải gồm chứa những tiêu chuẩn, những mục tiêu, những chiến lược và những đường nét hành động. Nó phải đem lại một sự chia sẻ trách nhiệm và một sự tiếp cận dần dần với bình diện hoạt động và đề ra những dạng thái để chứng nghiệm. Nó phải là hoa quả của suy tư cộng thể về những hướng dẫn đào luyện của Giáo hội và Tu hội.*

⁴³ HL 101.

⁴⁴ x. HL 171,4

⁴⁵ QC 87.

CHƯƠNG 2

KHỞI ĐIỂM VÀ MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC ĐÀO LUYỆN CỦA CHÚNG TA: CĂN TÍNH SALÊDIÊNG CỦA CHÚNG TA

25. “Luật sống của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô... Chúng ta khám phá ra Ngài hiện diện nơi Don Bosco, người đã hiến đời mình cho thanh thiếu niên.”¹ *Xác quyết này trong Hiến Luật chúng ta tóm kết ơn gọi Salêdiêng của chúng ta: chúng ta phải đồng hành đồng dạng chính mình với Chúa Giêsu Kitô và tiêu hao đời mình cho giới trẻ, như Don Bosco đã làm.* Tất cả đào luyện của chúng ta, cả ban đầu lẫn liên tục, hệ tại ở việc thủ đắc và hiện thực căn tính này nơi những cá nhân và trong cộng thể. Những nỗ lực của mọi ứng sinh và hội viên, hoạt động của sinh động viên, và toàn bộ công việc đào luyện, được hướng tới cùng đích này.

Vì lẽ này, căn tính Salêdiêng chúng ta là nền tảng của sự duy nhất và việc thuộc về Tu hội có tầm rộng lớn quốc tế. Nó là *trung tâm của tất cả đào luyện chúng ta*, là nguồn mạch của tiến trình đào luyện và là điểm qui chiếu liên lý. Nó là tiêu chuẩn quyết định cho việc phân định ơn gọi.

2.1 Căn tính chúng ta là những người Salêdiêng

26. Don Bosco, Đấng Sáng Lập, “là người của Thiên Chúa và người của giới trẻ”; ngài là một con người của Giáo hội và một con người của thời đại ngài, là người sinh động một lối linh đạo tông đồ. Don Bosco ấy đối với chúng ta những người Salêdiêng không chỉ là một ai đó để ta liên lý qui chiếu đến, nhưng cũng là mẫu đời sống chúng ta. Chúng ta tìm được một lối sống chân chính căn tính Salêdiêng chúng ta nơi chính kinh nghiệm của Don Bosco về ơn gọi của mình và nơi kinh nghiệm của cộng thể đầu tiên tại Valdocco. Trong Hiến Luật được

¹ HL 196.

Giáo hội châu phê, chúng ta có được sự trình bày thẩm quyền nhất, khi diễn đạt Tu hội chúng ta ý thức về đoàn sủng của mình.

Nơi Don Bosco và Hiến Luật Salêdiêng chúng ta tìm được những yếu tố xác định “lối sống và hành động độc đáo”² mà Chúa Thánh Thần đã khơi lên trong Giáo hội; nơi đó chúng ta tìm được “hình thức chuyên biệt của đời tu”³ trong đó “chúng ta tìm được con đường nên thánh cho mình.”⁴ Bằng cách gọi chúng ta là Salêdiêng, Don Bosco muốn nhấn mạnh đến sự gần gũi thiêng liêng và mục vụ với thánh Phanxicô Salê, là vị thánh mà Don Bosco từng ca ngợi sự tốt lành và nhiệt tình mục vụ của ngài.⁵

Điều chân thật đối với Don Bosco cũng là thật đối với mọi Salêdiêng: khi ta sống ơn gọi của mình, việc đó được đồng nhất với hành trình thực tế của mỗi người xuyên qua cuộc đời, thì nó trở thành nơi chốn gặp gỡ giữa sáng kiến của Thiên Chúa và nỗ lực của con người.⁶ Một lần nữa, đối với Don Bosco cũng như đối với mỗi người Salêdiêng, ơn gọi cá nhân được liên kết chặt chẽ với ơn gọi của cộng thể; chính cộng thể ấy là người mang lấy đoàn sủng và chịu trách nhiệm về sứ mệnh.

2.1.1 Một dự phóng của đời sống thánh hiến tông đồ

27. Hiến Luật nói rằng ơn gọi Salêdiêng diễn tả đặc biệt ơn gọi thánh tẩy; việc tuyên khấn tu trì gọi nhắc và xác nhận ơn gọi ấy, “cho nó một lối diễn tả thâm sâu hơn và tròn đầy hơn”.⁷

Dấu đảm bảo cho đời sống của một Salêdiêng như là một môn đệ của Đức Chúa là **sự thánh hiến tông đồ** của họ. Nó là một ân sủng của Chúa Cha, đáng thánh hiến họ bằng ơn Thần khí của Ngài, tháp họ vào trong Chúa Kitô, và trong Giáo hội trao cho họ việc xây dựng Vương quốc Ngài bằng cách nên một dấu chỉ và người mang tình yêu của Ngài dành cho giới trẻ, cách riêng những em nghèo nhất.⁸

² HL 10.

³ HL 2.

⁴ *ibid.*

⁵ x. HL 4. 9.

⁶ x. HL 1.

⁷ HL 23.

⁸ x. HL 3; J. Vecchi, “The Father Consecrates and Sends Us” AGS 365 (1998).

Trong hành vi *tuyên khấn tu trì*, sự thánh hiến tông đồ của chúng ta tìm được lối diễn tả hùng hồn nhất của nó. Nó là “một dấu chỉ về cuộc gặp gỡ tình yêu giữa Chúa Đáng kêu gọi và người môn đệ kẻ đáp trả qua việc tự hiến trọn vẹn cho Chúa và anh chị em của mình.”⁹

28. Trong khi tặng phẩm Thánh Thần – đoàn sủng Salêdiêng – thực hiện một sự đồng hình dạng với Chúa Kitô, nó tạo nên một ý thức rõ nét về Tin mừng; ý thức này *thấm nhập toàn bộ đời sống của người Salêdiêng*, phong thái thánh thiện của họ và sự chu toàn sứ mệnh:¹⁰

- *Ân ban này làm nổi bật cuộc gặp gỡ của họ với Thiên Chúa*: mối tương giao của họ với Chúa Cha mà hằng ngày họ kinh nghiệm tình cha và lòng thương xót của Ngài; với Chúa Con, là vị Tông Đồ của Chúa Cha và là Mục Tử nhân lành, Đáng họ tìm cách để đồng nhất ngày một hơn; và với Chúa Thánh Thần, từ Ngài họ kín múc ân sủng để nên thánh và sức mạnh để trung thành.

- *Ân ban này đánh dấu mối tương giao của họ với Thân Mình Chúa Kitô, tức Giáo hội*: họ yêu mến Giáo hội, cảm thấy mình là một phần tử sống động của Giáo hội, và cần mẫn làm việc để Giáo hội lớn lên;¹¹

- *Ân ban này nêu bật lên một vài khía cạnh đặc thù trong bình diện tu đức*, những khía cạnh mà chúng ta có thể minh định bằng những từ ngữ then chốt sau: làm việc, tiết độ, lòng thương mến, sự lão luyện về giáo dục, và mối tương quan huynh đệ;¹²

- *Ân ban này mang đến một cung giọng Thánh mẫu nào đó cho đời sống của họ*, kéo họ vào mối tương quan với Đức Maria Vô nhiễm, Phù hộ các Giáo hữu, là mẫu mực cho lối thiêng của họ và nâng đỡ ơn gọi của họ. Họ chiêm ngắm Đức Maria là môn đệ của Đức Chúa đã thưa tiếng “xin vâng” đối với kế hoạch nhập thể. Họ theo bước Mẹ như Mẹ cộng tác trong công trình cứu chuộc và biểu tượng hóa Giáo hội;

⁹ HL 10.

¹⁰ x. HL 10-11.

¹¹ x. HL 13.

¹² x. AGC 357, p. 17-18.

- *Ân ban này quyết định nhãn quan của họ về thế giới chung quanh và vai trò họ phải can dự trong đó.*

29. Người Salêdiêng theo Chúa Kitô bằng cách hiện thực *kế hoạch tông đồ của Don Bosco.*¹³

“Cùng một tiếng gọi Chúa Kitô mời gọi chúng ta bước theo ngài trong công trình cứu chuộc và qua kiêu sống thanh khiết và nghèo khó mà ngài chọn cho chính mình; chúng ta, với một lời đáp trả của tình yêu và ân sủng của Chúa Thánh Thần, theo gương các tông đồ, tự ý bỏ mọi sự và cùng nhau liên kết trong cộng thể, hầu làm việc tốt đẹp hơn cho ngài và cho Vương quốc. Vì thế, sự *thánh hiến Salêdiêng là một và không phân chia*: một cách không thể tách chia, nó vừa là tông đồ vừa là tu sĩ.”¹⁴

Do đó người Salêdiêng hoàn toàn hiến mình cho Thiên Chúa, Đấng họ yêu mến trên hết mọi sự, và cho kế hoạch cứu độ của Ngài. Cuộc sống họ khởi từ một kinh nghiệm sâu xa về Thiên Chúa và những thách đố liên quan đến việc thi hành sứ mệnh.¹⁵ *Họ được thánh hiến cho sứ mệnh vốn mang lại sắc thái cho đời sống của họ.*¹⁶ Tiếng Thiên Chúa gọi đạt tới họ khi họ sống sứ mệnh giữa giới trẻ: thông thường đó chính là nơi chốn mà họ bắt đầu theo Chúa Kitô. Những tài năng (tặng phẩm) họ nhận được nơi sự thánh hiến được thực thi, bộc lộ và phát triển trong sứ mệnh. Một chuyển động tình yêu duy nhất kéo họ tới Thiên Chúa và hướng họ đến với giới trẻ.¹⁷ Họ chuyển hoạt động giáo dục của mình giữa giới trẻ thành một hành vi thờ phượng và một nơi gặp gỡ tiềm tàng với Thiên Chúa.

Chính trong “*ơn hiệp nhất*”¹⁸ mà những yếu tố cốt yếu thuộc “*dự phóng*” Salêdiêng của đời sống thánh hiến được hợp nhất lại.

¹³ x. HL 96.

¹⁴ *The Project of Life of the Salesians of Don Bosco*, p. 107.

¹⁵ x. TTN24, 152; VC 73.

¹⁶ x. HL 3.

¹⁷ x. HL 10.

¹⁸ TTNĐB 127.

2.1.1.1 Được sinh động do đức ái mục tử để nên nhà giáo dục và mục tử của giới trẻ

30. Điều làm cho đời sống của người Salêdiêng cũng như của Don Bosco nổi bật lên chính là *sự ưu ái dành cho giới trẻ*, và giữa những người trẻ đó, họ lại ưu ái hơn những kẻ “nghèo, bị bỏ rơi và đang gặp nguy hiểm.”¹⁹ Sự phục vụ giới trẻ khiến cho toàn cuộc đời họ thành duy nhất. “Chỉ cần các con là trẻ thì đủ để cha yêu mến các con thật nhiều.”²⁰ “Vì các con cha học, vì các con cha làm việc, vì các con cha sống, vì các con cha sẵn sàng hiến mạng sống của mình nữa.”²¹

Sự ưu ái dành cho giới trẻ và sự tự hiến cho chúng theo sau đó – những nét riêng biệt của Don Bosco và của mọi Salêdiêng – xuất phát từ **đức ái mục tử**, nghĩa là, từ “một tình yêu hiệp thông đặc biệt với Chúa Kitô”²², chứ không chỉ từ mối quan tâm của một nhà giáo dục hay của một con tim quảng đại của một ai đó nhạy cảm trước những nhu cầu của chúng.

Trong tình yêu mục tử, tình yêu dành cho Chúa Kitô như vị Mục Tử Nhân Lành và cho giới trẻ, người Salêdiêng tìm được chương trình sống của mình, lối đường nên thánh, sự nhập thể của giao ước của họ với Thiên Chúa và của ý chí để trở nên đồng hình dạng với Chúa Kitô. Chính xuyên qua giới trẻ mà Đức Chúa đi vào để chiếm chỗ nhất trong đời sống của người Salêdiêng, và những khát vọng của Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc tìm được âm vang trong tâm hồn của họ, *Da mihi animas, coetera tolle*, tâm hồn tạo thành yếu tố thống nhất toàn cuộc đời họ.

31. Nơi Don Bosco tình yêu mục tử đảm nhận một sự chuyên biệt hóa hơn nữa là *tình yêu giáo dục*. Nó bộc lộ ra như một tình yêu được nhân vị hóa và sờ chạm được, liên quan đến ơn cứu độ toàn diện của những người trẻ. Đối với một số, tình yêu đó cung cấp cơm bánh, với một số khác nó cung ứng nghiệp vụ và sự thăng tiến về văn hóa; cho tất cả

¹⁹ HL 2; x. TTNĐB 47; TTN19, p. 101.

²⁰ G. Bosco, *Il Giovane Provveduto*, x. *Opere Edite* II, LAS Rome, p. 187.

²¹ HL 14.

²² VC 15.

mọi người, tình yêu đó cung cấp một lối đường khai mở họ tới chân lý, thôi thúc chính họ phát triển một sự tự do có trách nhiệm, và dẫn họ đến gặp gỡ Đức Giêsu phục sinh.

Khi làm việc với *Nguyện xá như là mẫu mực* của mình, người Salêdiêng đáp ứng những nhu cầu của giới trẻ bằng cách khai mào một loạt các hoạt động và công cuộc; mỗi thứ đó đều là “một mái nhà”, “một trường học”, “một giáo xứ” và “một sân chơi”.²³ Tinh thần quảng đại và sáng tạo của họ nhân danh Tin mừng là cách thức họ là [sống] Giáo hội và chuyển thành những dự phóng về giới trẻ có ý nghĩa cho cả Giáo hội và xã hội.

32. Hơn nữa, “đam mê tông đồ của họ, được nhiệt tình tươi trẻ thấp sáng”²⁴ tạo nên một cung điệu đặc thù cho việc họ phục vụ giới trẻ: được gọi là “*trái tim nguyện xá*”, đam mê đó tỏ lộ chính mình trong một phương pháp mà Don Bosco đặt tên là **Hệ thống Dự phòng**; Hệ thống này dựa trên lý trí, tôn giáo và lòng thương mến.²⁵ Rút lấy sự hứng khởi từ gương sáng và lời dạy của Don Bosco, người Salêdiêng sống Hệ thống Dự phòng như một kinh nghiệm thiêng liêng, sự phạm và mục vụ.²⁶ Việc họ giao tiếp với giới trẻ được ghi dấu do sự thân tình và sự hiện diện tích cực và bằng hữu²⁷ vốn cổ xúy quyền lãnh đạo. Người Salêdiêng vui vẻ chấp nhận những lao nhọc và hy sinh mà việc tiếp xúc với những người trẻ hàm ẩn. Họ thâm tín rằng qua chúng họ tìm được con đường tới sự thánh thiện.

Sự cam kết ưu tiên này cho những người trẻ phù hợp tuyệt vời với *công việc mục vụ giữa những tầng lớp lao động*²⁸ (giáo dục-đức tin của những người bình dân, đặc biệt bằng *truyền thông xã hội*²⁹ và hoạt động truyền giáo bằng việc công bố sứ điệp Tin mừng giữa các dân tộc mà Tin mừng chưa chạm đến.³⁰

²³ x. HL 40.

²⁴ SGC 89.

²⁵ x. HL 38.

²⁶ x. HL 20.

²⁷ x. HL 39.

²⁸ x. HL 29.

²⁹ x. HL 6.

³⁰ HL 30.

2.1.1.2 Những phần tử hữu trách của một cộng thể

33. Do ơn gọi, người Salêdiêng là một thành phần sống động của một **cộng thể** địa phương, Tỉnh và thế giới. Họ nuôi dưỡng một cảm thức thuộc về sâu xa từng cộng thể ấy. Người Salêdiêng sống hai khía cạnh của ơn gọi này – khía cạnh cá nhân và cộng thể – trong tình hiệp thông huynh đệ, trong sự hiện thực sứ mệnh và khoa linh đạo của mình.

Don Bosco không phải là người một mình làm mọi sự; ngài tìm cách làm cho những người khác can dự vào và cổ xúy sự cộng tác cũng như chia sẻ trách nhiệm. Ngài rõ ràng ý thức rằng ơn gọi của ngài phải được chia sẻ và chuyển giao cho người khác.

Vì thế, khía cạnh cộng thể là một trong những nét nổi bật nhất của căn tính Salêdiêng. Người Salêdiêng được gọi sống với những anh em được thánh hiến như chính họ để cùng nhau làm việc cho Vương quốc Thiên Chúa giữa những người trẻ. Hiến Luật xác quyết: “đối với người Salêdiêng chúng ta, cùng nhau sống và làm việc là một đòi hỏi nền tảng và một đường lối vững chắc để thực hiện ơn gọi chúng ta.”³¹

Trong một tinh thần đức tin và với sự nâng đỡ huynh đệ, người Salêdiêng sống *tinh thần gia đình* trong cộng thể của mình, ngày ngày đóng góp để tăng trưởng tình hiệp thông giữa tất cả các phần tử.

Thâm tín rằng *sứ mệnh* được ký thác cho cộng thể, người Salêdiêng cam kết cùng nhau làm việc với những hội viên theo một kế hoạch toàn diện và một chiến lược chung.

Trong *cầu nguyện cộng thể*, người Salêdiêng hoan hỷ trước nhan Thiên Chúa và chia sẻ những kinh nghiệm thiêng liêng của mình với những người khác.

2.1.1.3 Chứng nhân cho sự triệt để của Tin mừng

34. Được đức ái mục tử và cảm thức về sứ mệnh thúc đẩy, Don Bosco đề xướng cho những người cộng sự của mình một mẫu đời sống hoàn toàn dựa trên những giá trị Tin mừng vốn sẽ minh chứng tình liên đới tích cực với thanh thiếu niên và chứng thực quyền tối cao của

³¹ HL 49.

Thiên Chúa, khi *triệt để làm chứng cho những giá trị của Vương quốc Thiên Chúa trong thế giới giáo dục.*³² Don Bosco “thường lưu ý là việc thi hành trung thực các lời khấn cùng cFó mỗi dây yêu thương huynh đệ và làm cho hoạt động tông đồ nên nhất quán.”³³

Lối sống theo các **lời khuyên vâng phục, nghèo khó và thanh khiết** được đặt nền trên một tình yêu đối với Chúa Kitô và giới trẻ. Với việc chuẩn bị cho một sự trưởng thành nhân bản vững chắc làm nền móng, và được nâng đỡ từ đời sống trong cộng thể và khoa tu đức cá nhân, lối sống đó làm chứng rằng nhu cầu yêu thương, ham muốn sở hữu và tự do định đoạt toàn bộ đời sống mình là những khía cạnh vốn chạm đến những khuynh hướng thâm sâu nhất của bản tính con người, tìm được ý nghĩa tròn đầy nhất trong Chúa Kitô Cứu thế.³⁴ Nó là một kinh nghiệm súc tích những giá trị Tin mừng và nhân bản.

Việc thực hành các lời khuyên phúc âm biểu lộ cách đặc biệt tâm ngôn “*Da mihi animas, coetera tolle*”, nét đặc trưng của khoa linh đạo và tu đức tông đồ của người Salêdiêng; nó là huy hiệu của căn tính và là bản trắc nghiệm cho đào luyện.

2.1.1.4 Người sinh động sự hiệp thông trong tinh thần và sứ mệnh của Don Bosco

35. “Mỗi Salêdiêng Don Bosco là một sinh động viên, và luôn luôn nỗ lực để chu toàn trách vụ này ngày một hiệu quả hơn.”³⁵

Ơn gọi của Don Bosco phát triển theo một cách thức đến nỗi nó *trở thành chia sẻ một ơn gọi, một sứ mệnh chung, một kinh nghiệm về sự thánh thiện trong sự hiệp thông các tặng phẩm.* Ngay từ đầu của Nguyễn xá đã có những linh mục triều, anh chị em giáo dân tham gia vào việc tông đồ của ngài trong một khung cảnh gia đình và có cùng một tinh thần và mục tiêu. Những người khác vẫn cảm thấy họ là một phần của Nguyễn xá và bằng nhiều cách khác nhau giúp vào công cuộc dành cho giới trẻ.

³² x. VC 96; TTN24 152.

³³ HL 61.

³⁴ x. HL 62.

³⁵ TTN24 159.

Bằng cách này động lực tông đồ của Don Bosco trở thành một công cuộc chung của những người nối kết vào những sự nghiệp của ngài. Nhiệt tình của ngài đối với các linh hồn, phong thái tiếp cận với thanh thiếu niên, phương pháp giáo dục và lối thiêng của ngài trở thành gia sản của một Gia đình và một Phong trào rộng lớn.

Người Salêdiêng không thể suy nghĩ đầy đủ về ơn gọi của mình trong Giáo hội mà không qui chiếu đến những người chia sẻ với họ khi thực thi ý định của Đấng Sáng Lập.³⁶ Qua việc tuyên khấn, họ gia nhập Tu hội Salêdiêng và trở nên thiết thân với *Gia đình Salêdiêng*, trong đó, cùng với những thành viên khác vốn được gọi để theo đuổi những ơn gọi khác nhau, họ chia sẻ tinh thần và sứ mệnh thích hợp với đoàn sủng Don Bosco, và nỗ lực để trung thành qua việc đào luyện chung.³⁷ Họ lãnh trách nhiệm “gìn giữ sự hiệp nhất, khích lệ sự đối thoại và cộng tác huynh đệ nhằm làm phong phú cho nhau và đạt tới hiệu năng tông đồ lớn lao hơn.”³⁸

- 36.** Trong *cộng đoàn giáo dục và mục vụ* (CĐGDMV) người Salêdiêng tìm được những phương cách thực tiễn để diễn tả sự hiệp thông Salêdiêng mỗi ngày. Đó là nơi mà họ chia sẻ tinh thần Salêdiêng, kinh nghiệm sự tương thuộc của những ơn gọi và vai trò, và thực thi một chương trình đào luyện chung. Cùng với cộng thể Salêdiêng họ hoàn thành vai trò sinh động của mình bằng các giúp mọi người cộng tác với nhau và chia sẻ trách nhiệm.

Nhưng chu vi sự hiệp thông vượt quá những công cuộc Salêdiêng. Nó vươn đến bình diện rộng lớn hơn và Giáo hội địa phương, và trên hết nó *ôm ấp cả một phong trào gồm những con người*, là những kẻ được lôi cuốn bởi đoàn sủng và linh đạo của Don Bosco hoặc những kẻ làm việc cho thanh thiếu niên.

³⁶ x. TTNĐB 151.

³⁷ x. TTN24 142.

³⁸ HL 5.

2.1.1.5 Một thành phần của Giáo hội, mở rộng ra cho dòng các biến cố và tiếp chạm với thực tại

37. Khi rộng mở để Thánh Thần hoạt động, Don Bosco thành công giải thích các dấu chỉ thời đại và đáp lại những nhu cầu mới một cách khôn ngoan, sáng tạo và thực tiễn. Tiếp chạm với thực tại được đan kết vào cấu trúc [khung] ơn gọi của ngài.³⁹ Don Bosco cụ thể [mắt thấy tai nghe] kinh nghiệm đời sống Giáo hội và lịch sử của quê hương ngài. Don Bosco nắm bắt thực tại phức tạp của chúng và trong đó đóng một vai trò tích cực. Đối với ngài, dòng biến cố thách đố và thiết tha mời gọi phân định và hành động. “Cha luôn tiến bước [...], đúng như Thiên Chúa soi sáng cha và hoàn cảnh đời đời.”⁴⁰

Tiếp thu mọi hoàn cảnh, người Salêdiêng đặc biệt đáp lại điều kiện của giới trẻ, của giới lao động và của những người đang mong đợi sứ điệp Tin mừng; nhờ vào đoàn sủng Salêdiêng,⁴¹ người Salêdiêng cảm thấy được trao một trách nhiệm đối với họ.

Người Salêdiêng cố gắng hiểu những phát triển văn hóa đang xảy ra trong đời sống thường nhật, nghiêm chỉnh suy tư chúng, xem xét chúng theo ánh sáng của ơn cứu chuộc, sự khẩn cấp của “*Da mihi animas*” và “Vương quốc đang đến.”⁴² Họ liên lý cảm thấy bị thách đố để mang lại những giải đáp bạo dạn, mới mẻ và thực tiễn.

Bằng cách tiếp chạm với thực tại người Salêdiêng bắt buộc phải tăng trưởng trong căn tính Salêdiêng của mình khi trung thành năng động với Don Bosco và với thời đại.

2.1.2 Những hình thức khác nhau của căn tính Salêdiêng

38. Don Bosco đã muốn chỉ có một dự phóng của sự thánh hiến tông đồ Salêdiêng phải được diễn tả trong tính toàn diện của nó theo hai hình thức thích hợp với nó mà thôi: trong hình thức của người Salêdiêng linh mục [hay phó tế] và của người Salêdiêng sư huynh.

³⁹ x. VC 9.

⁴⁰ BM VI, 209.

⁴¹ x. ISM 15-17.

⁴² HL 11.

Cả hai sống cùng một sự tuyên khấn và tham gia vào cùng một cộng thể của đời sống và hoạt động.

Ơn gọi của người Salêdiêng linh mục [hay phó tế] và của người Salêdiêng sư huynh thì bổ túc cho nhau và làm giàu cho đời sống huynh đệ và tông đồ, mang lại sự đóng góp loại biệt của họ cho đời sống ấy.⁴³

2.1.2.1 Người Salêdiêng Linh mục

39. Người Salêdiêng linh mục [hay phó tế] nối kết nơi mình những tặng phẩm của sự thánh hiến Salêdiêng và của thừa tác vụ mục vụ, nhưng theo một cách thức đến nỗi *việc họ là linh mục và thực thi thừa tác vụ cách đặc biệt xuất phát từ sự thánh hiến Salêdiêng của họ*. Là dấu chỉ bí tích của Chúa Kitô vị Mục Tử Nhân Lành, nơi ngài họ kín múc đức ái mục tử, người Salêdiêng làm việc trong khung cộng thể nỗ lực “cứu” giới trẻ.

Sự đóng góp loại biệt của họ cho hoạt động tông đồ cộng thể hệ tại ở thừa tác vụ tam diện của họ.

Qua *thừa tác vụ Lời*, người Salêdiêng linh mục mang sứ điệp của Chúa Kitô vào những tình huống cuộc sống khác nhau và diễn tả sứ điệp ấy bằng nhiều cách khác nhau: qua giảng dạy, khuyên bảo, làm cho giới trẻ lãnh hội được kinh nghiệm của chúng, trao ban một hướng dẫn cho những hoạt động và công việc, và tác động đến sự thay đổi đời sống.

Người Salêdiêng linh mục hoàn thành *tác vụ thành hóa* bằng nhiều cách khác nhau, nhưng cơ hội ý nghĩa và hiệu quả nhất là sự phục vụ khai tâm vào sự sống của Đức Kitô, vào kinh nguyện phụng vụ và vào việc cử hành các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể và Hòa Giải.

Hoạt động “*sinh động hóa cộng đoàn kitô hữu*” của người Salêdiêng linh mục hoàn toàn được hướng dẫn tới việc phục vụ sự hiệp nhất trong cộng thể Salêdiêng, và trên một bình diện rộng lớn hơn, trong cộng đoàn giáo dục và mục vụ, trong Gia đình Salêdiêng và trong

⁴³ x. HL 45.

Phong trào Salêdiêng. Họ biết làm thế nào để sinh động những khung cảnh mục vụ Salêdiêng khác nhau.

2.1.2.2 Người Salêdiêng Sư huynh⁴⁴

40. Người Salêdiêng sư huynh “*liên kết nơi mình những tặng phẩm của sự thánh hiến với những tặng phẩm của bậc giáo dân*”:⁴⁵ họ sống tình trạng giáo dân như một người được thánh hiến.

Người Salêdiêng sư huynh chính yếu hoạt động trong lãnh vực trần thế, nơi đó họ làm chứng họ yêu mến Đức Kitô triệt để và dễ thấy do khả năng nghiệp vụ của họ.

“Sự hiện diện của người Salêdiêng sư huynh làm cho hoạt động tông đồ của cộng thể được phong phú. Nó nhắc nhở cho những hội viên linh mục về những giá trị gắn liền với ơn gọi tu sĩ giáo dân và liên tục gợi nhắc họ đến một sự cộng tác tích cực với người giáo dân. Nó cũng gợi nhắc cho người Salêdiêng linh mục nhìn đến mục tiêu và lý tưởng tông đồ mà thực tại của nó rất phức tạp, bởi vì nó vượt qua hoạt động tư tế và huấn giáo theo nghĩa hẹp.”⁴⁶

*Người Salêdiêng sư huynh đóng một vai trò thật ý nghĩa, nhất là trong một số bối cảnh mà trong đó người linh mục được coi như là một nhân vật thánh thiêng hay lo việc phụng tự. Bằng đời sống thánh hiến, người Salêdiêng sư huynh công bố Thiên Chúa hiện diện trong đời sống thường nhật, và trở nên những người môn đệ của ngài thì quan trọng hơn cả việc là những giáo sư; họ làm chứng cho một đời sống đức tin được thâm tín không bị trói buộc vào những bổn phận có tính chức năng hay tác vụ mà thôi.*⁴⁷

Người Salêdiêng sư huynh cũng hành sử như một dây nối kết giữa những anh em thánh hiến của mình với những người giáo dân trong chính cộng đoàn giáo dục và mục vụ.

⁴⁴ Đối với điều liên quan đến ơn gọi và đào luyện người Salêdiêng sư huynh, x. *Người Salêdiêng sư huynh. Lịch sử, căn tính, việc tông đồ và đào luyện ơn gọi*, Rome, 1989.

⁴⁵ TTN24 154.

⁴⁶ *Người Salêdiêng sư huynh*, 122.

⁴⁷ x. Vecchi J. “Chúa Cha thánh hiến và sai chúng ta đi”, *AGC* 365 (1998), p. 41.

“Người Salêdiêng sư huynh gợi nhắc cho các anh em được thánh hiến của mình giá trị của tạo thành và của những thực tại trần thế; họ cũng nhắc nhở cho người giáo dân giá trị của sự tận hiến cho Thiên Chúa vì Vương quốc của ngài. Thầy cống hiến cho tất cả mọi người một sự nhạy cảm đặc biệt trước thế giới lao động, một sự quan tâm đối với địa phương, và một nhu cầu là phải có một sự tiếp cận nghiêm vụ chuyên môn mà thầy dùng trong hoạt động mục vụ và giáo dục của mình.”⁴⁸

2.2 Đào luyện để phục vụ căn tính Salêdiêng

41. Tiến trình tăng trưởng căn tính Salêdiêng là cấu tố quyết định của toàn lối tiếp cận đào luyện. Nói cách khác, *điều làm cho việc đào luyện của chúng ta – vốn không thể nào là chung chung – khác biệt chính là căn tính Salêdiêng của mình*: nó giải thích những trách vụ và những yêu cầu căn bản.

2.2.1 Căn tính Salêdiêng xác định việc đào luyện của chúng ta

Hiến Luật xác quyết rằng “bản chất tu sĩ tông đồ của ơn gọi Salêdiêng xác định đường hướng chuyên biệt cho việc đào luyện của chúng ta.”⁴⁹ *Trở nên một tông đồ được thánh hiến như Don Bosco là nguyên lý chỉ đạo cho tiến trình đào luyện của ta.*

Thực vậy, chính qua đào luyện mà chúng ta đạt được căn tính của mình là những người Salêdiêng và sự trưởng thành cần thiết để sống và làm việc cho phù hợp với đoàn sủng sáng lập.⁵⁰ Khởi sự từ tình trạng ban đầu là nhiệt tâm đối với Don Bosco và sứ mệnh của ngài cho tuổi trẻ, chúng ta thật sự đạt đến sự đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô và đồng nhất ngày một hơn với Đấng Sáng Lập; chúng ta đón nhận Hiến Luật là Luật đời sống và thể chứng minh nhân dân của chúng ta; và nhờ đó chúng ta phát triển một cảm thức mãnh liệt thuộc về Tu hội và công thể Tỉnh.

⁴⁸ TTN24 154.

⁴⁹ HL 97.

⁵⁰ x. Thánh bộ lo về các Tu hội sống đời thánh hiến và các Tu hội sống đời tông đồ, *Inter-Institute Collaboration for Formation*, 7.

Mối tương quan mật thiết giữa đào luyện và căn tính “muốn nói rằng mỗi hội viên phải chăm chỉ nghiên cứu tinh thần, lịch sử và sứ mệnh của Tu hội mà họ thuộc về, hầu cá nhân và công thể ngày càng hấp thụ đặc sủng của Tu hội.”⁵¹ Nó nêu bật tầm quan trọng của “tính chất Salêdiêng”, nghĩa là, gia sản thiêng liêng và “tâm trí” của Tu hội vốn cần phải được học hỏi, hấp thụ và nuôi dưỡng cách tiệm tiến.

Vì những hình thức linh mục và giáo dân là những khía cạnh toàn diện của căn tính Salêdiêng, phải đào luyện thích đáng để tăng trưởng trong căn tính loại biệt của mỗi hình thái ngay từ đầu của tiến trình đào luyện quả là nhất thiết.

2.2.2 Đào luyện cố xuý căn tính chúng ta trên một nền tảng vững bền

42. Ôn gọi Salêdiêng là một thực tại luôn biến đổi. Nó liên lý đáp lại Chúa Cha và hệ tại ở việc theo Đức Kitô là Đường như Don Bosco đã làm. Nó đòi hỏi phải liên lý rộng mở và phân định khi đối diện với những thay đổi đang xảy ra trong đời sống của Giáo hội và thế giới, nhất là giữa giới trẻ và giới lao động.

Vì thế, xét là một tiến trình hấp thụ căn tính, *đào luyện là một công việc suốt cả đời*, là một tiến trình liên tục để là và trở thành một người Salêdiêng trong mọi giai đoạn của cuộc đời từng người. Đó cũng là tiến trình sống mọi tình cảnh một cách Salêdiêng. Nó đáp lại một ơn gọi vốn liên lý thách đố chúng ta. Nó là trách nhiệm của cả Tu hội lẫn từng hội viên.

Trong thực tại hằng ngày người Salêdiêng chuyển căn tính của mình là một tông đồ của giới trẻ thành một kinh nghiệm sống động.

2.2.3 Đào luyện nối kết căn tính chúng ta với bối cảnh văn hóa

43. Ôn gọi Salêdiêng trải rộng tới mọi nơi mọi lúc, khi diễn đạt chính mình ở mọi nơi và tìm được những cách thức luôn mới mẻ và phong phú hơn để sống trung thành. Được gọi để nhập thể mình giữa giới trẻ trong một nơi chốn và văn hóa đặc thù, người Salêdiêng cần một *đào luyện được hội nhập văn hóa*.

⁵¹ VC 71.

Qua sự phân định và đối thoại với trạng huống của chính mình, người Salêdiêng tìm cách để nhuần thấm những nguyên tắc của đời mình với những giá trị Tin mừng và Salêdiêng, và cắm chặt kinh nghiệm Salêdiêng vào bối cảnh của mình. Mỗi tương quan hữu hiệu này tạo ra những cách sống và những lối tiếp cận mục vụ hiệu quả hơn theo mức độ chúng nhất quán với đoàn sùng sáng lập và với tác động duy nhất hóa của Chúa Thánh Thần.

2.2.4 Đào luyện nuôi dưỡng sự tăng trưởng trong căn tính của chúng ta theo những tài năng cá nhân

44. Ôn gọi Salêdiêng tìm được lý tưởng của mình nơi Don Bosco và hình thức lịch sử uyên nguyên nhất của nó nơi cộng thể đầu tiên tại Valdocco.

Hẳn nhiên ta tìm thấy thực tại căn tính Salêdiêng bằng những cách khác nhau nơi những khuôn mặt và những câu chuyện đời sống của những con người khác nhau, theo những tặng phẩm mà mỗi người nhận được từ Thiên Chúa. Ta có thể thấy rõ được sự hiệp thông trong sự trung thành và ấn dấu khác nhau của ơn đoàn sùng trên đời sống của mỗi người trong lịch sử của “sự thánh thiện Salêdiêng” và trong sự xem xét kỹ càng về kinh nghiệm của những hội viên sống tròn đầy dự phóng Tin mừng của đời sống Salêdiêng.⁵²

Vì thế, ta cần một đào luyện có thể thông truyền cùng một tâm điểm [hạt nhân] của căn tính Salêdiêng, cùng những giá trị cơ bản, cùng những nét đặc trưng nền tảng, cùng một “văn hóa” Salêdiêng.⁵³ Đồng thời ta cần một đào luyện khởi hứng mọi hội viên để diễn tả trong ơn gọi Salêdiêng của mình những tặng phẩm họ nhận được và tìm được trong đó cách thức của mình để hoàn thành mình trong Chúa Kitô.⁵⁴

Như một thái độ cá nhân và trách nhiệm cộng thể, đào luyện đảm nhận một trách vụ thường hằng là làm cho mọi hội viên có thể *đạt được căn tính của mình như một Salêdiêng và hiện thực nó trong chính con người mình.*

⁵² x. VC 80.

⁵³ ibid.

⁵⁴ x. HL 22.

2.2.5 Đào luyện giúp chúng ta sống căn tính của mình trong sự hiệp thông của các ơn gọi

45. *Đào luyện tạo cho người Salêdiêng một cảm thức mạnh mẽ về căn tính đặc thù của mình, nhưng rộng mở họ tới sự hiệp thông trong tinh thần và sứ mệnh Salêdiêng với những phần tử khác của Gia đình Salêdiêng sống những ơn gọi khác nhau và dẫn họ đến sự hiệp thông rộng lớn bao gồm nhiều hình thức khác nhau của ơn gọi Kitô hữu. Sự hiệp thông càng mạnh mẽ thì mỗi người “càng phải lộ rõ căn tính của mình như một Salêdiêng, và những ơn gọi khác nhau càng phải được hiểu biết, kính trọng và được hưởng lợi.”*⁵⁵

Như vậy, khi những sáng kiến cổ xúy sự cộng tác giữa nhóm của Gia đình Salêdiêng và với các hiệp hội khác trên bình diện giáo dục hay cổ xúy việc đào luyện chung giữa những người Salêdiêng và những cộng sự viên giáo dân được hướng dẫn tốt đẹp, họ góp phần vào “sự trân trọng hơn đối với đoàn sủng của mỗi hiệp hội cũng như của người khác. . .” và cống hiến “một chứng từ hùng hồn về sự hiệp thông mà Giáo hội được kêu gọi đến do chính ơn gọi thần linh.”⁵⁶

Việc đào luyện tới sự hiệp thông vào những giá trị Salêdiêng gia tăng ý thức của chúng ta về trách vụ sinh động hóa trong bất kỳ điều gì có liên quan đến đoàn sủng chúng ta và chuẩn bị chúng ta cho đoàn sủng ấy.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

46. *Căn tính Salêdiêng là điểm quy chiếu căn bản cho đào luyện ban đầu và liên tục. “Bản chất tu sĩ và tông đồ của ơn gọi Salêdiêng xác định đường hướng chuyên biệt cho việc đào luyện của chúng ta; đường hướng ấy cần thiết đối với đời sống và sự hiệp nhất của Tu hội.”*⁵⁷

⁵⁵ TTN24 138.

⁵⁶ Thánh bộ lo về các Tu hội sống đời thánh hiến và các Tu hội sống đời tông đồ, *Inter-Institute Collaboration for Formation*, 8.

⁵⁷ HL 97.

47. Được kêu gọi để trở nên như Chúa Kitô, theo chân Don Bsoco, **mọi người Salêdiêng phải nuôi dưỡng một mối liên hệ với Đấng Sáng Lập**, dùng Hiến Luật là “sách đời sống của mình”,⁵⁸ giữ mình cùng tận số với sự hiểu biết của Tu hội về đoàn sủng, làm quen và tuân theo những chỉ dẫn của Tu hội, nhất là của các Tổng Tu Nghị, của Bề Trên Cả và Ban Cố vấn ngài, và kiện cường cảm thức thuộc về Tỉnh dòng.
48. Cá nhân lẫn cộng thể phải đặc biệt chú ý đến việc duyệt xét chính mình dựa trên **Hiến Luật** vì “Hiến Luật chứa đựng sự phong phú thiêng liêng của truyền thống những người Salêdiêng Don Bosco và định nghĩa kế hoạch tông đồ của Tu hội chúng ta.”⁵⁹
49. Trong suốt tiến trình đào luyện mỗi người Salêdiêng tư giáo và sư huynh phải ôm ấp lấy những nét đặc trưng theo **hình thái ơn gọi chuyên biệt** của mình.
- Những người sinh động trong công cuộc mục vụ ơn gọi và đào luyện phải lo liệu để những cách thức sống khác nhau căn tính Salêdiêng – Salêdiêng sư huynh, Salêdiêng linh mục và Salêdiêng phó tế vĩnh viễn – phải được biết đến và trân trọng.
- Những chương trình đào luyện ban đầu hãy đảm bảo rằng tất cả các hội viên có được “chu trình ở mức độ đồng đều, với cùng những giai đoạn, với mục tiêu và nội dung tương tự” và các hội viên phải lưu ý đến sự khác biệt cần thiết được xác định do ơn gọi chuyên biệt của mỗi người, do những tài năng và khuynh hướng cá nhân và do những bổn phận của việc tông đồ chúng ta.⁶⁰
50. **Tất cả các hội viên hãy đào sâu sự hiểu biết về tinh thần Salêdiêng** và sở đắc được một kiến thức nghiêm chỉnh và hợp thời về lịch sử, linh đạo và gia sản sự phạm và mục vụ phù hợp với đoàn sủng chúng ta.⁶¹

⁵⁸ HL 196.

⁵⁹ HL 192; x. Vecchi, J., “Chúa Cha thánh hiến và sai chúng ta”, AGC 365 (1998), p. 25. *Kế hoạch Đời Sống của Những Người Salêdiêng Don Bosco*, Rome, 1986; *Parola di Dio e spirito salesiano. Ricerva sulla dimensione biblica delle Costituzioni della Famiglia Salesiana*, được Hội Kinh Thánh Salêdiêng chuẩn bị, 1995.

⁶⁰ x. HL 106.

⁶¹ Vecchi, J., “Vì các con Cha học”, AGC (1997), p. 40-41. TTN 21 259, x. Phụ lục 3: Những hướng dẫn để tổ chức các môn học.

Những vị hữu trách trên bình diện Tỉnh dòng phải đảm bảo được những điều kiện cần thiết và cổ xúy những sáng kiến thích hợp hầu những môn học này được thực thi trong đào luyện ban đầu và liên tục.

51. Nội Quy Tỉnh dòng hãy chứa đựng những chỉ dẫn tổng quát mà Ratio đòi hỏi cho **việc học hỏi “Salêdiêng”** trong đào luyện ban đầu.⁶² Kế hoạch đào luyện Tỉnh hãy xác minh rõ những nội dung theo một hình thức của một chương trình tiệm tiến và có hệ thống.

Mỗi Tỉnh dòng hay nhóm Tỉnh dòng hãy mang lại một sự chuẩn bị các chuyên viên về “tính Salêdiêng”, khi lợi dụng những sự phục vụ mà UPS⁶³ và các trung tâm Salêdiêng có phẩm chất khác cung ứng.

Mỗi Tỉnh dòng hãy đảm bảo liên tục cập nhật những phương tiện cần thiết để hiểu biết, nghiên cứu và giảng dạy “tính Salêdiêng”; mỗi Tỉnh dòng hãy kiến tạo và/hay duy trì một “thư viện đầy đủ và hợp thời về Salêdiêng.”

52. Mỗi hội viên phải vun trồng một **hiểu biết và một cảm thức thuộc về Gia đình Salêdiêng**. Họ phải sẵn sàng cho một đào luyện mang tính cách hỗ tương và được thực hiện chung và chuẩn bị mình để lãnh trách nhiệm là người sinh động trong Gia đình Salêdiêng.

53. Sự kính trọng và sự gặp gỡ **các đặc sủng và hình thức linh đạo khác nhau** có thể nuôi dưỡng sự hiệp thông của các tặng phẩm và giúp nhau tăng trưởng sâu xa hơn về căn tính của mỗi người xét như một Salêdiêng.

Trong khi người Salêdiêng tăng trưởng tới sự trưởng thành trong ơn gọi của mình và trong cảm thức thuộc về Tu hội, họ phải được cung cấp những cơ hội suốt thời đào luyện ban đầu – để chia sẻ với các thành viên thuộc về những hình thức khác nhau của đời sống thánh hiến hay của sự cam kết kitô hữu. Tuy nhiên, không nên cho họ tham

⁶² TTN21 259, x. Phụ Lục 3: Những hướng dẫn để tổ chức các môn học.

⁶³ x. TTN21 337.

gia cách hệ thống và thường xuyên vào những kinh nghiệm của những khoa linh đạo khác.⁶⁴

Những sáng kiến về sự cộng tác liên Tu hội trong đào luyện (nhờ các biến cố, chương trình, hay trung tâm) công hiến một kinh nghiệm đặc biệt về sự hiệp thông, miễn là chúng đảm bảo một mối liên hệ thích đáng giữa căn tính của mỗi Tu hội và sự hiệp thông trong sự khác biệt, đồng thời đảm bảo sự thông giao đoàn sủng của mỗi người qua kinh nghiệm sống động.⁶⁵

Sau thời đào luyện ban đầu mỗi người cần thỏa thuận với Bề trên để tham gia vào những phong trào của Giáo hội hoặc để công hiến cho họ một sự phục vụ là sự trợ giúp thiêng liêng.

⁶⁴ x. Thánh bộ lo về các Tu hội sống đời thánh hiến và các Tu hội sống đời tông đồ, *đời sống huynh đệ trong cộng đoàn*, 46, Vecchi, J. « Những người Salêdiêng và Những Phong Trào trong Giáo hội, » AGC 338 (1991) p. 39-45.

⁶⁵ x. Thánh bộ lo về các Tu hội sống đời thánh hiến và các Tu hội sống đời tông đồ, *Sự Cộng Tác Liên Dòng trong việc đào luyện*, 9.

CHƯƠNG 3

NHỮNG KHÍA CẠNH CỦA ĐÀO LUYỆN VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ THÁI ĐỘ PHẢI ĐẢM NHẬN

54. “Mỗi người chúng ta được Thiên Chúa gọi để nên phần tử của Tu hội Salêdiêng. Vì thế mỗi người nhận được từ *nơi Ngài những ân huệ riêng*, và bởi trung thành đáp trả tiếng Chúa, họ tìm được con đường thể hiện chính mình cách trọn vẹn trong Đức Kitô.”¹

Ơn gọi là một tiếng gọi xảy ra với sự trợ giúp của những trung gian và những hoàn cảnh bên ngoài. Nhưng trước tiên nó là tiếng Thiên Chúa gọi tỏ lộ chính mình qua những tặng phẩm cá nhân khác biệt (ước muốn, hy vọng, kế hoạch và đặc tính.) – đây hoàn toàn là một công trình của Thần Khí – [những ân huệ này] phù hợp với dự phóng đời sống Salêdiêng và làm cho chúng ta có thể sống nó. Ơn gọi này được nhận biết nơi một người; nó hoàn toàn liên can đến họ, đến tất cả mọi lãnh vực thuộc nhân cách của họ cho toàn cuộc đời họ.

Trách vụ của đào luyện chính là giúp họ nhận biết, hấp thụ và phát triển những giá trị và những thái độ khiến họ thích hợp với đời sống Salêdiêng. Sự thích hợp ấy là một dấu chỉ của ơn gọi và là kết quả của việc họ đáp lại.

Như vậy, *đào luyện phải đầy đủ*: nó phải bao gồm tất cả mọi khía cạnh – nhân bản, thiêng liêng, tri thức và mục vụ.² Những khía cạnh này *kết hợp với nhau*: chúng cùng lúc hiện diện và liên lý tác động lẫn nhau;³ Ta không được coi chúng là những lãnh vực riêng rẽ, nhưng trái lại “phải được hòa hợp trong một sự thống nhất sống động.”⁴

¹ HL 22.

² x. VC 65.

³ x. TTN23 118.

⁴ HL 102.

Đồng thời, *đào luyện là một thực tại liên tục và năng động*. Những lãnh vực vừa được nói đến và những yếu tố chung bao hàm không được xem xét cách tĩnh lặng, như thể chúng là những điều kiện phải được hoàn thành hay là những mục tiêu phải được đạt tới một lần là xong. Đúng hơn, chúng phải được xem xét trước bối cảnh là sự thay đổi và phát triển của mỗi nhân vị, trong ánh sáng là lời đáp trả liên tục của họ mà được đưa ra bởi sự tăng trưởng của họ, bởi những nhu cầu của tình huống và bởi những hoàn cảnh tác động đến đời sống của họ.

Chính từ viễn ảnh là đoàn sủng Salêdiêng mà một tổng hợp được hình thành và những lãnh vực khác nhau của việc đào luyện được nhìn đến; chính trên đoàn sủng này mà ý nghĩa và những yếu tố đặc thù trong những lãnh vực khác nhau được nêu bật.

55. Những lãnh vực mà chúng ta chỉ ra chứa đựng *những yếu tố* chúng ta phải xem xét khi phân định *sự thích hợp của một ơn gọi*. Chúng chỉ rõ những nguyên tắc phải được hấp thụ, những dự thế phải được thủ đắc, những thái độ phải được lộ ra, và những sự việc phải được thực thi nếu người ta phải chấp nhận và thực thi dự phóng đời sống Salêdiêng với niềm vui và trưởng thành.

Điều ta nói về *những cách thức khác nhau hiện thực căn tính* của mình như một Salêdiêng, cũng như *cách thức từng người ôm ấp ơn gọi của mình*, khiến chúng ta hiểu rằng sự thích hợp của một ơn gọi cũng phải được xét trong viễn cảnh này; nó không thể được xét như một khuôn mẫu riêng lẻ, tĩnh lặng, được lý tưởng hóa hay như một tổng số của những đòi hỏi được xét cách riêng rẽ.

Bài trình bày đây công hiện *một khung quy chiếu* trong đó ta tìm thấy cùng lúc những khía cạnh cấu thành sự thích hợp của một ơn gọi – chúng ta có thể gọi chúng là những yếu tố nền tảng và biệt loại hóa (những đòi hỏi căn bản và biệt loại), bởi vì thiếu chúng sẽ không thích hợp cho đời sống Salêdiêng – những yếu tố khác vốn cần phải liên tục thủ đắc và vun trồng để có một kinh nghiệm tròn đầy và chân chính hơn về ơn gọi của mình.

Khung quy chiếu ấy phải được thừa nhận dựa trên *nguyên tắc này là một ơn gọi cần phải tăng trưởng trong phẩm chất* – vì thế đây là một

nguyên tắc tạo nên những đòi hỏi thường hằng và liên lý kích động – nhớ rằng mỗi người Salêdiêng sống ơn gọi của mình cách hữu vị theo những tặng phẩm họ nhận được. Trước tám phong là sự tăng trưởng tiệm tiến, tiến trình sự phạm của đào luyện sẽ giúp phân biệt giữa sự thích hợp nền tảng, sự thích hợp cần cho những giai đoạn khác nhau của sự cam kết với ơn gọi, và nhất là sự trưởng thành cần phải có cho sự cam kết chung cuộc.

- 56.** Bằng cách nhận diện những giá trị và thái độ cần thiết để chuyển dịch căn tính Salêdiêng thành kinh nghiệm hữu vị, và chỉ ra những tiếp cận và hoạt động sự phạm để làm cho chúng thành hiện thực, những người trách nhiệm về đào luyện được công hiến một nền tảng cho trách vụ hướng dẫn và phân định của họ. Đồng thời mỗi hội viên nhận được một kích thích tố để làm cho việc họ mãnh liệt ước ao và muốn nên một người Salêdiêng thành một thê nguyên cụ thể.

Mỗi giai đoạn khác nhau của đào luyện ban đầu sẽ nhấn mạnh đến một số giá trị và thái độ vốn hài hòa hơn với những mục tiêu biệt loại của nó. Vì thế, trong những giai đoạn và tình huống khác nhau của đời sống, trong các hoàn cảnh đổi thay và sự tiếp nối các trách vụ, mỗi hội viên sẽ cảm thấy có trách nhiệm canh tân chính mình trong não trạng, thái độ và sự chuyên môn của họ, hầu trở thành người có khả năng hơn để nhập thể ơn gọi Salêdiêng vào con người mình và theo đuổi đường thánh thiện.

3.1 Đào luyện nhân bản

- 57.** Chỉ một nhân cách mạnh mẽ, tự do, quân bình có khả năng hòa hợp những khía cạnh khác nhau thành một toàn thể hài hòa, mới có thể duy trì tiến trình phát triển căn tính của mình như một Salêdiêng và làm cho mình có thể sống sự thánh hiến tu sĩ cách thanh thản và tròn đầy. Toàn thể công việc đào luyện sẽ mất đi *nền tảng cần thiết* của nó nếu thiếu một nền tảng nhân bản thích hợp, không chỉ vì sự tăng trưởng chính đáng và thích hợp tới sự trưởng thành nhưng cũng vì sứ mệnh nữa.⁵

⁵ x. PDV 43.

Đàng khác, khi kinh nghiệm của đời sống thánh hiến chú ý đến chiều kích nhân học của tất cả những cấu tố và giúp sống một nhân tính thâm sâu và phong phú, nó trở thành một *gương sáng mang tính tiên tri về một nhân tính chân thật* và phục vụ như một câu trả lời thích đáng cho những ai coi sự thánh hiến là một cản trở cho một nhân vị và sự hoàn thành chính mình.⁶ Trong bối cảnh ngày nay sự tăng trưởng trong sự trưởng thành nhân bản đảm nhận một sự quan trọng đặc biệt.

- 58.** Đối với người Salêdiêng mà qua việc tuyên khấn được mời gọi để là một người bạn, một nhà giáo dục và mục tử của giới trẻ, và là một người cổ xúy sự phát triển toàn diện của họ, thì *phẩm chất nhân tính của họ thật cốt yếu*. Ôn gọi của họ đòi hỏi một nhân cách mà có thể yêu mến và làm mình được yêu mến theo một cách thức triu mến, quân bình và rộng mở, và làm mình thông cảm và vững chắc. Vì thế họ kín múc sự hứng khởi từ Don Bosco: “sâu xa là người, giàu những phẩm tính của dân tộc mình.”⁷

Sự trưởng thành nhân bản là *một đảm trách thường hằng*; nó liên quan đến những giá trị và thái độ vốn phải được diễn tả theo những cách thức khác nhau trong những giai đoạn đời sống đa dạng và trong những bối cảnh văn hóa đa biệt.

3.1.1 Sức khỏe và khả năng làm việc

- 59.** Phong thái sống và làm việc Salêdiêng thường đòi hỏi *sức khỏe tốt và sự chịu đựng thể lý, cũng với khả năng lao động mãnh liệt*.

Được gọi để trở thành “mạnh mẽ và cường tráng” ngay từ thuở niên thiếu, Don Bosco thường nhấn mạnh rằng *cần phải có sức khỏe để phục vụ sứ mệnh cách lâu dài và mãnh liệt*. Một lần kia ngài nói cho các tập sinh: “Điều cha thấy cần thiết chính là các con phải lớn lên và trở thành những thanh niên khỏe mạnh vì có sức khỏe và các con sau này có thể làm nhiều việc.”⁸ Ngài thường lặp lại cho các Salêdiêng: “làm việc, làm việc và làm việc!” “Một ứng

⁶ x. *Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn* 35.

⁷ HL 21.

⁸ BM XIII, p. 68.

sinh cho đời Salêdiêng phải yêu mến làm việc.”⁹ Hiến Luật nhắc nhở chúng ta rằng “lao động cần mẫn và đầy hy sinh là một đặc điểm Don Bosco đã để lại cho chúng ta.”¹⁰

*Chính Don Bosco là một gương sáng về một đời sống dành cho lao động và ngài muốn các Salêdiêng phải được nhận ra do tinh thần hoạt động và cần mẫn. Valdocco trở thành một trường dạy lao động: nó phát triển khoa sư phạm của bốn phận mà không sợ mệt nhọc nhưng trở thành sự thực hành sự tự chủ và một cách sống linh đạo của chúng ta.*¹¹

60. Chính vì thế người Salêdiêng:

- *Chăm sóc sức khỏe của mình*, tuân giữ những quy luật vệ sinh cá nhân, bồi dưỡng đầy đủ và dành đủ giờ nghỉ ngơi và giải trí lành mạnh và đơn giản. Bao lâu tuổi tác và tình trạng thể lý cho phép, họ giữ cho thân thể mình khỏe khoắn và sẵn sàng làm việc, lợi dụng thể dục thể thao cùng với những người trẻ;

- Yêu mến *công việc hằng ngày*, hoặc tay chân hay trí óc, và thực thi nó “với sự cần lao không mỏi mệt, lo hoàn thiện mọi việc cách đơn sơ và mực thước.”¹²

- Thừa nhận *một nhịp điệu của đời sống và lao động có trật tự, phương pháp và hy sinh*, tránh kiểu làm việc quá tải vốn có thể gây ra căng thẳng. Kỷ luật và cảm thức về bốn phận đối với người Salêdiêng trở thành lối đường tu đức.¹³

Về phần mình, cộng thể:

- *Cung cấp và tổ chức mọi yếu tố vốn tạo ra một sự kiên định thể lý*, chẳng hạn: công việc thích hợp và phù hợp với những khả năng của mỗi người, thời giờ nghỉ ngơi thích đáng, dinh dưỡng đầy đủ, những khả thể cho thể dục thể thao, và những khám nghiệm y học cần thiết.

⁹ BM XIII, p. 333.

¹⁰ HL 78.

¹¹ x. TTN24 98.

¹² HL 18.

¹³ x. TTN24 98.

3.1.2 Sự quân bình tâm lý

61. Ôn gọi đặc biệt và phong thái giao tiếp trong đời sống cộng thể và công việc giáo dục đòi người Salêdiêng phải có *sự quân bình tâm trí đầy đủ*; một hình ảnh tốt đẹp về chính mình đưa tới những cảm tình và thái độ tích cực đối với đời sống; một sự điềm tĩnh, tự tin và thanh thản lẫn một khả năng để làm những quyết định đanh thép vì tính duy nhất mà họ giải quyết để trao cho toàn bộ kinh nghiệm của họ.
62. Sự quân bình tâm lý, cần thiết cách đặc biệt trong một bối cảnh vốn có thể dẫn tới sự phân mảnh và mỏng giòn tâm lý, được hoàn thành qua một *sự hòa hợp tiệm tiến những yếu tố khác nhau* tích cực tương tác lẫn nhau.

Vì thế, người Salêdiêng:

- *Tìm cách hiểu biết mình và chấp nhận chính mình*: họ suy tư về kinh nghiệm của chính mình, về những đức tính tốt và giới hạn của mình; họ học để chấp nhận chính mình. Họ nuôi dưỡng sự tự tin nơi chính mình và những khả năng của mình; họ có thể nhìn ra và làm cho câu chuyện cuộc đời họ thành tốt nhất theo quan điểm của kế hoạch cứu độ; họ biết rằng Thiên Chúa có dự định cho họ và rộng tay tiếp đón họ, nếu họ chỉ can đảm đặt mình trong tay Ngài. Vui tươi ý thức Thiên Chúa yêu thương mình khiến họ thanh thản và hạnh phúc cũng như nâng đỡ họ trong những giờ phút xung đột và tăm tối;

- *Gia tăng khả năng của họ để điều hành thế giới nội tâm của mình*: họ học để hiểu biết mình, những thái độ và những động lực thật sự đằng sau các hành động của họ, và làm chủ tư tưởng, tình cảm, nỗi sợ hãi và phản ứng của mình trước những con người và biến cố.

Trong khi họ dần dần tăng trưởng tới sự trưởng thành, họ nỗ lực lợi dụng những đức tính tốt và vượt thắng những khó khăn. Họ có thể chặn trước những xung đột có thể xảy ra.

Họ biết cách để bình lặng khi thành công và thanh thản khi thất bại. Họ tự do khỏi những lập trường nghiêm khắc và những ức chế. Họ lấy những quyết định dựa trên những động lực đúng đắn và chân thật;

- *Trân trọng cộng thể mình và sự nâng đỡ của anh em mình*: họ làm cho mình trở thành một phần của cộng thể, thiết lập những tương

giao trong đời sống và công việc của mình; họ cũng mở rộng để chia sẻ với anh em mình cả trên bình diện thiêng liêng. Họ khước từ để cô lập chính mình hay kìm nén mình không thông giao với tha nhân.

3.1.3 Trưởng thành tình cảm và phái tính

- 63.** Sống ơn gọi Salêdiêng trong một cộng thể huynh đệ và trong môi trường giao giáo dục và mục vụ đòi hỏi một sự trưởng thành tình cảm. Như Hiến Luật xác quyết, *tình yêu của một người Salêdiêng là tình yêu “của một người cha, người anh và người bạn, khả dĩ tạo được mối tương giao thân thiết.”*¹⁴ Tinh thần gia đình và lòng thương mến là những danh từ khác của người Salêdiêng trưởng thành trong cảm tính.¹⁵ Họ yêu ơn gọi của mình và được mời gọi để yêu mến theo ơn gọi của mình.¹⁶

Thiên Chúa ban cho con người *khả năng yêu mến* bằng cách lợi dụng thực tại thân xác và tinh thần của mình. Qua thân xác họ có thể trao ban ý nghĩa cho tình yêu và diễn tả họ yêu mến với những tình cảm mãnh liệt và với con tim của họ, cũng như đi kèm với một tinh thần trong sạch.

Phái tính là một tặng phẩm của Thiên Chúa và là sức mạnh để làm cho người nam và người nữ có thể thông giao, gặp gỡ và yêu mến.

- 64.** Người Salêdiêng *nhìn đời sống của mình là một tặng phẩm họ nhận được và họ phải chuyển thông cho người khác; họ hoàn thành mình bằng cách trao ban chính mình.* Họ huấn luyện mình để yêu mến cách nhưng không, để thiết lập những mối tương quan nhân bản tốt đẹp, chân thật và tập trung vào nhân vị. Họ trao ban và tiếp nhận tình cảm trong tất cả sự đơn thành. Tình yêu của họ thật sâu xa và hữu vị, được tạo thành do sự chân thành, trung tín và sức âm tình người. Họ biết cách để xây dựng tình bạn thật sự mạnh mẽ,¹⁷ thoát khỏi những thái độ chiếm hữu; họ có thể sống trong cô tịch với sự thanh thản; và

¹⁴ HL 15.

¹⁵ x. HL 15.16.

¹⁶ x. *Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn*, 37.

¹⁷ x. *Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn*, 37.

hoàn toàn có thể làm chủ những giao tiếp tình cảm với dân chúng, nhất là khi liên can đến những giao tiếp giáo dục và mục vụ.

Trong khi giao tiếp với phụ nữ họ thật sự có lòng, quân bình và thận trọng; thái độ của họ đầy sự kính trọng, quý trọng và trách nhiệm.

Một tình yêu và tình cảm trong sạch như thế không thể có được nếu không có một *kỷ luật* nào đó trong cảm tình, tư tưởng, khao khát [ước vọng] và thói quen. Thực hành tự chủ, một biểu lộ của nhân đức trong sạch tích cực cao độ, dẫn hướng những khuynh hướng và khả năng phái tính của cá nhân hướng tới một nhân cách hài hoà toàn diện; nó làm cho người ta có thể trao ban chính mình cách vui vẻ, thoát khỏi mọi nỗ lực chiếm hữu ích kỷ, và đảm bảo rằng một sự tiếp cận lý trí ưu thắng trên những thúc đẩy xung lực.

65. Để sống và tăng trưởng trong sự trưởng thành tình cảm và phái tính, người Salêdiêng:

- Luôn nhớ đến *giá trị và ý nghĩa của thân xác*; trong phong thái sống họ tỏ ra quân bình, tiết độ và sạch sẽ cả trong thân xác lẫn tâm trí;

- Nhận biết *giá trị của phái tính nam và nữ*, với những ý nghĩa thể lý, tâm lý và tinh thần của chúng;

- Nhìn ơn gọi của mình như một điều có thể trao ban ý nghĩa chân chính cho sự sống và *sự thánh hiến của họ xét như một thực tại trao tặng vẻ đẹp và sự thiện* cho đời sống của họ; họ lớn lên trong cảm thức về sự tự tín, vững chắc trong căn tính của mình; họ tự do khỏi nhu cầu trước những hình thức nâng đỡ và bù trừ khác nhau, cả trong lãnh vực cảm tính;

- Nuôi dưỡng một *tình bạn sâu xa với Chúa Kitô*, đáng kêu gọi họ đến sự hiệp thông huynh đệ và sai họ đi ra để yêu mến giới trẻ nhân danh Ngài; đời sống và thời gian của họ được “đầy” bởi Thiên Chúa, cộng đoàn và giới trẻ.

- *Yêu mến những người mà với họ người Salêdiêng chia sẻ ơn gọi*; trong việc cho và nhận tình cảm người Salêdiêng trở nên ý thức về giá trị của mình như một nhân vị và diễn tả những khả năng thâm sâu

nhất của hữu thể mình.¹⁸ Họ yêu mến Tu hội Salêdiêng và coi cộng thể là gia đình của chính mình;

- Cảm thấy thoải mái ở giữa giới trẻ, và cố gắng trở nên *một dấu chỉ trong suốt của Thiên Chúa yêu thương chúng*; họ không xâm phạm cũng không ích kỷ, nhưng ước ao chúng được thiện hảo với lòng từ tâm của Thiên Chúa;

- Họ cố xúy *một mối tương quan trưởng thành và nhất quán với những công sự viên giáo dân*, nam cũng như nữ; họ ý thức rằng một sự can dự của những người nữ trên bình diện của cơ chế và hoạt động giáo dục và mục vụ mang đến những khía cạnh mới và những giá trị biệt loại nữ tính, mang lại một sự hiểu biết mới về căn tính và tính bổ sung của nam giới, và đề cập đến cảm tính, khả năng liên hệ và sự tự chủ;¹⁹

- *Yêu mến gia đình của mình*: một mối liên hệ tình yêu thanh thoát và trưởng thành đối với gia đình của họ có những hàm ý rất tích cực cho đào luyện. Khi vào Tu hội người Salêdiêng không mất chút nào tình yêu của mình đối với những người thân, và nhất là đối với cha mẹ mình; họ diễn tả điều này qua kinh nguyện, thư từ và thăm viếng;²⁰

- *Phát triển những tình bạn* vốn làm cho việc hấp thụ các giá trị, sự cố gắng để tăng trưởng nhân bản và thiêng liêng thành dễ dàng; những tình bạn đó kiên cường họ trong ơn gọi; những tình bạn đó tránh đi mọi hình thức của ích kỷ và rộng mở trước khoé nhìn của Thiên Chúa và tha nhân;

- *Luôn tỉnh thức* trong đời sống của mình: họ không phơi trần mình trước những tình huống hay những mối liên hệ vốn không trong suốt; họ thực hành khổ chế và canh giữ các giác quan; họ sử dụng những phương tiện truyền thông xã hội cách tế nhị và thận trọng.²¹ Tóm lại, họ cảm thấy một sự cam kết phải nghiêm khắc và sẵn sàng từ bỏ.

¹⁸ x. Vecchi, J. "A Love Without Limits for God and the Young," AGC 366 (1999), p. 40.

¹⁹ x. TTN24 33.

²⁰ x. QC 46.

²¹ x. HL 84.

3.1.4 Khả năng giao tiếp

66. Những môi tương giao liên vị tạo thành *nền tảng của sứ mệnh giáo dục và mục vụ Salêdiêng*. Họ phải có khả năng thu hút và gặp gỡ những người trẻ, sẵn lòng và được chuẩn bị để “sống và làm việc với nhau” và để sinh động hóa những con người, những nhóm và các cộng đoàn.

“Tương giao ở tại tâm điểm của mọi lối tiếp cận giáo dục, của mọi cố gắng để cộng tác, của sự hòa hợp gia đình và hiệu năng của cộng đoàn giáo dục mục vụ. ‘Đồng thời, chúng ta phải là anh em của những con người mà chúng ta muốn là những mục tử, là những người cha và người thầy của họ. Bầu khí đúng đắn cho đối thoại là tình bạn, hay đúng hơn là phục vụ.’”²²

Don Bosco đã công hiến cho các môn sinh của mình *một môi tương giao nhân bản thanh thoát và nồng hậu*, mà dần dần ngài thêm vào cho nó một chiều kích mục vụ và bí tích. Phẩm chất của những gặp gỡ có tính cách giáo dục luôn là tiên quyết trong tâm trí ngài.²³ Ngài thường khuyên nhủ: “Hãy đảm bảo rằng tất cả mọi người mà các con giao tiếp phải trở thành bạn hữu của các con.”²⁴

67. Một phong thái giao tiếp liên vị như thế đòi hỏi người Salêdiêng phải làm đầy những tương tác của họ với một số nhân đức nhân bản biệt loại:

- Một quan tâm thường hằng đối với *công bằng, sự trung tín đối với lời của mình, lối cư xử lịch sự, một cảm thức về sự cân xứng* trong những môi tương giao và thái độ, một sự *quan tâm* đầy thân ái đối với tha nhân;

- *Sự chấp nhận tha nhân*, mặc dù họ khác biệt do đào luyện, tuổi tác, văn hóa, v.v;

- *Những thái độ làm cho việc đối thoại nên dễ dàng*, chẳng hạn mỗi cảm thông, tin tưởng, khả năng lắng nghe, tâm trí rộng mở,

²² TTN24 92.

²³ x. TTN24 91.

²⁴ BM X, 445.

khả năng xem xét các sự việc từ quan điểm của người khác, lối cư xử tốt đẹp và khả năng tha thứ;

- *Khả năng cộng tác với tha nhân*, tinh thần phục vụ, chia sẻ trách nhiệm, và chấp nhận quyền bính.

3.1.5 Tự do có trách nhiệm

68. Tự do làm thành cốt tủy của nhân vị.

Đề sống ơn gọi, người triệt để chọn sống đời thánh hiến cần một *đào luyện để sử dụng tự do một cách trách nhiệm*, nhất là trong những bối cảnh nơi đó tính chủ thể và tính tự quản cá nhân được tôn vinh và kết quả là một chủ nghĩa cá nhân. Trong những bối cảnh như thế, sự chuẩn hoá là quy phạm, những phương pháp có điều kiện tràn ngập, những vẻ bề ngoài được đề cao hơn những hành động dựa trên những động lực chân chính, và những đáp trả cho những mối quan tâm tức thời được ưa chuộng hơn những quyết định được hướng dẫn bởi những nguyên tắc hay những hoạt động đem lại ý nghĩa cho đời sống.

Vì thế, cuộc đấu tranh liên lý chính là: *giải phóng mình “khỏi” bất cứ điều gì trong đời sống giữ ta lại và biến ta thành nô lệ*, giải phóng mình khỏi những đam mê và tội lỗi, khỏi ích kỷ và cá nhân chủ nghĩa, để đàng khác, làm mình tự do để làm chủ bản thân, để rộng mở trước tha nhân và quảng đại phục vụ họ, tự do để hành động theo chân lý và những động lực sâu thẳm của ơn gọi mình.

Hai khía cạnh (tự do “khỏi” và tự do “để”) tạo thành một sự tự quản chân thật: chúng cho ta khả năng để làm những quyết định thật sự tự do dựa trên một lương tâm vốn được soi sáng bởi chân lý và được đào luyện để suy nghĩ với trách nhiệm và kỷ luật trong đời sống. Đây chính là lý do tại sao *lương tâm cần được đào luyện* theo những giá trị của đời sống Kitô hữu và Salêdiêng cũng như của tu đức. Chính lương tâm quyết định việc sử dụng tự do cách trách nhiệm.

69. Đào luyện lương tâm kéo theo việc kiên nhẫn lắng nghe và đối thoại. Việc này đòi hỏi:

- *Một đào luyện nghiêm chỉnh biết phê phán* vốn làm cho ta có thể phán đoán khách quan và kính trọng về những con người và biến cố cũng như chọn một lập trường trước những khuôn mẫu văn hoá và

quy phạm xã hội. Từ quan điểm này, có thể nhìn vào những phương tiện truyền thông xã hội cách phê phán và dùng chúng cách trách nhiệm quả là quan trọng;

- *Một nền giáo dục tới một cảm thức về mẫu nhiệm* bao trùm đời sống, một thực tại được ghi dấu bởi tội lỗi và bất trung nhưng được Chúa Kitô ôm ấp và cứu chuộc. Điều này phải giúp hình thành niềm xác tín rằng tự do là hoa trái của sự vâng phục chân lý cách xác tín và chân thành;

- *Khả năng xem xét đời sống mình trong ánh sáng Tin mừng* và những hướng dẫn của Giáo hội, hầu có thể phân định ra tốt xấu, tội lỗi và những cơ cấu tội lỗi, hành động của Thiên Chúa nơi chính mình và trong đời sống quá khứ của mình;

- *Khả năng đem những ước muốn, năng lực và giá trị của một người lại với nhau* trong một kế hoạch đời sống cá nhân, trong đó họ đảm nhận trách nhiệm để lớn lên và sống tròn đầy những động lực sâu xa nhất của ơn gọi của mỗi người.

3.1.6 Rộng mở trước thực tại

70. Don Bosco phát triển ơn gọi của mình *trong đối thoại với thực tại của những người trẻ và giới bình dân, và liên lý tương tác với bối cảnh của Giáo hội và xã hội.*

Giữa những khía cạnh làm phong phú tính nhân bản của người Salêdiêng, khi làm cho nó trở nên chân chính hơn, là sự bén nhạy nhân bản của họ. Điều này xuất phát từ việc họ yêu mến những con người cách sâu xa và quan tâm tới dòng lịch sử với những dấu chỉ và đòi hỏi đi kèm của nó.²⁵

Sống tiếp cận với thế giới người trẻ và khung cảnh của giới lao động, người Salêdiêng hiểu những nhu cầu của họ, tri nhân những vấn nạn không được nêu lên của họ, chia sẻ những niềm hy vọng và chờ mong của họ, cũng như đồng cảm trong những đau khổ của họ.

²⁵ x. HL 19, 79,119.

Họ kinh nghiệm sự xót thương vì “những con chiên không người chăn”²⁶, họ làm cho mình nên một với họ, và tìm cách kéo dài bước đường Chúa đi xuyên qua những đường phố của thế giới.

Trong tình yêu dành cho giới trẻ người Salêdiêng tìm thấy chính đức tin của mình được nâng đỡ và khám phá ra những giá trị khích lệ và làm giàu cho đời sống họ.

Do trở nên ý thức về những vấn đề và những khó khăn mà những người trẻ kinh nghiệm, họ tăng trưởng trong nhiệt tình đối với sứ mệnh và cảm thấy bị buộc phải sở đắc được những tài khéo cần thiết hầu trong tinh thần Tin mừng đáp trả lại những thách đố xuất hiện trên những biên giới mới của nhân loại. Họ chia sẻ với những người khác và trong một thái độ suy tư và cầu nguyện họ mang đến trước Thiên Chúa tất cả những gì họ kinh nghiệm.

Bởi vì họ gần gũi và chia sẻ với nhân loại đau khổ và thiếu thốn, họ sống ơn gọi của họ tới mức tròn đầy.

71. Sự rộng mở của người Salêdiêng trước thực tại đòi buộc:

- Một sự lưu tâm đến những lo lắng đến từ những môi trường chung quanh và chú ý đến *việc gặp gỡ trực tiếp với những thực tại của tuổi trẻ*, nghèo túng và lao động; sự sẵn lòng sống phù hợp với những vấn đề lớn của thế giới.

- *Tính nhạy cảm trước văn hoá và xã hội*, tiếp xúc với những người thợ khác trong lãnh vực giáo dục và phát triển con người; họ lưu ý đến truyền thông xã hội.

- Một nỗ lực để nhìn thực tại với *thái độ của Chúa Đấng trở nên xác phàm* và “muốn biết đến niềm vui, nỗi đau đớn, muốn kinh nghiệm sự mệt nhọc, chia sẻ những tình cảm và an ủi những người sầu khổ.”²⁷

- Sự quan tâm để sử dụng thông tin cách tốt đẹp nhất – đầu là Salêdiêng, Giáo hội hay văn hoá.

²⁶Mt 9, 36.

²⁷PDV 72.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

72. “Để tạo thuận lợi cho sức khỏe, hoạt động tông đồ, đời sống chung, bầu khí hồi tâm và cầu nguyện, mỗi hội viên hãy tránh lối làm việc vô tổ chức và cộng thể phải phân phối quân bình các trách nhiệm, bảo đảm giờ giấc nghỉ ngơi và thảnh lơi, cũng như các dịp giải trí chung thích hợp.”²⁸ Phải định kỳ lượng giá phong thái tình huynh đệ, tinh thần gia đình và phẩm chất đời sống.
73. Mỗi Salêdiêng hãy phát triển khả năng thông giao và đối thoại²⁹ và tin tưởng các hội viên của mình. Họ hãy sẵn sàng chấp nhận những khác biệt và vượt thắng những thành kiến; họ hãy tích cực tham gia vào những buổi họp cộng thể, thực thi cách trung thành các trách vụ được giao cho mình, cũng như học để hoạt động trong trách nhiệm chung với những người khác hầu đạt tới sự đồng thuận trong những mối liên hệ huynh đệ và trong công việc của mình.³⁰
74. “Người Salêdiêng ... vẫn giữ nguyên tình cảm đối với những người thân thích, cách riêng đối với cha mẹ mình.” Và “Cộng thể giữ mối giao hảo thân tình và biểu lộ lòng yêu mến biết ơn đối với gia đình mỗi hội viên.”³¹

Trong đào luyện ban đầu hãy có được một nền giáo dục nhắm tới một sự quân bình thích đáng giữa **những mối liên hệ với gia đình mỗi người** và một cảm thức thuộc về cộng thể và về Tu hội, phù hợp với những nguyên tắc của đời sống thánh hiến và lối sống Salêdiêng.³²

²⁸ QC 43.

²⁹ x. QC 99.

³⁰ x. Vecchi, J. “Chuyên viên, chứng nhân và người thợ của hiệp thông”, AGC 363 (1998) p. 34-35.

³¹ QC 46.

³² x. ibid.

3.2 Đào luyện thiêng liêng

75. Đào luyện thiêng liêng, được hiểu như sự diễn đạt rõ ràng đời sống trong Chúa Kitô hay đời sống theo Thần khí, là *tâm điểm vốn thống nhất hoá và tạo sinh khí cho kinh nghiệm của người Salêdiêng về ơn gọi của mình*. Kinh nghiệm này trước tiên là cuộc gặp gỡ thiêng liêng với Thiên Chúa, và như vậy tạo thành yếu tố cốt lõi của đào luyện, nghĩa là, nền tảng và động lực của đào luyện.

Đây là sự hoàn thành việc đào luyện nhân bản; nó góp phần xây dựng “sự hòa hợp tuyệt diệu giữa tự nhiên và ân sủng”³³ mà chúng ta từng thán phục nơi Don Bosco và nằm tại nền tảng của kế hoạch đời sống ngài khi phục vụ giới trẻ.³⁴ Nó cung ứng những động lực cho việc đào luyện tri thức, từ đó nó rút tia sức mạnh và sự nâng đỡ. Nó tăng sức cho đào luyện tới giáo dục và công việc mục vụ, khi đặt Thiên Chúa và Vương quốc Ngài tại tâm điểm của công việc tông đồ và hướng mọi sự đến với Ngài.

Việc đào luyện thiêng liêng ôm ấp những thái độ cần thiết để nuôi dưỡng một kinh nghiệm về Thiên Chúa. Nó là một cách sống đặc biệt sức mạnh đức tin, quyền lực đức cậy và nhiệt tình đức ái. Nằm tại tâm điểm của sự nghiệp Salêdiêng, đào luyện thiêng liêng tạo cho nó một tính chất độc đáo, thiết lập những động cơ và uốn nắn động lực tông đồ của nó.

76. Sống sứ mệnh Salêdiêng đòi phải có nhiều hơn chỉ những phẩm chất nhân bản, sự chuẩn bị tri thức, tiếp cận nghiệp vụ (chuyên môn), tính sáng tạo tông đồ và một đam mê dành cho giới trẻ mà thôi: tất cả những điều này thật cần thiết, nhưng không đủ để cung cấp những động lực thích đáng hầu giữ cho kinh nghiệm về ơn gọi của một người được sống động.³⁵ Người Salêdiêng *tiên vàn cần kinh nghiệm sâu xa về Thiên Chúa và Thần khí Ngài*, Đấng là yếu tố sáng lập và thúc đẩy của sứ mệnh.

³³ HL 21.

³⁴ x. *ibid.*

³⁵ x. TTN24 240; AGC 365, p. 10-11.

Người Salêdiêng được mời gọi để nối kết đời sống trong Thần khí và khoa sư phạm, để sống giáo dục như một nơi chốn của linh đạo và một con đường đưa tới sự thánh thiện. Sự đam mê kết trái trong tông đồ, sự quảng đại trong tình yêu dành cho giới trẻ nghèo, và khả năng hấp dẫn những ơn gọi giữa những thế hệ mới tùy thuộc vào phẩm chất thiêng liêng của đời sống thánh hiến.³⁶

Nhu cầu về linh đạo thậm chí còn được ghi dấu hơn trong một thế giới và một nền văn hoá vốn đầy tới chủ nghĩa náo hoạt và sự tụt đủ. Một đời sống được tập trung vào cuộc gặp gỡ và kinh nghiệm Thiên Chúa là một *chứng tá lời cuốn và một sứ điệp tiên tri* cho những con người ngày nay vốn đang khát mong những giá trị vĩnh cửu. Bằng cách này người Salêdiêng trở thành một người truyền thông linh đạo,³⁷ một người sinh động và hướng đạo trong đời sống thiêng liêng³⁸ của những người trẻ và giáo dân và trong khung cảnh của Gia đình Salêdiêng.

77. Don Bosco là một người tín hữu nhiệt thành, là một *người khởi xướng một trường phái linh đạo*.³⁹

Kinh nghiệm về Thiên Chúa của ngài nêu bật những nét riêng thuộc diện mạo Đức Chúa⁴⁰ mà ngài đã đáp lại chúng cách đặc thù. Kinh nghiệm này được đồng nhất “bởi những nhân mạnh thiêng liêng biệt loại cũng như những chọn lựa tông đồ.”⁴¹ Chúng làm cho linh đạo Salêdiêng nổi bật lên như một linh đạo tông đồ.

Bằng cách phê chuẩn Tu hội, Giáo hội công bố rằng linh đạo này – được Đấng Sáng Lập chuyển thông cho con cái mình – có “tất cả những gì cần thiết (requisites) khách quan để đạt đến sự hoàn thiện cá nhân và cộng đoàn theo Tin mừng.”⁴²

³⁶ x. VC 93.

³⁷ x. TTN 24 239.

³⁸ x. VC 55.

³⁹ x. Gioan Phaolô II, *Iuvenum Patris*, 5.

⁴⁰ x. HL 11.

⁴¹ VC 93.

⁴² Ibid.

Vì thế, nó là một “dòng chảy thiêng liêng lớn lao” trong Giáo hội, “một trường chân chính và sáng tạo dạy sống thánh thiện.⁴³ Nó là lối đường dẫn tới chứng tá về sự thánh thiện là “tặng phẩm quý giá nhất mà chúng ta có thể cống hiến cho giới trẻ.”⁴⁴

Chắc chắn chúng ta không thiếu những bản miêu tả cô đọng tóm lược và trình bày diện mạo thiêng liêng của người Salêdiêng với những đặc tính nổi bật của nó. Trong Hiến Luật chúng ta có thể tìm thấy bản trình bày chân thực, những giá trị tương ứng và những yếu tố giúp để hiện thực nó; nơi đó lối thiêng Salêdiêng, “được học hỏi do những thế hệ tiếp theo sau vốn từng sống nó, được truyền lại cho chúng ta cách tuyệt vời trong những công thức đặc biệt vốn phản ánh kinh nghiệm lâu dài này.”⁴⁵ Chúng ta bây giờ sẽ lấy lại một vài điểm và ngắn gọn bình giải chúng.

3.2.1 Dành chỗ số một cho Thiên Chúa và chương trình cứu độ của Ngài

78. Người Salêdiêng được gọi để tìm thấy Thiên Chúa hiện diện và gần gũi với mình trong mọi giây phút cuộc đời. “Thiên Chúa nhìn con” là những lời Don Bosco muốn viết trên những bức tường của Nguyện xá.

Người Salêdiêng kinh nghiệm Thiên Chúa như Đấng gần kề bên mình và làm cho họ can dự vào kế hoạch Ngài cứu độ giới trẻ.

Cảm thức về Thiên Chúa hiện diện tích cực, như được Don Bosco và các môn sinh của ngài sống cách mãnh liệt, được truyền lại cho người Salêdiêng như một gia sản quý báu.

79. *Chúa Giêsu vị Mục Tử Nhân Lành* là tâm điểm sống động cho đời sống thánh hiến của người Salêdiêng. Trong khi đứng là tất cả mọi người thánh hiến đều tập trung vào Chúa Kitô, thì đối với người Salêdiêng điều này chuyển thành một loại chứng tá biệt loại với một hướng chiều sư phạm và mục vụ vốn làm cho họ nhìn vào Chúa Kitô là vị “Mục Tử Nhân Lành”, là Đấng Cứu chuộc và Cứu thế.⁴⁶

⁴³ x. Vigano, E., “Tái khám phá tinh thần của Mornese,” AGC 301, p. 24.

⁴⁴ HL 25.

⁴⁵ Vecchi, J., “Chúa Cha thánh hiến và sai chúng ta đi” AGC 301, p. 24.

⁴⁶ x. Vigano, E., “Linh đạo Salêdiêng cho việc Tân Phúc Âm hóa,” AGC 334 (1990), p. 33.

Người Salêdiêng chiêm ngắm Chúa Giêsu vị Mục Tử Nhân Lành trong niềm tri ân Chúa Cha vì kế hoạch cứu chuộc của Ngài, trong tình ưu ái Ngài dành cho những kẻ bé mọn và nghèo khó, trong nhiệt tình rao giảng, chữa lành và cứu chuộc bởi vì sự khẩn cấp của Vương quốc đang đến. Họ bắt chước sự hiền dịu và tự hiến của vị Mục Tử Nhân Lành, và chia sẻ ước muốn của Ngài là quy tụ các môn đệ trong sự hiệp nhất của một gia đình.⁴⁷

Ngài là một Chúa Giêsu “hằng sống”, bận bịu và luôn di chuyển để tìm những kẻ xa lạc và vui mừng khôn tả như trong lễ hội khi trở về với những con chiên lạc trên vai.

Ngài là Chúa Giêsu luôn giữ lấy Chúa Cha trong tâm trí và tâm hồn, không ngừng nguyện cầu với Cha, tạ ơn Cha, thực hiện ý Cha và nói về Cha cho các môn đệ và công bố mình chính là con đường để nhìn xem và gặp gỡ Cha.

- 80.** Qua Chúa Giêsu người Salêdiêng gặp gỡ Chúa Cha và sống trong Thần khí. Làm việc cho phần rỗi của giới trẻ và sống khoa linh đạo của Hệ thống Dự phòng, họ kinh nghiệm *tình Cha của Thiên Chúa*,⁴⁸ nhận ra Ngài luôn hiện diện và chăm sóc, cũng như cảm thấy mình được gọi để mặc khải Chúa Cha cho giới trẻ.

Chúa Thánh Thần, Đấng khơi dậy Don Bosco, hình thành nơi Don Bosco trái tim của một người cha và người thầy và hướng dẫn Don Bosco trong sứ mệnh của ngài,⁴⁹ kêu gọi mọi môn sinh của Don Bosco tiếp tục “cùng một *kinh nghiệm về Thần khí*”⁵⁰ trong sự phục vụ giới trẻ. Người Salêdiêng là một người thiêng liêng, quan tâm để phân định những đường lối trong đó Thần khí tác động trong trái tim của những người trẻ. Họ có thể nắm bắt sự hiện diện của Thiên Chúa trong các câu hỏi, những ước vọng và tiếng kêu cứu của chúng và trở thành một khí cụ của Thần khí hoạt động trong tâm hồn chúng.

⁴⁷ x. HL 11.

⁴⁸ x. HL 12, 20.

⁴⁹ x. HL 1.

⁵⁰ x. HL 3.

Được Chúa Cha đổ tràn trên người Salêdiêng trong sự thánh hiến,⁵¹ Thần khí nắn hình và nhào nặn trái tim của họ, làm họ nên đồng hình với Chúa Kitô, vâng phục, nghèo khó và thanh khiết, và thúc đẩy họ làm cho sứ mệnh của Chúa Kitô thành của mình.

81. Để nuôi dưỡng kinh nghiệm của họ về Thiên Chúa, người Salêdiêng:

- *Đào sâu đức tin của mình* và sống mầu nhiệm Kitô hữu, ghi danh mình trong trường dạy Lời Thiên Chúa;

- *Đặt Thiên Chúa là trung tâm cuộc đời mình*, luôn dẫn thân vào “một cuộc đàm đạo từ trái tim đến trái tim với Chúa Kitô hằng sống và với Chúa Cha”, và liên lý chú ý đến Thần khí hiện diện. Họ làm “mọi sự vì yêu mến Thiên Chúa” hầu trở thành, như Don Bosco, “một người chiêm niệm trong hành động.”⁵² Họ hành động theo một cách thức đến nỗi tất cả những gì họ làm biểu lộ con người (cái ngã) bên trong của họ, và toàn cuộc đời họ trở thành một cử hành “phụng vụ đời sống”;

- *Cảm thấy vui sướng khi mặc khải cách riêng cho giới trẻ* mầu nhiệm Thiên Chúa phong phú khôn dò và khi là một dấu chỉ và người mang tình yêu của Thiên Chúa;⁵³

- Trong sự kết hợp với Chúa Kitô, *họ dán chặt khoé nhìn và cõi lòng vào Chúa Cha*, nuôi dưỡng một thái độ tin tưởng và nhiệt tình đóng góp phần mình vào việc hiện thực kế hoạch cứu chuộc của Thiên Chúa; họ tri ân vì tặng phẩm ơn gọi của họ và cam kết sống ơn gọi ấy với tất cả sự tròn đầy của nó;

- *Được Chúa Kitô chiếm hữu*, họ tìm cách bắt chước Ngài trong việc trao ban chính mình và trong sự phục vụ. Họ cố gắng làm cho tâm tư nguyện vọng tình cảm của Chúa Kitô thành của mình và trở nên một với Ngài. Chúa Kitô, chọn lựa nền tảng của họ, trở thành chính tiêu chuẩn của tất cả những quyết định của họ. Trong trái tim họ, không có chỗ cho những quyết định vốn ở trên và độc lập khỏi Chúa Kitô; họ ôm ấp những lời khuyên Phúc âm hầu chia

⁵¹ x. HL 3.

⁵² HL 12.

⁵³ x. HL 34, 2.

sẽ lối sống của Chúa Giêsu và tham gia vào sứ mệnh của Ngài một cách đặc biệt sâu xa và hữu hiệu;⁵⁴

- *Tăng trưởng trong sự chú tâm đến Thần khí*, nhận ra và vui mừng chấp nhận công việc thánh hóa và canh tân của Ngài. Họ liên lý chú ý tới sự hiện diện của Thần khí trong đời sống mình, trong những con người và trong lịch sử. Được Thần khí hướng dẫn, họ sống trong một thái độ phân định và rộng mở với ý Thiên Chúa. Họ ôm ấp kinh nghiệm đào luyện của mình như một kinh nghiệm về sự rộng mở, dễ dạy và cộng tác với Thần khí,⁵⁵ “là nguồn mạch không ngừng của ân sủng và là một sự nâng đỡ cho những cố gắng hằng ngày của họ để lớn lên tới tình yêu hoàn hảo đối với Thiên Chúa và con người.”⁵⁶

3.2.2 Cảm thức về giáo hội

82. Sứ mệnh của Don Bosco thì *thiết thân với chính mẫu nhiệm Giáo hội* trong sự phát triển lịch sử của Giáo hội: Don Bosco được tôn vinh trong Giáo hội và vì Giáo hội.⁵⁷ Đối với Don Bosco, yêu mến Giáo hội là một trong những diễn đạt đặc trưng của đời sống và sự thánh thiện của ngài.

Vì thế, kinh nghiệm thiêng liêng của người Salêdiêng là một kinh nghiệm về Giáo hội.

Hiến Luật nói: “*on gọi Salêdiêng đặt chúng ta vào lòng của Giáo hội.*”⁵⁸ Điều đó hàm ý một cảm thức mạnh mẽ về Giáo hội, một *trương quan mật thiết* với Giáo hội, và một sự *hiệp thông* chân thành và mãnh liệt với Đức Thánh Cha và với tất cả những ai làm việc cho Vương quốc.

83. Để tăng trưởng cảm thức thuộc về Giáo hội, người Salêdiêng:

- Nuôi dưỡng nơi chính mình *một sự nhạy cảm thiêng liêng vốn nhìn nhận Giáo hội là “trung tâm hiệp nhất và hiệp thông* của mọi lực

⁵⁴ x. VC 18.

⁵⁵ x. HL 99.

⁵⁶ HL 25.

⁵⁷ x. Vigano, E., “Gia Đình Salêdiêng,” AGC 304 (1982), p. 10.

⁵⁸ HL 6.

lượng hoạt động cho Vương quốc”⁵⁹ và cần mẫn làm việc trong Giáo hội, tương hợp với ơn gọi đặc thù của họ, hầu “Giáo hội có thể xuất hiện trước thế giới là bí tích phổ quát của ơn cứu độ;”⁶⁰

- Trong nhiệt tình truyền giáo họ *cảm thấy quan tâm đến những ưu tư và vấn đề của Giáo hội phổ quát*, tham gia vào công việc mục vụ của Giáo hội địa phương, và giáo dục những Kitô hữu trẻ có được một cảm thức chân chính về Giáo hội;⁶¹

- *Biểu lộ cảm thức của họ về Giáo hội* “qua sự trung thành con thảo với Đấng kế vị thánh Phêrô và huấn quyền của ngài, và qua ý muốn sống hiệp thông, cộng tác với các Giám mục, hàng giáo sĩ, các tu sĩ và giáo dân”;⁶²

- *Thực hành một “linh đạo hiệp thông”* vốn trở thành “một dấu chỉ cho toàn thế giới và một sức mạnh thuyết phục dẫn người ta đến tin nhận Chúa Kitô.”⁶³

3.2.3 Sự hiện diện của Đức Maria Vô Nhiễm, phù hộ các giáo hữu

84. Sự hiện diện đặc biệt của Đức Maria trong ơn gọi và sứ mệnh của họ được liên kết rất mật thiết với kinh nghiệm thiêng liêng của người Salêdiêng. Đức Maria Vô nhiễm, Phù hộ các Giáo hữu, xuất hiện như một ảnh tượng (icon) của linh đạo Salêdiêng, khởi hứng họ với tình yêu mục tử và cho họ một trái tim tông đồ. Trong kinh nghiệm của Don Bosco với đặc sủng sáng lập dòng, từ giấc mơ đầu tiên tới những chân trời truyền giáo rộng lớn, Mẹ hằng hiện diện và quyết định.

Nơi Đức Maria Vô nhiễm, người Salêdiêng thoáng thấy sự hiện diện hữu hiệu của Thần khí, sự sẵn sàng đối với kế hoạch của Thiên Chúa, sự đoạn tuyệt với tội lỗi và mọi thế lực trợ giúp nó và sự thánh hiến trọn vẹn. Mẹ Maria khởi hứng nơi họ một sự rộng mở trước siêu nhiên, một khoa sư phạm của ân sủng, sự tế nhị của

⁵⁹ HL 13.

⁶⁰ HL 6.

⁶¹ x. HL 13.

⁶² HL 13.

⁶³ VC 46.

lượng tâm, và những khía cạnh hiển mẫu khi đồng hành với giới trẻ trong công việc giáo dục.⁶⁴

Nơi Đức Maria Phù hộ các Giáo hữu, người Salêdiêng chiêm ngắm tình mẫu tử của Mẹ trong mối liên hệ với Chúa Kitô và Giáo hội, sự nâng đỡ của Mẹ đối với dân Thiên Chúa trong những thăng trầm lịch sử, sự cộng tác của Mẹ trong công trình cứu độ và sự nhập thể của Tin mừng giữa các dân tộc, và sự trung gian của Mẹ đối với ân sủng cho mọi Kitô hữu và mọi cộng đoàn. Nơi ta, Mẹ giữ cho cảm thức về Giáo hội, nhiệt tình đối với truyền giáo, sự can đảm tông đồ và khả năng qui tụ mọi lực lượng vì Vương quốc được sống động.⁶⁵

- 85.** Để kinh nghiệm Đức Maria hiện diện trong ơn gọi của mình và để lớn lên trong “niềm sùng kính con thảo”⁶⁶ đối với mẹ, người Salêdiêng:

- *Nuôi dưỡng một liên hệ cá nhân với mẹ*, dựa trên sự chiêm niệm về vai trò của mẹ trong kế hoạch cứu độ và trong mẫu nhiệm Chúa Kitô, và biểu lộ ra trong một thái độ con thảo qua những việc thực hành khác nhau;

- *Cảm nhận mẹ gần gũi sống động và nâng đỡ họ trong sự thánh hiến tông đồ*, và dẫn họ tới việc hiến dâng trọn vẹn cho Thiên Chúa;⁶⁷

- *Rút lấy sự hứng khởi và can đảm từ nơi mẹ cho công việc giáo dục của họ*: họ học từ mẹ để gần gũi với giới trẻ và ân cần phục vụ họ.

3.2.4 Giới trẻ, chốn gặp gỡ [điểm hẹn với] Thiên Chúa

- 86.** “Chúng ta tin rằng Thiên Chúa đang đợi chúng ta nơi giới trẻ để ban cho chúng ta ân sủng là được gặp gỡ ngài và làm chúng ta sẵn sàng phục vụ ngài nơi chúng.”⁶⁸

⁶⁴ x. Vecchi, J., “Những dấu chỉ cho một tiến trình tăng trưởng trong lối thiêng Salêdiêng”, *AGC* 354 (1995), p. 48-49.

⁶⁵ x. *ibid.*

⁶⁶ HL 92.

⁶⁷ x. *ibid.*

⁶⁸ TTN23 95.

Lời tuyên tín này của TTN23 chỉ ra *giao lộ trong đời sống thiêng liêng của một người Salêdiêng. Thiên Chúa hẹn gặp họ và để mình được họ gặp gỡ khi họ gặp gỡ và giáo dục giới trẻ.*

Vì lẽ này, Nguyên xá đầu tiên là một kinh nghiệm thiêng liêng và giáo dục, một khoa sư phạm thực tiễn về sự thánh thiện cho cả nhà giáo dục lẫn học sinh. Ông gọi Salêdiêng mang chúng ta “tìm kiếm sự thánh thiện qua việc chúng ta can dự vào giáo dục”, đạt được “đức ái hoàn hảo qua việc dạy dỗ.”⁶⁹ Sự hoán đổi giữa giáo dục và sự thánh thiện là một khía cạnh đặc trưng nơi con người Don Bosco. Ngài đạt được sự thánh thiện của mình qua những nỗ lực giáo dục mà ngài thực hiện với nhiệt tình và một trái tim tông đồ.⁷⁰

Cả hôm nay nữa, trong khoa linh đạo của đời sống thường nhật và của sân chơi, người Salêdiêng sống lại kinh nghiệm thiêng liêng của Don Bosco và trở thành một con người thiêng liêng [của Thần khí] có một cảm thức về Thiên Chúa.

- 87.** Đơn giản, *sứ mệnh của người Salêdiêng* không được đánh đồng với công việc hay hoạt động bên ngoài, nhưng là một kinh nghiệm thiêng liêng chân thật. Không phải họ tự mình chạy đến với giới trẻ. Chính Chúa Cha thánh hiến họ, sai họ như một vị tông đồ, người đồng lao cộng khổ của ngài cho giới trẻ mà Thiên Chúa đã hoạt động trong họ qua Thần khí Ngài. Chính Chúa Cha nối kết người Salêdiêng vào trong dự định của Ngài cho giới trẻ.

Mục đích của sứ mệnh – đem tình yêu của Thiên Chúa cho giới trẻ – đòi buộc rằng nơi toàn thể con người và hoạt động của họ, người Salêdiêng phải ly thoát chính mình như một tội tớ khiêm hạ và tập trung vào hai cực là Chúa Kitô hằng sống và giới trẻ, và phải gặp gỡ cả hai.⁷¹

Chính bởi vì đó là một vấn đề của một kinh nghiệm thiêng liêng được khai sinh, sống và thúc đẩy hoạt động tông đồ, người Salêdiêng có thể rèn đúc nơi chính mình và trong việc giáo dục

⁶⁹ VC 96.

⁷⁰ x. Gioan Phaolô II, *Iuvenum Patris*, 5

⁷¹ x. *Kế hoạch đời sống của người Salêdiêng Don Bosco*, p. 99.

của mình *một tổng hợp chân chính giữa giáo dục và rao giảng Tin mừng*, giữa phát triển nhân bản và đính kết với Tin mừng, giữa đức tin và văn hoá, giữa làm việc và cầu nguyện.

88. Vậy đây là một số thái độ mà người Salêdiêng không ngừng nuôi dưỡng:

- *Họ làm việc với giới trẻ với một động cơ siêu nhiên chân chính*, vượt trên bình diện khuynh hướng và ưa thích tự nhiên;

- *Họ thấp lùn trong chính mình kinh nghiệm tôn giáo và thiêng liêng về sứ mệnh*: họ lớn lên trong ý thức rằng họ được Chúa Cha sai đến để chu toàn kế hoạch cứu độ của Ngài; họ nỗ lực để làm chính mình nên sẵn sàng như Người Con mà họ là dấu chỉ và người mang tình yêu của Ngài; họ giữ mình luôn rộng mở trước Thánh Thần Đấng làm đầy tâm hồn họ bằng tình yêu mục tử và khởi hứng mọi nỗ lực của họ;

- *Họ nhiệt thành sống kinh nghiệm về sứ mệnh của Tu hội*, nghĩa là, việc phục vụ giới trẻ khi dùng phương pháp của Don Bosco, và bằng cách này họ tham gia vào sứ mệnh của Giáo hội;

- *Họ huấn luyện mình để nhìn vào thực tại giới trẻ với thái độ của Vị Mục Tử Nhân Lành*; họ tri nhận nơi nhu cầu của giới trẻ một tiếng kêu van xin ơn cứu độ cũng như tiếng gọi họ đáp trả; họ làm một hành trình thiêng liêng với chúng, giúp chúng qua các bí tích, linh hướng và phân định;

- *Họ đặt công việc của họ lệ thuộc vào điều được gọi là những quy luật “tông đồ”*. Họ biết rằng họ phải làm việc với uy tín, nhưng họ tiên vắn tin vào sức mạnh của Thiên Chúa. Họ cầu nguyện nhiều và vẫn khiêm hạ khi thành công. Họ không cầu xin để xem thấy những kết quả, nhưng tin tưởng rằng Chúa sẽ ban muôn hiệu quả;

- *Họ chấp nhận những từ bỏ* mà công việc tông đồ kéo theo và tin vào giá trị huyền nhiệm của đau khổ. Họ khích lệ sự tham gia của những người khác và những cơ cấu của đời sống tông đồ. Sự vâng phục của họ đến từ trái tim. Họ có thể cộng tác với những người khác và chia sẻ công việc tông đồ với họ. Họ thực hành tiết độ và tránh an nhàn và đời sống dễ dãi.

3.2.5 Kinh nghiệm Thiên Chúa trong đời sống cộng thể

89. Người Salêdiêng tìm thấy trong việc sống và làm việc chung một đời hỏi nền tảng và đường lối vững chắc để chu toàn ơn gọi của mình.⁷² *Kinh nghiệm về đời sống cộng thể đối với họ là một kinh nghiệm tôn giáo và nhân bản cách thâm sâu.* Cùng với và qua các anh em, giới trẻ và những cộng sự viên của mình, họ gặp Chúa và cảm nhận Ngài hiện diện.

Khi tham dự vào sứ mệnh chung, người Salêdiêng phân định những tình huống với cộng thể của mình trong ánh sáng Tin mừng, và cảm thấy cùng chung trách nhiệm đối với những biện pháp được lấy trong lãnh vực giáo dục và mục vụ và đối với việc làm cho chúng thành hiệu quả.

Họ giúp cộng thể để trở thành trung tâm hiệp thông và tham gia bằng cách đưa vào và sinh động hoá những lực lượng tông đồ khác.

Trong một thế giới thiếu hiệp thông, “sống và làm việc chung” của người Salêdiêng với các hội viên đủ mọi lứa tuổi, ngôn ngữ và văn hoá là một dấu chỉ rằng đối thoại luôn có thể được và là một lời tiên tri rằng sự hiệp thông có thể hoà điệu những khác biệt: qua các sự kiện nó hùng hồn công bố sức mạnh biến đổi của Tin mừng.⁷³ Bằng cách này *hiệp thông trở thành sứ mệnh*⁷⁴ và một nguồn mạch của linh đạo.

90. Để kinh nghiệm Thiên Chúa trong đời sống cộng thể, người Salêdiêng nuôi dưỡng những thái độ sau đây nơi chính mình:

- Họ coi cộng thể là “*một mẫu nhiệm mà phải được chiêm ngắm và đón chào với tâm hồn đầy lòng tri ân trong một bối cảnh rõ ràng của đức tin.*”⁷⁵ Họ chấp nhận anh em là tặng phẩm của Thiên Chúa cho mình. Họ yêu mến anh em như Chúa Kitô dạy và làm cho kinh nghiệm về sự chia sẻ đức tin là việc lắng nghe Lời và cử hành Thánh Thể thành nền tảng của đời sống cộng thể. Họ nỗ lực làm cho việc cam kết triệt

⁷² x. HL 49.

⁷³ x. *Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn*, 56.

⁷⁴ x. VC 46.

⁷⁵ *Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn*, 12.

đề với Chúa Giêsu trời hiện trong đời sống thường nhật của họ và cố gắng làm cho cộng thể của họ thành một “đấu chí”, một “trường học” và một “lãnh vực đức tin”⁷⁶

- Ý thức về những giới hạn của mình, người *Salêdiêng yêu mến cộng thể đúng như chính nó*, với những ưu và khuyết điểm, với đấu tranh để trung thành và những thiếu sót của mình;

- *Họ sống tinh thần gia đình*, nghĩa là, yêu mến lẫn nhau, một mạng lưới của những tương giao huynh đệ và bằng hữu, chia sẻ của cải, phong thái huynh đệ trong việc thực thi quyền bính và vâng phục, đối thoại và chia sẻ trách nhiệm trong công việc; họ duy trì một mối tương quan nồng ấm đối với Giám đốc, bắt chước mối liên hệ của các Salêdiêng tiên khởi với Don Bosco;

- *Họ thanh luyện khả năng thông giao liên vị*, tới độ chia sẻ những tình cảm, kinh nguyện và những kinh nghiệm thiêng liêng và tông đồ;

- *Họ trung thành tuân theo kế hoạch đời sống của cộng thể* và tích cực tham gia vào trong những thời khắc quan trọng của cộng thể chẳng hạn “ngày cộng thể”, những hội họp cộng thể, các buổi họp cố vấn và hội nghị hội viên;

- *Họ cụ thể sống và kinh nghiệm việc họ thuộc về cộng thể Tỉnh và thế giới*;

- *Họ tăng trưởng trong sự trân trọng đối với sứ mệnh như một kinh nghiệm hân hoan về sự hiệp thông* vốn liên lý giúp họ vượt trên mọi hình thái ích kỷ và cá nhân chủ nghĩa. Họ đọc và lượng giá những tình hình chung với những người khác, cộng tác với tất cả những ai làm việc trong lãnh vực mục vụ, và thực thi dự phóng chung trong một tinh thần chia sẻ trách nhiệm và liên đới, đảm nhận trách nhiệm riêng mình và kính trọng những trách nhiệm của người khác;

- *Họ sống nhập cuộc vào Giáo hội địa phương* với một cảm thức về sự hiệp thông và sẵn sàng liên kết với tất cả những lực lượng làm việc cho giới trẻ trong vùng họ sống.

⁷⁶ x. TTN23 216-218.

3.2.6 Theo Chúa Kitô vâng phục, nghèo khó và thanh khiết

91. Đời sống thiêng liêng của người Salêdiêng là một kinh nghiệm thâm sâu về Thiên Chúa, được nâng đỡ bởi và rời đến lượt mình, lại nâng đỡ, một hình thức sống hoàn toàn dựa trên những giá trị Tin mừng.⁷⁷

Vì lẽ này, người Salêdiêng ôm ấp lối sống vâng phục, nghèo khó và thanh khiết mà Chúa Giêsu đã chọn cho mình khi sống trên trần. Đó là cách họ triệt để sống Tin mừng và là cách vững chắc để hoàn toàn hiến mình cho thanh thiếu niên vì yêu mến Chúa. Nó là con đường đưa họ tới tình yêu hoàn hảo.⁷⁸

Khi họ tăng trưởng trong việc sống triệt để Tin mừng và tạo cho nó một hướng chiều tông đồ, họ biến đời sống thành một sứ điệp giáo dục, được ngỏ đặc biệt cho giới trẻ, công bố rằng “Thiên Chúa hiện hữu và tình yêu Ngài có thể lấp đầy một cuộc sống. Nó cũng làm chứng rằng nhu cầu yêu thương, sự ham muốn sở hữu và quyền tự do để định đoạt về cuộc sống mình đạt được ý nghĩa tột đỉnh nơi Đức Kitô Cứu Chúa.”⁷⁹

3.2.6.1 Theo Chúa Kitô vâng phục

92. Đối với Chúa Giêsu, vâng phục Chúa Cha là bản tổng hợp của cuộc đời ngài, và ngài đã nhập thể sự vâng phục ấy trong mầu nhiệm Vượt Qua. Ngài mạc khải căn tính của mình như Người Con và Người Tôi Tớ, tỏ ra luôn hiệp nhất với Chúa Cha cách độc nhất vô nhị và hoàn toàn thuần phục Cha. *Việc Chúa Cha thánh hiến Ngài trùng khớp với việc Ngài hoàn toàn sẵn sàng cho sứ mệnh cứu độ.*

Đối với người Salêdiêng, một trong những lý do chính cho đức vâng phục có chỗ đứng hàng đầu – Don Bosco thường nói rằng “trong một Tu hội vâng phục là tất cả”⁸⁰ – hệ tại ở tầm quan trọng đặc biệt mà “sứ mệnh” chiếm chỗ trong đời sống của họ,⁸¹ và nhất là trong khía

⁷⁷ x. HL 60.

⁷⁸ x. PC 1.

⁷⁹ HL 62.

⁸⁰ BM X, 463.

⁸¹ x. HL 3.

ạnh cộng thể của nó.⁸² *Vâng phục làm họ hoàn toàn sẵn sàng phục vụ giới trẻ.*

Trong bầu khí văn hoá hiện tại vốn đề cao sự tự hiện thực chính mình và nguồn năng lực cá nhân, người môn đệ của Chúa Kitô vâng phục *hoàn thiện sự tự do của mình* như một người được thánh hiến bằng cách đặt toàn bản ngã của mình để phục vụ sứ mệnh chung với sáng kiến, trách nhiệm và sự dễ dạy, tránh mọi hình thức chủ nghĩa cá nhân.

93. Đề sống kinh nghiệm của sự vâng phục người Salêdiêng chú ý đến những thái độ sau đây:

- Họ cố gắng thực hiện nơi chính mình *một sự chuyển đổi khó khăn là từ những việc làm họ vui thích sang những việc làm “vui lòng Chúa Cha,”* khi làm cho những tâm tình của Chúa Kitô thành của mình;

- Họ tìm kiếm ý Chúa Cha với sự trợ giúp của cầu nguyện và qua những máng chuyển thích hợp chẳng hạn đối thoại cộng thể, phân định mục vụ, chú ý đến những tình trạng cụ thể và những dấu chỉ thời đại, và việc đàm thoại huynh đệ với bề trên, và rồi họ thực thi nó với sự tận hiến;

- Họ tự do *ôm ấp Hiến Luật* như dự phóng đời sống và sự thánh thiện của họ, và khiêm cung *chấp nhận những hướng dẫn* của Giáo hội và những chủ chăn, và những chỉ dẫn của Tu hội trong những Tổng Tu Nghị và trong những dạy dỗ của Bề Trên Cả và những bề trên khác;

- Họ *chịu toàn các bổn phận* cách quảng đại và sáng kiến, đầu tư tất cả những tài năng để phục vụ sứ mệnh;

- Họ *đảm nhận sứ mệnh của cộng thể mà họ được sai đến*, mở rộng cho đối thoại và chia sẻ trách nhiệm trong cộng thể, làm việc theo dự phóng chung và thực thi nó, khi thực thi vai trò của riêng mình và kính trọng sự đóng góp của những người khác;

- Họ *sống sự vâng phục bằng cách thi hành những vai trò của quyền bính và điều hành*, khi hoàn thành chúng với một phong thái vốn sinh động, khích lệ sự cộng tác và đồng thuận trong công việc,

⁸² x. HL 50.

khi cổ xúy một cảm thức về sứ mệnh chung, và biết lúc nào can thiệp với sự hiền dịu và can đảm;

- *Khi vâng phục gắn liền với khó khăn vốn thử luyện tình yêu*, họ nhìn lên Chúa Giêsu, Người Con vâng phục của Chúa Cha.⁸³ Họ nhớ lại lời Don Bosco nói: “Nếu chúng ta phải tìm thấy một khoản luật hoặc một bồn phạt hoặc một trách vụ nào đó thật tẻ nhạt, chúng ta đừng nản lòng. Chúng ta hãy vượt thắng tình cảm đó vì Chúa chúng ta và vì phần thưởng đợi chờ ta ... Như thế, chúng ta sẽ thật sự trở thành những người vâng phục.”⁸⁴

3.2.6.2 Theo Chúa Kitô nghèo khó

94. *Chúa Giêsu ôm ấp nghèo khó* như một lối sống, như một diễn tả rằng Ngài cam kết cho sứ mệnh, Ngài liên đới với chúng ta, Ngài hy sinh những tư lợi và như một quan tâm và tình ưu ái mục vụ đối với những kẻ nghèo. *Nơi Chúa Giêsu người Salêdiêng tìm được sự giàu sang chân thật*; nơi Ngài họ muốn yêu giới trẻ nghèo và cảm thấy liên đới với họ.

Nghèo khó là một thái độ tâm hồn,⁸⁵ và một đặc tính của sứ mệnh. Nó là một phong thái sống cá nhân và cộng thể làm ta tự do để quảng đại tận hiến phục vụ Tin mừng.

Bằng cách này *người Salêdiêng và cộng thể trở thành một khuôn mẫu* của một xã hội khác nhắm đến công ích, kính trọng giá trị của mỗi cá nhân, phát triển trên nền tảng công bằng và bình đẳng, và ân cần chăm sóc những kẻ yếu đuối và dễ tổn thương.⁸⁶

95. Trong một nỗ lực tiệm tiến và liên lý, người Salêdiêng tăng trưởng trong những thái độ sau:

- *Họ nhận Chúa Giêsu trong sự khó nghèo là khuôn mẫu đời sống* của họ và tìm thấy nơi Ngài kho tàng thật sự của mình: “tôi đành

⁸³ x. HL 71.

⁸⁴ BM VI, p. 556.

⁸⁵ Don Bosco thường nói: “các con không thể thực thi nghèo khó trừ phi các con yêu mến nó.” x. BM V, 442.

⁸⁶ x. Vecchi, J., “Được sai đi để đem Tin mừng cho những người nghèo,” AGC 367 (1999), p. 9-10.

mất hết, và tôi coi tất cả như rác, để được Đức Ki-tô ... được biết chính Đức Ki-tô, nhất là biết Người quyền năng thế nào nhờ đã phục sinh.”⁸⁷

- Họ tìm cách vui sống một cuộc đời đơn giản và lao nhọc, yêu mến việc tông đồ và phục vụ cộng thể mình,⁸⁸ sẵn lòng lao động tay chân, và chấp nhận với sự đơn giản những bất tiện và từ bỏ không thể tránh né được;

- Họ tin tưởng vào kế hoạch của Thiên Chúa cho đời sống của mình; họ cảm thấy trách nhiệm đối với những đồ đạc họ dùng và nhạy cảm đối với chứng tá cộng đoàn về sự nghèo khó; họ cố gắng chia sẻ mọi sự cách huynh đệ: của cải vật chất, thành quả công việc, tặng phẩm nhận được, những năng lực, tài năng và kinh nghiệm của họ; họ biết làm sao lệ thuộc vào cộng thể và bè trên của mình;⁸⁹

- Họ biểu lộ sự khó nghèo của mình trong khi trung thành với những kẻ họ được sai đến, trong cái hình thức họ tạo nên cho công việc giáo dục và mục vụ của họ trong những khung cảnh khác nhau, trong góc độ đặc thù từ đó họ nhìn vào thực tại và các biến cố, trong sự nhạy cảm của họ trước những tình huống xã hội và những hình thức nghèo khổ mới; sự nhạy cảm đó được thúc đẩy bởi giáo huấn xã hội của Giáo hội; do ơn gọi, họ cảm thấy bị buộc để quan tâm đến những người nghèo và những vấn đề của họ, để “yêu họ trong Chúa Kitô”⁹⁰ với một tình yêu vốn đồng cảm với họ và giàu sáng kiến và chia sẻ điều kiện sống của họ. Họ hạnh phúc để làm việc với giới trẻ nghèo, với những công nhân trẻ và với lớp người lao động. Họ vun trồng nơi mình và nơi người khác một tình yêu đối với công cuộc truyền giáo và can dự vào sự sinh động truyền giáo;

- Họ sống công việc giáo dục và phát triển như một sự phục vụ người nghèo cách tuyệt diệu, và vì vậy họ tiếp cận những cơ cấu và phương thể thích đáng nhất, và nối kết khả năng quản trị với niềm tin vào Chúa Quan Phòng, nhờ đến “các ân nhân” và sự tận hiến cá nhân.

⁸⁷ Pl 3:8-10.

⁸⁸ x. QC 64.

⁸⁹ x. HL 76.

⁹⁰ HL 79.

3.2.6.3 Theo Chúa Kitô thanh khiết

96. “Kết hợp với Thiên Chúa”, “sự ưu ái dành cho giới trẻ”, “lòng thương mến”, và “tình thân gia đình” là tất cả những nét đặc trưng của tinh thần Salêdiêng và diễn tả cách yêu thương của người Salêdiêng.

Người Salêdiêng hằng ngày *kinh nghiệm tình yêu của Thiên Chúa hoàn toàn tràn ngập đời sống họ*⁹¹ và vui tươi sống thanh khiết như một dấu chỉ nói lên Chúa Kitô hằng sống, phục sinh từ cõi chết, hiện diện trong Giáo hội, và có thể chiếm được các tâm hồn.⁹²

Người Salêdiêng thâm tín rằng *đức thanh khiết thánh hiến ban tràn một phẩm chất đặc biệt trên khả năng yêu mến của họ* và làm cho họ quảng đại và hạnh phúc khi trao ban chính mình không chút dè giữ, thanh thoát cõi lòng để yêu mến một mình Thiên Chúa trên mọi sự và có thể thực thi lòng thương mến.

Họ học để trở thành *một chứng nhân rằng Thiên Chúa ưu ái đối với giới trẻ*, một nhà giáo dục có khả năng nhập thể tình cha của Thiên Chúa đối với chúng hầu chúng “biết chúng được yêu mến.” Nhờ một đức ái biết cách để làm cho mình được yêu họ giáo dục chúng tới tình yêu chân thật và sự trong sạch.

Trong một bối cảnh văn hoá vốn gán nhiều quan trọng cho thân xác và thường tôn dương phái tính, thì nỗ lực sống trong sạch và chứng từ của một nhân cách hạnh phúc và quân bình là *một dấu chỉ về sức mạnh của ân sủng Thiên Chúa trong sự yếu đuối của thân phận con người*. Rút từ kinh nghiệm đời sống, người Salêdiêng tuyên bố rằng với Thiên Chúa trợ giúp ai nấy đều có thể điều hướng cõi lòng, giáo dục cảm tính và làm chủ bản ngã của mình hầu sống một kinh nghiệm nhân bản chân chính về yêu mến Thiên Chúa và tha nhân.

97. Đào luyện cho sự thanh khiết đòi hỏi một vài điều kiện đặc biệt:

- *Đặt bản ngã của một người được giáo dục và giáo dục đến sự trưởng thành tình cảm và tình yêu*, khởi từ ý thức rằng tình yêu ở tại

⁹¹ x. HL 62.

⁹² Vecchi, J., “Một tình yêu vô giới hạn cho Thiên Chúa và giới trẻ,” AGC 366 (1999), p. 13.

trung tâm của đời sống và không được giản lược vào một khía cạnh mà thôi, tức thể lý, nhưng can dự đến tất cả mọi khía cạnh của nhân vị, kể cả tâm lý và thiêng liêng; để lớn lên trong xác tín rằng tình yêu luôn được hướng tới người khác là một tặng phẩm; và nó làm cho người ta có khả năng từ khước;⁹³

- *Yêu mến Thiên Chúa với tất cả sức lực*, và nơi Ngài yêu mến giới trẻ cách đặc biệt mà họ được sai đến: vì mục đích này, người Salêdiêng ôm ấp một hình thức sống và kiểu cách của tình yêu giáo dục và mục vụ vốn kéo theo một sự khước từ đời sống hôn nhân và tất cả những gì thuộc về đời sống ấy;

- *Hòa hợp nhu cầu yêu mến và được yêu mến* thành một khả năng cho tình bạn và chia sẻ huynh đệ, thành tinh thần gia đình và thành lòng thương mến của Hệ thống Dự phòng, vốn là một khả năng yêu mến và làm cho mình được yêu mến.

- *Giáo dục bản ngã tới yêu mến tha nhân* bao gồm kính trọng, chân thành, nồng ấm tình người, trung tín và thông cảm cũng như vượt thắng những ngáng trở vốn giữ con người xa cách nhau và những thái độ nhằm khai thác người khác;

- *Trở nên ý thức về sự mỏng dòn* và thực thi tiết độ và tự chủ, giữ quân bình trong tình cảm và làm chủ trên những thúc đẩy dục tính của một người; thận trọng trong những giao tiếp liên vị, trong ngôn ngữ thường nhật, và trong việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội;

- *Khẩn cầu Thiên Chúa trợ giúp và sống trước nhan Ngài*; nuôi dưỡng tình yêu của mình đối với Chúa Kitô; lợi dụng bí tích Hòa Giải như một phương thế thanh tẩy; chân thành bày tỏ mình cho một vị linh hướng; và tin tưởng như con thảo vào Đức Maria Vô nhiễm, Đáng giúp yêu mến như Don Bosco đã yêu.⁹⁴

3.2.7 Trong đối thoại với Thiên Chúa

98. Trong cầu nguyện người Salêdiêng phát triển, nuôi dưỡng và cử hành khả năng của mình để *gặp gỡ Thiên Chúa trong đời sống và trong*

⁹³ x. QC 66, 68.

⁹⁴ x. HL 84.

công việc giáo dục giới trẻ, và niềm vui của họ trong việc chiêm ngắm Chúa Giêsu là vị Mục Tử Nhân Lành, Thiên Chúa Cha là Người Cha của giới trẻ, và Thần khí là Đấng hoạt động nơi họ.

Người Salêdiêng biết rằng cầu nguyện trước hết là để dạy với Thần khí, và rồi là một kinh nghiệm khiêm cung, tin tưởng và tông đồ về phía người liên kết cách tự phát cầu nguyện với cuộc sống,⁹⁵ và bằng cách này đạt tới “*thứ hoạt động không biết mỏi mệt*, được thánh hóa bằng kinh nguyện và sự kết hợp với Thiên Chúa; thứ hoạt động ấy phải là đặc điểm của con cái thánh Gioan Bosco.”⁹⁶

- 99.** Người Salêdiêng bắt chước Don Bosco, người đã sống và đào luyện những người Salêdiêng của mình tới một mối tương giao đơn sơ, thực tiễn và thâm sâu với Thiên Chúa. Don Bosco đưa ra một gương mẫu về một thái độ liên lý cầu nguyện và một khả năng hướng mọi sự về vinh quang Thiên Chúa, sống và làm việc trước nhan Thiên Chúa, và đặt Vương quốc Thiên Chúa là mối quan tâm độc nhất của mình. Theo gương ngài, người Salêdiêng “vun trồng sự kết hiệp với Thiên Chúa, nhờ ý thức về đòi hỏi phải cầu nguyện không ngừng.”⁹⁷

Mối tương quan với Thiên Chúa và đời sống nội tâm mang tính tông đồ tạo thành cốt lõi của kinh nghiệm nơi người Salêdiêng và thẩm nhiệm toàn diện con người của họ, ngay cả trước khi họ chuyển thành những hành vi hay những việc đạo đức. Lời cầu nguyện của họ là lời cầu nguyện của *Da mihi animas, cetera tolle*. Nó tìm được nguồn mạch nơi Thánh Thể và biểu lộ ra trong sự hoàn toàn hiến mình cho công việc tông đồ.⁹⁸

- 100.** Không có gì đặc biệt hay phi thường trong *cách cầu nguyện của người Salêdiêng*. Họ theo khuôn cầu nguyện mà Giáo hội công hiến cho người Kitô hữu tốt lành. Nhận lấy khoa sư phạm của Giáo hội làm của mình, họ sống lại những mẫu nhiệm cứu chuộc trong những mùa khác nhau của năm phụng vụ và để mình được Lời tin mừng hóa.

⁹⁵ x. HL 86.

⁹⁶ HL 95.

⁹⁷ HL 12.

⁹⁸ x. Vecchi, J. “Đây là mình Thầy bị trao nộp vì anh em.” *AGC* 371 (2000), p. 39-41.

Như Don Bosco, họ thực hành *những việc đạo đức thông thường* với một đức tin mãnh liệt: “vượt trên những chức năng như phương thể thánh hóa bản thân, các việc đạo đức đó đối với người Salêdiêng còn là “những thời khắc huấn luyện để họ cộng tác ngày một mãnh liệt hơn vào công trình biến đổi thế giới theo kế hoạch Thiên Chúa.”⁹⁹

Họ cầu nguyện *với cộng thể*. Trong cầu nguyện, công thể “đào sâu ý thức về mối liên hệ mật thiết và sinh động với Thiên Chúa và về sứ mệnh cứu rỗi”¹⁰⁰ và chia sẻ thái độ cầu nguyện này với cộng đoàn giáo dục và với Gia đình Salêdiêng, đặc biệt khi cử hành các ngày lễ Salêdiêng.

Cầu nguyện của người Salêdiêng mang dấu ấn của một tông đồ và một nhà giáo dục cam kết cho sự thiện ích của giới trẻ. *Nó được liên kết với đời sống*: nó đi trước, đồng hành và theo sau hoạt động tông đồ; nó được trói buộc với giới trẻ, vì họ và với họ người Salêdiêng cầu nguyện.

Chính vì lẽ này, cầu nguyện của người Salêdiêng có *một phong thái trẻ trung*, được ghi dấu bởi sự đơn sơ, sống động và chân thật.¹⁰¹ Cầu nguyện Salêdiêng thật “vui tươi và sáng tạo, đơn sơ và thâm sâu, hướng tới tham dự cộng đồng, phát sinh từ kinh nghiệm sống và đi vào cuộc sống.”¹⁰²

101. Trong cuộc đối thoại cá nhân và cộng thể của người Salêdiêng với Thiên Chúa có một vài diễn đạt và cơ hội đặc biệt cần được nêu bật lên:

“**Lời Chúa** là nguồn mạch đầu tiên của mọi linh đạo Kitô hữu. Nó tạo nên một môi tương giao hữu vị với Thiên Chúa hằng sống và với ý muốn cứu độ và thánh hoá của Ngài.”¹⁰³

“Đối với chúng ta, Lời Chúa là nguồn sống thiêng liêng, lương thực đời cầu nguyện, ánh sáng để nhận biết thánh ý Chúa trong các biến cố và sức mạnh để sống trung thành với ơn gọi chúng

⁹⁹ TTNĐB 535.

¹⁰⁰ HL 85.

¹⁰¹ X. HL 86: Kế hoạch đời sống của người Salêdiêng Don Bosco, p. 675-677.

¹⁰² HL 86.

¹⁰³ VC 94.

ta.”¹⁰⁴ Chính vì thế, người Salêdiêng lắng nghe lời chúa với đức tin và sự khiêm nhường, chấp nhận lời trong lòng như người hướng đạo lối bước của mình, làm cho lời sinh hoa trái trong cuộc sống, và công bố lời với niềm vui.¹⁰⁵

Lắng nghe Lời “là thời khắc thường nhật hữu hiệu nhất cho việc đào luyện liên tục.”¹⁰⁶ Lời được hiện thực một cách đặc biệt khi cử hành Thánh Thể và trong việc suy niệm. Nguyên ngắm thường ngày là nơi chôn ưu tiên cho tình mật thiết với Chúa, là một cơ hội cụ thể để trở nên quen thuộc với Lời và nhập thể nó trong đời sống của mình.

102. Cử hành *Thánh Thể* là hành vi trung tâm của một ngày đối với người Salêdiêng. Nơi đó họ tạ ơn Chúa Cha, tưởng niệm kế hoạch cứu độ được Chúa Con hoàn thành, thông hiệp với Mình và Máu Chúa Kitô, và nhận lãnh Thần khí, Đấng làm cho họ có thể xây dựng sự hiệp thông huynh đệ và canh tân sự cam kết tông đồ của họ.

Sự hiện diện của Thánh Thể trong nhà Salêdiêng đối với một người con của Don Bosco là một lý do cho việc thường xuyên gặp gỡ Chúa Kitô, từ Ngài họ kín múc năng lực và sự kiên trì [chịu đựng] trong công việc của họ vì giới trẻ.¹⁰⁷

Ân sủng của màu nhiệm Thánh Thể được trải rộng tới những giờ khắc khác nhau của một ngày qua việc cử hành *Phụng vụ các Giờ kinh*.¹⁰⁸

103. Cử hành bí tích *Hòa Giải* biểu lộ ý nghĩa nhất và hiệu quả nhất nỗ lực hoán cải hằng ngày. Nó ban lại niềm vui vì được Chúa Cha tha thứ, xây dựng sự hiệp thông huynh đệ và thanh luyện những ý hướng tông đồ.¹⁰⁹

Don Bosco nhấn mạnh đến tầm quan trọng sự phạm của bí tích Hòa Giải và coi việc cử hành bí tích này cách thường xuyên và đều đặn

¹⁰⁴ HL 87.

¹⁰⁵ x. ibid.

¹⁰⁶ Vecchi, J., “Đây là Minh Thầy bị trao nộp vì anh em,” AGC 371 (2000), p. 21.

¹⁰⁷ x. HL 88.

¹⁰⁸ x. HL 89.

¹⁰⁹ x. HL 90.

là chìa khoá của sự tiến bộ thiêng liêng của cá nhân cũng như sự triển nở trên phương diện giáo dục của người trẻ.

Người Salêdiêng yêu mến và làm cho người khác yêu mến bí tích này.

104. Đối với người Salêdiêng, *sùng kính Đức Maria* là một sự gọi nhắc mạnh mẽ và hạnh phúc để nhận biết và kêu cầu Đức Maria là “một khuôn mẫu của cầu nguyện và tình yêu mục tử, là bà giáo khôn ngoan và vị hướng đạo Gia đình chúng ta”, để chiêm ngắm và bắt chước “đức tin của Mẹ, sự quan tâm săn sóc của Mẹ đối với những kẻ thiếu thốn, sự trung kiên của Mẹ trong giờ phút thập giá, và niềm vui của Mẹ trước những kỳ công Cha thực hiện.” Theo gương Don Bosco, người Salêdiêng cảm thấy được cam kết để cổ xúy “một lòng sùng kính mạnh mẽ và hiền thảo đối với Mẹ là Đấng Vô nhiễm Phù hộ các Giáo hữu.”¹¹⁰

105. Đây là một vài điểm cần chú ý. Chúng vừa nâng đỡ vừa diễn tả kinh nghiệm cầu nguyện của người Salêdiêng và hình thành nên *khoa sư phạm đời sống* của họ:

- Họ nỗ lực *cử hành mẫu nhiệm Chúa Kitô trong thời gian* bằng cách sống những mùa khác nhau của năm phụng vụ như những thời khắc kết nối những giai đoạn của kinh nghiệm Kitô hữu của họ và bằng cách dành tầm quan trọng cho ngày *Chúa Nhật*;

- Họ *vun trồng đức tin*, đào sâu kiến thức về mẫu nhiệm Kitô giáo, và hợp thời những chân lý thần học và thiêng liêng vốn làm động lực cho kinh nghiệm của họ về cầu nguyện;

- Họ làm cho *sự tham dự phụng vụ thành một trường dạy cầu nguyện liên tục*, và học để lắng nghe tiếng Chúa và nhận lãnh ân sủng của Ngài; họ kiên trì cầu nguyện ngay cả khi họ trải qua những thời kỳ khô khan;

- Họ *cử hành Phụng vụ các Giờ kinh* như một sự trải rộng mẫu nhiệm Thánh Thể suốt ngày, liên kết với cộng thể của mình trong việc ca tụng Chúa vào những thời gian ấn định;

¹¹⁰ x. HL 92.

- Họ *phát triển một ý thức về sứ mệnh tông đồ*: họ đi vào giữa giới trẻ, không chỉ bởi vì cá nhân họ chọn làm như thế nhưng bởi vì Chúa sai họ hành động nhân danh Ngài; họ biết rằng Chúa đi trước họ; họ xác tín rằng công việc họ đang làm là một công việc cứu độ – hoặc như một sự giải phóng khỏi những hình thức khác nhau của sự dữ hoặc như một sự Tin mừng hoá những trạng huống nhân sinh khác nhau;

- Họ *yêu thích cầu nguyện với cộng thể* và trung thành với những lần khi cộng thể qui tụ lại để cầu nguyện. Họ khám phá vẻ đẹp của việc chia sẻ những kinh nghiệm đức tin và những quan tâm tông đồ của cá nhân với cộng thể. Nơi đâu việc này được thực thi với sự tự phát và với sự nhất trí, sự chia sẻ như thế “nuôi dưỡng đức tin và đức cậy cũng như sự kính trọng và tin tưởng lẫn nhau; nó làm cho việc giao hoà nên dễ dàng và nuôi dưỡng tình liên đới huynh đệ trong kinh nguyện.”¹¹¹

- Họ *nhận được sự trợ giúp để tiến bộ trong cầu nguyện từ việc họ gặp gỡ với anh em mình và từ việc linh hướng*;

- Họ *lợi dụng hầu hết mọi dịp và cơ hội cổ xúy một cách thức sống động và được canh tân trong việc cử hành cầu nguyện cộng thể và cá nhân*. Bằng cách này họ vượt thắng những nguy cơ của thứ chiều lệ [hình thức], thói quen và thụ động vốn thường đe dọa những hình thức cầu nguyện chung và có tính bó buộc.

106. Kinh nghiệm thiêng liêng của người Salêdiêng tìm được những động cơ mạnh mẽ trong hoạt động tông đồ, nhưng đồng thời cũng gánh chịu một vài nguy cơ. Người Salêdiêng được mời gọi để sống on duy nhất, khi tránh “*bất kỳ sự chia cắt nào giữa đời sống nội tâm và cam kết mục vụ, giữa tinh thần tu trì và công việc giáo dục, hay sự đào thoát khỏi bất cứ hình thức nào mà không phù hợp với những lời của Don Bosco: làm việc, cầu nguyện và tiết độ.*”¹¹²

Người Salêdiêng tỉnh thức bằng không sự tiến bộ thiêng liêng của họ trì trệ hay hoàn toàn ngừng lại, và đời sống thiêng liêng của họ bị

¹¹¹ *Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn*, 16.

¹¹² Vecchi, J., “Chúa Cha thánh hiến và sai chúng ta đi,” *AGC* 365 (1998), p. 31.

lâm nguy do sự hời hợt hay phân mảnh. Để đạt mục tiêu này họ làm mọi nỗ lực để bước đi trong Thần khí, để làm việc dưới ảnh hưởng của đời sống nội tâm tông đồ và để vun trồng một đời sống được thống nhất hoá.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

Đời Sống Cộng Thể

107. Cộng thể hãy vun trồng một phong thái thông giao huynh đệ và chia sẻ kinh nghiệm Salêdiêng hầu kiện cường tinh thần gia đình, giúp đỡ lẫn nhau và khả năng sửa bảo huynh đệ.¹¹³ Cộng thể phải lấy những quyết định để cải thiện phẩm chất của những hình thức hội họp và chia sẻ khác nhau: một sự trao đổi về sứ mệnh, phân định cộng thể, cầu nguyện chung, “ngày cộng thể”¹¹⁴, phác thảo kế hoạch giáo dục và mục vụ, lên chương trình, duyệt xét đời sống, học hỏi những chỉ dẫn của Giáo hội và Tu hội, những lượng giá cộng thể về đời sống huynh đệ, và về tình trạng nghèo khó,¹¹⁵ đời sống cầu nguyện,¹¹⁶ phong thái sống tương hợp với những giá trị của lời thiêng Salêdiêng, v.v.

Đời Sống Theo Các Lời Khuyên Phúc Âm

Đức vâng phục Salêdiêng

108. Mỗi người Salêdiêng hãy tham gia vào việc phác thảo những kế hoạch giáo dục và mục vụ của Tỉnh dòng và địa phương và đặt mình sẵn sàng làm việc với những người khác.¹¹⁷

109. “Trung thành với lời Don Bosco căn dặn, mỗi hội viên thường xuyên gập gối Bề trên của mình trong *cuộc đàm thoại huynh đệ*.”¹¹⁸ “Các

¹¹³ x. TTN21 59b; TTNĐB 494, 540.

¹¹⁴ TTN23 222.

¹¹⁵ x. QC 65.

¹¹⁶ x. QC 174.

¹¹⁷ x. TTN24 152.

¹¹⁸ HL 70.

hội viên trong thời đào luyện ban đầu hãy đàm thoại với Bê trên mỗi tháng một lần, như khoản Hiến Luật 70 đã tiên liệu.”¹¹⁹

Đức nghèo khó Salêdiêng

110. *Tất cả các hội viên hãy sống đức nghèo khó của mình “bằng sự ly thoát cõi lòng và quảng đại phục vụ tha nhân”; cách thức của họ phải ghi dấu bằng sự nhiệm nhặt, lao động cần mẫn và giàu sáng kiến.”¹²⁰ Họ hãy tăng trưởng nên một với người nghèo,¹²¹ và làm việc cho công bằng và hoà bình, nhất là bằng cách giáo dục những người thiếu thốn.¹²²*

“Trong mức thường xuyên xét là thích hợp, cộng thể địa phương và Tỉnh phải duyệt xét tình trạng nghèo khó của mình về chứng tá tập thể cũng như về những việc phục vụ đã cống hiến. Cần nghiên cứu những phương thể nhằm thực hiện việc canh tân liên tục.”¹²³

111. *Suốt thời kỳ đào luyện ban đầu cần phải đảm bảo rằng mỗi hội viên:*

- Chu toàn các bốn phận của mình cách trách nhiệm, học hành nghiêm chỉnh, và tỏ ra tự ý hoàn thành những công tác mà cộng thể đòi hỏi;

- Chọn để nên một với thế giới của tuổi trẻ và người nghèo, ngay cả bằng cách kinh nghiệm thế giới ấy cách trực tiếp;

- Được huấn luyện trong việc sử dụng tiền bạc cách trách nhiệm và trong việc báo cáo chi tiêu của mình; khi thích hợp, họ được mời tham gia vào việc quản trị của cộng thể;¹²⁴

- Được dẫn vào việc hiểu biết những vấn đề kinh tế và học để sử dụng cách trách nhiệm những dụng cụ trong việc quản trị cần thiết cho sức mệnh.

Đức thanh khiết Salêdiêng

112. *Từ những năm đầu tiên của đào luyện, những bước cần phải được thực hiện để cống hiến, với sự trợ giúp của cuộc đối thoại cá nhân*

¹¹⁹ QC 79.

¹²⁰ HL 73.

¹²¹ x. HL 79.

¹²² x. HL 73.

¹²³ QC 65.

¹²⁴ x. TTNĐB 613; ASC 253, p. 55; ASC 276, p. 77.

và một sự theo dõi toàn kinh nghiệm đào luyện, một nền giáo dục phải tính được nhắm đến mỗi nhân vị và giúp họ hiểu bản chất nhân bản và Kitô hữu của phải tính cũng như mục đích của phải tính trong hôn nhân và trong đời thánh hiến;¹²⁵ một nền giáo dục như thế phải dẫn họ tới kính trọng và yêu mến đời sống thánh hiến và “phát triển một thái độ nghiêm túc và trưởng thành đối với người khác phái.”¹²⁶

113. Các hội viên phải được giúp đúng lúc để tự ý ôm áp kỷ luật chính mình mà đức thanh khiết thánh hiến đòi hỏi.¹²⁷ Nhất là:

- Họ hãy kiểm điểm xem thái độ và cách xử sự với tha nhân, nam cũng như nữ, và giới trẻ có nhất quán với sự chọn lựa của họ đối với đời sống tu sĩ Salêdiêng và làm chứng thích hợp cho đời sống ấy không.¹²⁸

- Họ hãy chấp nhận sự sửa lỗi huynh đệ;¹²⁹

- Họ hãy biết cách để quân bình sử dụng thời gian rảnh rỗi, phương tiện truyền thông và đọc sách;¹³⁰ họ hãy thận trọng trong việc thăm viếng và tham dự các cuộc vui.¹³¹

- Để cổ võ tặng phẩm là đức thanh khiết Salêdiêng cộng thể hãy nuôi dưỡng một bầu khí huynh đệ và tinh thần gia đình giữa các hội viên và trong mối tương giao của họ với giới trẻ.¹³²

Trong đối thoại với Chúa

114. Đời sống thiêng liêng của người Salêdiêng được nuôi dưỡng bằng khoa sư phạm phụng vụ của Giáo hội, bằng “chính sự tham dự ý thức và tích cực vào các buổi cử hành phụng vụ”¹³³ và bằng một nền giáo dục liên tục về phụng vụ trong cộng thể. Mỗi hội viên hãy nắm lòng phẩm giá của việc thờ phượng Thiên Chúa,

¹²⁵ x. PDV 50.

¹²⁶ TTN24 178.

¹²⁷ x. PO 16; TTN21 39, 59.

¹²⁸ x. QC 68; TTNĐB 675.

¹²⁹ x. TTN21 59.

¹³⁰ x. QC 44.

¹³¹ x. QC 50, 66.

¹³² x. TTN21 39, 58; PC 12; Hiến Luật 15.

¹³³ Vatican II, *Sacrosanctum Concilium* 14.

kính trọng những chỉ dẫn phụng vụ, và chú ý đến việc hát xướng, cử chỉ và những biểu tượng.¹³⁴

115. Thánh Thể chiếm địa vị trung tâm trong đời sống thường nhật của người Salêdiêng và cộng thể.¹³⁵ Nó diễn tả và kiện cường ý nghĩa của việc thánh hiến tông đồ của chúng ta dưới diện là làm chúng ta nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, kiện cường sự hiệp thông huynh đệ và canh tân động lực tông đồ của chúng ta.

“Tất cả các hội viên sẽ trung thành cử hành Thánh Thể hằng ngày.”¹³⁶

116. Ta phải lấy những phương sách để vun trồng một sự quen thuộc với **Lời Chúa**, một trường học chân thật để đào luyện liên tục, bằng cách lợi dụng việc tiếp xúc liên lý với Lời Chúa, đọc Lời Chúa một cách cầu nguyện, học hỏi Lời Chúa và chia sẻ cộng thể.

117. Trong đời sống cá nhân và cộng thể, cần phải nhấn mạnh đến giá trị giáo dục và đào luyện của bí tích **Giao Hòa** theo linh đạo chúng ta. Việc năng lãnh nhận bí tích này “nên được quyết định hài hoà với cha giải tội của mỗi người, tuân theo truyền thống của bậc thầy về tinh thần và những luật Giáo hội.”¹³⁷ Như một qui luật, người tu sĩ “quan tâm đến việc giữ cho mình được kết hiệp với Thiên Chúa, nên nỗ lực để năng tiếp cận với bí tích [Giao Hòa], nghĩa là, hai lần một tháng.”¹³⁸ Suốt thời đào luyện ban đầu, khi xem xét đến ảnh hưởng mà sự hướng dẫn của một cha giải tội có thể có trên việc phân định ơn gọi và trên toàn bộ kinh nghiệm đào luyện, các hội viên nên có một cha giải tội thường xuyên mà thông thường là một Salêdiêng.

118. Việc cử hành **Phụng vụ các Giờ kinh**, khi được tham dự thích đáng, đóng góp vào việc kiện cường thái độ cầu nguyện và kết hiệp với Thiên Chúa.¹³⁹ “Các hội viên sẽ cử hành Kinh Sáng và Kinh Chiều phụng vụ

¹³⁴ x. Vecchi, J., “Đây là Minh Thầy bị trao nộp vì anh em,” AGC 371 (2000), p. 51.

¹³⁵ x. HL 88.

¹³⁶ QC 70.

¹³⁷ CEC, *Chỉ thị, Đào Luyện Phụng Vụ trong Chúng Viện*, 1979, 39; x. CRIS, *Sắc lệnh Dum canonicarum legum*, AAS 1971, 318-319.

¹³⁸ CRIS, *Sắc lệnh Dum canonicarum legum*, 1971, art. 3.

¹³⁹ x. HL 89.

chung với nhau bao có thể.”¹⁴⁰ Các hội viên phó tế và linh mục phải trung thành “đối với những bó buộc mà họ phải đảm nhận do việc thụ phong”¹⁴¹ và – bằng việc cử hành những Giờ khác nhau – tham gia vào việc không ngừng ca ngợi mà Giáo hội dâng lên Chúa mình.

- 119.** Phải quan tâm đặc biệt đến việc giáo dục **cầu nguyện cá nhân** và **tâm nguyện**, đến việc tham dự và sinh động những ngày hồi tâm tháng và những cuộc tĩnh tâm năm vốn là những thời khắc nền tảng của khoa sư phạm thiêng liêng Salêdiêng thúc đẩy một thái độ canh tân và kiên cường sự thống nhất đời sống.¹⁴² “Cộng thể sẽ dành ít là ba giờ để tĩnh tâm tháng và một ngày trọn được chuẩn bị thích đáng để tĩnh tâm quý. Mỗi năm các hội viên sẽ cấm phòng sáu ngày theo những cách thức do Tu nghị Tỉnh qui định, và kết thúc tuần phòng bằng việc tuyên lại những cam kết của lời khấn tu trì.”¹⁴³
- 120.** Ủy ban Đào luyện Tỉnh dòng và các Giám đốc hãy giúp các hội viên vun trồng **phẩm chất cầu nguyện cá nhân**, và một cách đặc biệt, việc nguyện ngắm được thực thi ở nơi chung ít nhất khoảng nửa giờ.¹⁴⁴ Họ nên khuyến khích hiểu biết và thực hành những phương pháp thích hợp với những nét đặc trưng của linh đạo chúng ta.
- 121.** Trong suốt năm cần phải đặt tầm quan trọng vào **những lễ của Mẹ Maria** theo tinh thần phụng vụ, khi lợi dụng những lòng sùng kính Đức Mẹ vốn là độc đáo của Gia đình Salêdiêng, nhất là lần hạt mân côi.¹⁴⁵ Những lễ kính và tưởng nhớ các thánh và chân phước của Gia đình Salêdiêng nên được cử hành với niềm vui và sự tham dự đầy đủ, khi ca ngợi Chúa vì tặng phẩm sự thánh thiện Ngài đã uơm mầm trong gia đình thiêng liêng của chúng ta và tìm được trong việc cử hành ấy một kích thích tố để bắt chước họ.

¹⁴⁰ QC 70.

¹⁴¹ HL 89.

¹⁴² x. HL 91; QC 72.

¹⁴³ QC 72.

¹⁴⁴ x. QC 71.

¹⁴⁵ x. HL 92; QC 74.

122. *Cần phải quan tâm đến những thời khắc cầu nguyện chung với giới trẻ và giáo dân.*

123. *Những phương pháp và phong thái cầu nguyện, những bản văn và những trợ giúp khác phải bảo tồn được nét đặc trưng Salêdiêng là cầu nguyện được liên kết mật thiết với hành động; chúng phải rộng mở trước “một tính tự phát và sáng tạo quân bình trong cầu nguyện, hoặc cá nhân hay cộng đoàn.”¹⁴⁶ Chúng phải triển khai một sự tiếp nhận đặc biệt hướng tới những hình thức cầu nguyện vui tươi và thu hút giới trẻ và người bình dân.¹⁴⁷ Chúng phải đóng góp vào việc làm sống dậy tinh thần của những buổi cử hành đa dạng và tránh đi những ảnh hưởng của thói quen.*

3.3 Đào luyện tri thức

3.3.1 Những lý lẽ cho tầm quan trọng của nó

124. *Để sống ơn gọi Salêdiêng như phải sống, nổi lên một nhu cầu không thể thiếu về đào luyện tri thức vững chắc và hợp thời dựa trên học hỏi nghiêm chỉnh; tri thức đó khai triển khả năng suy tư, phán đoán và phân định khi đối diện với những tình huống.*

Xã hội hôm nay liên tục đổi thay và cần những con người có một tâm trí rộng mở và biết phê phán, một thái độ tìm tòi, sẵn sàng học tập và đối diện với những điều mới, khả năng phân biệt giữa điều gì là trường tồn và điều gì có thể thay đổi, hướng chiều đối thoại và khả năng phân định.

Chỉ với sự trợ giúp của một sự tiếp cận minh mẫn với các tình huống và một nhãn quan rộng mở về văn hoá, một nhãn quan đậm rễ trong Lời Chúa, trong tâm trí của Giáo hội và trong những hướng dẫn của Tu hội mà người Salêdiêng có thể *đạt tới một quyết định và một kinh nghiệm với những động lực vững chắc liên quan đến ơn gọi của mình*; nhờ đó họ có thể sống căn tính Salêdiêng và ý nghĩa nhân bản và tôn giáo của nó với sự hiểu biết và trưởng thành, không chút ngô nghê hay mặc cảm. Nếu không họ có nguy cơ bị lạc đường do những lối suy nghĩ hay lẫn

¹⁴⁶ TTN21 45.

¹⁴⁷ x. TTN21 44.

trốn trong những khuôn mẫu hành xử hay những hình thức diễn đạt lỗi thời hoặc không nhất quán với ơn gọi của mình.¹⁴⁸

- 125.** Trong xã hội hôm nay, *đề lực của việc Tân Phúc âm hóa* đòi người Salêdiêng đóng góp vào cuộc đối thoại giữa văn hoá và đức tin theo đặc sủng của mình, và sáng tạo những phương pháp thích hợp hơn để công bố Lời chúa. Đối với sự nhuần thấm như thế của Tin mừng trong văn hoá và xã hội, điều ta cần là một học hỏi sâu xa hơn về mầu nhiệm Thiên Chúa, ơn gọi của con người và tình trạng hiện hành trong đó họ sống.

Cách riêng, vì được gọi để làm việc trong lãnh vực giới trẻ, họ cảm thấy cần phải trở nên quen thuộc với lãnh vực đó và chuẩn bị chính mình cho *công việc giáo dục và rao giảng Tin mừng cách thích hợp và hữu hiệu*. Điều này có nghĩa rằng họ phải liên tục bén nhạy và phản tỉnh, cũng như có thể tổ chức sứ mệnh giáo dục của mình thành những bước thực tiễn. Đối với họ, không thể thiếu một nhãn quan mục vụ được soi sáng, sự uy tín sư phạm và một lối tiếp cận chuyên môn.

- 126.** Hơn nữa, trong việc thực thi sứ mệnh cùng với những giáo dân có năng lực, người Salêdiêng thấy mình được trao cho *vai trò của người hướng dẫn mục vụ*; họ nắm trách nhiệm chính để đảm bảo được căn tính Salêdiêng trong những sáng kiến và công cuộc của chúng ta, và họ phải sinh động cũng như đào luyện những người lớn đang đồng trách nhiệm trong lãnh vực giáo dục.

Trong khi họ có thể chu toàn trách vụ này bằng nhiều cách khác nhau, tuỳ vào những công cuộc và những vai trò, họ cần hiểu biết tốt hơn, cả lý thuyết lẫn thực tiễn, về những vấn đề giới trẻ và những phương pháp giáo dục; họ cũng cần một khả năng để tương tác với những người lớn về những vấn đề của đời sống và đức tin, để thông giao và hướng dẫn, và để tỏ ra có tài lực đặc biệt khi đề xướng những mục tiêu và những tiếp cận giáo dục.

Hơn nữa, họ phải sống tinh thần Salêdiêng cách thâm tín hơn. Kiến thức họ có về Hệ thống Dự phòng phải bao quát và đạt được qua suy

¹⁴⁸ x. Vecchi, j. “Vi các con cha học . . .,” *AGC* 361 (1997), p. 37.

tư và kinh nghiệm, và họ phải trở thành ngày càng ý thức hơn về căn tính của mình.¹⁴⁹

127. Cuối cùng, trong sự thăng trầm văn hoá nơi đó chúng ta sống, *liên kết chúng ta tôn giáo với những giá trị nhân bản* và với những thách đố nảy sinh từ văn hoá trở nên càng cần thiết hơn nữa. “Tự trong chính đời sống thánh hiến cần phải có một sự cam kết được canh tân và ưa thích đối với đời sống tri thức, cần phải có một sự tận hiến cho việc học hỏi như một phương thế của việc đào luyện toàn diện và như một lối đường tu đức rất hợp thời, khi đối diện với tính đa dạng của văn hoá ngày nay.”¹⁵⁰

3.2.2 Bản chất của đào luyện tri thức

128. Vì thế đào luyện tri thức là *một cấu tố nền tảng* của cả đào luyện ban đầu lẫn liên tục. Loại đào luyện tri thức mà chúng ta đang nói đến ở đây là một loại đào luyện tri thức *liên kết mật thiết với những khía cạnh khác của đào luyện*: đào luyện tu sĩ và chuyên môn [nghề nghiệp] đi với nhau, và tình yêu mục tử và tài lực sư phạm cũng thế; kinh nghiệm về ơn gọi Salêdiêng của một người bao gồm một nỗ lực để phẩm chất hoá chính mình và trở thành chuyên môn trong lối tiếp cận của mình.¹⁵¹

Don Bosco viết cho một hội viên: “Học hành và đạo đức sẽ làm con nên một Salêdiêng chân chính.”¹⁵² Đó dường như cũng chính là điều ngài nói đến bằng những lời khác: “Văn hoá và linh đạo sẽ làm con nên một nhà giáo dục và mục tử chân chính của giới trẻ.”¹⁵³

129. Khả năng tri thức, và, cách riêng khả năng suy tư, phân định và phán đoán là những thái độ cần được phát triển và vì thế là đối tượng phải liên lý chú ý đến.

¹⁴⁹ x. *ibid.*, p. 18.

¹⁵⁰ VC 98.

¹⁵¹ TTN23 220-221.

¹⁵² BM XV, 14.

¹⁵³ x. Vecchi, J., “Vì các con cha học . . .” AGC 361 (1997), p. 11; *La formazione intellettuale nell’ambito della formazione salesiana. Incontro promosso dal Dicastero per la formazione con la collaborazione della Facoltà di s. Teologia dell’ UPS*, Rome, 1981.

Đào luyện tri thức – chúng ta phải nhấn mạnh – trước tiên là *một cách sống và làm việc nhờ học từ cuộc sống*, bằng cách giữ mình rộng mở trước những thách đố và đòi hỏi của tình huống (văn hoá, Giáo hội, và Tu hội), bằng cách dành giờ để học hỏi và suy tư cũng như lợi dụng những phương thế và đề xuất được người ta công hiến; nó là việc chú tâm và phân định trong đời sống hằng ngày và tạo thành thói quen là chu toàn công việc của mình với uy tín; nó cổ xúy một bầu khí cộng thể thuận lợi để học hỏi, để chia sẻ các quan điểm, và để thực hiện những hoạt động được suy nghĩ kỹ càng, được hoạch định và kiểm chứng.

Chính Don Bosco xác tín trong thời ngài và Tu hội ngày nay cũng xác tín rằng việc chuẩn bị tri thức cách nghiêm chỉnh là một phương tiện bất khả thay thế để giúp một người sống ơn gọi và sứ mệnh Salêdiêng cách trung thành.

- 130.** *Đào luyện tri thức của người Salêdiêng bao gồm* đào luyện căn bản, nghĩa là, các môn học thiết thân với những giai đoạn khác nhau của đào luyện ban đầu, sự chuyên hoá hay huấn luyện chuyên môn, và đào luyện liên tục.

Suốt thời kỳ đào luyện ban đầu, đào luyện tri thức, nhất là vào một số thời kỳ, phải được nhấn mạnh cách đặc biệt. Điều này là để đảm bảo một sự chuẩn bị và trình độ chuyên môn căn bản, một não trạng sư phạm và mục vụ vốn rộng mở và phê phán, một khung trí tuệ Salêdiêng minh mẫn và có nền tốt đẹp, cũng như một thái độ học hỏi và suy tư thường hằng.

Mọi Salêdiêng, linh mục hay sư huynh, phải sở đắc và phát triển một nền tảng văn hóa lành mạnh. *Đàng khác, ơn gọi chuyên biệt của họ ảnh hưởng đến chương trình học hành của họ*, quyết định việc lựa chọn các đề tài, lối tiếp cận chúng và hoạch định chi tiết những môn học đó. Trong trường hợp của những ứng sinh cho đời sống linh mục, chu trình [*curriculum*] chuyên biệt của họ được Giáo hội ấn định theo những nhu cầu của bối cảnh văn hoá của họ.

Cũng thật quan trọng là việc đào luyện căn bản *phải để ý trạng huống khởi đầu của những ứng sinh* vốn cực kỳ đa dạng. Chúng ta đôi khi bắt gặp một sự yếu kém nào đó dưới diện kiến thức về khung trí tuệ

tổng quát, hữu hình và phương pháp học tập, trong khi những lúc khác chúng ta lại tìm được một người đã tốt nghiệp chuyên môn.

3.3.3 Những lựa chọn nền tảng điều khiển việc đào luyện tri thức Salêdiêng

131. Đào luyện tri thức của người Salêdiêng được điều hành do một vài lựa chọn nền tảng vốn cần được để ý đến khi tổ chức thời kỳ đào luyện ban đầu (giáo trình học, những chương trình, phương pháp, v.v.)

3.3.3.1 Sắc thái Salêdiêng

Qui chế minh nhiên nhấn mạnh mối tương quan giữa căn tính Salêdiêng và đào luyện tri thức của người Salêdiêng khi nói: “*sứ mệnh Salêdiêng định hướng và tạo sắc thái cho việc đào luyện tri thức các hội viên ở mọi trình độ. Vì thế việc sắp xếp các môn học cần làm sao để những yêu cầu của tính nghiêm túc khoa học phù hợp với những yêu cầu của chiều kích tu trì tông đồ trong kế hoạch đời sống chúng ta.*”¹⁵⁴ Từ đó rút ra rằng việc chọn lựa một sự sắp xếp, giáo trình và trung tâm học vụ đặc thù không phải là một vấn đề dừng dừng khi việc đào luyện của các hội viên bị đe dọa và chúng ta muốn bảo đảm rằng họ phải nhận được việc chuẩn bị sự phạm và mục vụ mà ơn gọi Salêdiêng của họ đòi hỏi. Chúng ta không thể bỏ mặc việc sắp xếp việc học hành của mình cho các tiêu chuẩn không phải là Salêdiêng.

3.3.3.2 Tính tương tác giữa lý thuyết và thực hành và sự hài hòa với bối cảnh lịch sử ưu thắng

132. Đào luyện tri thức chuẩn bị một người để chạm đến những tình huống lịch sử, nhất là với tình huống của giới trẻ, và xem xét chúng từ nhân quan giáo dục và mục vụ; nó làm cho một người có khả năng phân định mục vụ và có thể hướng dẫn những con người, có những kế hoạch và tiến trình hợp với những mục tiêu của sứ mệnh.

Như thế, đào luyện tri thức đòi buộc một sự khai tâm vào phương pháp luận của hoạt động tông đồ. Đây là một sự tương tác giữa lý

¹⁵⁴ QC 82.

thuyết và thực hành và có thể cô đọng trong những lời này, “suy tư trên kinh nghiệm”. Học hỏi và suy tư được đời sống thực tế kích động và thúc đẩy, còn thực hành lại được học hỏi và suy tư soi sáng và hướng dẫn.

3.3.3.3 Tính duy nhất và toàn diện

133. Tính duy nhất và toàn diện, nét đặc trưng của toàn tiến trình đào luyện cũng là những nét tiêu biểu của đào luyện tri thức bởi vì nó nhắm duy nhất hoá kinh nghiệm cá nhân của một người và cung ứng một sự hiểu biết thích hợp về sứ mệnh.

Trong một bối cảnh văn hoá mà dường như không quan tâm đến việc có được những nguyên tắc nền tảng như những điểm quy chiếu của mình, và nêu bật vẻ đa nguyên và phức tạp của nó, thì *cống hiến một bộ kiến thức vốn cho ta một nhãn quan rộng mở, có nền tảng và biết phê phán về cuộc sống qua là cực kỳ thiết yếu*. Một kiến thức toàn diện và được thống nhất như thế xuất phát từ một tổng hợp tích cực gồm những nội dung có những môn học và tiếp cận khác nhau, và từ một phương pháp dạy và học vốn cổ xúy sự hấp thụ/lãnh hội và tổng hợp.

Nó dẫn người Salêdiêng hiểu biết ơn gọi độc đáo của mình, xét như một thực tại liên lý đòi hỏi một sự tương tác tế nhị giữa tự nhiên/bản tính và ân sủng, kiến thức và đức tin, trật tự trần thế và Vương quốc Thiên Chúa.

3.3.3.4 Tính liên tục

134. Việc sắp xếp đào luyện tri thức cũng phải đặt *đào luyện liên tục trước mắt*, khi phát triển một thói quen suy tư và học hỏi, một sự rộng mở cho trao đổi quan điểm, một khoé nhìn đến những chỉ dẫn của Giáo hội và Tu hội, và nỗ lực để nâng cao trình độ chính mình.

Tính liên tục của đào luyện tri thức giúp người Salêdiêng biết và sống khức quanh của các biến cố cách tự phát và thực thi việc tông đồ bằng cách làm cho mình can dự vào. *Bằng cách phát triển liên lý khả năng tri thức của mình*, họ trở nên có khả năng liên tục học hỏi, có khả năng nắm bắt những cơ hội thuận lợi nhất để làm cho mình hợp thời mà không giới hạn mình vào những cơ hội được chính thức cung

ứng, và trở nên được chuẩn bị ngày càng tốt hơn cho sứ mệnh của mình là một nhà giáo dục và mục tử Salêdiêng của giới trẻ.

3.3.3.5 Hội nhập văn hóa¹⁵⁵

135. Mọi quan tâm về hội nhập văn hóa phải hiện diện trong tất cả những khía cạnh đào luyện. Thực vậy, hội nhập văn hóa chạm đến mối liên hệ giữa nhân vị, nguồn cội và cấu trúc văn hóa cũng như ơn gọi của họ; mục tiêu của hội nhập văn hóa là nhập thể đặc sủng và hiện thực sứ mệnh giáo dục và mục vụ trong những hoàn cảnh khác nhau. Từ quan điểm và mục tiêu này, hội nhập văn hóa phải tác động trên đào luyện tri thức và sắp xếp việc học hành.

Đặt nền trên những nguyên tắc được Giáo hội công bố, vốn nối kết với màu nhiệm nhập thể và với nhân học Kitô giáo, cũng như dựa trên nền tảng thần học và triết học vững chắc, một đào luyện tri thức vốn được hội nhập và phục vụ cho việc hội nhập ấy không chỉ giới hạn mình vào việc thích ứng với các hoàn cảnh xung mà thôi. Nó đạt tới nhân vị trong chính nguồn cội của họ và trong khung quy chiếu mà họ mang nơi chính mình; nó làm cho họ có thể đối diện với thực tại cách thông minh và phê phán, và nêu bật những điểm đặc biệt cần suy tư và học hỏi.

136. Vì thế, trong việc “ấn định cách thức thực hiện việc đào luyện theo những đòi hỏi của bối cảnh văn hóa riêng,”¹⁵⁶ ta cần phải quan tâm để đảm bảo rằng khía cạnh hội nhập văn hóa có mặt khi sắp xếp việc học hành. Nó để lại dấu ấn của mình nhất là trên việc đào luyện triết học, việc sắp xếp những môn thần học và mục vụ, lãnh vực rao giảng Tin mừng, hoạt động truyền giáo và đối thoại đại kết, những tương quan liên tôn, và phương pháp cùng linh đạo Salêdiêng.

Trong những môn học hậu tập viện ở đó ta dành một khoảng rộng cho những khoa học nhân văn, việc đào luyện triết học không chỉ thiết lập nên một vài xác minh cốt lõi được liên kết với mạc khải Kitô giáo, nhưng cũng rộng mở với tính đa nguyên lành mạnh với những

¹⁵⁵ x. PDV 55, VC 79-80; *Inculturazione e formazione salesiana*, được Ban ngành Đào luyện và Phân khoa Thần học của UPS chuẩn bị, Rome, 1984.

¹⁵⁶ HL 101.

văn hóa khác nhau. Nó tránh đi sự đặt cạnh nhau và “tạp pí lù” [tạp nhập, chiết trung – syncretism], và đúc nên một tổng hợp mới được hội nhập văn hoá.

Đào luyện thần học (bao gồm tín lý, mục vụ, luân lý, thiêng liêng, phụng vụ và nhiều ngành khác nữa) chú ý đến những thách đố của việc Tân Phúc âm hóa trong những khung cảnh khác nhau và đến những cách khác nhau để nhập thể tác vụ mục vụ. Nó đòi buộc sự hội nhập văn hóa phải được thừa nhận như tiêu chuẩn và sự thực thi mọi suy tư và phương pháp mục vụ hầu chuẩn bị những nhà giáo dục và rao giảng Tin mừng thành thạo trong cuộc đối thoại giữa Tin mừng và văn hóa trong sự hài hòa với Giáo hội.

Suy tư và học hỏi cũng đi kèm với sự hội nhập của các giá trị thuộc đoàn sủng và linh đạo Salêdiêng; chúng giúp để nhập thể cái bản chất và những diễn tả độc đáo của chúng vào những văn hóa khác nhau và chỉ ra “những cách sống khác nhau của cùng một ơn gọi Salêdiêng.”¹⁵⁷

3.3.4 Những lãnh vực đề tài

137. Kinh nghiệm về ơn gọi và sứ mệnh Salêdiêng của một người, trong tính duy nhất và những cấu tố của chúng, là *tiêu chuẩn ưu tiên để lựa chọn những lãnh vực đề tài*, cùng với việc cấu trúc và liên kết bên trong của chúng. Thêm vào cho một nền văn hóa căn bản vững chắc, chúng đòi một sự tiếp cận thần học, triết học và sự phạm thích đáng, một sự coi xét đặc biệt đến một số những khía cạnh của thực tại, và một sự học hỏi về “tính Salêdiêng.”

3.3.4.1 Một văn hóa căn bản vững chắc

138. Để có thể gặp gỡ và đối thoại với những người có những kinh nghiệm và tài lực khác nhau, mọi người Salêdiêng phải có *một văn hóa cơ bản tối thiểu*; đó là mức độ học hành đòi buộc cho bất cứ một ai chu tất chu trình giáo dục bình thường trong quốc gia của mình và có thể tổ chức kiến thức của mình theo một cách thức có ý nghĩa và có thể thông tri kiến thức ấy.

¹⁵⁷ HL 157.

“Chính tình trạng Giáo hội ngày nay càng liên tục đòi hỏi rằng các thầy cô phải thật sự có khả năng đối diện với thời đại phức tạp và họ phải ở trong một vị trí để đối diện cách uy tín, rõ ràng và lý luận sâu xa, với những vấn đề về ý nghĩa mà con người ngày nay đặt ra, những câu hỏi mà chỉ có thể nhận được câu trả lời đầy đủ và dứt khoát trong Tin mừng Chúa Giêsu Kitô.”¹⁵⁸

Vì thế *nhất thiết người Salêdiêng phải có một văn hóa*, nghĩa là, một tổng lược những ý tưởng, sự hiểu biết và những giá trị; tổng hợp này phải sâu rộng, cởi mở và đồng thời có tính phê phán; họ cũng cần *phải có trình độ chuyên môn tốt đẹp bao có thể trong bất cứ điều gì liên can đến sứ mệnh Salêdiêng*. Như một nhà giáo dục và mục tử của giới trẻ, họ phải ở trong một vị trí để sinh động cách hiệu quả những nhà giáo dục khác và những cộng sự viên giáo dân.

Đang khi lưu ý đến lãnh vực có tầm vóc thế giới của Tu hội, sự thiết lập các Vùng và các nhóm Tỉnh dòng cũng như những khuynh hướng hiện nay trong thế giới, rõ ràng, ngày nay giữa những hoàn thành về văn hoá của một người, có được *một kiến thức hợp lý về một hay nhiều ngôn ngữ khác ngoài tiếng mẹ đẻ* quả là tiện lợi biết bao, hầu vượt qua được những cản trở ngôn ngữ và tạo được những khả thể để thông giao và cộng tác tốt đẹp hơn.

3.3.4.2 Học hỏi đức tin cách thâm sâu hơn nhờ thần học trợ giúp

139. Bằng cách thủ đắc một trình độ chuyên môn trong thần học và giữ cho kiến thức ấy hợp thời, một tín hữu có thể *hiểu biết thích đáng về mầu nhiệm Kitô giáo*, có thể ý thức dân thân vào cuộc đối thoại giữa Tin mừng và văn hóa, và có thể đáp lại những đòi hỏi tác động đến họ do những tình huống đổi thay và sự tiến hóa của văn hoá.

Thần học phục vụ đức tin, phục vụ Giáo hội và phục vụ sự hội nhập văn hóa. Nó được liên kết không thể ly tán với đời sống và lịch sử của dân Thiên Chúa và với Huấn Quyền chỉ ra lối đường; sống động tận bản tính, thần học tác động đáng kể trên sứ mệnh của Giáo hội

¹⁵⁸ PDV 56.

và một cách đặc biệt trên đời sống thiêng liêng và tác vụ mục vụ của các phần tử của Giáo hội.¹⁵⁹

Như vậy, suy tư thần học giúp người Salêdiêng khai triển một tình yêu đối với Chúa Giêsu Kitô và Giáo hội, ban cho đời sống thiêng liêng của họ một nền tảng vững chắc, và làm cho họ thêm khả năng cho sứ mệnh giáo dục và mục vụ của họ. Tình trạng hiện hành đòi hỏi rằng suốt những giai đoạn của đào luyện ban đầu – nhưng không chỉ như vậy – cần phải có một *việc đặt nền vững chắc trong đức tin* dưới diện biết các chân lý một cách tri thức cũng như dưới diện kinh nghiệm một cuộc đời được đặt nền trên Tin mừng. Ta cần chú ý đặc biệt đến thần học về đời sống thánh hiến.

3.3.4.3 Hiểu biết nhất quán về con người, thế giới và Thiên Chúa nhờ triết học trợ giúp

140. Học triết lý thì bất khả thể để *hiểu biết và giải nghĩa thâm sâu hơn về nhân vị, về tự do của nhân vị và những tương quan với thế giới và với Thiên Chúa*.¹⁶⁰ Triết học cũng không thể thiếu được đối với khả năng cần thiết để suy tư và để lượng giá thực tại cách phê phán.

Thực thế, nó giúp để khai triển *một nhãn quan nhất quán về đời sống* vốn qui tụ những góc độ khác nhau của kinh nghiệm thành một toàn thể hài hòa, và nó cũng giúp trong việc đạt tới chân lý và bảo đảm sự vững chắc của nó trong một tình trạng văn hóa vốn thường tán dương chủ thuyết chủ quan như tiêu chuẩn và thước đo của chân lý. Nó được coi là nền tảng cần thiết để đối thoại giữa các khoa học thần học và nhân văn, để hiểu biết cách phê phán những văn hóa khác nhau, để đảm bảo những trụ cột của mầu nhiệm Kitô giáo trên phương diện lý trí, và để cho phép phân định những hình thức văn hoá trong đó Tin mừng phải được công bố.

3.3.4.4 Những khoa học nhân văn và những khoa học về giáo dục

141. Những khoa học nhân văn như xã hội học, tâm lý học, sư phạm, kinh tế và chính trị, và khoa học về truyền thông xã hội, công hiến *một*

¹⁵⁹ X. CEC, *La formazione teologia dei futuri sacerdoti*, 1976 passim.

¹⁶⁰ X. Gioan Phaolô II, *Fides et Ratio*, 60.

*hiểu biết sâu xa hơn về con người và những hiện tượng và đường nét phát triển của xã hội.*¹⁶¹ Chúng thật không thể thiếu cho bất cứ ai được kêu gọi để hội nhập Tin mừng vào trạng huống đời sống của giới trẻ.

Đối với người Salêdiêng trong thời kỳ đào luyện vốn đang hấp thụ việc thực hành giáo dục và sự khôn ngoan sư phạm của Tu hội, những khoa học về giáo dục rõ ràng là một phần tuyệt đối cần thiết của việc đào luyện chuyên môn và Salêdiêng, và hưởng được một vị trí ưu tiên bởi vì chúng liên kết với sứ mệnh Salêdiêng và những mục tiêu biệt loại của nó. *Huấn giáo*, vốn đem quan tâm mục vụ và trực giác sư phạm lại với nhau, chiếm một vị trí then chốt bởi vì việc loan báo Chúa Kitô cho giới trẻ là lý do hiện hữu của chúng ta như những Salêdiêng.

Tác động hằng gia tăng mạnh mẽ và rộng lớn của *truyền thông xã hội* trên hầu hết mọi khía cạnh đời sống, những lãnh vực hoạt động và những tương giao trong xã hội đòi người Salêdiêng phải được đào luyện trong lãnh vực truyền thông; nền đào luyện ấy sẽ làm cho họ có thể quen thuộc với những dụng cụ, những ngôn ngữ của chúng và sử dụng chúng; làm cho họ có được một cảm thức có tính phê phán và một khả năng về phương pháp luận và giáo dục để thông truyền sứ điệp cách hiệu quả hơn.

Để đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động giáo dục và mục vụ, việc người Salêdiêng phải có một kiến thức về *tình trạng xã hội, chính trị và kinh tế* trong đó họ sống và làm việc cũng như phải xem xét những khó khăn thực tế rất phức tạp trong thế giới lao động, những vấn đề xã hội, những hình thức mới của nghèo khổ, và giáo huấn xã hội của Giáo hội, quả là quan trọng.

3.3.4.5 “Tính Salêdiêng”

142. Cổ xúy sự tăng trưởng trong căn tính Salêdiêng, thấu triệt những sự giàu có trong đoàn sủng của Đấng Sáng Lập, sống theo nẻo trạng của Tu hội và những chỉ dẫn được trao ban để đảm bảo trung thành với ơn gọi Salêdiêng, sống cùng một ơn gọi Salêdiêng này theo một cách

¹⁶¹ x. PDV 52.

thức hợp với thời đại và những hoàn cảnh – tất cả những điều này đòi buộc *một kiến thức và hiểu biết, và vì thế, một học hỏi minh mẫn, liên lý và hợp thời về linh đạo, khoa sư phạm, lối tiếp cận mục vụ và lịch sử của Tu hội.*

Mọi Salêdiêng có bốn phận thường hằng phải vun trồng sự hiểu biết về ơn gọi của chính mình và sở đắc được tâm trí của Tu hội, nhờ đó kiên cường chính căn tính của mình và trở nên có thể công hiến và thông truyền đoàn sủng Salêdiêng và những giá trị của nó.

3.3.5 Sự chuyên hoá và phẩm chất chuyên môn

143. Ngoài một khả năng chuyên môn căn bản, ơn gọi chúng ta đòi hỏi một tài lực nghiệp vụ thích đáng, và điều này thường đòi phải chuyên hóa. Đàng khác, bối cảnh và những lãnh vực trong đó chúng ta làm việc cũng như những vai trò chúng ta đảm nhận, thường xuyên đòi buộc trình độ chuyên môn của chúng ta phải được chính thức chuẩn nhận. Vì thế, một khi việc đào luyện căn bản được đảm bảo, thì cần thiết phải chuyên hóa và chuyên môn hơn nữa.¹⁶²

Đang khi đúng là người ta có thể có được tài lực trong một lãnh vực đặc thù bằng cách sống và làm việc, thì ngày nay một kiến thức thích đáng và một sự chuẩn bị chuyên biệt trở nên cần thiết để nâng cao phẩm chất của hoạt động thường nhật và để tránh sự ngẫu hứng và hời hợt trong công việc của mỗi người.

Sự chuyên hóa dựa trên những tài năng của một người xét vì hoạt động tông đồ của họ và nhằm *làm cho họ có thể mang lại một sự phục vụ được ghi dấu bằng một sự chuyên môn và tài lực.*

Mọi Salêdiêng phẩm chất hóa [chuyên môn] chính mình vì những trách vụ giáo dục và rao giảng Tin mừng và vì vai trò được ký thác cho họ, nhất là khi đó là một trách nhiệm sinh động hóa, cai quản hay đào luyện trong cộng thể địa phương hay Tỉnh dòng.

¹⁶² Để đảm nhận những môn học khác trong thời kỳ đào luyện ban đầu theo viễn ảnh một sự chuyên môn hay chuyên hóa hơn nữa, nghĩa là, những môn học đi xa hơn những gì được nhắm đến trong chu trình học thông thường, phải luôn ghi nhớ những tiêu chuẩn và nguyên tắc được *Ratio* đề ra quả là quan trọng.

144. Trong việc chọn lựa những môn học chuyên hóa, phải cứu xét đến những năng khiếu và khuynh hướng của hội viên, nhưng *tiêu chuẩn căn bản và ưu tiên vẫn là sứ mệnh cụ thể của Tu hội*. Theo nghĩa này những môn học chuyên hóa không được hoạch định với một quan điểm là để thành tựu những mục tiêu cá nhân, nhưng với một quan điểm là đáp ứng những đòi hỏi của những cam kết tông đồ.¹⁶³

Chính Tỉnh dòng trong chương trình hoạt động của mình và một cách biệt loại hơn trong kế hoạch tỉnh để chuẩn bị và chuyên môn hoá các hội viên, nhận diện những lãnh vực và những ưu tiên để chuyên hoá và nói rõ làm thế nào chúng phải được hiện thực.

Hơn nữa, sau khi chuyên hoá, người hội viên nhận từ Tỉnh dòng một sự liên tục và bền bỉ nào đó trong hoạt động vì đó họ được chuẩn bị và tính khả thể cập nhật chính mình. Về phần mình, họ đặt sự phẩm chất hoá của mình để phục vụ sứ mệnh chung.

3.3.6 Những trung tâm học vụ để đào luyện

145. Việc sắp đặt và những đặc tính của các môn học cần thiết cho việc đào luyện tri thức của người Salêdiêng tìm thấy một câu giải đáp mang tính chất cơ cấu nơi các trung tâm học vụ. *Việc chọn lựa một trung tâm học vụ* phải tương xứng với những tiêu chuẩn của đào luyện Salêdiêng. Vì lẽ do này, Quy chế Tổng quát mời các Tỉnh dòng để có thể có trung tâm học vụ riêng của mình.¹⁶⁴

Như một vấn đề thực tế trong Tu hội có những cơ cấu khác nhau dành cho Hậu tập viện và Thần học. Có trung tâm Salêdiêng, hoặc được liên kết với một cộng thể đào luyện [học viện] hay điều hành độc lập, và có trung tâm không phải là Salêdiêng hay trung tâm mà những người Salêdiêng chia sẻ trách nhiệm với những người khác [trong việc điều hành].

Nhiều trung tâm Salêdiêng mở rộng cho những sinh viên không thuộc về Tu hội.

¹⁶³ x. MuR 26.

¹⁶⁴ x. QC 84.

Giữa những loại trung tâm học vụ khác nhau, *trung tâm Salêdiêng phải được chọn lựa ưu tiên hơn*; nó công hiến một chương trình học với một hướng chiều Salêdiêng và có một tính chất mục vụ và sự phạm đặc biệt, và tán trợ sự hòa hợp đào luyện tri thức với một kế hoạch đào luyện toàn diện và một tương giao đặc biệt giữa các sinh viên Salêdiêng và các giáo sư của họ; đảm bảo mối liên hệ tốt đẹp giữa trung tâm học vụ và cộng thể cũng là cần thiết.

- 146.** *Các Giám tỉnh có bốn phận quan tâm theo dõi các trung tâm học vụ của mình*, chú ý đến những mục tiêu Salêdiêng cũng như phẩm chất học thuật của việc phục vụ tại các trung tâm đó, và cung cấp cho những trung tâm ấy những phương tiện cần thiết. Nếu họ muốn trung tâm học vụ đó có một mức độ tuyệt hảo và thực thi chức năng thích hợp, họ phải quan tâm trước hết đến ban giảng dạy, và vì thế đến tổ chức cơ cấu về trường ốc cũng như đến sự chuẩn bị, sự lâu bền, sự sắp xếp hợp lý, và sự thay thế nhân sự cần thiết. Họ sẽ phải nhấn mạnh đến nhu cầu là mọi sự phải quy về tính Salêdiêng và các giáo sư phải được chuyên môn trong những môn học mà tạo cho trung tâm một sắc thái Salêdiêng; họ sẽ phải khuyến khích các giáo sư tiếp xúc và can dự vào hoạt động và suy tư của Tu hội và Tỉnh dòng.

Ta cũng phải ghi nhớ rằng *các trung tâm Salêdiêng có thể công hiến cho Tỉnh dòng và Giáo hội địa phương một sự phục vụ chuyên môn* về sự sinh động hóa thiêng liêng, mục vụ và văn hóa, chẳng hạn: những sáng kiến để cập nhật các hội viên, những phần tử của Gia đình Salêdiêng và giáo dân; những góp ý chuyên môn cho các cơ quan của Tỉnh dòng hay liên Tỉnh dòng; những bài khảo cứu, xuất bản, và chuẩn bị những chất liệu dùng để sinh động hoá; và những sáng kiến khác nhau trong sự liên kết với Giáo hội và các dòng tu.

Hiển nhiên, một trung tâm học vụ đôi khi có thể là một gánh nặng cho một Tỉnh dòng. Vì thế khuyến nên có *sự cộng tác giữa các Tỉnh*; và đôi khi sự cộng tác đó lại là cần thiết nữa.

Khi không thể gởi tới một trung tâm học vụ Salêdiêng trên cấp Tỉnh hay liên Tỉnh dòng, ta nên chọn một trung tâm không phải là Salêdiêng dựa trên những tiêu chuẩn đào luyện, đảm bảo những điều kiện cần thiết và theo tiến trình mà *Ratio* đặt ra. Trong mọi trường hợp, một lựa chọn như thế phải để ý đến tình trạng của

Tình dòng, số lượng sinh viên Salêdiêng, sự gắn gũi hay không với những trung tâm Salêdiêng, và bối cảnh Giáo hội.

147. Giữa những trung tâm học vụ Salêdiêng khác nhau, vị thế ưu việt dành cho *Đại Học Giáo Hoàng Salêdiêng* do bởi sứ mệnh đặc biệt nó hiện thực để phục vụ Giáo hội và Tu hội bằng cách chuẩn bị nhân sự chuyên môn. “Sự phát triển hiện tại và sự bành trướng khắp thế giới của Tu hội, những thách đố mà sứ mệnh Tu hội đang đối diện, nhu cầu cải tiến phẩm chất cho nỗ lực mục vụ và sự phạm, bối cảnh của cuộc tân phúc âm hóa và của sự hội nhập văn hóa, quan tâm đến việc cổ xúy sự hiệp thông, và lo lắng đến những cách thức diễn tả đức sùng của chúng ta – tất cả những yếu tố khác nhau này nêu bật tầm quan trọng và sự thích đáng lớn lao mà UPS thực thi trong khung thực thể Salêdiêng.”¹⁶⁵

UPS có liên hệ đặc biệt với một vài trung tâm học vụ Salêdiêng dưới hình thức uỷ quyền (affiliation) hay tổ hợp (aggregation). Đây là một kinh nghiệm có tính cách cấu thành và minh chứng là hữu ích trong việc nâng cao phẩm chất học hành, sự trao đổi tư tưởng và cộng tác, và vai trò của các giáo sư.

3.3.7 Một vài đề nghị để cổ xúy đào luyện tri thức

148. Sự cam kết cho đào luyện tri thức phải là một nét thường hằng trong đời sống của mọi Salêdiêng. Một cam kết như thế tìm được sự khích lệ và diễn tả thực tiễn trong một số thái độ mà người Salêdiêng phải vun trồng:

- Người Salêdiêng làm cho *niệt tâm đối với ơn gọi của mình, xuất phát từ tình yêu mục tử, thành động lực mạnh mẽ* cho việc đào luyện tri thức của mình. Họ nuôi dưỡng yêu thích học hỏi, dành thời giờ nghiên cứu và lợi dụng những cơ hội được cống hiến cho mình; họ coi học hỏi là một phương thế hiệu lực cho sứ mệnh;

- Họ nỗ lực rèn đúc *một tổng hợp của đức tin, văn hóa và đời sống*, của giáo dục và rao giảng Tin mừng, của những giá trị trần thế và mục vụ;

¹⁶⁵ Vecchi, J., Tường trình của Phó Bề Trên Cả cho TTN24, 229.

- Họ sống việc đào luyện tri thức như *việc đào luyện mình, nhất là từ nhân quan đào luyện liên tục*, nghĩa là, như một thái độ và cam kết cá nhân: họ lợi dụng suy tư, chia sẻ và gặp gỡ nhóm;

- Ý thức về những đòi hỏi của sứ mệnh, họ *chịu khó* phát triển một quan tâm chân chính đến những vấn đề văn hóa, làm cho căn tính Salêdiêng thành nguyên tắc hướng dẫn những nỗ lực để làm cho mình hợp thời và trưởng thành trên phương diện tri thức, và thủ đắc một não trạng suy tư và phân định về những dấu chỉ thời đại và những hiện tượng mới nảy sinh trong văn hóa giới trẻ;

- Họ *tìm thấy trong cộng thể của mình*, Tinh dòng và địa phương, một kích thích tố và sự giúp đỡ cho việc đào luyện tri thức của mình; thực thể, cộng thể đối phó mình như một khung cảnh giàu có trong những giá trị Salêdiêng và rộng mở đối với cuộc sống và văn hóa. Họ tìm thấy cộng thể hữu ích cách đặc biệt để “tư duy về kinh nghiệm” cùng với cộng đoàn giáo dục và mục vụ, trong khung Kế hoạch Giáo dục và Mục vụ Salêdiêng;

- Suốt thời đào luyện ban đầu, họ *lãnh trách nhiệm về việc đào luyện tri thức của mình*. Với tinh thần tông đồ và quảng đại họ chấp nhận khoa tu đức liên can đến học hành nghiêm chỉnh, công việc có tính khoa học đầy mệt nhọc, sự chuyên cần và tập trung. Họ tích cực tham gia trong lớp, nhóm và những sáng kiến học thuật và văn hóa, và ưa thích gặp gỡ các giáo sư. Họ làm cho những động lực và đích nhắm của mỗi môn học cũng như hoạt động kinh viện trong đó họ sống thành của mình;

- Họ nhận được sự dẫn nhập vào *phương pháp luận của hoạt động tông đồ*, và học để nối kết những việc thực thi mục vụ với đào luyện tri thức theo một cách thức vốn tạo thành một kinh nghiệm bao quát; bằng cách này họ tránh được nguy cơ trừu tượng hay quan tâm tới những kết quả trước mắt.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

Những mục tiêu và sắc thái Salêdiêng

149. “*Sứ mệnh Salêdiêng định hướng và tạo sắc thái cho việc đào luyện tri thức các hội viên ở mọi trình độ. Vì thế việc sắp xếp các môn học*

cần làm sao để những yêu cầu của tính nghiêm túc khoa học phù hợp với những yêu cầu của chiều kích tu trì tông đồ trong kế hoạch đời sống chúng ta.”¹⁶⁶

*Hãy cống hiến cho mỗi hội viên **một đào luyện vững chắc về thần học, sự phạm và chuyên môn** vốn để ý đến những hình thức của ơn gọi Salêdiêng cũng như những nguyên tắc do Giáo hội đặt ra.*

150. *Nhờ suy tư liên lý về những kinh nghiệm thực tiễn của mình, sự đóng góp tương thuộc của những môn học khác nhau, và sự thủ đắc những kỹ năng/tài khéo cần thiết trợ giúp, người Salêdiêng hãy hình thành nơi mình **một não trạng sự phạm và mục vụ** và trở thành có thể đáp ứng thích đáng những trách vụ và thách đố riêng của sứ mệnh.*

151. *Sự chuẩn bị tri thức phải hình thành nơi người Salêdiêng một **“não trạng rộng mở và phân định”¹⁶⁷** khiến họ có thể hiểu biết tình huống nhất là của giới trẻ và người nghèo; nó phải phát triển nơi họ tinh thần sáng kiến¹⁶⁸ và thúc đẩy họ “giữ mình hợp thời với các trào lưu mới và đáp trả lại chúng với tính sáng tạo quân bình của Đấng Sáng Lập.”¹⁶⁹*

Cá nhân cam kết cho đào luyện tri thức

152. *Mỗi người Salêdiêng hãy hình thành **thói quen** suy tư về những kinh nghiệm thực tiễn của mình, một mình và trong cộng thể, cũng như thói quen đọc sách. Họ hãy làm cho những cơ hội được ban cho họ do cộng thể địa phương, Tỉnh dòng và Giáo hội nên tốt nhất. Họ hãy bảo đảm thủ đắc được những văn bằng giáo dục mà trách vụ giáo dục giới trẻ, vai trò của người sinh động, và những thách đố của tình trạng đòi buộc họ: họ cần phải giữ cho mình luôn được chuẩn bị tốt đẹp hơn để chu toàn sứ mệnh chung.*

“Mỗi hội viên nên cùng với các Bề trên tìm ra lãnh vực chuyên môn thích hợp với khả năng cá nhân và các nhu cầu của Tỉnh, ưu tiên cho những lãnh vực có liên hệ tới sứ mệnh chúng ta. Hãy giữ thái độ sẵn

¹⁶⁶ QC 82.

¹⁶⁷ QC 99.

¹⁶⁸ x. ibid.

¹⁶⁹ HL 19.

sàng là đặc điểm của tinh thần chúng ta và mau mắn hưởng ứng các dịp định kỳ bồi dưỡng khả năng chuyên môn.”¹⁷⁰

Trên bình diện Tu hội

153. Những môn học trong Tu hội được điều hành do:

- Những văn kiện Giáo hội, mà, trực tiếp hay gián tiếp, liên hệ đến những môn học của Giáo hội và việc đào luyện tri thức của các tu sĩ;
- Hiến Luật và Quy chế Tổng quát, những Tổng Tu Nghị, Bề Trên Cả với Ban Cố vấn ngài, Ratio và những Nội Quy Tỉnh được phê chuẩn.

154. Trong Tu hội đào luyện tri thức là mối quan tâm trực tiếp của Bề Trên Cả và Ban Cố vấn ngài. Điều này được vị Tổng Cố vấn Đào luyện quan tâm đặc biệt.¹⁷¹ Những việc sau đây thuộc lãnh vực của ngài:

- Cổ xúy những môn học được đòi hỏi do những đặc tính riêng của Tu hội;
- Quan tâm đến việc chuẩn bị nhân sự và kiểm nghiệm Kế hoạch Tỉnh dòng về việc chuẩn bị và chuyên hóa các hội viên;
- Chăm lo các trung tâm học vụ Salêdiêng và những nhân sự làm việc trong đó;
- Lượng giá những việc lựa chọn [ta phải làm] với những trung tâm học vụ không do Salêdiêng điều hành cũng như những sự liên kết (affiliations) của các trung tâm học vụ Salêdiêng với những cơ sở Salêdiêng và không Salêdiêng.

155. Các trung tâm học tập cao hơn, như các học viện, và các Phân khoa Thần học, Triết học và Sư phạm lệ thuộc vào Tu hội, phải kín mức sự hứng khởi từ những tiêu chuẩn và chỉ dẫn từ Ratio này, xét như liên hệ với các sinh viên Salêdiêng.

156. Nên khích lệ học tiếng Ý như một phương tiện để hiểu biết về nguồn cội và để đọc các văn kiện, và như một yếu tố để thông giao trong Tu hội, nhất là trong các tiếp xúc và quy tụ trên bình diện quốc tế.

¹⁷⁰ QC 100.

¹⁷¹ X. HL 135.

Học những ngôn ngữ khác cũng được cố võ xét như chúng hữu ích để trao đổi theo quan điểm mục vụ và Salêdiêng.¹⁷²

Trên bình diện Tỉnh dòng

- 157.** *Vì mục đích duy trì tính duy nhất trong đào luyện tri thức, **phần về đào luyện trong Nội Quy Tỉnh** phải có những chỉ dẫn và những quyết định căn bản liên quan đến giáo trình các môn học, luôn ghi nhớ những nguyên tắc của Tu hội, những đòi hỏi của sứ mệnh và bối cảnh của Tỉnh dòng. Cũng nên có những chỉ dẫn liên quan đến những trung tâm học vụ mà các hội viên thường lui tới trong những giai đoạn khác nhau của đào luyện và vạch ra những bước để đảm bảo đặc tính Salêdiêng của những trung tâm này. Kế hoạch Đào luyện Tỉnh dòng phải cho thấy cách chi tiết bất kỳ điều gì thuộc về giáo trình của các môn học.*
- 158.** *Tỉnh dòng hãy soạn **Kế hoạch Tỉnh để chuẩn bị và chuyên hóa** các hội viên dựa trên những tiêu chuẩn được đề ra trong **Nội Quy** và như một phần của Kế hoạch Đào luyện Tỉnh dòng. Kế hoạch này (để nâng cao phẩm chất các hội viên) thỉnh thoảng phải được duyệt xét lại và kiểm chứng do Ủy ban Đào luyện Tỉnh dòng và gửi đến cho vị Tổng Cố vấn Đào luyện.*

Suốt thời kỳ đào luyện ban đầu

- 159.** *Việc chuẩn bị tri thức tạo thành yếu tố duy nhất hoá trong tất cả những giai đoạn của đào luyện ban đầu. Nó đóng một vai trò quan trọng khi sắp xếp một chương trình tổng quát và trong việc chỉ định thời gian cho **Hậu Tập** viện (ít nhất hai năm), cho việc đào luyện chuyên biệt các Salêdiêng chuẩn bị cho đời sống linh mục (bốn năm), và cho việc đào luyện chuyên biệt tương tự của các Salêdiêng sư huynh (ít nhất một năm).¹⁷³*

¹⁷² x. ASC 276, p. 78; TTN21 153d; Vecchi. J., “Vì các con cha học ...” AGC 361 (1997) p. 40.

¹⁷³ x. Salêdiêng sư huynh, p. 217.

160. Suốt thời kỳ đào luyện ban đầu một sắc thái Salêdiêng phải được đưa vào trong việc sắp xếp các môn học; đồng thời một sự học hỏi hệ thống và tiệm tiến về các đề tài biệt loại Salêdiêng phải được nuôi dưỡng.¹⁷⁴

Về sắc thái Salêdiêng trong việc sắp xếp các môn học cần phải chú ý đến những khía cạnh sau:

- Mọi quan tâm nền tảng và thống nhất hóa để đào luyện thành một nhà giáo dục và mục tử Salêdiêng;

- Sự hòa hợp giữa việc sắp xếp các môn học và những nhu cầu của đời sống và sứ mệnh Salêdiêng;

- Sự hiện diện của những hội viên được chuẩn bị thích đáng; khởi từ trong lãnh vực chuyên môn của mình, họ giúp các hội viên sinh viên nắm bắt góc cạnh Salêdiêng trong các môn học của họ và ở trong một vị thế để làm cho những người trách nhiệm trong các trung tâm không phải Salêdiêng cũng nhạy cảm về khía cạnh này.

Về học hỏi những đề tài biệt loại Salêdiêng:

- Nên có được một học hỏi hệ thống và tiệm tiến về những môn Salêdiêng (lịch sử, khoa sư phạm, linh đạo Salêdiêng và những nét nền tảng của mục vụ giới trẻ Salêdiêng), khi thực thi điều được viết xuống trong phần về đào luyện của Nội Quy Tỉnh và trong Kế hoạch Đào luyện Tỉnh dòng;

- Khi các hội viên lui tới một trung tâm học vụ Salêdiêng, trách nhiệm giảng dạy những môn này thường được phân chia giữa những vị thẩm quyền về học vấn và những người của cộng thể đào luyện;

- Khi các hội viên lui tới một trung tâm không thuộc Salêdiêng, trách nhiệm này được cộng thể đào luyện đảm nhận, trừ phi nó được chính trung tâm lãnh nhận.

Những người có trách nhiệm về đào luyện tri thức

161. Hội viên trong đào luyện phải coi mình là người đầu tiên gánh lấy trách nhiệm về việc chuẩn bị tri thức của mình. Vì thế:

¹⁷⁴ X. QC 85; *Gli studi di "salesianità" durante la formazione iniziale*, một khoá học hỏi được Ban ngành Đào luyện tổ chức, Rome, 1993.

- Họ phải đều đặn tham dự các bài học, và chăm chỉ chuẩn bị các buổi hội thảo, luận án và thi cử;¹⁷⁵

- Họ phải cởi mở trao đổi quan điểm và chia sẻ nhóm, và tích cực tham gia vào những sáng kiến liên quan đến học vấn và văn hoá của chính trung tâm học vụ của họ;

- Với sự giúp đỡ của các giáo sư, họ phải nỗ lực trở thành có tài lực trong nghệ thuật suy tư và thủ đắc được một phương pháp nghiên cứu vốn tương hợp với tinh thần của đào luyện liên tục.

162. Giám đốc và những người trách nhiệm khác về đào luyện phải nỗ lực theo dõi việc đào luyện tri thức của hội viên, giữ cho mình luôn được thông tri, trao đổi với những vị có thẩm quyền học vấn và thỉnh thoảng thực thi một lượng giá.

Sự hiện diện của các hội viên có phẩm chất chuyên môn, có thể là các giáo sư, trong cộng thể đào luyện phải luôn được đảm bảo: họ có thể giúp để làm cho các môn học và kinh nghiệm đào luyện thành duy nhất.

163. Hội viên là một giáo sư phải ý thức về chức năng chuyên biệt của mình là đào luyện. Về điều này họ tỏ ra quan tâm đến việc tiến bộ trong tri thức của các sinh viên và giúp họ phát triển những tài năng, trong khi ghi nhớ những mục tiêu và những đòi hỏi về mục vụ và sự phạm của hoạt động Salêdiêng.

Họ phải làm cho những dịch vụ về văn hóa và tông đồ của mình trong Tinh dòng lệ thuộc vào những dịch vụ mà họ được mời gọi để trao ban cho các hội viên sinh viên. Họ cũng phải cam kết chính mình cho một nỗ lực có hệ thống để giữ cho mình được cập nhật trong chính sự chuyên hóa của mình.

164. Dù họ là giáo sĩ, tu sĩ hay giáo dân chẳng nữa, những giáo sư không phải là Salêdiêng, được mời gọi để phục vụ trong các trung tâm Salêdiêng, phải được tuyển chọn theo ánh sáng của những sự chuẩn bị khoa học và sự phạm của họ, những tiêu chuẩn và điều kiện được

¹⁷⁵ x. RFIS 93.

*Giáo hội và Tu hội vạch ra, và nhất là, sự vâng phục của họ trước những chỉ dẫn của Giáo hội và chứng tá đời sống của họ.*¹⁷⁶

Phương pháp luận

165. *Phương pháp luận của các môn học và việc giảng dạy phải dành chỗ cho một lối tiếp cận nhân học vững chắc và liên ngành, cho các phương pháp vốn cổ xúy khả năng suy tư, đối thoại và thảo luận, một tâm trí phân định và một thái độ đào luyện tri thức liên tục. Giáo sư lẫn sinh viên nên cật lực làm việc tri thức của mình với tất cả sự nghiêm chỉnh, luôn có trước mắt một tổng hợp và nhắm tạo nên một não trạng mục vụ và sự phạm.*

166. *Khi sắp xếp công việc học vấn:*

- *Phải có đủ số các bài học trong những đề tài cốt lõi hầu tạo nên một bản trình bày về chất liệu liên hệ và những chỉ dẫn tổng quát để cá nhân học hỏi;*

- *Những khóa hội thảo và những sự thao dợt thực tiễn phải được điều hành để cổ võ sinh viên sự tham gia tích cực;*

- *Các giáo sư phải trình bày một phương pháp nghiêm chỉnh của một công trình khoa học.*¹⁷⁷

- *Học hỏi cá nhân phải được khuyến khích bằng nhiều cách thức.*

Những trung tâm học vụ

167. *Cứ sự mà xét (de facto), trong Tu hội có nhiều cấu trúc khác nhau cho Hậu Tập viện (trong một vài trường hợp các tiền tập sinh cũng được tham dự) và thần học:*

- *Trung tâm học vụ Salêdiêng được liên kết với một cộng thể đào luyện (học viện) hay điều hành độc lập; trong cả hai trường hợp trung tâm ấy có thể được các sinh viên Salêdiêng và các sinh viên khác của các dòng khác, địa phận hay giáo dân lui tới (tham dự);*

- *Trung tâm không do Salêdiêng điều hành, thuộc về Giáo hội hay Nhà Nước, và được các hội viên là những phần tử của một cộng*

¹⁷⁶ X. CIC can. 809, 810, 812; TTN24 164.

¹⁷⁷ X. RFIS 91.

thể đào luyện lui tới (tham dự); trong một vài trường hợp, trung tâm học vụ được điều hành do các Salêdiêng cùng cộng tác với những học viện khác hay với địa phận.

- 168.** Giữa hai loại trung tâm học vụ được nói đến ở trên – Salêdiêng và không Salêdiêng – **trung tâm Salêdiêng thông thường được chọn lựa ưu tiên hơn.**¹⁷⁸ Sự ưa chuộng này nhấn mạnh tầm quan trọng của một sự sắp xếp vốn tạo nên sự liên kết của, và sự đồng qui giữa đào luyện tri thức và chương trình đào luyện tổng quát trong một khung qui chiếu Salêdiêng.

Một sự đồng qui như thế có thể xảy ra hoặc theo hình thức của một cộng thể đào luyện có trung tâm học vụ riêng (“học viện”) hay trong hình thức của một cộng thể đào luyện tách rời khỏi một trung tâm học vụ Salêdiêng, miễn là có một sự cộng tác mật thiết giữa hai cơ cấu ấy hầu đạt được mục tiêu chung của đào luyện.

- Trung tâm Salêdiêng có một lợi thế nữa cho đào luyện là nó làm cho việc chia sẻ đời sống và suy tư giữa các hội viên giảng dạy và hội viên sinh viên thành có thể được, và nó củng cố một sự phục vụ có tài lực cho đào luyện liên tục trong Tỉnh dòng.

- 169.** Sự ưu ái chọn một trung tâm học vụ Salêdiêng không có nghĩa rằng trung tâm ấy chỉ dành riêng cho Salêdiêng mà thôi. Chính Qui chế nói rằng “Trong mức có thể, **trung tâm cũng nên mở cửa tiếp nhận** các học viên ngoại trú, tu sĩ và giáo dân, nhằm phục vụ Giáo hội địa phương.”¹⁷⁹

Trong khi vẫn đảm bảo căn tính và tiêu chuẩn tuyệt hảo của trung tâm, sự rộng mở này giữ được những thuận lợi cho đào luyện, chẳng hạn như chia sẻ, cộng tác và có thêm nhiều sinh viên hơn.

- 170.** “Các Tỉnh dòng nên có một trung tâm học vụ riêng nhằm đào luyện hội viên và phục vụ chuyên môn trong việc sinh động hóa và các lãnh vực thiêng liêng, mục vụ và văn hóa.”¹⁸⁰

¹⁷⁸ X. TTN21 282, 283, 441.

¹⁷⁹ QC 84.

¹⁸⁰ Ibid.

Các trung tâm Salêdiêng cần được nâng đỡ, và cần phải lấy những bước để đảm bảo rằng chúng bảo tồn được sự tuyệt hảo trong những vấn đề học vụ và trong đào luyện, rằng chúng được bố trí nhân viên đầy đủ bởi đội ngũ nhân sự có chuyên môn, và rằng nhân sự này phải có được một sự dài hạn nào đó trong cơ chế giảng dạy của trung tâm học vấn Salêdiêng. Để chuyển chuyên các hội viên hình thành nên bộ khung giảng dạy chính trong một trung tâm Salêdiêng, Giám tỉnh cần phải đã thông với Cố vấn Đào luyện.

Đang khi lưu ý đến phẩm chất và cơ cấu của trung tâm, những vai trò và bộ phận học vấn khác nhau (hiệu trưởng, ban cố vấn, giáo sư đoàn, hội nghị sinh viên, v.v.) phải được minh định và được phân công đúng đắn. Mọi trung tâm Salêdiêng phải có những qui định và qui chế riêng được Ratio khởi hứng.

171. *Nên có sự cộng tác nghiêm chỉnh và xác định trên bình diện liên Tỉnh trong việc thiết lập những trung tâm học vụ Salêdiêng và đảm bảo rằng chúng có đủ những điều kiện cần thiết để điều hành tốt đẹp, nhất là khi một sắp xếp như thế không thể được trên bình diện Tỉnh dòng.*

172. *Giữa trung tâm học vụ và cộng thể Salêdiêng cần có võ những phương cách và những phương tiện thông giao (chẳng hạn các phiên họp giữa những vị có thẩm quyền về học vấn và tu sĩ, giữa giáo sư và sinh viên, v.v.).*

Trong trường hợp của một “học viện”, vì lệ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, những lãnh vực có thẩm quyền của trung tâm học vụ (những qui chế, những bộ phận học vụ, cơ sở và tài chính) phải được phân biệt thích đáng với những lãnh vực của cộng thể đào luyện, nhưng được liên kết hài hòa với nhau, theo những nguyên tắc của Hiến Luật và Quy chế Tổng quát.

Cũng nên có một sự liên kết có tính thể chế giữa trung tâm học vụ, cộng thể đào luyện và Tỉnh dòng trong đó trung tâm được định vị. Sự liên kết này có thể mặc lấy hình thức của:

- Những phiên họp định kỳ của các vị thẩm quyền của trung tâm học vụ và của cộng thể đào luyện (hiệu trưởng và Giám đốc) với Giám tỉnh và nếu cần, Ban Cố vấn ngài, hầu xem xét những vấn đề quan trọng liên quan đến bộ phận giảng dạy, việc lên chương trình và thực

thi những kế hoạch học vụ, thư viện, lãnh vực quản trị, điều hành thường nhật của trung tâm học vụ hay học viện;

- Một “ủy ban quản trị” được tạo thành do những người có trách nhiệm trên bình diện Tỉnh, cộng thể đào luyện và chính trung tâm. Trách vụ của ủy ban là cứu xét những vấn đề hệ trọng hơn.

173. “Khi trung tâm học vụ ở cấp liên Tỉnh, các Tỉnh hãy cùng cộng tác với tinh thần đồng trách nhiệm để trung tâm đạt được những mục tiêu của nó.”¹⁸¹

Sự cộng tác liên Tỉnh đối với học viện hay trung tâm học vụ hàm ẩn sự sáng tạo và điều hành thích hợp của một thực thể cùng chia sẻ trách nhiệm (chẳng hạn, một “curatorium”). Một thực thể như thế được tạo thành do những Giám tỉnh liên hệ trực tiếp, vị chủ tịch, Giám đốc của [những] cộng thể đào luyện, vị điều hành và những thành viên khác được điều lệ tiên liệu. Nó có những trách vụ sau:

- Minh định những quyền lợi và bổn phận của các Tỉnh đồng liên hệ, vai trò của Giám tỉnh địa phương của trung tâm và của những Giám tỉnh liên hệ khác;

- Vạch ra cách thực tiễn những lãnh vực và hình thức của sự cộng tác giữa trung tâm học vụ và những Tỉnh nâng đỡ nó;

- Theo dõi sự sắp xếp các môn học và hoạt động học vấn;

- Học hỏi và công hiến sự hướng dẫn cho những bề trên có thẩm quyền liên quan đến nhân sự giảng dạy và sinh viên;

- Đảm bảo những chỉ dẫn và nguyên tắc của Tòa Thánh liên quan đến các trung tâm học vụ của Giáo hội được tuân thủ;

- Giữ liên hệ với vị Tổng Cố vấn Đào luyện.

174. Cần phải có sự phê chuẩn của Bề Trên Cả cho một Tỉnh dòng để gánh vác và **chia sẻ trách nhiệm** với những cơ chế Giáo hội và dân sự khác trong việc **điều hành và quản trị những trung tâm học vụ**. Những hội viên làm việc trong những trung tâm học vụ

¹⁸¹ Ibid.

như thế hãy được nâng cao trình độ thích đáng hầu có thể cống hiến một sự phục vụ vững chắc và ý nghĩa.

- 175.** *Rất nên, những trung tâm thần học thuộc về địa phận hay những dòng tu và được các hội viên chúng ta tham dự được đính kết [affiliated] với một phân khoa thần học.¹⁸²*
- 176.** *Cần phải được Bề Trên Cả phê chuẩn để một trung tâm học vụ Salêdiêng được **đính kết** với **những cơ chế không Salêdiêng**.*
- 177.** ***Những sự đính kết** và những hình thức liên kết khác của các trung tâm học vụ Salêdiêng với **những Phân khoa của Đại học Giáo hoàng Salêdiêng** phải được cố võ. Nếu được sắp xếp thích đáng do chính trung tâm và do Đại học, chúng liên hệ nhiều hơn đến việc quản trị những vấn đề học vụ và đóng góp vào bình diện môn học nghiêm chỉnh hơn, trình độ chuyên môn của nhân sự, đối thoại với những trung tâm khác nhau của Tu hội, sự duy nhất của mục đích và sự cộng tác.*

Thuộc về Bề Trên Cả, là Chương Án (Grand Chancellor) của Đại học Giáo hoàng Salêdiêng, để cho phép bước khởi đầu trong tiến trình đính kết và để gửi đi lời xin chính thức đối với Thánh Bộ lo về giáo dục công giáo, sau khi những vị thẩm quyền về học vấn hoàn tất những chứng thực cần thiết và bày tỏ sự đồng ý.

Những hiệu trưởng của các phân khoa của UPS và những người có trách nhiệm đối với những trung tâm được đính kèm sẽ định kỳ thông tri cho vị Tổng Cố vấn Đào luyện về vận hành hiệu lực của sự đính kết hay những hình thức liên kết khác.

- 178.** *Khi mình chứng không thể lui tới một trung tâm học vụ Salêdiêng, ngày cả trên bình diện liên Tỉnh dòng, có thể **chọn một trung tâm học vụ không phải Salêdiêng** vốn tuân theo những chỉ dẫn của Giáo hội và có thể cung ứng tốt hơn những nhu cầu và nhấn mạnh¹⁸³ vốn đặc trưng hóa những giai đoạn riêng trong tiến trình đào luyện của chúng ta.*

¹⁸² Gioan Phaolô II, Tông hiến về các đại học và phân khoa của Giáo hội, *Sapientia Christiana*, 1979, art. 62,2;

¹⁸³ x. TTN21 262.

Cách riêng, đối với thời liền sau Hậu Tập viện, ta ưa chuộng hơn những trung tâm học vụ không phải Salêdiêng nhưng nối kết triết học với những khoa học nhân văn cách tốt đẹp hơn; còn đối với việc đào luyện chuyên biệt cho chức linh mục, [ta ưa chuộng hơn] những trung tâm nào có thể đóng góp để đào luyện một linh mục vừa là một mục tử và một nhà giáo dục cách tốt nhất. Những lợi ích đào luyện đối với việc sắp xếp này nên được định kỳ duyệt xét.

Sự chọn lựa một trung tâm học vụ không phải Salêdiêng đòi phải đối thoại trước với vị Tổng Cố vấn Đào luyện và được Bề Trên Cả phê chuẩn.

179. Trong phần về đào luyện của Nội Qui Tỉnh, mỗi Tỉnh dòng phải ấn định trung tâm học vụ mà Tỉnh dòng chọn để đào luyện các hội viên của mình, và nêu ra những lý do cho sự lựa chọn đó dựa trên những hoàn cảnh đặc thù của mình.

180. Khi các hội viên **tham dự [lui tới] một trung tâm học vụ không phải Salêdiêng**, những bước sau đây phải lấy để đảm bảo phải đạt được những mục tiêu đào luyện, theo những khả thể và những hoàn cảnh cụ thể:

- Các hội viên sinh viên, xét như cá nhân và nhóm, phải cố gắng lãnh hội nội dung tri thức được trung tâm đó cống hiến trong một bối cảnh của một tổng hợp và trong khung ơn gọi Salêdiêng của họ;

- Phải có một sự liên hệ giữa những vị trách nhiệm của cộng thể đào luyện và những vị thẩm quyền về học vụ;

- Phải có một Salêdiêng có tài lực để theo dõi việc đào luyện tri thức của các hội viên lui tới một trung tâm như thế, và, nếu có thể, một vài hội viên giảng dạy tại cùng trung tâm đó hoặc tham gia vào hướng đi của trung tâm đó;

- Lịch sử, khoa sư phạm, việc mục vụ và linh đạo Salêdiêng phải là đối tượng cho những khóa học chuyên biệt và hệ thống vốn được tháp nhập vào giáo trình của trung tâm hoặc được dạy trong cộng thể đào luyện.

Sự công nhận pháp lý về giáo trình căn bản và những môn học khác

181. Những môn học được nhắm đến do giáo trình căn bản của những năm tháng của đào luyện ban đầu “tại những nơi hoàn cảnh cho

phép, phải sắp xếp việc học thế nào để có thể **lấy được những văn bằng** có giá trị pháp lý.”¹⁸⁴ Kế hoạch Tỉnh dòng về việc chuẩn bị và chuyên hóa của các hội viên nên lưu ý đến những đòi hỏi này.

182. Trong thời kỳ đào luyện ban đầu, đối với việc có thể **theo đuổi những môn học khác** vốn không nằm trong giáo trình căn bản, cũng với ý định là chiếm được những văn bằng, ta phải ghi nhớ bốn phận là trước hết phải đáp lại những đòi hỏi của giai đoạn đào luyện mà người hội viên phải trải qua và dành ưu tiên cho việc hoàn tất giáo trình căn bản. Trong trường hợp không thể tương hợp thực sự, sự ưu tiên tuyệt đối phải dành cho những đòi hỏi của đào luyện.

Khi có thể hài hòa sự kính trọng đối với những đòi hỏi của đào luyện và sự tận lực cho những môn học khác, hội viên phải cật lực làm việc với tinh thần trách nhiệm và hy sinh, và Giám tỉnh cùng Giám đốc phải đảm bảo theo dõi cần thiết và định kỳ lượng giá.

183. Phải lưu ý đến nguyên tắc được Thánh Bộ lo về Giáo dục công giáo ban hành nghiêm cấm việc cùng lúc tham dự như sinh viên thường trực tại hai đại học hay trung tâm thuộc cấp độ cao hơn suốt trong thời gian học triết học và thần học.¹⁸⁵ Vì thế, trong những giai đoạn đào luyện khác nhau, các hội viên trong thời đào luyện phải được ghi danh như một sinh viên thường trực tại chỉ một học viện thuộc trình độ đại học mà thôi.

184. Có những Tỉnh dòng mà suốt những năm đào luyện căn bản, trước hay sau thời tập vụ, phân phối một số năm mà không tương hợp với những giai đoạn đào luyện khác, cho các sư huynh và giáo sĩ để hoàn tất **những chuyên môn học vấn của họ**. Những Tỉnh dòng ấy phải cẩn thận duyệt xét tình trạng đào luyện của hội viên liên hệ, cẩn trọng chọn lựa trung tâm học vụ, đảm bảo cho hội viên một khung cảnh cộng thể thích hợp chứ không bỏ mặc họ mà không có sự hướng dẫn đào luyện thích đáng.

¹⁸⁴ QC 83.

¹⁸⁵ CEC, Những quy tắc để ứng dụng việc thực thi Hiến Chế Tông Tòa *Sapientia Christiana*, 1979, art. 25.

3.4 Đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ

185. Người Salêdiêng được đào luyện để sống dự phóng của Don Bosco trong Giáo hội, tức là, nên một dấu chỉ và người mang tình yêu Thiên Chúa cho giới trẻ, nhất là cho những người em nghèo khổ nhất.¹⁸⁶

Vì toàn thể việc đào luyện của họ được hướng dẫn do sứ mệnh này và làm họ có thể sống sứ mệnh ấy, cho nên đặc tính độc đáo của nó là đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ. Thực vậy, đây là mục tiêu và điểm đồng qui sau cùng của mọi khía cạnh của đào luyện: nó giữ cho những khía cạnh ấy được thống nhất hóa cách sống động, đồng thời nó xác định nội dung, những lối tiếp cận và những tiến trình của chúng, tạo cho chúng một hướng chiều mục vụ giới trẻ.

Và vì thế, sự phục vụ giới trẻ, vốn là một phần cốt yếu của sự thánh hiến tông đồ, tất yếu đòi hỏi người Salêdiêng phải có được những phẩm chất nhân bản, một trình độ văn hóa tốt, tài lực chuyên môn và chiều sâu thiêng liêng.

Sứ mệnh Salêdiêng rút lấy sự khởi hứng từ Hệ thống Dự phòng và trở thành cụ thể trong Tác vụ Giới trẻ Salêdiêng. Chính trên nền tảng của hai yếu tố này – Hệ thống Dự phòng và Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng – mà khía cạnh đào luyện về mục vụ giới trẻ hình thành.¹⁸⁷

3.4.1 Đào luyện để thực hành hệ thống dự phòng, sự nhập thể của sứ mệnh Salêdiêng

186. Là nhà giáo dục và mục tử của giới trẻ, người Salêdiêng huấn luyện mình để *sống chính phong thái sống và hoạt động của Don Bosco và các môn đệ tiên khởi của ngài*, tức tinh thần Salêdiêng; tinh thần đó được nhập thể trong kinh nghiệm thiêng liêng và giáo dục của Don Bosco tại Nguyện Xá Valdocco: ngài gọi nó là “Hệ thống Dự phòng”. Nó thuộc về chính yếu tính của sứ mệnh chúng ta; một cách thực tiễn nó có thể được coi là một tổng hợp của điều mà Don Bosco muốn là và

¹⁸⁶ x. HL 2.

¹⁸⁷ x. Ban ngành Tông đồ Giới trẻ Salêdiêng, *Cẩm nang Tác vụ Giới trẻ Salêdiêng*, ấn bản lần I, Roma, 1998.

muốn sống cho giới trẻ. Vì lẽ này, nó hình thành nên cái khung qui chiếu cốt thiết cho việc đào luyện Salêdiêng.

Việc đào luyện và sự hoàn thành sứ mệnh tương hợp với Hệ thống Dự phòng đòi buộc:

- Việc huấn luyện một *kinh nghiệm thiêng liêng* mà cội nguồn và trung tâm của nó ở trong tình yêu Thiên Chúa, khiến người Salêdiêng sẵn sàng tiếp đón và phục vụ Thiên Chúa nơi giới trẻ, và tạo nên một mối tương giao giáo dục với chúng hầu hướng dẫn chúng đến sự sống sung mãn;

- Việc làm cho người Salêdiêng *có thể rao giảng Tin mừng* bằng cách dùng đến những tài năng [endowments] mà mỗi người trẻ nhận được từ Thiên Chúa, và trong một bầu khí nồng hậu vốn đầy sức sống, dạy cho họ con đường tới một hình thức độc đáo của đời sống Kitô hữu và sự thánh thiện trẻ trung, tức linh đạo giới trẻ Salêdiêng;

- Sự thừa nhận một *phương pháp sư phạm* có những đặc tính như sau:

- Là một *sự hiện diện* yêu thương và cảm thông giữa giới trẻ;
- Một sự *chấp nhận* vô điều kiện mỗi người trẻ và gặp gỡ cá nhân với họ;
- Áp dụng *tiêu chuẩn dự phòng*, nghĩa là, một nỗ lực để phát triển những nguồn lực của người trẻ bằng cách cống hiến cho họ những kinh nghiệm tích cực về sự thiện và nhân đức;
- Nại tới *lý trí* được hiểu như một lối tiếp cận hợp lý trong những chương trình được cống hiến cho họ và như sự giàu có của tất cả những gì là nhân bản;
- *Tôn giáo* xét như một phương thế để vun trồng chính cảm thức về Thiên Chúa trong mỗi người và như một nguồn năng lực cho việc rao giảng Tin mừng của người Kitô hữu;
- *Lòng thương mến* như một tình yêu biểu lộ chính mình trong việc cổ xúy sự tăng trưởng qua giáo dục và gọi lên một sự đáp trả;

- *Một môi trường* lành mạnh, được sinh động (enlivened) do những nhà giáo dục làm việc với tinh thần chia sẻ trách nhiệm và do sự tham gia trực tiếp của chính những người trẻ;¹⁸⁸
- *Ứng dụng khuôn mẫu lao động cho các công cuộc và dịch vụ khác nhau của chúng ta* và “những hình thức hiện diện mới giữa giới trẻ”, nhất là Phong trào Giới trẻ Salêdiêng, với sự quan tâm thích đáng đối với bản tính biệt loại của mỗi khung cảnh.¹⁸⁹

3.4.2 Đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ của người Salêdiêng, sự hiện thực hệ thống dự phòng

187. Trong việc thực thi sứ mệnh của mình với sự trung thành năng động, Tu hội với kinh nghiệm của mình sắp xếp một cách thi hành thực tiễn hoạt động mục vụ và giáo dục của mình theo Hệ thống Dự phòng giữa giới trẻ: nó là Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng.

Đào luyện và chu toàn sứ mệnh có nghĩa là đảm nhận những yếu tố vốn xác định *Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng*:

- *Một chọn lựa giới trẻ, cách dứt khoát*, nhất là những em nghèo khổ: sự chọn lựa này thấm nhập tất cả cách thức chúng ta suy tư và hành động;

- *Một tiến trình được thống nhất hóa* trong việc giáo dục và loan báo Tin mừng cho giới trẻ: một tiến trình như thế nhắm đến ơn cứu rỗi toàn diện của chúng – trong thực tại của chúng xét như những con người và ơn gọi của chúng là những con cái Thiên Chúa (“những công dân lương thiện và những kitô hữu tốt”); nó bao gồm *bốn khía cạnh đặc trưng*: giáo dục và văn hóa, rao giảng Tin mừng và huấn giáo, kinh nghiệm nhóm và khía cạnh ơn gọi;¹⁹⁰

- *Một phong thái sinh động hóa biệt loại và tiêu chuẩn nguyện xá* được áp dụng vào những công cuộc và dịch vụ khác nhau;

- Một tiến trình được sống trong một *Cộng đoàn Giáo dục Mục vụ* trong đó cộng thể Salêdiêng là hạt nhân sinh động, giúp mọi người

¹⁸⁸ x. *Cẩm nang Tác vụ Giới trẻ Salêdiêng*, p. 16-17.

¹⁸⁹ x. *ibid.*, Part II.

¹⁹⁰ x. *ibid.*, p. 26.

lãnh trách nhiệm bằng cách kính trọng và điều phối những vai trò khác nhau và chu toàn phần mình;

- Một Tác vụ Giới trẻ được hoàn thành theo một *Kế Hoạch* (Kế hoạch Giáo dục Mục vụ Salêdiêng: KHGDMVS): kế hoạch đó là cách thức [đường lối] thực tiễn trong đó cộng đoàn giáo dục đề xướng để sống đoàn sủng Salêdiêng, nhập thể nó trong trạng huống xã hội và Giáo hội và chọn những ưu tiên, những mục tiêu, những chiến lược, những can thiệp, và hình thức tham gia và lượng giá thích hợp.

3.4.3 Những giá trị và thái độ thích hợp với việc đào luyện mục vụ giới trẻ

188. Để hình thành nên nhà giáo dục và mục tử Salêdiêng theo những đường nét được ấn định, ta cần phải chú ý đặc biệt đến việc cổ xúy và ghi khắc một số yếu tố:

3.4.3.1 Yêu mến và hiện diện giữa giới trẻ, nhất là những kẻ nghèo nhất

Là một Salêdiêng có nghĩa là *yêu mến giới trẻ*, nhất là những em nghèo nhất, gặp nguy hiểm và bên lề Giáo hội. Nó có nghĩa là vun trồng một ưu ái dành cho giới trẻ vốn làm họ:

- Tiếp cận chúng với một thái độ thân thiện và sẵn sàng chia sẻ;
- Chấp nhận chúng vô điều kiện và tiên kiến, khi thừa nhận và đưa ra những tiềm năng nằm sâu trong chúng;
- Tiến bước bên cạnh chúng, khi điều chỉnh theo nhịp bước đời sống của chúng;
- Giúp chúng hiểu thấu sự giàu có của cuộc đời sống và những giá trị của nó, chuẩn bị chúng đối diện với đời sống thực và làm chúng ý thức những giá trị vĩnh tồn.¹⁹¹

Sự ưu ái đối với thanh thiếu niên dẫn người Salêdiêng quan tâm đến những khung cảnh của giới bình dân nơi đó họ sống; làm cho người Salêdiêng đọc hiện trạng từ quan điểm của họ, và đáp ứng

¹⁹¹ x. *ibid.*, p. 17.

lại hiện trạng đó theo những cách thức có ý nghĩa đối với Giáo hội và địa phương.

3.4.3.2 Một sự hoà hợp giữa giáo dục và loan báo Tin mừng

189. Sự phục vụ mà chúng ta cống hiến cho giới trẻ là nền giáo dục và loan báo Tin mừng “theo một kế hoạch thẳng tiến toàn diện con người, hướng tới Đức Kitô, con người hoàn hảo,” như Hiến Luật chúng ta xác quyết.¹⁹² Vì thế hoạt động giáo dục và việc loan báo Tin mừng không phải là hai bước kế tục nhau; ngược lại, *mỗi quan tâm mục vụ luôn luôn tạo thành một phần toàn diện của tiến trình phát triển nhân bản*, và sự phát triển đó rộng mở và hướng tới Tin mừng.

Điều này đòi người Salêdiêng phải:

- Khởi sự từ quan điểm đức tin: đời sống là một tặng phẩm trong đó Thiên Chúa hiện diện;
- Hướng toàn thể tiến trình giáo dục giới trẻ theo một phương cách tích cực hầu đưa tới việc gặp gỡ Chúa Kitô và Tin mừng Ngài;
- Cổ xúy việc thẳng tiến nhân bản của một người và sự phát triển xã hội của khu vực đó;
- Mang những giá trị Tin mừng và sức sinh động Kitô hữu để sinh động tiến trình tăng trưởng của những người trẻ tới sự trưởng thành (đào luyện tới đạt sự tự do có trách nhiệm, việc đào luyện lương tâm, đào luyện xã hội);
- Nuôi dưỡng một đức tin năng động, một đức tin thâm nhập văn hóa và sự phát triển của một người theo một cách thức đến nỗi tạo nên nơi họ một tổng hợp sinh động của đức tin và văn hóa.

3.4.3.3 Bản chất cộng đoàn của thừa tác vụ Salêdiêng

190. Hoạt động của người Salêdiêng vì thiện ích của giới trẻ luôn luôn là *một hoạt động cộng đoàn*. Nó được sống như một trách nhiệm chung trong một cộng thể tu trì và cộng đoàn giáo dục và mục vụ, trong Gia đình Salêdiêng và Phong trào Salêdiêng.

¹⁹² HL 31.

Chính vì thế người Salêdiêng phát triển một cảm thức về “làm việc chung” giữa những trách vụ và vai trò khác nhau, ý thức là phần của một hạt nhân sinh động, và cảm thấy có trách nhiệm đóng góp vào việc “gìn giữ sự hiệp nhất tinh thần, khích lệ sự đối thoại và cộng tác huynh đệ nhằm làm phong phú cho nhau và đạt tới hiệu năng tông đồ lớn lao hơn.”¹⁹³

3.4.3.4. Phong thái sinh động

191. Phong thái làm việc của chúng ta là một phong thái *sinh động*, và điều này đòi hỏi chúng ta phải:

- Tín nhiệm vào con người và vào những năng lực của họ để đạt tới điều thiện hảo; họ trở thành nhân vật chính và động cơ đầu tiên trong tất cả điều gì liên can đến họ;
- Khởi sự từ điểm mà người đó sống và rộng mở họ đến những chân trời mới với những ý tưởng và đề xuất hữu ích; vì thế, mối tương quan với người đó phải là mối tương quan của lòng thương mến: điều này tạo nên một bầu khí của tự do và làm cho việc phát triển những năng lực của họ thành dễ dàng;
- Gìn giữ những mối tương giao liên vị trong một môi trường thanh thản và nồng ấm trong đó một người cảm thấy thoải mái, có thể biểu lộ chính mình và đảm nhận trách nhiệm tăng trưởng chính mình, lấy những quyết định tự do dựa trên những lý lẽ và giá trị lành mạnh;
- Cổ xúy sự can dự, tham gia và chia sẻ trách nhiệm.

3.4.3.5 Một nhân quan được tập trung vào một thừa tác vụ có tổ chức và kế hoạch toàn diện

192. Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng là *một tác vụ được cấu trúc* bởi vì nó đem những hoạt động và sáng kiến khác nhau lại với nhau khi nhắm đến việc đào luyện toàn diện của giới trẻ và bởi vì có những mục tiêu và đường nét hành động trong Cộng đoàn Giáo dục Mục vụ và tất cả những đóng góp được hòa hợp và bổ túc lẫn nhau.

¹⁹³ HL 5.

Điều này đòi hỏi một lối tư duy và hành động vốn cổ xúy một sự nối kết và sự đồng qui giữa tất cả mọi người và yếu tố vốn có một vai trò phải thực thi trong hoạt động giáo dục và mục vụ.

Chính xác hơn, nó đòi:

- Một nhãn quan bao quát mà tìm được sự biểu lộ trong Kế hoạch Giáo dục và Mục vụ Salêdiêng;
- Một sự thích hợp để làm việc theo những lãnh vực khác nhau của Kế hoạch đó;
- Một khả năng để tổ chức sự sinh động hóa mục vụ theo một cách thức vốn nâng cao sự thông giao, sự phối hiệp và làm việc nhóm.¹⁹⁴

3.4.4 Một vài đường nét hành động để đào luyện cho tác vụ mục vụ giới trẻ

3.4.4.1 Đào luyện cho tác vụ mục vụ giới trẻ

3.4.4.1.1 *Đáp lại tiếng Chúa gọi trong những nhu cầu của người trẻ*

193. Được khởi hứng do gương tình yêu và việc tự hiến của Thiên Chúa khi đáp lại những nhu cầu của con người, và bắt chước Don Bosco người đã rảo khắp phổ phường để vươn tới giới trẻ trong hoàn cảnh của chúng, người Salêdiêng *cảm thấy nơi tâm hồn mình những lời khẩn khoản đến từ giới trẻ*, đặc biệt từ những em sống trong những điều kiện của nghèo túng và đau khổ.

Qua một tiến trình phân định mà họ thực thi với Thần khí trợ giúp, họ nắm bắt ý nghĩa thần học của những thách đố đến từ thế giới người trẻ. *Nơi những tiếng khóc than của người trẻ, người Salêdiêng học để nhận ra tiếng Chúa*, Đấng Cứu độ, kêu gọi họ. Bằng cách này họ đối thoại với Thiên Chúa, khi cũng đem giới trẻ vào cuộc đối thoại này và đặt toàn vẹn đời mình để phục vụ chúng.

Ý thức rằng mình được kêu gọi và được Thiên Chúa sai phái để gặp Ngài nơi giới trẻ và làm việc để giải phóng chúng và việc loan báo

¹⁹⁴ x. *Cẩm nang Tác vụ Giới trẻ Salêdiêng*, p. 18-22.

Tin mừng giúp người Salêdiêng đạt được não trạng của một tông đồ và điều ấy làm cho đời sống của họ nên thống nhất.

3.4.4.1.2 Quan tâm đến thế giới giáo dục

194. Đối diện với những thách đố của việc Tân Phúc âm hóa, người Salêdiêng *cảm thấy cần được chuẩn bị vững chắc* và cần gắng sức mãnh liệt để chiếm được văn hóa. Đôi khi chính những đòi hỏi dân sự và pháp lý, những nhu cầu của thế giới giáo dục và những vấn đề giáo dục trong những khu vực nơi đó họ làm việc đòi buộc người Salêdiêng phải được nâng cao trình độ chuyên môn.

Và vì thế, suy tư, học hành và liên tục cập nhật là trách nhiệm của họ do bởi ơn gọi và nghề nghiệp của họ, cách riêng trong những lãnh vực gần kề hơn với sứ mệnh Salêdiêng chuyên biệt, chẳng hạn như sư phạm và huấn giáo.

3.4.4.1.3 Suy tư thần học và mục vụ cùng những chỉ dẫn của Giáo hội

195. Toàn bộ việc đào luyện tri thức của người Salêdiêng được đặc trưng bởi *khóe nhìn mục vụ*. Cách riêng họ nghiên cứu thần học mục vụ, và trong khi học những môn học khác họ tìm được sự nối kết với hoạt động mục vụ. Họ tiếp nhận sự khích lệ và chỉ thị từ những chỉ dẫn của Giáo hội phổ quát và địa phương, trên hết từ những gì liên quan đến lãnh vực sứ mệnh của họ cho giới trẻ.

3.4.4.1.4 Tiếp nhận những chỉ dẫn mục vụ Salêdiêng

196. Người Salêdiêng được *đâm rễ sâu xa trong đoàn sủng Salêdiêng* bằng cách nghiêm chỉnh chuyên tâm học hỏi Hệ thống Dự phòng và chuyển dịch nó vào Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng, nhất là trong Linh đạo Giới trẻ Salêdiêng.

Đối với họ, hiểu biết tốt đẹp về những chỉ dẫn của các Tổng Tu Nghị mới đây, những hướng dẫn mục vụ được Bề Trên Cả và Ban Cố vấn Ngài, Ban ngành Tác vụ Mục vụ Giới trẻ và Tinh dòng của họ quả là quan trọng.

Những môn học nghiệp vụ và sự chuyên môn hóa trong những lãnh vực khác nhau của Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng là cần thiết và

hữu ích; việc thủ đắc những uy tín và tài khéo trong những lãnh vực khác (sinh động hóa, lãnh đạo và năng động nhóm) cũng cần thiết.

3.4.4.1.5 Đào luyện trong kinh nghiệm ngày qua ngày của sứ mệnh

197. Dù việc đào luyện căn bản và những sáng kiến ngoại thường có giá trị riêng và tầm quan trọng cần thiết của chúng, thì sự kiện này vẫn còn y nguyên là *chính kinh nghiệm ngày qua ngày sống sứ mệnh Salêdiêng trong cộng thể địa phương và Tỉnh dòng mới cống hiến cho người Salêdiêng khung cảnh và phương thế hữu hiệu nhất để đào luyện họ* là một người giáo dục và tông đồ Salêdiêng. Trong đời sống thường nhật họ kinh nghiệm sự phân định mục vụ, hoạch định và lượng giá, chia sẻ trách nhiệm và sự cộng tác, cầu nguyện và linh đạo của sứ mệnh.¹⁹⁵

Chính trong cộng đoàn giáo dục và mục vụ mà người Salêdiêng học và cảm thấy bị thôi thúc để vui tươi làm chứng về đời sống tu trì, cộng thể và tông đồ của mình; họ nỗ lực sống những yếu tố nền tảng của căn tính Salêdiêng; họ kiên trì cộng tác vào những thực thể khác nhau giữ trách nhiệm chung; họ tích cực tham gia vào những tiến trình đào luyện đang tiến hành trong Cộng đoàn Giáo dục Mục vụ; và họ tỏ ra quan tâm đến sự tăng trưởng của ơn gọi Salêdiêng nơi những người trẻ và nơi những người cộng sự.

3.4.4.2 Những hoạt động mục vụ suốt thời kỳ đào luyện ban đầu

198. Hợp với truyền thống Salêdiêng -- vì thế chúng ta đọc thấy trong Hiến Luật -- “trong suốt tiến trình đào luyện ban đầu, *cùng với việc học hành, phải coi trọng hoạt động mục vụ thuộc sứ mệnh chúng ta,*”¹⁹⁶ mặc dù theo phương pháp luận mà nói, ta phải dành ưu tiên trong một vài giai đoạn cho những hoạt động có tính lý thuyết và là một phần của việc huấn luyện căn bản hầu đạt được những mục tiêu biệt loại của đào luyện. Một diễn đạt tiêu biểu và đặc thù về kinh nghiệm đào luyện qua tác vụ mục vụ Salêdiêng là thời tập vụ.

¹⁹⁵ X. TTN24 237.

¹⁹⁶ HL 115.

Những hoạt động mục vụ nhằm đến đào luyện cho việc tông đồ. Nếu được hoạch định tốt đẹp và được hướng dẫn, chúng giúp đề đạt được *một số mục tiêu biệt loại của đào luyện*:

- Sự tăng trưởng trong *nhận thức về tình trạng của những người trẻ* và thủ đắc được một thói quen xem xét tình trạng của chúng từ quan điểm ơn cứu độ;

- Huấn luyện trong *những kỹ năng cần cho công việc giáo dục và mục vụ*, nhất là việc hộ trợ Salêdiêng và việc sinh động hóa các nhóm;

- *Sự tăng trưởng đến sự trưởng thành trong ơn gọi của mỗi người*, khi họ cân nhắc những khả thể và những khó khăn gặp phải trong tiến trình sống những lý tưởng tông đồ Salêdiêng. Chính khi sống sứ mệnh mà người ta học để kiểm thảo những thái độ, động lực và khả năng của họ, và cố gắng hòa hợp chúng với những đòi hỏi của sứ mệnh;

- *Sự nhập hiệp những khía cạnh thiêng liêng, trí thức, tình cảm và hoạt động của kinh nghiệm trong đời sống của ta* nhằm tới đạt một sự quân bình giữa làm việc và cầu nguyện, giữa hoạt động và chiêm niệm, giữa lý thuyết và thực hành, giữa mối quan tâm đối với cá nhân và các nhóm, giữa thánh hiến và sứ mệnh.

- *Kinh nghiệm cá nhân về sứ mệnh Salêdiêng* với những công cuộc và hoạt động khác nhau, sự cởi mở với Gia đình Salêdiêng và Phong trào Salêdiêng, và tăng trưởng cảm thức chia sẻ trách nhiệm trong việc liên kết với những đòi hỏi của một “tác vụ được cơ cấu” và làm việc nhóm.

199. Sự tương tác giữa lý thuyết và thực hành là một yếu tố thường hằng của phương pháp luận trong tiến trình đào luyện. Một đảng, quan trọng là hoạt động (thực hành) phải có một mục đích đào luyện, nghĩa là, nó phải được suy nghĩ, hiện thực và lượng giá theo ánh sáng của mục tiêu đào luyện đã được chọn lựa; đồng thời, suy tư (lý thuyết) về tất cả những ý tưởng và những nguyên tắc được liên kết với nhau phải ảnh hưởng đến quan điểm và kinh nghiệm, đến não trạng, đến những tiêu chuẩn hành động và động lực của một người; những điều ấy nâng đỡ kế hoạch đời sống và lối tiếp cận với tình huống của người đó.

Để đảm bảo những kinh nghiệm mục vụ đạt được những mục đích đào luyện thì ta phải đáp ứng *một số điều kiện*:

- Những hoạt động phải làm nên *phần của Kế hoạch Đào luyện Tỉnh dòng*; nơi đó những trách nhiệm và những hoạt động giáo dục và mục vụ cho những giai đoạn khác nhau được nêu ra, khi sử dụng một lối tiếp cận được đa dạng hóa và được phân loại;

- Những hoạt động phải *liên hệ đến sứ mệnh Salêdiêng* và thông thường được thực thi trong những công cuộc Salêdiêng và những môi trường giới trẻ nơi đó ta có thể học để làm việc một tầm nhìn bao quát, để sống tính duy nhất hữu cơ của Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng, để làm việc trong cộng thể và với những người giáo dân, và để là một người sinh động hóa;

- Những hoạt động phải mang *đặc tính đào luyện tự bản chất*, thích hợp với tuổi tác, sự trưởng thành, và những nhu cầu đào luyện của người Salêdiêng, và thay đổi theo những hình thức khác nhau của ơn gọi Salêdiêng. Chương trình của các hoạt động nên được cùng nhau rút ra với những hội viên trong đào luyện và chú ý đến những yếu tố khác nhau: sự phân tích tình huống, những mục tiêu, phương pháp, chiến lược, thời hạn cuối cùng và lượng giá;

- Nên có một *vị hướng dẫn có trình độ* và đủ thẩm quyền để lượng giá những tình huống cũng như có đủ uy lực để kích thích nơi những người được hướng dẫn tiến trình tăng trưởng trong các giá trị;

- Nên thực hiện một *sự lượng giá nghiêm chỉnh và hệ thống*, do cả những hội viên trong đào luyện lẫn những vị có trách nhiệm đào luyện.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

200. *Mỗi cộng thể hãy xét mình và học hỏi những nội dung của Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng; cộng thể hãy làm cho mình hợp thời đối với những hướng dẫn của Giáo hội và Tu hội.*

201. *Từng hội viên tìm ra những cơ hội đặc thù để đào luyện liên tục chính mình trong:*

- Việc tham gia có trách nhiệm vào việc sinh động hóa cộng đoàn giáo dục và mục vụ của mình;
- Cùng nhau làm việc với các hội viên và giáo dân;
- nỗ lực soạn thảo, thực thi và lượng giá kế hoạch giáo dục mục vụ của cộng thể địa phương và Tỉnh dòng;
- Chú ý đến những chỉ dẫn mục vụ của Tỉnh dòng, Tu hội và Giáo hội.

202. Tỉnh dòng hãy sắp xếp **một chương trình gồm những hoạt động mục vụ và giáo dục** cho đào luyện ban đầu. Chương trình này phải phù hợp với Kế hoạch Giáo dục và Mục vụ Tỉnh và Kế hoạch Đào luyện Tỉnh dòng. Những đề xướng của kế hoạch ấy nên được sắp đặt và tiệm tiến, có những mục tiêu đào luyện rõ ràng và bao gồm được những lãnh vực khác nhau của Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng.

Ủy ban Đào luyện Tỉnh dòng phải thỉnh thoảng lượng giá chương trình đó trong cuộc đối thoại với Ủy Ban Tác vụ Mục vụ Giới trẻ;

203. Chương trình đó có thể chứa đựng những hoạt động giáo dục và mục vụ thông thường được thực hiện mỗi tuần cũng như những hoạt động ngoại thường – ngoại thường bởi vì thời gian dành cho chúng và bởi vì bối cảnh và những điều kiện trong đó chúng được thực thi.

Phải nêu rõ những mục tiêu, phương pháp, chiến lược và cách thức hướng dẫn những hoạt động như thế;¹⁹⁷ cá nhân liên hệ và cộng thể phải thực hiện những cuộc lượng giá có hệ thống.

204. Những bước phải được làm để **đảm bảo rằng những hoạt động giáo dục và mục vụ đáp ứng được những điều kiện sau đây:**

- Mối quan tâm đối với ơn gọi biệt loại và bình diện đào luyện của người hội viên, và sự nhất quán với giai đoạn đặc thù mà họ tới đạt trong tiến trình đào luyện và với những đòi hỏi nó làm nên trong lãnh vực học hành và đời sống cộng thể;¹⁹⁸
- Những cơ hội để trực tiếp làm quen với tình trạng của tác vụ mục vụ giới trẻ của Tỉnh trong những bối cảnh khác nhau và theo những

¹⁹⁷ X. TTN21 284, 289, 296.

¹⁹⁸ X. RFIS 98b.

chiều kích khác nhau của Kế hoạch Giáo dục Mục vụ Giới trẻ; những cơ hội để tiếp xúc với những người mà sứ mệnh chúng ta hướng tới;

- Những dịp để kiểm lại những động cơ và phẩm chất trong việc thực thi sứ mệnh Salêdiêng;

- Những cơ hội để chia sẻ tinh thần và hoạt động giáo dục và mục vụ với giáo dân và với những phần tử của Gia đình Salêdiêng;

- Khía cạnh cộng thể trong việc hoạch định những hoạt động, khi ghi nhớ Kế hoạch Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng, thực hiện và lượng giá chúng;

- Sự hướng dẫn về phía cộng thể nơi đó hoạt động được thực thi và sự hướng dẫn về phía một người có phẩm chất giúp để tổ chức kinh nghiệm, để lượng giá nó và sống những giá trị tông đồ nó gồm chứa;

- Một sự lượng giá có tính đào luyện theo những đường nét của những tiêu chuẩn được nói ở trên.

CHƯƠNG 4

PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA ĐÀO LUYỆN: MỘT PHÁC HỌA

205. Phát triển căn tính chúng ta là Salêdiêng (ch. 2) trước hết là một tặng phẩm của Thánh Thần, nhưng nó cũng là một công việc liên can đến mỗi hội viên và mỗi cộng thể trong một tiến trình phân định và một sự tăng trưởng liên tục tới mức trưởng thành. Bài trình bày về ơn gọi Salêdiêng của chúng ta tập trung vào những nội dung phải được hấp thụ, những phẩm tính phải được sở đắc và những thái độ phải được sống.

Bây giờ là vấn đề làm thế nào để thực hiện bước quá độ từ đề xướng đến thực tại, từ những giá trị được hiểu biết đến những giá trị được sống. Đáp lại lời mời gọi của Chúa Kitô vốn kêu gọi cách cá vị có nghĩa là làm cho những giá trị của ơn gọi chúng ta trở thành thật sự và sống động. (ch. 3).

206. *Trong kinh nghiệm đào luyện Salêdiêng, khi đi trở về lại thời của Don Bosco, và trong những hướng dẫn của Giáo hội và Tu hội, ta tìm thấy **những yếu tố của một phương pháp luận để đào luyện.** Mặc lấy những hình thức của những xác tín, những tiêu chuẩn và những điều kiện, những yếu tố này xem ra là bất khả thể để đạt được những mục tiêu của tiến trình đào luyện và liên lý nuôi dưỡng sự tăng trưởng ơn gọi.*

Nay những yếu tố này phải được áp dụng và có thể thực hành được trong những tình trạng khác nhau. Thực thể, ơn gọi và tình trạng đào luyện thay đổi từ Tỉnh dòng này sang Tỉnh dòng khác; những khả thể và thách đố cũng thế. Vì vậy, theo vài khía cạnh, những sắp xếp cho đào luyện ban đầu và sự sinh động hóa đào luyện liên tục sẽ phải khác nhau.

Những yếu tố này sẽ đòi hỏi mọi người Salêdiêng và đặt trách nhiệm trên các Tỉnh dòng, kể cả những cá nhân vốn phụ trách trực tiếp hơn việc sinh động công việc đào luyện.

Một số chỉ dẫn phương pháp luận này sẽ đặc biệt liên quan đến đào luyện ban đầu vốn có một sự sắp đặt loại biệt được Hiến Luật đặt ra do những mục đích, thời kỳ, nội dung, hoạt động và trách nhiệm.

207. *Có một số chỉ dẫn và lãnh vực phải chú ý theo phương pháp luận vốn quan trọng trên bình diện chiến lược, mặc dù chúng ta phải để ý đến những tình huống khác nhau: một đào luyện liên can đến nhân vị trong những chiều sâu của hữu thể họ với sự trợ giúp của những kinh nghiệm đào luyện được sắp xếp mà chúng tạo nên một chương trình được cấu trúc; mỗi quan tâm về môi trường đào luyện và sự tích cực can dự của tất cả những người cùng chung trách nhiệm; giá trị đào luyện của một số khía cạnh thuộc kinh nghiệm đào luyện; và tầm quan trọng của hướng dẫn và phân định.*

4.1 Liên can đến nhân vị trong những chiều sâu của hữu thể.¹

208. Như một thái độ cá nhân và trách nhiệm cộng thể, như một trách vụ giáo dục và một khoa sư phạm của cuộc sống, đào luyện nhắm đến *việc cá nhân hấp thụ căn tính Salêdiêng* hầu trung thành và sáng tạo sống căn tính đó trong mọi thời khắc cuộc đời.

Trở nên hoặc là một người Salêdiêng không đơn giản có nghĩa là tăng trưởng trong căn tính Salêdiêng của ta trên bình diện hoạt động, nghĩa là, muốn làm việc cho giới trẻ như Don Bosco; đúng hơn, đó chính là để cho *căn tính đó đâm rễ sâu nơi chính mình*, tức là, *bước theo Đức Kitô* theo ơn sủng thích hợp với đoàn sủng Don Bosco. Từ sự đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô mới phát sinh sứ mệnh, và rồi sự đồng hình đồng dạng ấy lại được hoàn thành trong sứ mệnh.

Tiến trình tăng trưởng nơi căn tính Salêdiêng của ta xảy ra trong cõi lòng của một người, ở bình diện thâm sâu nhất của những tình cảm, cảm nhận, xác tín và động cơ của họ, chứ không được giới hạn vào việc sở đắc hay truyền đạt kiến thức và những khuôn mẫu hành xử. “Vì vậy, đào luyện *phải tác động sâu xa trên các cá nhân* hầu mỗi thái độ và hành động của họ, vào những thời khắc quan trọng cũng như trong những biến cố thông thường của đời sống, sẽ minh chứng

¹ x. VC 65.

rằng họ hoàn toàn và vui tươi thuộc về Thiên Chúa.”² Đó không phải là vấn đề thích ứng hoặc thay đổi, nhưng là sự phát triển nội tâm.

Bản văn Hiến Luật chúng ta làm cho phương pháp đào luyện hệ tại ở việc *kinh nghiệm những giá trị của ơn gọi chúng ta*,³ còn Quy chế Tổng quát lại xác quyết rằng “việc hấp thụ tinh thần Salêdiêng tự căn bản là việc thông truyền đời sống.”⁴

- 209.** Làm cho một người can dự trong tận thâm sâu hàm ý trước tiên việc *khởi từ thực tại của nhân vị đó* – một thực tại được thông giao, nhận biết và giải thích từ quan điểm của ơn gọi Salêdiêng. Tuyệt đối thiết yếu phải xây trên nền tảng là một sự hiểu biết chính xác và thích đáng về quá khứ và hiện tại của một ngôi vị – tránh mọi thiên kiến, những giả định không nền tảng và những ấn tượng sai lầm – và giúp cho từng người đối diện với toàn vẹn sự thật về chính mình và nhận rõ điều gì cần thanh luyện và tăng trưởng.

Hơn nữa, theo quan điểm đào luyện Salêdiêng, làm cho người đó can dự trong tận thâm sâu họ có nghĩa là *mang họ đối diện với căn tính Salêdiêng*, kể cả những yếu tố duy nhất hóa và những động cơ ẩn dưới của nó, một căn tính được diễn tả trong Hiến Luật và được nhập thể trong thực tại sống động là Tu hội: nó có nghĩa là xây dựng một cảm thức thuộc về sâu xa.

Đào luyện chỉ đạt được mục đích căn bản của nó *khi người Salêdiêng cho phép Thiên Chúa nói với họ nơi thâm sâu tâm hồn họ*, làm cho những tiêu chuẩn và giá trị của ơn gọi Salêdiêng thành của chính mình, và có thể từ khước những thái độ nghịch lại, đề ra một kế hoạch cá nhân, và thống nhất đời sống mình quanh những động cơ chân thật và chân chính.

Chắc chắn, việc đào luyện từ bên trong này là một tặng phẩm của Thần khí nhưng cũng được một khoa sư phạm thích hợp hỗ trợ. Nó là một trách nhiệm và tiêu chuẩn vững chắc cho mọi người Salêdiêng; họ có bổn phận phải chăm sóc con người nội tâm của

² VC 65.

³ x. HL 98.

⁴ QC 85.

minh. Nó cũng là một trách nhiệm và tiêu chuẩn vững chắc cho cả những người sinh động và hướng dẫn đang giúp họ kinh nghiệm ơn gọi của mình.

4.2 Sinh động một kinh nghiệm đào luyện đầy đủ theo một kế hoạch được cấu trúc

210. Hiến Luật mời gọi người Salêdiêng nhìn ra giá trị đào luyện trong những hoạt động thông thường và “sử dụng tốt bất cứ hoàn cảnh sống nào để đào luyện bản thân.”⁵ Đồng thời, họ chỉ ra *một tiến trình vốn đi từ một hướng chiều đầu tiên về đời sống Salêdiêng đến một cam kết dứt khoát* được sống với sự trung thành và bền đỗ.

Đào luyện khởi từ thực tại của nhân vị của người Salêdiêng, một thực tại trong sự phát triển liên lý; đào luyện có mục đích của nó là sự đồng nhất hoá của họ như một người Salêdiêng hầu có thể sống nó cách sung mãn và vui tươi. *Tiến trình qua đó kinh nghiệm đào luyện này xảy ra thì thật là muôn mặt và khác biệt* trong những chủ thể và những người lãnh đạo, trong những giai đoạn và hoạt động, trong nội dung và cách diễn tả. Cách riêng, đào luyện ban đầu được đặc trưng bởi những giai đoạn khác nhau và được sống trong những cộng thể khác nhau và với những người khác nhau nắm giữ trách nhiệm; nó vạch ra những kinh nghiệm, lượng giá và những bổn phận kéo theo.

Để đào luyện được hữu hiệu, nhất thiết những khía cạnh và giai đoạn khác nhau, những tình trạng, trách vụ, những liên hệ và lượng giá vốn tạo thành kinh nghiệm đào luyện, phải được xem và sống như những yếu tố của *một tiến trình mà thôi*, một đề xướng mà thôi, một hành động được cùng phối hợp và đồng quy. Nguy cơ phải tránh là biến đào luyện thành một sưu tập gồm những hoạt động không ăn khớp và bất liên tục bỏ mặc cho sự đảm trách riêng lẻ của những người hay nhóm.

211. Bằng cách này, trời hiện lên tầm quan trọng của một *kế hoạch* – *một khéo nhìn toàn diện và một sự đồng quy quanh một vài điểm then chốt* – hoàn toàn tập trung vào sự đào luyện đầy đủ của người

⁵ HL 119.

Salêdiêng. Nó là một toàn thể hài hòa bao gồm trách nhiệm của nhân vị, những thái độ phải được hấp thụ, những khung cảnh đa dạng, những hoạt động khác nhau, hành động tương thuộc của những người giữ trách nhiệm, và việc cùng nhau liên kết thành một dòng liên tục tiệm tiến gồm những giai đoạn khác nhau của đào luyện ban đầu và những giai đoạn khác nhau của đời sống Salêdiêng.

Vì thế, ở mọi bình diện, đào luyện phải được tổ chức *theo một kế hoạch toàn diện và được cấu trúc*; nó phải được đi kèm với một não trạng có khả năng có một khóe nhìn quán xuyên và được thực thi do những nỗ lực được kết nối của những người khác nhau cùng làm việc. Cách riêng trên bình diện Tinh dòng nhất thiết phải có một kế hoạch, một bản thiết kế toàn diện để hành động.

Tất cả các hội viên của cộng thể Tinh, cách riêng những người sinh động và những người chịu trách nhiệm đào luyện, tham gia vào tiến trình suy tư này và chia sẻ vào đào luyện, khi đặt mình trên những hướng dẫn của Giáo hội và Tu hội, chú ý đến những thách đố trời hiện từ tình huống xã hội-văn hóa của họ và từ điều kiện của những cá nhân riêng rẽ. Nhập thể căn tính Salêdiêng trong một bối cảnh đặc thù cần phải hiểu biết vững chắc những giá trị phải được nhập thể cũng như phải liên tục và cập nhật đọc tình trạng ấy, hầu có thể thực hiện một sự phân định khôn ngoan.

- 212.** Tuy nhiên, kế hoạch đó không giới hạn trong việc vạch ra những mục tiêu đào luyện chính và dòng hành động tổng quát. *Nó cũng bao gồm một sơ đồ biệt loại cho từng giai đoạn* dưới dạng những mục tiêu, chiến lược, chương trình sinh động và tiến trình lượng giá.

Những nội dung, kinh nghiệm, thái độ, hoạt động và những biến cố then chốt được suy nghĩ kỹ, được lập chương trình, và được định hướng theo mục đích của từng giai đoạn và của toàn thể việc đào luyện. Khoa sư phạm được dùng là khoa sư phạm phải vượt thắng được mối nguy cơ là sự phân mảnh và ngẫu hứng, và tổng khứ hành động vô mục đích hoặc không tập trung.

Bởi vì một chương trình được tổ chức như thế, bước quá độ từ giai đoạn này qua giai đoạn khác được xác định do bởi việc tới đạt những mục tiêu hơn là do thời gian hay giáo trình các môn học; và một giai

đoạn chuẩn bị cho giai đoạn kế tiếp vốn được xây dựng trên giai đoạn trước. *Tốc độ của sự tăng trưởng trong ơn gọi được bảo tồn* mà không làm giảm đi chút nào sự cố gắng; nó được nâng đỡ do gia tăng những trách nhiệm và lượng giá đúng lúc.

Quan tâm đến con người và sự lớn lên cho tới mức trưởng thành của họ đòi hỏi rằng tiến trình đào luyện phải *cung ứng cho họ thời giờ cần thiết*. “Vì thế, ta phải tìm thấy được một sự quân bình chính đáng giữa đào luyện nhóm và đào luyện của từng cá nhân, giữa sự kính trọng thời gian được tiên liệu cho mỗi giai đoạn đào luyện và sự thích ứng của họ cho nhịp điệu của từng cá nhân.”⁶

- 213.** *Người Salêdiêng có bốn phận* phải làm cho lối tiếp cận rõ ràng với việc đào luyện của mình từ lúc khởi đầu thành của mình; họ có bốn phận thấu hiểu mục đích của toàn thể tiến trình cũng như của từng giai đoạn; họ phải làm cho bước tiến từ giai đoạn này sang giai đoạn khác sinh hiệu quả, khi chịu trách nhiệm làm cho những mục tiêu của giai đoạn đào luyện mới thành của họ; họ phải sáng tạo cho mình những mục tiêu cụ thể và những đường nét hoạt động cùng thẩm định và thông tri sự thực thi kế hoạch đào luyện cá nhân của mình.

Về phần mình, *những người hữu trách trong việc đào luyện có bốn phận* tiếp nhận và thực thi những chỉ dẫn của kế hoạch của Tỉnh dòng và đảm bảo rằng ứng sinh tự nguyện đón nhận chương trình đào luyện và trung thành đính kết với nó trong cộng thể của họ.

Chính từ quan điểm này mà những khía cạnh khác nhau cùng những thời kỳ, tình huống, trách vụ, liên hệ và lượng giá khác nhau vốn làm thành tiến trình đào luyện suốt các năm tháng, được nhìn nhận và sống như những yếu tố của một *kinh nghiệm duy nhất và toàn diện được hữu vị hóa*, một dự tính được đón nhận và đảm nhận như của chính mình, một thách đố được mọi người can hệ chia sẻ, và một chương trình sự phạm được sinh động bởi tình yêu đối với ơn gọi của mình và sự dễ dạy đối với Thần khí.

⁶ PI 29.

Kế hoạch này không phải là một bản văn được đem ra thực hành cho bằng là một diễn tả và khí cụ của một cộng thể mà chọn để cùng nhau làm việc hầu giúp mỗi hội viên bước trên đường đào luyện chính mình.

4.3 Đảm bảo một môi trường đào luyện và sự can dự của mọi người trách nhiệm

214. Đối với người Salêdiêng, kinh nghiệm ơn gọi và việc đào luyện của mình là tham gia vào một *kinh nghiệm đối thoại*, một kinh nghiệm được một người bạn và hướng đạo đi kèm, một kinh nghiệm làm cho họ dân thân cách hữu vị và cũng can dự đến cộng thể của họ.

Một kinh nghiệm như thế khởi từ một tiền đề căn bản, nghĩa là, từ một sự quyết tâm cùng nhau khởi sự một tiến trình phân định, quyết định và trung thành với ơn gọi của mình, trong khi nắm vững một thái độ của sự thông giao cởi mở, chân thành và chia sẻ trách nhiệm, và lắng nghe tiếng nói của Thần khí và những lực lượng “trung gian” mà Thần khí sử dụng. Vì thế, cuộc đối thoại liên lý về ơn gọi giữa người hội viên và cộng thể của mình trên nhiều bình diện thật quan trọng; và cả hai phía phải đảm nhận trách nhiệm của mình và lấy những bước cần thiết.

4.3.1 Nhân vị của người Salêdiêng

215. *Mỗi hội viên thừa nhận mình được Thiên Chúa gọi đích danh tới đời thánh hiến Salêdiêng. Đó là một tiếng gọi để yêu mến Thiên Chúa với tất cả tâm hồn và yêu mến giới trẻ với đức ái mục tử, tìm kiếm phần rỗi của chúng.*

Vì thế, *đức ái mục tử là chính động cơ* làm nền tảng cho công việc đào luyện và mang lại ý nghĩa cho những từ bỏ, những nỗ lực, những đòi hỏi tu đức và kỷ luật mà việc đào luyện kéo theo.⁷ Đức ái ấy không chỉ là khởi điểm mà cũng là cùng đích của đào luyện. Đức ái không bao giờ được triển nở đầy đủ: chúng ta luôn mãi ở trong đào luyện!

⁷ x. HL 98.

216. Được đức ái thúc đẩy, mỗi người trở thành “*một tác nhân thiết yếu và bất khả thể trong việc đào luyện của mình: toàn bộ việc đào luyện . . . rốt cục chính là một sự tự-đào-luyện/đào luyện chính mình. Không ai có thể thay chúng ta trong sự tự do có trách nhiệm mà chúng ta có như những nhân vị.*”⁸

Người Salêdiêng tiếp nhận trách nhiệm này. Họ đảm nhận Luật đời sống như là điểm quy chiếu của mình và tham gia vào kinh nghiệm hằng ngày cũng như tiến trình tăng trưởng của cộng thể mình. Họ tiếp tục học hiểu hơn mãi về chính mình, phát triển những khía cạnh khác nhau của nhân cách mình, và cố gắng nên khí cụ thuần thực trong tay Thiên Chúa để chu toàn sứ mệnh. Họ mang lấy nơi mình sự can dự vào tu đức và đối diện với những cuộc đấu tranh mà sự trung thành với ơn gọi của họ kéo theo.

Một trong những cách thức cụ thể qua đó họ biểu lộ trách nhiệm đối với việc đào luyện của mình là có một *kế hoạch cá nhân cho chính đời mình*. Trong kế hoạch đó, họ phác họa loại người Salêdiêng mà họ cảm nhận được gọi để trở thành và cách thức để tới đạt điều ấy, dĩ nhiên luôn phù hợp với những giá trị Salêdiêng. Thỉnh thoảng, khi đối thoại với Giám đốc, họ lượng giá sự tiến bộ mà họ đã thực thi trong việc tới đạt mục tiêu của mình.

217. Người Salêdiêng không một mình khi đối diện với trách nhiệm mà họ gánh lấy để đào luyện của mình. Trước tiên, họ sống trong một thái độ *đối thoại với Thiên Chúa*. Họ thừa nhận rằng sáng kiến cho sự thánh hiến tông đồ của mình nằm tại tiếng Chúa gọi. Họ để mình được Thần khí của Chúa Giêsu hướng dẫn; Thần khí đó là tác nhân đầu tiên và chính yếu⁹ trong việc đào luyện của họ; ngài uốn nắn những thái độ bên trong của Chúa Con nơi tâm hồn của họ.¹⁰ “Để dạy đối với Chúa Thánh Thần, họ phát triển những năng khiếu của mình và các đặc ân của ơn thánh trong nỗ lực hoán cải và canh tân liên lý.”¹¹

⁸ PDV 69.

⁹ x. CRIS, *Những yếu tố cốt yếu trong lời dạy của Giáo hội về đời tu sĩ*, 1983, 47.

¹⁰ x. VC 66.

¹¹ HL 99.

218. *Người Salêdiêng nhìn lên Don Bosco Đáng Sáng Lập* như người cha, vị thầy và hướng đạo cho kinh nghiệm đào luyện của mình, và trên hết như khuôn mẫu của họ. Họ tìm thấy nơi ngài lối diễn tả độ sâu của đoàn sủng Salêdiêng, và nuôi dưỡng một “sự cảm mến” ngài, một “cảm tình thân hữu”, một sự hài hòa sâu đậm của những giá trị và lý tưởng.

Với tình yêu và lòng trung thành họ bước theo những chỉ dẫn của Giáo hội, là “người khai sinh và giáo dục các ơn gọi,”¹² và tìm được một đường lối vững chắc do trung thành với Đáng kế vị Phêrô và huấn quyền của ngài.

Họ chấp nhận những chỉ dẫn và thúc đẩy của Tu hội, một cộng thể nhập thể đoàn sủng Salêdiêng, khi Tu hội liên lý tìm cách trung thành với Chúa Kitô, với Giáo hội và với tư duy chân chính của Don Bosco.

Họ duy trì đối thoại thường hằng với cộng thể địa phương và Tỉnh dòng; đó cũng là những khí cụ “trung gian” trong công việc đào luyện của Chúa và những người có trách nhiệm đối với sứ mệnh Salêdiêng trong một khu vực. Đang khi tham gia vào nỗ lực cộng thể là cùng nhau trở nên những môn đệ, họ nhìn nhận vai trò của những người có trách vụ đồng hành với họ như là người lãnh đạo và hướng đạo.

Đồng thời, trong mức độ họ cam kết với việc đào luyện mình, họ cũng là tác nhân của sự tăng triển đối với anh em mình và với cộng thể của họ.

4.3.2 Cộng thể, khung cảnh đào luyện

219. Ta đọc thấy trong Qui chế: “Việc hấp thụ tinh thần Salêdiêng tự căn bản là một việc thông truyền đời sống”¹³ và sự thông truyền này có cộng thể địa phương và Tỉnh dòng là bối cảnh tự nhiên. Như một nhà giáo dục, Don Bosco quan tâm nhiều đến tương giao hữu vị (cá nhân), nhưng ngài được nhìn nhận trước hết là một người sáng tạo nên một khung cảnh đầy những mối liên hệ và khuôn mẫu, những chương trình và những khích lệ giáo dục (các biến cố, hoạt động, thời

¹² PDV 35.

¹³ QC 85.

kỳ, cử hành, v.v.), là tác giả của một phong thái và khoa sư phạm của đời sống, là người thông truyền một kế hoạch để được cùng nhau sống, và là người sinh động hóa của một cộng thể có một diện mạo rõ ràng và những điểm qui chiếu được thiết lập. Cộng thể Valdocco, nổi bật vì Hệ thống Dự phòng, công hiến một khung cảnh nồng ấm, được hướng dẫn, theo dõi, khích lệ và đòi hỏi.

Sức mạnh và phẩm chất của cộng thể như một khung cảnh cho việc đào luyện Salêdiêng là một đòi hỏi then chốt theo phương pháp luận để đạt được một đào luyện được hữu vị hóa. Hiển nhiên nó không phải là vấn đề đào luyện được hiểu như một sự thích ứng hay điều chỉnh hợp vào một nơi chốn, nhưng là một khung cảnh công hiến những điều kiện cho một tác động có phẩm chất để tăng trưởng ơn gọi và đào luyện của một người.

4.3.2.1 Cộng thể địa phương

220. Cộng thể địa phương là “*môi trường tự nhiên để ơn gọi tăng trưởng* nơi người hội viên hội nhập vào voi lòng tin tưởng và cộng tác với tinh thần trách nhiệm. Chính nếp sống của cộng thể, hiệp nhất trong Đức Kitô và mở rộng trước nhu cầu thời đại đã mang tính chất đào luyện.”¹⁴

Là một khung cảnh và chủ thể tập thể của đào luyện, cộng thể:

- Cố xúy một mạng lưới của những tương giao cá nhân chân chính và những giao thiệp công việc, và tạo nên một bầu khí vốn đi kèm sự tăng trưởng của mỗi người;
- Công hiến một thúc đẩy cho mỗi người sống ơn gọi mình qua một khoa sư phạm đời sống được tạo thành bởi chia sẻ huynh đệ, động cơ tông đồ, bởi chia sẻ trách nhiệm, cầu nguyện chung, và phong thái chân chính sống Tin mừng;
- Biểu lộ quan tâm đặc biệt đến sự tăng trưởng của mỗi hội viên trong ơn gọi của họ;
- Nuôi dưỡng sự hiệp nhất với đời sống Giáo hội và Tu hội cũng như sự rộng mở để can dự đến Gia đình Salêdiêng và giáo dân;
- Đề ra một kế hoạch đào luyện của riêng mình dựa trên kế hoạch Tỉnh.

¹⁴ HL 99.

221. Cộng thể địa phương là hạt nhân sinh động của một khung cảnh rộng lớn hơn và đa dạng hơn của đời sống và việc đào luyện Salêdiêng trên bình diện địa phương, nghĩa là, *cộng đoàn giáo dục và mục vụ* nơi đó sứ mệnh và tinh thần Salêdiêng được chia sẻ giữa các hội viện, giáo dân và những người trẻ.

Cộng đoàn giáo dục và mục vụ tự nó có tính đào luyện bởi vì:

- Trong việc chia sẻ hỗ tương giữa những thành viên khác nhau, người Salêdiêng rộng mở chính mình trước tất cả sự giàu có của những kinh nghiệm sống, nhất là của bối cảnh và văn hóa giới trẻ;

- Trong chính hành vi thông giao kinh nghiệm riêng mình như một người được thánh hiến và trong hành vi tiếp nhận chứng từ phong phú về đời sống và đức tin của giáo dân, họ trở nên ý thức hơn về ơn gọi của mình và thấy bị thách đố để sống ơn gọi đó cách trung thành, trưởng thành và vui tươi hơn.

Thêm vào những chương trình của việc đào luyện hỗ tương cho những người Salêdiêng và giáo dân,¹⁵ cộng thể ý thức rằng không gian ưu tuyển cho sự tăng trưởng chân chính và việc đào luyện liên tục cách mãnh liệt hệ tại ở *công việc thường nhật của cộng đoàn giáo dục và mục vụ*, với mạng lưới của những giao tiếp giữa những con người và sự hiệp lực hoạt động để trình bày, thực thi và kiểm chứng Kế hoạch Giáo dục và Mục vụ Salêdiêng. Tự nhiên, một đào luyện hỗ tương như thế đòi hỏi người Salêdiêng phải sở hữu được một thái độ rộng mở và kính trọng cùng một khả năng để khởi hứng sự tín nhiệm.

4.3.2.2 Cộng thể đào luyện

222. Mỗi cộng thể Salêdiêng là một khung cảnh để đào luyện, nhưng có những cộng thể vốn được hoạch định biệt loại cho đào luyện ban đầu: đó được gọi là “những cộng thể đào luyện.”¹⁶

Theo những chỉ dẫn của Giáo hội, suốt thời gian đào luyện các ứng sinh sống trong “những cộng thể nơi đó không được thiếu những điều

¹⁵ x. TTN24 145.

¹⁶ x. HL 103.

*kiện cần thiết cho một sự đào luyện đầy đủ: thiêng liêng, tri thức, văn hóa, phụng vụ, cộng thể và mục vụ.*¹⁷

“Hơn là một nơi chốn, một nơi chốn vật chất,” cộng thể đào luyện “phải là *một nơi chốn thiêng liêng, một lối sống, một bầu khí cổ xúy* và đảm bảo một tiến trình đào luyện.”¹⁸ Cộng thể ấy là một gia đình hiệp nhất nơi đó những người trong đào luyện và những người hướng dẫn, được cùng nhau liên kết nhờ tin vào Chúa Kitô, nhờ yêu mến Don Bosco, do đức ái, do kính trọng lẫn nhau và cùng nỗ lực chung,¹⁹ họ tìm cách sống lại “kinh nghiệm của nhóm Mười Hai được hiệp nhất với Chúa Giêsu.”²⁰

Vì nó là một “cộng đoàn giáo dục đang tiến hành,”²¹ *nét nổi bật của nó là một kế hoạch đem mọi sự tập trung vào chỉ một mục tiêu: đào luyện người Salêdiêng.* Trong bầu khí chia sẻ trách nhiệm, mọi người cùng nhau nỗ lực đính kết vào một số giá trị, mục tiêu, kinh nghiệm, phương pháp đào luyện, và thỉnh thoảng họ lên chương trình, lượng giá và điều chỉnh đời sống, công việc và những kinh nghiệm tông đồ của họ hầu đáp ứng những đòi hỏi của ơn gọi Salêdiêng.

Một điều kiện bất khả thể, và điểm chiến lược then chốt để xây dựng một bầu khí giúp cho đào luyện, để đưa kế hoạch cộng thể ra thực hiện, và để hành động theo một khoa sư phạm thích hợp là sự hiện diện của những *đội ngũ đào luyện tốt* gồm những nhà giáo dục được chuẩn bị kỹ càng; sự đóng góp của họ thay đổi theo tài năng, kinh nghiệm và uy tín của họ. Thực thể, những nhà giáo dục này chiếm một địa vị then chốt: họ quyết định tinh thần và hiệu quả của toàn công việc đào luyện.²²

223. Cộng thể đào luyện *đảm bảo những điều kiện cần thiết* để nhân vị hóa kinh nghiệm đào luyện, để diễn tả nó theo nhiều cách thức khác nhau, và để nhập hiệp và so sánh những sự bén nhạy và giá trị khác

¹⁷ PI 27.

¹⁸ PDV 42.

¹⁹ x. HL 103.

²⁰ PDV 60

²¹ Ibid.,

²² x. CEC, *Những chỉ dẫn về việc chuẩn bị những nhà giáo dục trong các chủng viện*, 1993,1.

nhau – nhất là khi cộng thể là liên Tỉnh dòng hay liên quốc gia. Để khích lệ mọi người tham gia, cộng thể đó tìm cách làm cho họ can dự vào trong việc soạn thảo kế hoạch cộng thể và chương trình cho các hoạt động, trong công việc nhóm, trong việc duyệt xét đời sống và trong những hình thức gặp gỡ và tham gia khác có ý nghĩa. Mọi hội viên chọn một dịch vụ nào đó vốn hữu ích cho đời sống cộng thể và kiện cường sự hiệp thông.

Trong cộng thể đào luyện *mỗi người giúp người khác* qua tình bạn, chứng tá, lời khuyên và phục vụ. Bằng gương sáng, những người trong các địa vị có trách nhiệm dạy cho những người trong đào luyện rằng ta đạt được sự hiệp thông tinh thần chỉ nhờ kiên nhẫn khước từ chính mình và rộng mở cho tha nhân.

Đời sống cộng thể được cấu trúc với *một sự uyển chuyển hợp lý* trong thời khóa biểu và phân phối các hoạt động thường nhật hầu giáo dục cá nhân quý trọng thời gian, sử dụng chúng thích đáng và nuôi dưỡng một tinh thần sáng kiến.

Lấy khía cạnh ơn gọi và đào luyện là tiêu chuẩn quyết định, cộng thể đào luyện duy trì *những liên hệ có ý nghĩa với gia đình* của những người trong đào luyện, vun trồng một *thái độ cởi mở đối với các phần tử của Gia đình Salêdiêng*, và tham gia vào *bối cảnh Giáo hội và xã hội*.

- 224.** Để có thể hoàn thành sứ mệnh của mình cách thích đáng, cộng thể đào luyện cần một *sự kiên định nào đó dưới diện số người và phẩm chất*. Các cộng thể vốn quá lớn hay quá nhỏ tạo ra những vấn đề cho khoa sư phạm đào luyện. Một con số thích đáng của các hội viên có thể cải tiến cách sống và chia sẻ cộng thể; nó có thể tăng bội những tương giao và kiến tạo những cách thức đầy sáng tạo để làm việc trong những lãnh vực khác nhau của đời sống cộng thể. Trái lại, cộng thể quá đông số hội viên có thể – nếu thiếu những điều kiện đào luyện cần thiết – làm cho các cá nhân tham gia và lãnh trách nhiệm nên khó khăn, để dần thân vào các tương tác đào luyện trên một nền tảng hữu vị, để biết và hướng dẫn tiến trình đào luyện, và ngược lại, nó có thể cổ xúy một sự đồng bộ hời hợt và bề ngoài (bì phu), một loại hiện tượng đám đông. Nói theo phẩm chất, để có một cộng thể tốt đẹp cần có những người gần bên, sinh động, đồng hành và hướng dẫn công việc đào luyện, nhưng lại không đánh mất tầm nhìn về những chân trời rộng lớn hơn.

Bốn phần để đảm bảo một khung cảnh đào luyện thích hợp, không chỉ dưới diện con số các hội viên, nhưng còn dưới diện phẩm chất của đội ngũ đào luyện, đề xuất và trong một số trường hợp đòi hỏi *một số Tỉnh dòng phải liên kết lực lượng* để thiết lập nên những cộng thể liên Tỉnh dòng.

Trong những cộng thể lệ thuộc vào hơn một Tỉnh dòng, việc chia sẻ trách nhiệm đào luyện trên nền tảng lâu bền đòi hỏi phải thiết lập nên một “*curatorium*” hay những cơ cấu khác, và sự hiện diện của những người hướng dẫn đào luyện từ những Tỉnh dòng khác nhau. Ta cũng phải lưu tâm để nuôi dưỡng một cảm thức thuộc về chính Tỉnh dòng của họ; việc thăm viếng thường xuyên của Giám tỉnh và những hội viên khác, trao đổi tin tức và những phương tiện thông giao khác, và những cách thức liên lạc khác có thể có được, sẽ thật hữu ích cho việc này.

4.3.2.3 Trung tâm học vụ

225. Trung tâm học vụ tạo thành một phần toàn diện của khung cảnh đào luyện. Mặc dù sự đóng góp của trung tâm này hầu như thuộc bình diện tri thức, thì nơi đây mọi người đều can dự vào *một trọng trách duy nhất: đào luyện là mục tiêu của mình*.

Những mối liên hệ giữa những cấu tố khác nhau của trung tâm được khởi hứng do đối thoại, thông cảm, tình bạn và chia sẻ trách nhiệm.

Quan trọng là phải tuân theo những tiêu chuẩn được *Ratio* đặt ra²³ khi chọn một trung tâm học vụ và đảm bảo được những điều kiện quyết định cho phẩm chất và đặc tính của việc đào luyện mà nó đem lại.

4.3.2.4 Cộng thể Tỉnh²⁴

226. Chịu trách nhiệm về “việc cổ xúy ... đời sống và sứ mệnh của Tu hội” trong một địa hạt biệt loại,²⁵ Tỉnh dòng là *một cộng thể đào luyện nhưng cũng là một cộng thể trong đào luyện*.

Tỉnh dòng gồm các hội viên trong những giai đoạn và tình huống khác nhau đối với việc đào luyện của họ; nó bao gồm những cộng

²³ x. các số 145-46, 167-180.

²⁴ x. ISM, chg 10: “*Animazione e governo dell’ Ispettoria, comunità in formazione e formatrice*”.

²⁵ x. HL 157.

thể vốn không có cùng một lịch sử cũng không sống cùng một kinh nghiệm, và đang đối diện với những hoàn cảnh thay đổi và những thách thức của thời đại.

Vì thế, *Tinh dòng dẫn thân vào một tiến trình suy tư liên tục* về tình trạng của các hội viên, các cộng thể và việc đào luyện của họ, và trở thành một khung cảnh sinh động, nuôi dưỡng và đòi hỏi trung thành với ơn gọi Salêdiêng.

Bổn phận đào luyện này không phải là một tình trạng thuần túy của trí tuệ cũng không phải chỉ là vấn đề thiện chí; nó là một nguyên lý tổ chức đời sống của Tinh dòng và can dự đến toàn bộ thực tại của Tinh dòng. Khởi từ những đòi hỏi xuất phát từ một ý thức về ơn gọi Salêdiêng và từ việc chia sẻ trách nhiệm đối với sứ mệnh về phía mỗi người, bổn phận này mang lấy hình thức của một *Kế hoạch Đào luyện Tinh được cấu trúc*.

227. Trách nhiệm đầu tiên của cộng thể Tinh trong lãnh vực đào luyện là *cổ vũ* – qua một sự thông giao sống động – *sự tăng trưởng căn tính Salêdiêng của các hội viên*, nhất là của những người trong thời đào luyện ban đầu. Vì thế cộng thể Tinh chắc chắn tạo nên sự khác biệt, hoặc là nó có được động lực mạnh mẽ hay không, hoặc cộng thể ấy nhiệt tâm trong bất kỳ điều gì mình làm hay chỉ là mệt nhọc mà thôi.

Bầu khí cầu nguyện và chứng tá, cảm thức về trách nhiệm chung và sự rộng mở đối với những tình trạng và dấu chỉ thời đại, sự hoàn thành những trách vụ của sứ mệnh Salêdiêng với nhiệt tâm siêu nhiên và uy tín, việc tạo ra một môi trường mà mỗi ngày công hiến những tiêu chuẩn và khích lệ để trung thành, mạng lưới của những tương giao và cộng tác thân tình giữa các cộng thể, giữa các cá nhân hội viên, giữa những nhóm thuộc Gia đình Salêdiêng và với những người giáo dân liên hệ với cộng thể – tất cả những khía cạnh này tạo nên khung cảnh của Tinh dòng để đào luyện các hội viên.

Một bầu khí như thế có thể làm cho các hội viên trong đào luyện có được một kinh nghiệm về căn tính Salêdiêng và được nâng đỡ suốt con đường ơn gọi của họ. Nó cũng thật giá trị cho các hội viên khác vốn tìm được sự khích lệ để họ tăng trưởng trong lòng trung thành.

228. Cách riêng, bởi vì là “cuộc họp huynh đệ trong đó các cộng thể địa phương cũng cố ý thức mình thuộc về cộng thể Tỉnh, qua việc cùng nhau lo lắng tới các vấn đề chung,”²⁶ *Tu Nghị Tỉnh* có trách nhiệm đặc biệt đối với sự tăng trưởng của Tỉnh dòng trong ơn gọi Salêdiêng. Được nhóm họp ba năm một lần, với sự chuẩn bị đi trước và sự trao đổi tư tưởng và kế hoạch theo sau, nói một cách thực tiễn, Tu Nghị Tỉnh giữ *Tỉnh dòng trong một tình trạng suy tư, tìm kiếm và nỗ lực liên li* nhắm đến sự hiện thực hóa căn tính Salêdiêng.

Một diễn tả thực tiễn về trách nhiệm của Tu Nghị Tỉnh trong lãnh vực đào luyện là trình bày và duyệt xét Nội Quy Tỉnh.²⁷

4.3.2.5 Cộng thể thế giới

229. *Cộng thể thế giới* làm cho người Salêdiêng tham dự vào sự hiệp thông tinh thần, chứng tá và sự phục vụ mà là chính sự sống của cộng thể ấy trong Giáo hội phổ quát.²⁸ Sức sinh động của Tu hội, sự thích đáng hiện thực của công việc của Tu hội, và những đòi hỏi cũng như những thách đố do những hoàn cảnh lịch sử tạo ra có một tác động mạnh trên các hội viên và là sự động viên của Chúa Quan Phòng để đào luyện họ.

Cảm thức về sự hiệp thông trong cùng một ơn gọi tìm được lối biểu lộ cao nhất trong *Tổng Tu Nghị*. Nó biểu lộ toàn Tu hội cam kết giữ mình trung thành với Tin mừng và với đoàn sủng của Đấng Sáng Lập, và nhạy bén đối với những nhu cầu thời đại và nơi chốn. Nó tìm cách đáp ứng những nhu cầu và thách đố nảy sinh từ tình trạng của giới trẻ, từ Giáo hội và xã hội. Với những chỉ dẫn nó công hiến, và đường lối nó ấn định, Tổng Tu Nghị giữ Tu hội nỗ lực hướng đến một đào luyện tốt hơn và trong một thái độ canh tân liên lý.

4.3.3 Những người cùng chung trách nhiệm đào luyện

230. Giữa nhiều yếu tố mà một Tỉnh dòng phải đảm bảo trong việc đào luyện (các chương trình, nội dung, cơ chế, phương pháp), thì yếu

²⁶ HL 170.

²⁷ x. HL 171.

²⁸ x. HL 59.

tổ quyết định và cần thiết nhất là sự quan tâm đối với những người chịu trách nhiệm đào luyện.

Khi chúng ta nói đến những người cùng nhau chịu trách nhiệm đào luyện, chúng ta trước tiên không quy chiếu đến những cá nhân hay đến những người hướng dẫn đào luyện được xét cách đơn độc, nhưng đến những người hướng dẫn đào luyện làm việc trong bối cảnh của một cộng thể đào luyện và như những phần tử của một đội ngũ đào luyện, dù là trên bình diện Tỉnh dòng hay địa phương.

Sức mạnh phẩm chất của cộng thể đào luyện tiên vàn dựa trên sức mạnh hiệu lực của nhóm và trên việc thật sự có thể bảo đảm sự tham gia của những người cùng chung chịu trách nhiệm đối với tiến trình đào luyện trên bình diện Tỉnh dòng. Đây là một trong những tiêu chuẩn để thiết lập cộng thể đào luyện. Để tránh có những cộng thể đào luyện với phẩm chất tồi, thì trong một số trường hợp, lấy những quyết định can đảm và mạnh mẽ để các Tỉnh dòng cộng tác với nhau quả là thiết yếu.

4.3.3.1 Những người cùng chung trách nhiệm đào luyện cấp địa phương

4.3.3.1.1 Giám đốc²⁹

231. Giám đốc là trung tâm của cộng thể Salêdiêng, và vai trò chính yếu của ngài là “sinh động cộng thể”, là người đào luyện các hội viên, và “chủ tọa cộng thể trong tình yêu.”³⁰ Việc phục vụ quyền bính của ngài *nhắm tới sự tăng trưởng của các hội viên trong ơn gọi của họ.*

Thâm tín vào giá trị đào luyện của môi trường, ngài cố gắng *tạo nên một bầu khí* đầy những giá trị Salêdiêng. Ngài giữ cộng thể hiệp nhất trong tinh thần gia đình và một thái độ chia sẻ, và chiếu tỏa trong đó một cảm thức về sự sống động và nhiệt tình mục vụ.

Ngài duy trì cộng thể trong một *thái độ đáp lại tiếng Chúa gọi* và hợp với Giáo hội và Tu hội.

²⁹ x. *Giám đốc Salêdiêng. Tác Vụ sinh động hóa và cai quản cộng thể địa phương*, Rome, 1986.

³⁰ GC 21 53.

Ngài đồng hành với sự tăng trưởng của cộng thể bằng cách *thực thi sự phục vụ của quyền bính* trong một cách thức hiền phụ và sử dụng tốt những phương thế như lên kế hoạch và lượng giá, hội họp, huấn đức, cầu nguyện và những cơ hội nảy sinh mỗi ngày.

Ngài làm cho *các hội viên can dự vào sự sinh động cộng thể* và một cách đặc biệt giúp Ban Cố vấn địa phương ý thức đảm nhận trách nhiệm của mình.

- 232.** Giám đốc khích lệ và hướng dẫn mỗi hội viên trong việc sống kinh nghiệm của ơn gọi mình.

Một cơ hội ưu tuyển để đối thoại là *cuộc đàm thoại thân tình với các hội viên*.³¹ Trong đó, một cách đặc biệt, ngài thật sự trở thành “người cha, vị thầy, và linh hướng.”³² Ngài biết rằng tính hiệu quả của cuộc nói chuyện thường xuyên dựa theo một cơ sở đều đặn tiên vàn lệ thuộc vào nhân cách nhân bản và thiêng liêng của mình, vào sự sẵn sàng và hiền dụ, và vào uy tín của ngài.³³

Giám đốc cũng có thể được các hội viên xin phục vụ *việc linh hướng*. Đây là một công tác tế nhị và một cống hiến quý giá để giúp một người hiện thực ơn gọi cá nhân của họ. Giám đốc làm cho mình nên sẵn sàng cách chân thành cho việc phục vụ này.

Là Giám đốc của cộng thể Salêdiêng vốn tự họ là người sinh động cộng đoàn giáo dục và mục vụ, *ngài có trách nhiệm rõ ràng phải tạo nên trong cộng đoàn ấy một bầu khí nồng ấm và tông đồ* vốn cổ xúy sự tăng trưởng của những người Salêdiêng, giới trẻ và những người cộng sự viên giáo dân.³⁴

- 233.** Thêm vào những vai trò được dành cho mỗi Giám đốc của một cộng thể địa phương, *Giám đốc của một cộng thể đào luyện có một vai trò đòi hỏi hơn* trong lãnh vực đào luyện. Hình thành một đội ngũ hiệp nhất gồm những người chịu trách nhiệm đào luyện, ngài sinh động

³¹ x. HL 70.

³² HL 55.

³³ x. *The Project of Life of the Salesians of Don Bosco*, p. 578-581.

³⁴ x. HL 55.

cộng thể và đem những nỗ lực của tất cả mọi người đồng qui vào một kế hoạch chung, vốn phù hợp với kế hoạch của Tỉnh dòng.

Ngài có trách nhiệm đối với tiến trình đào luyện cá nhân của mỗi hội viên. Ngài cũng là vị linh hướng được đề xướng cho, nhưng không áp đặt trên, các hội viên trong đào luyện. Bản phận loại biệt của ngài là hướng dẫn mỗi hội viên, giúp họ hiểu và làm cho giai đoạn đào luyện họ tham gia vào thành của chính họ.³⁵ Ngài duy trì đối thoại chân thành và thường xuyên với hội viên, cố gắng hiểu biết những điểm mạnh và điểm yếu của họ, cho họ những lời khuyên bảo rõ ràng và đòi hỏi, đề xuất những mục tiêu thích hợp, nâng đỡ và hướng dẫn họ trong những lúc khó khăn, và cùng với họ lượng giá bước tiến họ đạt được trong việc đào luyện.

Đối với trách vụ mà Tỉnh dòng trao cho Giám đốc, nơi hội viên cần phải có sự nhận biết và vui lòng thiết lập mối liên hệ cá nhân, đầy cởi mở, tin tưởng và chia sẻ trong vấn đề đào luyện của mình.

Cùng với Ban Cố vấn của cộng thể Giám đốc thực thi sự phân định ơn gọi được đòi buộc, nhất là trong thời gian tiếp nhận và lượng giá.

4.3.3.1.2 *Đội ngũ đào luyện*³⁶

234. Những người tạo thành đội ngũ đào luyện và *cùng chung trách nhiệm đối với cộng thể và dự phóng đào luyện của nó* là tất cả những người cùng cộng tác với những vai trò, chức năng và đóng góp khác nhau nhưng tương thuộc, khi đảm bảo một tổ chức thống nhất và toàn diện phục vụ cho đào luyện. Họ lo tới sự sinh động cầu nguyện, lãnh vực học hành hay tông đồ, quản trị tài chính và linh hướng.

Giữa họ vị trí nổi bật thuộc về cha giải tội bởi vì sự phục vụ quan trọng của ngài khi hướng dẫn các hội viên trong ơn gọi của họ.

Các sư huynh cũng đóng góp một cách thật ý nghĩa vào cộng thể đào luyện, nhất là qua những dịch vụ để sinh động cộng thể và giảng dạy.

235. Được kêu gọi để đồng hành với các anh em của mình khi họ lớn lên trong ơn gọi của họ, những người chịu trách nhiệm về đào luyện *thực*

³⁵ x. DSM

³⁶ x. CEC, *Directive sulla preparazione degli educatori nei seminari*, 1993.

thi công việc của mình theo tâm tư và thực hành của Tu hội và Tỉnh dòng, như được diễn tả trong Ratio này và Kế hoạch Tỉnh dòng. Họ làm thành của mình nhân quan toàn diện về đào luyện như một tiến trình tiệm tiến, liên tục, có tổ chức và thống nhất phải được thực thi theo một cách thức Salêdiêng.

Đòi buộc họ phải thật sự *làm việc nhóm*: thông giao, nhất quán, duy nhất và trung thành chu toàn những vai trò và trách nhiệm khác nhau của họ. Họ cùng với Giám đốc tạo thành một nhóm được sinh ngài sinh động và thâm tín về trách nhiệm chung.³⁷ Chính họ mang lấy nơi mình việc thừa nhận những tiêu chuẩn đồng nhất cho trách vụ đào luyện và lượng giá, và cùng nhau thảo ra chương trình của những hoạt động cho cộng thể. Họ đặc biệt lo lắng tiếp xúc với tất cả những ai có can dự vào tiến trình đào luyện vì những lý do khác nhau và vào những thời gian khác nhau.

- 236.** Trong việc chu toàn sứ mệnh của mình, những người hướng dẫn đào luyện ý thức về sự kiện rằng họ là những trung gian để Thiên Chúa hoạt động và là những diễn đạt trách nhiệm của Tỉnh dòng. Họ cố gắng hoàn thành sự phục vụ đặc thù của họ với nhiệt tình *Da mihi animas* và trung thành với Hệ thống Dự phòng.

Được linh đạo Salêdiêng vững chắc và một kinh nghiệm đầy đủ trong công việc giáo dục và mục vụ nâng đỡ, với cách thức sống động *họ thông truyền tình yêu và nhiệt tình đối với Don Bosco* và đối với ơn gọi Salêdiêng. Họ đảm bảo rằng cộng thể vẫn trung thành thực thi Hiến Luật và lợi dụng sự tương thuộc trong những hình thức của một ơn gọi.

Là những người cầu nguyện và khôn ngoan siêu nhiên, họ có thể giúp anh em mình phân định hành động của Thiên Chúa và những dấu chỉ của thánh ý Ngài, và *hướng dẫn họ trong những đường lối của Chúa*, cả bằng lời nói lẫn chứng từ nhất quán trong đời sống thánh hiến của họ.

³⁷ x. HL 104.

Họ có một tầm nhìn tích cực và phê phán đối với văn hóa và những vấn đề xã hội nhằm để bối cảnh hóa (contextualize) tiến trình đào luyện một cách thích hợp.³⁸

- 237.** Họ biết cách thức áp dụng *khoa sư phạm có đặc tính “năng động, tích cực, rộng mở* đối với những thực tại của đời sống và lưu ý đến tiến trình phát triển của một người”³⁹ và cả với nhịp bước của nhóm nữa.

Họ chú ý đặc biệt đến hội viên trong đào luyện, cung cấp cho họ những yếu tố thiêng liêng, giáo lý và mục vụ họ cần để hấp thụ chương trình đào luyện. Họ đồng hành, khuyến bảo, nâng đỡ, sửa sai và khuyến khích hội viên theo như tình trạng cá nhân đòi hỏi.

Họ dõi theo sự tiến bộ của mỗi người, khi lượng giá sự thích hợp của người đó đối với ơn gọi nhân danh Giáo hội và Tu hội, và công hiến những đóng góp của họ về thông tin và phân định mà cũng có thể dùng cho những sự tiếp nhận khác nhau.

Để chu toàn việc phục vụ này những người chịu trách nhiệm đào luyện được yêu cầu phải có “một sự nhận xét cẩn trọng được tinh luyện bởi hiểu biết tốt đẹp về những khoa học nhân văn hầu đi xa hơn những dáng vẻ và bình diện hời hợt của những động cơ và hành xử và giúp [ứng sinh] biết rõ mình, chấp nhận mình cách thanh thản, sửa mình và tăng trưởng tới sự trưởng thành bắt nguồn từ những cội rễ thật sự, chứ không tưởng tượng, và từ chính lối tủy nhân cách của mình.”⁴⁰

- 238.** Những người trách nhiệm về đào luyện là *những người sinh động và hướng dẫn* tiến trình đào luyện, đặt ra những mục tiêu, làm những lượng giá cần thiết, và lấy những quyết định thích hợp.

Họ sở đắc “những kỹ năng/tài khéo và một nhất tâm để thuyết phục, để dẫn thân vào đối thoại với các ứng sinh, để tương tác một cách chân thật Tin mừng, với những thách đố họ mang lại, mà không chút tự vệ hay rút lui. Tất một lời, họ không được là những người hướng

³⁸ Ibid.

³⁹ DES 10.

⁴⁰ Ibid., 57.

dẫn mà khoan tay đứng nhìn từ phía bên ngoài khi [các ứng sinh] hình thành những xác tín và thái độ của mình. Họ không được là những ‘gương’ câm nín và xa lạ, nhưng là những nhà giáo dục đưa ra những đề xuất và thuyết phục.”⁴¹

239. Để thực thi sự phục vụ này đòi phải có *những tặng phẩm cá nhân cùng với một sự chuẩn bị căn bản vững chắc* trên bình diện tín lý, thiêng liêng, mục vụ và sư phạm và cả sự huấn luyện chuyên biệt thông thường.

Đối với việc đào luyện liên tục của họ, những người trách nhiệm đối với đào luyện trong Tỉnh dòng tìm được một trường học thích đáng và chân thật nơi việc đào luyện vốn xảy ra nơi đời sống và hoạt động thường nhật của họ, nơi sự thích hợp của họ đối với một công việc được chia sẻ, lên kế hoạch và lượng giá, trong sự sẵn sàng của họ đối với những phiên họp định kỳ để suy tư về tình trạng của tiến trình đào luyện, để chia sẻ và cập nhật, và trong những cơ hội tùy dịp để canh tân. Vì thế phải có một *sự ổn định* nào đó trong công việc đào luyện, và vai trò sinh động hóa của vị Ủy viên và Ủy ban Đào luyện Tỉnh là không thể thiếu.

4.3.3.1.3 Các thầy cô và chuyên viên

240. Các thầy cô – và trước tiên, các thầy giáo Salêdiêng – là *những người hướng dẫn đào luyện chân chính*, ngay cả khi họ chỉ bận bịu trong lãnh vực học vấn. Họ chặt chẽ cộng tác làm việc với những người khác có trách nhiệm trong đào luyện và trong một khung làm việc toàn diện là kế hoạch và tiến trình đào luyện. Vai trò của họ không đóng kín trong khía cạnh thuần túy tri thức và việc họ dạy học đi đôi với chứng tá về những xác tín đức tin của họ. Họ mang lại sự đào luyện qua sự hiện diện thân tình và giáo dục giữa những ứng sinh Salêdiêng, khi có thể, tham gia với họ vào những giờ giấc họ cầu nguyện, giải trí và hoạt động tông đồ.

⁴¹ Vecchi, J., “I Protagonisti della formazione sacerdotale”, in Dal Covolo-Triacca, *Sacerdoti per la nuova evangelizzazione. Studi sull’ Esortazione apostolica “Pastores Dabo Vobis” di Giovanni Paolo II*, Rome, 1993, 321.

Ý thức về sự kiện rằng họ thực hiện một sự phục vụ có tính chất Giáo hội và Salêdiêng do đức vâng phục, *họ chuyển đạt giáo lý và kinh nghiệm về Giáo hội và Tu hội*. Với sự quảng đại và tính nghiêm ngặt khoa học, họ công hiến sự đóng góp có phẩm chất của chính mình vào những môn học khác nhau để giúp các học sinh của mình hấp thụ sâu xa mầu nhiệm Chúa Kitô. Họ hướng dẫn cá nhân học tập theo một cách có thể làm cho sinh viên học được phương pháp làm việc khoa học, và hấp thụ cùng suy tư trên kiến thức họ thu đắc và đưa chúng ra thực hành.

- 241.** Để thực thi chức năng này, các thầy cô nhận được một chuẩn bị căn bản tốt đẹp về các môn nhân văn, triết học, và thần học, cùng thực tập trong lãnh vực chính họ sẽ dạy dỗ.

Họ được phú ban những tài khéo/kỹ năng sư phạm, và vì mục đích này được chuẩn bị thích đáng⁴² hầu ở trong một tư thế giúp các sinh viên của mình vun trồng một khóc nhìn phân định và một não trạng về đào luyện liên tục. Hơn nữa, họ được thực tập trong những phương pháp dạy học tích cực vốn đòi hỏi người sinh viên tham gia, và giữ cho chính mình cập nhật trong lãnh vực khoa học và phương pháp luận.

- 242.** Họ lấy những bước để tăng trưởng trong *kinh nghiệm của họ về đời sống Salêdiêng*, thích thú bước theo và tham gia vào đời sống Tu hội và Tỉnh dòng, và tiếp xúc gần gũi với thế giới người trẻ và giới lao động. Theo cách này họ có thể tạo nên mối liên kết hữu hiệu giữa những đề tài họ giảng dạy và những nội dung cùng nhu cầu của hoạt động tông đồ Salêdiêng.

Việc họ *thực thi tác vụ giáo dục và mục vụ* có thể công hiến cho họ những cơ hội và những khích lệ để chia sẻ những ý tưởng và kinh nghiệm, nhưng họ chuyên tâm cho điều ấy mà không bỏ qua một bên những đòi hỏi của vai trò học thuật.⁴³

- 243.** Hơn nữa, có một sự đóng góp đặc biệt mà những người Salêdiêng và những người khác vốn có một uy tín biệt loại (các chuyên viên) được mời gọi để trao ban một cách hệ thống hay tùy dịp và trong những lãnh

⁴² x. RFIS 35.

⁴³ x. RFIS 37.

vực khác nhau. Sự đóng góp này vào sự tăng trưởng và kinh nghiệm đào luyện nơi những ứng sinh hay hội viên có thể là dự phòng, sự phạm hay bổ túc. Khi các chuyên viên không phải là Salêdiêng, đảm bảo rằng sự phục vụ của họ kính trọng những đặc tính đúng hợp cho ơn gọi chúng ta và được coi xét trong khuôn khổ toàn diện của đào luyện Salêdiêng quả là quan trọng. Khi sự can thiệp của chuyên viên là cần thiết vì những lý do chữa bệnh (therapy), thì quan trọng là điều ấy phải được đề xuất và được động cơ thích đáng, không bao giờ được áp đặt.

4.3.3.1.4 Sự đóng góp của giáo dân

244. Thần học về Giáo hội như là sự hiệp thông mang lại một sự trân trọng dành cho *giáo dân*, và chú ý đến sự đóng góp của họ không chỉ trong lãnh vực của sứ mệnh Salêdiêng mà cả trong lãnh vực chuyên biệt là đào luyện nữa.⁴⁴

Từ quan điểm ơn gọi biệt loại của họ, giáo dân có thể giúp người Salêdiêng trân trọng căn tính của mình cách sâu xa hơn và phát triển một cảm thức Giáo hội mạnh mẽ hơn trong sự tương thuộc và tính hỗ tương của những ơn gọi khác nhau.

Về điều này, ngày nay có một sự rộng mở và tiếp nhận lớn lao hơn dành cho *phụ nữ* vì họ có khả năng làm cho những tương quan và khung cảnh thêm nhân bản và hữu vị hơn. Có một sự trân trọng đối với sự đóng góp của họ trong lãnh vực giáo dục và đào luyện Salêdiêng theo những cách thích hợp với những giá trị của sự thánh hiến và những tình trạng văn hóa khác nhau.⁴⁵

Khi thừa nhận “sự thích đáng của một ảnh hưởng tốt đẹp của linh đạo giáo dân và đặc sủng của nữ tính trong mọi con đường giáo dục”,⁴⁶ TTN24 đề xướng những chương trình đào luyện cho những người Salêdiêng và giáo dân, nam cũng như nữ, cùng nhau⁴⁷ trong đó mỗi người mang đến sự đóng góp biệt loại của mình.

⁴⁴ x. PDV 66; DES 20.

⁴⁵ x. Vecchi J., “A Love Without Limits for God and the Young” AGC 366 (1999), chẳng hạn trg. 26-29; x. PDV 66; TTN24, Analytical Index: Woman/Women.

⁴⁶ PDV 66.

⁴⁷ x. TTN24 138-141.

245. Đối với điều mà đề ý đến *sự can dự của giáo dân, nam và nữ, trong đào luyện ban đầu của người Salêdiêng*, thật đáng mong ước rằng họ có thể thể hiện những vai trò vốn có một ảnh hưởng đào luyện trực tiếp. TTN24 công bố rằng những hội viên trong đào luyện “nhận được sự trợ giúp hữu hiệu hơn khi, từ thời kỳ đào luyện ban đầu, họ được dẫn vào những kinh nghiệm cộng tác với giáo dân cả trên bình diện trực tiếp thực tiễn lẫn trong tiến trình soạn thảo kế hoạch giáo dục và mục vụ.”⁴⁸ Vì thế TTN ấy đòi hỏi rằng “đang khi ghi nhớ bản chất khác nhau của những người Salêdiêng và người giáo dân, và những thời gian cần thiết để trưởng thành nhân bản, tình cảm và tông đồ, những giai đoạn của đào luyện ban đầu nên có những nội dung và kinh nghiệm đào luyện có tính chất hỗ tương và bổ sung nhằm sự tăng trưởng chung.”⁴⁹

Thêm nữa, có những lãnh vực trong đó giáo dân có thể trao ban một sự đóng góp biệt loại nhờ những tài khéo/kỹ năng và kinh nghiệm đặc thù của họ, chẳng hạn: linh đạo gia đình, một vài lãnh vực mục vụ, đầu trường chính trị, kinh tế và xã hội, và truyền thông xã hội.⁵⁰ Trong những trường hợp này, “họ phải được chọn cách cẩn thận, trong khuôn khổ của Giáo luật và theo những đặc sủng đặc thù của họ và uy tín đã được chứng thực”⁵¹ và sự cộng tác của họ phải được điều phối và hòa hợp thích đáng vào những trách nhiệm giáo dục ưu tiên của những người được giao phó cho công việc đào luyện.

4.3.3.2 Những người cùng chịu trách nhiệm trên bình diện Tỉnh Dòng

4.3.3.2.1 Giám tỉnh với Ban Cố Vấn ngài⁵²

246. Trong cộng thể tỉnh, chính Giám tỉnh được Ban Cố vấn ngài giúp đỡ là người có trách nhiệm hàng đầu về cả đào luyện ban đầu lẫn liên tục.

⁴⁸ TTN24 53.

⁴⁹ TTN 24 142.

⁵⁰ x. DES 10-11.

⁵¹ PDV 66.

⁵² x. *L'Ispettore salesiano. Un ministero per l'animazione e il governo della comunità ispettoriale*, Rome 1987, especially chap. 10: “Animazione e governo dell’ Ispettorìa, comunità in formazione e formatrice”.

Ngài thực thi việc phục vụ của mình theo nhiều cách:

- Ngài chấp nhận *trách nhiệm cá nhân cho công việc đào luyện*. Ngài quan tâm để đạt được những mục tiêu đào luyện và bảo toàn căn tính Salêdiêng trong bối cảnh văn hóa. Ngài khích lệ mỗi người làm việc chung trong lãnh vực đào luyện, và hướng dẫn Tỉnh dòng khi trình bày Kế hoạch Đào luyện Tỉnh;

- Như *người sinh động thiêng liêng của Tỉnh dòng*, ngài thúc đẩy các hội viên biết và dễ dạy trước Huấn Quyền và công hiến cho họ gia sản thiêng liêng của đoàn sủng Don Bosco như được xác nhận trong những hướng dẫn của Tu hội.

- Ngài *cổ xúy chia sẻ trách nhiệm với Ban Cố vấn Tỉnh* và Ủy ban Đào luyện Tỉnh được Ủy viên Tỉnh dòng điều phối;

- Ngài *theo dõi và nâng đỡ cộng thể địa phương* như là những nơi chôn và chủ thể đào luyện: ngài đảm bảo rằng chúng được sinh động theo một cách vốn biến chúng thành những khung cảnh, giàu có những giá trị Salêdiêng và thu hút những ơn gọi; ngài lưu ý nhiều để chuẩn bị các Giám đốc và đồng hành với họ với sự trợ giúp của những sáng kiến định kỳ và hệ thống (họp hành, khóa học, v.v.);

- Ngài *bảo đảm rằng những cơ cấu đào luyện có mọi điều kiện cần thiết* để thực thi một công việc đào luyện chân chính trong những khía cạnh khác nhau của nó và để đạt được những mục tiêu của mỗi giai đoạn và của toàn bộ tiến trình đào luyện;

- Ngài *cung ứng cho những cộng thể đào luyện* một Giám đốc và một đội ngũ được chuẩn bị thích đáng để thực thi công việc đào luyện tốt đẹp; ngài đem đến cho những cộng thể ấy những quyết định đúng lúc và khôn ngoan mà ngài sắp đặt để huấn luyện và tái huấn luyện những người được ký thác cho việc đào luyện; ngài thường xuyên thăm viếng những cộng thể đào luyện và những hội viên trong thời kỳ đào luyện ban đầu; ngài giữ cho mình được thông tri về những sự thích hợp và khuynh hướng của họ, cùng khích lệ họ cố gắng vươn đến sự tuyệt hảo theo những đòi hỏi của thiện ích chung;

- Ngài *khích lệ tất cả hội viên tăng trưởng trong ơn gọi Salêdiêng của mình* và thúc đẩy họ bằng nhiều cách sống ơn gọi ấy trong công

việc tông đồ theo tinh thần “*da mihi animas*”, để phát triển nó với sự trợ giúp của những mối liên hệ chân thật, để làm cho ơn gọi đó được biết đến qua một cách thức sống đặc thù của Tin mừng, để nó được đâm rễ trong một cuộc đời thoải đầy sinh lực và thường hằng với Thiên Chúa, và để canh tân nó trong sự trung thành với Don Bosco;⁵³

- Ngài đảm bảo rằng người đang hướng đến đời sống Salêdiêng có được một khung cảnh thích hợp và những điều kiện cần thiết cho *sự phân định* đầu tiên về *ơn gọi của họ*; ngài bước đi với ứng sinh qua thời kỳ đào luyện ban đầu vốn rất tế nhị và chu toàn trách nhiệm của mình vào lúc phân định và tiếp nhận;

- Ngài coi *sự huấn luyện của các hội viên* là trách vụ ưu tiên của mình; ngài nhận diện các lãnh vực trong đó, đối với thời khắc hiện tại và tương lai, đào luyện tri thức và uy tín nghiệp vụ dường như khẩn thiết hơn để chu toàn sứ mệnh cách tốt đẹp hơn; ngài phác thảo và thực thi Kế hoạch Tỉnh đối với việc chuẩn bị nhân sự và định kỳ kiểm chứng nó; ngài làm cho những người được huấn luyện tham gia trong những trách vụ biệt loại để phục vụ Tỉnh dòng và Tu hội và làm bất kỳ điều gì có thể để giữ họ trong lãnh vực chuyên môn của họ;

- Ngài ủng hộ những sáng kiến thông thường và ngoại thường vốn cổ xúy *đào luyện liên tục*;

- Ngài công hiến *sự cộng tác cởi mở và quảng đại vào những sáng kiến đào luyện trên bình diện liên Tỉnh dòng, Tu hội và Gia đình Salêdiêng*, và lợi dụng tốt đẹp những chương trình được Giáo hội và các Hiệp hội về đời sống thánh hiến công hiến.

4.3.3.2.2 Ủy viên và Ủy ban Đào Luyện Tỉnh

247. Những trách vụ suy tư, hoạch định, lên chương trình, điều phối, thực thi và kiểm nghiệm như được viết trong Nội Quy được trao cho Ủy viên Đào luyện và Ủy ban Đào luyện Tỉnh được Ủy viên đó điều phối.

Ủy viên đào luyện là ủy viên của Giám tỉnh và làm việc lệ thuộc vào và nhất trí với Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài. Vai trò của ngài có thể

⁵³ x. ISM 305-307.

thay đổi, tùy thuộc vào những nhiệm vụ được trao cho ngài, vào thời gian tùy ý Giám tỉnh và vào những vai trò khác được ký thác cho ngài.

Đáng mong ước rằng ủy viên đào luyện là một thành viên của Ban Cố vấn Tỉnh hầu có thể đẩy mạnh những quan điểm và quan tâm đào luyện cách đều đặn.

Trong công việc sinh động hóa mà vị ủy viên thực thi trong sự cộng tác với những thành viên của Ủy ban, ngài tỏ ra quan tâm đến những hội viên và cộng thể và một cách đặc biệt, các cộng thể đào luyện; ngài chăm lo đến sự thông tri và cộng tác trong lãnh vực đào luyện với những nhóm khác thuộc Gia đình Salêdiêng và giữa các Tỉnh dòng.

Tình trạng của Tỉnh dòng và những chọn lựa Tỉnh dòng thực hiện có thể dẫn đến những đường nét khác nhau của Ủy ban. Để sinh động những lãnh vực khác nhau có thể cần phải thiết lập những nhóm khác nhau lo về: đào luyện ban đầu, đào luyện liên tục, đào luyện những người Salêdiêng và giáo dân, liên kết với Gia đình Salêdiêng. Tuy nhiên, quan trọng là phải đảm bảo rằng sự sắp xếp tạo nên sự đồng quy và không được tán thành những hoạt động song đối hay từng phần.

Việc cấu thành của Ủy ban được xác định do bản chất và những trách nhiệm của nó và đòi buộc rằng những thành viên không chỉ mang đến một sự đóng góp vững chắc và bổ sung theo kinh nghiệm, thẩm quyền hay vai trò của họ, nhưng còn có thể tìm thời gian cần thiết cho các hội họp, suy tư, trao đổi tư tưởng, học hỏi những chỉ dẫn thuộc về đào luyện, và cộng tác trong những dịch vụ cụ thể.

Những trách nhiệm của vị Ủy viên – trong sự cộng tác với Ủy ban Đào luyện Tỉnh – là như sau:

- *Suy tư* – cùng với Giám tỉnh và Ban Cố vấn – về tình trạng đào luyện trong Tỉnh;
- *Giúp đỡ Giám tỉnh trong việc soạn thảo, thực thi và duyệt xét Kế hoạch Đào luyện Tỉnh;*⁵⁴

⁵⁴ x. số 24 ở trên.

- Cộng tác trong việc soạn thảo và kiểm chứng *Kế hoạch Tỉnh để chuẩn bị và chuyên hóa các hội viên*;⁵⁵
- Lượng giá, trong những hoàn cảnh thông thường, *việc thực thi phần về đào luyện trong Nội Quy Tỉnh*;⁵⁶
- Lo sao để cuốn *Ratio* và cuốn “*Các Tiêu chuẩn và Quy tắc để Phân định On gọi Salêdiêng. Việc Tiếp Nhận*” được mọi người biết đến và trở thành một điểm quy chiếu liên lý;⁵⁷
- Đảm bảo một *hoạt động được cấu trúc, được hoạch định và được điều phối* trong lãnh vực đào luyện⁵⁸ để những lãnh vực đào luyện khác nhau, những hoạt động, sáng kiến và công việc của những người có trách nhiệm – tất tất đều hướng đến việc phát triển căn tính Salêdiêng và đóng góp vào việc làm cho Tỉnh đồng thành một cộng thể đào luyện;
- Lưu tâm đến sự duy nhất và tính liên tục của *tiến trình đào luyện ban đầu*, chú ý đặc biệt đến những tiêu chuẩn của việc phân định và sự phạm đào luyện;⁵⁹
- Nối kết với *những cộng thể đào luyện* và, nơi đâu cần thiết, cả với những trung tâm học vụ, trong việc tổ chức và lượng giá công việc đào luyện của chúng;
- Thịnh thoảng kiểm chứng *chương trình hoạt động giáo dục và mục vụ*, trong đối thoại với Ủy ban Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Tỉnh;⁶⁰
- Cung ứng những sáng kiến để sinh động và hướng dẫn *những người tập vụ* và trợ giúp các cộng thể của họ;⁶¹
- Cộng tác với Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài để thực thi một *Kế hoạch bao quát về đào luyện liên tục*, trong việc sinh động hóa tiến trình đào luyện liên tục của các cộng thể và của hội viên, và

⁵⁵ x. số 158 ở trên.

⁵⁶ x. số 23 ở trên.

⁵⁷ x. số 21 ở trên.

⁵⁸ x. số 22 ở trên.

⁵⁹ x. số 29 ở trên; số 278 ở dưới.

⁶⁰ x. số 202 ở trên.

⁶¹ x. số 437 ở trên.

trong việc hoạch định đào luyện những người Salêdiêng và giáo dân chung với nhau;⁶²

- Sắp xếp một *chương trình hằng năm của việc đào luyện liên tục* phù hợp với Kế hoạch Đào luyện Tỉnh, một chương trình vốn đáp ứng những tình trạng khác nhau của các hội viên (tuổi tác, ơn gọi chuyên biệt, những vai trò),⁶³ công hiến những sự phục vụ chuyên biệt, một lược đồ các đề tài, và những chất liệu;

- Nghĩ ra những phương cách và phương thế để giúp các hội viên *hiểu biết những chỉ dẫn* của Tu hội, tăng trưởng hiểu biết tinh thần Salêdiêng và dần thân vào học hỏi nghiêm chỉnh và cập nhật về lịch sử, linh đạo và gia sản sự phạm riêng của đoàn sủng của chúng ta;⁶⁴

- Tổ chức *những buổi họp có hệ thống để trao đổi quan điểm với các Ủy viên và đội ngũ của Tỉnh dòng* đang lo về Tác vụ Mục vụ Giới trẻ, Gia đình Salêdiêng và những lãnh vực khác, hầu làm cho việc đào luyện được liên kết hơn với tình trạng của Tỉnh dòng và tác động tốt hơn đến sự điều phối của công việc sinh động hóa;

- Duy trì và lợi dụng những liên lạc và sáng kiến trên *bình diện liên Tỉnh hay vùng* và với Gia đình Salêdiêng trong lãnh vực đào luyện;

- Liên hệ với vị Cố vấn Đào luyện.

4.3.3.3 Những liên hệ và cộng tác trên bình diện liên Tỉnh

248. Công việc đào luyện của các Tỉnh dòng nhận được sự trợ giúp và khích lệ từ những hình thức khác nhau của sự thông giao, liên kết và cộng tác liên Tỉnh dòng trong lãnh vực đào luyện ban đầu và liên tục.

Ta đã nhắc đến những cộng thể liên Tỉnh dòng đối với đào luyện ban đầu và các trung tâm học vụ; ta đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc liên kết những năng lực vì việc đào luyện được tốt đẹp hơn; ta cũng đưa ra những đề xuất cụ thể.

⁶² x. số 556 ở trên.

⁶³ x. *ibid.*

⁶⁴ x. số 50 ở trên.

Những sáng kiến khác phải liên hệ với những Ủy viên Tỉnh, những người hữu trách trong đào luyện, và những hội viên trong thời đào luyện, hay liên quan đến toàn lãnh vực đào luyện liên tục.

Có những hình thức và cơ cấu khác nhau của sự liên kết, những kiểu mẫu và những bình diện phục vụ khác nhau; và những người được sự phục vụ này nhắm đến cũng khác nhau luôn; và cũng lệ thuộc nhiều đến mối tương giao giữa các Tỉnh dòng. Lãnh vực lựa chọn thì rộng lớn: nó trải dài từ sự cộng tác tùy dịp đến “những sự uỷ quyền” (hay những uỷ viên), đến những đội ngũ hợp tác trên bình diện liên Tỉnh dòng hay hội nghị, đến những trung tâm quốc gia hay vùng; từ những phiên họp không thường xuyên đến những sáng kiến định kỳ, đến một chương trình bao quát của những hoạt động; từ một sự chia sẻ kinh nghiệm đến học hỏi và suy tư chung đến việc tổ chức những phiên họp, những hội họp chuyên đề, và những kinh nghiệm đào luyện đến việc chuẩn bị những thuật ngữ quy chiếu chung và những chất liệu hữu ích; từ sự tập trung đầu tiên trên những uỷ viên và những người chịu trách nhiệm về đào luyện của Tỉnh dòng đến sự công hiến những sự phục vụ cho những nhóm hội viên khác nhau (các Giám đốc, các linh mục và sư huynh trong năm năm đầu tiên sau khi chịu chức linh mục hay tuyên khấn trọn đời, những hội viên chuẩn bị khấn trọn đời, những kinh nghiệm đào luyện liên tục, v.v.)

Trong những tình huống và bối cảnh đa biệt này, mối liên hệ giữa các Ủy viên Đào luyện, những Ủy ban Tỉnh và những người trách nhiệm về đào luyện giúp cho các Tỉnh dòng:

- Cùng nhau suy tư về việc đào luyện Salêdiêng và về những thách thức mà việc đào luyện này bày ra trên bình diện liên Tỉnh;
- Cổ xúy việc trao đổi kinh nghiệm và tất cả những gì có thể nâng cao tiến trình đào luyện Salêdiêng trong từng Tỉnh dòng;
- Phác thảo những tiêu chuẩn, những thuật ngữ qui chiếu và những chất liệu cho công việc đào luyện;
- Đáp ứng những nhu cầu của đào luyện với một tâm trí rộng mở, góp chung những tư tưởng và khả năng cộng tác;

- Cùng cố công việc đào luyện của từng Tỉnh dòng với sự trợ giúp của những sáng kiến chung;
- Cổ xúy và lợi dụng những sự phục vụ của những người Salêdiêng trong các trung tâm học vụ và những trung tâm đào luyện liên tục;

Hiệu quả của những hình thức phối kiểm chung và cộng tác vốn được thực thi trong sự lệ thuộc và liên kết chặt chẽ với các Giám tỉnh và những người trách nhiệm trên bình diện Hội đồng hay Vùng, phần lớn tùy thuộc vào sự tận hiến của những người phối kiểm, một chương trình có hệ thống của những hoạt động vốn đáp ứng lại những nhu cầu thực sự, sự cam kết của các Ủy viên Tỉnh và việc chia sẻ trách nhiệm giữa các Giám tỉnh.

4.3.3.4 Những người cùng chung trách nhiệm trên bình diện thế giới

249. *Việc cai quản trên bình diện thế giới* đảm bảo sự hiệp nhất đời sống và hoạt động trong những bối cảnh và tình trạng khác nhau, và cổ vũ các phần tử liên lý trung thành với đoàn sủng Salêdiêng.

Bê Trên Cả, như người cha và trung tâm hiệp nhất, cùng với Ban Cố vấn ngài, cổ xúy canh tân sự trung thành liên lý với ơn gọi Salêdiêng, và sinh động những hội viên qua sự cai quản thông thường, lời dạy có thẩm quyền, những giao tiếp, thăm viếng và họp hành của ngài.

250. Trong việc thực thi sự phục vụ của mình, *tất cả các thành viên của Ban Tổng Cố vấn*, dù những Cố vấn được trao phó những lãnh vực biệt loại hay những Cố vấn Vùng được ký thác cho những nhóm Tỉnh dòng, phải xem xét đặc biệt đến đào luyện.

Tổng Cố vấn Đào luyện có trọng trách “thúc đẩy việc đào luyện toàn diện và liên tục của các hội viên. Với sự quan tâm đặc biệt, ngài theo dõi việc đào luyện ban đầu trong các giai đoạn khác nhau, để trong các giai đoạn ấy những nội dung, việc phối trí học hành, các phương pháp đào luyện và các cơ cấu đảm bảo những điều kiện cho ơn gọi Salêdiêng được tăng trưởng.”⁶⁵

⁶⁵ HL 135.

Nhất trí với các Cố vấn Vùng, ngài đòi buộc tất cả Tỉnh dòng phải soạn thảo và thực thi một chương trình gồm các sáng kiến đối với đào luyện liên tục, và ngài lo lắng một cách đặc biệt các trung tâm vốn có võ điều ấy.

4.4 Làm cho đời sống và lao động thường nhật hiệu quả hơn cho đào luyện

251. Làm cho đời sống và công việc thường nhật thành hiệu quả hơn đối với đào luyện là một dòng hoạt động chiến lược của phương pháp luận Salêdiêng. Don Bosco gán một giá trị giáo dục cho những bồn phun hằng ngày nơi sân chơi và trong trường học, giữa cộng thể và trong nhà thờ;⁶⁶ ngài cũng gán giá trị ấy cho cách thức nhìn và cắt nghĩa những biến cố và đáp ứng những tình trạng của giới trẻ, Giáo hội và xã hội.

Để làm cho đời sống thường nhật thành một kinh nghiệm đào luyện đối với một người, chứ không phải một điều gì để họ dừng dung hay biến dạng họ, kéo theo một số những đòi hỏi (thái độ, não trạng, tổ chức, lượng giá). Nó cũng muốn giúp từng người đảm nhận, sống và lượng giá cuộc đời mình, nhìn nó như một hành trình trong đó họ biểu lộ, can dự và cố võ tự mình kinh nghiệm, những tiêu chuẩn của họ để làm việc, cách họ liên hệ với tha nhân và tình huống, và việc họ ôm ấp sống động những giá trị Salêdiêng.

Khi được sống với mối quan tâm về đào luyện, đời sống hằng ngày kéo chúng ta lại gần hơn sự thật về chính mình, và cho ta những cơ hội cùng sự khích lệ để hiện thực kế hoạch đời sống chúng ta.

Người Salêdiêng, “*coi các hoạt động thường ngày của mình có hiệu năng đào luyện,*”⁶⁷ được mời gọi sống gặp gỡ giới trẻ, làm việc với người khác, thông giao và tương quan liên chủ thể, rộng mở và đáp ứng tình trạng mục vụ, văn hoá và xã hội của mình như muôn vàn cơ hội để đào luyện chính mình.

⁶⁶ x. HL 40.

⁶⁷ HL 119.

4.4.1 Sự hiện diện giữa giới trẻ

252. Gặp gỡ giới trẻ đối với người Salêdiêng là một trường đào luyện.

Bằng cách trở thành người bạn đồng hành của họ, người Salêdiêng *trực tiếp phơi trần mình cho thế giới người trẻ*; lắng nghe những vắn nạn và kinh nghiệm của họ, và đi vào trong văn hoá và ngôn ngữ của chúng. Họ học để chấp nhận và yêu mến chúng đúng như tình trạng của chúng và với chúng sống Hệ thống Dự phòng.

Thường xuyên giao tiếp với thế giới luôn biến đổi của giới trẻ làm người Salêdiêng ý thức mình *cần phải có uy tín về giáo dục và nghề nghiệp*, những tài khéo/kỹ năng mục vụ và liên lý cập nhật chính mình.

Khi ý thức vai trò quyết định của thông giao trong đời sống của giới trẻ, người Salêdiêng *làm mọi nỗ lực để trở thành người thông giao giỏi*, người có thể diễn đạt cho chúng những sứ điệp với một ý nghĩa.

Vì “chúng tá là ngôn ngữ duy nhất có thể làm giới trẻ thâm tín rằng Thiên Chúa hiện hữu và tình yêu ngài có thể lấp đầy một đời sống,”⁶⁸ *người Salêdiêng thấy bị thách đố để sống và làm cho đức tin của mình vào Chúa Giêsu Kitô thành trong suốt.*

4.4.2 Làm việc với người khác

253. Để thực thi sứ mệnh cho giới trẻ đòi hỏi một *sự hiệp thông hữu hiệu và một khả năng để đưa giới trẻ lại với nhau.*

“Khi làm việc với người khác,” người Salêdiêng học để làm việc với một ý thức chia sẻ trách nhiệm, kính trọng và hài hòa những vai trò khác nhau; vì thế họ dùng khoa sư phạm của đời sống vốn làm họ có thể vượt thắng cá nhân chủ nghĩa, chủ thuyết não hoạt và con chướng cho những hoạt động và kết quả tức thời.

Làm việc với người khác chuyển thành thật sự đào luyện khi nó đi đôi với suy tư, và còn hơn nữa, khi suy tư được thấm nhuần bởi một thái độ cầu nguyện.

⁶⁸ TTN23 219.

Chính vì thế, cộng thể tạo ra những thời gian và không gian vốn làm cho việc xem xét cẩn thận, hiểu ý nghĩa và chia sẻ với tha nhân trong tất cả sự thanh thản thành có thể được; người Salêdiêng được gọi để đối diện những động cơ căn bản, tính nhạy cảm mục vụ của mình, và hiểu biết căn tính của chính mình.

Suy tư dẫn người ta học từ cuộc sống⁶⁹ (những biến cố, tình huống, kinh nghiệm) và phát triển một não trạng và một khả năng khám phá, trên phương diện cá nhân lẫn cộng thể; đây chính là nền tảng của đào luyện liên tục.

4.4.3 Sự thông giao

254. Sự thông giao có tính chất đào luyện khi nó thật sự *trao đổi các tặng phẩm và kinh nghiệm* vì sự phong phú hỗ tương của các cá nhân và cộng thể. Nó đòi trí thông minh, tinh thần cởi mở và sự chuẩn bị thực tiễn để đối thoại, và đến lượt mình, mang lại sự soi sáng, kích thích và khích lệ để mỗi người tăng trưởng nhân cách mình.

Còn hơn nữa, *thông giao là một điều gì đó phải học*; ta cần được huấn luyện để thông giao. Về phía người thông giao, cần phải vượt thắng sự dè giở hay nhút nhát nào đó khi diễn tả tâm tư nguyện vọng của mình và can đảm tín nhiệm người khác. Về phía người đón nhận sự thông giao, cần phải có một khả năng tiếp nhận mà không chút giảm thiểu sự kính trọng đối với con người đó, không phán đoán về họ, và khả năng trân trọng những quan điểm khác biệt.⁷⁰ Cả hai phía phải sẵn sàng để thay đổi những phán đoán và quan điểm của mình và tìm ra nền tảng chung.

4.4.4 Những tương quan liên vị

255. Những tương quan liên vị *vun trồng và lộ ra mức độ trưởng thành của một người*, tỏ cho thấy tình yêu đã chiếm hữu đời sống họ bao nhiêu và họ học để diễn tả tình yêu tới mức nào. Trái lại, “những tương quan khó khăn, những trạng thái xung đột mà không thể được

⁶⁹ HL 119.

⁷⁰ x. Vecchi, J. “Experts, Witnesses, and Craftsmen of Communion” *AGC* 363 (1998), p. 34-36; TTN24, Mục lục phân tích: sự thông giao.

thuyên chữa thích đáng qua sự hòa giải, tác động bên trong một người, cản trở tiến trình trưởng thành và tạo nên những khó khăn trong con đường của sự tự hiện vui tươi và bình thản cho sứ mệnh và cho Thiên Chúa.”⁷¹

Những tương giao liên vị được xây trên nền tảng của những phẩm tính “vốn cần cho mọi tương giao nhân loại: kính trọng, hiền dịu, chân thành, tự chủ, khéo léo (tế nhị), cảm thức về sự khôi hài và tinh thần chia sẻ.”⁷² Chúng được khởi hứng do sự hy sinh chính mình, và sự trao ban chính mình, và không ích kỷ tập trung vào chính mình và những quan tâm riêng của mình.”⁷³; nơi đâu sự tha thứ và tình yêu được thực thi, thì có thể xây dựng những tương giao liên vị tốt đẹp.

4.4.5 Bối cảnh xã hội văn hóa

256. Mỗi tương quan giao với bối cảnh xã hội-văn hoá của một người cũng là một yếu tố vốn tác động đến cách hiện hữu/sống, cảm nhận và phán đoán của một người; nó ảnh hưởng căn tính của một người.

Bước thứ nhất hệ tại ở việc hiểu biết tình trạng và phác họa một bức tranh về bối cảnh xã hội-văn hoá trong đó một người chìm vào và những kích thích và phản ứng có điều kiện (conditionings) nảy sinh từ đó.

Nhưng, còn quan trọng hơn cả sự hiểu biết là sự giải thích tình trạng đó; đây là một công việc khó khăn bởi vì những yếu tố can dự vào thì lượng giá. “Chỉ đơn thuần hoan nghênh những yếu tố tích cực và phản lại những yếu tố tiêu cực thì không đủ. Những yếu tố tích cực tự chúng cần phải lệ thuộc vào việc phân định căn trọng, hầu chúng không trở thành biệt lập và trái nghịch lẫn nhau, trở nên những tuyệt đối thể và xung đột. Cũng đúng như thế cho những yếu tố tiêu cực; ta không được chống lại chúng riêng rẽ (en bloc) và không phân biệt, bởi vì trong mỗi yếu tố có thể ẩn dấu một giá trị nào đó chờ đợi được giải phóng và khôi phục vươn tới chân lý toàn vẹn của nó.”⁷⁴

⁷¹ Vecchi, J. *ibid.*, 32.

⁷² *Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn*, 27.

⁷³ Vecchi, J., *ibid.*

⁷⁴ PDV 10.

257. Lỗi cắt nghĩa như thế, được làm trong ánh sáng Tin mừng, rút ra từ trạng huống không chỉ những “sự kiện” giản đơn vốn không làm cho một người can dự vào, nhưng là một “tiếng gọi” từ Thiên Chúa vốn thách đố họ qua “trách vụ” phải được thực hiện. Nó là một *phân định thiêng liêng chân thật*: “ta học cách thức để khám phá ra những dấu chỉ của Thiên Chúa nơi những thực tại trần thế.”⁷⁵

Nhờ can đảm và khôn ngoan, ta *tìm được những đáp trả thích hợp và những tiếp cận mới*, tạo ra những hình thức sống và khoa sư phạm mới, và lúc này những giá trị văn hoá, vốn có thể được hoà trộn hài hòa với Tin mừng và với những nhu cầu của sự thánh hiến và sứ mệnh cùng tinh thần Salêdiêng, được sàng lọc, biến đổi và đảm nhận.

Khả năng để “nhìn xem” Thiên Chúa trong thế giới và phân định tiếng Ngài gọi trong những nhu cầu thời đại và nơi chốn là một luật nền tảng trong tiến trình tăng trưởng của người Salêdiêng. Như HL 119 nói “sống giữa thanh thiếu niên và luôn tiếp xúc với những môi trường bình dân, người Salêdiêng nỗ lực nhận ra tiếng nói của Chúa Thánh Thần trong các biến cố (hằng ngày), nhờ thế mà họ có được khả năng học hỏi từ cuộc sống.” Nghĩa là: họ trở thành một học trò thông minh trong trường đời, và đạt được sự khôn ngoan theo con đường của kinh nghiệm.

4.5 Nỗ lực tới sự hướng dẫn có hiệu quả

258. Kinh nghiệm đào luyện là một *kinh nghiệm được hướng dẫn cách hữu vị*. Thực tế, hướng dẫn là một điều kiện bất khả thể để nhân vị hóa kinh nghiệm đào luyện và sự phân định ơn gọi.

Hướng dẫn cộng thể và cá nhân là một đặc tính nền tảng của khoa sư phạm Salêdiêng. Don Bosco là một bậc thầy của nghệ thuật hướng dẫn các thanh thiếu niên của ngài, khi lợi dụng sự hướng dẫn cộng thể hay khung cảnh, sự hướng dẫn tùy dịp, và sự hướng dẫn lương tâm đều đặn trong xung tột.

Nỗ lực đạt tới sự hướng dẫn hữu hiệu có nghĩa là đảm bảo cho hội viên sự hiện diện, đối thoại, tư vấn và nâng đỡ thích hợp trong mọi

⁷⁵ VC 68.

thời khắc của tiến trình đào luyện, và bảo đảm rằng về phần mình hội viên phải sẵn sàng, tích cực chịu trách nhiệm trong việc tìm kiếm, chấp nhận và được lợi ích từ sự phục vụ này, khi khi biết rõ rằng sự hướng dẫn này có thể đảm nhận nhiều hình thức và cường độ. Hướng dẫn không bị giới hạn vào đối thoại cá nhân, nhưng là một tổ hợp của những mối tương giao, khung cảnh và khoa sư phạm, một cái gì đó tiêu biểu của Hệ thống Dự phòng: nó đi từ một sự hiện diện huynh đệ gần gũi vốn gọi lên tín nhiệm và thân tình, tới một sự mạo hiểm nhóm, tới một kinh nghiệm cộng thể; từ những gặp gỡ ngắn ngủi, tùy dịp đến đối thoại hữu vị và có hệ thống thường được ta tìm kiếm; từ một cuộc nói chuyện về những vấn đề bên ngoài đến sự linh hướng và thú tội trong bí tích.

Hiện trạng và sự kiện rằng đào luyện được thực thi tiếp theo nhau trong những cộng thể khác nhau làm cho ảnh hưởng của hướng dẫn lại quyết định hơn nữa đối với đào luyện. Đàng khác, kinh nghiệm dạy chúng ta rằng khi nào không được hướng dẫn hay hướng dẫn thật hời hợt hoặc bất liên tục, nó có thể xói mòn mọi công việc đào luyện.

4.5.1 Hướng dẫn cộng thể

259. Chúng ta đã nói về cộng thể như là một khung cảnh đào luyện và những điều kiện cần thiết để thực hiện nó; chúng ta cũng nói về vai trò của Giám đốc trong cộng thể.

Trong hệ thống Salêdiêng, con người được hướng dẫn trước tiên do *khung cảnh giáo dục*, do điều được nghe và thông tri trong cộng thể, do sự khởi hứng vốn khởi động mọi sự và mọi người, khi hướng dẫn công việc và cổ xúy loại kinh nghiệm sống vốn trở thành tiêu chuẩn thường hằng cho căn tính của mỗi người và cảm thức về sự hướng dẫn.

Khung cảnh, bầu khí và những tương giao giữa những hội viên và những nhà giáo dục, sự hướng dẫn do những người có trách nhiệm theo một phong thái tham gia, đường lối hành động theo một kế hoạch chung với những mục tiêu rõ ràng – tất cả những yếu tố này nhằm đồng hành và hướng dẫn từng hội viên của cộng thể trong sự tăng trưởng cá nhân, vì chúng nhấn mạnh đến sự quan tâm đối với nhân vị và ơn gọi của họ: chúng đề xuất những mục đích, đưa ra những tiêu chuẩn, vạch ra những bước phải theo, và ấn định thời gian

để cùng chung lượng giá và kiểm chứng. Những cộng thể nào nghèo nàn trong việc đào luyện không thể công hiến những ý tưởng và đề xướng; các hội viên ít tương tác với nhau cũng như và sự tham gia vào kế hoạch chung thật hạn chế; những cộng thể như thế không nâng đỡ nhiều cho cá nhân các hội viên.

Chăm lo đến sự *hướng dẫn cộng thể* nhằm tới đào luyện các hội viên có nghĩa là đảm bảo phẩm tính sự phạm và thiêng liêng trong kinh nghiệm cộng thể của họ cũng như phẩm tính của sự sinh động hoá và hướng dẫn cộng thể. Nó được ta biết đến là “linh hướng cộng thể”, và nhắm đến xây dựng một cộng thể được sinh động trên bình diện sự phạm với một ý thức rõ ràng về căn tính và một kinh nghiệm cộng thể vốn định hướng, kích thích và nâng đỡ qua những cách thức mà trong đó đời sống và hoạt động Salêdiêng được diễn đạt mỗi ngày.

Đây là một nhiệm vụ đối với mọi khung cảnh đào luyện, và nhất là đối với những cộng thể vốn quá nhỏ hay quá đông.⁷⁶

4.5.2 Hướng dẫn cá nhân

260. Nếu kinh nghiệm cộng thể là quyết định đối với việc đào luyện Salêdiêng, thì *sự hướng dẫn được hữu vị hóa* đúng là thiết yếu nơi điều là nó giúp mỗi người để đảm nhận và làm cho những yếu tố thuộc căn tính Salêdiêng thành của mình.

Sự hướng dẫn này có thể mang nhiều hình thức và được thực thi do những người khác nhau: Giám đốc cộng thể, vị linh hướng (có thể là chính Giám đốc), cha giải tội, những người được trao phó cho những khía cạnh đào luyện khác nhau – chúng có thể hữu ích bởi một tình bạn thiêng liêng chân thật – và Giám tỉnh. Cuốn *Ratio* nói rõ về những đóng góp, trách nhiệm và tiếp cận khác nhau trong công việc chung này.

Nỗ lực đạt được sự hướng dẫn cá nhân hiệu quả có nghĩa là đảm bảo sự hiện diện, sự uy tín, sự tận hiến, đồng thuận trên những tiêu chuẩn và sự đồng qui những nỗ lực của tất cả mọi người được mời gọi để công hiến sự phục vụ này, mỗi người đóng góp phần riêng mình.

⁷⁶ x. số 280 ở dưới.

261. Phù hợp với truyền thống Salêdiêng, một vai trò đặc biệt thuộc về *Giám đốc* người có trách nhiệm trực tiếp đối với mỗi hội viên và giúp họ hiện thực ơn gọi cá nhân của mình.⁷⁷ Suốt thời đào luyện ban đầu Giám đốc chịu trách nhiệm về tiến trình đào luyện của mỗi người. “Bản phận biệt loại của ngài là hướng dẫn mỗi hội viên, giúp họ hiểu và làm cho giai đoạn đào luyện họ dần thân vào thành của họ. Ngài duy trì một cuộc đối thoại thường xuyên và chân tình với hội viên, cố gắng để biết những điểm mạnh và điểm yếu của họ, cho họ những lời khuyên rõ ràng và đòi hỏi, đề xuất những mục tiêu thích hợp, nâng đỡ và hướng dẫn họ trong những lúc khó khăn, và cùng với họ, lượng giá sự tiến bộ họ đạt được trong việc đào luyện của họ.”⁷⁸

Một diễn tả tiêu biểu về sự phục vụ của Giám đốc là *cuộc đàm thoại thân tình*, một yếu tố toàn diện trong hệ thống đào luyện Salêdiêng và một dấu chỉ thực tiễn về sự lo lắng và quan tâm đến con người và kinh nghiệm của họ, đến chia sẻ huynh đệ và cùng nhau lượng giá. Don Bosco coi đàm thoại thân tình với Giám đốc là một trong những cơ hội tốt nhất để đối thoại vì sự tiến bộ cá nhân của hội viên.⁷⁹ Khi bộc lộ mối quan tâm này đối với sự tiến bộ của mỗi người, Hiến Luật viết rằng mỗi hội viên “trung thành với lời Don Bosco căn dặn . . . thường xuyên gặp gỡ bề trên của mình trong cuộc đàm thoại huynh đệ.”⁸⁰

Suốt thời kỳ đào luyện ban đầu, cuộc đàm thoại huynh đệ, được thực thi theo tinh thần Hiến Luật sẽ là một cơ hội cho việc hướng dẫn chân chính trong đào luyện. “Một cuộc gặp gỡ vốn phát huy những giá trị của đời sống Salêdiêng và đời sống cá nhân của người hội viên: nó phải liên quan đến những nhân đức, thái độ, giới hạn, thành công và thất bại, niềm vui và nỗi buồn, và những nhu cầu sâu kín nhất.”⁸¹ Một hình thức của linh hướng giúp cho việc nhân vị hóa chương trình đào luyện và hấp thụ những nội dung của nó.

⁷⁷ x. HL 55.

⁷⁸ Số 233 ở trên, x. số 290 ở dưới.

⁷⁹ s. HL 70.

⁸⁰ HL 70.

⁸¹ DSM 252.

Đối với các hội viên trong đào luyện, khi tuân giữ truyền thống chúng ta, sự thường xuyên để đàm thoại thân tình được ấn định “một tháng một lần.”⁸² Nếu hội viên muốn, họ có thể tỏ lộ tình trạng lương tâm của họ.⁸³

Một hình thức hướng dẫn được minh nhiên cung ứng do khoa sư phạm của việc đào luyện Salêdiêng là *những thời khắc định kỳ lượng giá cá nhân* (những thăm định) nhờ đó Ban Cố vấn cộng thể giúp hội viên thăm định tình trạng đào luyện của cá nhân mình, hướng dẫn họ và cho họ sự khích lệ thực tiễn trong tiến trình tăng trưởng tới sự trưởng thành.⁸⁴

- 262.** Nỗ lực cho sự hướng dẫn hiệu quả có nghĩa là đảm bảo phẩm chất phục vụ của *việc linh hướng* được thực thi do Giám đốc hay những hội viên khác sẵn sàng và được chuẩn bị cho mục đích này.

Linh hướng lương tâm là *sự trợ giúp* được công hiến cho người tìm kiếm sự sung mãn của ơn gọi Kitô hữu và tu trì. Nó là một *thừa tác vụ soi sáng, nâng đỡ và hướng dẫn* khi phân định ý Thiên Chúa hầu đạt đến sự thánh thiện; nó động viên và thúc đẩy một người hành động, dẫn họ tới những quyết định hệ trọng phù hợp với Tin mừng và đưa họ đối diện với tiến trình tăng trưởng ơn gọi Salêdiêng.

Linh hướng là một thừa tác vụ tuyệt hảo trong Giáo hội. Nó *đòi hỏi vị linh hướng* phải có được sự quân bình và khôn ngoan nhân bản, tình cha chân chính, khả năng yêu mến nhưng không, sự sẵn sàng cao độ và những mối tương giao vốn khởi hứng sự tin tưởng và lạc quan. Đối với vị linh hướng, có được một vị trí nào đó do kinh nghiệm sống của ngài và nhất là – đối với chúng ta – kinh nghiệm Salêdiêng của ngài quả là hữu ích. Đối với ngài, có được một uy tín đặc biệt trong những khoa học tâm lý và sư phạm, một khả năng để đọc những thúc đẩy của Thần khí trong một người, để thông giao, lắng nghe và đồng cảm cũng quả là hữu ích. Ngài phát huy chính phẩm tính của con người ngài – như một người, một tín hữu, một người được thánh hiến và một người Salêdiêng. Nhưng những phẩm

⁸² QC 79.

⁸³ x. HL 70.

⁸⁴ x. số 294 ở dưới.

chất và kinh nghiệm cá nhân của ngài không đủ; ngài tuyệt đối cần được chuẩn bị thích đáng và cập nhật.

Theo truyền thống Salêdiêng, *Giám đốc của cộng thể đào luyện*, “người thầy và linh hướng,”⁸⁵ “người lãnh đạo cộng thể và người thầy tinh thần,”⁸⁶ là vị linh hướng được đề xuất cho các hội viên, nhưng không lấy đi khỏi họ sự tự do chọn một vị linh hướng khác.

263. *Cha giải tội*, mà hoạt động của ngài thuộc lãnh vực bí tích, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong sự hướng dẫn được liên kết với đào luyện. Don Bosco thường nhấn mạnh tầm quan trọng và tính hiệu quả sư phạm của ngài trong sự tăng trưởng của thanh thiếu niên. Ta không được quên rằng trong *bí tích Giao Hòa* từng hội viên được công hiến một sự linh hướng rất cụ thể và được cá vị hóa, được làm phong phú do tính hiệu quả riêng của bí tích ấy. Cha giải tội không chỉ xá tội nhưng, trong khi giao hòa hối nhân, khích lệ họ đổi theo lối đường trung thành với Thiên Chúa và như vậy trong ơn gọi loại biệt của chính họ. Chính vì lẽ này, suốt thời đào luyện ban đầu, các hội viên có một cha giải tội thường xuyên mà thông thường là một Salêdiêng, quả thật thích hợp.⁸⁷

Ta cũng phải quan tâm đến *những hình thức hướng dẫn cá nhân khác*: chúng giúp cho người hội viên liên kết kinh nghiệm đào luyện của mình với sự thực thi thừa tác vụ mục vụ giới trẻ và sự ứng dụng vào học tập.

Nỗ lực cho sự hướng dẫn hiệu quả có nghĩa là đảm bảo một sự phục vụ nhằm đến đào luyện do *người hướng dẫn trong một vài lãnh vực chuyên biệt*, chẳng hạn, lãnh vực mục vụ⁸⁸ hay học hành.⁸⁹

264. Sự hướng dẫn trong những bình diện đào luyện khác nhau đòi hỏi rằng *những người công hiến sự phục vụ này* trước tiên phải sẵn lòng và tận hiến; họ phải ý thức rằng họ đang thông truyền tác động của Thiên Chúa, thừa tác vụ của Giáo hội, và trí lòng của Tu hội. Hơn

⁸⁵ HL 55.

⁸⁶ HL 104.

⁸⁷ x. số 117 ở trên.

⁸⁸ x. số 199, 204 ở trên.

⁸⁹ x. số 162 ở trên.

nữa, một số niềm xác tín, thái độ và điều kiện thì bất khả thể: thái độ thiêng liêng và viễn ảnh đức tin, quan điểm về ơn gọi Salêdiêng và vì thế, sự hiểu biết những tiêu chuẩn để phân định nó và những điều kiện để sống nó, một nhạy cảm sự phạm vốn cổ xúy một bầu khí tự do, sự lưu tâm đến con người và nhịp độ tăng trưởng của họ, và một số tài khéo biệt loại trong những lãnh vực đào luyện nhân bản và thiêng liêng. Mỗi người phải coi sự đóng góp của mình được tương liên với những người khác, và phải trung thành với những nguyên tắc về sự khôn ngoan và công bằng vốn hàm ý sự tế nhị hay tuyệt đối kính trọng bí mật nghiệp vụ⁹⁰ hay bí tích, khi lệ thuộc vào những hoàn cảnh.

Nỗ lực cho sự hướng dẫn hiệu quả trong công việc đào luyện, tuyệt đối thiết yếu rằng *những người chịu trách nhiệm trên bình diện Tỉnh dòng* phải chăm lo đến sự chuẩn bị, cập nhật và thật sự hiến mình cho trách vụ ấy về phía các Giám đốc, cha giải tội, và những người được trao cho trách nhiệm đối với đào luyện. Họ phải lấy những bước để sơ phác một chính sách chung về những tiêu chuẩn và đảm bảo tính liên tục của tiến trình hướng dẫn suốt thời kỳ đào luyện và trong việc chuyển giao từ một cộng thể sang một cộng thể khác.

265. Một điều kiện then chốt cho việc hướng dẫn là *một nhãn quan về đào luyện được người hội viên trong thời kỳ đào luyện ban đầu đảm nhận*.⁹¹ Từ thời tiền tập viện trở đi họ ý thức rằng sự phát triển ơn gọi của họ tiên vàn là công việc của Thiên Chúa Đấng “sử dụng những khí cụ nhân loại”;⁹² rằng đào luyện Salêdiêng là một cuộc đối thoại chân thành và chia sẻ trách nhiệm với cộng thể, người mang đoàn sủng; và rằng sự tự đào luyện không có nghĩa là tự đủ hay tiến hành riêng một mình thôi.

Vì lẽ này, người hội viên gánh lấy sáng kiến và cảm thấy trách nhiệm của mình là phải có một vị linh hướng⁹³ và một cha giải tội, phải có

⁹⁰ Theo hạn từ pháp lý, đôi khi người ta gọi là “sự bí mật thân tín” hay thuộc về lương tâm, trong đó người ta thổ lộ cho lương tâm của một người vì chức vụ được giữ hay thực thi.

⁹¹ x. số 213 ở trên.

⁹² VC 66.

⁹³ x. HL 105

một tương giao được tô thắm bởi tín nhiệm, cởi mở và tiếp nhận, với các ngài và với Giám đốc, phải làm cho mình sẵn sàng thường xuyên [đón nhận] sự phục vụ của các ngài và của những người khác vốn có thể hướng dẫn họ trong việc đào luyện của mình, và phải chấp nhận cách hữu vi những thúc đẩy của việc hướng dẫn cộng thể.

- 266.** Sự hướng dẫn trong đào luyện là *một phần của sự sinh động*. Nó tránh hai thái độ cực đoan: một đàng, thái độ ép buộc hội viên trong đào luyện, áp đặt trên họ từ bên ngoài, một cách nào đó, kinh nghiệm của một người khác, khi dùng đến lối tiếp cận chỉ dẫn vốn lấy trách nhiệm khỏi họ; đàng khác, thái độ đứng đưng, để mọi sự cho tính tự phát và thuyết chủ quan, và không khuyến bảo, đề xướng và sửa sai. Hướng dẫn chân thật nhấn mạnh đến khả năng chấp nhận và cho thấy sự xem xét đối với nhân vị, cổ võ thông giao và đòi hỏi trách nhiệm cá nhân.

Ghi nhớ mục tiêu, nghĩa là, mục đích của việc đào luyện Salêdiêng, và nắm lòng con người và nhịp điệu tăng trưởng của họ, *sự hướng dẫn* đưa người Salêdiêng đến biết mình, đến một cảm nhận về chính mình và những giá trị của mình; cổ xúy chấp nhận chính mình và sở hữu chính mình; giúp họ “tự tách mình” khỏi bất kỳ điều gì làm họ xa Thiên Chúa và những giá trị ơn gọi mình; làm họ có khả năng liên lý tìm kiếm ý Thiên Chúa trong những tình huống cụ thể và nhìn xem đời sống mình trong viễn ảnh này; và thúc đẩy họ dần dần tổ chức đời sống mình hợp theo ơn gọi của mình.

- 267.** Bằng cách tuân giữ Luật đời sống và hấp thụ tất cả điều mà những người sinh động cộng thể cống hiến cho họ, *người Salêdiêng trưởng thành* tìm thấy sự nâng đỡ để sống ơn gọi của mình và một kích thích để trung tín suốt đời. Mặc dù có thể có những lúc và những tình huống đòi hỏi một sự xét mình cá nhân và một sự phân định toàn diện, thì một hướng dẫn có phương pháp thích hợp cho thời kỳ đầu tiên của đào luyện thông thường không cần thiết trong tuổi thành niên. Đây là lối mà Don Bosco đã nhìn điều ấy, và được minh xác bởi sự thực hành đều đặn của họ và truyền thống Salêdiêng.⁹⁴

⁹⁴ x. DSM 266-267.

4.6 Chú ý đến sự phân định

4.6.1 Phân định, một khía cạnh thường hằng của đời sống Salêdiêng

268. Đề sống ơn gọi của mình với sự trung thành sáng tạo và như một lời đáp trả thường hằng, mọi Salêdiêng nhất thiết cần phải có một thái độ phân định thiêng liêng và mục vụ.

Khi sự phân định cộng thể được sống như một kinh nghiệm đức tin và đức ái, nó kiện cường sự hài hòa và hiệp thông, nâng đỡ sự duy nhất thiêng liêng, đào sâu cảm thức ơn gọi, và khích lệ sự truy tìm tính chân chính và sự canh tân. Vì thế, chú ý đến những dấu chỉ của Thần khí và rộng mở trước những thúc đẩy của Giáo hội và Tu hội, mọi cộng thể vun trồng một thái độ Tin mừng đối với mọi sự và tìm kiếm ý Thiên Chúa trong kiên nhẫn đối thoại huynh đệ và với một cảm thức trách nhiệm sâu xa.⁹⁵ Cộng thể làm điều này trong một bầu khí sự thật và tin tưởng lẫn nhau, trong ánh sáng Lời Chúa, cầu nguyện, và với sự trợ giúp của suy tư và chia sẻ.

4.6.2 Sự phân định trong thời kỳ đào luyện ban đầu⁹⁶

269. Phân định ơn gọi, như một sự phục vụ cho ứng sinh và cho đoàn sủng, có được *tầm quan trọng quyết định trong thời đào luyện ban đầu* vốn được hướng đến điều đó theo sự phạm. Những thời kỳ đào luyện khác nhau “thì cần thiết cho ứng sinh cũng như cho cộng thể để cùng nhau cộng tác tìm ra thánh ý Chúa và đáp trả. Ứng sinh dần dần am hiểu Tu hội, và ngược lại, Tu hội cũng có thể lượng định nơi họ những khả năng phù hợp với nếp sống Salêdiêng.”⁹⁷ Những sự tiếp nhận là những cơ hội tổng hợp suốt tiến trình.

Sự phân định xảy ra trong *sự cộng tác mật thiết* giữa ứng sinh và cộng thể địa phương và Tỉnh dòng. Thực thể, tại nền tảng của đào

⁹⁵ x. HL 66.

⁹⁶ Một bản trình bày rộng lớn hơn và cụ thể hơn về sự phân định ơn gọi Salêdiêng suốt thời đào luyện ban đầu, và nhất là, về sự phân định để tiếp nhận được tìm thấy trong cuốn sách nhỏ, *Các tiêu chuẩn và quy tắc để phân định ơn gọi Salêdiêng. Những sự tiếp nhận*; đó là cuốn bổ sung cho *Ratio*.

⁹⁷ HL 107.

luyện là một tiền đề cơ bản, ý chí muốn cùng nhau thực thi tiến trình phân định, khi giữ một thái độ thông giao cởi mở và chân thành cùng chung trách nhiệm, cũng như chú ý đến tiếng nói của Thần khí và tới những máng dẫn cụ thể qua đó Ngài phán dạy.

Đối tượng của sự phân định là những giá trị và thái độ cần thiết để sống ơn gọi Salêdiêng với sự trưởng thành, vui tươi và trung thành, những điều kiện của sự thích hợp, động lực và ý ngay lành.

- 270.** Sự phân định là *điểm then chốt của phương pháp luận trong đào luyện*. Vì thế, *đáp ứng những điều kiện của đào luyện* trên bình diện Tỉnh dòng và địa phương và nơi tất cả những người tham gia vào việc này là tuyệt đối cần thiết: bản chất và những đặc tính phải được biết đến, những phương thế đề xuất phải được sử dụng, những thời gian biệt loại cho việc này phải được tuân thủ, và trên hết, tất cả những người có trách nhiệm phải bền bỉ chuyên tâm cho công việc này và sau khi đã nhận được những sự chuẩn bị cần thiết.

Chú ý đến sự phân định có nghĩa trước hết là làm cho *sự cam kết và cộng tác của những người có trách nhiệm* nên hiệu quả.

Ứng sinh phải được chuẩn bị ngay từ đầu tiến trình để chính mình tích cực đảm nhận trách nhiệm phân định, hoặc là được làm một mình hay trong liên đới với những người khác, như một cấu tố cần thiết cho thái độ của họ trong đào luyện. Ứng sinh là người đầu tiên quan tâm khám phá kế hoạch Thiên Chúa dành cho mình, và chính vì thế họ vun trồng sự rộng mở liên tục trước tiếng Thiên Chúa và trước hoạt động của những người có trách nhiệm đào luyện họ; họ định hướng cuộc đời mình trong một viễn cảnh đức tin, và xét duyệt chính mình theo những tiêu chuẩn ơn gọi Salêdiêng. Họ tìm cách biết chính mình trong tất cả sự chân thành, làm cho mình được nhận biết và chấp nhận chính mình; họ lợi dụng tất cả những phương tiện và những dụng cụ mà đào luyện công hiến cho họ, nhất là, sự hướng dẫn có tính đào luyện và sự trao đổi huynh đệ về các quan điểm, cuộc đàm thoại thân tình với Giám đốc, sự linh hướng, bí tích Giao Hòa, những lượng giá và sự phân định cộng thể.

Đàng khác, trách nhiệm của cộng thể Tỉnh và địa phương được biểu lộ bằng nhiều cách. *Giám tỉnh* tìm cách để phê chuẩn những tiêu

chuẩn về sự phân định và đảm bảo rằng các thành viên Ban Cố vấn Tỉnh và những người trong các giai đoạn khác nhau biết những ứng sinh này cách thích đáng: ngài nuôi dưỡng một thái độ phân định suốt tiến trình đào luyện và thông tri thông tin thích hợp theo cách tiện lợi nhất bao có thể.⁹⁸ Về phần mình, các thành viên Ban Cố vấn Tỉnh có trách nhiệm để làm những phán đoán cá nhân và có bằng chứng mà họ có thể có về ứng sinh.

Trên bình diện địa phương, đảm bảo vai trò của *Giám đốc* và *Ban Cố vấn ngài* quả là thiết yếu. Họ thực thi sự phân định các hội viên trong thời đào luyện cách đình kỳ theo hình thức lượng giá mỗi quý một lần; họ lượng giá sự tiến bộ mỗi ứng sinh đã làm trong ơn gọi của họ và công hiến những đề nghị và khuyên nhủ thích hợp; nhân dịp xin được tiếp nhận, họ nói lên ý kiến của mình. Đối với ứng sinh, làm cho vị linh hướng và cha giải tội của mình can dự vào sự phân định của mình quả là thiết yếu.

Vào lúc tiếp nhận, cộng thể được mời diễn tả ý kiến của mình theo cách thích hợp nhất.⁹⁹

271. Bất cứ ai dân thân vào sự phân định phải đảm nhận một *quan điểm ơn gọi* và một *thái độ đức tin*; họ phải cho thấy *sự nhạy bén sự phạm* và có một vài tài khéo/kỹ năng biệt loại. Thực thể, sự phân định ơn gọi là sự khám phá ra tặng phẩm của Thiên Chúa, được nhìn nhận qua việc cắt nghĩa cẩn trọng và được soi sáng về những dấu chỉ mỗi ngày trong chính con người mình; nó là sự cộng tác với Thần khí. Nó kéo theo một ý thức về những kênh siêu nhiên qua đó Thiên Chúa hoạt động, một trực giác nhân bản vốn cho ta hiểu biết sâu xa thực tại nhân bản và những tiến trình của nó, và một thái độ vốn có thể là tin tưởng nhưng đòi hỏi, cho thấy sự xem xét về tốc độ tăng trưởng của một người và đòi họ phải đáp ứng lại những đòi hỏi của ơn gọi mình.

272. Sự phân định có *điểm quy chiếu là căn tính Salêdiêng*, những câu hỏi của nó, và những điều kiện cũng như những đòi hỏi cần thiết để sống căn tính ấy; nó không phải là một cái gì chung chung. Vì thế, nó đòi

⁹⁸ x. số 298 ở dưới.

⁹⁹ x. QC 81.

phải hiểu biết và phù hợp với những tiêu chuẩn được Tu hội đề ra, và trước tiên, với tiêu chuẩn của đoàn sủng: thực tế, đây là nền tảng của một kinh nghiệm chân chính và trung thành đối với ơn gọi của mình; nó gạt bỏ đi những lo lắng về những con số hay sự hữu dụng, những phơi bày nhiệt tâm nồng cạn, và những cam kết được những ứng sinh thực hiện song sự thích ứng của họ lại mỏng dòn và không được thử luyện. Khi một ai tham gia vào sự phân định họ hành động nhân danh Tu hội vốn có trách nhiệm về đoàn sủng ấy.

273. *Cần phải có một chính sách chung về những tiêu chuẩn, nỗ lực chung của mọi người liên hệ, và ý thức về bản chất tiệm tiến của tiến trình và tính loại biệt của mỗi trường hợp phân định, bởi vì sự kéo dài của tiến trình phân định, sự kế tục và khác biệt của các cộng thể trong đó thực hiện sự phân định, và những người khác nhau có trách nhiệm và can dự vào sự phân định. Sự phân định được thực thi, khi để mắt đến tính duy nhất và tiến bộ của nhân vị, khi tìm thấy tính nối tiếp với hiểu biết rằng họ có tiến bộ và lượng giá sự tiến bộ của họ.*

Đàng khác, bản chất tiệm tiến của tiến trình hàm ý rằng theo một cách thức nào đó, có những tiêu chuẩn cho sự lượng giá ban đầu (sự thích hợp căn bản), cho sự lượng giá trung cấp (tiêu chuẩn về sự tăng trưởng), và những lượng giá đi trước những cam kết dứt khoát. Sự xem xét về một người có tăng trưởng tiệm tiến có nghĩa là cho thời gian để hiểu biết và lượng giá họ, khi chọn lựa đúng lúc để làm những quyết định, và chọn không kéo dài một cách không cần thiết những tình trạng nan giải hay nghi ngờ vốn không mang lại niềm hy vọng nghiêm chỉnh nào về sự tiến bộ.¹⁰⁰

Tham gia vào sự phân định là ý thức về sự cộng tác trong một nỗ lực nhóm và dấn thân vào một tiến trình nhất quán và cởi mở.

274. *Những sự tiếp nhận vào những cam kết khác nhau dọc theo con đường ơn gọi của một người là những cơ hội quan trọng để phân định, đối với cả ứng sinh, người trình bày lời xin lẫn người được mời gọi để lượng giá lời khẩn xin ấy; họ thu gom trong hoa trái của một thái độ thường hằng và cho nó cái hình thức của một ý kiến hay đồng*

¹⁰⁰ x. số 321 ở dưới.

thuận mà sự hiểu biết, trao đổi các quan điểm và sự lượng giá đã hình thành nên. Sự nghiêm chỉnh mà với nó tiến trình tiếp nhận được điều khiển do ứng sinh, do cộng thể và do những người trực tiếp trách nhiệm trên bình diện địa phương và Tinh dòng, là một chứng cứ về sự phân định cho phẩm chất cao. Đào luyện và sự bền đỗ trong ơn gọi bị ảnh hưởng cách đặc biệt do sự tiếp nhận, và như thế, do sự phân định được làm vào lúc đầu tiên của tiến trình đào luyện và nhắm đến tuyên khấn trọn đời.

- 275.** Sự phân định tùy vào *sự hiểu biết về những yếu tố cần thiết đối với sự lượng giá được đòi hỏi*, những yếu tố quy chiếu về con người và kinh nghiệm, sự thích hợp và những động lực của họ. Để đạt được một sự phân định hiểu biết và có cơ sở vững chắc như thế, mọi người phải lợi dụng những phương thế và thủ tục cần thiết, theo tình huống và vai trò của mình: trao đổi quan điểm trong một đời sống thường nhật được sống theo tinh thần của Hệ thống Dự phòng, những hình thức tương quan hữu vị khác nhau, đối thoại với ứng sinh, người được khuyên để thực hành sự xem xét chính mình, những sự lượng giá, sự thâm nhập tin tức có hệ thống và lượng giá nó, sử dụng sự thận trọng và kính trọng, và nài đến sự đóng góp của các chuyên viên trong những lãnh vực khác nhau.

4.6.3 Sự phân định trong một vài trường hợp đặc thù

- 276.** Có thể có những thời gian trong đời sống của một Salêdiêng khi người ấy kinh nghiệm cần phải xét mình sâu xa hơn, cần một lượng giá cẩn thận hơn về dòng đời của mình, một sự duyệt lại những quyết định của mình hoặc để tái xác định chúng hoặc để chọn lại ơn gọi của mình. Họ có thể đối diện với những tình trạng hay những thách đố mới mẻ, những thời khắc khó khăn hay hoài nghi, những tình huống trong đó họ thấy mình thiếu động lực hay thỏa hiệp cách nghiêm trọng.

Trong những trường hợp như thế, nhất thiết người hội viên đó phải đảm nhận một thái độ phân định thiêng liêng chân thật, thoát khỏi mọi áp lực bên trong và bên ngoài và rộng mở để đối thoại. Họ phải tránh cô lập mình hay tự mình lấy những quyết định, dành cho chính mình những thời gian cần thiết, và chấp nhận những cơ hội và phương tiện được công hiến cho mình. Về phần mình, qua những người có trách nhiệm,

cộng thể sẽ kính trọng, thông cảm và hướng dẫn hội viên đó một cách kính trọng và huynh đệ, và nại đến những phương thể thông thường và ngoại thường để nâng đỡ họ cách thích hợp.¹⁰¹

Một dịp thực tiễn để chứng thực phẩm chất của sự phân định suốt thời đào luyện ban đầu là lượng giá sự bền đỗ của các hội viên và phân tích những sự rời bỏ Tu hội suốt thời đào luyện ban đầu và trong những năm đầu của sự cam kết trọn đời. Bằng cách đọc những câu chuyện ơn gọi của họ ta sẽ có thể hiểu những trường hợp khác nhau của sự phân định và tiếp nhận, những tiêu chuẩn được áp dụng và phương pháp luận được tuân theo, những hành động của những người có trách nhiệm, thái độ của ứng sinh hay hội viên, và cách nhận thức và theo dõi những khủng hoảng khả dĩ có hoàn toàn thích hợp hay không, hoặc chúng tập trung chú ý đến một vài khía cạnh mà ta cần phải chú ý hơn nữa hay không.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

- 277.** *Mỗi Salêdiêng tiếp nhận trách nhiệm đào luyện mình và dẫn thân vào một nỗ lực hoán cải và canh tân liên tục.¹⁰² Họ phác thảo kế hoạch đời sống riêng của mình, dựa trên kinh nghiệm riêng mình và trên kế hoạch ơn gọi của những người Salêdiêng Don Bosco, và họ chứng thực nó vào một số thời khắc then chốt.*
- 278.** *Đào luyện nhằm chạm đến người Salêdiêng tận sâu thẳm, giúp họ kinh nghiệm những giá trị ơn gọi của họ trong một tiến trình mà họ làm thành của mình và can dự đến đến tất cả những ai có trách nhiệm.*
- 279.** *Mỗi cộng thể Salêdiêng là môi trường tự nhiên để tăng trưởng ơn gọi của người hội viên.¹⁰³*

¹⁰¹ Để hướng dẫn các hội viên trong những tình huống đặc thù, x. ISM 390-395; DSM 268.

¹⁰² x. HL 99.

¹⁰³ Ibid.

280. Tỉnh dòng hãy đảm bảo những điều kiện cho một kinh nghiệm đào luyện chân chính, và một cách đặc biệt: một bầu khí đào luyện trong tất cả các cộng thể, một phong thái sống và hoạt động mục vụ, các Giám đốc và những người khác có trách nhiệm phục vụ sự sinh động hoá, tính kiên định của các cộng thể đào luyện dưới diện số hội viên và phẩm chất, nhất là qua những đội ngũ đào luyện vững vàng, có cơ cấu rõ ràng, kế hoạch, và tiến trình đào luyện tiếp nối nhau.

281. Ủy ban Đào luyện Tỉnh hãy chú ý đến tính duy nhất của tiến trình đào luyện trong Tỉnh dòng, thái độ phân định, sự ứng dụng đồng bộ những tiêu chuẩn, và tính liên tục của phương pháp luận.

Các cộng thể đào luyện và những người được trao phó trách nhiệm đào luyện

282. “Việc đào luyện ban đầu thông thường được thực hiện trong các cộng thể được tổ chức chuyên biệt cho mục đích này.”¹⁰⁴ Chỉ trong những trường hợp đặc biệt Bề Trên Cả mới có thể cho phép những người trong đào luyện để tạo nên phần tử của các cộng thể khác.

Những người nắm trách nhiệm hãy đảm bảo sức mạnh về phẩm tính của cộng thể đào luyện, khi lưu ý đến những điều kiện do tiến trình đào luyện đòi hỏi.

283. Cộng thể đào luyện hãy được tạo thành do số các **hội viên** đầy đủ để khai triển kinh nghiệm đào luyện, khi tránh có con số quá nhỏ vì điều này không cho phép những điều kiện tối thiểu đối với một vài khía cạnh của đào luyện, cũng như không nên quá lớn vì điều này cản trở việc hữu vị hóa và hướng dẫn của tiến trình đào luyện.

284. Những người được trao cho việc đào luyện hãy là những người của đức tin, có khả năng đối thoại, có đủ kinh nghiệm mục vụ và có thể thông truyền lý tưởng Salêdiêng một cách sống động. Giám tỉnh hãy chọn một Giám đốc và một đội ngũ nhân viên đào luyện được chuẩn bị cách đặc biệt, nhất là liên quan đến việc linh hướng cộng thể và cá nhân.¹⁰⁵

¹⁰⁴ HL 103.

¹⁰⁵ x. QC 78.

Những người hướng dẫn trong những cộng thể đào luyện hãy ý thức vai trò của mình, cùng với Giám đốc tạo thành một nhóm thâm tín trách nhiệm chung của mình, và họ hãy đảm bảo rằng những hội viên trong đào luyện có những cơ hội để được kinh nghiệm, hướng dẫn và phân định vững chắc.¹⁰⁶

Đội ngũ đào luyện hãy gồm những Salêdiêng sư huynh, và hãy xem đến việc chuẩn bị họ cho trách vụ biệt loại này.

285. Kế hoạch Tỉnh nhằm chuẩn bị và chuyên hóa những hội viên phải nói rõ chương trình huấn luyện về sự phạm, phương pháp đào luyện và linh đạo Salêdiêng cho những hội viên vốn được nhằm để phục vụ cho đào luyện: các Giám đốc, Tập sư và những người hướng dẫn đào luyện.¹⁰⁷

Giám tỉnh nên cung cấp cho các Giám đốc của các cộng thể đào luyện việc cập nhật định kỳ và chuyên biệt hầu giúp họ chu toàn bốn phân hướng dẫn cũng như việc linh hướng cộng thể và cá nhân.¹⁰⁸

Tương tự, ta nên cống hiến cho những người hướng dẫn đào luyện khác những cơ hội để chuyên hóa và huấn luyện cao hơn.

286. Những người có trách nhiệm đào luyện trong những bình diện khác nhau (Giám tỉnh, Cố vấn Vùng, Cố vấn Đào luyện) cố xúy những sáng kiến và những hình thức **cộng tác để huấn luyện** những người được trao cho công việc đào luyện.

287. Cộng thể đào luyện, một cơ sở thật sự huấn luyện một người tăng trưởng đến trưởng thành, hãy nổi bật do bầu khí tinh thần gia đình và chia sẻ huynh đệ, việc nhắm đến mục đích chung, việc chia sẻ trách nhiệm để tới đạt những lý tưởng Salêdiêng, và việc mọi người can dự vào việc phác thảo và lượng giá kế hoạch cộng thể và chương trình hoạt động.

¹⁰⁶ X. HL 104; TTN21 112.

¹⁰⁷ X. TTN21 276.

¹⁰⁸ X. TTN21 252.

288. *Ta phải quan tâm đến **môi trường** cộng thể – những tòa nhà, phòng ốc và trang thiết bị – vì chúng nâng cao đời sống cộng thể và tu trì (nhà nguyện, thư viện, phòng thánh thị, phòng giải trí, v.v.).*¹⁰⁹

289. *Cộng thể đào luyện phải là một **cộng thể cởi mở**, theo phong thái giáo dục của Don Bosco, và tiếp xúc với những thực tại tại Giáo hội và xã hội mà cộng thể là một phần của chúng.*¹¹⁰

Cộng thể phải giữ cho mình được thông tri về tình hình và chương trình mục vụ của Giáo hội địa phương¹¹¹ và nghĩ ra những phương cách thực tiễn để can dự vào,¹¹² cộng thể nên có những phiên họp và một sự thông truyền lẫn cho nhau các kinh nghiệm¹¹³ với những cộng thể đào luyện của những học viện tu sĩ khác; cộng thể nên lưu ý đến những tình trạng văn hóa và giới trẻ.

290. *Hãy vun trồng **cảm thức thuộc về Tỉnh dòng** suốt thời đào luyện ban đầu. Đối với những hội viên được sai đến những cộng thể đào luyện vốn thuộc về những Tỉnh dòng khác, việc có những nhân sự từ Tỉnh dòng của đương sự trong nhóm đào luyện không chỉ giúp ích nhưng cả việc họ được Giám tỉnh hay những hội viên khác của Ban Cố vấn Tỉnh của họ thăm viếng nữa, họ có được sự trao đổi quan điểm, những buổi họp được sắp xếp nhằm thông truyền tin tức và cổ xúy sự hiệp thông với hội viên trong Tỉnh dòng, chương trình hoạt động của họ suốt kỳ nghỉ hè được Giám đốc cộng thể và Giám tỉnh của họ đồng ý, và những hình thức thông giao khác sẵn sàng cho họ.*

291. *Trong cộng thể đào luyện, việc sinh động thiêng liêng và hướng dẫn cá nhân là **trách nhiệm hàng đầu của Giám đốc.***¹¹⁴

Ngài có bốn phận thực thi sự sinh động đào luyện và mục vụ cũng như sự linh hướng qua việc thực thi quyền bính như một người cha

¹⁰⁹ x. ASC 276, p. 76.

¹¹⁰ x. TTNĐB 679a; QC 89.

¹¹¹ x. MuR 47.

¹¹² x. MuR 30a; HL 48.

¹¹³ x. MuR 48.

¹¹⁴ x. TTNĐB 678b; HL 104.

hiển, những phiên họp với Ban Cố vấn và hội nghị hội viên,¹¹⁵ những huấn đức và các buổi hội họp,¹¹⁶ trình bày kế hoạch đào luyện địa phương,¹¹⁷ chương trình năm,¹¹⁸ ngày cộng thể, những khích lệ công cộng và riêng tư, huấn từ tối hằng ngày,¹¹⁹ cuộc đàm thoại thân tình một tháng một lần,¹²⁰ linh hướng cá nhân,¹²¹ và một sự nại đến những dịp được công hiến trong lãnh vực này và trên bình diện Tỉnh.

292. *Giám đốc cộng thể* luôn luôn cũng là vị linh hướng được đề xuất cho, chứ không được áp đặt trên, các cá nhân hội viên. Thêm vào với *Giám đốc*, *hội viên* trong đào luyện cũng có thể đến với những cha giải tội và những hội viên khác có khả năng và được chuẩn bị.¹²²

Ngay cả khi *Giám đốc cộng thể* không phải là vị linh hướng của một hội viên đặc thù, ngài vẫn là người trách nhiệm đến tiến trình đào luyện nhân cách của họ; điều này có nghĩa là cá nhân hội viên tiếp xúc với ngài trong mối tương giao cởi mở và tin tưởng, cho ngài biết những gì ngài cần để hướng dẫn, phân định và quyết định.

Nếu một hội viên yêu cầu một cha giải tội hay một linh hướng đặc biệt, bề trên nên đáp ứng.¹²³ Nhưng nên nhớ kỹ rằng trong thời kỳ đào luyện ban đầu thật đáng ước ao rằng một vị như thể phải là một Salêdiêng và sự phục vụ của ngài phải lâu bền.

Vị linh hướng trong tập viện là người hướng dẫn các tập sinh (tập sự).¹²⁴

293. Theo lời xin của một hội viên trong đào luyện, *Giám đốc* và tập sự cũng có thể công hiến **thừa tác vụ trong bí tích Giao Hòa**; nhưng họ chỉ làm thế theo cách ngoại thường, và miễn là vào lúc tiếp nhận họ có thể rút lấy một sự phân biệt thanh thần giữa tòa trong

¹¹⁵ x. HL 44b; QC 4b, 5.

¹¹⁶ x. QC 175.

¹¹⁷ x. HL 44b; QC 4b, 5.

¹¹⁸ x. HL 181.1; QC 184.3.

¹¹⁹ x. QC 48.

¹²⁰ x. QC 79.

¹²¹ x. QC 78.

¹²² x. TTND 678c.

¹²³ x. ASC 244, p. 97.

¹²⁴ x. HL 112.

vốn họ học biết trong bầu khí bí tích và tòa ngoài vốn là điều duy nhất lúc đó họ có thể quy chiếu đến.¹²⁵

Những Lượng Giá

294. “Nhân viên đào luyện và hội viên trong thời đào luyện phải **định kỳ lập và lượng giá kế hoạch** trong tinh thần chia sẻ trách nhiệm.”¹²⁶
295. *Thỉnh thoảng Giám đốc và Ban Cố vấn ngài nên lượng giá họ thực thi sự sinh động hoá và hướng dẫn cộng thể và cá nhân tốt đẹp như thế nào.*
296. *Suốt thời kỳ đào luyện ban đầu những lần thăm định (scrutinies) phải được thực thi ba tháng một lần để lượng giá và cổ võ tiến trình đào luyện của một người. Những mục tiêu của giai đoạn này và sự tiến bộ của người hội viên phải được cùng nhau xem xét, và sự tiến bộ của họ trong ơn gọi phải được lượng giá trong sự nối tiếp với những lượng giá trước. Chính người hội viên nên được can dự vào sự lượng giá đó theo những cách khác nhau.*¹²⁷
297. *Trong cộng thể (Giám đốc, Ban Cố vấn, những người hướng dẫn đào luyện, và cha giải tội) và giữa những cộng thể đào luyện (tiền tập viện, tập viện, hậu tập viện, tập vụ, và đào luyện chuyên biệt) phải cố xúy một **chính sách đồng bộ liên quan đến những tiêu chuẩn để phân định ơn gọi** và tiếp nhận, dựa trên điều được viết ra trong “Các Tiêu chuẩn và Quy tắc để phân định ơn gọi Salêdiêng. Việc tiếp nhận.”*
- Những phiên họp phải được triệu tập giữa những người chịu trách nhiệm trên bình diện địa phương và Ban Cố vấn Tỉnh vì cùng mục đích trên.*
298. *Giám tỉnh hãy lo liệu, nhất là lúc bắt đầu một giai đoạn đào luyện, những người trong đào luyện được những người chịu trách nhiệm cho giai đoạn đặc thù ấy biết đến; và ngài hãy xếp đặt để thông*

¹²⁵ “Tập sự và Phụ tập của các tập sinh, và Giám đốc của một chủng viện hay của bất kỳ viện giáo dục nào, không được giải tội cho các sinh viên sống cùng một nhà, trừ phi trong những trường hợp cá nhân các sinh viên xin điều đó.” (GL 985).

¹²⁶ QC 78.

¹²⁷ x. OT 11; ASC 239, p. 3-12.

tri những thông tin thích đáng suốt toàn bộ tiến trình đào luyện theo cách thức tiện lợi nhất bao có thể.

- 299.** “*Những trợ giúp về tâm lý và sự phạm* nên được sử dụng cách đều đặn và có hệ thống vào những thời khắc phân định và sự hướng dẫn thông thường, chứ “không nên chỉ được giới hạn vào những trường hợp khó khăn.”¹²⁸

Ta nên lo lắng để coi xem những đóng góp của các chuyên viên vào việc phân định sơ khởi và vào sự hướng dẫn tiếp theo phải nhất quán với ơn gọi Salêdiêng. Vì thế, thật đáng ao ước rằng các chuyên viên phải được chọn là những người có một tiếp cận đồng cảm đối với ơn gọi tu trì, và bao có thể, hiểu biết đầy đủ về đời sống Salêdiêng.

Quyết định cuối cùng về sự thích hợp của các ứng sinh là bốn phận của những người Salêdiêng đang giữ trách nhiệm.

Sự cộng tác liên Tỉnh dòng

- 300.** Trong nhiều tình huống những điều kiện để đảm bảo sự kiên định của các trung tâm đào luyện dưới diện phẩm chất và con số là như thế đó đến nỗi một Tỉnh tự mình không dễ đáp lại được. Trong những trường hợp như thế thật đáng ao ước rằng một ít Tỉnh dòng, nhất là nếu cùng bối cảnh văn hóa như nhau, góp chung những tài lực để thiết lập **những cơ cấu đào luyện liên Tỉnh dòng**.

Sự cộng tác liên Tỉnh dòng phải được chuyển thành một **sự chia sẻ trách nhiệm thực sự** và cũng được diễn tả qua sự thực thi và hoạt động của những cơ cấu trung gian (chẳng hạn, curatorium, uỷ ban, v.v.) mà làm cho các Tỉnh dòng có thể tham gia tích cực trong việc xác định hướng đào luyện (kế hoạch đào luyện), trong khi đảm bảo những điều kiện và phương thế để hiện thực nó (nhân sự, cơ cấu, tài chánh, v.v) và thực thi những lượng giá thích hợp.¹²⁹

¹²⁸ TTNĐB 673a; x. RFIS 39; SaC 163; OT 11.

¹²⁹ x. TTN21 277, 250b.

Phân định ơn gọi

301. ***Khuôn mẫu để tiếp nhận*** vào tuyên khấn, vào các thừa tác vụ, vào các chức thánh phải bao gồm những giai đoạn sau đây, trong khi dự phòng những tình huống khác nhau:

- *Một cuộc đàm thoại giữa cá nhân liên hệ và Giám đốc của họ và nộp đơn xin của mình;*
- *Ý kiến của cộng thể¹³⁰ và kính trọng những nguyên tắc cần trọng của những thành viên trong cộng đoàn giáo dục mục vụ vốn ở trong một tư thế để đóng góp một cách ý nghĩa;*
- *Ý kiến của Ban Cố vấn Tỉnh gốc (khi hội viên ở bên ngoài Tỉnh dòng của mình);*
- *Ý kiến của Ban Cố vấn địa phương;*
- *Bỏ phiếu của Ban Cố vấn Tỉnh và quyết định của Giám tỉnh.*

302. *“Với tư cách đồng trách nhiệm về bước trưởng thành của mỗi hội viên, cộng thể địa phương được mời tỏ bày ý kiến khi một trong các phần tử của mình xin được tuyên khấn hay lãnh chức thánh. Cộng thể thực hiện việc này qua những hình thức phù hợp với bác ái hơn cả.”¹³¹ Phải ghi nhớ rằng Giám đốc và Ban Cố vấn ngài có trách nhiệm pháp lý để nói ý kiến của mình cho Giám tỉnh.¹³²*

303. ***Những thành viên trong Ban Cố vấn Tỉnh***, những người có bổn phận cho biết sự đồng thuận của mình để tiếp nhận vào tuyên khấn, lãnh các thừa tác vụ và các chức thánh,¹³³ phải làm hết mọi cách có thể hầu có thể biết các ứng sinh và theo dõi sự chuẩn bị của họ; họ cần những hình thức tiếp xúc và kiểm chứng vốn cho phép họ có thể bỏ phiếu cách trách nhiệm và có động cơ rõ rệt.

304. ***Khi một hội viên hay một tập sinh kinh nghiệm khó khăn đối với ơn gọi của mình***, các bề trên và những người hướng dẫn đào luyện có

¹³⁰ x. QC 81.

¹³¹ QC 81.

¹³² x. HL 108.

¹³³ x. ibid.

gắng theo dõi sự phân định của họ với một sự chăm sóc đặc biệt hầu giúp họ làm sáng tỏ những động cơ và khám phá kế hoạch của Thiên Chúa cho cuộc đời. Tiến trình phân định cũng cần phải được áp dụng trong trường hợp khả dĩ của một người xin chọn một ơn gọi khác.

Lợi dụng sự trợ giúp thích hợp và dùng đến sự thận trọng và tế nhị, Giám tỉnh và Giám đốc của cộng thể đào luyện nên giúp những người rời bỏ Tu hội hội nhập vào khung cảnh của họ dưới diện một nghề nghiệp và một việc tông đồ.

305. *Theo quan điểm đào luyện, để lượng giá những sự rời bỏ của các hội viên có lời khẩn tạm, Giám tỉnh nên xin người rời bỏ Tu hội khi lời khẩn của họ hết hiệu lực viết ra lý do cho quyết định của họ. Thông tin này phải được thông truyền cho văn phòng Tổng Thư ký với sự cẩn thận xứng hợp.*

306. *Tỉnh dòng hãy đảm trách một sự lượng giá định kỳ về sự bền đỗ ơn gọi vì để hiểu biết tốt đẹp hơn tình trạng và để thích ứng khoa sư phạm đào luyện của mình. Những kết quả phải được thông tri cho Cố vấn Đào luyện, người sẽ công hiến một vài tiêu chuẩn để thực thi lượng giá này.*

PHẦN HAI

TIẾN TRÌNH ĐÀO LUYỆN SALÊDIÊNG

Được soi sáng bởi con người Đức Kitô và Tin mừng của Ngài, Tin mừng được sống theo tinh thần Don Bosco, người Salêdiêng dẫn mình vào một tiến trình đào luyện trải dài suốt cuộc sống, đồng thời tôn trọng các nhịp tiến của bước trưởng thành. Họ tiếp thu bằng kinh nghiệm những giá trị của ơn gọi Salêdiêng trong những giai đoạn khác nhau của cuộc sống và chấp nhận việc khổ chế mà con đường ấy đòi hỏi.

Với sự trợ lực của Đức Maria, là người mẹ và thầy, họ nỗ lực trở thành nhà giáo dục mục tử phục vụ thanh thiếu niên trong bậc giáo dân hay linh mục mà họ đã theo đuổi (HL 98).

CHƯƠNG 5

TIẾN TRÌNH ĐÀO LUYỆN SALÊDIÊNG

5.1 “Một tiến trình đào luyện trải dài suốt cuộc sống”¹

307. Sống ơn gọi Salêdiêng là tham gia vào một câu chuyện trong đó sáng kiến của Thiên Chúa và sự mạo hiểm của con người đan kết nhau.² Nó là dẫn thân vào một cuộc đối thoại sống động trong đó tiếng gọi và đáp trả không phải là những giai thoại chóng qua nhưng là một kinh nghiệm liên lý về việc “theo” Đức Giêsu. Điều đã được nói trong những chương trước về đào luyện Salêdiêng và những điều kiện để cá nhân hấp thụ nó được đem ra thực hành trong một *tiến trình đào luyện trải dài suốt cuộc đời*.

Kinh nghiệm của Don Bosco trong việc sống ơn gọi của mình – một kinh nghiệm về đặc sủng sáng lập của ngài – chứng thực rằng ngài có một thái độ *liên tục rộng mở trước những thúc đẩy của Thần khí và ngài đáp lại với sự can đảm và luôn mới mẻ trong mọi lúc*. Ngài để mình được Thần khí hướng dẫn, đáp lại những khởi hứng của ngài với sự dễ dạy. Ngài cảm thấy được mời gọi và bị thách đố do từng hoàn cảnh, nhất là hoàn cảnh của người trẻ, và ngài đã trao hiến toàn thể con người mình khi đáp trả cách sáng tạo vào mọi thời khắc.

Hiến Luật trình bày kinh nghiệm Salêdiêng của chúng ta như “sự đáp trả không ngừng được canh tân”:³ “Được soi sáng bởi con người Đức Kitô và Tin mừng của Ngài, Tin mừng được sống theo tinh thần Don Bosco, người Salêdiêng dẫn mình vào một tiến trình đào luyện trải dài suốt cuộc sống, đồng thời tôn trọng các nhịp tiến của bước trưởng thành theo những cách khác nhau.”⁴

¹ HL 98.

² x. HL 1.

³ HL 195.

⁴ HL 98.

- 308.** Việc chín muồi của một ơn gọi uốn khúc qua một tiến trình đào luyện trong đó hai *thời khắc phân biệt nhau* có thể được nổi bật: đào luyện ban đầu và đào luyện liên tục.

Đào luyện ban đầu, được thực thi từ ban đầu với một thái độ của đào luyện liên tục, trải dài từ những khuynh hướng đầu tiên về đời sống Salêdiêng đến việc kiện cường những động lực, đến việc đồng nhất hóa với dự phóng Salêdiêng để được sống trong một Tỉnh dòng đặc thù. Nó đạt cho tới sự tháp nhập trọn vẹn và là hội viên vĩnh viễn của Tu hội Salêdiêng qua sự tuyên khấn trọn đời và, đối với những hội viên được gọi đến ơn gọi Salêdiêng trong đời linh mục, nó đạt cho tới sự thụ phong linh mục.

Đào luyện ban đầu khai triển qua những thời kỳ có những mục tiêu đào luyện được minh định rõ ràng: “nó chính là thời gian làm việc và nên thánh, chứ không phải chỉ là thời gian chờ đợi. Đây là thời gian đối thoại giữa sáng kiến của Thiên Chúa, Đấng kêu gọi, dẫn dắt, và sự tự do của người Salêdiêng đang dần dần đảm đương lấy trách nhiệm đào luyện chính mình.”⁵ Nó là một thời gian của những quyết định càng ngày càng vững chắc, một thời gian đối thoại và tương tác với cộng thể, bao gồm những thời khắc lượng giá, tổng hợp và canh tân sự cam kết: nói tóm, nó là thời gian của nỗ lực thiêng liêng vươn tới mục tiêu.

- 309.** Qua tuyên khấn trọn đời – và trong trường hợp của các linh mục, qua sự thụ phong linh mục – người Salêdiêng hoàn toàn đi vào trong kinh nghiệm của việc trung thành sống đời sống Salêdiêng của mình với sự nâng đỡ của ân sủng là *sự đào luyện liên tục* của mình.

Thực thế, chính bởi vì nó là vấn đề biến đổi toàn diện con người, tiến trình đào luyện không thể bị gián lược vào giai đoạn ban đầu. “Người được thánh hiến không bao giờ có thể công bố là đã hoàn toàn đem lại sức sống cho “tạo vật mới” vốn trong mọi hoàn cảnh đời sống, phản ánh chính tâm trí của Chúa Kitô. Như vậy, đào luyện ban đầu phải được liên kết mật thiết với đào luyện liên tục,

⁵ HL 105.

nhờ đó tạo cho mỗi người sẵn sàng để cho mình được đào luyện mỗi ngày trong cuộc đời mình.”⁶

Đào luyện liên tục bao gồm “một nỗ lực hoán cải và bền bỉ canh tân”;⁷ nó là sự tăng trưởng trong những phẩm chất nhân bản, là việc làm cho mình ngày càng nên giống Chúa Kitô hơn, là việc canh tân lòng trung thành của mình đối với Don Bosco, hầu ta có thể đáp lại những đòi hỏi luôn mới mẻ nảy sinh từ tình trạng giới trẻ và người nghèo.⁸ Nó là một hành trình vốn được hoàn tất theo trạng huống đời sống của mỗi người.

310. Suốt hành trình này, đào luyện Salêdiêng cùng lúc đòi buộc *sự bằng nhau căn bản cũng như sự khác biệt* vốn kính trọng và cổ xúy những ơn gọi biệt loại khác nhau. Hiến Luật viết: “Việc đào luyện ban đầu của các người Salêdiêng giáo dân, các linh mục tương lai và phó tế vĩnh viễn thông thường có một chu trình ở mức độ đồng đều, với cùng những giai đoạn, với mục tiêu và nội dung tương tự. Những sự phân biệt thì được ấn định do ơn gọi chuyên biệt của mỗi người, do những khả năng và năng khiếu cá nhân, và do những trách vụ của việc tông đồ chúng ta.”⁹

311. Hiến Luật mô tả cách thức ơn gọi và đào luyện Salêdiêng được hiện thực trong *những giai đoạn hay những thời khắc tuần tự theo nhau*:

- Thời tiền tập viện, một thời gian để tìm hiểu sâu xa hơn sự chọn lựa đầu tiên về ơn gọi của mình, và chuẩn bị cho tập viện;
- Tập viện, khởi đầu kinh nghiệm của đời tu;
- Thời kỳ khẩn tạm trong những giai đoạn khác nhau của nó: thời ngay sau tập viện nhằm giúp tăng trưởng sự hòa hợp của đức tin, văn hóa và đời sống; thời tập vụ nhằm rèn luyện một tổng hợp cá nhân từ một kinh nghiệm sống mãnh liệt hoạt động Salêdiêng; thời kỳ đào luyện chuyên biệt nhằm hoàn tất đào luyện ban đầu và, trong trường hợp của giáo sĩ, tiếp tục cho đến khi chịu chức linh mục;

⁶ VC 69.

⁷ HL 99.

⁸ x. HL 118.

⁹ HL 106.

- Thời kỳ chuẩn bị tuyên khẩn trọn đời nhằm kiểm nghiệm sự trưởng thành thiêng liêng đòi buộc và dẫn tới sự cam kết dứt khoát;
- Đào luyện liên tục vốn tiếp tục tiến trình trưởng thành cho đến chết.

5.2 Những đặc tính của tiến trình đào luyện¹⁰

312. *Tiến trình đào luyện* là một kinh nghiệm sống căn tính Salêdiêng được xác định. Nó hòa hợp những yếu tố khác nhau và có những đặc tính riêng của mình.

Nó đem nỗ lực cộng thể được khởi hứng bởi sự quan tâm đến sự tăng trưởng của mỗi phần tử, và trách nhiệm cá nhân của mỗi hội viên lại với nhau.

5.2.1 Một tiến trình hữu vị/ nhân vị hóa

Tiến trình đào luyện tập trung vào ứng sinh hay hội viên, khi xét họ trong thực tại cụ thể của họ: tuổi tác, tính khí, những thiên phú của trí tuệ và cõi lòng, nguồn gốc gia đình, nền giáo dục nhận được, hành trình đức tin và ơn gọi được hoàn tất, những kinh nghiệm sống.

Mỗi ứng sinh hay hội viên có cách thức riêng liên hệ với dự phóng Salêdiêng: họ có nhịp đi và bước tiếp cận của mình. Người đồng hành với tiến trình đào luyện để ý đến những thay đổi này và giúp họ hòa hợp chúng và sống căn tính Salêdiêng cách thanh thản, trung thành và hữu vị.

Trong suốt tiến trình ấy, họ chú ý đến những nét tâm lý của mình, đến những hoàn cảnh xã hội-văn hóa vốn một cách nào đó ảnh hưởng đến sự sẵn sàng của mình đối với đào luyện và nhịp điệu của nó.

Khi chú ý đến những đặc tính này, bất kỳ ai dẫn tiến trình ấy giúp ứng sinh và hội viên trong việc tiệm tiến làm cho chín muồi những chọn lựa của họ và giúp họ lấy những quyết định vào đúng lúc theo mức độ trưởng thành đòi hỏi, không vội vàng nhưng cũng không được chậm trễ cách phi lý và nguy hại. Về điều này, tiến hành theo một *kế hoạch*

¹⁰ Khi nói về tiến trình đào luyện, chúng ta ở đây trước tiên nói đến đào luyện ban đầu. Xa hơn chúng ta sẽ nói biệt loại đến đào luyện liên tục.

cá nhân vốn được thích ứng theo những mục tiêu đào luyện chuyên biệt quả thật hữu ích.

5.2.2 Một tiến trình Cộng thể

313. Qua những trung gian khác nhau, cộng thể tiếp nhận và đồng hành với ứng sinh hay hội viên trong thời đào luyện. Cộng thể nâng đỡ họ với sự trợ giúp của mình, cống hiến cho họ khả năng có thể đối thoại nghiêm chỉnh khi tìm kiếm ý Thiên Chúa và thực thi sự phân định cần thiết. Nó cống hiến cho họ một đời sống cộng thể vốn có tính dẫn dắt việc đào luyện của họ, và cống hiến cho họ một môi trường và những phương thế cổ xúy họ tăng trưởng.

Hơn nữa, cộng thể Tỉnh làm họ can dự vào trong Kế hoạch Đào luyện và thiết lập một hạt nhân sinh động để hướng dẫn họ và đảm bảo rằng mọi sự và mọi người đồng qui vào những mục tiêu được nhắm đến.

Về phần mình, khi họ đều đặn tiến tới, người Salêdiêng đem đến cho cộng thể mình những tặng phẩm phong phú thuộc bản tính và ân sủng của mình.

5.2.3 Một tiến trình bao quát và đa biệt

314. Tiến trình đào luyện xuyên lách qua những giai đoạn và những kinh nghiệm đa dạng, khi đem tất cả những khía cạnh của đào luyện lại với nhau – nhân bản, thiêng liêng, tri thức và giáo dục mục vụ – thành một chuyển động hài hòa mà thôi. Đồng thời, vào những thời khắc khác nhau tùy thuộc vào mục đích riêng biệt của mỗi giai đoạn, một khía cạnh chuyên biệt được nhấn mạnh và nó làm giàu cho những khía cạnh khác bằng những nội dung, những bén nhảy và những động lực mới.

Tỉnh dòng, chủ thể trách nhiệm cho việc đào luyện trong một bối cảnh đặc thù, đảm bảo tính duy nhất của toàn thể tiến trình đào luyện khi nó dàn trải trong những giai đoạn khác nhau, trong những cộng thể đào luyện khác nhau và trong những sáng kiến đào luyện liên tục.

5.2.4 Một tiến trình liên tục và tiệm tiến

315. Qua một *tiến trình tiệm tiến và liên tục*, ứng sinh hay người hội viên kiện cường việc họ đồng nhất hóa với dự phóng Salêdiêng, tăng

trường tính thích hợp và làm cho những động lực của mình vững chắc: mỗi giai đoạn đào luyện của họ tiếp nối giai đoạn trước và chuẩn bị cho giai đoạn kế tiếp. Bước qua độ từ giai đoạn này sang giai đoạn khác thì nhạy cảm và đáng được hướng dẫn cẩn thận.

Nguyên tắc về việc sử dụng lối tiếp cận tiệm tiến hàm ý rằng ta phải xem xét cùng một lúc đến phẩm chất như một mục tiêu, một khoa sư phạm và một tiêu chuẩn phân định; nó cũng hàm ý rằng tiến trình phải tuân tự diễn tiến với tính thực tiễn và uyển chuyển trong việc tạo hiệu quả cho việc đào luyện.

Một tiến trình liên tục và tiệm tiến như thế không bao giờ kết thúc. Làm cho mình đồng hình dạng với Chúa Kitô theo chân Don Bosco là một trách vụ liên tục kéo dài suốt đời.

5.2.5. Một tiến trình được hội nhập văn hóa

316. Hiến Luật đòi các Tỉnh dòng phải thực thi tiến trình đào luyện *theo những nhu cầu của bối cảnh văn hóa của họ*:¹¹ nghĩa là, những nhu cầu này sinh từ ứng sinh và văn hóa của họ và những nhu cầu xuất phát từ bối cảnh trong đó đoàn sủng Salêdiêng phải tìm cách diễn tả.

Tận nền tảng, đoàn sủng là một cái gì nội tâm – việc theo Chúa Giêsu Kitô mật thiết hơn như Don Bosco đã làm – và nó phải được chuyển dịch thành một kinh nghiệm sống vốn thấm nhập toàn thể cuộc đời của người Salêdiêng trong những khía cạnh cá nhân và cộng thể của họ. Cả toàn thể con người họ phải được đảm nhận và biến đổi do đoàn sủng.

Điều này có nghĩa rằng những giá trị cố hữu trong đoàn sủng phải đảm nhận và biến đổi mọi khía cạnh văn hóa của họ; đoàn sủng phải nhập thể chính nó trong bối cảnh cụ thể trong đó họ sống. Nó kéo theo rằng khi lưu ý đến tình trạng của ứng sinh, tiến trình đào luyện phải dẫn họ đến việc hấp thụ đoàn sủng cách sâu xa hơn và đưa đến một sự thay đổi não trạng. Sự tăng trưởng tiệm tiến của họ trong ơn gọi phải thay đổi những thói quen cá nhân và những mối liên hệ của họ với những người khác, với Thiên Chúa và với chính đời sống cộng

¹¹ x. HL 101.

thể Salêdiêng, cho đến khi đoàn sủng làm dậy men mọi sự vốn có tính chất nhân bản nơi họ và cho nó một dáng vẻ mới.¹²

Một tiến trình như thế đòi hỏi đối thoại và phân định và được thực thi trong niềm hiệp thông với cộng thể địa phương, tỉnh và thế giới.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

- 317.** *Để đảm bảo tính duy nhất và liên tục của đào luyện ban đầu khi việc đào luyện ấy được thực thi trong những thời kỳ nối tiếp nhau, nơi những cộng thể khác nhau và đôi khi trong những Tỉnh dòng khác nhau, ta cần phải theo một **kế hoạch bao quát** và cần tìm ra mối liên kết giữa các giai đoạn và một sự đồng quy cho nỗ lực của mọi người.*
- 318.** ***Những giai đoạn đào luyện** vốn chuẩn bị cho việc gia nhập trọn vẹn vào Tu hội qua việc tuyên khấn trọn đời thật cần thiết cho cả ứng sinh và cộng thể hầu cả hai cùng làm việc để phân định và cùng đáp lại ý Thiên Chúa. Sau khi hoàn tất những môn học được chu trình đào luyện nhằm đến người gia nhập Tu hội cũng phải đạt được **những mục tiêu đào luyện** của những thời kỳ này.¹³*
- 319.** *Suốt thời kỳ này phải giúp cho những người trong giai đoạn đào luyện đào sâu căn tính của họ như những người được thánh hiến, khai triển những xác tín vững chắc về giá trị giáo dục của chính sự thánh hiến và đảm nhận một thái độ đào luyện liên tục.¹⁴*
- 320.** ***Để tiếp nhận vào những giai đoạn đào luyện khác nhau**, để tiếp nhận vào tuyên khấn, vào các thừa tác vụ và vào các chức thánh cũng như để chứng thực sự hoàn thành những mục tiêu cho mỗi giai đoạn đào luyện cần phải đánh giá cách hiệu quả những dấu chứng tích cực về sự thích hợp và trưởng thành của ứng sinh liên quan đến sự cam kết họ phải đảm nhận; cũng cần phải chứng thực họ có khả năng khắc phục giai đoạn đào luyện tiếp theo cách thành công.*

¹² x. Vecchi, “Look Around you, and see how the fields are ripe for harvesting,” AGC 362 (1998), p. 20.

¹³ x. HL 107.

¹⁴ x. TTN21 167.

Không có những dấu trái nghịch hay đạt được những mục tiêu học vấn mà thôi thì không đủ.¹⁵

- 321.** *Ta hãy chú ý đặc biệt đến **bước quá độ từ một giai đoạn sang giai đoạn kế tiếp** và hãy có một khoa sư phạm để giúp đỡ hội viên bước vào thời kỳ đào luyện mới của mình với trọn vẹn ý thức và trách nhiệm.*

Ta không được cho phép một người bắt đầu những giai đoạn đào luyện hay đảm nhận những cam kết (tuyên khấn, các thừa tác vụ, những chức thánh) nếu thấy họ không thích hợp.¹⁶

Trong trường hợp này hội viên trong thời đào luyện phải được đặt vào một tình trạng mà có thể làm cho họ đạt được mức độ thích hợp cần thiết một cách tốt đẹp nhất.

Đang khi ghi nhớ phải tiếp cận tiệm tiến với việc đào luyện, ta phải lấy những quyết định hầu tránh kéo dài những tình trạng nan giải và không dứt khoát mà không đưa ra được những triển vọng đúng đắn cho việc thăng tiến.

- 322.** *Tiến trình đào luyện phải được sắp xếp thế nào để chú ý đến **những hình thức khác nhau của một ơn gọi Salêdiêng mà thôi:***

- Các Salêdiêng giáo sĩ và sư huynh hãy ý thức đến những đặc trưng của hình thức ơn gọi biệt loại của mình và họ hãy lớn lên trong sự hài hòa hỗ tương, khi thừa nhận sự khác biệt và sự tương thuộc;

- Những người được giao phó việc đào luyện hãy hiểu biết căn tính Salêdiêng trong những hình thức giáo dân, linh mục và phó tế của nó, cũng như làm cho căn tính ấy được hiểu biết và trân trọng.

- 323.** *Trong tất cả những giai đoạn đào luyện, ta phải để ý đến sự bằng nhau căn bản và sự khác biệt do bởi ơn gọi biệt loại của từng người trong đào luyện. Cách riêng*

• Trong tiền tập, ơn gọi thánh hiến Salêdiêng được trình bày trong hai hình thức, thừa tác vụ và giáo dân, và cũng bằng cách gặp gỡ những người quan trọng; bằng cách này, thỉnh sinh có thể trở nên

¹⁵ x. HL 108.

¹⁶ x. *The Project of Life of the Salesians of Don Bosco*, p. 835.

quen thuộc cách tốt đẹp hơn với những hình thức của ơn gọi Salêdiêng và đạt tới một định hướng đầu tiên, nhưng không đi tới một quyết định về những hình thức đó;

- *Trong nhà tập, dưới sự hướng dẫn của tập sư, từng tập sinh thực thi một tiến trình phân định về hai hình thức ơn gọi Salêdiêng, để đi tới một chọn lựa biệt loại cho tương lai của mình như là một Salêdiêng sư huynh hay một Salêdiêng linh mục/phó tế vĩnh viễn; sự phân định và chọn lựa ơn gọi này đi trước khi xin được tiếp nhận vào tuyên khấn lần đầu, trong đó diễn đạt quyết định ơn gọi của mình quả là nhất thiết; trong tiến trình này, Giám tỉnh cũng được can dự vào;*
- *Trong thời kỳ hậu tập viện, với sự giúp đỡ của Giám đốc và Giám tỉnh, các Salêdiêng sư huynh thực thi một tiến trình phân định về lãnh vực chuyên môn (nghịệp vụ) trong đó họ cảm thấy được gọi để phát triển những tài năng (tặng phẩm/ân điển) và những khả năng của mình đáp lại những nhu cầu của Tỉnh dòng; Trong giai đoạn này họ đảm trách hai hay ba năm học triết và sư phạm;*
- *Sau khi hoàn tất ít nhất hai năm triết học và sư phạm, các Salêdiêng sư huynh bắt đầu hay tiếp tục một thời kỳ ‘đào tạo kỹ thuật, khoa học hay chuyên môn (nghịệp vụ)’ nhằm mục đích đạt được “văn bằng/trình độ biệt loại” được công nhận,¹⁷ nếu có thể trước thời kỳ tập vụ;*
- *Đối với thời tập vụ, các Salêdiêng sư huynh tốt nhất là được đặt vào trong những tình trạng ở đó họ có thể thực thi trình độ/bằng cấp nghịệp vụ /chuyên môn của họ và lượng giá sự phân định đã được đảm nhận trong thời hậu tập viện về lãnh vực chuyên môn / nghịệp vụ tương lai của họ.¹⁸*
- *Đào luyện chuyên biệt cho các Salêdiêng sư huynh, cũng như cho các Salêdiêng tư giáo theo sau ngay thời tập vụ,¹⁹ nó kéo dài hai*

¹⁷ x. QC 95.

¹⁸ x. FSDB 442.

¹⁹ x. HL116, FSDB 479.

năm và được thực hiện tại một trong những trung tâm của Vùng hay Liên Vùng được Bề Trên Cả và Ban Tổng Cố vấn phê chuẩn;

- *Sự chuẩn bị cho tuyên khấn trọn đời được thực thi sớm bao có thể bởi các Salêdiêng sư huynh và các tư giáo cùng với nhau, trước hay trong thời đào luyện chuyên biệt;*

- *Thời “ngũ niên” liên can đến cả Salêdiêng linh mục/phó tế vĩnh viễn trong năm năm đầu tiên sau khi thụ phong và các Salêdiêng sư huynh trong năm năm đầu sau đào luyện chuyên biệt của họ;*

- *Sau thời đào luyện chuyên biệt, vào một thời gian thích hợp, nếu cần thiết mọi Salêdiêng sư huynh nên có khả thể hoàn tất một sự chuyên hoá nào đó trong lãnh vực biệt loại theo sự tuyên khấn của họ và trong những tài khéo/kỹ năng cần thiết để hoàn thành những trách vụ và vai trò khác nhau sẽ được trao cho thầy. Bằng cách này thầy hoàn tất văn bằng chuyên môn đã được bắt đầu trong thời gian tuyên khấn tạm.*

Những quyết định liên quan đến chu trình đào luyện cho các Salêdiêng sư huynh phải được đưa vào phần đào luyện của Nội Quy Tỉnh.

324. *“Những khả thể sống đời giáo dân được thánh hiến trong Tu hội thật là nhiều và đa dạng. Một sự đa dạng như thế đòi buộc rằng Nội Quy Tỉnh về đào luyện phải đề ra một chương trình đào luyện nghiêm chỉnh, nhưng lại có tính uyển chuyển và thích ứng với chính bản chất của những trách vụ khác nhau và với những khả thể cụ thể của ứng sinh.”²⁰*

325. *Đào luyện ban đầu hãy làm cho chín muồi một cảm thức **thuộc về Gia đình Salêdiêng và Phong trào Salêdiêng** trong đó những người được thánh hiến và giáo dân sống những ơn gọi khác nhau, chia sẻ cùng một tinh thần và sứ mệnh.²¹ Cách riêng:*

- *Căn tính và những khía cạnh đặc trưng của Gia đình Salêdiêng và của những nhóm khác nhau phải được biết đến;*

²⁰ TTN21 301.

²¹ x. TTN24 142.

- “*Những nội dung và giá trị của đời giáo dân phải được trình bày; những hội viên trẻ phải có khả năng tăng trưởng và trưởng thành cùng với người giáo dân, có khả năng tham gia vào việc đào luyện và sinh động họ, và cổ vũ những ơn gọi giáo dân;*”²²

- *Phải nhấn mạnh đến việc tạo cho những người Salêdiêng có khả năng làm việc với một nhãn quan bao quát và dân thân vào việc hoạch định toàn diện trong phạm vi cộng đoàn giáo dục và mục vụ;*

- *Kế hoạch Đào luyện Tỉnh dòng phải cung ứng những nội dung và kinh nghiệm đa dạng và có tổ chức hầu đạt được một đào luyện bổ sung và hỗ trợ cho những người Salêdiêng và những người giáo dân suốt thời đào luyện ban đầu và liên tục; chương trình đào luyện phải để ý đến bản chất khác nhau thuộc những ơn gọi của họ và những thời gian cần thiết để họ trưởng thành nhân bản, tình cảm và tông đồ.*²³

326. *Suốt thời đào luyện ban đầu, phải để ý đến **những nghi thức** mà từ đó những hội viên đến hãy thuộc về và phải cống hiến cho họ sự chuẩn bị cần thiết để thực thi sứ mệnh trong những bối cảnh của những nghi thức khác nhau.*²⁴

327. *Những tiêu chuẩn và nguyên tắc nói về sự thích hợp của ứng sinh, những điều kiện và những ngăn trở và những đòi hỏi pháp lý cho việc tiếp nhận vào tiền tập viện, và tập viện, tiếp nhận tuyên khấn lần đầu, canh tân lời khấn tạm và khấn trọn đời, các thừa tác vụ và những chức thánh được khai triển và bình luận rộng rãi trong cuốn “**Các tiêu chuẩn và Quy tắc để phân định ơn gọi Salêdiêng. Việc tiếp nhận.**”*

²² TTN24 147.

²³ x. TTN24 142.

²⁴ Trong trường hợp những ứng sinh thuộc về những nghi lễ Đông phương khác nhau, ta phải nhớ kỹ rằng bản chứng thực “Không Đối Kháng” theo yêu cầu – cùng với phép về “hai nghi thức” (biritualism) đính kèm – phải được xin từ Thánh bộ lo về những GH Đông Phương, theo GL 517§2 của cuốn *Codex Canonum Ecclesiarum Orientalium*, 1990. Lời xin của ứng sinh, cũng như ý kiến của Giám tỉnh, phải được gửi đến Văn Phòng Thư Ký Trung Ương.

CHƯƠNG 6

TIỀN TẬP VIỆN

6.1 Bản chất và mục đích

328. Hiến Luật chúng ta đòi buộc phải có "một thời kỳ chuẩn bị đặc biệt ngay trước nhà tập để ứng sinh đào sâu chọn lựa ơn gọi và chứng nghiệm sự thích hợp của mình để bắt đầu tập viện. Sự chuẩn bị này được thực hiện qua một kinh nghiệm về cộng thể Salêdiêng và đời sống tông đồ";¹ điều này được biết là tiền tập viện. Đó là giai đoạn đầu tiên của đào luyện Salêdiêng. Thực vậy, thời tiền tập viện khởi sự *việc đào luyện ban đầu của ứng sinh, người xin gia nhập Tu hội Salêdiêng* để tận hiến đời sống cho Thiên Chúa trong việc phục vụ giới trẻ theo chân Don Bosco.

329. Giai đoạn đào luyện đầu tiên này giả định rằng *thỉnh sinh trước kia đã trải qua một giai đoạn thích hợp và kinh nghiệm về sự tăng trưởng ơn gọi, việc chín muồi nhân bản và Kitô hữu, sự hướng dẫn, cách sống cộng thể và việc thực thi tác vụ mục vụ Salêdiêng - tất cả điều này là bất khả thể. Hiến Luật chúng ta nói, "Ai hướng về đời Salêdiêng sẽ được công hiến môi trường cùng những điều kiện thích hợp để nhận ra ơn gọi của mình và đạt tới sự trưởng thành nhân bản và Kitô hữu. Như vậy, với sự giúp đỡ của một vị linh hướng, người ấy có thể chọn lựa một cách ý thức hơn, không bị một áp lực ngoại tại cũng như nội tại nào chi phối".²*

Kinh nghiệm này chung chung được gọi là "*thời tu sinh*",³ mặc dù hạn từ này có thể thay đổi theo nơi chốn, văn hóa và những nhạy cảm. Nó nhằm làm cho ơn gọi thánh hiến Salêdiêng được biết đến, khi cổ xúy sự hiểu biết chính mình và ý Thiên Chúa, và thực thi một sự phân định ơn gọi. Nó được tiến hành theo cách thức và thời gian thích hợp nhất cho tình trạng và những nhu cầu của các ứng sinh.

¹ HL 109.

² HL109.

³ x. QC17; TTNĐB 662; ASC 273, p. 40-48; TTN21 118; TTN26 54, 58, 69-73.

Nó là một kinh nghiệm cần thiết, vì các ứng sinh đến từ những khung cảnh rất đa dạng; tuổi tác, các bối cảnh gia đình, mức độ trưởng thành cá nhân, và những kinh nghiệm đời sống, đức tin và văn hóa cũng như sự tiếp xúc của họ với Don Bosco và thực tại Salêdiêng thật rất khác biệt.

- 330.** Chỉ khi ứng sinh “*đã lựa chọn đời sống Salêdiêng*”⁴ và *biểu lộ một sự trưởng thành nhân bản, Kitô hữu và Salêdiêng tương xứng*,⁵ theo phán đoán của những người trách nhiệm, họ mới được chấp nhận vào tiền tập viện.⁶ Mặc dù vào lúc bắt đầu tiền tập “ta không đòi buộc một ứng sinh vào đời sống tu sĩ phải có thể đảm nhận ngay tất cả những bổn phận của đời sống ấy. . . thì ta vẫn thấy được dần dần họ phải có khả năng thực thi điều ấy. Tính khả thể thực hiện được một phán đoán như thế mới biện minh cho thời gian và phương tiện được dùng để đạt tới điều ấy. Đây là mục đích của giai đoạn chuẩn bị cho tập viện.”⁷

Sau việc nghiêm chỉnh hướng dẫn ơn gọi và hợp theo đó, Tỉnh dòng *nghiêm chỉnh thiết định việc tổ chức thời tiền tập viện như một giai đoạn đào luyện biệt loại*. Tỉnh dòng lấy những bước để đảm bảo việc đào luyện được hữu vị hóa và được hội nhập vào văn hóa, cung cấp một kế hoạch rõ ràng và dứt khoát, đồng thời duy trì tính uyên chuyên và sự sáng tạo thích đáng trong cơ cấu và chương trình đào luyện.

Tầm quan trọng của tiền tập viện, vốn thường điều kiện hóa những giai đoạn tiếp theo và nhất là tập viện, đòi buộc tiền tập viện “*thường kéo dài một năm và thông thường không được dưới sáu tháng*”.⁸ Bắt đầu tiền tập viện với một sự cử hành thích hợp [sẽ] giúp in khắc vào ứng sinh rằng bước mà họ đang thực hiện quả là nghiêm chỉnh và quan trọng.

- 331.** Tiền tập viện có những mục tiêu biệt loại sau đây. Ứng sinh cần phải biết và theo đuổi chúng bằng những bước đào luyện cụ thể:

⁴ TTN21 267.

⁵ x. ASC 276, 71-72.

⁶ x. TTN21 267.

⁷ PI 42.

⁸ GC21 270 và QC 88.

- Trưởng thành như một con người và một Kitô hữu;
- Hiểu biết ơn gọi của mình và đào sâu những động cơ chọn lựa ơn gọi;
- Có một kinh nghiệm về cộng thể và tông đồ cũng như nghiêm chỉnh suy tư về đời sống và sứ mệnh Salêdiêng;
- Nghiệm xét xem họ có được sự thích hợp cần thiết để bắt đầu tập viện hay không;
- Làm một quyết định khi biết mình đang làm gì cũng như thoát khỏi mọi áp lực bên trong và bên ngoài;
- Đảm nhận một thái độ minh nhiên và thực tiễn để đào luyện chính mình.

Trong cùng cách thức ấy, thời gian tiền tập viện cho phép Tu hội phán đoán sự thích hợp và trưởng thành của ứng sinh để gia nhập tập viện.

6.2 Chương trình đào luyện

332. Bản chất của tiền tập viện đòi ứng sinh phải cá vị hóa việc đào luyện của mình, bằng cách chú ý đặc biệt đến những khía cạnh nhân bản và Kitô hữu của mình, hầu đảm bảo một sự trưởng thành thích đáng để khởi sự kinh nghiệm tập viện.

6.2.1 Đào luyện nhân bản

Đòi hỏi đầu tiên của đào luyện là có thể tìm thấy và phát triển một *điều kiện nhân bản tiên quyết và vững chắc* nơi người ứng sinh. Sự tăng trưởng trong sự trưởng thành nhân bản đặt nền cho sự phát triển ơn gọi cách chân chính vì việc sống cộng thể, vì một khả năng liên hệ trong công việc giáo dục và tông đồ, và vì đảm nhận những cam kết đến từ những lời khuyên Phúc âm.

Bởi vì trách vụ này thuộc về tiền tập viện hơn là [thuộc về] những giai đoạn đào luyện khác, cho nên nại đến những giúp đỡ/dịch vụ của một *nhà tâm lý* chuyên nghiệp quả là rất hữu ích và khuyến nên làm, không chỉ để kiểm nghiệm xem thỉnh sinh có hay không [có] những khía cạnh trước tiên về sự thích hợp nhân bản vốn cần thiết để bắt đầu trên đường đào luyện, nhưng còn và trên hết giúp ứng sinh thủ đắc được sự hiểu biết chính mình, sự tự trọng, sự ổn định cảm xúc, sự trưởng thành tình cảm và phái tính, và khả năng liên hệ với những người khác.

Hiểu biết về *gia đình* cũng giúp ích nhiều trong việc hiểu biết kinh nghiệm nhân bản của thỉnh sinh: những khuynh hướng, câu chuyện cuộc đời, những thiếu sót và khó khăn, những nguồn lực của họ. Một số tình trạng gia cảnh cũng cần phải được kiểm nghiệm để đảm bảo sự thích hợp của ứng sinh cho đời sống thánh hiến hoặc bởi vì chúng cần được nhập hiệp với những kinh nghiệm tích cực.

6.2.1.1 Điều kiện thể lý và sức khoẻ

333. Đời sống và sứ mệnh Salêdiêng thường đòi hỏi sự chịu đựng thể lý và sức khỏe tốt, cũng như khả năng hy sinh và một đời sống đòi hỏi khắt khe. Chính vì thế, ta dạy cho thỉnh sinh biết chăm sóc hợp lý sức khỏe của mình, điều độ trong ăn uống và ngủ nghỉ, tập thể dục và chơi thể thao và quen lao động tay chân.

Trong thời tiền tập viện phải xét nghiệm về điều kiện *thể lý và tình trạng sức khỏe tốt* cần thiết để tuân giữ Hiến Luật của Tu hội.⁹ Cũng phải khám nghiệm y khoa thích đáng trước khi tiếp nhận vào giai đoạn này.

6.2.1.2 Biết mình và làm cho mình được biết

334. Được cộng thể và vị linh hướng hỗ trợ, thỉnh sinh *nỗ lực thủ đắc hiểu biết chính mình cách toàn diện cũng như hoàn toàn ý thức đảm trách dòng đời của mình*. Nhờ vào mặt tích cực của chính mình, thỉnh sinh cũng học để giải quyết những lãnh vực nan giải và những khó khăn của mình. Họ ý thức về những phẩm chất và giới hạn của mình; họ thanh thản và tri ân về họ là gì.

Rộng mở và can đảm, họ đối diện với quá khứ của mình và không sợ hãi nói về chính mình và gia đình mình. Họ học để suy nghĩ về lối hành xử, về những kinh nghiệm của mình, về những lý lẽ cho những quyết định mà họ thực hiện cũng như về cách họ suy nghĩ. Họ nhận sự giúp đỡ để khám phá những động cơ vô thức của mình và phân biệt giữa những ao ước và những động cơ chân thật.

Trực giác chân thành và sâu sắc này về chính mình trở thành nền tảng đầu tiên cho việc phân định.

⁹ x. QC 90.

6.2.1.3 Một cảm tính thanh thản

335. Thỉnh sinh trở nên ý thức rằng phái tính của mình có giá trị nhân bản; họ khám phá những thúc đẩy của cảm tính nơi mình. Thỉnh sinh nhận diện chính mình với phận nam nhi của mình và làm chín muồi “sự chấp nhận người khác, nam hoặc nữ, đang khi kính trọng sự khác biệt của chính họ.”¹⁰ Họ học để trân trọng cách chân thành những tình cảm, những thúc đẩy và những động cơ của mình và *sống những điều ấy một cách hài hòa với những giá trị thuộc ơn gọi độc thân của mình.* Họ được giúp đỡ để đạt được sự chắc chắn đầy đủ là được yêu và có thể yêu mến. Họ duy trì những mối dây tình cảm với gia đình qua một môi tương giao tri ân và tình yêu chân thành; đồng thời họ làm chín muồi một cảm thức thuộc về cộng thể. Họ học để ly thoát khỏi những mối dây liên hệ vốn làm giảm thiểu tính tự quản cũng như làm cho sự hiện thực ơn gọi của họ nên chững lại hay bị khuấy động.

6.2.1.4 Khả năng tương giao

336. Sau khi hiểu rằng môi tương giao liên vị thanh thản là nền tảng cho ơn gọi Salêdiêng, thỉnh sinh tìm cách phát triển những *mối liên hệ tốt đẹp* với các bạn đồng trang lứa của mình cũng như với những người có trách nhiệm về đào luyện trong cộng thể của mình, với những thành viên người đời trong cộng đoàn giáo dục và với những người khác mà họ gặp gỡ trong những kinh nghiệm mục vụ của họ. Họ có thể chấp nhận và lắng nghe; họ cư xử nhã nhặn và vui tươi; họ đối xử mọi người cách hiền dịu, bằng hữu và rộng mở.

Tiền tập viện cống hiến cho họ một kinh nghiệm sống trong cộng thể cùng với những thỉnh sinh khác và với các hội viên. Họ tham gia tích cực vào cộng thể và đóng góp phần mình để tạo nên một môi trường chất đầy những giá trị quan trọng cho việc đào luyện. Trong cộng thể họ tăng trưởng trong cách diễn đạt chính mình, trong khả năng thông giao, trong chia sẻ trách nhiệm để hiện thực những quyết định được lấy, cũng như trong cảm thức cùng nhau làm việc.

¹⁰ PI 43.

Trò chơi và thể thao cũng giúp họ tăng trưởng khả năng liên hệ với những người khác, ngoài việc củng cố sức khỏe và đẩy mạnh công việc giáo dục của họ giữa giới trẻ. Nghiêm chỉnh áp dụng âm nhạc, đều đặn tập một nhạc khí, những buổi trình diễn sân khấu và quan tâm đến những cách trong đó người trẻ diễn đạt chính mình là những phương thế khác nữa để phát triển những khả năng tương giao và tông đồ của thanh sinh.

6.2.1.5 Một cảm thức về trách nhiệm

337. Thanh sinh *trung thành với những bốn phận hằng ngày* và học để làm việc với sự tự hiến đơn thành. Họ yêu mến làm việc, chăm chỉ học hành và chu tất những việc nhà của cộng thể với một tinh thần sẵn sàng, hy sinh và kiên định, khi coi đó là những cơ hội thực tiễn cho mình để biểu lộ mình yêu mến ơn gọi. Họ học biết lợi dụng thời giờ, sử dụng đa phương tiện và các phương tiện cá nhân cách trách nhiệm, lợi dụng những phẩm tính họ nhận được từ Thiên Chúa và mỗi ngày làm cho những quyết định được động cơ mạnh mẽ vốn dẫn họ đến việc hiến mình cách nhưng không.

6.2.1.6 Một lương tâm ngay thẳng và sự rộng mở trước những hoàn cảnh

338. Thanh sinh *đào luyện mình có được một lương tâm chân thật và ngay thẳng*; họ cổ xúy thói quen khám phá Thần khí hoạt động trong tạo dựng và trong các biến cố của lịch sử nhân loại; họ kiên cường những xác tín luân lý của mình cùng phát triển một thái độ minh mẫn và phê phán trước những khuôn mẫu văn hóa mà xã hội đề xuất.

Thanh sinh rộng mở trước những thực tại xã hội và văn hóa của khung cảnh sống và của thế giới truyền thông xã hội; họ *đặc biệt nhạy cảm trước những vấn đề của giới trẻ nghèo và bên lề xã hội* cũng như trước những tình trạng của nghèo đói, bất công và loại trừ; họ cảm nhận bị thách đố bởi các nền văn hoá và những nhu cầu của các dân tộc chưa được Phúc âm hoá. Họ tăng trưởng cảm thức về sự cảm thông và tình liên đới, và bộc lộ nó trong cuộc sống đơn giản của mình. Họ chuyển những kinh nghiệm này thành những cơ hội cụ thể để trưởng thành trong đời sống thực tế.

6.2.2 Đào luyện thiêng liêng

339. Ngay từ đầu của tiến trình đào luyện ban đầu, đời sống Kitô hữu phải dẫn tới *một kinh nghiệm đức tin sống động và mối tương giao sâu xa với Chúa Giêsu*; mối tương giao như thế là điều kiện thiết yếu để chọn lựa bất kỳ ơn gọi nào. Không có được kinh nghiệm cá nhân đầy xác tín và có động cơ mạnh mẽ về đời sống Kitô hữu, thì ơn gọi tới đời sống thánh hiến là không thể được. Sự yếu kém hiện hành về kinh nghiệm đức tin nơi giới trẻ và các gia đình đòi hỏi một chương trình huấn giáo dự tòng thích hợp vốn công hiến một nền tảng lành mạnh cho đời sống Kitô hữu và như vậy cho việc chọn lựa đời sống thánh hiến.

Được kêu gọi để ôm ấp đời sống tập trung triệt để vào ngôi vị Đức Kitô, thỉnh sinh được hướng dẫn *sống với Ngài trong mối tương giao cá vị và trao ban một nền tảng vững chắc cho đời sống Kitô hữu* của họ, khi tập trung vào một vài khía cạnh và kinh nghiệm tiêu biểu được khoa linh đạo giới trẻ Salêdiêng nhấn mạnh. Vì thế, họ chú ý đến những điều sau:

- *Một khoa huấn giáo vững chắc* gồm chứa những nền tảng đào luyện về Kinh thánh, luân lý, thiêng liêng và phụng vụ; một đào luyện như thế thật cần thiết để đào sâu đức tin của họ cũng như khám phá con người của Chúa Giêsu Kitô, sứ mệnh của Hội Thánh, và kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa; nó cũng ôm ấp việc đào luyện lương tâm bằng cách truyền đạt một kiến thức sâu xa hơn về những nguyên lý của lối sống luân lý Kitô hữu;

- *Một sự khai tâm vào đời sống bí tích và tôn sùng Đức Maria*: họ đảm nhận một thái độ lắng nghe và đáp lại Lời Chúa, nuôi dưỡng mình tại bàn tiệc Thánh Thể, năng đến với bí tích Hoà Giải; họ khám phá sự hiện diện hiện mẫu của Đức Maria trong đời sống của mình và trong câu chuyện ơn gọi của mình; họ phó mình cho Đức Maria và kêu cầu Mẹ qua lần hạt; họ cũng cổ xúy sự tăng trưởng trong ơn gọi Salêdiêng qua lòng sùng mộ đối với Don Bosco;

- *Một sự khai tâm vào đời sống cầu nguyện*: họ tham gia cầu nguyện nhóm và cộng thể, thực hành cầu nguyện cá nhân và học chia sẻ những kinh nghiệm đức tin với tha nhân. Dần dần họ thủ đắc khả năng đọc những biến cố của đời sống mình trong ánh sáng của Tin

mừng và lắng nghe tiếng nói bên trong của Thần khí. Họ được dẫn vào phụng vụ các giờ kinh và "*lectio divina*" như là những yếu tố cơ bản của đời sống Kitô hữu và của Giáo hội;

- *Một sự khai tâm vào việc thực hành sự đồng hành thiêng liêng và đàm thoại với Giám đốc; cả hai là phương thể thiết yếu để lớn lên trong đời sống thiêng liêng.*

- 340.** Khi học hỏi dự phóng đời sống của những người Salêdiêng Don Bosco, thỉnh sinh hiểu biết rằng sứ mệnh Salêdiêng kéo theo ơn gọi đến đời sống cộng thể. Vì thế họ *huấn luyện mình để sống trong cộng thể*, khi thủ đắc một khả năng đầy đủ để thông giao liên vị, chấp nhận tha nhân và đảm bảo rằng hoạt động của họ tham dự vào kế hoạch cộng thể. Họ tha thứ cũng như vượt trên những ác cảm và thành kiến. Họ vun trồng tình bạn, hấp thụ những yếu tố của tinh thần gia đình và đóng góp vào đó. Họ quan tâm và lo lắng phục vụ tha nhân. Họ có một kinh nghiệm về Giáo hội khi họ ngày càng can dự vào cộng thể và vào cộng đoàn giáo dục; họ rộng mở chính mình trước những cộng thể rộng lớn hơn của Tỉnh dòng, Tu hội và Gia đình Salêdiêng.
- 341.** Thỉnh sinh nỗ lực học hỏi về đời sống thánh hiến Salêdiêng và sống một cuộc đời rút được khởi hứng *từ những đời hỏi do các lời khuyên Phúc âm*. Họ gắng sức thủ đắc một số thái độ thực tiễn như: sự đơn giản vốn không tìm những gì là phô trương hay an nhàn, sự nhưng không trong những tương giao và động lực, sự ly thoát khỏi những thỏa hiệp tình cảm, sự thực hành tự chủ và trung tín đối với những bổn phận được trao phó cho họ.

6.2.3 Đào luyện tri thức

- 342.** Ơn gọi và sứ mệnh Salêdiêng cho giới trẻ đòi phải được chuẩn bị tri thức cách lành mạnh. Trước khi bắt đầu giai đoạn này, thỉnh sinh đã phải thủ đắc "*một nền tảng văn hoá tổng quát*, vốn phải tương ứng với điều mà ta thường kỳ vọng người trẻ đều đạt được nền giáo dục thông thường của quốc gia họ".¹¹

¹¹ Ibid.

Đào luyện tri thức suốt giai đoạn tiền tập nhằm đạt được những mục tiêu biệt loại của giai đoạn này, theo một cách thức được cá vị hóa. Vì những khía cạnh nhân bản và thiêng liêng là cơ bản trong tiền tập, cho nên, ngoài công việc thực tiễn theo hình thức của những bài làm, đàm thoại, làm việc và huấn luyện nhóm, cũng nhất thiết phải có những bài học, những thảo luận và giải thích cùng việc học hỏi cá nhân vốn giúp mang lại sự thay đổi não trạng, chính trong những khía cạnh nhân bản và thiêng liêng.

Vì vậy, cần phải trình bày có hệ thống về những vấn đề liên quan đến những tương giao và tiến trình thông giao liên vị, cùng với những khía cạnh của biết mình và sự tăng trưởng trong sự trưởng thành cảm xúc, tình cảm và phái tính của người độc thân. Cũng cần phải kiện cường đức tin, cả dưới diện hiểu biết và tình cảm, và kiện cường cách sống luân lý Kitô hữu qua học hỏi có hệ thống về giáo thuyết Kitô hữu và sự khai tâm vào Lời Chúa, cầu nguyện và phụng vụ.

Thỉnh sinh được dẫn vào sứ mệnh của Giáo hội. Họ học về những ơn gọi khác nhau trong Giáo hội, và cách riêng về đời thánh hiến Salêdiêng và hai hình thức Salêdiêng linh mục và sư huynh. Hơn nữa, họ học hỏi Don Bosco, nhìn nơi ngài một khuôn mẫu về những giá trị nhân bản và Kitô hữu; họ bắt đầu biết và thán phục sứ mệnh của ngài. Sứ mệnh này tiếp diễn ngày nay trong Tu hội được trải rộng khắp thế giới; họ tìm được sự khích lệ cho ơn gọi mình bằng cách đọc và học hỏi những diện mạo của một số Salêdiêng vĩ đại ngày xưa cũng như ngày nay.

Một chương trình gồm những môn học và kinh nghiệm trong lãnh vực truyền thông xã hội cũng được soạn thảo cho giai đoạn đào luyện này,¹² vì mục đích là hiểu biết rõ hơn những thách đố văn hóa của ngày nay. Hơn nữa, nhất thiết phải cổ xúy học hỏi nghiêm chỉnh âm nhạc và những tài khéo kịch nghệ theo cách thức mà cũng có thể tiếp tục một cách thuận lợi sau này. Tiền tập phải đảm bảo thủ đắc một phương pháp học tập đúng đắn cũng như thói quen học

¹² x. Ban ngành Đào luyện và Truyền thông Xã hội, *Guidelines for the formation of Salesians in Social Communication. Content and method for the various formation stages*, Rome 2006, 5.

hỏi và suy tư; cũng như có khả năng theo đuổi chu trình các môn học trong những năm sau. Ở đâu cần thiết, thỉnh sinh phải thành thạo ngôn ngữ sử dụng trong tập viện,¹³ và ở đâu có thể, hãy học những ngôn ngữ khác.

Vì vậy một đào luyện tri thức như thế đòi hỏi một *chương trình đặc thù và biệt loại của những môn học*, được soạn thảo vì mục đích chính là đạt được những mục tiêu căn bản của giai đoạn này. Không được dành chỗ cho những môn học nặng nề khác. Cách riêng, *những môn triết học thích hợp cho hậu tập viện không được học trước trong giai đoạn này*; tuy nhiên, nếu những hoàn cảnh của một Tỉnh dòng đòi hỏi cách khác, thì nhất thiết phải xin phép Bề Trên Cả.

6.2.4 Đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ

343. Trong khi bằng nhiều cách khác nhau làm giàu sự hiểu biết và tình yêu của mình đối với sứ mệnh Salêdiêng dưới nhiều hình thức, thỉnh sinh dần thân vào những kinh nghiệm xứng với sự chuẩn bị của họ; và điều này phản ánh mục đích loan báo Tin mừng của hoạt động Salêdiêng.

Đây là những *kinh nghiệm giáo dục và mục vụ quan trọng* có một hướng chiều Salêdiêng rõ rệt, chẳng hạn như hiện diện và hộ trợ giữa giới trẻ, cách riêng những em nghèo khổ hơn, cộng tác vào việc sinh động các nhóm giới trẻ, các hoạt động huấn giáo và công cuộc truyền giáo và thiện nguyện.

Qua những kinh nghiệm này với sự giúp đỡ của một người hướng dẫn, thỉnh sinh tiếp cận với Hệ thống Dự phòng và nếm cảm sự cộng tác với giáo dân và những phần tử khác của Gia đình Salêdiêng.

Để những kinh nghiệm này mang tính đào luyện phải có suy tư và chia sẻ về hoạt động đó. Vì vậy, tổ chức và lượng giá những hoạt động này với thỉnh sinh cũng như chú ý đến những mục tiêu và phương pháp, sẽ thật tốt đẹp.

¹³ x. ibid.

6.3 Một số đòi hỏi cho đào luyện

6.3.1 Một cộng thể đào luyện và một kinh nghiệm về sống cộng thể

344. Thông thường trong một Tỉnh dòng, *chỉ có một tiền tập viện*, dù có thể có hơn một đệ tử viện/trung tâm tu sinh. Đàng khác, hai tỉnh dòng hoặc hơn nữa có thể cộng tác để có một tiền tập chung, cách riêng khi họ cũng có một tập viện chung.

Tốt nhất là *Tiền tập viện được định vị trong một cộng thể Salêdiêng* dẫn thân trong việc tông đồ; bằng cách này thỉnh sinh được cống hiến khả thể tham gia vào đời sống và sứ mệnh Salêdiêng. Thỉnh sinh có kinh nghiệm lưỡng diện về cộng thể: kinh nghiệm của nhóm thỉnh sinh với nhân viên đào luyện của họ, và kinh nghiệm của thỉnh sinh với toàn cộng thể Salêdiêng. Ngay cả trong trường hợp số thỉnh sinh bị giảm sút, thì đảm bảo những điều kiện để có được một kinh nghiệm hiệu quả về cộng thể quả là thiết yếu.

Tiền tập viện được đặt trong một cộng thể *khác với cộng thể của một tập viện hay hậu tập viện*. Trái lại, nó có thể được đặt trong cùng một cộng thể như đệ tử viện; thực thể, một sự sắp xếp như thế thì đáng ao ước bởi vì nó làm cho tính liên tục giữa hai giai đoạn nên dễ dàng và làm cho một đội ngũ đào luyện tốt thành có thể được. Khi con số thỉnh sinh là đáng kể thì cũng có thể cho tiền tập viện thành một *cộng thể tự quản*, nhưng trong trường hợp này nên có nhiều khả thể cho việc tông đồ Salêdiêng, tốt nhất là được sinh động bởi cùng một cộng thể Salêdiêng hay một cộng thể gần đó.

Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, tiền tập phải cống hiến *một kinh nghiệm thật sự về một cộng thể Salêdiêng sống mãnh liệt những giá trị của đoàn sủng mình*. Bầu khí của cộng thể đó phải là bầu khí rộng mở và thân tình, dẫn tới sự thân thiện và tín nhiệm. Đồng thời, quan trọng là các thỉnh sinh phải làm quen với một phong thái sống vốn cách nào đó là đòi hỏi, cũng như khung cảnh đơn giản và nghèo khó. Điều đó đòi hỏi sự quảng đại, làm việc và hy sinh và khiến ta kinh nghiệm một cảm thức về niềm vui và mãn nguyện với việc không có gì hơn ngoài điều gì là cần thiết. Điều

này đòi hỏi chính cộng thể Salêdiêng phải làm chứng cho một phong thái sống như thế.

6.3.2 Đội ngũ đào luyện cũng như sự hướng dẫn đào luyện và đồng hành thiêng liêng

345. Yếu tố then chốt của giai đoạn này là một *kinh nghiệm có uy tín và hệ thống về sự hướng dẫn cá nhân và cộng thể, cách riêng về đồng hành thiêng liêng.*

Khi tiền tập tham gia vào một cộng thể tông đồ Salêdiêng và Giám đốc không ở trong một vị trí để theo dõi sát việc đào luyện các thỉnh sinh, bởi vì những trách nhiệm của ngài, Giám tỉnh chỉ định rõ ràng một ai đó để trực tiếp chịu trách nhiệm đối với các thỉnh sinh. Một người như thế được đặt để *phụ trách các thỉnh sinh* có thể là Phó Giám đốc của cộng thể. Ngài toàn tâm toàn ý cho việc đào luyện thỉnh sinh và thực hiện chương trình biệt loại được đặt ra cho giai đoạn này. Ngài là vị linh hướng của các thỉnh sinh theo cùng một cách thức như vị tập sư là vị linh hướng của tập sinh. Khi đối thoại với vị linh hướng ấy, thỉnh sinh học để rộng mở chính mình trong sự tín nhiệm, soạn ra kế hoạch đời sống cá nhân của mình và khởi sự hành trình tăng trưởng.

Kinh nghiệm dạy chúng ta rằng người chịu trách nhiệm trên thỉnh sinh phải *được chuẩn bị thích đáng*, cách riêng trong tâm lý học về sự phát triển và tính năng động của sự tăng trưởng nhân bản cũng như trong tiến trình đào luyện trong đời sống thiêng liêng. Thường xảy ra là những thách đố đào luyện trong giai đoạn này thì lớn hơn những thách đố trong tập viện.

Người chịu trách nhiệm trên thỉnh sinh cộng tác với một *đội ngũ những người hướng dẫn đào luyện*; họ cũng có thể giữ những vị thế trách nhiệm trong cộng thể hay trong cơ sở Salêdiêng. Quan trọng là giữa họ phải có ít nhất một Salêdiêng sư huynh để làm cho thỉnh sinh có thể hiểu biết trực tiếp về hai hình thức ơn gọi Salêdiêng. Sự trình bày hai ơn gọi cho đời sống Salêdiêng đã bắt đầu trong đệ tử viện/thời tu sinh, tiếp tục trong tiền tập viện và sự quyết định để ôm ấp một trong hai hình thức đó được thực hiện sau đó trong tập viện. *Cũng nên có một vị giải tội* trong nhóm nhân sự đào luyện. Ngài phải [là

người] khác biệt với người chịu trách nhiệm trên thỉnh sinh. Những người hướng dẫn đào luyện có thể "tin tưởng sự cộng tác của những chuyên viên trong những khoa tâm lý. Tuy nhiên, những chuyên viên này không thể là thành phần của nhóm đào luyện".¹⁴

Bao có thể, những người hướng dẫn đào luyện theo sát thỉnh sinh, trò chuyện với họ, chia sẻ những kinh nghiệm khác nhau với họ cũng như nhịp điệu sống thường nhật với các thỉnh sinh, và giúp các ứng sinh đạt tới sự trưởng thành cần thiết để lấy những quyết định thích đáng. Họ làm cho các thỉnh sinh cảm nhận một thái độ tích cực đối với việc đào luyện của mình, nghĩa là, [trở nên] rộng mở và thông giao cũng như chịu trách nhiệm về tiến trình đào luyện của chính mình. Chính vì lẽ này, vào lúc bắt đầu [giai đoạn] tiền tập viện, những người hướng dẫn đào luyện và thỉnh sinh cùng nhau đối thoại về ý nghĩa của giai đoạn đào luyện này cũng như nội dung của "*Ratio*" về tiền tập viện quả thật tốt đẹp, hầu làm cho các thỉnh sinh cam kết cách tự do và thâm tín việc đào luyện chính mình.

Những người hướng dẫn đào luyện tiếp xúc lẫn nhau và *làm việc cộng tác chặt chẽ với tập sự và người phụ trách tu sinh* để đảm bảo sự liên tục thiết yếu của đào luyện. Họ nỗ lực biết rõ "*Các Tiêu Chuẩn và Quy tắc*" về sự phân định ơn gọi Salêdiêng để có thể giúp đưa ra một lượng giá quân bình về sự thích hợp của các thỉnh sinh.

6.4 Sự phân định và tiếp nhận vào nhà tập

346. Tiền tập viện không chỉ là một thời gian đào luyện song còn là một thời gian phân định.

Thỉnh sinh:

- Được trợ giúp để biết mình hơn, phân định sự chọn lựa ơn gọi của mình, và cá vị hóa việc đào luyện của mình nhờ đàm đạo thường xuyên với, và nhờ sự đồng hành thiêng liêng từ, Giám đốc hay người chịu trách nhiệm trên thỉnh sinh;

¹⁴ Thánh Bộ về Giáo dục Công giáo, *Guidelines for the Use of Psychology in the Admission and Formation of Candidates for the Priesthood*, Rome, 29 June 2008, số 6.

- Nhận được sự hướng dẫn từ cha giải tội trong bí tích Hòa Giải;
- Học biết "*Các Tiêu Chuẩn và Quy Tắc*" về sự phân định ơn gọi Salêdiêng, và cùng với vị linh hướng của mình, dùng chúng như những tiêu chuẩn để lượng giá chính ơn gọi mình;
- Viết tự truyện qua đó vị linh hướng có thể giúp họ hiểu rõ câu chuyện cuộc đời và phân định bàn tay dẫn dắt của Thiên Chúa trong ơn gọi của mình;
- Làm việc với vị linh hướng của mình trong việc soạn thảo và kiểm nghiệm kế hoạch đời sống cá nhân của mình;
- Tham dự những cuộc tĩnh tâm và hồi tâm tháng vốn có thể giúp họ đào sâu những động cơ ơn gọi của mình;
- Mỗi ba tháng nhận được một phản hồi bằng sự lượng giá cá nhân ("duyệt xét") qua đó nhóm đào luyện giúp họ biết họ đang tốt đẹp ra sao trong tiến trình họ tăng trưởng và cống hiến cho họ những đề nghị về những lãnh vực mà họ cần nỗ lực hơn nữa;
- Thủ đắc một hiểu biết tốt đẹp và thực tiễn về hai hình thức ơn gọi Salêdiêng.

Về phần mình, *những người hướng dẫn đào luyện của tiền tập viện* can thiệp theo những cách thức bổ sung cho những cách của thỉnh sinh. Cách riêng, họ:

- Liên hệ với những Salêdiêng đã hướng dẫn họ trước kia;
- Hiểu biết gia đình và môi trường xã hội của thỉnh sinh;
- Giúp gia đình tích cực chấp nhận sự chọn lựa ơn gọi của con cái mình và trở nên can dự vào việc làm chín muồi ơn gọi của họ, đang khi cùng lúc kính trọng sự tự do của họ;¹⁵
- Khuyến khích họ học hỏi những tiêu chuẩn để nhận biết hai hình thức ơn gọi thánh hiến Salêdiêng.

Giai đoạn đào luyện của tiền tập viện đạt đến những mục tiêu phân định của mình khi:

¹⁵ x. TTNĐB 674.

- *Thỉnh sinh đem việc tìm kiếm ơn gọi của mình đến kết thúc* và nhờ những người có trách nhiệm đào luyện giúp đỡ, họ cảm thấy được vững chắc khi xác tín rằng Thiên Chúa gọi họ tới đời sống Salêdiêng; họ thấy mình được tách ra cho điều ấy, sẵn sàng ôm ấp đời sống ấy và xin được tiếp nhận vào tập viện; hay, ngược lại, họ đi tới kết luận rằng họ không được gọi tới đời sống Salêdiêng;

- Qua cộng thể địa phương và Tỉnh, *Tu hội Salêdiêng* thực thi tiến trình phân định của mình, chứng nghiệm sự thích hợp của thỉnh sinh theo "*Các Tiêu chuẩn và Quy tắc*" của sự phân định ơn gọi Salêdiêng, và *đạt tới một sự chắc chắn có cơ sở* rằng thỉnh sinh đó cho thấy những dấu hiệu chân chính của một ơn gọi Salêdiêng và có những đòi hỏi căn bản để bắt đầu tập viện.

347. Việc tiếp nhận vào tập viện được Giám tỉnh thực hiện dựa trên những *dấu chỉ tích cực* vốn chỉ ra thỉnh sinh đó thích hợp với đời sống Salêdiêng:¹⁶

- Sức khoẻ đầy đủ;
- Nền văn hóa tổng quát căn bản và những khả năng tri thức thích hợp cho một người để là một nhà giáo dục;
- Một kinh nghiệm tích cực về đời sống Kitô hữu và việc tông đồ;
- Thái độ cam kết đào luyện chính mình;
- Một khả năng để lấy những quyết định vì những lý do chân chính cùng với một cảm thức về bổn phận và trách nhiệm;
- Ý ngay lành;
- Một khả năng sống trong cộng thể, trong vâng phục và quảng đại cũng như trong tinh thần đức tin;
- Một hướng chiều về đời sống đơn giản, sáng kiến và cần mẫn làm việc;
- Một cảm tính thanh thoát và quân bình và một sự phát triển thích đáng của một khả năng tạo lập những tương giao;

¹⁶ x. QC 90.

- Một tình mến dành cho Don Bosco và sứ mệnh Salêdiêng, cũng như những mối liên hệ tốt đẹp với giới trẻ; và lòng ưu ái dành cho giới trẻ nghèo.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

- 348.** *Tiền tập viện phải được thiết lập trong một cộng thể thích hợp hay tự quản, nhưng khác với cộng thể của tập viện hay hậu tập viện. Như trong trường hợp của mọi hoạt động hay công cuộc khác trong một Tỉnh dòng,¹⁷ sự thiết lập hay chuyển đổi giai đoạn tiền tập được Bề Trên Cả với Ban Cố vấn ngài phê chuẩn, theo yêu cầu của Giám tỉnh và Ban Cố vấn Tỉnh.*
- 349.** *“Sự chuẩn bị trực tiếp cho tập viện thói thường sẽ kéo dài một năm và thông thường sẽ không dưới 6 tháng”.¹⁸ Điều này phải được đi trước bằng một kinh nghiệm tu sinh (hay đệ tử viện) nghiêm chỉnh.*
- 350.** *Bình thường chỉ nên có một tiền tập viện trong mỗi Tỉnh dòng; trong trường hợp cần thiết, Bề Trên Cả và Ban Cố vấn ngài sẽ cho phép có hơn một tiền tập viện.*
- 351.** *Việc tiếp nhận vào tiền tập viện được Giám tỉnh thực hiện; ứng sinh ngõ lời xin Giám tỉnh. Với sự trợ giúp của những người chịu trách nhiệm hướng dẫn ơn gọi và chính ứng sinh, Giám tỉnh nên thu thập thông tin và những hồ sơ vốn cho thấy những dấu chỉ về một ơn gọi Salêdiêng chân chính và những dấu chứng khả dĩ nghịch lại (possible counter-indications).*

Để tiếp nhận vào tiền tập viện, sự chọn lựa cũng như sự thích hợp của thỉnh sinh cho đời sống thánh hiến Salêdiêng đều phải được lượng giá theo ánh sáng của "Các Tiêu Chuẩn và Quy tắc"¹⁹ và chú ý thích đáng đến mức độ trưởng thành của cá nhân và những khả thể phát triển của ứng sinh.

¹⁷ HL 132 § 2, HL165 § 5.

¹⁸ TTN21 270; x. QC 88.

¹⁹ x. Các Tiêu Chuẩn và Quy Tắc để phân định ơn gọi Salêdiêng. Việc tiếp nhận, Rome 2000.

Việc khởi đầu tiên tập viện phải được quyết định theo ánh sáng của Bộ Giáo Luật vốn đòi buộc để tiếp nhận vào tập viện có giá trị thì ứng sinh phải tròn 17 tuổi.²⁰

- 352.** *Trước hay trong tiên tập viện nhất thiết phải có một xét nghiệm y tế tổng quát và sự xét nghiệm tâm lý để chứng thực ứng sinh có hay không có nền tảng nhân bản và những yếu tố cần thiết của sự thích hợp mà "Các Tiêu Chuẩn và Quy Tắc" đòi hỏi để bắt đầu tiến trình đào luyện Salêdiêng mà không phương hại đến GL 220. Những kết quả xét nghiệm về y tế và tâm lý có thể được bác sĩ và nhà tâm lý thông tri cho Giám đốc của tiên tập viện và cho Giám tỉnh, nếu, "trong khuôn khổ và sự cộng tác cần thiết với những người chịu trách nhiệm về tiến trình đào luyện" (CN 36), thỉnh sinh đồng ý với điều đó bằng văn bản, trước khi xét nghiệm y tế và tâm lý. Sự đồng thuận này phải "đi trước, rõ ràng, được thông tri và tự do".²¹*
- 353.** *Những môn triết học thích hợp cho hậu tập viện không được đề cập trước trong giai đoạn tiên tập viện này; tuy nhiên, nếu những hoàn cảnh của một Tỉnh dòng đòi hỏi cách khác, nhất thiết phải xin phép Bề Trên Cả.*

Tiếp nhận vào tập viện

- 354.** *"Khi xét thấy mình sẵn sàng và được chuẩn bị đầy đủ, ứng sinh làm đơn xin bắt đầu tập viện. Để được tiếp nhận, họ không được mắc những ngăn trở được nói tới trong Giáo Luật [GL 643-645 § 1], phải tỏ ra có những thích hợp và sự trưởng thành cần thiết để bước vào đời sống Salêdiêng cũng như có đủ sức khoẻ để có thể tuân giữ tất cả Hiến Luật của Tu hội."²²*

Những lượng giá về sự thích hợp phải được thực hiện dựa trên những tiêu chuẩn và hướng dẫn được Tu hội đưa ra trong Ratio và "Các Tiêu Chuẩn và Quy Tắc", khi để ý đến những điều kiện, những ngăn trở và những đòi hỏi pháp lý được chỉ ra ở trong đó.²³

²⁰ x. GL 643 § 1.1; 656.1; QC 90.

²¹ Thánh Bộ về Giáo dục Công giáo, *Guidelines for the Use of Psychology in the Admission and Formation of Candidates for the Priesthood*, Rome, 29 June 2008, số 12.

²² QC 90.

²³ x. Các Tiêu Chuẩn và Quy Tắc để phân định ơn gọi Salêdiêng. Sự tiếp nhận, số 114-116.

355. Việc tiếp nhận vào tập viện được Giám tỉnh thực hiện với sự đồng thuận của Ban Cố vấn ngài, sau khi nghe ý kiến của Giám đốc của cộng thể tiền tập viện với Ban Cố vấn ngài.²⁴ Các Bề Trên có thể tìm kiếm thông tin khác nữa, ngay cả dưới sự kín đáo, nếu các ngài thấy điều này là cần thiết.²⁵ Người chịu trách nhiệm về thỉnh sinh phải hiểu biết thích đáng về gia đình của họ và ngài phải trình bày thông tin này cho Giám tỉnh.

356. Đối với việc tiếp nhận có thể xảy ra dành cho những ứng sinh mà đã tự do rút lui hay bị chủng viện hoặc một Tu hội khác thải hồi,²⁶ buộc phải có được các thông tin thích đáng trước và bằng văn bản. Cách riêng, ngoài những tài liệu được nói đến trong Giáo Luật 241 § 2,²⁷ “dưới sự bó buộc nghiêm trọng” ta cũng phải yêu cầu “một sự tuyên bố của bề trên liên hệ, trên hết về lý do để thải hồi hay rời bỏ này.”²⁸

Về phần mình, chúng ta có bổn phận cung cấp thông tin tương tự cho những hội dòng hay chủng viện khác. Thông tin như thế phải kính trọng tính tín cẩn của tòa trong, quyền lợi của những người đối với danh thơm tiếng tốt của họ, cũng như đảm bảo được tính cách riêng tư của họ,²⁹ nhưng đồng thời, vì thiện ích của những người can hệ và vì sự thiện ích của Giáo hội, ta không được dấu hay che đậy tình trạng chân thật của các sự việc.

²⁴ HL 108.

²⁵ x. GL 645 § 4.

²⁶ x. Thánh Bộ về Giáo dục Công giáo, *L'ammissione al seminario di candidati provenienti da altri seminari o famiglie religiose*, Rome 1996.

²⁷ Ở đây quy chiếu tới giấy chứng nhận Rửa tội và Thêm sức, và những hồ sơ cần thiết khác theo những sắp đặt của Chương trình Đào tạo linh mục và theo GL 241 § 2.

²⁸ GL 241 § 3.

²⁹ x. GL 220.

CHƯƠNG 7

TẬP VIỆN

7.1 Bản chất và mục đích

357. Tập viện khởi đầu kinh nghiệm tu sĩ Salêdiêng trong việc theo Chúa Kitô.¹

Tập viện có mục đích “cống hiến cho tập sinh một hiểu biết hơn về ơn gọi thần linh của họ, và về ơn gọi của họ đối với Tu hội đó. Suốt thời tập viện, tập sinh phải kinh nghiệm về cách sống của Tu hội ấy và đào luyện tâm trí cùng tâm lòng của mình theo tinh thần đó. Đồng thời sự quyết định và sự thích hợp của họ phải được thử luyện.”²

Trong giai đoạn này, với sự giúp đỡ của tập sư và cộng thể, tập sinh:

- *Học để sống đời sống tông đồ thánh hiến Salêdiêng* một cách trực tiếp hơn như một kinh nghiệm tu trì: họ đào sâu những động lực cho chọn lựa của mình, thử thách một não trạng đức tin và hấp thụ những giá trị Salêdiêng;
- *Chứng thực mình thích hợp với đời sống Salêdiêng* theo một cách thức mà có thể làm cho chính mình và cộng thể đạt tới một sự vững chắc luân lý dựa vào những lý lẽ tích cực;
- *Liên lý hướng đời sống mình về sự trao ban chính mình* cho Thiên Chúa trong sự phục vụ giới trẻ theo tinh thần của Don Bosco, và nỗ lực [đạt tới] ơn hiệp nhất vốn liên kết chiêm niệm và hoạt động tông đồ lại với nhau;
- *Chuẩn bị để hiến mình hoàn toàn cho Thiên Chúa cách ý thức và tự do trong tuyên khấn lần đầu*, và đi vào một tiến trình đào luyện suốt đời.

¹ x. HL 110. Xem việc cử hành được đề nghị để bắt đầu nhà tập trong *Nghi Thức Tuyên Khấn Tu Trì, Tu hội thánh Phanxicô Salêdiêng*, Rome 1990, chương I, “Tiếp nhận vào đời sống tu trì.”

² GL 646.

7.2 Kinh nghiệm đào luyện

358. Đào luyện được công hiến trong tập viện một cách tiệm tiến nối kết tri thức với thực hành và chương trình cộng thể với sự hướng dẫn cá nhân. Bằng cách này *những nội dung được thông truyền trở thành “kinh nghiệm”* và được hấp thụ một cách hữu vị hóa, và tập sinh dần dần phát triển căn tính Salêdiêng của mình.

Chương trình đào luyện của tập viện bao gồm những khía cạnh khác nhau thuộc về đào luyện Salêdiêng, nhưng quan tâm đặc biệt đến khía cạnh thiêng liêng và sự hiểu biết đoàn sủng.

7.2.1 Đào luyện nhân bản

359. Tập sinh *đào sâu hiểu biết và chấp nhận chính mình*, tăng trưởng trong sự tự chủ và tiết độ, kiện cường khả năng để làm những quyết định có động lực và phát triển một sự sẵn sàng để làm việc.

Họ tham gia tích cực vào đời sống của cộng thể họ, tinh ròn khả năng dàn xếp và tương giao liên vị của mình vốn thân tình và nhưng không.

Họ vun trồng cách cư xử tốt và khả năng đối thoại, chấp nhận những khác biệt, lạc quan và đặt các tài năng của mình phục vụ cộng thể.

Đối với tập sự và nhóm đào luyện, cho tập sinh một “không gian” nào đó để thực thi tự do và trách nhiệm hầu họ có thể lượng giá chính mình, tính tự quản hữu vị của mình và khả năng cộng tác và có khả năng phản tỉnh trên những chọn lựa họ đã làm quả là quan trọng.

7.2.2 Đào luyện thiêng liêng

7.2.2.1 Đồng hình với Chúa Kitô trong bối cảnh của *Da mihi animas*

360. Đây là nét đặc sắc của tập viện.

Tập sinh được hướng dẫn để nỗ lực làm mình nên đồng hình với Chúa Kitô, vị Tông đồ của Cha và là Mực Tử Tốt Lành, Đấng mà họ thấy hiện diện nơi Don Bosco, người đã hiến đời mình cho giới trẻ.³ Họ đi vào *một tiến trình theo Chúa Giêsu* trong sự vâng phục,

³ x. HL 196.

nghèo khó và thanh khiết của Ngài và lớn lên trong sự hiệp nhất với Ngài khi hòa hợp với đoàn sủng Salêdiêng.

Được ơn Thần khí trợ giúp, họ tìm cách đồng nhất hóa chân thật và thích đáng với Chúa Kitô. “Đừng quên rằng anh chị em, một cách đặc biệt, có thể và phải nói rằng anh chị em không chỉ thuộc về Chúa Kitô nhưng anh chị em trở nên Chúa Kitô!”⁴ Điều này có nghĩa rằng tập sinh hoàn toàn đảm nhận một tiến trình hoán cải và biến đổi theo Tin mừng nơi chính con người mình.

Trong nỗ lực tu đức, họ làm cho những kinh nghiệm tập sinh thành niềm vui là đặt Chúa Kitô vào trung tâm của cuộc đời mình và chia sẻ ngày một hơn những tình cảm của Ngài. Đối với họ, đây là một trách vụ siêu việt chính mình, qua đó họ tìm được con đường tới sự thành toàn trong Chúa Kitô.⁵

Trong việc tuyên khấn tu trì và trong đời sống của họ như một con người được thánh hiến, họ diễn đạt trọn vẹn việc sống thâm sâu hơn bí tích rửa tội và sự đồng hình với Chúa Kitô trong bối cảnh của *da mihi animas*.

7.2.2.2 Sự hấp thụ đoàn sủng Salêdiêng và đồng nhất hóa với Đấng Sáng Lập

361. Đào luyện nhằm thanh tẩy và kiện cường sự hấp dẫn ban đầu đối với Don Bosco và đời sống Salêdiêng và làm nó trở thành hiện thực qua một *tiến trình hấp thụ đoàn sủng Salêdiêng* như được diễn tả trong Hiến Luật.

Tập sinh được hướng dẫn vào một kinh nghiệm thiêng liêng hệ tại ở một cách hiện hữu/sống và hành động đặc thù, và tìm được lối diễn tả trong những thái độ tiêu biểu như: một khuynh hướng mãnh liệt hướng đến sứ mệnh Salêdiêng giữa giới trẻ nghèo, một phong thái cầu nguyện và đời sống huynh đệ trong cộng thể; tắt một lời, một lối riêng biệt để sống sự thánh hiến của mình.

⁴ VC 109.

⁵ x. HL 22.

362. *Tập sinh học hỏi kinh nghiệm đặc thù về Thiên Chúa của Don Bosco, lượng giá những động lực dẫn họ ôm ấp đời thánh hiến Salêdiêng, và học để giữ được sự quân bình giữa nỗ lực hướng tới lý tưởng và tình huống cụ thể của cộng thể mình. Họ tiếp xúc gần gũi và nghiêm chỉnh với những nguồn mạch thuộc kinh nghiệm của ngài về đoàn sủng Salêdiêng.*

Họ chuẩn bị mình để trở nên phần [tử] của Tu hội, vun trồng sự hiệp thông với Tỉnh dòng và rộng mở chính mình với thực tại Gia đình Salêdiêng. Bằng cách học về lịch sử của họ và theo dõi những biến cố quan trọng hơn, họ tăng trưởng sự hiểu biết về các ơn gọi khác nhau trong Gia đình Salêdiêng và bằng cách này gia tăng cảm thức thuộc về Gia đình ấy.

7.2.2.3 Kinh nghiệm về đời sống huynh đệ

363. Chính trong cộng thể mà tập sinh học hỏi tinh thần Salêdiêng vốn tận căn là một sự kiện thông truyền sống động.⁶

Họ chấp nhận anh em mình trong một tinh thần đức tin⁷ và rộng mở thông giao với họ và phục vụ họ. Trong đời sống hằng ngày, họ tìm thấy nhiều cơ hội để tăng trưởng đức ái huynh đệ, sự kiên nhẫn cũng như việc vượt thắng những khó khăn trong những mối tương giao liên vị. *Họ phát triển một tình yêu hiệu quả đối với cộng thể* và biết rằng, ở trên và vượt quá những khác biệt và khuyết điểm của anh em, chính Thiên Chúa sáng kiến quy tụ họ lại thành cộng thể. Họ vui tươi tham dự vào cộng thể và với một cảm thức thật sự về gia đình, họ tìm thấy nơi đó Thiên Chúa hiện diện.⁸

7.2.2.4 Khai tâm vào cầu nguyện bao trùm toàn cuộc đời họ

364. Tập viện công hiến một bầu khí và môi trường hồi tâm vốn dẫn đến đối thoại với Thiên Chúa. Nó cũng bảo đảm sự hướng dẫn thích hợp, những thời gian đều đặn và một kiến thức về những phương pháp

⁶ x. QC 85.

⁷ x. HL 50.

⁸ x. HL 52.

cầu nguyện khác nhau. Bằng cách này, tập viện tỏ lộ chính mình là *một trường thật sự dạy cầu nguyện*.

Tập sinh được giúp đỡ nhiều khi cộng thể tập viện có một chương trình cầu nguyện được tổ chức tốt đẹp, được thực thi với tính đơn giản, sống động và niềm vui; tập sinh cũng được trợ giúp khi được công hiến những khả thể khác nhau của cầu nguyện theo nhóm nhỏ với giới trẻ và với giáo dân.

Suốt thời tập viện, tập sinh được giáo dục:

- Yêu mến và lắng nghe *Lời Thiên Chúa*;
- Hiểu và yêu mến *phụng vụ* như là kinh nguyện của Chúa Kitô và Giáo hội, và như một con đường của đời sống thiêng liêng;
- Sống *Thánh Thể* như là hành vi trung tâm trong một ngày sống của họ và của cộng thể Salêdiêng, như “một cử hành vui tươi hằng ngày trong một phụng vụ sống động;”⁹
- Cử hành *bí tích Giao Hòa* cách đều đặn và nghiêm chỉnh;
- Khám phá những sự giàu có của các *Giờ kinh Phụng vụ*;
- Cầu nguyện khi dùng những *thánh vịnh* của Giáo hội;
- Thực tập và cảm nhận cần *cầu nguyện cá nhân* như một hơi thở chân thật của linh hồn; tập sinh phải thủ đắc được thói quen nguyện ngắm vốn sẽ phải theo họ suốt đời quả thật quan trọng.
- Bước đi cách cá nhân trong *đời sống thiêng liêng*;

Sự thực hành cầu nguyện này giúp tập sinh sống “*kết hiệp với Thiên Chúa*” và thánh hóa những hoạt động mỗi ngày. Bằng cách này họ chuyển từ một nhịp điệu cầu nguyện sang một tinh thần cầu nguyện bao trùm toàn bộ đời sống của họ, và chuyển nó thành một đời sống trong Thần khí.

⁹ HL 88.

7.2.3 Đào luyện tri thức

365. “Việc học trong thời gian tập viện phải được thi hành nghiêm túc, theo chương trình được xác định trong quy trình tổng quát về các môn học; *phải có mục tiêu nổi bật là dẫn nhập vào mầu nhiệm Đức Kitô*, để nhờ tiếp xúc với Lời Chúa, tập sinh phát triển được một đời sống đức tin thâm sâu hơn và một sự hiểu biết đầy tình mến về Thiên Chúa. Cũng như phải đào sâu thần học đời tu, học hỏi Hiến Luật, đời sống Don Bosco và truyền thống chúng ta.”¹⁰ Những khía cạnh quan trọng về lịch sử Tu hội, và một khái quát về Gia đình Salêdiêng và Phong trào Salêdiêng cũng phải được trình bày.

Những môn học giúp tập sinh khai sáng đức tin, hiểu biết ơn gọi Salêdiêng, xây dựng những xác tín của họ, tăng trưởng tới sự trao ban trọn vẹn chính mình¹¹ và nâng đỡ thái độ cùng những lựa chọn của họ. Chương trình học nhằm kiện cường tiến trình tăng trưởng của họ để đạt tới sự trưởng thành thiêng liêng và có việc học hỏi Hiến Luật là cốt lõi của nó.

Suốt thời tập viện nên khích lệ việc đọc những tác giả thiêng liêng và *học các ngôn ngữ*, cách riêng những ngôn ngữ mà tình trạng của Tỉnh dòng đòi buộc và tiếng Ý. Tiếng Ý vẫn là yếu tố để giao tiếp trong Tu hội, để hiểu biết những nguồn liệu và đọc các văn kiện, để tiếp xúc với các Bề trên và trong những cuộc hội họp cấp thế giới.

7.2.4 Đào luyện cho thừa tác vụ giáo dục mục vụ

366. Toàn tập viện được sống trong khuôn khổ của một ơn gọi tông đồ bao gồm nhiệt tình “*da mihi animas,*” một sự sẵn sàng để phục vụ giới trẻ, và một sự chấp nhận sứ mệnh của Tu hội. Sự phục vụ Vương quốc, chứng tá cho Tin mừng, một cảm thức về Giáo hội và nhiệt tâm truyền giáo là những đặc trưng của kinh nghiệm tập viện. Hiểu biết và suy tư về trạng huống của giới trẻ, nhất là giới trẻ nghèo, về công việc mục vụ của Tỉnh dòng, về kinh nghiệm và những chỉ dẫn của Tu hội, và về những biên cương của sứ mệnh Salêdiêng và công

¹⁰ HL 91.

¹¹ x. HL 110.

cuộc truyền giáo, tất tất cũng tạo nên thành phần của kinh nghiệm tập viện này.

Tính nhạy cảm đối với những nhu cầu của thế giới, cách riêng của giới trẻ, đóng vai trò như một kích thích tố đến ơn gọi, nuôi dưỡng cầu nguyện, và chuyển thành sự tham gia. Và chính nhằm đến sứ mệnh, tập sinh vun trồng những tài năng của mình và phát triển những tiềm năng của mình.

367. “Tiếp xúc với thực tại xã hội và tông đồ của khu vực xung quanh,”¹² cộng thể tập viện biểu lộ đức ái mục tử của mình trong việc phục vụ Vương quốc qua *những kinh nghiệm giáo dục và mục vụ khác nhau* nơi đó tập sinh có khả thể để:

- Trưởng thành như một nhân vị và biết những tài năng và phẩm tính nhắm đến đời sống và sứ mệnh Salêdiêng;
- Học thực thi Hệ thống Dự phòng;
- Huân luyện chính mình để nối kết hoạt động và chiêm niệm trong “on hiệp nhất”;
- Hiểu biết và kinh nghiệm thế giới giới trẻ, nhất là những em nghèo nhất.

Qua những hoạt động giáo dục và mục vụ, tập sinh học để làm mọi sự vì yêu mến Chúa Kitô: họ nhập thể chính mình giữa những người họ được sai đến, chia sẻ với giáo dân và tìm thấy niềm vui khi hiến mình cách tự do.

Những kinh nghiệm này được ghi dấu do tính đơn giản và phẩm tính của họ, do việc hoạch định và chuẩn bị tốt đẹp, do một lối tiếp cận cộng thể, do sự hiện diện của một người hướng dẫn và do việc suy tư trên hoạt động được hoàn tất.

7.3 Một số đòi hỏi đối với đào luyện

7.3.1 Cộng thể và khung cảnh

368. *Cộng thể tập viện* làm cho sự hấp thụ những giá trị tu trì và Salêdiêng thành dễ dàng nó là một “*gương đời sống được xây dựng trên đức*

¹² QC 89.

tin, và được nuôi dưỡng bằng kinh nguyện, trong đó tinh thần đơn sơ, sự vui tươi, tình bằng hữu Phúc âm và sự kính trọng lẫn nhau tạo nên bầu khí tín nhiệm và dễ dạy.”¹³ Nơi tập viện, tập sinh vui hưởng mối tương quan tự nhiên với những người đã tuyên khấn, và việc đào luyện của họ là kết quả của một nỗ lực được phối hợp nhịp nhàng của cộng thể đào luyện này vốn có thể thông truyền những giá trị của đoàn sủng Salêdiêng bằng chính lối sống của mình.

Ý thức trách nhiệm của mình, Tinh dòng đảm trách cung cấp nhân sự và những phương tiện cần thiết để hiện thực những mục tiêu đào luyện của tập viện.

Sự tổ chức của tập viện được điều hành bởi một tiêu chuẩn nền tảng mà thôi: *khung cảnh và những cơ cấu* phải làm sao để cung ứng được một đào luyện Salêdiêng chân chính và khiến các tập sinh làm cho mục đích và nội dung của tập viện thành của chính mình.

Khi xem xét mục đích của tập viện, thật đáng ao ước rằng nhà tập phải được định vị trong một khu vực công hiến cơ hội tốt cho việc mục vụ.¹⁴

Tất cả những dịp tiếp xúc, chia sẻ thiêng liêng và cộng tác giữa những viện tu cũng thật là hữu ích, trong khi vẫn kính trọng khuôn mẫu của đời sống cộng đoàn và đào luyện của mỗi viện tu.

7.3.2 Tập sự và những người chịu trách nhiệm về đào luyện

369. “Tập sự là vị *linh hướng, phối hợp và linh động hóa tất cả mọi hoạt động đào luyện* của tập viện.”¹⁵ Ngay từ đầu năm tập, tập sinh “đặt mình dưới sự hướng dẫn của tập sự,”¹⁶ mở tâm hồn mình cho ngài cách thẳng thắn và tín nhiệm, tỏ ra quan tâm mãnh liệt đến việc đào luyện mình và cộng tác với một cảm thức về chia sẻ trách nhiệm.

Được những nhà hướng dẫn đào luyện khác trợ giúp, tập sự có trách vụ chính yếu là *làm cho tập viện thành một cộng thể đào luyện thật sự*, một cộng thể vốn dẫn từng tập sinh đến kinh nghiệm đào luyện

¹³ HL 110.

¹⁴ x. QC 89.

¹⁵ HL 112.

¹⁶ HL 111.

được hữu vị hóa và rõ ràng mang tính chất Salêdiêng và sống theo chính cách thức và tinh thần của Hệ thống Dự phòng, rộng mở trước thực tại của Tỉnh dòng Salêdiêng.

Một số phương thế tùy ngài sử dụng là huấn đức, huấn từ tối, cuộc đàm thoại đều đặn và thân tình với mỗi tập sinh, và những phiên họp để vạch chương trình, lượng giá và chia sẻ.

370. *Tập sự bộc lộ mình* là một người của đôi thoại và nhân hậu trong những tiếp xúc, và vì thế, là một người có khả năng khởi hứng sự tín nhiệm. Ngài tỏ ra gắn bó với Don Bosco và Tu hội, nhiệt tình tông đồ, và có khả năng làm việc trong một nhóm và kiến tạo bầu khí gia đình.

Ngài khuyến khích những người hướng dẫn đào luyện chia sẻ trách nhiệm, công hiến sự đóng góp đặc biệt của họ theo vai trò của họ và tham gia vào sự phân định và lấy quyết định. Ngài giữ liên lạc với những người chịu trách nhiệm trong tiên tập viện và hậu tập viện.

Ngài thích ứng chính mình với điều kiện của từng tập sinh, làm tất cả mọi điều có thể để học biết về bối cảnh của họ, nền giáo dục họ nhận được tại gia đình và những kinh nghiệm đời sống của họ trước khi gia nhập tập viện. Ngài để ra một khoảng không gian đầy đủ cho các tập sinh tự phát và có thể thực thi một sự phân định sâu xa.

7.4 Sự phân định và tiếp nhận tuyên khấn lần đầu

7.4.1 Thời gian phân định

371. Năm tập viện là một thời gian dành để *phân định ơn gọi mãnh liệt* được thực hiện trong một bầu khí đức tin, sự cởi mở chân thành và sự hướng dẫn có hệ thống.

Khi dần dần đạt được kinh nghiệm về đời thánh hiến Salêdiêng, tập sinh lượng giá tình trạng của mình trước Thiên Chúa: vị trí mà Đức Giêsu chiếm trong đời anh, việc anh hấp thụ những giá trị ơn gọi của mình, những động cơ và bước tiến mà anh đã làm trong đào luyện mình và, với sự hướng dẫn của tập sự cùng sự trợ giúp của cộng thể, anh [tập sinh] đạt đến một mức độ thanh thản và rõ ràng về thánh ý Chúa đối với mình.

Những thời khắc quan trọng của tiến trình này cũng là *những sự lượng giá định kỳ và trên hết sự phân định chung cục* mà trực tiếp can dự đến chính tập sinh. Chúng là những thời khắc trong đó một đảng tập sinh xem xét chính mình trong mối liên hệ với kinh nghiệm hằng ngày và đảng khác trong ánh sáng của căn tính Salêdiêng và những đòi hỏi và động cơ để sống nó.

Có một thời khắc đặc biệt trong nhà tập khi mọi tập sinh được tập sự giúp đỡ để đảm nhận một sự phân định về hai hình thức ơn gọi thánh hiến Salêdiêng, và trước khi xin được tiếp nhận tuyên khấn tập sinh đi tới một sự chọn lựa biệt loại cho tương lai như một Salêdiêng sư huynh hay một Salêdiêng linh mục/phó tế vĩnh viễn. Cách riêng, thêm vào những tiêu chuẩn khác, nó là một sự phân định hoặc trong công cuộc giáo dục mục vụ với giới trẻ mà người tập sinh có thiên hướng lớn lao hơn “về những phẩm tính biệt loại của bậc giáo dân, vốn làm họ một cách đặc biệt là chứng nhân cho Vương quốc Thiên Chúa trong thế giới, gần gũi với giới trẻ và những thực tại của đời sống lao động”¹⁷ hoặc “đối với thừa tác vụ, vốn làm cho tập sinh thành một dấu chỉ của Đức Kitô Mục Tử, cách riêng bởi rao giảng Tin mừng và ban phát các bí tích.”¹⁸

7.4.2 Tuyên khấn tạm

372. Tập sinh được tiếp nhận tuyên khấn lần đầu do Giám tỉnh với sự đồng thuận của Ban Cố vấn ngài, sau khi nghe ý kiến của Giám đốc cộng thể với Ban Cố vấn ngài.¹⁹

Tuyên khấn tu trì là một sự xác định công khai bắt đầu một giao ước mà Thiên Chúa, Giáo hội và cộng thể thiết lập với người mới được thánh hiến.

Chính Thiên Chúa thánh hiến và tập sinh đáp trả bằng cách trọn vẹn trao hiến chính mình cho Thiên Chúa trong đời sống Salêdiêng. Cộng thể xét họ có thể sống ơn gọi này và chấp nhận họ như một người anh em.

¹⁷ HL 45.

¹⁸ HL 45.

¹⁹ x. HL 108.

Trong kinh nghiệm của mình, Giáo hội đã thiết lập một giai đoạn tuyên khẩn tạm; trong suốt thời gian này người tu sĩ lớn lên trong sự trưởng thành và lượng giá những khả năng cụ thể trong ánh sáng của những kinh nghiệm sống đoàn sủng ấy; bằng cách này họ có thể đạt tới một chọn lựa tự do, hữu trách và dứt khoát.

Hết lòng phục tùng những quy định của Giáo hội, ứng sinh tuyên khẩn tạm nhưng với ý hướng dâng hiến chính mình hoàn toàn và trọn đời, bởi vì họ biết rằng “họ không dâng đời sống mình cho Chúa Kitô dựa trên ‘thử nghiệm’”.²⁰

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

- 373.** *“Để hiệu lực, một tập viện phải xảy ra trong **một nhà được chỉ định thích đáng vì mục đích này.**”²¹ Thuộc Bề Trên Cả với sự đồng thuận của Ban Cố vấn ngài để thiết lập hay hủy bỏ một nhà tập, phê chuẩn sự chuyển dời hay thiết lập tập viện cùng bên với một cộng thể thích hợp khác.²² Những vụ việc này phải được làm dưới hình thức văn bản sắc lệnh như Giáo Luật quy định.*
- 374.** *“Nhà dành làm tập viện phải **tiếp xúc với những thực tại xã hội và tông đồ của khu vực lân cận.** Khi hoàn cảnh đòi hỏi, tập viện có thể được đặt tại một cộng thể khác thích hợp.”²³ Sự tiếp chạm với môi trường chung quanh, nếu được thực thi theo một cách vốn kính trọng những mục tiêu đào luyện của thời kỳ này, có thể làm giàu cho công việc đào luyện, giữ cho tập viện tiếp chạm với thực tại và cho phép hiện thực những hoạt động mục vụ cần thiết.²⁴*
- 375.** *Giám tỉnh, mà nhà tập thuộc quyền tài thẩm của ngài, “có thể cho phép một nhóm tập sinh sống, **trong một thời kỳ nào đó, trong một***

²⁰ PI 55.

²¹ GL 647 § 2; x. HL 111.

²² x. HL 132 § 1.3; GL 647 § 1.

²³ QC 89.

²⁴ x. QC 86; GL 652 § 5.

nhà khác được biệt loại hoá của Tu hội.”²⁵ Nếu nhà được chọn tùy thuộc vào một Tỉnh dòng khác, ngài phải có sự đồng ý của Giám tỉnh khác liên hệ. Vì sự minh định:

- Việc chỉ định nhà đó phải được làm với một sắc lệnh trên văn bản;
- Những tập sinh phải được tập sự và những người hướng dẫn đào luyện đồng hành;
- Hạn kỳ thời gian phải được nói rõ ràng trong sắc lệnh;
- Nhà đó phải tuyệt đối là Salêdiêng và được thiết lập theo Giáo Luật.²⁶

376. *Một ứng sinh có thể làm thời tập viện của mình trong một nhà khác dưới những điều kiện sau đây:*

- Trong những nó rất đặc biệt và coi như luật trừ, và chỉ do Bề Trên Cả nhân nhượng cùng với sự ưng thuận của Ban Cố vấn ngài;
- Dưới sự hướng dẫn của một Salêdiêng có khả năng vốn thế chỗ của tập sự, và được Giám tỉnh chỉ định với sự ưng thuận của Ban Cố vấn ngài và được Bề Trên Cả phê chuẩn trong từng nó một;²⁷
- Trong một nhà Salêdiêng được thiết lập theo Giáo luật.

377. *Tập sự “phải là hội viên khấn trọn và được Giám tỉnh chỉ định với sự ưng thuận của Ban Cố vấn Tỉnh và sự phê chuẩn của Bề Trên Cả. Ngài giữ trách vụ ba năm và có thể được tái bổ nhiệm.”²⁸ Sự chuẩn nhận của Bề Trên Cả là cần thiết cho cả thời kỳ ba năm đầu tiên và những thời kỳ ba năm kế tiếp.²⁹*

378. *Trong những nhà tập viện được dành riêng cho mục đích này mà thôi, tập sự cũng là Giám đốc quả thật thích hợp. Trong những trường hợp khác Giám tỉnh sẽ đảm bảo rằng những điều kiện trong đó tập sự thực thi chức năng – cho dù là Giám đốc hay không – phải là thích hợp nhất để hiện thực được những mục tiêu của nhà tập.³⁰*

²⁵ GL 647 § 3.

²⁶ x. *ibid.*

²⁷ x. HL 111, 165 § 3; GL 647 § 2.

²⁸ HL 112; x. GL 651 § 1.

²⁹ x. ASC 276, p. 68.

³⁰ *Ibid.*

Đội ngũ đào luyện phải có độ lớn và năng lực đúng đắn. Nên có những người và những vai trò khác nhau; cách riêng, phải làm mọi nỗ lực để bảo đảm rằng giữa những hội viên có trách nhiệm trong đào luyện, cũng có các Salêdiêng sư huynh.

- 379.** *“Thời gian tập viện kéo dài mười hai tháng; thời gian này bắt đầu từ lúc ứng sinh, sau khi đã được Giám tỉnh chấp nhận, vào một nhà tập thiết lập theo giáo luật và đặt mình dưới sự hướng dẫn của tập sư. Sự vắng mặt qua ba tháng, liên tục hay đứt quãng, đều làm vô hiệu thời gian tập viện. Sự vắng mặt qua mười lăm ngày phải được bù lại.”*³¹ *Đối với việc tính toán thời gian, ta phải quy chiếu về điều được đề ra trong Giáo Luật.*³²
- 380.** *“Trong những trường hợp đặc biệt, Giám tỉnh có thể kéo dài năm tập, nhưng không quá sáu tháng theo quy định của khoản Giáo Luật 653”.*³³
- 381.** *“Các tập sinh sẽ tĩnh tâm khi bắt đầu năm tập vào lúc xét là thích hợp, và trước khi khấn.”*³⁴
- 382.** *“Những kinh nghiệm mục vụ” hãy rút lấy khởi hứng của mình từ những quy tắc được đề ra ở trên.*³⁵ *Những kinh nghiệm ấy hãy được thực thi theo một cách có lớp lang và theo đặc tính khởi đầu của tập viện; chúng hãy được chuẩn bị, được dõi theo và được duyệt lại cách thích đáng trong cộng thể tập viện.*³⁶ *Tập sư là người đầu tiên chịu trách nhiệm về những điều ấy.*
- 383.** *Suốt thời tập viện giáo trình chính thức của các môn học (kể cả những môn triết học và thần học) bị gián đoạn, mặc dù chúng đã có thể tạo nên thành phần của một khóa học để lấy được những bằng*

³¹ HL 111; x. *Elementi giuridici e prassi amministrativa nel governo dell’Ispettorìa*, Rome 1987, 55-56.

³² x. GL 201 § 1; 202 § 2; 203 § 1,2.

³³ QC 93.

³⁴ QC 92.

³⁵ x. các số trên kia 198-199, 202-204.

³⁶ x. QC 86; ASC 276, p. 73.

*cấp học vấn hay để trực tiếp chuẩn bị cho công việc chuyên môn hoặc tông đồ.*³⁷

*“Các môn học trong tập viện phải được thi hành nghiêm túc, theo một chương trình vốn nên thiết thân với kế hoạch tổng quát của các môn học; phải có mục tiêu nổi bật là dẫn nhập vào mầu nhiệm Đức Kitô.... Cũng phải trình bày một nền tảng thần học lành mạnh cho đời tu. Phải học hỏi Hiến Luật, đời sống Don Bosco và những truyền thống chúng ta.”*³⁸

- 384.** *Mỗi ba tháng, tập sư với Ban Cố vấn Cộng thể, sẽ lượng giá cẩn thận về sự chín muồi của từng tập sinh trong ơn gọi của họ. Chính các tập sinh nên được huấn luyện để liên lý phân định về bản thân mình, để tri nhận được ý Thiên Chúa và thanh luyện các động cơ của mình.*

*Hơn nữa mọi tập sinh phải thực thi một tiến trình phân định với tập sư về hai hình thức ơn gọi thánh hiến Salêdiêng khi lợi dụng cách riêng những tiêu chuẩn được diễn đạt trong “Các Tiêu chuẩn và Quy tắc” trong các số 84-87. Trước khi xin được tiếp nhận tuyên khấn, từng tập sinh xác minh định hướng ơn gọi biệt loại của mình như một Salêdiêng sư huynh tương lai hay một Salêdiêng linh mục/phó tế tương lai. Đối với mọi người, định hướng ơn gọi phải trở nên dứt khoát, trước khi đào luyện chuyên biệt sau thời thực tập hay trước khi khấn trọn đời, việc này nên đi trước đào luyện chuyên biệt.*³⁹

Để khích lệ sự phân định thích đáng và nêu bật ơn gọi thánh hiến Salêdiêng, nếu thường quen trao ban cho các tư giáo áo chùng thâm trong tập viện, thì nên chuyển việc này vào lúc kết thúc tập viện.

- 385.** *“Trong thời tập viện tập sinh có thể tự do rời bỏ Tu hội.”*⁴⁰

Sự thái hồi chung cục một tập sinh, trong thời tập viện hay vào lúc kết thúc tập viện, thuộc về Giám tỉnh của Tỉnh dòng trong đó nhà tập

³⁷ x. ASC 276, p. 70.

³⁸ QC 91.

³⁹ Trong “Các Tiêu chuẩn và Quy tắc” số 7 khẳng định: “Tốt nhất là sự chọn lựa ơn gọi được làm rõ ràng từ tuyên khấn lần đầu, nhưng dù sao chăng nữa, phải rõ ràng trước khi bắt đầu đào luyện chuyên biệt và khấn trọn đời.”

⁴⁰ QC 93; GL 653 § 1.

được định vị;⁴¹ nếu tập sinh thuộc về một Tỉnh dòng khác, Giám tỉnh của nơi gốc nên được thông tri trước khi thả hồi [tập sinh].

Tuyên khẩn

386. Không chút gì tổn hại đến phong thái cá nhân riêng cho mỗi người, **đơn xin** tuyên khẩn lần đầu phải chứa đựng những yếu tố chung sau đây:

- Một ý thức về hành vi công khai mà một người muốn thực hiện;
- Ý hướng cam kết suốt cả cuộc đời của một người;
- Tự do để thực hiện hành vi đó;⁴²
- Sự quy chiếu đến việc chính mình đã thực thi sự phân định và đã xin ý kiến của vị linh hướng và cha giải tội;
- Tỏ ra hướng chiều của một người vươn đến ơn gọi biệt loại của Salêdiêng linh mục hay Salêdiêng sư huynh.

387. Ứng sinh được nhận tuyên khẩn tạm sau khi họ đã làm đơn cần thiết và đã được xét là thích hợp.⁴³

“Các Bề trên phán quyết dựa trên **những yếu tố tích cực mình xác được sự thích hợp của một ứng sinh**, lưu ý trước hết những đòi hỏi của Giáo Luật.”⁴⁴ Nguyên việc không có những yếu tố tiêu cực hay đáng nghi ngờ mà thôi thì không đủ. Ta phải phân biệt rõ ràng giữa tiến trình trưởng thành và việc thiếu sự thích hợp với đời sống tu trì Salêdiêng. Những người mà không có hy vọng để được tiếp nhận vào tuyên khẩn trọn đời cũng không nên được tiếp nhận vào tuyên khẩn tạm.”⁴⁵

388. Những điều kiện cho tính hiệu lực của việc tuyên khẩn tạm được diễn tả trong GL 656:

- Người tuyên khẩn phải hoàn tất ít nhất 18 tuổi đời;⁴⁶
- Tập viện phải được thực hiện có hiệu lực;

⁴¹ x. QC 90; GL 653 § 1,2.

⁴² x. HL 108.

⁴³ x. QC 93; GL 653 § 2.

⁴⁴ HL 108; x. GL 657 § 1.

⁴⁵ x. TTNĐB 697b.

⁴⁶ x. GL 656 § 1.

- Sự tiếp nhận phải được ban cho cách tự do;
- Việc tuyên khẩn phải được biểu lộ cách công khai trong tất cả sự tự do: bởi vì bản chất công khai của nó, việc tuyên khẩn đòi buộc Bề trên hợp pháp hay người ủy quyền phải hiện diện; vị này sẽ nhận lời tuyên khẩn nhân danh Giáo hội theo GL 1192 § 1, và hai nhân chứng để mang lại chứng cứ pháp lý của sự tuyên khẩn;
- Việc tuyên khẩn phải được Bề trên hợp pháp hay vị ủy quyền của ngài tiếp nhận.

“Tất cả mọi sắp xếp pháp lý về những điều kiện cho tính hiệu lực và cho thời gian mà lời tuyên khẩn hết hạn phải được tuân giữ.”⁴⁷

389. Mục đích của **thời kỳ khẩn tạm** là làm cho ứng sinh có thể đạt tới sự trưởng thành thiêng liêng Salêdiêng cần thiết cho việc tuyên khẩn trọn đời. Thông thường thời gian này kéo dài sáu năm.⁴⁸

Khi xét đến sự trưởng thành của một người và những tiêu chuẩn đào luyện khác, Giám tỉnh có thể kéo dài thời kỳ khẩn tạm, nhưng không quá chín năm.⁴⁹

390. “Việc tuyên khẩn trong giai đoạn ba năm đầu sẽ là khẩn ba năm hay từng năm một; trong giai đoạn ba năm thứ hai, việc tuyển khẩn thông thường sẽ là khẩn ba năm.”⁵⁰ Không có gì ngăn cản việc khẩn hai năm. Để chọn từ giữa những khả thể khác nhau ta phải ghi nhớ những động cơ của đào luyện, và phải xem xét tính chất tiệm tiến và nghiêm chỉnh của sự cam kết. Quyết định sẽ tùy vào đơn xin của tập sinh hay hội viên khẩn tạm và vào Giám tỉnh, người tiếp nhận họ.

391. Hãy **cử hành** việc tuyên khẩn lần đầu cách giản dị, mà không có sự trang trọng thích đáng cho tuyên khẩn trọn đời.⁵¹

⁴⁷ PI 57; x. GL 655-657.

⁴⁸ x. *The Project of Life of the Salesians of Don Bosco*, p. 833-835.

⁴⁹ x. HL 117.

⁵⁰ HL 113.

⁵¹ x. PI 56. Thánh bộ về Phụng tự, *Cấp trật của tuyên khẩn tu trì*, số 5, ghi chú 24. Đối với việc cử hành tuyên khẩn tạm và trọn đời của người Salêdiêng, x. Nghi thức Tuyên khẩn Tu trì, *Tu hội thánh Phanxicô Salê*, Rome 1990.

392. Sự canh tân việc tuyên khẩn tạm xảy ra khi thời gian của lời khẩn tạm đã xong.⁵² Ngày giờ chính xác mà việc tuyên khẩn hết hiệu lực là ngày tiếp theo sau ngày mà việc tuyên khẩn được thực hiện.

Sự canh tân lời khẩn phải được cử hành “mà không có bất cứ sự long trọng đặc biệt nào,”⁵³ nhưng điều này không chút giảm nhẹ ý thức về sự cam kết được đòi hỏi.

393. Áo dòng mà các linh mục tương lai mặc hợp theo những sắp xếp của Giáo hội địa phương trong những quốc gia mà họ sống và làm việc. Cùng điều này cũng áp dụng cho lúc mà từ đó họ phải mặc áo dòng.

Các Salêdiêng sư huynh và các ứng sinh cho chức linh mục mà chưa nhận áo giáo sĩ sẽ thừa nhận lối ăn vận đơn giản song xứng hợp mà Don Bosco khuyến nhủ.⁵⁴

394. Sự tiếp nhận lại một người vào Tu hội, người mà đã hợp pháp rời bỏ Tu hội sau khi đã hoàn tất tập viện hay sau khi tuyên khẩn tùy vào Giám tỉnh với Ban Cố vấn ngài. Người mà được tiếp nhận lại phải lập lại tập viện và hoàn tất thời kỳ khẩn tạm.

Theo Giáo luật 690, Bề Trên Cả với sự đồng ý của Ban Cố vấn ngài có thể miễn trừ bốn phận lập lại tập viện, và đồng thời cho Giám tỉnh với Ban Cố vấn ngài năng quyền (faculty) để tiếp nhận lại.

Thuộc về Bề Trên Cả để quyết định – trong những trường hợp này – một sự thử thách thích đáng trước khi tuyên khẩn tạm, cũng như độ dài của thời gian trong lời khẩn trước khi tuyên khẩn trọn đời.⁵⁵

Sau khi lượng giá với Ban Cố vấn những động cơ của lời xin để tiếp nhận lại, Giám tỉnh sẽ trình bày lời xin đó cho Bề Trên Cả cùng với một bản tường trình chi tiết về nó ấy (lý lịch đầy đủ của người thỉnh cầu, những lý do tại sao họ không tuyên khẩn hay quyết định rời bỏ

⁵² x. GL 657 § 1. *Elementi giuridici e prassi amministrativa nel governo dell' Ispettorato*, Rome 1987; ISM, App. 64.

⁵³ PI 56.

⁵⁴ x. HL 62.

⁵⁵ x. GL 690 § 1.

Tu hội sau khi tuyên khẩn, những lý do tại sao bây giờ họ xin được tiếp nhận lại, v.v.)⁵⁶

395. Khiếm diện khỏi cộng đoàn tu sĩ (*absentia a domo*) thông thường không được ban cho các hội viên trong thời đào luyện ban đầu và cho các hội viên sư huynh trong trường hợp của một khủng hoảng ơn gọi có thể xảy ra. Trong khi tiếp tục sống trong cộng thể, người hội viên đã tuyên khẩn xử lý tình trạng của mình bằng cách nại đến một sự phân định nghiêm chỉnh và đến một cuộc đối thoại chân thành và tín nhiệm với Giám tỉnh, Giám đốc và những người có trách nhiệm với việc đào luyện của họ.⁵⁷

⁵⁶ x. *Elementi giuridici*, 70-71; ISM, app. 70-71.

⁵⁷ x. Thư của cha Phó Bề Trên Cả, G. Scrivo, cho các Giám tỉnh, 20.1.1985, Prot. 85/64; x. *Elementi giuridici*, 91.

CHƯƠNG 8

HẬU TẬP VIỆN

8.1 Bản chất và mục đích

396. “Việc tuyên khấn lần đầu khai mở thời kỳ cuộc sống thánh hiến. Trong thời kỳ này, hội viên được nâng đỡ bởi cộng thể và bởi việc được linh hướng, *sẽ hoàn tất tiến trình trưởng thành nhằm tới việc khấn trọn*, và trong tư cách người Salêdiêng giáo dân hay người Salêdiêng hướng tới chức linh mục, họ triển khai những khía cạnh khác nhau của ơn gọi mình.”¹

Như giai đoạn đầu tiên của thời kỳ tuyên khấn tạm, thời *hậu tập viện* là “thời kỳ làm chín muồi đời tu sĩ. Thời kỳ này tiếp tục kinh nghiệm đào luyện của tập viện;” nó giúp cho người Salêdiêng tuyên khấn tránh đi một sự thay đổi đột ngột trong mẫu sống của họ và làm họ chùng lại trong bước tăng trưởng trong ơn gọi. Nó cũng “giúp chuẩn bị cho thời tập vụ.”²

Nó là một thời gian tế nhị và quan trọng. Hội viên vui tươi và trung thành sống những sự cam kết mà họ đã đảm nhận trong việc tuyên khấn lần đầu của họ, và bén rễ sâu hơn trong căn tính Salêdiêng của mình bằng cách hấp thụ và đào sâu những khía cạnh khác nhau của nó.

Hiến Luật đề ra rằng họ phải được trợ giúp để đạt được “một sự hoà hợp tiệm tiến đức tin, văn hóa và cuộc sống” qua việc “đào sâu đời sống đức tin và tinh thần Don Bosco cùng với việc chuẩn bị thích đáng về triết lý, sự phạm và huấn giáo, trong sự trao đổi với nền văn hóa.”³

397. Trong giai đoạn này người hội viên *được gọi để trưởng thành*:

- *Trong căn tính cá nhân của mình*, hòa hợp sự tăng trưởng nhân bản với việc đi theo Chúa Kitô;

¹ HL 113.

² x. HL 114.

³ HL 114.

- Trong đức tin, bằng cách hiểu biết đức tin cách tiệm tiến, nhất là qua suy tư và học hỏi;
- Trong ơn gọi Salêdiêng của mình, qua một sự huấn luyện sự phạm và huấn giáo thích hợp, cả trên bình diện lý thuyết lẫn thực hành, được tập trung vào Don Bosco nhà giáo dục và trên Hệ thống Dự phòng;
- Trong uy tín về tri thức, văn hóa và chuyên môn, bằng việc nhận được một sự dẫn nhập căn bản vào sự hiểu biết về con người, thế giới và Thiên Chúa qua những khoa triết học và những khoa giáo dục;
- Trong một sự can dự tiệm tiến vào sứ mệnh Salêdiêng, bằng cách tham gia vào một số những kinh nghiệm tông đồ có ý nghĩa và bằng việc tiếp xúc với trạng huống thật sự của giới trẻ và của xã hội.

8.2 Kinh nghiệm đào luyện

398. Những cam kết được đảm nhận trong việc tuyên khấn tu trì được chuyển dịch thành một kinh nghiệm sống động chân chính về những giá trị của ơn gọi nơi một người: họ ôm ấp những giá trị đó mọi ngày, hiểu chúng hơn và khám phá chúng được hài hòa với nhau như thể nào theo một cách được cấu trúc.

Được khởi hứng do nguyên lý thống nhất hóa là đặc sủng Salêdiêng, *những khía cạnh khác nhau của đào luyện hòa trộn với nhau thành một tổng hợp hài hòa.*

Vì các Salêdiêng giáo sĩ và sư huynh chia sẻ cùng một ơn gọi, việc đào luyện hậu tập viện cung cấp “*những chu trình ở mức độ đồng đều*”;⁴ điều này không tước mất sự kiện rằng chương trình của những môn học có thể khác nhau, khi xét rằng các tư giáo phải tuân theo những sắp xếp của Giáo hội nhắm tới chuẩn bị cho đời linh mục.

8.2.1 Đào luyện nhân bản

399. Hậu tập viện là một thời gian trong đó hội viên lo lắng một cách thực tiễn *nhập hiệp những yếu tố của đời thánh hiến Salêdiêng vào nhân cách của mình.*

⁴ HL 106. (Ghi chú của người dịch: bên bản tiếng Anh: ở mức độ tương đương).

Người hội viên thiết định tiến trình làm cho chính mình trưởng thành trong dòng đời sống thường nhật trong cộng thể, nơi đó họ liên kết lại với nhau ý thức của họ về tự do và trách nhiệm cá nhân với cảm thức thuộc về cộng thể và dự phóng chung của cộng thể. Vì thế, họ vun trồng một tâm trí thanh thản, sẵn sàng chu toàn những công việc nhỏ nhất của cộng thể, chấp nhận mọi người cách vô điều kiện, và đóng góp vào việc sinh động.

Trong cộng thể của mình họ đều đặn trung thành với bốn phận mình, chuyên tâm học hành, phát triển một cảm thức về kỷ luật, thông giao, đối thoại và thảo luận, tổ chức thời giờ của mình tốt đẹp và dùng những phương tiện truyền thông xã hội cách khôn ngoan.

8.2.2 Đào luyện thiêng liêng

400. Được sự linh hướng thường xuyên và có hệ thống trợ giúp, hậu tập sinh tìm cách đào sâu ơn gọi của mình qua một kinh nghiệm sống, suy tư và hấp thụ những giá trị Salêdiêng.

Đồng thời, họ tăng trưởng trong một sự hiểu biết những hình thức khác nhau của ơn gọi Salêdiêng và ơn gọi giáo dân.

Người hội viên đó trung thành với *việc thực hành cầu nguyện được hữu vị hóa và đầy xác tín*; suốt thời gian này họ đào sâu và hấp thụ những phương pháp họ đã học được trong tập viện. Họ tích cực tham gia vào những buổi cử hành và những thời khắc cầu nguyện của cộng thể. Họ đặc biệt chú ý đến những thời điểm ưu tuyển của sự canh tân nội tâm như: mùa Vọng và Giáng sinh, mùa Chay và Phục sinh, tĩnh tâm tháng và những cuộc tĩnh tâm thiêng liêng.

Họ vun trồng sự hiện diện của Thiên Chúa trong đời sống và kinh nghiệm hằng ngày, và phát triển một tinh thần chịu khó làm việc và kiên nhẫn qua lối tu đức của lao động tri thức cách nghiêm chỉnh và bền bỉ, của lao động tay chân hy sinh và tận hiến, sự khiêm tốn chu toàn sứ mệnh mà không quan tâm đến an nhàn tiện nghi, và một sự sẵn sàng để phục vụ trong cộng thể.

Họ học để hòa hợp đức tin của mình với tri thức của mình, linh đạo với nhãn quan phê bình, và chính mình trải nghiệm lần đầu tiên sự

vui vẻ thực hành đức tin và những lời khuyên phúc âm làm cho nhân tính của họ phát triển đầy đủ như thế nào.

8.2.3 Đào luyện tri thức

401. Trong sự duy nhất của tiến trình đào luyện, đào luyện tri thức là *đặc tính nổi bật của giai đoạn này*; nó có mục tiêu là sự nhập hiệp tri thức và tu sĩ khi đáp lại những đòi hỏi nền tảng của căn tính Salêdiêng.

Vì thế, để đáp ứng những nhu cầu của văn hóa ngày nay và sứ mệnh Salêdiêng, hậu tập viện công hiến một chương trình đặc biệt vốn *tạo nên một tổng hợp mở rộng* cho một sự trình bày của đức tin, *từ những môn triết học và những khoa học về con người và về giáo dục.*

Trong việc sắp xếp các môn học, cả về mặt khung quy chiếu lẫn nội dung của chúng, ta phải đặc biệt quan tâm đến *việc hội nhập văn hóa*; vì thế, phải đặc biệt chú ý học hỏi những bút tích, truyền thống, nhân học và lịch sử của dân tộc và đến khám phá những giá trị văn hóa chân chính của họ như: cảm thức tôn giáo, cảm thức về Thiên Chúa, lòng hiếu khách, niềm say mê sống và tình liên đới.

Như kết quả của sự phát triển tri thức, người hội viên đạt được *một cấu trúc tâm trí nhất quán với những lựa chọn nền tảng của họ* và cho họ một nhãn quan vững chắc và có thể thích ứng về chính cuộc đời họ. Họ trở nên có thể nghiêm chỉnh gặp gỡ với văn hóa, thế giới giới trẻ, những vấn đề giáo dục, và quan điểm Kitô hữu. Họ phát triển một nềm cảm đối với lao động trí tuệ cách nghiêm chỉnh, cải tiến phương pháp học tập và thủ đắc được một khả năng suy tư, tính khách quan trong những phán đoán của mình và một tâm trí biết phân định.

8.2.3.1 Những môn học

402. Theo quy luật của chúng ta, *việc sắp xếp các môn học của thời hậu tập viện* phải cung cấp được “một việc chuẩn bị thích đáng về triết lý, sự phạm và huấn giáo, trong sự trao đổi với nền văn hóa.”⁵ và “một dẫn nhập vào thần học.”⁶ “Cũng có thể khởi sự học hoặc tiếp

⁵ HL 114.

⁶ QC 95.

tục việc huấn luyện khoa học kỹ thuật hay nghề nghiệp, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.”⁷

8.2.3.1.1 Những khoa triết học

403. Học triết dẫn người Salêdiêng tới một kiến thức lành mạnh và nhất quán về con người, thế giới và Thiên Chúa.⁸

Tuyệt đối cần thiết phải huấn luyện một tâm trí biết phân định mà có thể vật lộn với những vấn đề lý thuyết và hiện sinh của con người, hiểu biết văn hóa hiện đại và khởi sự cuộc đối thoại với con người đương thời nhằm tới công bố Tin mừng cách hữu hiệu.

Vì thế, khi xét tầm quan trọng của một sự tiếp cận triết học nghiêm chỉnh và loại biệt, thì chọn lựa việc sắp xếp các môn học vốn ưa thích để nhập hiệp những môn thần học và triết học xem ra không thích hợp.

Một sự trợ giúp lớn lao để hiểu văn hóa cũng là học hỏi sâu xa về việc tư duy trong thế giới và văn chương địa phương.

8.2.3.1.2 Những khoa học nhân văn và giáo dục

404. Liên kết chặt chẽ với triết học là những khoa học về con người và về giáo dục (nhân học văn hóa, tâm lý học, sư phạm, xã hội học, truyền thông xã hội, v.v.) vốn làm cho ta có thể *hiểu biết tốt đẹp hơn về con người và sự tiến hóa của xã hội*. Trong những lãnh vực uy tín biệt loại của mình, các khoa học ấy công hiến một sự đóng góp bất khả thể qua những quan điểm đặc trưng của chúng.

8.2.3.1.3 Mầu nhiệm Kitô giáo và giáo dục đức tin

405. Tổng hợp sinh động mà giai đoạn này tìm cách để hình thành có đức tin làm nền tảng, và chính đức tin này cần phải được kiện cường qua *học hỏi sâu xa hơn về mầu nhiệm Kitô giáo và cách thức thông truyền mầu nhiệm ấy trong huấn giáo*.

Tuy nhiên, những môn học này không được đồng nhất hóa với chu trình mang tính chất cơ cấu của thần học vốn thích hợp cho việc đào luyện chuyên biệt hướng tới đời linh mục. Chúng nhiều hơn là một dẫn nhập nhằm đến hình thành một tổng hợp và đem lại sự khôn

⁷ Ibid.

⁸ x. RFIS 71.

ngoan. Được liên kết với một trình bày tích cực về lịch sử cứu độ, các môn học ấy nhằm đến nuôi dưỡng một khả năng để dạy giáo lý và trực tiếp liên quan đến việc kiện cường và khai sáng sự tăng trưởng của một người trong kinh nghiệm đức tin của họ.

8.2.3.1.4 Những môn học Salêdiêng

406. Nhằm một hiểu biết và hấp thụ trưởng thành hơn về đoàn sủng, những môn học suốt thời tiền tập viện tỏ ra mối quan tâm đặc biệt đến *công cuộc mục vụ và sự phạm Salêdiêng*, và tìm cách kiện cường niềm tin vào việc giáo dục và giá trị của hộ trực Salêdiêng.

Vì vậy, những môn học được nhìn vào Don Bosco nhà giáo dục, khi lợi dụng những dụng cụ phê bình thích hợp, và đến lịch sử Tu hội; có một học hỏi có hệ thống về Hệ thống Dự phòng và những đường nét chính của Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng. Những đặc tính chính yếu của những nhóm trong Gia đình Salêdiêng hiện diện trong Tỉnh dòng cũng được học hỏi.

Thêm vào những môn học này cũng có một nhu cầu quan yếu là một suy tư về kinh nghiệm Salêdiêng của mỗi cá nhân, của Tỉnh dòng và của Tu hội.

8.2.3.2 Những môn học khác

407. Quy chế nói rằng “trong những năm đào luyện ban đầu, tại những nơi hoàn cảnh cho phép, phải sắp xếp học thế nào để có thể lấy những văn bằng có giá trị pháp lý.”⁹

Trong một vài Tỉnh dòng, chương trình các môn học của thời hậu tập viện, được hòa hợp thích đáng và có sự kéo dài đầy đủ, được chính thức thừa nhận và cho người hội viên có thể đạt được những văn bằng học vấn được chính thức chấp nhận. Có được sự trung thành với những mục tiêu của đào luyện và với sự sắp đặt đào luyện tri thức của người Salêdiêng được liên kết với việc huấn luyện chuyên môn được thừa nhận đúng là một bước tích cực.

⁹ QC 83.

Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, những đặc tính Salêdiêng của những môn học thuộc giai đoạn này phải được đảm bảo.

Làm cho chương trình chung của những môn học cho thời hậu tập viện trùng khớp với một sự cam kết đối với những môn học khác đòi một sự lượng giá cẩn thận và kính trọng những đòi hỏi của đào luyện.

8.2.3.3 Giáo trình dành cho Salêdiêng Sư huynh

408. Những môn học của thời hậu tập viện đề ý cứu xét những đặc tính riêng của ơn gọi Salêdiêng sư huynh.¹⁰

Vì triết học có tầm quan trọng trong việc đào luyện đời sống tu trì và chuẩn bị một nhà giáo dục của giới trẻ, người Salêdiêng sư huynh cũng học triết theo một cách thức và tới một mức độ phù hợp với ơn gọi chuyên biệt của họ.

Chương trình các môn học của họ cũng bao gồm một sự huấn luyện về sư phạm, những yếu tố của đào luyện mục vụ và huấn giáo, và một sự giáo dục mang tính chất xã hội-chính trị mà tiên vàn dựa trên giáo huấn xã hội của Giáo hội và nhằm chuẩn bị họ cho một hoạt động giáo dục biệt loại trong thế giới.

Vì thế, trên bình diện Tỉnh dòng và liên Tỉnh các sư huynh nhất thiết phải được *cống hiến một “chương trình đào luyện mang tính chất nghiêm chỉnh, nhưng cũng uyển chuyển và được thích ứng đối với bản chất của những trách nhiệm khác nhau cũng như những khả thể thực sự của họ.”*¹¹

409. Không chút giảm giá trị cơ bản trong việc đào luyện triết học, sư phạm, mục vụ và xã hội [của hậu tập sinh sư huynh], hầu có thể bắt đầu hay tiếp tục trình độ chuyên môn trong lãnh vực nghiệp tốt nhất là trước thời tập vụ, thì đối với hậu tập sinh Sư huynh chiều dài (độ dài) của các môn triết học và sư phạm thông thường hơn hai-ba năm quả là bất lợi.

Trình độ chuyên môn trong lãnh vực nghề nghiệp của họ có liên quan tới những tài khéo/kỹ năng cần thiết để hoàn thành những

¹⁰ x. *Người Salêdiêng sư huynh*, p. 209-214.

¹¹ TTN21 301.

trách vụ và vai trò khác nhau mà sẽ được trao cho họ chẳng hạn, *lĩnh vực rộng lớn về trường học, huấn nghệ, truyền thông xã hội và những khía cạnh khác nhau của quản trị và điều hành*. Ta phải làm mọi sự có thể được hầu đảm bảo rằng những môn học sẽ cho các sư huynh một uy tín vốn đặt họ ngang tầm với người đòi thực thi cùng nghề nghiệp đó trong xã hội dân sự.

8.2.4 Đào luyện cho tác vụ mục vụ giới trẻ

410. Người Salêdiêng thù đắc những thái độ cần thiết cho ơn gọi của họ là nhà giáo dục và mục tử, trên hết *bằng cách tiệm tiến nỗ lực để hòa hợp đức tin với cuộc sống, và đức tin với văn hóa*.

Học hành, suy tư cộng thể và linh hướng là những phương tiện làm họ có thể cắt nghĩa lịch sử và văn hóa theo đường lối Kitô hữu, và hiểu biết những biến cố trong Giáo hội và trong thế giới, những vấn đề liên quan đến giới trẻ, những cách thức giới trẻ diễn đạt chính mình và những ngôn ngữ của truyền thông xã hội.

Bằng cách này, khi họ tăng trưởng trong tri thức và trong hiểu biết về thế giới giới trẻ, họ vun trồng nơi chính mình một “cảm thức tông đồ” như là linh hồn của những hoạt động hằng ngày của họ.

Việc họ chuyên tâm học hành trở thành một sự biểu lộ tình yêu họ dành cho giới trẻ, vì họ cần thẩm quyền và chuyên môn hầu đặt mình phục vụ chúng.

411. Họ cũng tham gia vào *những hoạt động giáo dục và mục vụ* được tổ chức và lượng giá thích đáng, và được thực thi tới một mức có thể như là hoạt động của nhóm trong một cơ chế Salêdiêng, hoặc ngay cả trong những kinh nghiệm của công cuộc truyền giáo. Mục đích của những hoạt động này là:

- Thủ đắc một sự nhạy cảm đối với công việc giáo dục và cũng một não trạng mục vụ bằng suy tư, giao tiếp cá nhân và học hỏi những chỉ dẫn của Tu hội;

- Có một sự phơi trần trực tiếp (mắt thấy tai nghe) trước sứ mệnh Salêdiêng bằng cách can dự vào những kinh nghiệm cụ thể của sự phục vụ giáo dục và mục vụ trong bối cảnh của kế hoạch giáo dục và mục vụ Salêdiêng và bằng cách tham gia vào cộng đoàn giáo dục;

- Dẫn thân vào sự sinh động hóa giới trẻ, và tiên vãn, vào sự hộ trợ Salêdiêng;
- Học để làm việc như phần của một nhóm bằng cách thừa nhận những vai trò khác nhau và kính trọng chúng với một cảm thức về sự chia sẻ trách nhiệm;
- Huấn luyện để hướng dẫn và lượng giá mục vụ;
- Chiếm được một tri thức sâu xa về, và tiếp xúc với, đời sống mục vụ của Tỉnh dòng.

8.3 Một số đòi hỏi cho đào luyện

8.3.1 Khung cảnh

- 412.** Thời hậu tập viện cần một *khung cảnh rõ ràng nâng đỡ việc đào luyện và rõ ràng mang tính Salêdiêng*, một khung cảnh phản ánh những giá trị và thái độ mà các hội viên trong đào luyện phải thấm nhuần.

8.3.1.1 Cộng thể đào luyện

Cộng thể đào luyện của hậu tập viện đón nhận hội viên với một tâm hồn rộng mở, dẫn họ vào một mạng lưới tương quan huynh đệ, được thấm nhuần bởi sự kính trọng và tin tưởng. Cộng thể phải luôn luôn *thuần nhất và biệt loại*, và thông thường khác với những cộng thể của các hội viên trong những giai đoạn đào luyện khác.

Thật đáng ao ước: các Salêdiêng chuẩn bị cho chức linh mục và Salêdiêng sư huynh sống một đời sống chung trong cùng một cộng thể đào luyện nơi đó họ thấy hai hình thái của cùng một ơn gọi Salêdiêng được trân trọng thích đáng¹² và nơi đó những đặc tính biệt loại được chăm lo.

- 413.** Trong cộng thể hậu tập viện *bầu khí giúp dẫn tới* tăng trưởng sự tự do có trách nhiệm, và môi trường cùng phong thái đào luyện giúp ích cho việc đảm nhận và hữu vị hóa kỷ luật. Tinh thần ngự trị phải là nhiệt tâm và lòng nhiệt huyết đối với sứ mệnh Salêdiêng

¹² x. TTN21 303.

và được dựa trên những động lực đức tin và tình yêu đối với Chúa Kitô hơn là trên những yếu tố bên ngoài.

Những thời khắc cầu nguyện và suy tư cộng thể dẫn người hội viên tới việc xem xét thế giới với một tâm trí biết phân định, tới việc đọc những tình trạng của nó trong ánh sáng Thiên Chúa và cam kết để biến đổi nó.

Trách vụ xây dựng cộng thể xoay quanh sự tham gia và chia sẻ trách nhiệm của tất cả mọi hội viên và trải rộng tới tất cả khía cạnh đời sống và hoạt động của cộng thể.

“Tuy giữ những vai trò khác nhau, các người đào luyện và những hội viên trong thời kỳ đào luyện đều cùng tạo nên *bầu khí đồng trách nhiệm*, và thực hiện cách rõ nét nhưng mục tiêu đào luyện.”¹³

- 414.** Cộng thể đào luyện có thể có một *trung tâm học vụ* của chính mình – đây là trường hợp của học viện – hay nó cũng có thể lui tới một trung tâm học vụ bên ngoài, dù là của Salêdiêng hay không.

Tiến trình tế nhị của việc rèn đúc một tổng hợp văn hóa và tôn giáo trong giai đoạn này đòi phải *tổ chức hay khôn ngoan chọn lựa một trung tâm học vụ* công hiến được một chương trình thích hợp để các ơn gọi tăng trưởng. Chính vì thế các *trung tâm học vụ Salêdiêng* – nhiều trung tâm thuộc bình diện liên Tỉnh dòng¹⁴ – *phải được ưa thích hơn* vì như mục tiêu của mình chúng nhấn mạnh hơn đến sự liên kết triết học và những khoa học về giáo dục và hòa nhập chúng với những chủ đề tiêu biểu Salêdiêng – và tất cả điều này nhằm tính duy nhất của ơn gọi Salêdiêng.¹⁵

Những lý do khác, chẳng hạn những nhu cầu của một tình huống đặc biệt trong Giáo hội, số hội viên ít ỏi, sự khan hiếm những người hướng dẫn đào luyện hay những khó khăn khác – chẳng hạn, sự xa xôi của một trung tâm Salêdiêng – có thể khuyến ta nên *chọn một trung tâm học vụ không phải là Salêdiêng*.

¹³ HL 103.

¹⁴ x. TTN 21 283.

¹⁵ x. TTN 21 247.

Trong trường hợp như thế, luôn giữ lại bốn phận phải đảm bảo thời giờ, những chương trình, các giáo sư và những người hướng dẫn đào luyện vốn *lo lắng đến những khía cạnh chính yếu và biệt loại* của giai đoạn này, chẳng hạn, sự hòa nhập và hoàn thành của những môn học từ quan điểm Salêdiêng: những khoa học về giáo dục, sư phạm, huấn giáo và những môn học Salêdiêng.

8.3.1.2 Những cộng thể khác

415. Trong khuôn khổ toàn diện thuộc tiến trình đào luyện của một Tỉnh dòng, những người có trách nhiệm việc đào luyện duy trì những mối liên hệ giữa hậu tập viện, tập viện và tập vụ. Họ cùng nhau làm việc khi *chia sẻ trách nhiệm để đảm bảo được tính liên tục của đào luyện*, mặc dù trong những sự khác biệt riêng của mỗi giai đoạn.

Cộng thể đào luyện địa phương cổ xúy sự hòa nhập tích cực của các hội viên “với cộng thể Tỉnh vốn tự nó mang ‘tính chất đào luyện’”.¹⁶

Và mối liên kết với Giáo hội địa phương và sự nhập cuộc vào bối cảnh của một nền văn hóa đặc thù nhằm giữ cho việc đào luyện tiếp xúc sống động với thế giới và với nhiều nhu cầu của nó.

8.3.2 Những người trách nhiệm việc đào luyện

416. Những người có trách nhiệm việc đào luyện phải là những người siêu nhiên; họ phải đắm mình trong tinh thần Salêdiêng và có khả năng đối thoại bởi vì uy tín của họ và sự quen biết những vấn đề mà các hội viên của họ học hỏi.

Tính chất tế nhị và tầm quan trọng của giai đoạn này đòi hỏi *một nỗ lực liên lý từ phía Tỉnh dòng để xây dựng một đội ngũ hội viên có được một nền văn hóa rộng lớn và có khả năng* đặc biệt cho việc linh hướng, giảng dạy, tổ chức đời sống cộng thể, hoạt động mục vụ, và sự sinh động hoá của phụng vụ và thánh nhạc trong những thời khắc của cộng thể cầu nguyện.

Đặc biệt quan trọng là trong *nhóm đào luyện của thời hậu tập viện phải có những Salêdiêng sư huynh* được giao phó “không chỉ những

¹⁶ TTN21 245b.

bồn phận đào luyện văn hóa và kỹ thuật, nhưng trên hết những trách nhiệm đào luyện cho đời sống tu trì và Salêdiêng.”¹⁷

417. *Giám đốc tiếp tục chính hoạt động của Tập sự.* Với sự khôn ngoan và phán đoán lành mạnh ngài sinh động đời sống và bước tiến của cộng thể, theo dõi và giúp các hậu tập sinh cách riêng qua hướng dẫn cá nhân và đàm thoại thân tình, sự linh hướng lương tâm và những huấn đức định kỳ. Ngài giúp để giữ cho ơn gọi sống động nơi từng người, kiện cường những động cơ của đời thánh hiến Salêdiêng giáo dân và linh mục, và để cố xuy mọi người tham gia và trách nhiệm vào việc đào luyện.

Hơn nữa, dưới trách nhiệm của Giám tỉnh, ngài đồng hành với từng hậu tập sinh sư huynh khi đảm trách sự phân định về nghề nghiệp trong đó thầy cảm thấy được gọi để phát triển những ân điển và khả năng của mình đáp lại những nhu cầu của Tỉnh dòng, hầu sau khi học triết học và sư phạm, có thể đảm nhận một thời kỳ thích hợp “cho các môn học mang tính chất kỹ thuật, khoa học hay nghề nghiệp”¹⁸ nhằm tới một trình độ nghiệp vụ. [một văn bằng chuyên môn].

Những người trách nhiệm về đào luyện tìm thấy nơi sự lượng giá cộng thể và cá nhân mà họ thực hiện lúc này lúc khác một phương thế hữu ích để *lượng giá, kích thích và hướng dẫn tiến trình đào luyện.*

Trong giai đoạn này *các giáo sư* có ảnh hưởng lớn lao. Trách vụ của họ là cung cấp một khung quy chiếu vững vàng và thuyết phục, cũng như phát triển một hiểu biết vốn trở thành phán đoán lành mạnh, một tâm trí phân định mà có thể đọc các tình huống và một khả năng để hình thành một tổng hợp.

Nhờ đến sự đóng góp của người đời/giáo dân và các thành viên của Gia đình Salêdiêng khi đào luyện các hậu tập sinh cũng quả là quan trọng. Điều này phải được thực hiện theo một cách thức vốn đảm bảo sự đóng góp của họ thật sự là giá trị.

¹⁷ TTN21 305.

¹⁸ x. FSDB 409.

8.3.3 Sự cộng tác liên tỉnh dòng

418. Vì là một giai đoạn quan trọng và tế nhị và có những đặc tính riêng của mình, hậu tập viện đòi hỏi một số điều kiện mà từng Tỉnh dòng riêng rẽ, hoặc là về mặt cộng thể hoặc về mặt trung tâm học vụ, không phải luôn luôn có thể đáp ứng được.

Trong một vài tình trạng, *chung lưng xây dựng việc đào luyện liên Tỉnh và những cơ cấu học vấn* đối với các Tỉnh dòng, nhất là những Tỉnh dòng có cùng một khu vực văn hóa, trở thành cần thiết.¹⁹

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

- 419.** “*Ngay sau thời tập viện, tất cả các hội viên phải tiếp tục, ít là hai năm, việc đào luyện của mình trong các cộng thể đào luyện.*”²⁰
- 420.** *Các hậu tập sinh hãy sống chung trong một cộng thể đồng nhất và biệt loại, khác với những cộng thể của các hội viên trong các giai đoạn đào luyện khác. Họ hãy có một vị linh hướng,²¹ mà thông thường sẽ là chính Giám đốc.²²*
- 421.** *Thật đáng ao ước là suốt thời hậu tập viện các hội viên hướng tới đời sống linh mục và các sư huynh sống đời sống chung trong cùng một cộng thể đào luyện nơi đó họ nhìn thấy hai hình thái của cùng một ơn gọi Salêdiêng được trân trọng thích đáng.*
- 422.** *Suốt trong giai đoạn này các hội viên trong đào luyện không được trao cho những trách vụ khiến họ xao nhãng và ngăn cản họ đạt tới những mục tiêu của mình.²³*
- 423.** *Từ quan điểm tri thức, khía cạnh cốt yếu, loại biệt và hàng đầu của giai đoạn này hệ tại ở cái hạt nhân của nó là những môn học nhân văn và triết học được liên kết với những khoa học về giáo dục nhằm một sự huấn luyện trong sự phạm.*

¹⁹ x. ASC 276, p. 76.

²⁰ QC 95.

²¹ x. HL 113.

²² x. QC 78.

²³ x. GL 660 § 2.

*Một khi hạt nhân này được thông truyền và hấp thụ, và những điều kiện cần thiết khác đối với đào luyện được đảm bảo, ta “cũng có thể khởi sự hoặc tiếp tục việc huấn luyện khoa học kỹ thuật hay nghề nghiệp, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.”*²⁴

424. *Với sự giúp đỡ của Ủy ban Đào luyện Tỉnh, Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài hãy chú tâm đặc biệt đến việc hoạch định những yếu tố khác nhau của **chương trình đào luyện cho các Salêdiêng sư huỳnh** và làm cho chúng thành một phần của kế hoạch đào luyện của Tỉnh dòng.*

425. *Những môn học kỹ thuật, nghề nghiệp và mục vụ có thể đi kèm với việc huấn luyện triết học, sư phạm và huấn giáo của người Salêdiêng sư huỳnh.*²⁵

Độ dài của các môn triết và sư phạm cho Salêdiêng sư huỳnh trong hậu tập viện phải ít nhất là hai năm. Để cho phép một thời gian thích hợp cho trình độ chuyên môn, trong những hoàn cảnh thông thường, việc họ kéo dài học triết và sư phạm của hậu tập viện hơn ba năm quả là không thuận lợi.

426. *Sự sắp xếp đặc biệt của việc đào luyện tri thức trong thời kỳ này và tiến trình tế nhị của việc hình thành nên “một tổng hợp văn hóa và tôn giáo” đòi phải khôn ngoan **chọn lựa một trung tâm học vụ** công hiến được một chương trình thích hợp để tăng trưởng ơn gọi. Hãy ưu tiên chọn các trung tâm học vụ Salêdiêng, ngay cả, nếu cần, trên bình diện liên Tỉnh dòng.*²⁶

Nơi nào phải chọn lựa giữa các trung tâm học vụ không phải là Salêdiêng, thì hãy dành ưu tiên cho trung tâm nào mà nối kết triết học với những khoa học về con người cách tốt đẹp nhất, và cộng thể phải lo lắng đáp ứng những điều kiện cần thiết khác.

427. *Những môn học hãy được tổ chức đến độ dẫn đến **những văn bằng và trình độ chuyên môn** được nhà nước công nhận, “bất cứ khi nào*

²⁴ QC 95.

²⁵ x. TTN21 303.

²⁶ x. TTN21 283; x. những số trên kia 168, 170, 178.

điều ấy là khả thể.”²⁷ Và điều này phải tương hợp với những đòi hỏi đào luyện của giai đoạn này. Nếu có sự bất tương hợp, mặc dù nó là vấn đề chuyên môn hóa những hội viên trẻ nhằm những dịch vụ họ sẽ phải thực hiện suốt thời tập vụ, thì vẫn tuyệt đối dành ưu tiên cho những đòi hỏi của đào luyện và những môn học riêng của thời hậu tập viện.²⁸

²⁷ QC 83.

²⁸ x. TTN21 440. Về những môn học khác trong giai đoạn này, x. những số trên kia 182-183.

CHƯƠNG 9

TẬP VỤ

9.1 Bản chất và mục đích

428. “Trong suốt tiến trình đào luyện ban đầu, cùng với việc học hành, phải coi trọng hoạt động mục vụ thuộc sứ mệnh chúng ta.

“Thời thực tập là giai đoạn trực tiếp *sinh động và mãnh liệt với hoạt động Salêdiêng xuyên qua kinh nghiệm giáo dục mục vụ*. Trong thời gian này, người hội viên trẻ được rèn luyện trong việc thực hành Hệ thống Giáo dục Dự phòng, và cách riêng trong việc hộ trực Salêdiêng.

Được Giám đốc và cộng thể theo dõi, họ thực hiện một tổng hợp cá nhân liên kết hoạt động của họ với những giá trị của ơn gọi.”¹

Từ quan điểm Salêdiêng, đây là giai đoạn đặc trưng nhất của đào luyện ban đầu; khuôn mẫu của nó là kinh nghiệm mà Don Bosco sống với giới trẻ của Nguyễn xá đầu tiên.

429. Suốt thời tập vụ ta phải dành tầm quan trọng lớn cho những mục tiêu và tiếp cận tập trung vào đào luyện vì mối quan tâm chính của nó là đào luyện người hội viên.

Thời tập vụ có hai mục tiêu:

- *Tăng trưởng ơn gọi Salêdiêng*: người hội viên thao luyện chính mình trong tinh thần và sứ mệnh của Hệ thống Dự phòng, phát triển những năng khiếu và cảm thức trách nhiệm của mình² và tìm cách “liên kết hoạt động của họ với những giá trị ơn gọi;”³

- *Lượng giá sự thích hợp của mình đối với ơn gọi* qua một kinh nghiệm cá nhân và cộng thể về sứ mệnh Salêdiêng và nhằm đến việc tuyên khấn trọn đời của mình.

¹ HL 115.

² x. TTN21 285.

³ HL 115.

9.2 Kinh nghiệm đào luyện

430. Thời thực tập dành ưu tiên cho việc đào luyện thừa tác vụ giới trẻ, và đến lượt mình, điều này lại kích thích và làm giàu những khía cạnh đào luyện khác, trao ban cho chúng bản chất mới.

9.2.1 Đào luyện nhân bản

Qua kinh nghiệm trực tiếp về sứ mệnh giáo dục và mục vụ Salêdiêng, người hội viên trong thời tập vụ *làm cho nhân cách mình nên trưởng thành*:

- Qua những tương tác của họ với cộng thể và trong công việc giáo dục của họ (hộ trực) và qua việc chia sẻ với giáo dân, hội viên tập vụ trở nên ý thức hơn về những thái độ cá nhân của mình, những năng lực và thiếu sót của mình, những khó khăn và những khía cạnh mà họ cần phải sửa đổi hay cải thiện;
- Họ học để tự quản, để lấy những quyết định và đảm nhận trách nhiệm;
- Họ kinh nghiệm niềm vui hiển mình cách quảng đại cho người khác trong công việc và thông giao, khi dùng đến phong thái sự hiền dịu vốn là tiêu biểu của Hệ thống Dự phòng;
- Họ thủ đắc một kỷ luật đời sống, một tinh thần sáng kiến và sự kiên nhẫn;
- Họ vun trồng những mối liên hệ tốt đẹp với tất cả các hội viên, bất luận những khác biệt về tuổi tác, văn hóa và đào luyện; họ lắng nghe, đối thoại với các hội viên, tỏ ra kính trọng họ và trân trọng những kinh nghiệm của họ;
- Họ tham gia tích cực vào cộng thể của mình với một tinh thần cộng tác và chia sẻ trách nhiệm; họ học suy tư, kế hoạch, tổ chức và lượng giá, do đó thủ đắc được một nhãn quan nhắm tới việc hoạch định toàn diện; họ mang lại cho cộng thể một sự đóng góp biệt loại là sức năng động trẻ trung của mình.

9.2.2 Đào luyện thiêng liêng

431. Cách riêng chính trong thời tập vụ mà người hội viên *có một kinh nghiệm về linh đạo tông đồ Salêdiêng: họ thực thi và kiên cường sự kết hiệp của mình với Chúa Giêsu Kitô, Đấng họ gặp gỡ trong công việc và nơi những người trẻ.*

Họ huấn luyện mình để trở nên một người chiêm niệm trong hành động bằng cách cố gắng đạt được một tổng hợp đặc trưng Salêdiêng giữa hoạt động và cầu nguyện, giáo dục và linh đạo.

Kín múc tình yêu mục tử của mình từ Thánh Tâm Chúa Kitô, vị Mục Tử Nhân Lành, họ chú ý đến nhịp điệu và phẩm chất cầu nguyện của mình, dù là cầu nguyện cộng đoàn hay cá nhân; họ không cho phép mình bị áp đảo bởi công việc hằng ngày.

Họ trung thành với nguyện ngắm hằng ngày và thường xuyên lãnh nhận bí tích Hòa Giải.

432. Khi đào sâu những động cơ thuộc sứ mệnh của mình và làm chứng cho ơn gọi của mình giữa giới trẻ, *họ phát triển não trạng của một người được thánh hiến.*

Họ sống đức vâng phục khi hoàn toàn sẵn sàng đối với ý Thiên Chúa và chấp nhận những dụng cụ nhân loại qua đó Thiên Chúa hướng dẫn đời sống họ. Họ sẵn sàng thực thi sứ mệnh trong những hình thức cụ thể mà sứ mệnh đảm nhận trong những công cuộc Salêdiêng khác nhau, và lúc này lớn lên trong cách họ suy nghĩ về dự phóng chung và tính chất bổ sung của những vai trò khác nhau. Họ yêu cuộc sống đơn giản cùng với những hy sinh nó kéo theo; họ không tìm kiếm tiện nghi và hiến mình hoàn toàn cho sứ mệnh được trao phó cho họ. Cảm tính của họ được diễn tả qua những mối liên hệ được tô đậm bởi sự thanh thoát và một cảm thức về sự quân bình, khôn ngoan và tu đức, nhất là những mối liên hệ giáo dục với giới trẻ, với những người cộng sự giáo dân và với phụ nữ nói chung.

Trong mối liên hệ của họ với Chúa Kitô và trong tình yêu đối với giới trẻ người hội viên tập vụ tìm được sức mạnh và sự nâng đỡ,

trong khi việc chia sẻ huynh đệ trong cộng thể và việc tư vấn họ nhận được trong linh hướng là một nguồn soi sáng và hướng dẫn cho họ.

Và khi đối diện với tình trạng của cộng thể và trong công việc mục vụ của mình, nếu họ gặp những khó khăn hay kinh nghiệm những thời khắc của thất bại, họ không trở thành nản chí hay cô lập chính mình, nhưng cảm thấy bị thúc bách hơn nữa để đào sâu những động cơ nền tảng của ơn gọi mình.

9.2.3 Đào luyện tri thức

433. Suy tư về hoạt động và trong hoạt động là cách thức đầu tiên trong đó người hội viên thời tập vụ lớn lên trên bình diện tri thức.

Họ không phải hoàn tất một chương trình các môn học nào; thay vào đó, họ phải khai triển *một thái độ thường hằng trong công việc giáo dục và mục vụ với sự giúp đỡ của những dịp thông thường để suy tư và thảo luận* và qua những sáng kiến đặc biệt.

Người hội viên trong thời tập vụ tích cực tham gia vào tiến trình suy tư và hoạch định của cộng thể Salêdiêng và cộng đoàn giáo dục và mục vụ: bằng cách này họ đạt được một não trạng giáo dục và mục vụ nhờ đó họ có thể phân tích tình hình thế giới tuổi trẻ hay bối cảnh của chính mình.

Họ cũng lợi dụng tới đa những khả thể được cống hiến cho họ qua những chương trình ngắn vốn có tính chất sư phạm, phương pháp luận, huấn giáo và nhất là Salêdiêng (chẳng hạn: những bài đọc, hội họp, những dịp chia sẻ trên bình diện địa phương và Tỉnh dòng).

Họ cũng có thể học những môn khác, miễn là tương hợp với những mục tiêu loại biệt của giai đoạn này.

9.2.4 Đào luyện thừa tác vụ mục vụ giới trẻ

434. Khi được sai đến một cộng thể, người hội viên thời tập vụ *ôm áp sứ mệnh và kế hoạch biệt loại của cơ sở ấy*; họ nhập vào đó theo vai trò và những trách vụ được chỉ định cho họ.

Họ học làm việc với những người khác như một phần tử của cộng thể, có một khóe nhìn toàn diện về Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng phù hợp với kế hoạch của Tỉnh dòng mình.

Trong những khung cảnh khác nhau mà họ sống, họ làm trưởng thành khả năng của mình về hộ trực, sinh động và giáo dục, và dẫn thân vào việc dạy học và thông giao.

- 435.** Được thúc đẩy do tình ưu ái đối với giới trẻ, và nhất là những em nghèo nhất, *họ cảm thấy hạnh phúc khi họ có thể ở giữa chúng và sinh động chúng cách cá nhân cũng như một nhóm*. Họ nỗ lực kiến tạo một bầu khí vui tươi, tự phát và bằng hữu, khi liên kết sự cứng rắn với sự hiền dịu. Gần gũi với những thế hệ đang vươn lên, họ có thể khuấy động nhiệt tình của chúng⁴ và vui hưởng kinh nghiệm của việc họ làm chứng về ơn gọi thánh hiến của mình cho chúng.

Luôn luôn giữ trước mắt mình sự kiện rằng mình là một tu giáo hay một sư huynh, họ sống sự cam kết tông đồ trong tinh thần “*da mihi animas*”. Họ tìm kiếm sự tăng trưởng toàn diện của những thanh thiếu niên, và vì mục đích này họ trao ban một sức đẩy giáo dục và Phúc âm hóa cho sự hiện diện của mình giữa chúng. Họ trở nên một nhà giáo dục đức tin⁵ trong mọi khung cảnh: trường học, sân chơi, xưởng thợ.

Họ giúp đỡ trong việc sinh động những buổi cử hành cầu nguyện của cộng thể và của các thanh thiếu niên.

Hội viên thời tập vụ tận hưởng những giao tiếp với các phần tử của Gia đình Salêdiêng và với những cộng sự viên giáo dân. Họ làm việc với những người đó như một nhóm và trong một tinh thần phục vụ và sinh động hoá. Họ tăng trưởng trong cảm thức thuộc về Tu hội và Gia đình Salêdiêng. Họ trân trọng những phương cách khác nhau để tham gia vào đoàn sủng Salêdiêng và đạt được một ý thức lớn lao hơn về ơn gọi của mình như một người Salêdiêng được thánh hiến.

⁴ x. HL 46

⁵ x. HL 34.

9.3 Một vài đòi hỏi cho đào luyện

9.3.1 Cộng thể

436. Trước tiên thật quan trọng là người hội viên phải được sai đến một cộng thể cho việc tập vụ; cộng thể đó phải ở trong một vị thế *cống hiến cho họ những phương tiện cần thiết cho một kinh nghiệm hữu ích và thích hợp.*

Cộng thể đó thân tình tiếp nhận họ, làm cho họ can dự vào đời sống và sứ mệnh của cộng thể và cùng với họ, cảm thấy có trách nhiệm đào luyện họ suốt thời kỳ này.

Cách riêng, cộng thể đảm bảo cho họ “công việc mục vụ tương xứng với sự chuẩn bị và khả năng của họ”⁶ trong dự phóng cộng thể. Đồng thời, cộng thể đảm bảo rằng công việc của họ không bị giới hạn chỉ vào một loại hoạt động; bằng cách này họ có cơ hội trở nên quen thuộc với những bộ mặt khác nhau của sứ mệnh Salêdiêng. Cộng thể cũng cho họ một không gian để làm những quyết định của mình.

Cộng thể cống hiến cho họ sự hướng dẫn, thông cảm và khích lệ huynh đệ, nhất là khi năm tập vụ trùng với việc chuẩn bị cho tuyên khấn trọn đời.

Cộng thể giúp họ lượng giá những kinh nghiệm của mình, “nhập hiệp hoạt động của họ và những giá trị của ơn gọi,”⁷ và luôn luôn chú ý đến nhịp điệu tăng trưởng của họ. Cộng thể cống hiến cho họ những đề xướng và sửa chữa khi cần thiết, và qua Ban Cố vấn nhà bộc lộ ý kiến của cộng thể, cách riêng vào lúc lượng giá hàng quý và những sự tiếp nhận có thể xảy ra.

9.3.2 Người hướng dẫn đào luyện và trách nhiệm cá nhân của những người trong tập vụ

437. Bởi vì tập vụ can dự đến một sự thay đổi một tình trạng đối với người hội viên liên hệ, sự nhập hiệp của họ vào những hoàn cảnh thực tế

⁶ TTN21 287.

⁷ HL 115.

của một cộng thể và sự chìm ngập của họ vào công việc giáo dục và mục vụ, ta phải quan đặc biệt hầu đảm bảo rằng họ được hướng dẫn thích đáng.

Phải có một người hướng dẫn đào luyện được soi sáng và uy tín là không thể thiếu được đối với người hội viên trong tập vụ; thông thường Tu hội công hiến cho họ điều ấy nơi con người của Giám đốc.

Người hướng dẫn ý thức rằng người hội viên thời tập vụ lần đầu tiên kinh nghiệm về việc hoàn toàn nhập cuộc vào sứ mệnh cộng thể và rằng khung cảnh của một cộng thể tông đồ thì một cách nào đó khác biệt với khung cảnh của cộng thể đào luyện mà họ mới từ đó đến.

- 438.** *Giám đốc* luôn chú ý để thường xuyên và cá nhân gặp gỡ từng hội viên trong thời tập vụ.

Ngài đều đặn quy tụ các hội viên thời tập vụ của nhà để hội họp đào luyện bao gồm việc trao đổi những kinh nghiệm. Ngài thâm tín rằng đây là thời khắc đào luyện quan trọng được trao ngài chịu trách nhiệm. Ngài cũng đảm bảo rằng những người trong thời tập vụ có thể tham gia vào cầu nguyện cộng thể và có cơ hội để cử hành bí tích Giao Hòa.

Qua cuộc đàm thoại thân tình mỗi tháng và linh hướng mà người hội viên trong thời thực tập luôn rộng mở, Giám đốc thúc đẩy và nâng đỡ những nỗ lực đào luyện, những cố gắng phân định và sự tăng trưởng đến sự trưởng thành trong ơn gọi của họ.

Về phần mình, *hội viên trong thời tập vụ* muốn chia sẻ về chính mình với Giám đốc, tín nhiệm bày tỏ cho ngài chính mức độ mà họ thấy mình trong việc đào luyện của mình, và cùng với ngài thiết định những mục tiêu phải đạt được và những điều kiện phải đáp ứng.

Họ rút lấy lợi ích từ tất cả những cơ hội đối thoại luôn sẵn đó cho họ trong cộng thể, và từ những mối tương giao của họ với Giám đốc và cha giải tội. Họ làm cho kế hoạch cá nhân được cập nhật, thỉnh thoảng lượng giá nó, và đạt được một loại đà lực cá nhân và sự kỷ luật chính mình vốn làm họ có thể cải thiện phẩm chất đào luyện của mình và kinh nghiệm nó như một toàn thể được thống nhất.

9.3.3 Giám tỉnh

439. *Giám tỉnh ý thức trách nhiệm của mình*, trước tiên trong việc chọn cộng thể để gởi hội viên tới tập vụ: đó phải là một cộng thể vốn có thể đảm bảo những điều kiện để truyền đạt được việc đào luyện trong giai đoạn này, và trong trường hợp một Salêdiêng sư huynh, [ngài phải đảm bảo] một tình trạng trong đó thầy có thể thực thi trình độ chuyên môn mà thầy đã thủ đắc. Ngài chỉ ra cho Giám đốc những khía cạnh cần phải được chăm sóc khi công hiến sự hướng dẫn đào luyện. Ngài làm cho việc tiếp xúc cá nhân với hội viên trong tập vụ thành quan tâm của mình và tỏ ra sự ân cần hướng dẫn họ. Ngài cũng có thể để cho mình được một hội viên khác có phẩm chất trợ giúp trong trách vụ này. Cùng với Ban Cố vấn, ngài theo dõi sự lượng giá định kỳ được làm về người đang tập vụ.

Với sự trợ giúp của Ủy ban Đào luyện Tỉnh, *ngài cung cấp những sáng kiến thích đáng để sinh động và hướng dẫn* những ai trong thời tập vụ và sự trợ giúp cho những cộng thể của họ, theo một chương trình được suy nghĩ kỹ càng. Những sáng kiến này là những cơ hội để trao đổi trực tiếp về những cái nhìn giữa các hội viên dần vào trong cùng một chương trình, để chia sẻ những kinh nghiệm và suy tư cũng như để hỗ trợ lẫn nhau. Chúng [những sáng kiến ấy] giúp đẩy mạnh bước tiến của cá nhân để đào luyện mình.

Khi kết thúc tập vụ, có một *lượng giá toàn diện* quả là thích đáng – về phía Giám tỉnh và cộng thể, và cũng về phía của tập vụ - về *toàn bộ kinh nghiệm của người tập vụ* cũng như về bước tiến người tập vụ đã làm được trong ơn gọi của mình.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

440. *“Thông thường thời thực tập kéo dài hai năm và được thực hiện trước khấn trọn trong một cộng thể hội đủ những điều kiện cần thiết*

cho hiệu năng của kinh nghiệm này.”⁸ Trang từ “thông thường” hàm ý rằng một thời gian ngắn hơn hay dài hơn hai năm phải được coi là ngoại thường và giới hạn vào những nỗ lực cá nhân thôi.

Mục đích đào luyện của thời thực tập phải là tiêu chuẩn hàng đầu trong việc chọn lựa một cộng thể vốn có thể công hiến những điều kiện cần thiết cho đào luyện, và nhất là, một sự hướng dẫn thích hợp mà Giám đốc nắm giữ trách nhiệm hàng đầu về việc ấy.

441. Khi có thể, thời tập vụ phải được thực thi theo nhóm⁹ hầu có thể tạo được **những điều kiện** tốt nhất cho đào luyện.

442. Liên quan đến việc chọn lựa và hiện thực những hoạt động giáo dục và mục vụ:

- Phải chú ý đến những khả năng của người hội viên và tình trạng ơn gọi và đào luyện của họ;

- Họ phải được cung cấp một chương trình gồm những hoạt động khác nhau, mà trước hết không xao nhãng những đòi hỏi của công việc giáo dục và mục vụ ngày qua ngày;

- Họ phải hành động và chia sẻ trách nhiệm và dưới sự trông nom của một hội viên kinh nghiệm, và họ phải có cơ hội thật sự để làm những quyết định.

443. **Giám tỉnh** hãy quan tâm để duy trì tiếp xúc cá nhân với những người trong thời tập vụ. Trong trách vụ này ngài có thể tìm một hội viên già dặn kinh nghiệm giúp đỡ.

444. **Những lượng giá hàng quý** phải được thực hiện do Ban Cố vấn nhà.¹⁰ Chúng là một trợ giúp cho người hội viên trong thời tập vụ và chúng diễn tả trách nhiệm của Ban Cố vấn trên việc đào luyện của họ. Sự lượng giá ấy liên can đến sự thực hiện công việc giáo dục và mục vụ của người trong thời tập vụ cũng như đến sự tăng trưởng tiệm tiến của họ tới trưởng thành. Kết quả của cuộc lượng giá phải

⁸ QC 96.

⁹ x. TTNĐB 696; TTN21 285.

¹⁰ x. TTN21 289.

được viết xuống trên văn bản, rõ ràng và thận trọng, vì tính liên tục của sự phân định và sự hướng dẫn.

*Vào lúc kết thúc thời tập vụ, phải có một **sự lượng giá toàn diện** về toàn bộ kinh nghiệm được thực hiện do Giám tỉnh, cộng thể và chính người hội viên.*

445. Trong thời tập vụ cũng phải chú ý đến *đào luyện tri thức*:

- Người hội viên phải được giúp đỡ để suy tư về điều xảy ra trong thực tế; họ phải được can dự vào suy tư ngày qua ngày của cộng thể Salêdiêng và trong những thời khắc lên kế hoạch, sự lượng giá và đào luyện của cộng đoàn giáo dục và mục vụ;

- “Phải tổ chức những buổi gặp gỡ định kỳ về đào luyện trên bình diện cộng thể và Tỉnh dòng;”¹¹

- Phải công hiến những đề xuất về những môn học hay những bài đọc tương xứng với tính chất của giai đoạn này;

- Họ có thể được phép tham gia những môn học của đại học hay những gì tương tự khi những môn học này tương hợp với mục đích tiên quyết của giai đoạn này.

¹¹ TTN21 289.

CHƯƠNG 10

ĐÀO LUYỆN CHUYÊN BIỆT

446. Theo Hiến Luật chúng ta, “sau thời kỳ thực tập, người Salêdiêng hoàn tất việc đào luyện ban đầu”¹ - bước qua thời đào luyện chuyên biệt của mình.

Ơn gọi Salêdiêng luôn là một ơn gọi biệt loại và những hình thái khác nhau của cùng một ơn gọi – giáo dân, linh mục và phó tế – là một khung quy chiếu thường hằng cho công việc đào luyện. Theo nghĩa này, không có bất kỳ một người Salêdiêng chung chung vào bất kỳ thời khắc nào, và vì thế không có một đào luyện chung chung.

Tuy nhiên có một thời kỳ đặc thù gọi là “đào luyện chuyên biệt”, vào khoảng thời gian khẩn trọn; nó *hoàn tất việc đào luyện căn bản của một người Salêdiêng giáo dục và mục tử* được thông truyền suốt thời tập vụ. Và đào luyện này là một cái gì đó khác với việc huấn luyện Giáo hội nghiệp vụ.

Đào luyện chuyên biệt của những người Salêdiêng được gọi tới chức linh mục hay phó tế tuân theo chương trình của những môn học được thảo ra trong những hướng dẫn của Giáo hội.²

Bởi vì trong Tu hội tình trạng cụ thể của những phó tế vĩnh viễn vốn là con số rất ít, và cũng bởi vì việc đào luyện của họ thì tương tự với đào luyện của các linh mục và tùy vào những nguyên tắc của Giáo hội, việc đào luyện cho chức phó tế sẽ không được bàn đến riêng ở đây.

¹ HL 116

² x. RFIS.

ĐÀO LUYỆN CHUYÊN BIỆT CỦA NGƯỜI SALÊDIÊNG SƯ HUYNH

10.1 Bản chất và mục đích

447. Theo Hiến Luật, “việc đào luyện chuyên biệt công hiến cho người Salêdiêng sư huynh, cùng với việc đào sâu gia sản thiêng liêng của Tu hội, *một sự chuẩn bị tương xứng về thần học theo đường nét đời giáo dân thánh hiến*, và hoàn bị việc đào luyện của họ nhằm đến công việc giáo dục tông đồ.”³

Hiến Luật diễn tả không chỉ một ước muốn nhưng là một điều khoản vốn tương hợp với những chỉ dẫn của Giáo hội và trách nhiệm của người hội viên và cộng thể để bảo đảm việc chín muồi của một ơn gọi.⁴

448. Được nhìn trong bối cảnh một sự chọn lựa dứt khoát đối với đời sống Salêdiêng, thời kỳ đào luyện chuyên biệt cho người Salêdiêng sư huynh là một thời gian thuận lợi:

- Để *lượng giá* và hoàn tất bước tiến của họ trong ơn gọi và việc đào luyện của mình;
- Để *tái xác định* căn tính của mình mà họ sống trong cách bổ sung với các linh mục cũng như tái minh định những động lực của mình;
- Để *suy tư*, học hỏi và phẩm chất hoá chính mình trong những khía cạnh thần học và mục vụ của đức tin Kitô giáo và trong đời sống thánh hiến Salêdiêng của mình;
- Để *làm kiên vững* một thái độ và một sự phạm của việc đào luyện liên tục.

10.2 Kinh nghiệm đào luyện

449. Có nhiều phương cách khác nhau để hiện thực đào luyện này, căn cứ vào tình trạng cụ thể, và nhất là con số của các hội viên nói chung là giảm thiểu cho giai đoạn đào luyện này trong từng Tỉnh dòng. Tuy

³ HL 116; x. *Người Salêdiêng sư huynh*, “Thời kỳ sau tập vụ,” p. 214-218.

⁴ x. VC 65, 68.

nhiên, trong mọi trường hợp, *nó phải là một kinh nghiệm đầy đủ và cộng đoàn*, kéo dài ít nhất một năm.

Để lượng giá, đào sâu và hoàn tất đào luyện này, ta phải nhân mạnh đến *một số giá trị và những thái độ biệt loại trong từng bốn khía cạnh* ở đây: ta phải nhớ chúng suốt thời kỳ này.

10.2.1 Đào luyện nhân bản

450. Người sư huynh chú tâm đến:

- Một *mẫu các tương giao* được tô đậm bởi sự đơn giản, tế nhị và thanh thoát;
- *Những nhân đức xã hội* được dân chúng rất quý trọng làm cho người sư huynh được mọi người tiếp nhận, bao gồm một khả năng lắng nghe và thông giao;
- Một *kinh nghiệm về cảm tính* và một khả năng gặp gỡ các loại người khác nhau trong những mối giao tiếp giáo dục của mình;
- *Những giao tiếp hằng ngày trong cộng thể* và mối tương giao của thầy với Salêdiêng linh mục trong sự trao đổi tương tác các tặng phẩm;
- Một *sự bén nhạy sâu xa trước thể giới lao động và văn hóa*, cũng như một khả năng đánh giá những tình trạng cách khách quan và thừa hưởng một tiếp cận chuyên môn.

10.2.2 Đào luyện thiêng liêng

451. Người Salêdiêng sư huynh *lượng giá kinh nghiệm của mình về đời thánh hiến* và đường lối họ bước đi trong Thần khí, khi đi theo những nét căn bản của linh đạo Salêdiêng.

Họ *chia sẻ tình yêu mục tử của Chúa Kitô, vị Mục Tử Nhân Lành*, và trong đời sống và hoạt động, họ nỗ lực để lớn lên trong sự gắn bó với con người, phong thái và tinh thần của Don Bosco, Đấng Sáng Lập và mẫu mực của họ. Họ kiên cường những thái độ và động cơ của mình nhờ suy tư, cầu nguyện và chia sẻ huynh đệ.

Họ *biết làm sao để nối kết những đặc tính của bậc giáo dân với mối quan tâm mục vụ của họ*, và vun trồng những khía cạnh vốn

làm họ có thể hướng dẫn giới trẻ trong sự tăng trưởng thiêng liêng của chúng.

Họ *khai triển một thái độ dâng hiến cho Thiên Chúa toàn vẹn chính mình*, cùng với những đảm trách tông đồ, công việc hằng ngày và những khó khăn họ gặp trong đời sống. Bằng cách này đời sống của họ mặc lấy đặc tính hiếu tử và tư tế: nó trở nên một phụng vụ, tất cả cho vinh quang của Chúa Cha.⁵

10.2.3 Đào luyện tri thức

452. Đào luyện chuyên biệt cống hiến cho người Salêdiêng sư huynh một đào luyện tri thức lành mạnh và cập nhật. Nó bao gồm “*một sự chuẩn bị nghiêm túc về thần học, sự phạm và Salêdiêng*”⁶ *hầu giúp họ tăng trưởng trong kinh nghiệm ơn gọi và sứ mệnh của họ*, và kiện cường nơi họ thói quen liên kết suy tư với công việc của mình. Việc đào luyện này được nêu rõ trong Kế hoạch Đào luyện Tỉnh.

10.2.3.1 Học thần học

453. “*Sự chuẩn bị thích đáng về thần học tương xứng với đời giáo dân thánh hiến của người Salêdiêng sư huynh*”⁷ mà Hiến Luật nói đến, bao gồm *những khía cạnh thần học dùng để kiện cường và soi sáng đức tin Kitô hữu và đời thánh hiến của họ* hầu họ có thể sống chúng với niềm vui và sự cam kết; chúng làm cho họ có thể thực thi công việc rao giảng Tin mừng và huấn giáo cách hữu hiệu giữa giới trẻ – nhất là giới trẻ lao động – và trong mối tương quan của họ với giáo dân.

Phải quan tâm để đảm bảo rằng, giữa những chủ đề khác nhau vốn tạo nên chương trình thần học này, *những chủ đề đương thời sau đây không được bỏ qua*: luân lý Kitô giáo, thần học về đời thánh hiến, những trực giác sâu xa trong Kinh thánh và phụng vụ, những khía cạnh của thần học mục vụ và huấn giáo, và giáo huấn xã hội của Giáo hội.

⁵ x. HL 95.

⁶ QC 98.

⁷ HL 116.

Đối với điều liên quan đến *trình độ kiến thức thần học* mà các sư huynh phải có, nó phải tương xứng với cấp độ văn hóa đạt được trong những ngành nghiên cứu và chuyên môn khác.”⁸

10.2.3.2 Những môn học Salêdiêng

454. “Đề đào sâu kiến thức của họ về gia sản thiêng liêng của Tu hội”⁹ người Salêdiêng sư huynh phải học hỏi, giữa những điều khác, lịch sử của người Salêdiêng sư huynh, linh đạo của họ và sự trình bày về một vài diện mạo nổi bật mà nơi họ gia sản Salêdiêng được nhập thể, cái khung lý thuyết và thực hành của Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng và khoa sư phạm Salêdiêng, những chỉ dẫn của Tu hội và những nét đặc trưng của Gia đình Salêdiêng.

10.2.3.3 Giáo dục trong bầu khí xã hội

455. Phù hợp với khía cạnh giáo dân của ơn gọi mình, người Salêdiêng sư huynh phải được chuẩn bị thích hợp, qua học hỏi và suy tư, để đảm nhận chỗ đứng của mình trong *thế giới lao động phức tạp, kỹ thuật và kinh tế*, và cũng để xử lý những tình trạng xã hội và chính trị.

10.2.3.4 Huấn luyện nghiệp vụ/chuyên môn

456. Thời kỳ đào luyện chuyên biệt thì khác với thời gian chuẩn bị chuyên môn. Không thể đảm trách cùng nhau việc đào luyện chuyên biệt và việc chuẩn bị chuyên môn. Trình độ chuyên môn có cơ hội đầu tiên của mình trong thời kỳ khẩn tạm, tốt nhất là trước thời tập vụ, và kết thúc sau đào luyện chuyên biệt với một sự chuyên hoá khả dĩ.

10.2.4 Đào Luyện cho Tác vụ Mục vụ Giới trẻ

457. Người Salêdiêng sư huynh:

- *Vun trồng một sự bén nhạy đối với giới trẻ nghèo và gần gũi với thế giới lao động và những vấn đề cụ thể của đời sống;*

⁸ TTNĐB 688.

⁹ HL 116.

- *Khuếch trương nhân quan của mình về công việc mục vụ và Linh đạo Giới trẻ Salêdiêng, nền tảng của công việc giáo dục họ làm giữa giới trẻ;*

- *Chú ý đến những khía cạnh vốn liên hệ đến sứ mệnh của Giáo hội trong thế giới, việc Phúc âm hóa nền văn hóa và vai trò của người giáo dân;*

- *Đồng nhất hoá chính mình cách thâm sâu hơn nữa với sứ mệnh là một nhà giáo dục và rao giảng Tin mừng của giới trẻ, theo đường lối ơn gọi chuyên biệt của mình và trong sự tương thuộc với người Salêdiêng linh mục;*

- *Phát triển khả năng sinh động hóa, lên kế hoạch và làm việc theo nhóm trong cộng đoàn giáo dục và mục vụ, khi chia sẻ với giáo dân và quan tâm đến mối tương giao của mình với Gia đình Salêdiêng; họ công hiến sự đóng góp đặc biệt của mình trong hạt nhân sinh động, ý thức về giá trị độc đáo trong sự thánh hiến tông đồ của mình.*

10.3 Một số đòi hỏi cho đào luyện

458. Dầu có thể được tổ chức theo nhiều cách khác nhau, việc đào luyện chuyên biệt của người Salêdiêng sư huynh không thể được giới hạn vào việc công hiến cho họ việc có thể lui tới một số khóa học mang tính chất thần học hay mục vụ. Phải có *một chương trình đào luyện được tổ chức phù hợp* với mục đích của nó.

Để đảm bảo một phẩm chất cao cho kinh nghiệm đào luyện này *một số điều kiện thực tiễn phải được đảm bảo*, nhất là trong những nơi chôn mà ở đó vì số lượng hội viên quá ít hay vì những lý do khác, ta không thể công hiến một giải đáp bền vững về cơ cấu (một nhà, một cộng thể, một trung tâm và những chương trình học hỏi).

Chú tâm đến những điều sau đây quả thật quan trọng:

- Một bối cảnh Salêdiêng;
- Một môi trường cộng thể;
- Lên kế hoạch, sinh động và hướng dẫn;
- Một chương trình học và suy tư chuyên biệt;

- Một sự lượng giá về việc sống kinh nghiệm Salêdiêng;
- Sự sẵn sàng của những người hướng dẫn đào luyện.

Để đảm bảo những điều kiện này, *các Tỉnh dòng phải tạo ra một sự cộng tác có trách nhiệm và kiên trì* trong lãnh vực này – về điều này đã có một số những kinh nghiệm tích cực.

ĐÀO LUYỆN CHUYÊN BIỆT CỦA NGƯỜI SALÊDIÊNG LINH MỤC

10.4 Bản chất và mục đích

459. “Việc đào luyện chuyên biệt của ứng sinh cho thừa tác vụ linh mục tuân theo những đường hướng và quy luật mà Giáo hội và Tu hội đã thiết định, và nhắm đến việc chuẩn bị một linh mục thực thụ là một mục tử và nhà giáo dục Salêdiêng.”¹⁰

Đào luyện chuyên biệt của người Salêdiêng linh mục hay phó tế vĩnh viễn nhằm *chuẩn bị một người Salêdiêng vốn được gọi để hiện thực sứ mệnh cho giới trẻ qua thừa tác vụ linh mục hay phó tế*, để sống tác vụ ấy trong cộng thể Salêdiêng khi chia sẻ trách nhiệm cách huynh đệ với người Salêdiêng sư huynh, và để thực thi nó trong bối cảnh Gia đình Salêdiêng và trên phong cảnh rộng lớn hơn là Giáo hội và thế giới.

Căn tính của Salêdiêng linh mục phát xuất từ sự hòa hợp của hai nét nhận diện họ (sự thánh hiến tu trì và linh mục) thành *một kinh nghiệm độc đáo mà thôi*, tức là, “một đảng, điều này có nghĩa rằng nơi họ sự thánh hiến linh mục được phẩm chất hóa và được sinh động bởi tinh thần và sứ mệnh vốn thuộc về họ do việc tuyên khấn Salêdiêng của họ, và đảng khác nó đảm bảo, làm giàu và làm cho căn tính mục vụ nơi ơn gọi riêng của họ và của toàn cộng thể sinh hoa kết quả.”¹¹

¹⁰ HL 116.

¹¹ Viganò, E. “The Priest of the year 2000. A Theme We have very much at heart,” AGC 335 (1990), p. 25.

460. Ghi nhớ việc đào luyện chuyên biệt của người Salêdiêng linh mục, ta có thể vạch ra những mục tiêu sau đây:

- *Hấp thụ cách suy nghĩ của Chúa Kitô Linh Mục* mà người Salêdiêng, cũng như Don Bosco, là một chứng nhân của ngài cho giới trẻ thiếu thốn, và sống thừa tác vụ ấy như một kinh nghiệm Giáo hội thiêng liêng;
- *Suy nghĩ với Giáo hội:*¹² khi ôm ấp căn tính linh mục như được Giáo hội trình bày và trong mối liên hệ của ngài với cộng đoàn Kitô hữu (giáo dân, những ơn gọi khác...); sự cộng tác trong việc hiện thực sứ mệnh theo đoàn sủng Salêdiêng; làm việc trong sự hiệp thông với Giáo hoàng và các Giám mục;
- *Tăng trưởng trong ý thức rằng thừa tác vụ linh mục là một khía cạnh loại biệt của ơn gọi Salêdiêng* và được ơn gọi ấy đóng ấn – do sự quan tâm đến giới trẻ và giáo dục, do tính chất cộng đoàn của nó và do sự cam kết để là linh mục mãi mãi và mọi nơi¹³ trong những hoạt động, công cuộc và vai trò khác nhau;
- *Phát triển sự quan tâm thích hợp đến tinh thần Salêdiêng* cho những giáo lý viên, công việc cho các ơn gọi và lòng sùng kính Đức Maria trong việc thực thi tác vụ linh mục của họ;
- *Làm chín muồi một thái độ phân định thiêng liêng và mục vụ* hướng đến những con người và các biến cố, với ý định là hướng dẫn và định hướng các cá nhân và cộng đoàn;
- *Thủ đắc một đào luyện vững chắc và cập nhật về thần học và mục vụ*, hòa hợp chặt chẽ với những chỉ dẫn của Giáo hội và Tu hội;
- *Trải nghiệm tác vụ đọc sách và giúp lễ, phó tế và linh mục*, trong bối cảnh của cộng thể địa phương và Tỉnh dòng;
- *Huấn luyện chính mình có được khoa sư phạm cho sự sống vốn chuẩn bị họ để sống trong một thái độ đào luyện liên tục.*

¹² x. PI 24.

¹³ x. TTN 21 294.

10.5 Kinh nghiệm đào luyện

461. Khi giữ lấy tâm nhìn rộng lớn về chức linh mục phổ quát và tính duy nhất của chức linh mục địa phương,¹⁴ việc đào luyện linh mục *được thực thi trong một khuôn khổ Salêdiêng và xảy ra dần dần và tiệm tiến* qua việc trao ban và thực thi những tác vụ đọc sách và giúp lễ và chức phó tế.

Trong một vài Tỉnh dòng nó phần nào trùng khớp với thời kỳ chuẩn bị để tuyên khấn trọn đời.

Như Don Bosco, người linh mục hay phó tế tương lai được mời gọi để là một dấu chỉ và dụng cụ của Chúa Kitô Mục Tử trong sự phục vụ giới trẻ; họ vun trồng một đức tin sống động và mạnh mẽ, được tập trung vào con người Chúa Giêsu Kitô, thủ lãnh Giáo hội, thượng tế và Đấng trung gian.

Từ Đức Kitô họ học và đạt được tình yêu mục tử vốn là nền tảng của toàn cuộc sống và việc đào luyện của họ; họ tỏ lộ tình yêu ấy trong sự xót thương và tình yêu vốn thúc đẩy họ hoàn toàn hiến mình cho sứ mệnh.

Họ sống và biểu lộ tình yêu này như thừa tác viên của Lời và những bí tích và trong việc phục vụ của đức ái.

Dưới ảnh hưởng của *da mihi animas*, họ nhìn vào mỗi người và mỗi biên cố từ quan điểm mục vụ, và với một cảm thức về cộng thể, họ cam kết mình cho “những dịch vụ giáo dục và mục vụ nhằm mục đích làm cho những trách vụ họ đảm nhận có thể là cách họ cử hành phụng vụ đời sống bằng cách tháp nhập nó vào Lễ Tạ Ơn của Chúa Kitô.”¹⁵

10.5.1 Đào luyện nhân bản

462. Ý thức rằng thừa tác vụ linh mục sinh hiệu quả phần lớn tùy vào sự trưởng thành cá nhân và những mối tương giao tốt đẹp với tha nhân, vị linh mục tương lai nỗ lực *phản chiếu, nhiều bao có thể,*

¹⁴ x. MuR 36; PO 8.

¹⁵ x. Vigano, E. “The Priest of the Year 2000. A Theme We Have Very Much at Heart,” AGC 335 (1990), p. 38.

sự hoàn thiện nhân bản vốn tỏa chiếu nơi Đức Giêsu Kitô và họ ngưỡng mộ nơi Don Bosco.

Vì thế họ tỏ lộ một cảm thức trách nhiệm mạnh mẽ, một cảm tính thanh thoát và trưởng thành, sự quân bình và thận trọng khi đánh giá và phán đoán, tâm hồn chân thành và sự kính trọng đức công bằng.

Họ nuôi dưỡng nơi chính mình những phẩm tính nhân bản vốn thu hút tha nhân đến với họ và vì thế cấp ban cho họ sự khả tín lớn lao hơn, chẳng hạn: sự hiền dịu, tính ân cần, sự trung tín, sự trung thành với lời của mình, kính trọng con người và cởi mở với những ý tưởng của người khác, tự chủ và tế nhị.

Họ phát triển những phẩm tính vốn làm cho cuộc đối thoại với tha nhân nên dễ dàng, chẳng hạn: sự khiêm tốn, sự dịu dàng trong giao tiếp, tín nhiệm, sẵn sàng lắng nghe, sự đồng cảm, sự thông cảm và bác ái trong đối thoại.

Họ làm chín muồi mối tương giao huynh đệ là sự tương thuộc nhau trong sứ mệnh với người Salêdiêng sư huynh.

Họ học để nhận biết những giới hạn mà họ phải đặt rõ trong những mối giao tiếp mục vụ và trong sự can dự của họ vào đời sống dân chúng. Họ vun trồng một sự tương tác tích cực, quân bình và thận trọng với nữ giới.

Họ tăng trưởng mối quan tâm sâu xa đối với những người rất nghèo và những người đau khổ.

10.5.2 Đào luyện thiêng liêng

463. Đào luyện thiêng liêng là *yếu tố nhận diện chính yếu* của ơn gọi là một người trung gian của Thiên Chúa hiện diện và tác động. Nó kéo theo việc kiến tạo nơi mình một sự duy nhất giữa đời sống nội tâm và việc tông đồ, giữa việc loan báo và chứng tá, giữa việc phục vụ Thiên Chúa và phục vụ giới trẻ, giữa phụng vụ và đời sống.

Ở tâm điểm kinh nghiệm của ta là một sự sẵn sàng phục vụ nhưng ngay cả trước điều này là sự sẵn sàng để thông hiệp đời sống với Chúa Kitô, tiến bước về sự thánh thiện trong thừa tác vụ.

Ý thức về sự kiện rằng sự thụ phong linh mục hay phó tế tạo nên mối dây liên kết cá nhân mới mẻ và thâm sâu với Chúa Kitô, khi làm mình nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô thủ lãnh của Giáo hội, ứng sinh chuẩn bị mình và bắt đầu sống điều ấy, biết rằng mọi sự tùy thuộc vào mối liên kết đó. Nối kết chính mình với Chúa Kitô với những tâm tình của tình bạn thân là tâm điểm của tất cả sự chuẩn bị mình cho việc thụ phong và của toàn bộ thừa tác vụ của họ.

Sự đồng hình đồng dạng toàn diện với Chúa Kitô là nét nổi bật của đời sống thiêng liêng nơi ứng sinh đó, “được tô đậm, được uốn nắn và được đặc trưng do chính cách thức suy nghĩ và hành động phù hợp với Chúa Giêsu Kitô, thủ lãnh và mục tử của Giáo hội.”¹⁶ Khi đồng nhất chính mình với cùng “một thái độ ... vốn cũng ở trong Chúa Giêsu Kitô,”¹⁷ họ tăng trưởng tình yêu đối với Chúa Cha và nhân loại, và bắt chước Chúa Kitô trong sự tự hiến hoàn toàn và trong sự phục vụ.

Họ gia tăng kiến thức và tình yêu đối với Chúa Kitô, thường xuyên gặp gỡ Ngài trong Lời Ngài và trong cầu nguyện, và sống trong sự kết hiệp và tình bạn với Ngài bằng cách tích cực tham dự vào các bí tích, nhất là Thánh Thể và Giao Hòa, trong Phụng vụ các Giờ kinh và trong việc phục vụ bác ái đối với các anh em của mình.

464. Sự đồng hình đồng dạng của họ với Chúa Kitô chuyển dịch thành *sự đồng nhất hóa mình với Giáo hội*. Họ được gọi là “*người của Giáo hội*.”

Họ yêu mến Giáo hội, suy niệm về Giáo hội trong đức tin, và sống trong sự hiệp thông trí lòng với những vị mục tử của Giáo hội. Họ vun trồng nhiệt tình mục vụ và truyền giáo, và chính mình đóng góp vào việc xây dựng Giáo hội. Họ thánh hóa Giáo hội qua đời sống thánh thiện của mình. Khi cử hành Phụng vụ các Giờ kinh, điều mà họ long trọng ràng buộc mình,¹⁸ họ tìm thấy lương thực cho cầu nguyện cá nhân và một phương cách để diễn tả cảm thức của mình về Giáo hội.

¹⁶ PDV 21.

¹⁷ PI 2:5.

¹⁸ x. Phaolô VI, Apostolic Letter, 1972, *Ad Pascendum*, VIII.

Tình yêu đối với Giáo hội trở thành hữu hiệu trong nỗ lực sống mỗi tương giao của họ với Giáo hội địa phương, với Giám mục, các linh mục, các tu sĩ và giáo dân; họ kính trọng và đóng góp vào việc xây dựng “sự hiệp nhất của cộng đoàn Giáo hội trong sự hài hòa những ơn gọi, đặc sủng và dịch vụ khác nhau.”¹⁹

- 465.** Kết quả tự nhiên của việc đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô và sự đồng nhất với Giáo hội là *khiêm tốn và vô vị lợi phục vụ các anh chị em* qua thừa tác vụ của họ.

“Đào luyện nhắm đến việc quảng đại và tự do hiến mình... là một điều kiện thiết yếu cho người được kêu gọi để là một sự biểu lộ và hình ảnh của vị Mục Tử Nhân Lành, Đấng hiến ban mạng sống.”²⁰

Người linh mục và phó tế coi mình là “*người của đức ái*”. Họ biết rằng mục đích chính của đời linh mục không phải là sự hoàn thành chính mình, thậm chí không phải là kết quả thành công của những mạo hiểm của mình – điều này họ để cho Chúa – nhưng là một sự tiêu hao đời mình cho tha nhân với tất cả tình yêu và sự hy sinh mà nó kéo theo, khi biết rất rõ rằng bằng cách này họ làm việc cho Đấng độc nhất và thật sự là quan trọng.

Với một trái tim không phân chia và sự tự do nội tâm lớn lao, ngay cả với cái giá là nhiều hy sinh cá nhân, người Salêdiêng sống thái độ này trong bối cảnh biệt loại của ơn gọi mình, một thái độ phục vụ vui tươi và nhưng không đối với các hội viên và những thanh thiếu niên. Bằng cách này họ liên lý phát triển “một sự sẵn sàng cho phép chính mình bị bận rộn, có thể nói, ‘bị tiêu hao’”²¹ do những đòi hỏi của sứ mệnh.

10.5.3 Đào luyện tri thức

- 466.** Đào luyện tri thức của một Salêdiêng linh mục có mục đích là làm cho ứng sinh thủ đắc được *một sự chuẩn bị có nền tảng rộng lớn và vững chắc trong những khoa học thánh, một huấn luyện “tính Salêdiêng” vững chắc và một nền văn hóa tổng quát* thích hợp với những nhu cầu

¹⁹ PDV 16.

²⁰ PDV 49.

²¹ PDV 28.

thời đại chúng ta; bằng cách này họ trở nên có thể đối thoại và phân định mục vụ và ở trong một vị thế để loan báo sứ điệp Tin mừng cách hữu hiệu cho giới trẻ ngày nay, phù hợp với văn hóa của chúng, hướng dẫn và xây dựng cộng đoàn Kitô hữu.²²

Những môn học thì thiết thân với hành trình thiêng liêng của họ được tô đậm bởi kinh nghiệm bản thân về Thiên Chúa. Ứng sinh cho đời linh mục đi xa hơn kiến thức lý thuyết mà thôi: họ nuôi dưỡng và đặt nền vững chắc đức tin của mình, đạt được sự khôn ngoan hay sự thông cảm của con tim, và thủ đắc một thói quen suy tư, học hỏi và chia sẻ như một thái độ của đào luyện liên tục.

- 467.** Đào luyện tri thức trong thời kỳ này đòi hỏi thời gian, sự tận tụy, tình yêu và một tinh thần hy sinh. Nó là hoa trái của một nỗ lực liên ngành và một phương pháp luận tích cực.

Vì những vấn đề mục vụ của ngày hôm nay phải đối diện, nhất là những thách đố của việc Phúc âm hóa các nền văn hóa và việc hội nhập Tin mừng vào văn hóa, tiêu chuẩn khoa học cao của các môn học đi đôi với mục tiêu mục vụ của chúng.²³ Trách vụ này lấy khởi hứng từ những chỉ dẫn của Giáo hội và đòi hỏi rằng suy tư phải được bối cảnh hóa cách thông minh và trách nhiệm.

Những môn học phải có thể làm cho người linh mục tương lai thông truyền đức tin cho giới trẻ trong tình trạng xã hội – văn hóa của chúng, soi sáng và hướng dẫn đời sống thiêng liêng của chúng. Đồng thời, đây là một sự kiện rằng chỉ học hỏi nghiêm chỉnh mới có thể đóng góp để đào luyện vững chắc vị mục tử của các tâm hồn như một thầy dạy đức tin và làm cho họ có thể công bố sứ điệp Tin mừng cách hữu hiệu trong cách thức phù hợp nhất đối với văn hóa hôm nay.

10.5.3.1 Học thần học

- 468.** Học thần học nhằm trang bị ứng sinh cho đời linh mục bằng một sự hiểu biết có hệ thống về những chân lý được Thiên Chúa mạc khải nơi Chúa Giêsu Kitô và kinh nghiệm đức tin của Giáo hội.

²² x. RFIS 59.

²³ x. PDV 55.

Một đảng, thần học có điểm quy chiếu là Lời Thiên Chúa, được cử hành và sống trong Truyền thống sống động của Giáo hội: vì thế, phải học hỏi Kinh thánh, các giáo phụ, phụng vụ, và lịch sử Giáo hội.

Đảng khác, thần học được nói cho vị linh mục, người được gọi để tin, sống và thông truyền đức tin và đạo đức kitô giáo: vì thế, phải học hỏi thần học tín lý, thần học luân lý, thần học thiêng liêng, giáo luật và thần học mục vụ.

Mỗi quan tâm đến người tín hữu nêu lên vấn nạn về mối liên hệ giữa đức tin và lý trí – vì thế phải học thần học căn bản – vốn đề cập đến vấn đề mạt khải Kitô giáo và việc chuyển giao trong Giáo hội. Và nó tìm cách trả lời những vấn đề được nối kết với tình trạng xã hội và văn hóa: vì thế phải học về học thuyết xã hội của Giáo hội, truyền giáo, đại kết, những tôn giáo không phải Kitô giáo²⁴ và về những cách thức khác nhau mà qua đó tính tôn giáo diễn tả.

Không được bỏ qua việc đào luyện trong lãnh vực truyền thông xã hội vốn công hiến một khuôn khổ lý thuyết cho nền thần học về truyền thông, huấn quyền của Giáo hội, những giá trị đạo đức và những vấn đề mục vụ được liên kết với những văn hoá của người trẻ; nó sẽ cho vị linh mục hay phó tế tương lai khả năng thông giao; vì thế, phải học môn giảng thuyết, thực hành phụng vụ, những môn học mục vụ, huấn giáo và việc thực thi thừa tác vụ nói chung. Sự quen thuộc với những dụng cụ và một kiến thức có tính chất bối cảnh về những kiểu loại, mã số và ngôn ngữ của những phương tiện truyền thông hiện đại là một trợ giúp cho họ trong việc loan báo Tin mừng và làm cho sứ điệp được con người thời đại dễ dàng hiểu thấu hơn.

Đối với tất cả những khía cạnh này của thần học, điều quan trọng là phải hội tụ một cách hài hòa thành một tổng quan về lịch sử cứu độ đang diễn tiến trong đời sống Giáo hội và trong những biến cố của thế giới.²⁵

²⁴ x. PDV 54.

²⁵ x. RFIS 77.

10.5.3.2 Góc cạnh Salêdiêng và những môn học Salêdiêng

469. Trong bối cảnh của một kế hoạch nền tảng là việc đào luyện linh mục được Giáo hội công bố, ơn gọi biệt loại Salêdiêng dẫn đến một nhân mạnh về sứ mệnh đối với giới trẻ và về những lãnh vực khác liên kết với điều ấy. Việc này kéo theo:

- *Một sự nhạy cảm Salêdiêng trong cách thức mà các chủ đề được luận bàn*, và ý nghĩa mục vụ của chúng được nhấn mạnh trong chính những môn thần học;

- *Học hỏi về một số đề tài chuyên biệt Salêdiêng liên quan đến chức linh mục* hay những đề tài vốn có liên hệ trực tiếp đến điều ấy, chẳng hạn kinh nghiệm linh mục của Don Bosco, tác vụ mục vụ giới trẻ, huấn giáo (nhất là của giới trẻ), linh đạo Salêdiêng, sự sinh động thiêng liêng của những người, những nhóm và cộng đoàn, kiến thức và sự sinh động của những ơn gọi khác nhau trong Gia đình Salêdiêng, một bản phác hoạ mục vụ gồm những thể loại khác nhau của công cuộc Salêdiêng và hình ảnh linh mục và phó tế trong đó.

10.5.4 Đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ

470. Đào luyện chuyên biệt của người Salêdiêng linh mục cho tác vụ mục vụ giới trẻ liên can đến não trạng, những tiêu chuẩn mục vụ, thái độ, phương pháp luận, những kỹ năng/tài khéo, và lập trường mà ta đảm nhận như một Salêdiêng linh mục trong tình trạng mục vụ của cộng đoàn Giáo hội và khi đối diện với những thách đố trong việc thực thi sứ mệnh. Cách riêng, đào luyện cho tác vụ mục vụ giới trẻ trong giai đoạn này nhắm *huấn luyện người hội viên trong những cách cơ bản thực thi tác vụ của mình*, theo tính biệt loại của ơn gọi Salêdiêng – và điều này trong sự tiếp nối với kinh nghiệm được sống của những năm đào luyện trước, cách riêng thời tập vụ.

10.5.4.1 Những khía cạnh cần được vun trồng

471. Đề là một *tôi tớ của Lời* trong bối cảnh tân Phúc âm hóa và đối diện với những thách đố trời hiện từ tình trạng văn hóa, người linh mục và phó tế tương lai:

- Qua suy tư và nguyện ngắm, phẩm chất hoá chính mình [nâng cao trình độ chính mình] để công bố và làm chứng cho Lời Thiên Chúa, khi đính kết mật thiết với tâm trí của Giáo hội và luôn nhớ đến mối liên hệ giữa đức tin và văn hóa;
- Học nghệ thuật rao giảng, nhất là môn giảng thuyết, và nghệ thuật truyền thông xã hội liên đới với việc loan báo Tin mừng, khi chú ý đặc biệt đến một vài lãnh vực như: lời loan báo đầu tiên, đào luyện đức tin qua huấn giáo, đối thoại đại kết và đối thoại liên tôn;
- Làm cho mình có khả năng hướng dẫn người khác trong sự tăng trưởng thiêng liêng của họ, nhất là trong lãnh vực giới trẻ và bình diện Gia đình Salêdiêng.

472. Nhằm đến việc ứng sinh *phục vụ trong phụng vụ và các bí tích*:

- Họ chuẩn bị mình để thực thi những chức năng phụng vụ khác nhau trong khả năng của họ như linh mục và phó tế, và cách riêng, để chủ sự việc thờ phượng của cộng đoàn Kitô hữu;
- Họ đảm bảo rằng mọi hành vi thờ phượng hòa hợp với toàn công cuộc loan báo Tin mừng và hoạt động mục vụ của Giáo hội và với những chọn lựa nền tảng của Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng;
- Họ trở thành có khả năng khai tâm người trẻ và các tín hữu vào việc cử hành các bí tích, nhất là Thánh Thể và Giao Hòa.

473. Để có thể thực thi việc *phục vụ bác ái* thích hợp với linh mục và phó tế:

- Họ được chuẩn bị để dành vị trí hàng đầu cho luận lý của phục vụ và trở thành một chứng nhân cho tình yêu của Chúa Kitô, Vị Mục Tử Nhân Lành, trong cộng đoàn của họ, khi vượt trên ích kỷ và chủ nghĩa cá nhân;
- Họ sẵn sàng đảm nhận những cách sống khác nhau đời linh mục hay phó tế, tùy vào những vai trò khác nhau trong những khung cảnh khác nhau nơi đó sứ mệnh Salêdiêng được hiện thực;
- Họ càng trở nên quan tâm đến hoạt động mục vụ chung, khi theo những chỉ dẫn của Giáo hội và Tu hội và đính kết chặt chẽ vào Kế hoạch Giáo dục Mục vụ Salêdiêng địa phương; họ học để làm việc trong một nhóm, khi dùng phương pháp luận là việc lên kế hoạch

mục vụ; họ học để góp phần biệt loại của mình vào cộng đoàn giáo dục và mục vụ như một linh mục hay phó tế;

- Họ làm cho chính mình có khả năng để sinh động thiêng liêng các nhóm, những phong trào giới trẻ, và những cộng đoàn Giáo hội.

10.5.4.2 Việc thực thi các thừa tác vụ và chức phó tế

474. Trên đường tới đời linh mục, các thừa tác vụ đọc sách và giúp lễ có *một ý nghĩa sư phạm đặc biệt*. Chúng giúp họ tăng trưởng và kinh nghiệm những giá trị và thừa hưởng những thái độ vốn là đặc trưng của đào luyện cho tác vụ mục vụ giới trẻ, và chúng cổ xúy những khả năng và những tài khéo/kỹ năng cần thiết.

10.5.4.2.1 Tác vụ đọc sách và giúp lễ

Vai trò *người đọc sách* là công bố Lời Chúa trong cộng đoàn phụng vụ và thực thi những trách vụ liên hệ khác, chẳng hạn, hướng dẫn ca hát, hướng dẫn sự tham dự của các tín hữu và dạy họ làm sao để tiếp nhận các bí tích cách xứng đáng.²⁶

Vì thế, *việc thi hành tác vụ này* nhấn mạnh cách đặc biệt đến yêu mến và hiểu biết Kinh thánh, và khả năng để công bố nó.

Như một *người giúp lễ*, người hội viên đảm nhận bốn phận tham dự vào việc phục vụ bàn thờ, giúp phó tế và linh mục trong những hành vi phụng vụ, nhất là trong việc cử hành Thánh Lễ, phân phát Mình Máu Thánh trong một số trường hợp, và đem Thánh Thể ra cho dân chúng tôn thờ.

Vì thế, *việc thi hành tác vụ này* nhấn mạnh đến sự tham gia vào việc cử hành Thánh Thể và phục vụ phụng vụ trong những khía cạnh khác nhau của nó.

Đối với những ứng sinh cho các Chức Thánh, việc thi hành tiệp tiến tác vụ lời Chúa và bàn thờ có một mục đích sư phạm ưu đẳng, bao lâu nó làm cho họ ý thức hơn về ơn gọi của mình và giúp họ có tinh thần sốt sắng và sẵn sàng phục vụ Chúa trong các tín hữu.²⁷

²⁶ x. Phaolô VI, Apostolic Letter, 1972, *Ministeria quaedam*, V.

²⁷ x. Phaolô VI, Apostolic Letter, 1972, *Ad Pascendum*, Introduction.

10.5.4.2.2 Đòi phó tế

475. Chức phó tế – đối với những người hướng tới đời linh mục – cũng được nhắc đến thừa tác vụ linh mục trên bình diện sự phạm. Nó là một thời gian khởi đầu, nhưng cũng là một thời gian tư duy và tổng hợp thâm sâu hơn. Thực vậy, việc thi hành chức thánh này nuôi dưỡng *việc làm chín muồi một số khía cạnh biệt loại linh mục*, mặc dù sự kéo dài và những khả thể cụ thể để áp dụng là giới hạn.

Giữa những lãnh vực phải được dành ưu tiên để sửa soạn và thực thi chức phó tế, ta có thể nói đến những điều sau đây:

- *Công bố Lời Thiên Chúa*: người phó tế Salêdiêng chuẩn bị mình và có kinh nghiệm để rao giảng Lời Chúa và giáo dục giới trẻ tới đức tin;

- *Sự sinh động hóa phụng vụ*: họ suy đi nghĩ lại nội dung thần học và mục vụ của Bài đọc, Phụng vụ Thánh Lễ và Phụng vụ các Giờ kinh. Họ khởi sự thi hành tác vụ phó tế trong lãnh vực phụng vụ (tổ chức và chủ tọa những buổi cử hành khác nhau, đảm bảo sự chuẩn bị của những người tham dự) cả trong cộng đoàn của mình và trong những hoạt động mục vụ khác;

- *Thần học mục vụ về các bí tích và sự chuẩn bị thực thi bí tích Giao Hòa*: người Salêdiêng lãnh nhận chức phó tế trong sự chuẩn bị để thụ phong linh mục dần dần được dẫn vào tác vụ của các bí tích và đã nhận được sự hướng dẫn cho trách nhiệm tương lai của một cha giải tội và hướng dẫn các tâm hồn. Với sự trợ giúp của những hội viên già dặn kinh nghiệm trong lãnh vực luân lý và giải tội, họ thủ đắc khả năng hướng dẫn con người trong bí tích này; họ học cách thức để nối kết sự bèn nhảy với những tình trạng, sự rõ ràng về những tiêu chuẩn phải được áp dụng, và một khả năng để đào tạo người khác, và để ý đến tính chất tiệm tiến của sự tăng trưởng cá nhân. Họ cũng chuẩn bị mình để hướng dẫn, tư vấn và linh hướng người khác trong bầu khí không phải là bí tích. Tất cả điều này giả định mỗi quan tâm đến một khả năng đọc những tình huống nhân sinh cũng như khả năng lượng giá chúng theo những tiêu chuẩn đức tin.

Chức phó tế đánh dấu sự bắt đầu thi hành bốn phận chính thức cử hành Phụng vụ các Giờ kinh nhân danh Giáo hội.

10.6 Một số đòi hỏi cho đào luyện

476. Có một lý tưởng từ đó rút lấy khởi hứng cho tất cả những năm đào luyện chuyên biệt của một Salêdiêng linh mục. Nó là thời gian chờ đợi của *những tông đồ trong nhà Tiệc ly* sau khi Chúa phục sinh: chuyên cần cầu nguyện cùng với Đức Maria, họ chờ đợi Thánh Thần đến.

Tình yêu mục tử và nhiệt tình cho sứ mệnh dưới diện sự rộng mở cho việc phục vụ mục vụ định sắc thái cho toàn thể kinh nghiệm đào luyện.

477. Cộng thể đào luyện linh mục được tạo thành bởi những hội viên vốn đã có một kinh nghiệm về đời sống Salêdiêng và sắp hoàn toàn đảm nhận những trách nhiệm của sứ mệnh. Làm cho họ *đảm nhận đầy đủ trách nhiệm đối với việc đào luyện của họ* ngay từ đầu giai đoạn này vốn rất khác biệt với giai đoạn trước quả là quan trọng.

Môi trường đào luyện phải có những đặc tính sau đây:

- *Mọi người đều can dự vào việc đào luyện*, khi vượt quá những thái độ thụ động hay cá nhân chủ nghĩa; trái lại, mỗi người hành động cách trưởng thành và tự do dựa trên những động lực, thanh thản chấp nhận vai trò của quyền bính và những kênh lạch khác qua đó nó được biểu lộ;

- *Nghiêm chỉnh nỗ lực học hành* và đặt tầm quan trọng vào suy tư cá nhân và chia sẻ;

- *Đời sống cầu nguyện được tổ chức* theo cách Salêdiêng và có phẩm chất tốt, nhấn mạnh đến linh đạo linh mục, và một thái độ và nhịp điệu cầu nguyện cá nhân được khuyến khích;

- *Cảm thức về tình huynh đệ* qua việc chia sẻ kinh nghiệm, phân định cộng thể trong ánh sáng của Lời Chúa, cùng chung nỗ lực đối thoại và sửa bảo huynh đệ, và trao đổi quan điểm trong chân thành và đồng cảm;

- *Cống hiến và thực tập hướng dẫn cá nhân và linh hướng*;

- *Một đà lực mục vụ mãnh liệt* theo một cách thức tiêu biểu của giai đoạn này và tránh đi hai hiểm nguy, tức là, một hiểm nguy là phong thái đời sống của cộng thể còn quá xa với những quan tâm mục vụ Salêdiêng và một hiểm nguy khác là quá bị can dự vào hoạt động thực tiễn đến nỗi không cống hiến cho các ứng sinh đủ thời giờ học hành, đời sống cộng thể và cầu nguyện;

- *Cảm thức về sự hiệp nhất* với Tinh dòng, Tu hội và Gia đình Salêdiêng, và đính kết chặt chẽ với Giáo hội và những chỉ dẫn của các mục tử trong Giáo hội.

Những sự tiếp nhận lãnh nhận chức phó tế và linh mục được thực thi trong *tất cả sự nghiêm chỉnh*, với mỗi quan tâm được tỏ lộ rõ đối với một tiến trình phân định cẩn trọng và tất cả những người tham gia đều chia sẻ trách nhiệm, khởi đầu với chính ứng sinh.

478. *Trung tâm học vụ* – dù là thuộc Salêdiêng hay không thuộc Salêdiêng – tạo thành môi trường đào luyện của giai đoạn này, khi nó đóng góp vào việc khai triển một não trạng, những tiêu chuẩn và sự chuẩn bị mục vụ, và thực vậy, thông truyền một ý tưởng về người linh mục và thừa tác viên vốn ảnh hưởng đến căn tính Salêdiêng, tầm nhìn về sứ mệnh và khoa linh đạo của họ.²⁸ Toàn bộ tổ chức của trung tâm học vụ phải nhất quán với kế hoạch đào luyện toàn diện.

Trung tâm Salêdiêng – vốn được ưu tiên hơn – làm cho ta có thể *sắp xếp học hành vốn quan tâm đến khía cạnh Salêdiêng và những nội dung chuyên biệt* bắt nguồn từ đó.

Đối với cộng thể đào luyện, đảm bảo khía cạnh Salêdiêng qua phong thái đời sống huynh đệ và thiêng liêng của nó, những môn học và những hoạt động tông đồ thì không đủ; nhất thiết phải *hoàn tất chương trình của những đề tài “Salêdiêng”*, để công hiến một nền tảng vững chắc cho ơn gọi và thừa tác vụ của linh mục hay phó tế tương lai.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

479. *Sau thời tập vụ người Salêdiêng sư huynh và ứng sinh cho chức linh mục thừa tác hay chức phó tế vĩnh viễn hoàn tất việc đào luyện ban đầu của họ với sự trợ giúp của đào luyện chuyên biệt.*²⁹

²⁸ x. PDV 67.

²⁹ x. HL 116.

Người Salêdiêng Sư huynh

- 480.** Tỉnh dòng có trách nhiệm phải đảm bảo rằng sau tập vụ, các hội viên sư huynh nhận được đào luyện chuyên biệt và sự huấn nghiệp/chuyên môn được Hiến Luật và Quy chế Tổng quát đề ra: đào luyện chuyên biệt trong lãnh vực tri thức hệ tại ở sự chuẩn bị về thần học, sự phạm và Salêdiêng thích đáng hợp cho ơn gọi biệt loại của họ. Sau đào luyện chuyên biệt có thể có sự chuyên hoá sâu xa hơn, để hoàn tất trình độ/vấn bằng chuyên môn đã bắt đầu tốt hơn hết là trước tập vụ.³⁰
- 481.** *Ơn gọi Salêdiêng sư huynh là một tặng phẩm từ Chúa và phải được chính hội viên và toàn cộng thể chăm sóc và vun trồng. Như vậy, từ quan điểm này, việc một Salêdiêng sư huynh xin để bắt đầu một chu trình đào luyện với mục đích trở thành một phó tế vĩnh viễn hay linh mục phải là chủ đề được phân định đặc biệt với tất cả sự xem xét và dè dặt mà một sự chuyển đổi ơn gọi đòi hỏi.*

Trong trường hợp là một Salêdiêng sư huynh tuyên khấn tạm, quyết định sẽ được Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài thực hiện, theo một tiến trình mà ngài sẽ quyết định.

Trong trường hợp là một Salêdiêng sư huynh đã khấn trọn, lời yêu cầu phải được ngỏ với Bề Trên Cả, sau khi đã được Giám tỉnh với Ban Cố vấn ngài phê chuẩn. Trước khi yêu cầu này được trình bày cho Bề Trên Cả, cần phải đảm bảo một tiến trình nghiêm chỉnh và trách nhiệm trong Tỉnh dòng:

Người Salêdiêng sư huynh làm lời xin đó bắt đầu một tiến trình phân định với một vị linh hướng; nếu sự phân định với vị linh hướng kết thúc với một dấu chỉ cho sự chuyển đổi trong chọn lựa ơn gọi, người đó đến gặp Giám tỉnh;

Giám tỉnh với Ban Cố vấn ngài tiến hành để phê chuẩn hay không phê chuẩn lời xin đó, khi xem xét lịch sử ơn gọi và những động cơ trời hiện lên, ý kiến của Giám đốc cộng thể, khảo sát xem hội viên đó có tỏ ra những dấu chỉ rõ ràng về ơn gọi tới chức phó tế hay linh mục Salêdiêng hay không và cuối cùng nhận diện những yếu tố mới

³⁰ x. QC. 98.

vốn đã dẫn tới sự thay đổi này; trong trường hợp phía Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài phê chuẩn, thì Giám tỉnh gửi tất cả những tài liệu bằng chứng cho Bề Trên Cả, người chịu trách nhiệm có quyết định chung cục.

Người Salêdiêng linh mục hay phó tế vĩnh viễn

- 482.** Đào luyện chuyên biệt của tư giáo đòi hỏi từ mỗi ứng sinh một ý hướng rõ rệt để ôm ấp đời sống linh mục. Vì thế, vào lúc họ chấp nhận giai đoạn đào luyện này, **một tuyên bố về ý định của họ theo nghĩa này là cần thiết.** Cách thức trong đó tuyên bố này được thực thi có thể thay đổi: chẳng hạn, việc ấy có thể qua một lời xin cho Giám tỉnh để đảm trách việc học thần học, hay một lời xin để bắt đầu sự chuẩn bị tuyên khấn trọn đời nhằm trở thành một Salêdiêng linh mục.
- 483.** “Việc đào luyện chuyên biệt của ứng sinh cho thừa tác vụ linh mục tuân theo **những đường hướng và quy luật mà Giáo hội và Tu hội đề ra.**”³¹ “Các hội viên chuẩn bị lãnh chức linh mục phải tham dự, ít là bốn năm, một đào luyện linh mục sâu đậm hơn trong các cộng thể đào luyện.”³² Suốt thời kỳ này phải dành ưu tiên cho những môn phận thuộc giai đoạn đào luyện này; những môn học hay hoạt động khác được cho phép chỉ khi chúng tương hợp với mục tiêu này.
- 484.** **Những môn thần học** phải kéo dài **bốn năm.**³³ Trong những phân khoa ở đó quá trình học viện là ba năm được kèm theo với việc đăng ký vào một quá trình hai năm cho một bằng cao học trong những khoa học của Giáo hội, thì năm thứ bốn của thần học được thay thế bằng chương trình kéo dài hai năm này.³⁴
- 485.** “Phải có một đào luyện thần học và mục vụ nghiêm chỉnh nhờ vào những môn học được Giáo hội qui định.”³⁵ Những môn học này được “sắp xếp và thực thi theo **những mục tiêu chuyên biệt của ơn gọi**

³¹ HL 116.

³² QC 97; x. TTN21 295, 44.

³³ CEC, *Theological formation of future priests*, 1976; TTN 21 295.

³⁴ x. *Sapientia christiana*, số 72-74.

³⁵ TTN21 295.

chúng ta. Cách riêng, những môn học về Salêdiêng được cung cấp, với sự quy chiếu minh nhiên đến Don Bosco - linh mục."³⁶

486. *"Họ phải nghiêm chỉnh hoàn tất các môn thần học, ưu tiên trong các trung tâm Salêdiêng."³⁷ Khi minh chứng là không thể lui tới một trung tâm Salêdiêng, ta phải ưu tiên dành cho trung tâm không phải Salêdiêng mà ở trong một địa vị đóng góp lớn vào việc đào luyện một linh mục hay phó tế như là mục tử và nhà giáo dục. Khi **chọn trung tâm** ta phải ghi nhớ những tiêu chuẩn được đưa ra trước kia."³⁸*

487. *Các hội viên phải đảm trách những môn thần học với "**sự chuẩn bị cần thiết về văn chương cũng như triết học.**"³⁹ Họ phải ở trong một tư thế để tiếp cận những nguồn liệu của suy tư thần học (Kinh thánh, những văn kiện của huấn quyền, những tác phẩm của Giáo phụ và những nhà thần học lớn).*

Vì mục đích này nên cố xúy một kiến thức đầy đủ về Latinh và, ít nhất đối với những người nhằm đến những văn bằng học vụ, một vài ngôn ngữ Kinh thánh."⁴⁰

488. *Đối với những linh mục tương lai, khi kết thúc những môn thần học và, thông thường là trước khi chịu chức linh mục, phải có **một cuộc khảo hạch liên quan đến một "tổng hợp" thần học hay văn bằng cử nhân.**⁴¹*

489. *Điều được đòi buộc chung chung liên quan đến những phẩm tính nhân bản và thiêng liêng, liên quan đến sự chuẩn bị về tín lý, tâm lý, sự phạm, Salêdiêng, và mục vụ, liên quan đến một kinh nghiệm tông đồ thích hợp và liên quan đến nỗ lực để được cập nhật, phải là nguyên tắc và tiêu chuẩn để trao cho **một hội viên trách nhiệm đối với đào luyện** trong các cộng thể của việc đào luyện linh mục và/hay phó tế."⁴²*

³⁶ Ibid.

³⁷ QC 97.

³⁸ x. số 178 trên kia.

³⁹ CEC, *The theological formation of future priests*, 129.

⁴⁰ x. Ibid., 130.

⁴¹ x. *Sapientia christiana*, số 72.

⁴² x. TTNĐB 684-686.

490. Khi chu toàn bốn phận mình, **Giám đốc** phải ý thức về trách nhiệm đặc thù của mình trong việc đào luyện của các linh mục tương lai. Ngài nên quan tâm đến việc sinh động thiêng liêng của cộng thể và của các cá nhân: những buổi huấn đức định kỳ, những huấn từ tối, cuộc đàm thoại cá nhân hàng tháng, những thời khắc phân định trước khi tiếp nhận, sự chuẩn bị cho các thừa tác vụ và chịu chức, những buổi hồi tâm hàng tháng và quý, và những cuộc tĩnh tâm hàng năm.⁴³
491. **Những thừa tác vụ đọc sách và giúp lễ** vốn được quy định cho các tư giáo vì những lý do sư phạm, phải được trao ban trong đào luyện chuyên biệt của một Salêdiêng linh mục.
492. Trong việc ban các thừa tác vụ và trong việc phong chức phó tế và linh mục, phải tuân theo **những quy tắc của Giáo hội và Tu hội**. Cách riêng:
- Việc ban các thừa tác vụ đọc sách và giúp lễ cho các ứng sinh tới chức phó tế và linh mục là một bốn phận mà chỉ có Tòa Thánh mới miễn chuẩn được;⁴⁴
 - Những thừa tác vụ này phải được thực thi trong một thời gian xứng hợp hầu có thể làm cho ứng sinh được chuẩn bị tốt đẹp hơn và chuyên biệt hơn để phục vụ Lời Chúa và bàn thánh;⁴⁵
 - Việc thi hành những tác vụ này “trong một thời gian thích hợp” hàm ý rằng giữa việc trao ban tác vụ đọc sách và tác vụ giúp lễ phải kính trọng một thời kỳ được Tòa Thánh và những Hội đồng Giám mục thiết định. Giữa việc trao ban tác vụ giúp lễ và phó tế có một thời gian gián đoạn ít là sáu tháng.⁴⁶
 - Việc trao ban các tác vụ đọc sách và giúp lễ, nếu không có một khoảng thời gian gián đoạn khoảng vài tháng, là không hợp pháp (illicit) và bất thường (irregular) và làm mất đi mục tiêu của những tác vụ này. Cũng thế khi thời gian gián đoạn giữa tác vụ giúp lễ và chức phó tế quá ngắn.⁴⁷

⁴³ x. HL 55, 70; QC 49, 79, 175.

⁴⁴ x. ASC 293, 27.

⁴⁵ x. Phaolô VI, Apostolic Letter, 1972, *Ad Pascendum* II.

⁴⁶ x. GL 1035 § 2.

⁴⁷ x. ASC 293, p. 28; CEC-FS, p. 16.

493. Liên quan đến **những tiêu chuẩn và dạng thái tiếp nhận** vào các tác vụ và chức thánh, phải quy chiếu đến điều được nói về sự phân định ơn gọi.⁴⁸ Sự tiếp nhận vào chức phó tế và linh mục phải được thực hiện cách ý thức và nghiêm chỉnh đặc biệt, và được dựa trên một lượng giá về toàn thể kinh nghiệm đào luyện.

494. Sự thụ phong phó tế có thể xảy ra thông thường chỉ khi kết thúc năm thứ ba thần học.⁴⁹

Sau khi thụ phong phó tế, nếu không gián đoạn những môn học được quy định, mọi phó tế thực thi tác vụ của mình trong những chức năng về phụng vụ và mục vụ vốn cống hiến nhân giới chuyên biệt cho nó. Quan trọng là việc thực thi này phải được thi hành cách có hệ thống và dưới sự hướng dẫn, với những lượng giá thích hợp về phía của những người trách nhiệm về đào luyện.⁵⁰

“Thời gian thích hợp” được nói đến ở Giáo luật khoản 1032§2 phải được cân nhắc đối với cả cá nhân ứng sinh và những đặc tính của của Tu hội chúng ta, vốn đã cung cấp một sự chuẩn bị vững chắc trước về mục vụ.

495. Những linh mục tương lai thông thường phải hoàn tất bốn năm trong các cộng thể đào luyện trước khi thụ phong. Điều này cũng có giá trị cho những người, sau khi hoàn tất khóa học tổ chức trong ba năm trong một phân khoa, bắt đầu văn bằng cao học hai năm trong thần học. “Sau năm thứ tư của thần học hay năm đầu của những môn học để lấy cao học, có thể trao ban **việc thụ phong linh mục.**”⁵¹

Khi những lý do nghiêm trọng khuyến nên tiên liên việc thụ phong linh mục trong học kỳ cuối của năm thứ tư của những môn thần học, thì Giám tỉnh phải lấy quyết định với sự ưng thuận của Ban Cố vấn ngài, và trong mọi trường hợp phải đảm bảo rằng những môn thần học được hoàn tất theo những nguyên tắc của Giáo hội.⁵² Cũng áp dụng như thế cho việc thụ phong phó tế.

⁴⁸ x. Các Tiêu chuẩn và Quy tắc; cũng xem số 301 trên kia.

⁴⁹ x. AGC 312, p. 56.

⁵⁰ x. AGC 312, p. 57.

⁵¹ AGC 312, p. 57.

⁵² x. *Sapientia christiana*, số 72-74.

Bằng một cách thức đúng lúc Giám tỉnh phải gửi thông tin về những quyết định của mình cho Bề Trên Cả qua vị Tổng Cố vấn Đào luyện.

496. Nếu một phó tế, sau khi hoàn tất chu trình đào luyện bình thường, phải xin thêm một thời gian dài hơn trước khi thụ phong linh mục, thì những động cơ/lý lẽ của lời xin này phải được sáng tỏ, và những mục tiêu cũng như thời gian dài bao lâu phải được nhắm đến và những điều kiện để làm cho nó thành một kinh nghiệm đào luyện phải được nêu ra.
497. Nếu một ứng sinh, sau khi **gián đoạn việc đào luyện chuyên biệt của mình hay sau khi không được tiếp nhận** vì những lý do nghiêm trọng để tuyên khấn, chịu chức phó tế hay linh mục, lại xin tiếp tục giai đoạn mà họ đã gián đoạn hay xin để được tiếp nhận, thì Giám tỉnh với Ban Cố vấn ngài, trước khi cứu xét lời xin, phải đặt một kỳ gian thích đáng trong đó để thẩm tra xem những điều kiện quy định có được hoàn tất và những mục tiêu đề ra đã đạt được hay không. Thông thường, thời kỳ này không được dưới một năm.
498. Việc chuẩn bị của **những phó tế vĩnh viễn**, như một vấn đề của nguyên tắc, phải tuân theo những chỉ dẫn của Giáo hội địa phương nơi đó họ phải thực thi tác vụ của mình.⁵³ Rốt cục họ sẽ được gắn vào những cộng thể đào luyện và những trung tâm học vụ Salêdiêng của nơi đó.
499. “Một phó tế tu sĩ, cư trú tạm thời hay vĩnh viễn trong một khu vực nơi đó chức phó tế vĩnh viễn không được thiết lập, không được thực thi những chức năng phó tế mà không có sự ưng thuận của Đấng Bản Quyền sở tại.”⁵⁴
500. Xem xét tầm quan trọng được gán cho việc lựa chọn một ơn gọi, người Salêdiêng phó tế vĩnh viễn muốn trở thành một linh mục trước tiên phải có được Giám tỉnh với Ban Cố vấn ngài phê chuẩn, rồi đệ đơn cho Bề Trên Cả. Những đơn từ này sẽ là đề tài để phân định đặc biệt, với tất cả sự cứu xét và thận trọng xứng hợp.

⁵³ x. ASC 267, p. 52.

⁵⁴ Phaolô VI, Apostolic letter, “*Sacrum diaconatus ordinem*” (1967), 34.

CHƯƠNG 11

CHUẨN BỊ KHẨN TRỌN ĐỜI

501. Thời kỳ giữa tuyên khẩn lần đầu và sự thắp nhập dứt khoát vào Tu hội là một thời gian cần thiết “cho ứng sinh cũng như cho cộng thể để cùng nhau cộng tác tìm ra thánh ý Chúa và đáp trả.”¹ Nó là *thời gian để hiểu biết lẫn nhau và để chia sẻ trách nhiệm trong việc lấy những quyết định*. Hội viên “được nâng đỡ bởi cộng thể và bởi việc được linh hướng sẽ *hoàn tất tiến trình trưởng thành nhằm tới việc khẩn trọn*.”²

502. Tuyên khẩn tạm đã là chính ân sủng của một giao ước với Thiên Chúa và mẫu nhiệm của sự thánh hiến do Ngài thực hiện và một sự dâng mình trọn vẹn cho Thiên Chúa.

Tuy nhiên, có lẽ không giảm thiểu chính giá trị của tuyên khẩn tạm, vốn cũng được thực hiện với ý hướng là hiến mình suốt đời cho Thiên Chúa, thì một đảng chính việc tuyên khẩn trọn đời với những đặc tính của nó là tính toàn diện (“một cách hoàn toàn”) và tính vĩnh viễn (“mãi mãi”) mới bày tỏ sự chọn lựa nền tảng và dứt khoát của người Salêdiêng được thực hiện trong tất cả sự tự do, và một đảng khác, sự thánh hiến trọn vẹn của Thiên Chúa được hoàn thành qua thừa tác vụ của Giáo hội.

Một hành vi có tầm quan trọng lớn lao như thế vốn đánh dấu toàn bộ cuộc đời người Salêdiêng và thiết lập mối dây mới mẻ và vĩnh viễn giữa họ và Tu hội, *đòi hỏi một thời kỳ thích đáng để chuẩn bị sẵn*.

11.1 Bản chất và mục đích

503. Như Hiến Luật nói, “hội viên sẽ tuyên khẩn trọn sau khi đã đạt tới sự trưởng thành thiêng liêng Salêdiêng ngang với tầm quan trọng

¹ HL 107.

² HL 113.

mà bước tiến ấy đòi hỏi. Việc cử hành tuyên khẩn cần có một thời gian chuẩn bị trực tiếp xứng hợp.”³

Thật ra, lối nói “chuẩn bị cho tuyên khẩn trọn đời” cho đến nay được cắt nghĩa theo nhiều lối khác nhau và nảy sinh những loại chương trình khác nhau.

Đôi khi lối diễn đạt ấy nói đến việc chuẩn bị trực tiếp cho lễ nghi tuyên khẩn, một khi sự phân định đã xảy ra rồi, đơn xin đã được gửi đi và hội viên đã được tiếp nhận.

Chỗ khác nó qui chiếu đến tiến trình phân định dẫn tới việc viết đơn, một thời gian lượng giá và sự tổng hợp của toàn bộ đào luyện từ tiền tập viện cho tới cuối thời khẩn tạm.

“*Chuẩn bị cho khẩn trọn đời*” chúng ta muốn nói đến thời kỳ bao gồm tiến trình phân định và thẩm định trước khi làm một chọn lựa dứt khoát, kể cả đơn xin, tiếp nhận và chuẩn bị trực tiếp cho hành vi tuyên khẩn; vì thế, nó không được giới hạn vào việc chuẩn bị cho lễ nghi tuyên khẩn sau khi đã được tiếp nhận.

504. Thời kỳ chuẩn bị này có những *mục đích* sau:

- *Sự kiểm nghiệm một ơn gọi trong ánh sáng của kinh nghiệm sống;*

Hội viên đi về lại toàn bộ đào luyện của mình, lượng giá câu chuyện ơn gọi mình trước nhan Thiên Chúa, và đánh giá sự lãnh mạnh của những động cơ nơi mình.

Về phần mình, cộng thể Tỉnh và địa phương đồng hành với họ trong tiến trình này, khi phán đoán họ thích hợp đối với sự cam kết dứt khoát cho đời thánh hiến Salêdiêng, những động cơ của họ mạnh mẽ và có sự trưởng thành thiêng liêng cần thiết.

Sự phân định và tiếp nhận cho tuyên khẩn trọn đời đòi hỏi một cảm thức trách nhiệm đặc biệt; chúng tùy vào sự lượng giá toàn diện về kinh nghiệm đào luyện và dựa trên những yếu tố tích cực.

Một dấu hiệu căn bản của sự trưởng thành đòi buộc cho tuyên khẩn trọn là ý ngay lành, nghĩa là, một ý chí rõ ràng và dứt khoát để dâng

³ HL 117.

hiển chính mình hoàn toàn cho Thiên Chúa, để thuộc về Ngài và phục vụ Ngài nơi cận nhân, theo ơn gọi Salêdiêng. Còn hơn một ước muốn quảng đại là phục vụ và một khuynh hướng là làm việc trong lãnh vực giới trẻ và giáo dục, còn hơn cả một sự thu hút đến phong thái Salêdiêng – hiển nhiên, những điều này là những khía cạnh quan trọng nhưng, tự chúng, không đủ để nâng đỡ một dự phóng là đời thánh hiến – họ cần phải có một ý hướng siêu nhiên, một sự cam kết của toàn nhân vị vì họ được soi sáng bởi đức tin, một sự hiến mình cho sứ mệnh mà họ rõ ràng chấp nhận như đến từ bàn tay Thiên Chúa qua Giáo hội. Đây là dấu hiệu đặc trưng nhất của một ơn gọi và nó cung cấp một nền tảng vững chắc cho những yếu tố khác về sự thích hợp của một ơn gọi;

- *Việc chín muồi một tổng hợp cá nhân mới:*

Người hội viên trở nên ý thức về tính chất đặc biệt của việc tuyên khấn trọn đời, đào sâu những động cơ của mình và tăng trưởng trong ý thức thuộc về Tu hội. Họ tái trình bày dự phóng đời sống mình từ quan điểm đoàn sủng và những giá trị của nó, khi nhìn tới trước với một thái độ đào luyện liên tục;

- Một sự lựa chọn dứt khoát được thúc đẩy do và dựa trên ân sủng Thiên Chúa:

Người hội viên kết thúc sự phân định với quyết định vĩnh viễn ôm ấp dự phóng tông đồ của Don Bosco như một đời sống trong Thần khí để phục vụ giới trẻ, khi đi theo lối đường thánh thiện được Hiến Luật Salêdiêng vạch ra, và để sống nó trong một cộng thể Tinh đặc thù. Ý thức về những hàm ý của những sự cam kết mà họ sắp đảm nhận, họ đặt nền sự trung thành của họ trên Thiên Chúa Đáng yêu mến họ trước và làm một giao ước đặc biệt với họ. Họ cũng tìm được sự nâng đỡ nơi sự giúp đỡ của các hội viên và tình yêu của họ dành cho giới trẻ.⁴

Cũng có thể có những người mà trong suốt thời gian chuẩn bị này, khi đối thoại với vị linh hướng của họ và Giám tỉnh, thấy rằng tốt

⁴ x. HL 195.

hơn nên kéo dài thời khẩn tạm hay đi tới kết luận là không tiếp tục trong đời sống Salêdiêng nữa.

11.2 Kinh nghiệm đào luyện

505. Thời kỳ chuẩn bị tuyên khẩn trọn đời *kết thúc* tiến trình hiểu biết và hấp thụ sự nghiệp ơn gọi của Don Bosco.

Nó là một thời kỳ của nỗ lực thiêng liêng mạnh mẽ, của đối thoại huynh đệ, của sự lượng giá chân thành về tình trạng của mình, của ý thức về tặng phẩm nhận được và sự đồng nhất hoá chặt chẽ với nó, của sự tái khẳng định những động cơ căn bản, và của sự trình bày rõ ràng khoa sư phạm của đời sống để có thể tiếp tục sống nó cách trung thành.

506. *Chương trình của thời kỳ chuẩn bị này* nhắm đến việc nâng cao những nội dung của kinh nghiệm của một người và thừa hưởng một phương pháp vốn can dự đến họ cách sâu xa. Được cứu xét như một toàn thể, nó nêu bật nhu cầu phải xem xét mình trong ánh sáng của dự phóng Salêdiêng và tinh thần của Tu hội. Nó là một thời gian suy tư một lần nữa về Hiến Luật và nhờ đó cân nhắc sâu xa hơn những chủ đề nền tảng của đời thánh hiến vốn xác định đời sống Salêdiêng. Nó cũng là thời gian suy tư về ý nghĩa của việc tuyên khẩn, về đặc tính riêng biệt và dứt khoát của nó, về những hàm ý Giáo hội của nó và về nghi thức tuyên khẩn.

Đây là thời kỳ trong đó *tầm quan trọng lớn lao được dành cho những thời gian hồi tâm*, một sự gặp gỡ thâm sâu cá nhân với Chúa Giêsu Kitô, “Luật sống của chúng ta,” và với Don Bosco, với sự trợ giúp của suy tư, cầu nguyện và linh hướng.

11.3 Một vài đòi hỏi cho đào luyện

507. Vì sự chuẩn bị này là một trong những cao điểm của toàn tiến trình đào luyện, Giáo hội đòi hỏi rằng nó phải là một thời kỳ thiêng liêng mãnh liệt đặc biệt.⁵

Sự chuẩn bị đôi khi bao gồm *một chương trình* kéo dài một năm hay một vài tháng, và được thực thi thông thường trong dòng tập vụ hay

⁵ x. PI 64.

đào luyện chuyên biệt qua những hoạt động được đề xướng, những kinh nghiệm cá nhân và nhóm, sự hướng dẫn thích hợp được cộng thể địa phương trao ban cũng như sự nâng đỡ được cộng thể Tỉnh công hiến. Sự chuẩn bị cũng có thể được tổ chức và hoàn tất bằng cách có một số chương trình trải ra suốt năm (chẳng hạn, vào lúc khởi đầu của thời kỳ chuẩn bị, khoảng giữa năm, và một thời gian ngắn trước tuyên khấn) nhưng sự sắp xếp phải như thế nào hầu không làm giảm nhẹ tính liên tục và hiệu năng của chính việc chuẩn bị.

508. *Đây là một kinh nghiệm liên can đến người hội viên, cộng thể và Tỉnh dòng.*

Vì thế, thật quan trọng để đảm bảo phải cung cấp sự hướng dẫn, bằng việc cũng *xin một người hướng dẫn có uy tín và kinh nghiệm* theo dõi từng cá nhân và nhóm.

Một người như thế giúp từng hội viên lượng giá lại cuộc đời mình từ tập viện tiếp theo đó trên bình diện thiêng liêng; người đó giúp cho hội viên xác minh họ đã thủ đắc được tâm trí của Chúa Kitô như thế nào, đã tăng trưởng trong sự trưởng thành tình cảm và trong ơn gọi của mình ra sao và làm cho những giá trị đời sống Salêdiêng thành của mình như thế nào.

Hơn nữa, họ cũng giúp hội viên đánh giá họ sẵn sàng bao nhiêu để chìm vào màu nhiệm vượt qua, những động cơ của họ rõ ràng và mạnh mẽ ra sao, và họ khả năng thế nào để trung thành với sự cam kết toàn diện của mình.

Trong vấn đề này, *bầu khí cộng thể và việc chia sẻ và cầu nguyện với các anh em của mình* đảm nhận một tầm quan trọng đáng kể, mặc dù chính cá nhân hơn là cộng thể phải nỗ lực gánh vác nặng hơn.

509. *Đây là một trong những trạng huống trong đó sự cộng tác giữa những Tỉnh dòng khác nhau có thể dẫn đến tổ chức những sáng kiến và những biến cố đặc biệt và có thể nâng cao phẩm chất của kinh nghiệm đào luyện bằng cách có thể có được một con số nền tảng hầu tạo nên một cộng thể, để có thể chọn được những người hướng đạo có uy tín cũng như có thể chia sẻ những kinh nghiệm và phương pháp.*

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

510. “Việc tuyên khẩn trọn thông thường được thực hiện **sáu năm sau lần tuyên khẩn đầu tiên**. Tuy nhiên, nếu thấy cần, Giám tỉnh có thể kéo dài thời gian này, nhưng không quá chín năm.”⁶ Việc kéo dài thời kỳ tuyên khẩn tạm thích hợp bao nhiêu phải tùy vào một sự phán đoán thận trọng dựa trên những căn cứ đầy đủ và hợp lý.

511. Tuyên khẩn trọn đời có thể được thực hiện vào lúc hết hạn thời gian khẩn tạm,⁷ hay cho tới ba tháng trước đó.⁸

Cái khả thể cuối cùng này đòi phải có một nguyên do chính đáng, để được Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài lượng giá.

Trong trường hợp ngoại lệ là việc tuyên khẩn trọn đời vượt trước ba tháng, trước khi hết hạn sáu năm tuyên khẩn tạm, lời yêu cầu ấy phải được ngỏ cho Bề Trên Cả.

512. Sự chuẩn bị tuyên khẩn trọn đời bao gồm thời kỳ chứng nghiệm và phân định nhằm đến việc xin tuyên khẩn, tiến trình tiếp nhận và chuẩn bị cử hành hành vi tuyên khẩn; nó không được giới hạn vào việc chuẩn bị lễ nghi, sau khi sự tiếp nhận đã xảy ra.

Trong thời kỳ chuẩn bị tuyên khẩn trọn đời bởi các Salêdiêng tu giáo và Salêdiêng sư huynh ta phải cẩn thận chú ý đến sự phân định về hai hình thức ơn gọi Salêdiêng, tác vụ và giáo dân, nhằm đến một chọn lựa dứt khoát. Cùng sự phân định cẩn thận ấy phải được đảm nhận trước khi bắt đầu đào luyện chuyên biệt, nếu điều này đi trước tuyên khẩn trọn đời. Không chỉ người trong đào luyện song cả Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài phải đảm trách sự phân định này.

513. Tỉnh dòng hãy thiết lập **một chương trình để chuẩn bị** cho tuyên khẩn trọn đời trong đó nêu ra cách thức, nội dung, kỳ hạn, và những người chịu trách nhiệm, và cũng gồm cả cuộc tĩnh tâm trước khi tuyên khẩn.

⁶ HL 117.

⁷ x. GL 657 § 1; HL117.

⁸ x. GL 657 § 3.

514. Việc chuẩn bị tuyên khẩn trọn đời can hệ đến trách nhiệm của người hội viên, của Tỉnh dòng, và của cộng thể địa phương. Việc chuẩn bị được thực thi với sự tham gia và cộng tác của một vài Tỉnh dòng có thể mình chứng là hữu ích.

515. Khoảng một năm trước khi hết hạn thời kỳ tuyên khẩn, theo một phương cách được coi là thích hợp nhất, người hội viên trong thời tuyên khẩn tạm phải minh nhiên cho Giám tỉnh biết **wớt muốn của mình để bắt đầu chuẩn bị cho việc tuyên khẩn trọn đời của mình.**

516. Trong thời chuẩn bị tuyên khẩn trọn đời hãy chú ý đặc biệt tới khía cạnh phụng vụ của việc thánh hiến tu trì, nhờ đến những yếu tố khác nhau được nghi thức công hiến.

Hãy làm cho việc **cử hành** phụng vụ của tuyên khẩn trọn đời có được một sự long trọng mà rõ ràng làm nó phân biệt với việc tuyên khẩn lần đầu và những lần canh tân tiếp sau đó. Những yếu tố được tìm thấy trong cuốn Nghi Thức phải được thực thi, cùng với những sự thích ứng được dự kiến.⁹

517. “Hội viên sẽ tuyên khẩn trọn sau khi đã đạt tới sự trưởng thành thiêng liêng Salêdiêng ngang với tầm quan trọng mà bước tiến ấy đòi hỏi.”¹⁰ Trong đơn xin, người hội viên phải minh định:

- Ý thức hoàn toàn về hành vi quyết liệt mà họ sắp thực hiện;
- Hoàn toàn tự do để làm như thế;
- Ý muốn rõ ràng để tiếp tục trong đời sống Salêdiêng mà họ đã khởi đầu;
- Sau khi họ đã đàm thoại với Giám đốc, người đã đồng ý cho họ đệ đơn xin;
- Sau khi họ đã làm một sự phân định và xin ý kiến của vị linh hướng và giải tội của họ.

⁹ x. *Ordo Professionis Religiosae*, 1970, Introduction 5, 14c; đối với việc cử hành khẩn dòng của Salêdiêng, x. *Rite of Religious Profession, Society of St. Francis de Sales*, Roma 1990.

¹⁰ HL 117.

- 518.** *Sự tiếp nhận vào tuyên khẩn trọn đời được thực hiện dựa trên sự lượng giá về toàn thể tiến trình của đào luyện, một sự thẩm tra về những động cơ của ứng sinh, và sự hấp thụ dự phóng ơn gọi Salêdiêng.*
- 519.** *“Khi một tu sĩ đã khẩn trọn xin chuyển từ dòng của họ sang Tu hội chúng ta, họ sẽ trải qua một thời kỳ thử thách ít là ba năm tại một trong các cộng thể chúng ta để hấp thụ tinh thần Salêdiêng. Thời kỳ thử kết thúc, họ có thể đệ đơn xin và, nếu được chấp nhận, họ sẽ khẩn trọn theo qui định của Giáo luật.”¹¹*

¹¹ QC 94; x. GL 684.

CHƯƠNG 12

ĐÀO LUYỆN LIÊN TỤC

520. Trọn cuộc đời là một ơn gọi, trọn cuộc đời là đào luyện.

Đào luyện ban đầu dẫn người Salêdiêng làm cho một dự phóng của đời thánh hiến thành của mình; rồi họ phải biến đổi nó thành một kinh nghiệm sống suốt đời mình. Đào luyện liên tục là chính ân sủng và sự cam kết dẫn họ tới sống kế hoạch đó “trong sự liên lý tìm cách để trung thành.”¹ Nó là *sự tiếp nối tự nhiên và tuyệt đối cần thiết của tiến trình mà họ đã sống trong đào luyện ban đầu.*

521. *Đào luyện liên tục là một sự tất yếu* được ăn rễ trong chính người Salêdiêng và ở chính lối tủy của ơn gọi Kitô hữu và Salêdiêng của họ. Và điều này, vì nhiều lý do:

- *Tính chất tiến hoá và năng động của con người* buộc họ phải liên lý sẵn sàng đổi mới chính mình trong tất cả mọi khía cạnh và thời khắc của cuộc đời mình.

- *Đời sống Kitô hữu* là một ơn gọi thường hằng, một sự phát triển của ơn Thánh Tẩy; nó đòi một khả năng phân định và đưa ra một lời đáp trả-đức tin cho những thách đố nảy sinh từ tình trạng văn hóa. Chính Giáo hội ở trong một tình trạng canh tân liên lý và cổ xúy các phần tử của mình cũng làm như vậy;

- *Sứ mệnh Salêdiêng cho giới trẻ*, vốn được hướng tới một thành phần nhân loại vốn luôn luôn mới mẻ và không thể tiên đoán, đòi hỏi tính sáng tạo liên lý được đổi mới: “qua điều họ tra vấn chúng ta giới trẻ ngăn chúng ta khỏi bị sa lầy vào trong quá khứ; họ giáo dục chúng ta và thúc đẩy chúng ta tìm những đáp trả mới và can đảm”;²

- *Nhịp độ thay đổi mau lẹ trong thế giới* tác động chúng ta một cách khó chịu và nêu lên những nghi vấn cần có những câu trả lời thích

¹ VC 70.

² TTN23 90.

hợp từ những cá nhân và cộng đoàn (chẳng hạn, những thách đố của nền văn hóa mới, của sự tục hóa, của loan báo Tin mừng);

- *Niềm kỳ vọng hiện nay và khắp nơi yêu cầu về phẩm chất* trong mọi lãnh vực đòi buộc rằng đời sống thánh hiến phải có thể duy trì một chứng tá trong sáng cũng như sự phục vụ tông đồ hữu hiệu;³

- *Vai trò sinh động hóa của cộng thể Salêdiêng* như một hạt nhân đề lãnh đạo, hướng dẫn và huấn luyện hoạt động mục vụ trong bối cảnh mới là sự chia sẻ với giáo dân, nêu bật nhu cầu phải tái sinh động thiêng liêng và tông đồ, phải cập nhật học thuyết cùng với những tài khéo/kỹ năng được công nhận là thích hợp.

12.1 Bản chất và mục đích

522. Đào luyện liên tục là một thái độ đối với đời sống, “một tiến trình canh tân toàn diện”⁴ can dự đến những con người và cộng thể trong những tình trạng khác nhau của đời sống hằng ngày.

*Đào luyện liên tục xảy ra tiên vàn trong “đời sống thường nhật”, trong chính sự hiện thực sứ mệnh: “sống giữa thanh thiếu niên và luôn tiếp xúc với những môi trường bình dân, người Salêdiêng nỗ lực nhận ra tiếng nói của Chúa Thánh Thần trong các biến cố [của từng ngày], nhờ thế mà họ có được khả năng học hỏi từ cuộc sống.”*⁵

Và đào luyện này *xảy ra như một kinh nghiệm cộng thể*, như một hoa trái của sự chia sẻ huynh đệ, của những môi tương giao hỗ tương và sự thông giao tuyệt vời, khi nhiệt tình tông đồ trở nên nhập thể trong dự phóng chung, Chúa Kitô trở thành trung tâm đời sống và sự cử hành, và sự sống Tin mừng được sống cách chân chính: và tất cả điều này [xảy ra] trong bối cảnh của Giáo hội và Tu hội.

Trên một bình diện rộng lớn hơn – bình diện Tỉnh dòng, liên Tỉnh dòng và Giáo hội – đào luyện liên tục được cổ xúy và nâng đỡ bởi *những hoạt động được tổ chức và bằng những sáng kiến thông*

³ x. TTN21 310.

⁴ PI 68.

⁵ HL 119.

thường cũng như ngoại thường của sự canh tân và cập nhật thiêng liêng và mục vụ.

523. *Chủ thể của đào luyện liên tục trước tiên là chính người Salêdiêng.* Không gì có thể thế chỗ của nỗ lực tự do và xác tín của họ. Không ai có thể theo lối đường canh tân thế cho họ được. Hiến Luật nói “mỗi người Salêdiêng đảm nhận lấy trách nhiệm đào luyện bản thân.”⁶

Đào luyện liên tục nhằm làm cho người Salêdiêng có thể sống ơn gọi của họ cách vui tươi và trưởng thành, cách trung thành sáng tạo, và với một khả năng canh tân, liên lý đáp lại Thiên Chúa và những thách đố của sứ mệnh. Thái độ này nơi họ phải chuyển thành một khả năng phân định và tư duy, một nỗ lực liên lý để tiến bộ trong đời sống thiêng liêng và sống một cách tương xứng với kinh nghiệm của họ, và một cố gắng để phẩm chất hoá chính mình hầu thực thi sứ mệnh với một uy tín chuyên môn và đề sinh động nhiều lực lượng tông đồ.

524. *Chủ thể của đào luyện liên tục cũng là cộng thể Salêdiêng* theo mức độ cộng thể đó là người mang và chứng nhân trong Giáo hội về một tặng phẩm của Thần khí và là nhà giáo dục những phần tử của mình; bởi vì chính cộng thể cũng canh tân liên tục lòng trung thành của mình đối với Don Bosco và (canh tân) sự phân định trong Thần khí. Cộng thể là chủ thể của đào luyện liên tục trong môi liên hệ giáo dục căn bản với giới trẻ và giáo dân, với những người mà cộng thể chia sẻ tinh thần và sứ mệnh; chính mối tương quan này đóng vai trò kích thích tổ cho sự canh tân, bao gồm sự canh tân thiêng liêng, những động lực hiến dâng, những tiêu chuẩn lượng giá và những đề xuất để cập nhật.⁷

Vì lẽ này, xét như chủ thể của một kinh nghiệm thiêng liêng và tông đồ, cộng thể sống theo một dự phóng và đáp trả như một chủ thể đối với ơn gọi Salêdiêng.

12.2 Kinh nghiệm đào luyện

525. Đào luyện liên tục giữ cho sống động “một tiến trình tổng quát và toàn diện của *sự tăng trưởng liên tục, đào sâu từng khía cạnh của*

⁶ HL 99.

⁷ x. TTN21 311.

*đào luyện ... dựa trên đức ái mục tử và quy chiếu về đức ái ấy.*⁸ Nó dùng những phương pháp thích hợp cho những người lớn, lấy những kinh nghiệm và tình huống sống của họ làm điểm khởi hành.

12.2.1 Đào luyện nhân bản

526. *Đào luyện liên tục quan tâm đến sự tăng trưởng của từng hội viên. Nó kích thích và nâng đỡ họ tiến đến sự trưởng thành sung mãn, khi để ý đến những trạng huống và giới hạn của mình; nó nhắm đào tạo họ thành một nhân cách trưởng thành và quân bình, ý thức và trung thành với căn tính của mình. Nó tìm cách kiến tạo nơi họ mối quan tâm đến sự tự do bên trong, sự trưởng thành tình cảm, sự thanh thản tâm trí, tình yêu chân lý và sự tương hợp giữa hành động và lời nói của mình.*⁹

Người Salêdiêng trưởng thành phát triển một thứ nhạy cảm khiến họ rộng mở trước trạng huống nhân sinh chung quanh mình và *một khả năng để bắt đầu những mối liên hệ* như một người trưởng thành với những người trưởng thành khác ở mọi lứa tuổi, nhất là trong chính cộng thể mình và với giới trẻ.

Họ cảm thấy được giới trẻ kích thích: chúng cần tìm thấy nơi họ một con người “mới”, kẻ có thể khởi hứng chúng để bắt chước họ, kẻ có thể làm thức tỉnh sự thiện nằm sâu trong họ, những năng lực của con người và những giá trị Tin mừng. *Tình bạn nồng ấm, bầu khí gia đình, tính đơn giản và lòng thương mến, và sự thẳng tiến phẩm giá của mỗi người đối với họ trở thành một kinh nghiệm thật sự độc đáo, một chứng tá (có sức) thuyết phục.*¹⁰

Sự phát triển của một người đòi buộc rằng *trong những giai đoạn đời sống khác nhau ta phải chú ý đến những khía cạnh sinh lý, thể lý và tâm lý, rằng họ phải được công hiến sự soi sáng và hướng dẫn, cá nhân lẫn cộng thể.*

⁸ PDV 71.

⁹ x. VC 71.

¹⁰ x. TTN23 292.

12.2.2 Đào luyện thiêng liêng

527. Người Salêdiêng vun trồng đời sống thiêng liêng của mình như *một kinh nghiệm về Thiên Chúa trong mối tương quan của họ với giới trẻ, trong khoé nhìn được khởi hứng từ đức tin về các biến cố, và trong sự phân định*. Ý thức là dụng cụ của Thiên Chúa hiện diện và hành động, họ kinh nghiệm niềm vui loan báo Chúa Giêsu Kitô và Tin mừng Ngài.

Họ đào sâu đời sống thiêng liêng của mình bằng cách *chia sẻ với cộng thể của mình kinh nghiệm đức tin và sứ mệnh*. Cùng với cộng thể họ sống sự hiện diện của Thần khí như “nguồn ơn liên lý và là sự nâng đỡ cho nỗ lực tăng trưởng hằng ngày trong tình yêu mến hoàn hảo đối với Thiên Chúa và loại người.”¹¹

Họ theo đuổi con đường thiêng liêng mà Giáo hội công hiến cho họ và dự phóng đời sống thánh hiến mà Hiến Luật đề xướng như là cách thể thực hành đi tới sự thánh thiện. Họ lợi dụng những cơ hội đặc biệt chẳng hạn những cuộc tĩnh tâm thiêng liêng và những cơ hội canh tân ngoại thường được ban cho họ.¹²

Họ vun trồng sự hiển mình triệt để cho Thiên Chúa và sự thống nhất đời sống trong Thiên Chúa, khi tránh những nguy cơ là sự an nhàn và sự hời hợt. Cuộc đối thoại hiền thảo của họ với Chúa Cha dẫn họ nói kết làm việc với cầu nguyện và sống *kết hiệp với Thiên Chúa* trong những hoạt động thông thường và trong từng và mọi trạng huống.

12.2.3 Đào luyện tri thức

528. Khía cạnh tri thức của đào luyện liên tục không được giới hạn vào việc chất đống kiến thức hay sự cập nhật những tài khéo/kỹ năng, những khía cạnh này chắc chắn là cần thiết; trên hết nó giúp thăng tiến sự khôn ngoan hầu có thể sống cuộc đời tận hiến sâu xa hơn và *hoàn thành sứ mệnh với uy tín cần thiết* trong những hoàn cảnh và trạng huống khác nhau, cũng như với những vai trò khác nhau.

¹¹ HL 25.

¹² x. HL 91.

Khía cạnh tri thức này được thấy cách tốt nhất *trong thái độ và khả năng liên kết công việc và suy tư* theo một cách thức vốn làm cho việc đối diện cách rộng mở và thông minh với những trạng huống khác nhau của cuộc sống thành có thể được và có được những tiêu chuẩn lành mạnh để phân định nhất quán với đức tin Kitô giáo, những chỉ dẫn của Giáo hội và đoàn sủng Salêdiêng.

Ta cũng lo lắng quan tâm *đến việc cập nhật hóa nghiệp vụ và giáo thuyết, hiểu biết những nền văn hóa địa phương* nơi đó họ sống và làm việc, *huấn luyện nghiệp vụ và kỹ thuật mới*¹³ hầu có thể bắt tay vào việc phục vụ giáo dục và mục vụ cách thích hợp, khi sinh động và hướng dẫn những con người, dự phóng và công cuộc.

Đào luyện liên tục tìm ra lối đường của mình và *kích thích tố trong sự thúc đẩy* mà Giáo hội phổ quát và địa phương, kinh nghiệm và những chỉ dẫn của Tu hội, nhất là các Tổng Tu Nghị và những giáo huấn của các Bề Trên Cả, và những chương trình và sáng kiến trên cấp Tỉnh dòng và liên Tỉnh dòng công hiến.

Việc cập nhật hóa phải để ý đến tuổi tác của người Salêdiêng, vì mỗi giai đoạn cuộc đời có những nhạy cảm thiêng liêng, lo lắng mục vụ và hoạt động tri thức riêng; nếu được vun trồng thích hợp qua học hỏi và suy tư, chúng nâng đỡ người hội viên, nâng cao kinh nghiệm của họ và gia tăng hiệu quả trong đời sống tông đồ của họ.

12.2.4 Đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ

529. Người Salêdiêng được mời gọi để *tái khơi dậy tặng phẩm đức ái mục tử* họ nhận được trong việc tuyên khấn tu trì, hầu có thể sống sứ mệnh của mình là giáo dục và rao giảng Tin mừng, bao gồm những khía cạnh thần nghiệm và tu đức của việc hiến mình cho Thiên Chúa và giới trẻ, và động lực tông đồ *da mihi animas*.

Trước tiên, *công việc giáo dục và rao giảng Tin mừng*, khi được đảm nhận và hiện thực như một dự phóng cộng thể, là trường đào luyện chân thật: nó được cùng nhau suy nghĩ, lên kế hoạch và lượng giá để

¹³ x. PI 68.

tạo nên sự cộng tác rộng lớn và chia sẻ trách nhiệm trong cộng đoàn giáo dục và mục vụ, và được sống như một kinh nghiệm thiêng liêng và hội thánh.

TNT24 viết: “Mạng lưới của những tương giao được tạo thành do một cộng đoàn giáo dục và mục vụ hữu hiệu và sống động trở thành một khung cảnh cho việc đào luyện liên tục mãnh liệt, liên can đến những khía cạnh nhân bản, sự phạm và Salêdiêng. Những tương giao này là một phương thể mang chở những sứ điệp, chúng chuẩn bị cho chúng ta sử dụng những ngôn ngữ mới, chúng cổ xúy chăm chú lắng nghe điều mà thế giới và văn hóa giới trẻ đang nói, nhất là khi cộng đoàn giáo dục và mục vụ khuyến khích giới trẻ đảm nhận những vai trò lãnh đạo.”¹⁴

Qua một sự hỗ trợ cho và nhận, người Salêdiêng thủ đắc một hiểu biết được canh tân về căn tính Salêdiêng của mình, chia sẻ linh đạo Salêdiêng, cập nhật những tài khéo/kỹ năng của mình và trở thành có khả năng sinh động hóa một khung cảnh giáo dục rộng lớn, hướng dẫn các nhóm và tư vấn cho các cá nhân.

530. *Những loại khung cảnh và công cuộc khác nhau* nơi đó người Salêdiêng được mời gọi để hoạt động, và những vai trò khác nhau được trao phó cho họ cần sự chuẩn bị chuyên môn và sự cam kết liên lý để tái huấn luyện; chúng trở thành một đòi hỏi và một cơ hội để canh tân và để liên lý phát triển những tài khéo/kỹ năng mới vì sứ mệnh.

Có một trường học thường hằng của đức tin được tìm thấy trong việc ôm ấp sứ mệnh của Giáo hội, trong những nhu cầu của Giáo hội, trong sự hiệp thông mục vụ với Giáo hội phổ quát và Giáo hội địa phương, và trong mối liên hệ với thế giới của giới trẻ và giáo dục.

12.3 Ứng phó với một vài tình huống của đời sống

531. Người Salêdiêng “*coi các hoạt động thường ngày của mình có hiệu năng đào luyện* và hưởng dùng cả những phương tiện đào luyện được cống hiến cho mình.”¹⁵ “Vào mỗi giai đoạn cuộc đời, họ tìm ra được

¹⁴ TTN24 55.

¹⁵ HL 119.

một trách vụ mới để chu toàn, một cách thức đặc biệt để hiện hữu, phục vụ và yêu mến.”¹⁶

Có một vài tình huống và hoàn cảnh nảy sinh trong đời sống; nếu được xử lý thích hợp, chúng có thể chuyển thành những thời khắc hữu ích cách đặc biệt để hiểu biết và biểu lộ cách mới mẻ hơn kinh nghiệm ơn gọi của một người.

Những giai đoạn của cuộc sống có thể hơn kém được tiên đoán, nhưng chúng cũng bị ảnh hưởng bởi những hoàn cảnh cá nhân và những trạng huống xã hội, văn hóa và mục vụ vốn thật bất ngờ và có một tác động trên toàn kinh nghiệm của một người.

12.3.1 Những giai đoạn cuộc đời

12.3.1.1 Những năm đầu tiên của sự can dự hoàn toàn vào công việc giáo dục và mục vụ

532. Những năm đầu tiên khi can dự hoàn toàn vào công việc mục vụ đặc biệt quan trọng đối với người Salêdiêng linh mục và sư huynh bởi vì chúng mang đến những thách đố mới, nhưng chúng cũng có thể đặt ra những vấn đề.

Sự chuyển đổi từ một đời sống được hướng dẫn và được trông coi – chẳng hạn đời sống có trong các cộng thể đào luyện – tới cá nhân hoàn toàn chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với công việc tông đồ của mình thường kéo theo một sự tái sắp xếp đời sống, một sự điều chỉnh trước một nhịp điệu mới của đời sống và công việc, và đòi hỏi một tổng hợp mới trong đời sống của một người.

Một vài nhu cầu mới bắt đầu được cảm nhận mạnh mẽ hơn nhiều, chẳng hạn: sự tự xác định mình, tìm kiếm hiệu quả và sự thôi thúc cá nhân sáng kiến và sáng tạo. Khi đối diện với thực tại hiện có là đời sống Salêdiêng, họ bắt đầu kinh nghiệm sự căng thẳng cũng như sự khác biệt và chia cách giữa điều họ đã học và điều họ thực sự tìm thấy trong cuộc sống thường nhật. Họ cũng có thể cảm thấy không thích hợp với những vai trò và trách nhiệm mới.

¹⁶ VC 70.

533. *Vì thế người Salêdiêng nỗ lực* đào sâu những động lực của mình và giữ được một sự thống nhất trong đời sống mình, khi chống lại sự buông thả, tránh xa sự hờ hững, sự tách biệt và một sự giảm tốc trong sự tăng trưởng thiêng liêng. Họ chủ tâm nỗ lực sống kế hoạch của Thiên Chúa trong một bối cảnh mới của đời sống mình và khám phá những cách thức mới để trung thành với Thiên Chúa.

Đây là giai đoạn trong đó người hội viên kiên cường cảm thức về cộng thể, thái độ chia sẻ trách nhiệm, và sự sẵn sàng chia sẻ với những người khác: họ làm cho giai đoạn này thành điểm gặp gỡ những hội viên dày dặn kinh nghiệm vốn có thể chia sẻ với họ và hướng dẫn họ với tình bạn, kiên nhẫn và chiều sâu thiêng liêng; họ tận dụng những cơ hội đó vốn có thể giúp họ tăng trưởng nhiệt tình đối với Chúa Kitô, sự canh tân thiêng liêng, việc giữ cho mình cập nhật và suy tư.

534. *Cộng thể nỗ lực cống hiến cho họ* một bầu khí gia đình, tỏ ra tín nhiệm họ và cung cấp cho họ một khoảng không gian rộng lớn để thực thi sứ mệnh, để giúp họ phát triển những tài khéo/kỹ năng của mình và tiếp tục đào luyện chính mình, và trên hết, cộng thể thấu đạt được sự tham gia của họ vào tiến trình tăng trưởng thiêng liêng của cộng thể. *Giám đốc* biết rõ trách nhiệm đặc biệt của mình là cung cấp cho họ sự quan tâm và hướng dẫn huynh đệ.

Một cách đặc biệt, *Tỉnh dòng theo dõi các linh mục và sư huynh đang trong những năm đầu tiên của việc tông đồ*. Thêm vào việc nâng đỡ họ trên bình diện địa phương, Tỉnh dòng cống hiến cho họ một hình thái trợ giúp đều đặn để làm cho họ có thể thực thi sứ mệnh cách hữu hiệu. Tỉnh dòng tổ chức những phiên họp định kỳ để giúp họ tiếp tục nỗ lực thiêng liêng họ đã làm suốt thời đào luyện ban đầu và để cung cấp cho họ những cơ hội chia sẻ những kinh nghiệm của họ và những suy tư về việc sống cộng thể cũng như việc tông đồ.

12.3.1.2 Những năm trưởng thành hoàn toàn

535. Sự tận hiến hoàn toàn, sự hoàn thành những bổn phận và trách nhiệm của người hội viên phát triển nơi họ một cảm thức về sự an toàn và tự tín. Như kết quả của sự ổn định này họ được chuẩn bị tốt hơn để cống hiến một sự phục vụ uy tín trong lãnh vực của mình, họ thanh

thần hơn trong việc thực thi quyền bính, có khả năng hơn để giải quyết những xung đột, và cởi mở hơn trước tha nhân, những nhu cầu và khát vọng của họ.

Dẫu vậy, với năm tháng trôi qua, có thể có những dịp khi họ *cảm thấy không thích hợp để đương đầu với trạng huống của giới trẻ* hay để đối diện với những tình huống văn hoá và mục vụ mới. Họ có thể bị tấn công bởi *những câu hỏi về kinh nghiệm của riêng mình* về đời sống cộng thể, về cảm tính, sự tiến bộ thiêng liêng và sự hiệu quả của việc trao ban chính mình.

Họ cần tỉnh thức để không rơi vào nguy hiểm của một đời sống “theo thói quen,” một sự đánh mất đi sinh lực và nhiệt tâm thuở ban đầu của mình, một thứ duy hoạt quá đáng hay một chủ nghĩa cá nhân nào đó, được đi kèm hoặc bởi sợ hãi rằng không hợp với thời đại, hoặc bởi những hình thái cứng nhắc, tập trung trên chính mình hay giảm thiểu nhiệt tâm.”¹⁷

536. *Tình dòng nâng đỡ người hội viên* đó bằng cách công hiến cho họ sự khích lệ trong đời sống thiêng liêng của họ, những cơ hội để chuẩn bị chính mình cho những vai trò được ký thác cho họ và những hội họp và những sáng kiến để nâng đỡ họ trong những trách vụ họ hoàn thành và những trạng huống họ đối diện.

Quy chế yêu cầu “hãy định kỳ công hiến cho người Salêdiêng trong những năm trưởng thành một thời gian thuận tiện cho việc canh tân của họ.”¹⁸ Nó có thể là một cao điểm của ơn gọi họ, chẳng hạn, nhân dịp kỷ niệm ngân khánh khăn dòng hay chịu chức linh mục, *một thời kỳ kéo dài* trong đó họ rút ra khỏi đời sống bình thường để “đọc lại” nó trong ánh sáng Tin mừng, để kiểm điểm mình trong chiều sâu và dự phóng đời sống và để kiện cường đời sống nội tâm của mình. Chủ nghĩa náo hoạt nhường bước cho một sự gặp gỡ mãnh liệt với chính mình và một cuộc tìm kiếm linh đạo thâm sâu.

Trong những dịp như thế, người Salêdiêng tái xác định những xác tín ơn gọi thánh hiến của chính mình và tái xác quyết những động lực

¹⁷ Ibid.

¹⁸ QC 102.

cho những quyết định của mình. Họ tinh luyện ý nghĩa đời sống với sự thanh thản và khôn ngoan rộng lớn hơn, với những động lực rõ ràng hơn, và với một cảm thức về sự tự hiến, nhằm đến sự trưởng thành nhân bản và tình hiền phụ thiêng liêng.¹⁹

12.3.1.3 Tuổi cao niên

537. Sống thọ là một tặng phẩm phải được hân hoan đón chào và được dùng cho tốt, là một cơ hội để sống trong một cách thức Salêdiêng, theo những đặc tính của sự thánh hiến tông đồ và tinh thần vốn tạo sắc thái cho toàn đời sống chúng ta.²⁰ Đối với thời kỳ này của ơn gọi chúng ta, chúng ta có trước mặt *khuôn mẫu và sự khích lệ là người Cha và Đáng Sáng Lập của chúng ta, Don Bosco, trong những năm suy yếu và trong thời gian bệnh tật*. Ngài từ chối rút vào chính mình, nhưng giao tiếp với giới trẻ suốt đời ngài, luôn đầy nhiệt huyết đối với sứ mệnh và với việc truyền giáo, bận bịu sinh động các hội viên, hoàn toàn suy phục Thiên Chúa, quan tâm đến tha nhân, và ý thức về giá trị tông đồ của kiên nhẫn và đau khổ.

Điều kiện cá nhân mà ta đạt đến và sống trong giai đoạn này của đời sống sẽ thay đổi theo từng người, khi lệ thuộc vào sức khỏe, khả thể hoạt động, sự phục vụ và sự can dự vào cộng thể của mỗi người.

538. Đây là giai đoạn cuộc đời vốn *cống hiến những tặng phẩm phải được trân trọng, những nguy hiểm phải đối diện và sự giàu có phải được chia sẻ*. Trong thời kỳ này có thể xuất hiện một vài giới hạn ta phải chấp nhận và một số nét không mấy tích cực ta phải thắng vượt. Có những người, sau những năm đồng hóa chính mình với một vai trò hay một hoạt động nghiệp vụ, bây giờ phải giảm thiểu những cam kết của mình hay phải bỏ một vài công việc, và như thế cảm thấy dường như bị đẩy ra ngoài lề; họ thấy khó để chấp nhận tiến trình lão hóa. Cũng có những người kinh nghiệm mình không thích hợp trong một vài trạng huống, không hướng chiều mấy để thay đổi và có khuynh hướng đóng kín trong chính mình.

¹⁹ x. VC 70.

²⁰ x. Vecchi, J. “Tuổi già: một thời kỳ phải được đề ý,” *AGC* 337 (1991), p. 46-53.

Đối với những người sẵn sàng thay đổi, *thời kỳ này mở ra cánh cửa tới những lối diễn tả mới về sự hài hòa cá nhân, tình huynh đệ và sự phục vụ*. Người hội viên học để trở nên già một cách đáng yêu, thiết lập một loại hiện diện khác nhưng quý giá trong cộng thể và tiếp tục cống hiến cho cộng thể những giá trị tốt đẹp mà họ nhập thể, chẳng hạn, khả năng tư duy, sự khôn ngoan, sự chiêm niệm những thực tại nền tảng và những đặc tính khác riêng cho lứa tuổi này.

- 539.** Người Salêdiêng cao niên phải được giúp để *chấp nhận tình trạng mới của mình và nhập thể vào đó một cảm thức sâu xa về ơn gọi của mình*, ghi nhớ rằng đời sống thánh hiến của mình vẫn duy trì ý nghĩa trọn đầy của nó trong tất cả mọi hoàn cảnh như một sự sẵn sàng triệt để và liên lý để thi hành ý Thiên Chúa. Họ cố gắng sống hoàn toàn nhập vào trong cộng thể huynh đệ và tông đồ, và cống hiến những giá sản của mình là chứng tá và cầu nguyện, kinh nghiệm, sự khôn ngoan và lời khuyên. Họ tìm kiếm lương thực thiêng liêng và mục vụ thích hợp cũng như tìm ra khả thể thực thi những hình thức phục vụ và tông đồ mà họ vẫn có thể làm.

Và khi họ trở bệnh, hay phải chịu đau hay tùy vào những người ngay cả trên phương diện thể lý, hay khi đến thời khắc gặp gỡ Chúa Kitô, người Salêdiêng được giúp đỡ *sống trung thành với sự thánh hiến của mình cho tới phút cuối cùng* và làm cho đời sống mình thành sự toàn hiến vốn mở ra tới sự kết hợp viên mãn và dứt khoát với Đức Chúa.

12.3.2 Một vài hoàn cảnh đặc thù

- 540.** Không chỉ những giai đoạn của cuộc sống vốn hoàn toàn có thể tiên liệu, nhưng cả những hoàn cảnh, thấy được hoặc không thấy trước được, hình thành nên bản chất của kinh nghiệm ơn gọi và việc đào luyện liên tục của một người. Vào bất kỳ tuổi đời nào có thể xảy ra *những trạng huống hay thời khắc đặc biệt mà cần phải có một sự chuẩn nhận mới về những giá trị và động lực của đời sống họ*. Những tình trạng khó khăn có thể là vì những yếu tố bên ngoài (thay đổi cộng thể hay công việc, những bài sai mới, sự thiếu thành công, những khó khăn trong cộng thể) hay những yếu tố cá nhân (ốm đau, khó khăn trong những giao tiếp liên vị, mất động lực, sự khô khan

thiêng liêng, khủng hoảng đức tin hay căn tính, hay sự minh định ơn gọi và những khởi hứng thiêng liêng mới. v.v.).²¹

Tình yêu và sự quan tâm của các hội viên và của Giám đốc có thể tri nhận những thời khắc này trước khi quá muộn, và có thể nâng đỡ dưới hình thức tin tưởng lớn lao hơn và hướng dẫn cần thiết.

Người hội viên tìm kiếm, và được giúp để tìm kiếm, sự giúp đỡ có giá trị của những người khôn ngoan, những người có thể soi sáng người hội viên về tình trạng của họ và nâng đỡ họ trong những nỗ lực phân định những hệ quả đối với ơn gọi của họ về điều đang xảy ra trong đời họ. Giám đốc và các hội viên chú tâm đến tình trạng của họ; một cách tế nhị và đúng lúc, họ công hiến sự thông cảm, nâng đỡ và hướng dẫn thích hợp, với những cách thích đáng nhất.

Những thời khắc như thế, nếu được sống với quan tâm đến đào luyện, có thể trở thành những cơ hội để một người canh tân sự tùy thuộc vào Thiên Chúa, để học biết sự thật về chính mình và để lôi kéo gần màu nhiệm Vượt Qua.

12.4 Sự sinh động đào luyện liên tục

541. Đào luyện liên tục là một thái độ và một não trạng, một bầu khí và một khoa sư phạm đời sống, một tiến trình, một chương trình và một sự phục vụ được tổ chức. Nó là *trách nhiệm không chỉ của từng hội viên nhưng cũng của cộng thể trên những bình diện khác nhau* và của tất cả những ai được trao cho trách vụ sinh động và đào luyện. Có nhiều cách thức khác nhau trong đó việc đáp trả liên tục này được diễn đạt trong một cuộc đời được sống liên tục như một ơn gọi.

12.4.1 Trên bình diện cá nhân

542. Xét như là người đầu tiên trách nhiệm về việc đào luyện chính mình,²² người Salêdiêng tìm cách đáp trả lại những đòi hỏi luôn mới mẻ của ơn gọi của mình. Họ biết rằng lớn lên trong căn tính Salêdiêng, vốn đòi phải duyệt xét tận sâu nơi chính mình, là phương

²¹ x. VC 70; về những hội viên “đang gặp khó khăn” hay người “thỏa hiệp” cách nghiêm trọng”, xem ISM 390-395 và cũng DSM 268.

²² x. TTN21 311.

cách hữu hiệu nhất để hoàn thành việc đào luyện liên tục của mình. Cập nhật hóa và nâng cao trình độ thì thiết thân với việc đào luyện ấy, nhưng nó phải đạt tới đời sống nội tâm, não trạng và lối tùy của hữu thể họ. Chỉ theo nghĩa này nó trở thành một sự thay đổi và canh tân sâu xa.

Chính vì thế, để dạy đối với Chúa Thánh Thần, người hội viên phát triển những năng khiếu của mình trong một nỗ lực hoán cải và canh tân liên tục. Dẫn thân vào “một tiến trình đào luyện trải dài suốt cuộc sống,”²³ người Salêdiêng lợi dụng một vài phương cách thực tiễn trong đó trách vụ này có thể được hoàn thành:

- *Họ vun trồng “khả năng học từ cuộc sống,”*²⁴ khi chú ý đến sự thông giao, đối thoại và duyệt xét đời sống, nhất là trong cộng thể và trong những tương tác của họ với giới trẻ, và giữ một não trạng rộng mở và phân định,²⁵ một não trạng sẵn sàng lắng nghe, chấp nhận những ý tưởng của người khác và thông giao những ý tưởng của chính mình;

- *Họ nuôi dưỡng một thái độ phân định mục vụ* trong những trạng huống khác nhau,²⁶ lợi dụng những phương thế mà đời sống hằng ngày công hiến (chia sẻ sứ mệnh và kinh nghiệm, xét mình theo ánh sáng chỉ dẫn của Giáo hội và Tu hội, chú ý đến những tình huống, đọc [sách] và nghiên cứu);

- Họ quan tâm đến sự bước tiến thiêng liêng hay dự phóng đời sống của mình, trung thành tuân giữ những chỉ dẫn của Hiến Luật, dôn tâm trí cầu nguyện sốt sắng, suy niệm tốt đẹp và sống đời sống bí tích thích hợp, lợi dụng sự hướng dẫn và suy tư cá nhân, dành thời gian để đắm rã sâu hơn vào đời sống thánh hiến của họ và tránh mọi mệt và hờ hợt;

- Họ tận dụng những khía cạnh đào luyện của chương trình thường nhật gồm những hoạt động trong *cộng thể* của mình, và rút lấy ích lợi từ những cơ hội ngoại thường để đào luyện liên tục được công

²³ HL 98.

²⁴ HL 119.

²⁵ x. QC 99.

²⁶ x. Vecchi, J. “For you I study . . .” AGC 361 (1997) p. 30.

hiển cho họ; trong *cộng đoàn giáo dục và mục vụ* và trong những giao tiếp với *Gia đình Salêdiêng*, họ vẫn rộng mở trước những sáng kiến đào luyện cùng với nhau;

- *Họ tìm cách thực thi những bổn phận với uy tín* được trang hướng và thời đại đòi hỏi;²⁷ họ biết rằng sinh động hoá, giáo dục và hướng dẫn trong bối cảnh văn hoá và xã hội hiện tại có nghĩa là trở thành có khả năng đối diện những vấn đề được liên kết với cuộc sống, môi trường giao giữa đức tin và văn hóa, lãnh vực đạo đức và luân lý, khoa sư phạm thiêng liêng và bí tích, và chiêu kích xã hội;

- *Với các bề trên giúp đỡ, họ chọn lãnh vực chuyên môn* thích hợp nhất với những tài năng cá nhân và nhu cầu của Tỉnh dòng. Họ luôn luôn sẵn sàng để *định kỳ nâng cao trình độ của chính mình hơn nữa*,²⁸ trong học thuyết cũng như trong uy tín nghiệp vụ (chuyên môn), và họ lợi dụng những cơ hội được công hiến cho họ dưới hình thức của những ngày học tập, huấn đức, khóa học, hội họp mục vụ và những sáng kiến đào luyện khác.

12.4.2 Trên bình diện địa phương

543. Hiến Luật nói rằng “môi trường tự nhiên để ơn gọi tăng trưởng là cộng thể, nơi người hội viên hội nhập vào với lòng tin tưởng và cộng tác với tinh thần trách nhiệm. *Chính nếp sống của cộng thể, hiệp nhất trong Đức Kitô và mở rộng trước nhu cầu thời đại đã mang tính chất đào luyện: do đó cộng thể phải liên tục thăng tiến và canh tân.*”²⁹

Đây là một *vài cách thế* có thể góp phần vào việc làm cho cộng thể thật sự là một nơi chốn đào luyện liên tục:

- *Hãy kiến tạo trong cộng thể một bầu khí và một phong thái sống và làm việc* cổ xúy cá nhân lẫn cộng thể tăng trưởng:

. Tinh thần gia đình khiến ta gặp gỡ người khác, làm ta sẵn sàng lắng nghe và đối thoại; nó kiến tạo một não trạng cùng nhau tìm kiếm

²⁷ x. HL 119.

²⁸ x. QC 100.

²⁹ HL 99.

và phân định bằng cách nhờ đến kinh nghiệm của mọi người và khiến ta học hỏi qua kinh nghiệm thường nhật;

. Một bầu khí đức tin và cầu nguyện kiên cường những động lực bên trong, làm ta sẵn sàng sống chúng theo cách triệt để của Tin mừng và với sự quảng đại tông đồ;

. Một sự sắp xếp công việc tốt đẹp, dự phóng cộng thể và cá nhân, và những sự lượng giá khuyến khích người Salêdiêng dần thân vào một tiến trình duyệt xét những thái độ hướng về đời sống tu sĩ và những phương pháp làm việc của họ và bắt đầu lại tìm kiếm phẩm chất trong đời sống và sứ mệnh của họ.

- *Lợi dụng tất cả mọi thời khắc, phương thế và những khía cạnh mà đời sống cộng thể cống hiến để cổ xúy việc đào luyện liên tục:*

. Những thời khắc cầu nguyện cộng thể chẳng hạn như nguyện ngắm, đọc sách thiêng, huấn từ tối, những cuộc tĩnh tâm tháng và quý; những thời khắc của lượng giá, tham gia và chia sẻ trách nhiệm (kể cả ngày cộng thể);³⁰

. Sự thông giao với cộng thể Tỉnh và với Tu hội, và sẵn sàng đón nhận những lời khích lệ và chỉ dẫn đến từ đó;

. Thông tin, những bài đọc, một thư viện cập nhật;

- *Thiết lập một chương trình hàng năm về đào luyện liên tục;*

- *Bảo đảm rằng việc đào luyện xảy ra cùng nhau trong cộng thể giáo dục và mục vụ qua suy tư, hoạch định, lượng giá, và những sáng kiến được chia sẻ với những phần tử khác của Gia đình Salêdiêng;*

- *Cống hiến cho những người thiếu thốn tính khả thể lui tới được những thời khắc biệt loại hay những chương trình canh tân và cập nhật (những sáng kiến, kinh nghiệm, khóa học, v.v.)*

544. *Giám đốc là người đầu tiên sinh động kinh nghiệm về đào luyện liên tục trong cộng thể mình. Được chuẩn bị thích đáng cho vai trò của mình, ngài:*

³⁰ x. TTN23 222.

- *Nuôi dưỡng một bầu khí và khuôn mẫu của những liên hệ bên trong và bên ngoài vốn nâng cao phẩm chất đời sống thường nhật của cộng thể (“linh hướng chung, các bài huấn đức, những bài huấn từ tối và những buổi họp không chính thức”)*,³¹

- *Thông giao cho các hội viên những nguyên tắc Salêdiêng về đời sống và công việc; để đạt mục tiêu này, ngài làm cho hội viên biết và dùng những tài liệu Salêdiêng và Giáo hội như nguồn liệu được họ ưa chuộng, và vun trồng sự hiệp thông với Tỉnh dòng và Tu hội;*

- *Sinh động sứ mệnh Salêdiêng bằng cách đảm bảo rằng Hội nghị hội viên và Ban Cố vấn địa phương đảm nhận những trách nhiệm của họ và khuyến khích những buổi hội họp vốn đóng góp vào tình huynh đệ, cập nhật và nghỉ ngơi bồi dưỡng*,³²

- *Cổ xúy những tiến trình tương giao và đào luyện với Gia đình Salêdiêng và cộng đoàn giáo dục mục vụ, khi bảo vệ đoàn sủng Salêdiêng trong kế hoạch giáo dục và mục vụ Salêdiêng, và khuyến khích cộng thể Salêdiêng thực thi vai trò sinh động biệt loại của mình; họ khôn ngoan sử dụng những phương thế sinh động hóa chẳng hạn như thông tin Salêdiêng và chia sẻ kinh nghiệm cụ thể*.³³

12.4.3 Trên bình diện tỉnh dòng

545. *Tỉnh dòng là một cộng thể vốn đem lại, và đồng thời đón nhận sự đào luyện.*

Nó hoàn thành sứ mệnh bằng cách cụ thể chuyển dịch *Da mihi animas* và Hệ thống Dự phòng thành một kinh nghiệm đời sống và thành những công việc và hoạt động, trong một bối cảnh địa dư và lịch sử được minh xác rõ.

Dự phóng của Tỉnh dòng, cách thức Tỉnh dòng sống căn tính Salêdiêng, những tiêu chuẩn hướng dẫn sự tiến bộ thiêng liêng của Tỉnh dòng, việc Tỉnh dòng chia sẻ sứ mệnh và tinh thần Salêdiêng với Gia đình Salêdiêng và với giáo dân, và rất nhiều khía cạnh khác

³¹ QC 175.

³² x. QC 173.

³³ x. TTN24 172.

của đời sống là *cách thức đầu tiên trong đó Tinh dòng sinh động việc đào luyện liên tục* bởi vì nơi đó Tinh dòng công hiến một lý tưởng để sống và một khuôn mẫu từ đó rút lấy sự hứng khởi để sống theo cách thức Salêdiêng.

Từ quan điểm này, nhiều điều tùy thuộc vào loại quân bình mà Tinh dòng có thể giữ được giữa những nỗ lực tốt đẹp, trình độ chuyên môn của nhân sự Tinh dòng, sức mạnh phẩm chất của các cộng thể và khả năng của tinh dòng để giải bày một sứ điệp cho những người khác qua đời sống và sứ mệnh Salêdiêng. Có một vài tình huống trong đó việc đào luyện liên tục của các hội viên và cộng thể sẽ nhận được một sự khích lệ từ nhiệt tình mới và sự khai trương những mạo hiểm tông đồ mới; có những tình huống khác đòi hỏi phải điều chỉnh lại theo những tình huống mới và một sự tập trung năng lực để thực hiện và phục vụ tốt đẹp hơn.

- 546.** Trong mọi Tinh dòng có những dịp, cơ hội, dịch vụ và cơ cấu khác nhau vốn tạo thành sự sinh động hoá đào luyện liên tục trong cộng thể tỉnh, trong các cộng thể địa phương và nơi mỗi hội viên, theo những cách khác nhau.

Trước tiên, có những tiến trình làm cho hội viên can dự vào việc lượng giá và tái minh định đời sống Salêdiêng của Tinh dòng, chẳng hạn, những Tu Nghị Tỉnh và những hội nghị tỉnh và sự trình bày và duyệt xét kế hoạch Tỉnh và Nội Quy Tỉnh.

Rồi, có những phiên họp các Giám đốc, những nhóm hội viên khác nhau trong Tinh dòng.

Cuối cùng, có những sáng kiến – những sáng kiến đem lại một khả năng để phân định, thúc đẩy sự canh tân phương pháp luận, hướng dẫn những người sinh động, chuyên môn hóa nhân sự cách có hệ thống, và nuôi dưỡng sự cam kết để thành lập những nhóm hay những trung tâm chuyên môn – tất cả đóng góp thật ý nghĩa cho cộng thể tỉnh.

- 547.** Có một số đòi hỏi thực tiễn ảnh hưởng tốt hơn đến kinh nghiệm đào luyện liên tục trong Tinh dòng. Đây là một số đòi hỏi ấy:

- *Đảm bảo việc thực thi thích đáng sự sinh động và cai quản*, nhất là việc kinh lý hàng năm của Giám tỉnh, tỉnh tâm, Tu nghị Tỉnh (giai

đoạn chuẩn bị, biến cố thực sự, và việc thực thi), và hoạt động của Ban Cố vấn Tỉnh, Ủy viên và Ủy ban Đào luyện;

- Soạn thảo một chương trình hành động hài hoà vốn hàm ẩn cách riêng:

- Soạn thảo “một kế hoạch hữu cơ về đào luyện liên tục của các hội viên nhằm đến sự canh tân thiêng liêng của họ, tính chuyên môn mục vụ của họ, và khả năng giáo dục và nghiệp vụ của họ;”³⁴
- Chuyển dịch kế hoạch được nói ở trên thành một chương trình toàn niên của đào luyện liên tục trong Tỉnh dòng.
- Trình bày một kế hoạch để phẩm chất hóa nhân sự và quyết liệt cam kết thực thi nó, mặc dù nó sẽ kéo theo kinh phí về tài chánh hay nhân sự; đặc biệt chú ý chuẩn bị những chuyên viên về Salêdiêng và đưa họ vào phục vụ các hội viên và các cộng thể; đảm bảo rằng những hội viên có khả năng bận bịu với những trách vụ biệt loại trong kế hoạch tỉnh và tiếp tục trong lãnh vực chuyên môn hóa của họ;
- Có một chương trình đào luyện cho các Salêdiêng và giáo dân với nhau. Chương trình đó cung cấp “những nội dung, kinh nghiệm và những thời kỳ dành cho đào luyện; một xác định vai trò, những tương giao và cách thức của sự cộng tác giữa những Salêdiêng và giáo dân; sự phối hợp giữa những lãnh vực và cơ cấu sinh động hóa; vai trò và những can thiệp của Giám tỉnh và những thành viên của Ban Cố vấn Tỉnh trong những hoạt động đào luyện; tính sẵn sàng của những trung tâm, nhóm và những cơ cấu sinh động trong Tỉnh dòng”;³⁵

- *Cổ võ những buổi hội họp:*

- Của những đội ngũ trong Tỉnh dòng, hầu tạo nên một sự đồng qui và chuẩn bị nhân sự cho những vai trò họ phải đảm nhận;
- Của các Giám đốc, của những người trách nhiệm về đào luyện, của những sinh động viên mục vụ, của những quản lý và của những hội viên khác; những buổi họp này là những cơ hội đào

³⁴ TTN23 223.

³⁵ TTN24 145.

sâu căn tính Salêdiêng trong những chiều kích giáo dục và mục vụ của nó;³⁶ khi bàn đến những khía cạnh loại biệt, ngay cả có tính chất quản trị hay tổ chức, chúng [những hội hợp đó] tỏ lộ mối quan tâm đến đời sống tu trì và sự thăng tiến người Salêdiêng trên bình diện thiêng liêng và học thuyết;

- *Cống hiến và tổ chức những sáng kiến đặc thù:*

- Chuẩn bị những sáng kiến bình thường và ngoại thường để đào luyện thiêng liêng và mục vụ cho tất cả các hội viên theo một chương trình vốn kéo dài một vài năm và để ý đến bước tiến thần học và những vấn đề mục vụ mới;
- Đảm bảo chắc chắn rằng những cuộc tĩnh tâm có “hiệu quả đặc biệt trong việc cổ xúy sự tăng trưởng cá nhân và sự hiệp nhất lớn rộng của tỉnh dòng, và trở thành hữu hiệu hơn bởi vì sự chuẩn bị trước của các hội viên, cập nhật cách thức điều hành cuộc tĩnh tâm, và cả những người sinh động nữa”;³⁷
- Tổ chức một trung tâm hay một đội ngũ trong tỉnh dòng lo việc sinh động thiêng liêng và văn hóa, liên hợp với một trung tâm học vụ Salêdiêng hay một trung tâm linh đạo ở nơi có trung tâm như thế;

- *Nuôi dưỡng sự cộng tác với những nhóm khác của Gia đình Salêdiêng* trong lãnh vực đào luyện liên tục, với sự giúp đỡ của những sáng kiến ngoại thường hay những hoạt động có hệ thống và được hoạch định mà đội ngũ gồm các thành viên thuộc những nhóm khác nhau đề xướng và sinh động;

- *Rộng mở trước những mời gọi canh tân* và chuyên môn hóa xuất phát từ Giáo hội, những Viện sống đời thánh hiến và những lãnh vực gần gũi với sứ mệnh chúng ta.

548. Được Ban Cố vấn cùng với Ủy viên và Ủy ban Đào luyện Tỉnh trợ giúp, Giám tỉnh cố gắng đảm bảo những đòi hỏi thực tiễn được nói đến.

³⁶ x. QC 101.

³⁷ TTN21 332.

Đề cung cấp đào luyện liên tục cho các hội viên:

- Ngài hỗ trợ *những cố gắng của họ*, qua tiếp xúc cá nhân, và công hiến cho họ những cơ hội để canh tân;³⁸

- Nhờ Ủy ban Đào luyện Tỉnh giúp đỡ, ngài cùng với Ban Cố vấn *tổ chức* một chương trình hoạt động và sáng kiến vốn cố xúy và nâng đỡ việc đào luyện liên tục của các hội viên, và trong bối cảnh này ngài đảm nhận *việc đào luyện những người sinh động chính yếu* (các Giám đốc, những người trách nhiệm việc đào luyện, những Ủy viên) như là mối quan tâm hàng đầu của việc quản trị;

- Ngài đặc biệt chú ý theo dõi đời sống ngày qua ngày của *các cộng thể địa phương*;

- Ngài cố xúy *những sự cộng tác liên Tỉnh dòng*.

549. Ủy viên Đào luyện, được Ủy ban Đào luyện Tỉnh trợ giúp, có bốn phận:

- *Làm cho các hội viên và cộng thể nhạy bén* với nhu cầu đào luyện liên tục;

- *Phối kiểm những sáng kiến khác nhau* để tạo cho việc đào luyện được liên tục;

- *Chỉ định nội dung, những chất liệu chuẩn bị và tổ chức những dịch vụ thích hợp* để canh tân lối tiếp cận đối với cuộc tĩnh tâm thiêng liêng, những ngày cầu nguyện hay những khoá học về cầu nguyện, những khóa học dài hạn về sự canh tân, những phiên họp nhằm cập nhật hóa những phạm trù loại biệt, những khóa học hỏi về các văn kiện của Giáo hội và Tu hội; phổ biến những thông tin về thư mục;

- *Nhờ đến những Ủy viên và sinh động viên khác đóng góp* vào việc đào luyện liên tục;

- *Tiếp xúc với những Ủy viên của các Tỉnh dòng khác* và với người chịu trách nhiệm phối kiểm liên Tỉnh dòng.

³⁸ x. QC 102.

12.4.4 Trên bình diện liên Tỉnh dòng

550. Một số sáng kiến để sinh động hóa việc đào luyện liên tục trên bình diện rộng lớn hơn là:

- *Những loại liên kết khác giữa các Tỉnh dòng* để chia sẻ kinh nghiệm, khi tổ chức những chương trình và sáng kiến, chuẩn bị những chất liệu cho việc sinh động và nâng đỡ công việc của những người sinh động;

- Thiết lập –trên bình diện Vùng, một hội nghị theo ngôn ngữ hay tỉnh dòng, và tùy theo tính khả thi và sự tiện lợi – *những trung tâm đào luyện liên tục*. Những trung tâm này công hiến sự phục vụ của mình cho các Tỉnh dòng, những cộng thể và những cá nhân hội viên theo những cách khác nhau, chẳng hạn, tổ chức những khóa học hay những chương trình, chuẩn bị và phân phát những chất liệu để sinh động các cộng thể hay sắp xếp để chuyển dịch những văn bản Salêdiêng;

- Tạo nên – trên bình diện Vùng hay Tỉnh dòng – những nhóm người được phẩm chất hoá trong những môn học Salêdiêng và có thể công hiến những phục vụ của mình, khi xuất bản và triệu tập những khóa hội thảo và những khóa học chuyên biệt để cập nhật cho các hội viên trong giai đoạn đào luyện liên tục.

551. *Những Cố vấn Vùng* theo dõi việc thực thi những chương trình liên tỉnh về đào luyện liên tục và tiếp xúc với những Giám tỉnh chịu trách nhiệm về những chương trình ấy. Để đạt mục đích này họ cổ xúy sự cộng tác và điều phối lớn lao hơn nữa giữa các Tỉnh dòng.

Tổng Cố vấn Đào luyện quan tâm và trách nhiệm đối với việc đào luyện toàn diện và liên tục của các hội viên. Ngài khuyến khích và nâng đỡ những cố gắng được các Tỉnh dòng thực hiện. Nhất trí với vị Cố vấn Vùng liên hệ, ngài xin họ hoạch định và thực thi những chỉ dẫn thực tiễn liên can đến việc đào luyện của các hội viên; ngài đặc biệt chú tâm theo dõi bước tiến của các trung tâm về đào luyện liên tục.

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH

- 552.** *Người Salêdiêng là người đầu tiên chịu trách nhiệm về việc đào luyện của mình;*³⁹ họ nỗ lực sống trong một thái độ liên tục canh tân và đáp lại ơn gọi của mình. Vì thế họ thừa hưởng một khoa sư phạm thích hợp để chính mình tăng trưởng trong đời sống thiêng liêng, làm cho mỗi ngày thành một thời khắc đặc biệt để đào luyện, vun trồng một thái độ phân định và thủ đắc khả năng học từ những kinh nghiệm cuộc sống;⁴⁰ họ giữ mình cập nhật và rộng mở trước những thách thức của Giáo hội và nhất là trước tình trạng của giới trẻ và giới lao động; họ coi cộng thể mình là môi trường tự nhiên để mình tăng trưởng trong ơn gọi và tích cực tham gia vào cộng thể ấy; họ sống thuộc về Tỉnh dòng và Tu hội và vui vẻ chấp nhận những đề xướng và những sáng kiến của Tỉnh dòng và Tu hội.
- 553.** *Mọi cộng thể phải có một chương trình đào luyện liên tục cung cấp những khía cạnh đào luyện Salêdiêng khác nhau; chương trình ấy phải được lượng giá và canh tân hằng năm. Nó phải đặt tầm quan trọng thích hợp cho ngày cộng thể, cho những buổi tĩnh tâm tháng và quý, những thời khắc lên kế hoạch và lượng giá, và những hoạt động đào luyện trong cộng đoàn giáo dục và mục vụ và với Gia đình Salêdiêng.*
- 554.** *“Những cộng thể địa phương phải sắp xếp những hoạt động của mình theo một cách thức hầu bảo đảm rằng các hội viện tham dự những thời gian cầu nguyện và suy tư cộng thể cũng như có những thời giờ cần thiết để cá nhân cập nhật liên tục.”*⁴¹
- 555.** *Giám đốc hãy dành ưu tiên hàng đầu cho việc sinh động tu trì và mục vụ cùng sự hướng dẫn thiêng liêng của công thể mình. “Nhiệm vụ trước hết của ngài là sinh động hóa cộng thể để cộng thể sống trung thành với Hiến Luật và tăng trưởng trong sự hiệp nhất.”*⁴²
“Ngài cũng có trách nhiệm trực tiếp đối với từng hội viên; giúp họ

³⁹ x. TTN21 331.

⁴⁰ x. HL 119.

⁴¹ TTN21 327b; x. QC 69, 44.

⁴² HL 55.

thể hiện ơn gọi riêng và nâng đỡ họ trong công việc được trao phó.”⁴³ Ngài hãy đảm bảo rằng đời sống hằng ngày được sống trong sự trung thành với Hiến Luật và Quy chế trở thành một kinh nghiệm đào luyện tốt đẹp; ngài cũng hãy đảm bảo rằng có sự cộng tác hữu hiệu và chia sẻ trách nhiệm giữa những hội viên. Giám đốc hãy khích lệ cộng thể mình hiện diện và sinh động hóa cộng đoàn giáo dục và mục vụ và vun trồng sự hiệp thông với Tỉnh dòng, Tu hội, Gia đình Salêdiêng và Giáo hội.

556. Kế hoạch Đào luyện Tỉnh⁴⁴ phải bao gồm một kế hoạch đào luyện liên tục nhằm sự canh tân thiêng liêng, sự chuẩn bị mục vụ và sự uy tín giáo dục và chuyên môn của các hội viên.⁴⁵ Khi trình bày kế hoạch ấy, phải chú ý đến những vai trò và chức năng khác nhau và đến tuổi tác, tình huống và những thời kỳ khác nhau của đời sống (năm năm đầu tiên của thời kỳ hoàn toàn dấn thân vào việc tông đồ, thời kỳ trưởng thành đầy đủ, những ngày kỷ niệm quan trọng, tuổi già...).

557. “Hãy định kỳ công hiến cho người Salêdiêng trong những năm trưởng thành một thời gian thuận tiện cho việc canh tân của họ. Khi thiết lập chương trình, các Tỉnh dòng cần lưu ý đến nhu cầu trên. Mỗi hội viên hãy hưởng ứng lời kêu gọi này cũng vì lợi ích của chính cộng thể mình”⁴⁶

558. Giám tỉnh sinh động việc đào luyện toàn diện và liên tục của các hội viên,⁴⁷ tiên quyết dành chiều kích đào luyện cho sự cai quản thông thường trong Tỉnh dòng. Trong nỗ lực này ngài cũng hãy làm cho Ban Cố vấn ngài và những người sinh động của Tỉnh dòng, nhất là Ủy ban Đào luyện Tỉnh cùng các Giám đốc, can dự vào. Ngài hãy sẵn sàng cộng tác với những Tỉnh dòng khác, với Gia đình Salêdiêng và với Giáo hội.

559. Ủy ban Đào luyện Tỉnh cộng tác với Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài trong việc sinh động hóa tiến trình đào luyện liên tục của các cộng thể

⁴³ Ibid.

⁴⁴ x. những số trên kia 18, 211.

⁴⁵ x. TTN23 223.

⁴⁶ QC 102.

⁴⁷ x. HL 161.

và hội viên,⁴⁸ trong việc đảm bảo các người Salêdiêng cùng với giáo dân được đào luyện. Hợp với kế hoạch Đào luyện Tỉnh, Ủy ban đó công hiến một chương trình gồm những sáng kiến trong lãnh vực hướng dẫn, đang khi chú ý đến những hoàn cảnh khác nhau của các hội viên dưới diện tuổi tác, ơn gọi biệt loại, và những vai trò khác nhau.

560. Việc chia sẻ tinh thần và sứ mệnh Salêdiêng với người giáo dân đòi hỏi **một sự đào luyện chung** lành mạnh,⁴⁹ vốn tìm được khung cảnh lý tưởng của mình là trong một cộng đoàn giáo dục và mục vụ được tiến hành tốt đẹp.⁵⁰

Kế hoạch Đào luyện Tỉnh phải bao gồm những đường nét để đào luyện người Salêdiêng chung với người giáo dân; nó phải vạch ra một số kinh nghiệm, nội dung, những người hữu trách và những thời kỳ được dành cho đào luyện.⁵¹

561. Các Vùng, những nhóm ngôn ngữ hay những hội nghị Tỉnh dòng hãy cộng tác với nhau trong những sáng kiến và chương trình đào luyện liên tục và, nếu có thể cũng như thích hợp, họ hãy thành lập một đội ngũ hay một trung tâm cho đào luyện liên tục.

Cách riêng, họ hãy tổ chức trên bình diện liên tỉnh dòng những sáng kiến định kỳ để chuẩn bị biệt loại các giám đốc hay những nhóm hội viên khác. Những sáng kiến như thế nằm dưới trách nhiệm của các Giám tỉnh trong Vùng đó hay của những hội đồng liên hệ, của vị Cố vấn Vùng và của vị Cố vấn Đào luyện.⁵²

562. Phê chuẩn sự thành lập **những trung tâm liên tỉnh và vùng để đào luyện liên tục** thuộc về Ban Tổng Cố vấn. Những người hữu trách của những trung tâm này phải lệ thuộc vào Tổng Cố vấn Đào luyện và những Cố vấn Vùng.

563. Phải lợi dụng những sáng kiến được tổ chức trong sự hiệp thông và cộng tác với những nhóm khác của Gia đình Salêdiêng, và cả những

⁴⁸ x. TTN21 322.

⁴⁹ x. TTN24 138.

⁵⁰ x. TTN24 43, 144.

⁵¹ x. TTN24 145.

⁵² x. TTN21 323; QC 101.

cơ hội được công hiến trên bình diện giáo hội và liên dòng. “Nên mau mắn đón nhận những đóng góp trong lãnh vực đào luyện từ các cơ quan khác nhau của Giáo hội và xã hội.”⁵³

- 564.** *“Những hội nghị tỉnh hay những nhóm ngôn ngữ phải lo cung cấp một **thư mục Salêdiêng** thích hợp và cập nhật bằng tiếng mẹ đẻ. Thêm vào đó là hy vọng rằng những nhóm nghiên cứu sẽ được hình thành trên cấp vùng vốn sẽ có thể cung cấp đúng lúc những ấn bản Salêdiêng và những việc phục vụ khác.”*
- 565.** *Ban Tổng Cố vấn sẽ tổ chức những sáng kiến để **chuẩn bị cách biệt loại những Giám tỉnh** cho vai trò sinh động và cai quản của họ. Những cơ hội đào luyện phải sẵn sàng cho họ, chẳng hạn, trên bình diện của hội nghị Tỉnh dòng, trong những phiên họp vùng và trong những cuộc Kinh lý Tập thể.*

⁵³ QC 101.

Trung thành với cam kết mình đã đảm nhận qua việc tuyên khấn tu trì là một sự đáp trả không ngừng được canh tân trước giao ước đặc biệt mà Chúa đã ký kết với chúng ta.

Sự bền đỗ của chúng ta hoàn toàn dựa vào sự trung tín của Thiên Chúa, Đấng đã yêu ta trước, và được nuôi dưỡng bởi ơn thánh hiến của Ngài. Nó cũng được nâng đỡ bởi lòng yêu mến thanh thiếu niên mà chúng ta được sai tới, và nó được diễn tả qua lòng tri ân đối với Chúa về những hồng ân mà đời sống Salêdiêng cống hiến cho chúng ta (HL 195).

PHỤ CHƯƠNG *

Phụ chương 1:

Phần về Đào luyện trong Nội Quy Tỉnh

Phụ chương 2:

Kế hoạch Đào luyện Tỉnh

Phụ chương 3:

Những hướng dẫn để tổ chức môn học

Phụ chương 4:

Những văn kiện Giáo hội và Salêdiêng về Đào luyện

*** Những phụ chương bàn đến**

- Nội dung của phần đào luyện trong Nội Quy Tỉnh mà *Ratio* đòi hỏi
- Những đề xuất chính về Kế hoạch Đào luyện Tỉnh
- Những hướng dẫn để tổ chức các môn học
- Một vài văn kiện quan trọng của Giáo hội và Salêdiêng về đào luyện

Phụ chương 1:

PHẦN VỀ ĐÀO LUYỆN TRONG NỘI QUY TỈNH¹

1. Bản chất của Nội Quy Tỉnh

1.1 Khoản QC 87 nói:

566. “*Hướng dẫn thực tiễn* cho việc đào luyện *trên cấp thế giới* là cuốn “*Ratio fundamentalis Institutionis et Studiorum*” (Quy tắc nền tảng về Đào luyện và các Môn học), và *trên cấp tỉnh* là Nội Quy Tỉnh được Bề trên Cả phê chuẩn với sự ưng thuận của Ban Cố vấn ngài.

Cuốn “*Ratio*” trình bày và triển khai cách có hệ thống và đúng sự phạm toàn bộ các nguyên tắc và quy luật của việc đào luyện có trong Hiến Luật, Quy chế Tổng quát và các văn kiện khác của Giáo hội và Tu hội.

Nội Quy Tỉnh đem áp dụng vào thực tế địa phương những nguyên tắc và quy luật của việc đào luyện Salêdiêng.” (QC 87)

1.2 “Qua các cơ quan khác nhau **Cộng thể tỉnh** có nhiệm vụ cổ võ và cai quản, cộng thể tỉnh có bổn phận ấn định cách thức thực hiện việc đào luyện theo những đòi hỏi của bối cảnh văn hóa riêng, phù hợp với những đường hướng của Giáo hội và Tu hội.” (HL 101)

Tu Nghị Tỉnh có trách nhiệm “Soạn thảo và duyệt lại Nội Quy Tỉnh trong phạm vi những thẩm quyền được trao phó cho cấp này.” (HL 171.4)

1.3 Những quyết định của Tu nghị về đào luyện mà có một sức mạnh chuẩn mực cố định để được gộp vào điều có thể được miêu tả như một luật đặc thù của tỉnh dòng **tạo thành Nội Quy Tỉnh**. Ta phải ghi nhớ sự khác biệt có giữa điều mang tính chất luật lệ vốn được xác định và phê chuẩn rõ ràng, với những đề nghị để tiến bước và những thủ tục mà Tỉnh dòng muốn theo, nhưng theo bản tính của chúng, [những điều đó] không có đặc tính của một quy tắc pháp lý cố định.

¹ Cfr C 171.4, 191; R 87, 88, 106.4; ISM 365, 382 and *Elementi Giuridici* 43, 45; VAN LOOY L. *The Provincial Directory*, AGC 365 (1998) 50-56.

1.4. Nội Quy Tỉnh thì không như nhau với **Kế hoạch Đào luyện Tỉnh**. Thực tế, do tính chất pháp lý của nó, cách thức nó được soạn thảo, sự phê chuẩn nó nhận được, và mức độ bền vững trong những dự phòng của nó, Nội Quy không thể cung cấp một kiểu loại có tính uyển chuyển tạm thời thích hợp với những bình diện khác của việc hoạch định (x. ISM 366).

Nội Quy cung cấp một khung chuẩn mực để soạn thảo Kế hoạch Đào luyện Tỉnh (FSDB 24).

2. Những nội dung của Nội Quy [Tỉnh]

567. Phần đào luyện trong Nội Quy [Tỉnh], theo những hướng dẫn của *Ratio* và đáp lại điều mà hiện trạng thực sự trong Tỉnh dòng, đòi buộc chu toàn những chức năng sau.

2.1 Về tiến trình đào luyện

I. Để cung cấp những quy tắc được coi là thích đáng cho Kế hoạch Đào luyện Tỉnh. Để đặt ra những tiêu chuẩn và những chọn lựa thực tiễn cơ bản vốn phải hướng dẫn và đặc trưng hoá những sắp xếp cho đào luyện (FSDB 24).

II. Để quyết định bằng loại phục vụ nào “vốn ghi nhớ những tình trạng khác nhau, suy tư, lên kế hoạch và lượng giá” Tỉnh dòng sẽ đảm bảo rằng “đào luyện được thực thi một cách hữu cơ, hệ thống và được phối kiểm”: Giám tỉnh và ban Cố vấn ngài, Ủy ban Đào luyện Tỉnh, hay cơ quan nào khác (FSDB 22).

III. Để đề xuất những tiêu chuẩn về việc thành lập Ủy ban Đào luyện Tỉnh, những trách vụ chính của Ủy viên Tỉnh và Ủy ban đó, những loại liên kết với Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài và với những uỷ viên tỉnh và những người sinh động khác (FSDB 247).

IV. Để quyết định những sắp xếp hầu đảm bảo tính duy nhất và tính liên tục của tiến trình đào luyện ban đầu (FSDB 280, 281, 314, 315, 317).

V. Để đề xuất những tiêu chuẩn hầu đảm bảo dòng thông tin liên tục về tình trạng của các hội viên trong đào luyện ban đầu, cách riêng trong những dịp họ chuyển từ một giai đoạn hay cộng thể sang giai đoạn hay cộng thể khác, đối với những lượng giá theo hạn kỳ, đối với sự lưu giữ tài liệu làm bằng chứng, đối với việc cộng thể can dự vào việc diễn đạt ý kiến về sự tiếp nhận (FSDB 296, 298).

VI. Đề chỉ tới tính chất của sự cộng tác và đồng trách nhiệm ở bình diện liên tỉnh trong lãnh vực đào luyện ban đầu và liên tục, cách riêng về những cộng thể liên tỉnh và các trung tâm học vụ (FSDB 146, 171, 230, 246, 248, 286, 300, 418, 458, 509, 514, 558).

VII. Đề đề xuất những chỉ dẫn hầu tiếp xúc với gia đình cách riêng trong đào luyện ban đầu (FSDB 74).

Những hoạt động mục vụ

VIII. Đề đề xuất những tiêu chuẩn hầu sắp xếp một chương trình gồm những hoạt động mục vụ trong đào luyện ban đầu (FSDB 202-204).

Đào luyện tri thức

IX. Đề thiết lập những chỉ dẫn cơ bản về các môn học trong đào luyện ban đầu và để chọn những trung tâm học vụ và sự tổ chức của chúng, khi luôn nhớ những quy tắc của Tu hội, những đòi hỏi của sứ mệnh và bối cảnh tỉnh dòng (FSDB 157, 179-180).

X. Đề chỉ ra những điều kiện hầu đảm bảo phẩm chất của các trung tâm học vụ Salêdiêng, sự lành mạnh và sự ổn định liên tục của những đội ngũ [làm việc] (FSDB 170).

Những môn học Salêdiêng

568. XI. Đề chỉ định những dữ liệu tổng quát cho việc học về “Salêdiêng” trong đào luyện ban đầu mà *Ratio* đòi hỏi.

Đề quyết định về những phương thế cần thiết đối với kiến thức, học hỏi và dạy về “Salêdiêng” và đối với một “thư viện về Salêdiêng” đầy đủ và hợp thời (FSDB 51).

Sự Nâng cao phẩm chất và sự chuyên hoá

XII. Đề chỉ ra những chọn lựa và những phương pháp được dùng để nâng cao phẩm chất và để chuyên hoá các hội viên và để soạn thảo Kế hoạch Tỉnh về sự nâng cao trình độ/phẩm chất (FSDB 158, 285).

Đề thiết định những tiêu chuẩn về các môn học khác phải được đảm nhận trong đào luyện ban đầu khác với những môn học của chu trình tổng quát, chẳng hạn, các môn học đại học, và những điều kiện đào luyện phải được đảm bảo (FSDB 181-184.)

Đào luyện liên tục

XIII. Để chỉ ra những tiêu chuẩn cho Kế hoạch Tỉnh về đào luyện liên tục được bao gồm trong Kế hoạch Đào luyện Tỉnh khi chỉ ra những quyết định, tiêu chuẩn trong những lãnh vực khác nhau, cho những phạm trù khác nhau (chẳng hạn, Giám đốc, những người thuộc ngũ niên, SDB và người đời cùng nhau, những phân tử của Gia đình Salêdiêng, v.v.) (FSDB 556).

2.2 Cách riêng về những giai đoạn đào luyện

Tiền tập viện

569. XIV. Để quyết định về những cách thức mà sự chuẩn bị tức thời cho tập viện phải xảy ra, để thiết định những tiêu chuẩn và hình thức đào luyện tri thức cơ bản của giai đoạn này (FSDB 348-350, 353).

XV. Để làm những quyết định về các xét nghiệm y khoa và tâm lý mà *Ratio* đòi hỏi trước hay trong tiền tập viện (FSDB 351).

XVI. Để quyết định tiến trình chấp nhận vào tiền tập viện (FSDB 351).

Tập viện

XVII. Để thiết lập những chọn lựa của Tỉnh về Tập viện: nơi chốn, cộng thể, đội ngũ đào luyện, các môn học, kinh nghiệm mục vụ, cách cử hành tuyên khấn lần đầu (FSDB 358, 365, 367, 374, 375, 378, 382, 391).

Hậu tập viện

XVIII. Để cung cấp những quy tắc về thời kỳ ngay sau tập viện: nơi chốn, cộng thể, khoảng thời gian, và những kinh nghiệm mục vụ (FSDB 412-422).

XIX. Để định rõ những sắp xếp về chương trình các môn học trong hậu tập viện, khi nhất là chỉ ra làm sao phải đảm bảo trên hết đặc tính sư phạm và triết học nếu phải tham dự một trung tâm học vụ không phải Salêdiêng (FSDB 423-427).

XX. Để đảm bảo rằng có một chương trình đào luyện cho Salêdiêng sư huynh thật nghiêm chỉnh nhưng lại uyển chuyển và thích ứng được với tính chất biệt loại của những vai trò khác nhau cũng như những

khả thể cụ thể của các ứng sinh vốn xem xét nhiều cách khác nhau có thể được để sống tình trạng giáo dân được thánh hiến trong Tu hội (FSDB 322, 424-425).

Tập vụ

570. XXI. Để làm những lời khuyên hầu đảm bảo những khía cạnh đào luyện của thời tập vụ ở bình diện địa phương và tỉnh dòng; loại cộng thể, sự hướng dẫn, những sáng kiến tỉnh dòng, sự hỗ trợ vật chất, những lượng giá (FSDB chương 9).

Đào luyện chuyên biệt

XXII. Để quyết định cách thức mà đào luyện chuyên biệt của Salêdiêng sư huynh phải được thực thi và đào luyện nghiệp vụ/chuyên môn của thầy được đảm bảo (FSDB 480).

XXIII. Để chỉ ra những quyết định thuộc tỉnh dòng về đào luyện chuyên biệt của Salêdiêng linh mục: hình thức tuyên bố về ý định trước khi bắt đầu đào luyện thần học, cộng thể, trung tâm học vụ, những môn học Salêdiêng, những kinh nghiệm tông đồ (FSDB chương 10).

Tuyên khẩn trọn đời

XXIV. Để cung cấp những tiêu chuẩn, những chọn lựa và những điều kiện để soạn thảo một chương trình chuẩn bị tuyên khẩn trọn đời (FSDB 513). Để chỉ ra cách thức đặc biệt mà ứng sinh phải diễn đạt ý hướng của mình về việc bắt đầu chuẩn bị tuyên khẩn trọn đời (FSDB 515).

3. Lượng giá phần đào luyện trong Nội Quy Tỉnh

571. Để chỉ ra cách thức lượng giá và sự thường xuyên phải lượng giá mà Nội Quy Tỉnh áp dụng.

“Mọi Tỉnh hãy lượng giá trên một cơ sở đều đặn – thường qua Ủy ban Đào luyện Tỉnh, hay nếu xét là thích hợp, hợp với chức năng riêng của nó, qua Tu Nghị Tỉnh – sự thực hiện cụ thể của phần đào luyện trong Nội Quy Tỉnh. Thông tin này sẽ được Giám tỉnh gửi cho vị Cố vấn Đào luyện” (FSDB 23).

Phụ chương 2:

KẾ HOẠCH ĐÀO LUYỆN TỈNH¹

1. Lên kế hoạch đào luyện

572. Việc lên kế hoạch đào luyện trong một Tỉnh có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau và ở những bình diện khác nhau: trong *Nội Quy Tỉnh*, vốn cung cấp một bối cảnh cơ bản và chỉ ra những chọn lựa chính trong Tỉnh, trong *Kế hoạch Đào luyện Tỉnh*, trong việc hoạch định hằng năm, trong việc lên kế hoạch những lãnh vực khác nhau, trong những dự phóng và tương tự thế ở bình diện địa phương.

Lên kế hoạch đào luyện cũng áp dụng ở bình diện liên tỉnh cho những tỉnh dòng vốn chia sẻ những giai đoạn đào luyện, những cơ hội hay những sáng kiến hay các tỉnh dòng vốn thấy hữu ích để có một vài điểm quy chiếu chung.

Đối với tất cả những loại hoạch định này, *Ratio* cung cấp một nền tảng chung và một hạn từ quy chiếu cơ bản.

2. Nội Quy Tỉnh và Kế hoạch

573. Tính chất và tầm nhìn của *Nội Quy Tỉnh* và *Kế hoạch Đào luyện Tỉnh* thì khác nhau.

Phần đào luyện trong **Nội Quy Tỉnh** là lời đáp trả đầu tiên với bốn phận mà Hiến Luật đặt trên cộng thể tỉnh, khi giao phó cho nó việc cung cấp những cấu trúc đào luyện (x. HL 101). *Nội Quy Tỉnh* không có trách vụ trình bày sự sắp xếp đầy đủ về đào luyện. Đồng thời, vì tính chất pháp lý của nó, cách thức nó được soạn thảo, sự phê chuẩn nó nhận được, và mức độ ổn định trong những dự liệu của nó, *Nội Quy Tỉnh* không thể cung cấp loại uyển chuyển tạm thời thích hợp với những bình diện khác của việc lên kế hoạch (x. ISM 366).

¹ *Ratio* nói đến *Kế hoạch Đào luyện Tỉnh* và kế hoạch của cộng thể đào luyện địa phương; ở đây chúng tôi gom lại những điểm chính về *Kế hoạch Tỉnh*.

Trái lại, **Kế hoạch** Đào luyện Tỉnh cung cấp một cái nhìn hữu cơ về đào luyện, công hiến những nội dung biệt loại và đầy đủ hơn, mà thực tiễn hơn và dễ thích ứng hơn. Kế hoạch này không bị giới hạn vào việc trình bày những mục đích cơ bản và những đường nét hành động tổng quát, nhưng một cách thực tiễn chỉ ra cách thức mà đào luyện phải được thực thi, khi xét điều gì là quan trọng, điều gì là khẩn cấp và điều gì là có thể được. Thông thường, nó không được Tu Nghị Tỉnh soạn thảo; nó được Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài phê chuẩn. Nội Quy Tỉnh cung cấp một khung quy chiếu chuẩn mực cơ bản để soạn thảo Kế hoạch ấy (FSDB 24).

3. Kế hoạch Đào luyện Tỉnh

3.1 Tính chất và mục đích

574. Đào luyện phải được tổ chức ở những bình diện khác nhau theo một kế hoạch và phải được sống với một não trạng kế hoạch (FSDB 211). Nó là một trong những chiến lược đào luyện mang tính phương pháp luận được chỉ ra trong *Ratio* (x. FSDB chương 4).

Mọi **Tỉnh dòng** phải có một **Kế hoạch** Đào luyện Tỉnh như là kế hoạch hành động toàn diện (FSDB 18.24). Kế hoạch đó diễn đạt theo cách cụ thể *việc tư duy (thinking) và thực hành đào luyện (formation praxis)* của Tỉnh bởi vì một tiến trình tiệm tiến, liên tục, được cấu trúc và được thống nhất. (FSDB 235).

Hơn một văn kiện được soạn thảo hay một bản văn được đưa ra, Kế hoạch đó là *sự diễn đạt và dụng cụ làm việc của một cộng thể* mà trong lãnh vực đào luyện muốn hoạt động một cách suy nghĩ và được phối hợp, khi nuôi dưỡng sự thông giao và phối kiểm, khi đưa tới phía trước một hoạt động có hệ thống và liên tục, có thể xử lý tình trạng hiện thực và có thể canh tân chính mình. (FSDB 211). Kế hoạch đó là một diễn đạt cụ thể của một khuôn mẫu đào luyện và một tiêu chuẩn và hướng dẫn để thực thi nó.

Kế hoạch đó thì cốt yếu, cách riêng để đảm bảo tính duy nhất và liên tục của *kinh nghiệm đào luyện ban đầu*, vốn xảy ra trong những thời kỳ tiếp theo nhau, trong những cộng thể khác nhau và đôi khi trong những Tỉnh dòng khác nhau, và để đảm bảo một sự liên kết liên tục

giữa các giai đoạn và sự đồng quy của những nỗ lực của mọi người (x. FSDB 210, 314, 317).

Kế hoạch đó phải có *tính vững bền và uyển chuyển* mà đào luyện đòi hỏi. Nó không phản ánh một hoạt động chịu thí nghiệm liên tục, nhưng dẫn tới sự củng cố (vững chắc) của một thực hành của Tỉnh dòng rộng mở với sự lượng giá định kỳ và có thể thích ứng chính mình với các tình trạng. Theo nghĩa này, tiến trình soạn thảo Kế hoạch Đào luyện Tỉnh thì không cứng nhắc (kết thúc mở).

Mối tương quan chặt chẽ giữa Kế hoạch đào luyện và *hiện trạng của Tỉnh dòng* đòi hỏi rằng nó hài hoà với những kế hoạch khác của Tỉnh dòng. Đồng thời, có những khác biệt trong những tình trạng khác nhau trong Tỉnh có nghĩa rằng những kế hoạch tỉnh có thể có những đặc tính khác nhau.

3.2 Sự chuẩn bị, cơ cấu và nội dung

575. Kế hoạch Đào luyện Tỉnh là kết quả của *sự tham gia* rộng rãi: nó bao gồm sự can dự của các hội viên, sự cộng tác của những loại sinh động khác nhau (chẳng hạn, Ủy viên và Ủy ban Đào luyện Tỉnh, các Giám đốc, nhân viên đào luyện) và cách riêng sự đóng góp của Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài.

Tiến trình soạn thảo, thực thi và lượng giá Kế hoạch đó cung cấp một *cơ hội đào luyện* cho tất cả những ai can dự vào đào luyện.

Việc soạn thảo Kế hoạch Đào luyện Tỉnh liên hệ đến sự chú ý thường hằng đến **những lãnh vực tham chiếu** của nó (FSDB 24).

- *Căn tính ơn gọi*, bản thiết kế về người Salêdiêng mà đào luyện nhắm đến, và những đòi hỏi để đạt được căn tính đó như chúng được chỉ ra trong các văn kiện của Giáo hội và Tu hội và cách riêng trong *Ratio* và Nội Quy Tỉnh;
- *Tình trạng đào luyện* của Tỉnh dòng.

576. **Kế hoạch** đó, ngoài việc nêu bật những lãnh vực quy chiếu, chứa đựng:

* Những khía cạnh thích đáng với **hiện trạng** đào luyện trong Tỉnh dòng: những khía cạnh tích cực, những điểm mạnh và nội lực, những điểm yếu và những vấn đề khẩn cấp;

* **Kế hoạch làm việc** vốn chỉ ra:

a. *Sự tổ chức đào luyện trong Tỉnh dòng:*

Khi đặt ra cho đào luyện nói chung, và cho một số tình trạng, giai đoạn và con người trong đào luyện cách riêng, những chọn lựa phải theo dõi, những ưu tiên và mục tiêu phải theo đuổi; con đường phía trước, những chiến lược, những hành động phải được đảm trách; những đòi hỏi phải được đảm bảo: (ai, với những trách nhiệm và vai trò nào; sự điều phối và cộng tác; những nơi chốn, phương tiện, v.v.)

b. *Một vài khía cạnh đặc thù:*

- Những nét biệt loại của việc *lên kế hoạch cho từng giai đoạn* đào luyện (FSDB 212);
- *Chương trình đào luyện cho Salêdiêng sư huynh* (RFSDB 434, 480);
- *Chu trình các môn học* (FSDB 157);
- *Chương trình tiệm tiến và hệ thống về các môn Salêdiêng* (FSDB 51, 160);
- *Chương trình của những hoạt động mục vụ* trong đào luyện ban đầu (FSDB 202-204).
- *Sự chuẩn bị khẩn trộn* (FSDB 513);
- *Chương trình đào luyện liên tục* (FSDB 547, 556).
- *Kế hoạch Tỉnh để nâng cao phẩm chất/trình độ và chuyên hoá các hội viên* (FSDB 158), và chú ý cách riêng tới sự nâng cao phẩm chất/trình độ của nhân sự đào luyện (FSDB 284-285);
- *Những đường nét tổng quát cho việc đào luyện các Salêdiêng và người đời chung với nhau* trong đào luyện ban đầu và liên tục (FSDB 325,560).
- Phương pháp và định rõ thời gian cho **lượng giá** ở những bình diện khác nhau và cho **sự xét duyệt lại** kế hoạch đó theo những hoàn cảnh (FSDB 18.24).

4. **Kế hoạch của cộng thể đào luyện địa phương**

577. Cộng thể đào luyện có “*nét đặc trưng của mình là một kế hoạch mang mọi sự tập trung vào chỉ một mục đích: đào luyện người Salêdiêng. Trong một bầu khí chia sẻ trách nhiệm, tất cả cùng nhau nỗ lực dính kết vào một vài giá trị, những mục tiêu, kinh nghiệm và phương pháp*”

đào luyện, và thỉnh thoảng họ lên chương trình, lượng giá và điều chỉnh đời sống, công việc và những kinh nghiệm tông đồ của mình để đáp ứng những đòi hỏi của ơn gọi Salêdiêng.” (FSDB 222).

Mục đích, nội dung và tiến trình soạn thảo kế hoạch đào luyện của cộng thể thì tương tự với những điều cho kế hoạch Tỉnh dòng.

Khi dùng *như một nền tảng* những chỉ định trong *Ratio* và hình thức được công hiến do Nội Quy Tỉnh và do Kế hoạch Tỉnh cho tính chất và mục đích của những giai đoạn, cho những khía cạnh khác nhau của kinh nghiệm đào luyện, cho những điều kiện phải được đảm bảo, cho những nội dung, những chiến lược, cho cách thức tham gia và điều phối, cho những lượng giá, v.v., *cộng thể đào luyện địa phương sẽ soạn thảo kế hoạch của chính mình vốn:*

- Trình bày *những mục tiêu đào luyện* và những nét thuộc kinh nghiệm đào luyện của giai đoạn ấy (diện mạo đào luyện, khung quy chiếu);
- So sánh điều này với *tình trạng* đặc thù của chính mình (qua lượng giá cộng thể, sự xem xét đến những thách đố của bối cảnh Salêdiêng, Giáo hội và xã hội);
- *Vạch ra những phác thảo làm việc* thực tiễn cho từng lãnh vực theo những khía cạnh đào luyện khác nhau và thiết lập những điều kiện vốn cổ xúy sự đạt được mục đích đào luyện (những mục tiêu ưu tiên, những kết quả nhắm tới, những chiến lược, những can thiệp, những chương trình, những trách nhiệm và lượng giá, v.v.).

5. Kế hoạch, cộng thể và đội ngũ đào luyện

578. Sự hiện thực kế hoạch đó đòi hỏi như một *điều kiện tất yếu* sự cam kết của các cộng thể Tỉnh và địa phương và có những đội ngũ thích hợp làm việc. Một kế hoạch mà không được đảm nhận bởi một cộng thể hay bởi một đội ngũ (nhóm, hạt nhân sinh động), bởi các Giám đốc và nhân viên đào luyện vẫn còn không hiệu quả.

Thông thường mà nói, trách vụ này trên bình diện tỉnh được đảm trách bởi Ủy viên Tỉnh và Ủy ban Đào luyện Tỉnh hợp với và dưới trách nhiệm của Giám tỉnh và Ban Cố vấn ngài, mà trách nhiệm số một đối với đào luyện được trao cho họ (FSDB 2). Ở bình diện địa phương bởi Giám đốc và đội ngũ đào luyện mà có sự kiên định và ổn định thích đáng (FSDB 222, 233, 235, 284) trong những giai đoạn khác nhau.

Phụ chương 3:

NHỮNG CHỈ DẪN VỀ TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC

1. Những ghi chú dẫn nhập

579. 1.1 “*Đào luyện tri thức của người Salêdiêng bao gồm* đào luyện căn bản, nghĩa là, các môn học thiết thân với những giai đoạn đào luyện ban đầu khác nhau, sự chuyên hoá hay huấn luyện chuyên môn, và đào luyện liên tục.” (FSDB 130). Những chỉ dẫn được trình bày ở đây quy chiếu tới những môn học căn bản được nhắm cho tất cả Salêdiêng; chúng không bàn đến những môn học vốn tạo nên Kế hoạch Tỉnh để nâng cao trình độ/phẩm chất của các hội viên. Bài trình bày này ở trong hình thức những đề xuất vốn tương ứng hoặc với những nội dung hay với một số điểm đặc biệt để chú ý hay nhấn mạnh.

Trách vụ của những người phụ trách là chuyển dịch những đề xướng thành một chương trình vốn tập trung vào tổ chức các nội dung và khai triển chúng cùng đảm bảo một sự trình bày vốn từng bước và có phẩm chất cao, khi tránh những lặp lại hay tiên liệu không cần thiết. Chất liệu được trình bày nên được sử dụng với sự nghiêm chỉnh được mục đích đào luyện yêu cầu cũng như với sự uyển chuyển mà các hoàn cảnh đòi hỏi.

Những sắp xếp để ý đến những đòi hỏi đặc biệt thuộc ơn gọi biệt loại của Salêdiêng sư huynh và Salêdiêng linh mục, và đồng thời chúng cần thích ứng cho họ.

Đối với *những ứng sinh tới đời linh mục* hay phó tế vĩnh viễn, ta theo những định và quy tắc của Giáo hội.

1.2 Những môn học Salêdiêng nên được nhìn *từ quan điểm đào luyện tri thức* như được trình bày trong *Ratio* cả trong bản miêu tả tổng quát về đào luyện tri thức (chương 3) và trong bài trình bày đào luyện tri thức ở trong những giai đoạn khác nhau. Nó là một vấn đề đảm bảo từ một *quan điểm đào luyện*, chú ý tới đặc tính Salêdiêng và từ viễn cảnh của *đào luyện liên tục*.

1.3 Bài trình bày về sự tổ chức trong từng giai đoạn được phân nhỏ thành *những lãnh vực*: những đề tài Salêdiêng, những môn nhân văn và giáo dục, mầu nhiệm Kitô hữu và những môn thần học, trong đó sự nhấn mạnh khác nhau theo các giai đoạn. Trong một vài trường hợp, diễn đạt “lãnh vực của mầu nhiệm Kitô giáo” được ưa chuộng hơn “những môn thần học” bởi vì thật sự nó không là vấn đề về việc dạy thần học chính thức, vốn có phương pháp luận đặc thù của chính mình và giả định sự hấp thụ thích hợp những môn triết học và sự phạm.

580. 1.4 *Viễn cảnh mục vụ*, quan điểm về *hội nhập văn hoá* và *sự thông giao* (truyền thông) và những khía cạnh khác nên tạo thành một nét thường hằng của đào luyện tri thức hơn là chỉ được chuyển dịch thành những đề tài hay những khoá học đặc thù.

1.5 *Những tình trạng và bối cảnh* trong đó đào luyện tri thức Salêdiêng xảy ra trong thế giới thì nhiều và khác nhau. Sự khác nhau này cũng chạm đến tổ chức các môn học và đòi hỏi một tiếp cận nghiêm chỉnh, uy tín và uyển chuyển hầu chuyển dịch những hướng dẫn này thành một chương trình tiệm tiến, hữu cơ và đầy đủ.

Ngoài ra, những hoàn cảnh cơ bản rất khác biệt của các ứng sinh, những nhu cầu văn hoá rất đa dạng mà các bối cảnh và những quốc gia khác nhau bày ra, sự kiện rằng các môn học có thể được đảm trách trong các trung tâm Salêdiêng hay trong những trung tâm không lệ thuộc chúng ta muốn nói rằng cũng có sự khác biệt khi cấu trúc một vài giai đoạn; chẳng hạn:

- Cho tiền tập viện: trong một vài trường hợp nó là một vấn nạn về những cá nhân học những môn học tiền đại học hay đại học và một khoá đặc biệt gồm những môn học trong một trung tâm; trong những trường hợp khác, việc theo một khoá học đặc biệt toàn thời gian ở một trung tâm; nơi khác nữa, việc khởi đầu chu trình triết học và sự phạm;
- Đối với hậu tập viện: có những khác biệt trong số năm, trong cách thức mà những khoá triết học và giáo dục được nhập hiệp; trong không ít trường hợp nó là vấn nạn về những môn học được công nhận chính thức và được hoàn tất thành công với một văn bằng;
- Đối với thần học: có những khoá bốn hay năm năm; với những khoá hay chu kỳ hằng năm; với những loại can dự mục vụ khác

nhau; với những môn học được chính thức công nhận và những môn không được công nhận.

2. Sự tổ chức

2.1 Tiền tập viện

581. Sự tổ chức những môn học trong tiền tập viện phải xem xét những bối cảnh khác nhau của thỉnh sinh về sự chuẩn bị giáo dục, Kitô hữu và Salêdiêng của họ, nên cũng có sự sắp xếp cực kỳ đa dạng đối với các môn học trong giai đoạn này.

Ratio miêu tả một số trách vụ của đào luyện tri thức: “Những yếu tố phải được đảm bảo là: sự hoàn tất trình độ đòi hỏi của những môn học theo dân sự, sự kiện cường nền tảng văn hoá, sự chứng nghiệm về khả năng cho những môn học tiếp theo sau, một kiến thức về ngôn ngữ, sự dẫn nhập nghiêm chỉnh vào giáo thuyết Kitô hữu, và một kiến thức tổng quát về Don Bosco, ơn gọi Salêdiêng và Tu hội.” (FSDB 353).

2.1.1 Những chỉ dẫn cho các đề tài Salêdiêng

582. Một trình bày về Don Bosco và Tu hội Salêdiêng thích hợp cho giai đoạn đào luyện. Như một dẫn nhập đầu tiên, việc đọc một ít bản văn được chọn kỹ càng với sự quy chiếu tới tình trạng Salêdiêng hiện hành có thể đủ.

Cách riêng: một tiểu sử Don Bosco, Hồi ký Nguyễn xá; quy chiếu tới một số chứng nhân cho ơn gọi Salêdiêng; một thoáng nhìn vào sự hiện diện và sứ mệnh Salêdiêng trong thế giới; một thông tin giới thiệu về Gia đình Salêdiêng.

2.1.2 Lãnh vực màu nhiệm Kitô giáo

583. Một dẫn nhập và những ý tưởng sơ khởi về một số khía cạnh của ơn gọi Kitô hữu, dựa trên một trình bày đơn giản trong Giáo lý:

A. dẫn nhập vào đọc và lắng nghe Lời Chúa qua những bản văn phụng vụ, trình bày một vài thời khắc cốt yếu của lịch sử cứu độ;

B. Những khía cạnh cơ bản của khai tâm Kitô hữu: cầu nguyện, đời sống phụng vụ và bí tích (Thánh Thể và Giao Hoà); sống theo những nguyên tắc luân lý Kitô hữu;

C. Sứ mệnh và chứng từ của Giáo hội và những ơn gọi khác nhau trong Giáo hội.

2.1.3 Một vài khía cạnh văn hoá

584. Khi ghi nhớ những bối cảnh và trình độ chuẩn bị khác nhau của thỉnh sinh, một vài điểm có thể được thực hiện:

A. những khoá học cơ bản về ngôn ngữ, viết văn và kiến thức tổng quát;

B. một dẫn nhập vào các phương pháp nghiên cứu và suy tư;

C. một trình bày cơ bản về những giá trị nhân bản, những liên hệ nhân bản và sự thông giao;

D. những khía cạnh cơ bản về biết mình, về cảm tính của mình và những diễn đạt của nó, một phân tích về kinh nghiệm của chính mình.

2.2 Tập viện

585. Quy chế Tổng quát chỉ ra *mục đích* và một vài *lĩnh vực* được các môn học trong nhà tập *cáng đáng*: “Việc học trong thời gian tập viện phải được thi hành nghiêm túc, theo chương trình được xác định trong quy trình tổng quát về các môn học; phải có mục tiêu nổi bật là dẫn nhập vào mầu nhiệm Đức Kitô, để nhờ tiếp xúc với Lời Chúa, tập sinh phát triển được một đời sống đức tin thâm sâu hơn và một sự hiểu biết đầy tình mến về Thiên Chúa. Cũng như phải đào sâu thần học đời tu, học hỏi Hiến Luật, đời sống Don Bosco và truyền thống chúng ta.” (QC 91).

2.2.1 Những chỉ dẫn cho các môn học Salêdiêng

586. Để hiểu biết ơn gọi Salêdiêng như được nhìn thấy nơi Đấng Sáng Lập, trong Hiến Luật và trong kinh nghiệm của Tu hội, một số ý tưởng then chốt phải được trình bày, chúng được dựa trên những nguồn nghiêm chỉnh và hợp thời:

A. Don Bosco: đời sống, những bối cảnh xung quanh, kinh nghiệm ơn gọi và thiêng liêng của ngài, mối liên hệ của ngài với những vị thánh khác. Một số gương mẫu về sự thánh thiện Salêdiêng.

B. Kế hoạch đời sống được trình bày trong Hiến Luật và Quy chế Tổng quát là nền tảng của những môn học trong tập viện và của suy tư về những khía cạnh thống nhất hoá và biệt loại của ơn gọi và của Tu hội.

C. Những điểm thích đáng trong lịch sử Tu hội, sự phát triển của Tu hội trong thế giới. Các Bề Trên Cả.

D. Một cái nhìn tổng quát về Gia đình Salêdiêng và về Phong trào Salêdiêng, sự hiệp thông giữa các ơn gọi khác nhau.

2.2.2 Lãnh vực của màu nhiệm Kitô giáo

587. Đề “việc theo Đức Kitô” (sequela Christi) sâu xa hơn và ý thức hơn trong đời thánh hiến Salêdiêng:

A. Một dẫn nhập tổng quát vào Kinh thánh, vào việc đọc và hiểu những bản văn Kinh thánh trong phụng vụ nhằm đến cầu nguyện cá nhân và cộng đoàn và huấn giáo.

B. Trình bày hệ thống về một vài khía cạnh cơ bản của đức tin và đời sống thiêng liêng; dẫn nhập vào các loại cầu nguyện khác nhau; dẫn vào năm phụng vụ và Phụng vụ các Giờ kinh.

C. Những khái niệm thần học cơ bản về thần học đời thánh hiến, với sự quy chiếu đặc biệt đến linh đạo tông đồ; một trình bày ngắn gọn về lịch sử phát triển đời thánh hiến và những loại ơn gọi khác nhau.

D. Một vài đề tài về luân lý căn bản (giao ước, lương tâm, lề luật, nhân đức và tội) và một vài khía cạnh về luân lý xã hội.

2.2.3 Những khoa học nhân văn và giáo dục

588. Thông tin cốt yếu phải được cung cấp về:

A. sự thông giao liên vị, khả năng tương quan, đối thoại.

B. một vài khía cạnh tâm lý học, xã hội học và sự phạm về đời tu sĩ.

C. tình trạng xã hội-tôn giáo và văn hoá của quê hương đất nước mình, với sự quy chiếu đặc biệt đến chỗ đứng của Giáo hội và đến tình trạng giới trẻ.

D. Truyền thông xã hội trong đời sống Salêdiêng, nơi Don Bosco và trong Tu hội. Một tiếp cận Salêdiêng đến âm nhạc, ca hát và kịch nghệ: những khía cạnh lý thuyết và thực hành.

D. Học tiếng Ý và những ngôn ngữ khác giữa những ngôn ngữ hữu dụng hơn và phổ biến rộng rãi.

2.3 Hậu tập viện

589. Lỗi tuỷ của các môn học nhân văn và triết học, được liên kết với khoa học giáo dục, theo quan điểm tri thức, là yếu tố cốt yếu và biệt loại của giai đoạn này, vốn dẫn hội viên tiệm tiến nhập hiệp đức tin, văn hoá và đời sống.

Việc cấu trúc đặc thù và tiến trình tế nhị của tổng hợp văn hoá và tôn giáo trong giai đoạn này đòi một sự sắp xếp đặc biệt về các môn học. Đối với những hội viên chuẩn bị cho đời linh mục những chỉ dẫn của Giáo hội về học triết và những môn nhân văn phải được ghi nhớ.

2.3.1 Những chỉ dẫn cho các môn Salêdiêng

590. Đề tài sau đây phải được ghi nhớ:

A. Don Bosco nhà giáo dục trong bối cảnh văn hoá của thập niên 1800. Thực hành giáo dục của các Salêdiêng đầu tiên. Một nghiên cứu có tính phê bình về một vài bản văn gốc về sự phạm, sự giải thích và áp dụng tân thời.

B. Phương pháp Salêdiêng về giáo dục (Hệ thống Dự phòng). Kế hoạch Giáo dục Mục vụ: những chỉ dẫn của Tu hội.

C. Sự hiện diện của Salêdiêng trong khung cảnh của mình và những biểu hiện khác nhau.

D. Những nét của những nhóm thuộc Gia đình Salêdiêng trong Tỉnh dòng mình.

2.3.2 Những khoa học triết học, nhân bản và giáo dục

591. Trong lãnh vực này nên chú ý đặc biệt đến nhu cầu là mọi Salêdiêng phải được nâng cao phẩm chất/trình độ và đến sự thích ứng với những nhu cầu của hai hình thức ơn gọi. Không ít các khía cạnh của các

khoa học nhân bản gồm cả triết học đều cần thiết cho đào luyện cơ bản chung, mặc dù chúng có thể được tổ chức khác nhau.

Những khoa học triết học, nhân bản và giáo dục này đòi hỏi rằng sự chú ý đặc biệt phải dành cho những nhu cầu hội nhập văn hoá.

592. A. *Những môn triết học*

- Dẫn nhập vào triết học/triết học nhập môn: triết học trong sự khai triển thiêng liêng/tinh thần của nhân loại (nguồn gốc, bản tính, tương quan với các khoa học khác, sự tự quản; những vấn đề can dự; tính không thể thay thế và tính bất tương xứng).
- Nhân học triết học: nhân vị (những khía cạnh nhân học cơ bản và cấu trúc của nhân cách con người; thuyết nhân vị Kitô hữu; thuyết nhân bản so sánh; triết học về lịch sử và văn hoá).
- Tri thức học: vấn đề chân lý (tính khả thể, cơ cấu, những đặc tính và tính vững chắc của tri thức; cảm thức phê bình; chủ thuyết duy lý và duy nghiệm; ý thức hệ, sự giải trừ huyền nhiệm, thông diễn học, triết học về ngôn ngữ).
- Siêu hình học: vấn đề hữu thể và những giá trị (tính khả thể và tính hợp pháp của siêu hình học; hữu thể như nền tảng của thực tại; siêu hình học và phản siêu hình học đối kháng “kinh nghiệm toàn diện”; hành động và chiêm niệm; giá trị học và chủ nghĩa lịch sử).
- Thần học tự nhiên: vấn đề Thiên Chúa (tính khả thể và tính hợp pháp của tri thức tự nhiên về Tuyệt đối thể; những đề tài triết học về sự hiện hữu và bản tính của TC; mối tương quan giữa triết học và đức tin, và giữa triết học và thần học; những hình thức vô thần đương thời; hiện tượng luận, triết học và lịch sử tôn giáo).
- Triết học về thiên nhiên: vấn đề về cosmos và khoa học (tính khả tri của thực tại chất thể; vũ trụ học khoa học và vũ trụ học triết học; tri thức khoa học và tri thức triết học; vấn đề tri thức luận).
- Đạo đức: những nguyên lý và tính năng động của thái độ nhân linh; thái độ nhân linh trong tương quan với Thiên Chúa; lương tâm và tự do; kinh tế học và luật pháp; những vấn đề đạo đức sinh học.

- Triết học xã hội: những nguyên lý nền tảng; những cách “đọc” một trật tự xã hội; những tổng hợp xã hội-chính trị đối nghịch với những tổng hợp của sự khởi hứng Kitô hữu; những tương giao quốc tế và cộng đồng thế giới; lời dạy của Giáo hội về xã hội.
- Triết lý: những nền tảng tối hậu của giáo dục.
- Thẩm mỹ học: nghệ thuật và những hoạt động khác của con người; nếm cảm thẩm mỹ và phán đoán; nghệ thuật và luân lý tính.

B. *Triết học và hồ sơ lịch sử*

- Tư duy phương Tây: triết học Hy Lạp-hellenist, triết học giáo phụ, trung cổ; những điểm chính của triết học tân đại.
- Tư duy Đông phương.
- Những hệ thống triết học đương thời nổi tiếng.
- Những đặc tính lịch sử và lý thuyết của văn hoá địa phương. Những tác giả và bản văn ý nghĩa hơn về tư duy của quê hương.

593. *Những môn sư phạm*

- Dẫn nhập vào sư phạm/sư phạm nhập môn: tính chất và mục đích của giáo dục. Những trường phái lớn, những viễn cảnh của giáo dục đương thời. Những khuôn mẫu sư phạm khác nhau.
- Lịch sử giáo dục và sư phạm.
- Phương pháp luận tổng quát về sư phạm và sư phạm Kitô hữu.
- Kỹ thuật giáo dục: các phương tiện, những phương tiện mới, kỹ thuật thông tin; ý nghĩa và sử dụng trách nhiệm.

D. *Những môn tâm lý học*

- Tâm lý học tổng quát và năng động: những tiến trình tâm lý học cơ bản; tâm lý học về sự phát triển con người; cấu trúc của nhân cách: những lý thuyết khác nhau. Những yếu tố của tâm bệnh học.
- Tâm lý học giáo dục và dạy học
- Tâm lý học về tôn giáo với sự quy chiếu đặc biệt đến thế giới của người trẻ.
- Tâm lý học xã hội: sự thông giao, sự tương tác, năng động nhóm; năng động cộng đoàn. Thông giao và các ngôn ngữ.

E. Những môn xã hội học

- Xã hội học tổng quát: những khía cạnh xã hội học về gia đình, về tình trạng giới trẻ, về học đường, về thế giới lao động và giáo dục kỹ thuật.
- Xã hội học về tôn giáo, với sự quy chiếu đặc biệt đến thế giới của giới trẻ.
- Lời dạy của Giáo hội về xã hội (x. Triết học xã hội).
- Nhân học văn hoá, với sự quy chiếu đến văn hoá địa phương, lịch sử và những đặc tính của nó.

594. F. Khoa học về truyền thông xã hội

- Lý thuyết về truyền thông và những vấn đề tâm xã hội về truyền thông xã hội.
- Những hình thức truyền thông khác nhau, cách riêng những kỹ thuật mới (in ấn, radio, TV, Internet...).
- Truyền thông xã hội, “cách giáo dục toàn diện”, việc đọc và lắng nghe có tính phê bình; sự áp dụng vào những bối cảnh khác nhau: huấn giáo, phụng vụ, công việc mục vụ nói chung, dạy học và đào luyện văn hoá.
- Truyền thông xã hội và sứ mệnh Salêdiêng.
- Những hình thức thông tin Salêdiêng; thông tin trong đời sống hội viên.

G. Đào luyện nghệ thuật

- Giáo dục trong âm nhạc và ca hát.
- Kịch trường và những hình thức diễn đạt nghệ thuật khác hữu ích trong sứ mệnh giới trẻ Salêdiêng.
- Lý thuyết và thực hành thánh nhạc trong tương quan với phụng vụ, huấn giáo, thực hành mục vụ và giáo dục.

H. Những phương pháp luận

- Phương pháp luận học hỏi và nghiên cứu, đọc bản văn, phê bình lịch sử.
- Những yếu tố của dạy học (didactics).
- Những yếu tố của sự phạm và lý luận dạy học như trong việc dạy tôn giáo trong các trường và những kỹ thuật của sự sinh động xã

hội- văn hoá để dạy học, huấn giáo, giáo dục và loan báo Tin mừng và những sáng kiến không chính thức (informal) khác.

- Những yếu tố của kinh tế học và quản trị.
- Học tiếng Ý và những ngôn ngữ khác cần thiết hay hữu ích cho sứ mệnh, học Latinh cho những ứng sinh tới đời linh mục.

2.3.3 Lãnh vực mầu nhiệm Kitô giáo

595. Bản trình bày hữu cơ và cơ bản về mầu nhiệm Kitô hữu đã bắt đầu trong những giai đoạn trước được tiếp tục. Bản trình bày phải nhấn mạnh sự kết nối với ơn gọi thánh hiến và sứ mệnh giáo dục và mục vụ.

Những trình bày này phải bao gồm:

- Một vài chủ đề Kinh thánh đặc biệt về việc công bố và nhắm đến đời sống thiêng liêng và huấn giáo
- Những yếu tố của phụng vụ bí tích trong liên hệ với sự phạm và huấn giáo.
- Một suy tư về Giáo hội trong thế giới và về rao giảng Tin mừng (mối liên hệ giữa văn hoá, giáo dục, đức tin), và bài trình bày về những chỉ dẫn mục vụ đặc biệt những chỉ dẫn về giới trẻ và tác vụ giáo dục mục vụ.

2.4 Đào luyện chuyên biệt của Salêdiêng Sư huynh

596. *Ratio* chỉ ra đặc tính khác biệt mà đào luyện chuyên biệt của Salêdiêng sư huynh đảm nhận, và phân biệt giữa đào luyện chuyên biệt và nâng cao trình độ chuyên môn/nâng cao phẩm chất chuyên môn và quy chiếu tới những lãnh vực đào luyện tri thức trong đào luyện chuyên biệt.

Ghi nhớ những tình trạng khác nhau của các cá nhân và cộng thể, của những chương trình và thời hạn, và trên hết mục đích đào luyện của thời kỳ này, sự tổ chức môn học nhấn mạnh những điểm sau:

2.4.1 Những chỉ dẫn cho các môn học Salêdiêng

597. Một số chất liệu nối kết trực tiếp hơn với đào luyện chuyên biệt của người Salêdiêng sư huynh và hoạt động giáo dục và mục vụ của thầy.

A. Don Bosco, Đấng Sáng Lập trong tình trạng xã hội và giáo hội của thời đại ngài; khía cạnh trần thế của sứ mệnh. Xem xét tình trạng hiện hành.

B. Linh đạo Salêdiêng và linh đạo giới trẻ Salêdiêng: một số khía cạnh đặc thù, sự quy chiếu đến thánh Phanxicô Salê, khoa sư phạm của đời sống thiêng liêng, diện mạo người Salêdiêng sư huynh và Salêdiêng linh mục, những diễn đạt khác của linh đạo trong bối cảnh Gia đình Salêdiêng.

C. Tác vụ mục vụ Salêdiêng: những chỉ dẫn của Tu hội (của các Tổng Tu Nghị mới đây và của Bề Trên Cả), Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng. Sự can dự của người đời trong Gia đình Salêdiêng và trong Cộng đoàn Giáo dục Mục vụ, sự hiện diện và vai trò sinh động biệt loại của các Salêdiêng.

D. Sứ mệnh Salêdiêng trong thế giới: những thách đố trong những bối cảnh khác nhau, những ưu tiên và ý nghĩa. Sự hiện diện Salêdiêng nơi khu vực hay tỉnh dòng của thầy; kế hoạch tỉnh dòng.

2.4.2 Lãnh vực màu nhiệm Kitô giáo

598. Kinh nghiệm đời thánh hiến và sự xem xét về sứ mệnh đời buộc một tầm nhìn hữu cơ và hợp thời về đức tin và về sứ mệnh của Giáo hội trong thế giới ngày nay với sự quy chiếu tới một vài lãnh vực đề tài:

A. Dẫn nhập vào Kinh thánh/Kinh thánh nhập môn (Cựu và Tân ước) và học hỏi hơn về những chủ đề cốt lõi của lịch sử cứu độ từ một quan điểm thiêng liêng và mục vụ.

B. Suy tư về tình trạng của Giáo hội và lời dạy hiện hành của Giáo hội đối diện với những thách đố của Tân Phúc âm hoá.

C. Học hỏi thần học sâu xa hơn về đời tu sĩ.

D. Luân lý cá nhân và xã hội; lời dạy của Giáo hội.

E. Những khía cạnh mục vụ của tác vụ trong thế giới lao động; những yếu tố của phương pháp luận mục vụ và huấn giáo trong liên hệ với những người mà sứ mệnh được ngõ cho họ.

2.4.3 Những lãnh vực khác

599. Sự phục vụ thế giới và giới trẻ dưới diện văn hoá ngày nay có nghĩa là chú ý tới những lãnh vực đề tài khác:

A. Đào luyện xã hội-chính trị: những yếu tố của xã hội học; thế giới lao động (chính trị học, thị trường, những nghiệp đoàn thương mại...); tiến bộ xã hội; những yếu tố của kinh tế học và quản trị.

B. Truyền thông xã hội trong bối cảnh giáo dục và mục vụ; những kỹ năng và công nghệ truyền thông xã hội; sử dụng những ngôn ngữ giáo dục và mục vụ khác nhau. Những kỹ xảo linh hoạt. Âm nhạc.

C. Sự phát triển của những dụng cụ chính của công nghệ thông tin.

2.5 Đào luyện chuyên biệt của Salêdiêng Linh mục

600. “Việc đào luyện chuyên biệt của ứng sinh cho thừa tác vụ linh mục tuân theo những đường hướng và quy luật mà Giáo Hội và Tu Hội đã thiết định, và nhắm đến việc chuẩn bị một linh mục thực thụ là một mục tử và nhà giáo dục Salêdiêng.” (HL 116). Những môn học cũng phải được hoạch định từ viễn cảnh này.

“Các môn học thần học phải kéo dài bốn năm. Trong những phân khoa ở đó khoá học viện ba năm được theo sau bởi sự ghi danh vào khoá học hai năm để lấy thạc sĩ trong các khoa học giáo hội, thì năm bốn thành học được thay thế bằng chương trình hai năm.” (FSDB 484).

Trong những trường hợp này trong đó chu trình học viện thần học được tập trung trong ba năm, được theo sau bởi năm thứ tư hay bởi khoá hai năm lấy thạc sĩ, thật quan trọng để đảm bảo rằng phải dành sự chú ý thích hợp và thời gian cần thiết cho những môn học “Salêdiêng” và thần học mục vụ.

2.5.1 Những chỉ dẫn cho các môn Salêdiêng

601. Giai đoạn đào luyện chuyên biệt cổ xúy một nền tảng thần học sâu xa hơn về đoàn sủng; một não trạng mục vụ; một việc đọc các đề tài thần học “cách Salêdiêng”.

Trong mối liên hệ trực tiếp với diện mạo và sứ mệnh giáo dục và mục vụ của Salêdiêng linh mục, và với bốn năm học thần học những khía cạnh sau phải được khai triển thêm nữa:

A. Don Bosco linh mục: bộ phác thảo thiêng liêng và mục vụ; những đường nét của linh đạo ngài và sự phục vụ linh mục của ngài, chỗ đứng của ngài trong tác vụ mục vụ; Don Bosco linh mục- vị sáng lập trong bối cảnh giáo hội và xã hội thời đại ngài. Những nguồn liệu và nền tảng của linh đạo Don Bosco, cách riêng thánh Phanxicô Salê.

B. Linh đạo Salêdiêng và linh đạo giới trẻ. Linh đạo của Salêdiêng linh mục: người Salêdiêng linh mục trong sứ mệnh Salêdiêng và trong những loại công cuộc khác nhau, tính bổ sung với Salêdiêng sư huynh. Một số gương của các linh mục Salêdiêng.

C. Những suy tư, chọn lựa và chỉ dẫn của Tu hội cách riêng qua những Tổng Tu Nghị vừa qua và trong hiện tại: Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng; Gia đình Salêdiêng, chia sẻ với người đời. Chú ý đến những khía cạnh mục vụ, huấn giáo, bí tích, tới linh hướng (những môn học liên quan và những nhân mạnh đặc thù). Kế hoạch giáo dục mục vụ Tỉnh.

D. Linh mục Salêdiêng và sự sinh động thiêng liêng của các nhóm trong Gia đình Salêdiêng: kiến thức về những ơn gọi khác nhau và những đặc tính thiêng liêng của họ.

E. Sứ mệnh Salêdiêng trong thế giới: những thách đố mục vụ trong những khung cảnh, ưu tiên và ý nghĩa khác nhau.

2.5.2 Lãnh vực các môn thần học

602. Các môn thần học được tập hợp ở đây quanh một số đơn vị cơ bản theo phương pháp luận. Để cung cấp định hướng tốt hơn và giúp tới việc làm chín muồi tổng hợp chung cục, sự thuận lợi nên được ghi chú về việc nhìn vào từng năm, ở đó cấu trúc cụ thể của những môn học cho phép nó, từ một viễn cảnh chủ đề thống nhất, chẳng hạn suốt dòng bốn năm: mầu nhiệm Đức Kitô (năm 1), mầu nhiệm Giáo hội (năm 2), mầu nhiệm con người được cứu chuộc bởi Đức Kitô (năm 3), một tổng hợp thần học và mục vụ (năm 4).

A. Kinh thánh: dẫn nhập tổng quát vào Cựu và Tân ước; học hỏi hơn một vài sách: chú giải và hiểu sứ điệp của chúng.

B. Thần học phụng vụ

- Những khái niệm và nguyên lý cơ bản;
- Thánh Thể và sự tôn thờ Thánh Thể; sự cử hành những bí tích khác và các Á Bí tích;
- Thần học mục vụ về các bí tích;
- Sự thánh hoá thời gian: năm phụng vụ và Phụng vụ các Giờ kinh.

C. Lịch sử Giáo hội – phổ quát (sơ khai, trung cổ, cận đại và đương thời) và địa phương; dẫn nhập vào giáo phụ học.

D. Thần học căn bản: dẫn nhập vào thần học; mặc khải và sự chuyển thông mặc khải qua kinh thánh được linh hứng, truyền thống, và huấn quyền sống động của Giáo hội; tính khả tín của mặc khải Kitô hữu; mặc khải Kitô hữu và những tôn giáo khác; mặc khải và hội nhập văn hoá của đức tin.

E. Thần học hệ thống: mầu nhiệm Thiên Chúa (Thiên Chúa một và ba); mầu nhiệm Đức Kitô (Kitô học); mầu nhiệm con người: tạo dựng, con người, tội lỗi, ân sủng và những nhân đức đối thần (Nhân học); mầu nhiệm Giáo hội (Giáo hội học); Thánh mẫu học; những bí tích của Giáo hội; cánh chung học Kitô hữu.

603. F. Thần học mục vụ: thần học mục vụ tổng quát; thần học mục vụ cơ bản; huấn giáo tổng quát và đặc biệt; tác vụ mục vụ giới trẻ; tác vụ ơn gọi; dẫn nhập vào đại kết và đối thoại liên tôn; dẫn nhập vào truyền giáo học; sử dụng cách mục vụ những sự truyền thông và sử dụng đa phương tiện; giảng thuyết.

G. Thần học thiêng liêng: thần học về kinh nghiệm Kitô hữu; những nguồn linh đạo; những loại linh đạo khác nhau; những trào lưu chính của linh đạo Kitô hữu. Linh đạo tông đồ, linh đạo giáo dân, linh đạo của đời thánh hiến. Linh hướng và sự phạm thiêng liêng.

H. Thần học luân lý. Thần học luân lý cơ bản; thần học luân lý đặc biệt: tôn giáo và đức tin, lời dạy của Giáo hội về xã hội; luân lý và kinh tế học, luân lý phái tính và gia đình; luân lý sinh học.

I. Giáo luật:

- Phác hoạ lịch sử của Giáo luật và một trình bày ngắn gọn về những quy tắc tổng quát (cuốn 1) để hiểu đúng về những khái niệm cơ bản và thuật ngữ học giáo luật-pháp lý.
- Phần I và II của cuốn II “Dân TC”; từ cuốn III: vai trò dạy dỗ và tác vụ Lời, hoạt động truyền giáo, trường Công giáo, những phương tiện truyền thông; những điểm quan trọng từ cuốn V, VI, và VII;

- Phân về các Hội của đời thánh hiến với sự quy chiếu thực tiễn thường hằng tới luật đặc thù chúng ta, Hiến Luật và Quy chế Tổng quát; bí tích hôn nhân
- Sự lập pháp bổ sung của các hội đồng Giám mục.

L. Âm nhạc và nghệ thuật thánh

- Vai trò của bài hát và âm nhạc trong phụng vụ, những loại âm nhạc khác nhau trong phụng vụ và chức năng của nó, những thí dụ cụ thể;
- Diễn đạt nghệ thuật, như một phần của vai trò giáo huấn của phụng vụ vốn là sự thờ phượng Thiên Chúa và đồng thời là huấn giáo của dân Chúa; giá trị thần học, huấn giáo và mục vụ của những cử chỉ và nghệ thuật, của những dấu chỉ phụng vụ, nơi chốn thờ phượng, ảnh tượng học, và ý nghĩa thần học, thiêng liêng, và huấn giáo của nó.

M. Học những ngôn ngữ Kinh thánh: ít nhất cho những người hướng tới những bằng cấp học vụ, và, theo tính khả thể và sự thuận lợi, học những ngôn ngữ khác giữa những ngôn ngữ hữu ích hơn và phổ biến rộng rãi.

Phụ chương 4:

NHỮNG VĂN KIỆN CỦA GIÁO HỘI VÀ SALÊDIÊNG VỀ ĐÀO LUYỆN

604. Ghi chú: những văn kiện quan trọng mới đây của Giáo hội và Salêdiêng mà có thể ích lợi đặc biệt cho đào luyện được liệt kê dưới đây.

Người ta cho rằng sự quy chiếu sẽ được thực hiện tới: những văn kiện của Vatican II, Bộ Giáo Luật, các văn kiện của Thượng hội đồng Giám mục, những tông huấn hậu Thượng hội đồng Giám mục, cách riêng những Thượng hội đồng Giám mục về “đời thánh hiến và sứ mệnh của nó trong Giáo hội và thế giới” (1994) và về “đào tạo linh mục trong trạng huống hiện hành” (1990) và những Thượng hội đồng Giám mục các châu lục.

Về những văn kiện Salêdiêng sự quy chiếu sẽ hiển nhiên được thực hiện tới những văn kiện Salêdiêng cơ bản, cả chính thức và không chính thức, tới các Tổng Tu Nghị mới đây, tới những xác minh của Bê Trên Cả và các Tổng Cố vấn vốn quy chiếu trực tiếp hay gián tiếp tới đào luyện. Đối với điều liên quan đến các môn học Salêdiêng, cách riêng các nguồn, những ấn bản mang tính phê bình và những xuất bản mới đây người ta có thể quy chiếu tới Viện Sử học Salêdiêng và tới tạp chí định kỳ *Ricerche Storiche Salesiane*.

605. Những văn kiện của Giáo hội

- **Gioan Phaolô II**

- Tông hiến *Sapientia christiana* về các đại học và các phân khoa Giáo hội, 1979
- Tông huấn *Christifideles laici*, 1988
- Tông thư *Mulieris dignitatem*, 1988
- Lá thư *Iuvenum Patris*, về kỷ niệm 100 năm Don Bosco qua đời, 1988
- Tông huấn *Pastores Dabo Vobis*, 1992
- Tông huấn *Vita consecrata*, 1996

- Thông điệp *Fides et Ratio*, 1998
- **Bộ Giáo dục Công giáo (CEC)**
 - Thư luân lưu về việc dạy triết học trong chủng viện, 1972
 - Những chỉ dẫn về đào tạo đời độc thân linh mục, 1974
 - Thư luân lưu về học Giáo Luật, 1975
 - Văn kiện về đào tạo thần học của các linh mục tương lai, 1976
 - Những Quy tắc về sự áp dụng tông hiến *Sapientia christiana*, 1979
 - Huấn thị về đào tạo phụng vụ trong chủng viện, 1979
 - Thư luân lưu về đào tạo thiêng liêng trong chủng viện, 1980
 - Những chỉ dẫn về tình yêu nhân linh, 1983
 - *Ratio fundamentalis institutionis sacerdotalis*, 1985
 - Những chỉ dẫn về đào tạo các linh mục tương lai trong truyền thông xã hội, 1986
 - Sự tiếp nhận vào chủng viện của các ứng sinh đến từ những chủng viện hay gia đình tu sĩ khác, 1986
 - Những môn học về các Giáo hội Đông phương, 1987
 - Thư luân lưu “vài chỉ dẫn về đào tạo trong đại chủng viện,” 1987
 - Đức Nữ trinh Maria trong đào tạo tri thức và thiêng liêng, 1988
 - Những chỉ dẫn để học và dạy học thuyết xã hội của Giáo hội trong đào tạo linh mục, 1988
 - Huấn thị về học các Giáo phụ trong đào tạo linh mục, 1989
 - Những hướng dẫn về sự chuẩn bị các nhà giáo dục trong các chủng viện, 1993
 - Sự đào tạo của chủng sinh về hôn nhân và gia đình, 1995
 - Những quy tắc cơ bản để đào tạo phó tế vĩnh viễn – Chỉ nam cho tác vụ và đời sống của các phó tế vĩnh viễn, 1998
 - Thời kỳ dự bị - (văn kiện thông tin), 1998

- **Bộ lo các Tu hội đời sống thánh hiến và hội sống đời tông đồ**
(trước kia là SCRIS/CRIS)
 - Huấn thị *Renovationis causam*, 1969
 - Những chỉ dẫn cho những tương giao hỗ tương giữa Giám mục và Tu sĩ trong Giáo hội, 1978 (với Bộ các Giám mục)
 - Thăng tiến tu sĩ và nhân bản, 1980
 - Chiều kích chiêm niệm của đời tu trì, 1980
 - Những yếu tố cốt yếu trong lời dạy của Giáo hội về đời tu trì, 1983
 - Những chỉ dẫn về đào tạo trong các Tu hội *Potissimum Institutioni*, 1990
 - Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn, 1994
 - Sự cộng tác liên dòng cho đào tạo, 1999
- **Bộ Giáo lý đức tin**
 - Đức tin và hội nhập văn hoá, 1988
 - Huấn thị về ơn gọi mang tính giáo hội của thần học gia, 1990
- **Bộ Loan báo Tin mừng cho các dân tộc**
 - Thư luân lưu về chiều kích truyền giáo của đạo tạo linh mục, 1970
 - Sự đào tạo trong đại chủng viện, 1987
- **Bộ Phụng tự Thiên Chúa**
 - Chỉ thị *Professionis ritus*, 1970
 - Chỉ thị *Ritus pro collatione ministerium*, 1972
 - Lá thư “những thẩm định về tính thích hợp của các ứng sinh cho chức thánh”, 1997
- **Bộ Giáo sĩ**
 - Lá thư về “giáo dục và đào tạo liên tục của Giáo sĩ”, (*Inter ea*), 1969
 - Chỉ nam về Tác vụ và đời sống của linh mục, 1994
 - Những quy tắc cơ bản để đào tạo các phó tế vĩnh viễn – chỉ nam cho tác vụ và đời sống của các phó tế vĩnh viễn, 1998

- Linh mục và thầy dạy Lời Chúa, thừa tác viên của các bí tích và người lãnh đạo cộng đoàn, trong thiên niên kỷ thứ ba của Kitô giáo, 1999
- **Bộ các Giám mục**
 - Những chỉ dẫn cho những tương giáo hỗ tương giữa Giám mục và tu sĩ trong Giáo hội, *Mutuae relationes*, 1978 (với Bộ các Tu hội đời thánh hiến và các hội đời sống tông đồ)
- **Hội đồng Giáo hoàng cổ xúy hiệp nhất Kitô hữu** (trước kia văn phòng lo về sự hiệp nhất các Kitô hữu)
 - Đại kết trong việc dạy thần học, 1986
 - Chiều kích đại kết trong đào tạo những người dấn thân vào công cuộc mục vụ, 1995
- **Ủy ban Giáo hoàng lo về gia sản văn hoá của Giáo hội**
 - Sự đào tạo về gia sản nghệ thuật và lịch sử, 1992
- **Hội đồng về Gia đình**
 - Sự thật và ý nghĩa của tính dục nhân linh, 1995

606. Các Văn kiện Salêdiêng

- **Các Tổng Tu Nghị**

Những văn kiện mà quy chiếu chính yếu hay minh nhiên tới đào luyện:

TTNDB (1971)

- “Đào luyện vào đời Salêdiêng” (văn kiện 13)

TTN21 (1978)

- “Đào luyện cho đời Salêdiêng”
- “Người Salêdiêng sư huynh”
- “Công việc PAS và Đại học Giáo hoàng Salêdiêng”

TTN23 (1990)

- “Giáo dục giới trẻ tới đức tin”

TTN24 (1996)

- “Salêdiêng và Giáo dân: sự hiệp thông và chia sẻ tinh thần và sứ mệnh của Don Bosco”

• Các Bề Trên Cả

Egidio Viganò

- Lá thư “yếu tố trần thế trong cộng thể Salêdiêng,” ASC 298 (1980) 3-51
- Lá thư “Người Salêdiêng theo giấc mơ mười viên ngọc của Don Bosco,” ASC 300 (1981) 3-36
- Lá thư “Bản văn Luật Đời sống chúng ta được canh tân,” AGC 312 (1985) 11-47
- Lá thư “Người Linh mục của năm 2000,” AGC 335 (1991) 5-44
- Lá thư “Ngày nay đọc lại đoàn sủng của Đấng Sáng Lập,” AGC 352 (1995) 3-35

Juan Edmundo Vecchi

- Lá thư “Những dấu hiệu cho bước tăng trưởng trong linh đạo Salêdiêng,” AGC 354 (1995) 3-54
- Lá thư “Vi các con cha học....,” AGC 361 (1997) 3-53
- Lá thư “Những chuyên viên, chứng nhân và người thợ của sự hiệp thông,” AGC 363 (1998) 3-44
- Lá thư “Chúa Cha thánh hiến chúng ta và sai đi,” AGC 365 (1998) 3-49
- Lá thư “Một tình yêu vô hạn dành cho Thiên Chúa và giới trẻ,” AGC 366 (1999) 3-43
- Lá thư “Ngài đã giao hoà chúng ta với chính ngài và ban cho chúng ta tác vụ giao hoà,” AGC 369 (1999) 3-47
- Lá thư “Đây là Minh Thầy trao hiến vì anh em,” AGC 371 (2000) 3-53

• Những văn kiện để quy chiếu

- Kế hoạch Đời sống của người Salêdiêng Don Bosco. Một hướng dẫn vào Hiến Luật Salêdiêng (1986)

- Giám đốc Salêdiêng. Một tác vụ sinh động và cai quản cộng thể địa phương, Rome (1986)
- *Giám tỉnh Salêdiêng*. Một tác vụ để sinh động và cai quản cộng thể tỉnh, Roma (1987)
- *Những yếu tố pháp lý và thực hành quản trị trong việc cai quản Tỉnh dòng*, Roma (1987)
- Người Salêdiêng sư huynh. Lịch sử, Căn tính, Việc tông đồ ơn gọi và Đào luyện, Rome (1989)
- Nghi thức tuyên khấn tu sĩ, Tu hội thánh Phanxicô Salê, (1990)
- Những thánh lễ riêng của Gia đình Salêdiêng, Tu hội thánh Phanxicô Salê, Rome (1992)
- Thẻ Căn tính chung của Gia đình Salêdiêng Don Bosco. SF Department Rome (1995)
- Lời minh xác Sứ mệnh chung của Gia đình Salêdiêng. SF Department Rome (2000)
- Tác vụ Giới trẻ Salêdiêng. Một khung quy chiếu cơ bản. SYM Department Rome. Ấn bản lần thứ hai (2001)

MỤC LỤC PHÂN TÍCH¹

A

Absence:

- <i>From the novitiate house</i>	Vắng mặt (khỏi tập viện)	379
-----------------------------------	--------------------------	-----

Action: hoạt động

- <i>Apostolic action</i>	Hoạt động tông đồ	xem Apostolate
- <i>Contemplation in action</i>	Chiêm niệm trong hoạt động	81, 123, 198, 357, 367, 431

Activities: Các hoạt động

- <i>Educative and pastoral activities</i>	Các hoạt động giáo dục và mục vụ	198-199, 202-204, 247, 367, 374, 411, 428, 436, 442, 475, 568, 576
- <i>Formative activities to be planned</i>	Các hoạt động đào luyện được lên kế hoạch	310, 323, 548, 554, 560
- <i>Ordinary activities are efficacious for formation</i>	Những hoạt động thông thường có hiệu quả cho đào luyện	210, 251
- <i>Synthesis of activities and vocational values</i>	Bản tổng hợp các hoạt động và những giá trị ơn gọi	99, 364, 410, 428-429, 431, 436, 527

Admissions

	Những sự tiếp nhận	269-270, 274, 293, 567
- <i>To first profession</i>	Tuyên khấn lần đầu	371

¹ Bản mục lục phân tích này cũng gồm chứa một số quy chiếu tới những nội dung chính của các Phụ Chương trong *Ratio*. Đối với một chữ (như sự tiếp nhận, sự phân định, sự trưởng thành, những động cơ, sự tuyên khấn, sự thích hợp, v.v.) tham khảo cuốn sách nhỏ “*Các Tiêu Chuẩn và Quy Tắc của sự phân định ơn gọi Salêdiêng. Việc tiếp nhận*,” Roma 2000 có thể hữu ích.

- <i>To ministries and orders</i>	Các tác vụ và chức thánh	301, 303, 320, 327, 477, 490, 493
- <i>To perpetual profession</i>	Khấn trọn đời	504, 518
- <i>To the novitiate</i>	Vào tập viện	346-347, 354-355
- <i>To the prenovitiate</i>	Vào tiền tập viện	351, 569
- <i>To the various phases</i>	Vào các giai đoạn khác nhau	301, 303, 320, 327
Advanced age	Cao niên	537-539
Affectivity	Cảm tính	63-65, 96-97, 245, 325, 335, 341, 347, 355, 432, 450, 462, 508, 526, 535
Affiliation	Sự liên kết [với Đại học UPS]	147, 176-177
Aggregation	Sự kết nạp [với đại học UPS]	147
Animation	Sự sinh động	191
- <i>Of formation</i>	Đào luyện	22, 206, 210, 238-239, 246-247, 266, 291, 369, 541, 550, 559
- <i>Rector's duty</i>	Bổn phận của Giám đốc	231, 233, 235, 291, 417, 490, 544, 555
- <i>The Salesian animator</i>	Sinh động viên Salêdiêng	35, 39, 45, 52, 66, 76, 89, 126, 138, 143, 152, 190, 198, 325, 343, 411, 473, 475, 523, 528-529
Apostolate	Việc tông đồ	40, 75, 88, 95, 99, 102, 106, 132, 143, 148, 246, 447, 456, 463, 478, 480, 521, 532, 534, 537, 539
- <i>Apostle of youth</i>	Tông đồ giới trẻ	41-42, 87, 100, 197
- <i>Apostolic drive</i>	Động lực tông đồ	86, 115, 220, 435, 522
- <i>Apostolic sense</i>	Cảm thức tông đồ	148, 193, 410
Application	Đơn thỉnh cầu	274, 301, 304, 326, 351, 354, 386-387, 390, 394,

		481-482, 496-497, 500, 503, 512, 517, 519
Aptitudes	Những năng khiếu [thích hợp]	
- <i>For Salesian life</i>	Cho đời Salêdiêng	269, 347, 354-355
- <i>To be cultivated during formation</i>	Phải được vun trồng trong đào luyện	49, 129, 144, 217, 261, 275, 429, 456, 480, 542
Asceticism	Khoa tu đức	28, 34, 59, 60, 64-65, 68, 97, 113, 127, 148, 215- 216, 360, 400, 432, 465, 529
Aspect	Khía cạnh	
- <i>Aspects of formation</i>	Những khía cạnh đào luyện	54-55, 75, 128, 135, 185, 246, 314, 358, 398, 430, 449, 521, 525, 553, 577
- <i>Characteristic aspects of the Salesian Educative and Pastoral Plan (SEPP)</i>	Những khía cạnh đặc trưng của Kế hoạch Giáo dục Mục vụ Salêdiêng	187, 192, 204
- <i>Educative and pastoral</i>	Giáo dục và mục vụ	185-204, 343, 366-367, 410-411, 434-435, 457, 470-475, 529-530, 547
- <i>Human</i>	Nhân bản	57-74, 264, 332-338, 359, 399, 430, 450, 462, 526
- <i>Intellectual</i>	Tri thức	124-184, 342, 365, 401- 409, 433, 452-456, 466- 469, 528, 579
- <i>Spiritual</i>	Thiêng liêng	75-123, 339-341, 360- 364, 400, 431-432, 451, 463-465, 527
Assessments	Những lượng giá	See Evaluations
Assimilation	Sự hấp thụ	65, 133, 148, 208, 213, 237, 260-261, 357, 368, 396, 400

- <i>Of the Salesian charism</i>	Đoàn sủng Salêdiêng	41, 141, 205, 208, 219, 316, 340, 355, 361, 371, 400, 406, 505, 519
Assistance	Sự trợ giúp	See Salesian assistance: <i>Sự hộ trợ Salêdiêng</i>
Atmosphere/climate	Bầu khí	
- <i>Atmosphere conducive to formation</i>	Bầu khí dẫn tới đào luyện	18, 220, 259, 280
- <i>Family atmosphere</i>	Bầu khí gia đình	35, 113, 287, 370, 526
- <i>Atmosphere of faith and prayer</i>	Bầu khí đức tin và cầu nguyện	72, 227, 364, 371, 543
Attitude	Thái độ	
- <i>Formative</i>	Đào luyện	1, 7, 44, 208, 213, 265, 270, 319, 331, 345, 347, 355, 369, 448, 460, 504, 522, 540-541
- <i>Of discernment</i>	Phân định	See Discernment: <i>Sự phân định</i>
- <i>Of reflection</i>	Suy tư	17, 70, 124, 130, 165, 338, 466, 528
- <i>Spiritual</i>	Thiêng liêng	85, 88, 94, 100, 118- 119, 217, 229, 231, 253, 264, 271, 307, 339, 451, 463, 552
Authority	Quyền bính	
- <i>Acceptance of authority</i>	Chấp nhận quyền bính	67, 477

B

Baptism	Phép rửa – thánh tẩy	1, 27, 360
Belonging	Thuộc về (Sense of/ cảm thức)	83, 94, 208, 335
- <i>To the Congregation</i>	Tu hội	25, 33, 41, 53, 74, 90, 209, 308, 399, 435, 504, 552
- <i>To the Province</i>	Tỉnh dòng	47, 90, 224, 228, 290, 552
- <i>To the Salesian Family</i>	Gia đình Salêdiêng	52, 325, 362, 435
Brotherhood	Tình huynh đệ	33, 107, 113, 477, 538, 544
- <i>Fraternal communion</i>	Sự hiệp thông huynh đệ	28, 63, 65, 90, 102-103, 105, 115, 412, 462
- <i>Fraternal sharing</i>	Chia sẻ huynh đệ	62, 97, 220, 287, 432, 451, 522

C

Catechesis	Huấn giáo	141, 194, 339, 396-397, 402, 405, 408, 414, 425, 433, 453, 460, 468-469, 471
Challenges	Những thách đố	
- <i>Challenges arising from the historical context</i>	Những thách đố nảy sinh từ bối cảnh lịch sử	11, 37, 70, 127, 129, 152, 194, 211, 226, 229, 238, 307, 471, 521
- <i>Challenges arising from the mission</i>	Những thách đố nảy sinh từ sứ mệnh	11, 15, 29, 136, 147, 150, 194, 467, 470, 521, 523

- <i>Challenges arising from the situation of the community</i>	Những thách đố nảy sinh từ tình trạng cộng thể	11, 224
- <i>Challenge of fidelity</i>	Thách đố sự trung thành	221, 252
- <i>Formation, a challenge</i>	Đào luyện, một thách đố	213, 248
- <i>God speaks through challenges</i>	Thiên Chúa nói qua các thách đố	257, 521
Charism	Đoàn sủng	316
- <i>Community, bearer of the charism</i>	Cộng thể, người mang lấy đoàn sủng	18, 26, 47, 218, 265, 272
- <i>Formation: growth in Salesian identity</i>	Đào luyện: sự tăng trưởng trong căn tính Salêdiêng	5-6, 41, 196, 361, 398, 406, 504
- <i>Gift of the Spirit</i>	Tặng phẩm của Thần khí	5, 28
- <i>Other charisms</i>	Những đoàn sủng khác	45, 53
- <i>Principle of unity</i>	Nguyên lý của hiệp nhất	14, 19, 54
- <i>To be studied more deeply</i>	Phải được học hỏi sâu hơn	50, 142, 246, 358
- <i>To be shared</i>	Phải được chia sẻ	2, 12, 35-36, 45, 435
- <i>To be inculturated</i>	Phải được hội nhập văn hoá	135-136, 187, 316
Charity	Đức ái	29, 91, 186
- <i>Educative charity</i>	Đức ái giáo dục	31, 86
- <i>Fraternal charity</i>	Đức ái huynh đệ	363, 540
- <i>Pastoral charity</i>	Đức ái mục tử	30-31, 34, 39, 84, 88, 104, 128, 148, 215, 367, 431, 451, 461, 476, 525, 529
- <i>Priest/deacon, man of charity</i>	Linh mục/ phó tế, người của đức ái	461, 463, 465, 473

Chastity	Đức thanh khiết	
- <i>Asceticism entailed</i>	Khoa tu đức được kéo theo	64, 113
- <i>Consecrated chastity</i>	Thanh khiết thánh hiến	96
- <i>Formation to chastity</i>	Đào luyện cho thanh khiết	97, 112
- <i>Fostered by a climate of brotherhood</i>	Được nuôi dưỡng bằng một bầu khí huynh đệ	113
Church	Giáo hội	9, 218, 313, 372, 521
- <i>Particular/local Church</i>	Giáo hội đặc thù/địa phương	36, 83, 90, 146, 163, 169, 195, 289, 415, 464, 475, 528, 530
- <i>Sense of Church</i>	Cảm thức về Giáo hội	82-84, 220, 231, 244, 366, 460, 464-465, 471, 477, 530
Climate	Bầu khí	<i>see Atmosphere</i>
Coadjutor	Trợ sĩ	<i>see Salesian brother / Salêdiêng sư huynh</i>
Collaboration	Sự cộng tác	
- <i>Between Institutes</i>	Giữa các Tu hội	10, 53, 167, 289, 368, 563
- <i>Between Provinces</i>	Giữa các Tỉnh dòng	17, 138, 146, 171, 173, 230, 246-248, 286, 300, 418, 458, 509, 514, 548, 551, 558, 561, 567
- <i>Within the EPC and in the Salesian Family</i>	Trong CĐGDMV và Gia đình Salêdiêng	35-36, 40, 45, 66-67, 83, 90, 190, 197, 227, 245, 247, 343, 430, 529, 547, 563
Communication	Sự thông giao [truyền thông]	
- <i>Interpersonal</i>	Liên vị	8-9, 73, 90, 107, 254, 259, 262, 266, 269, 336,

		340, 345, 363, 399, 430, 450, 522, 542
- <i>Social</i>	Xã hội	8, 32, 65, 69, 71, 97, 113, 141, 245, 338, 399, 404, 410, 456, 468, 471
Communion	Sự hiệp thông	9, 83, 89, 244
- <i>Communion in the Congregation</i>	Hiệp thông trong Tu hội	33, 89, 316, 362, 544, 547, 555
- <i>Communion of gifts within the Salesian Family</i>	Hiệp thông các tặng phẩm trong Gia đình Salêdiêng	35-36, 45, 53, 90
- <i>Communion with the Church</i>	Hiệp thông với Giáo hội	82-83, 460, 464, 530
- <i>Fraternal communion</i>	Hiệp thông huynh đệ	63, 65, 90, 102-103, 115, 223, 290
Community	Cộng thể (cộng đoàn)	
- <i>Community, formation setting</i>	a Cộng thể, một khung cảnh đào luyện	197, 213, 216, 218-219, 246, 253, 259, 270, 276, 279, 302, 312-313, 372, 436, 504, 524, 543, 552- 554, 574
- <i>Educative and pastoral community (EPC)</i>	Cộng đoàn giáo dục mục vụ (CĐGDMV)	12, 36, 40, 51, 148, 187, 190, 192, 197, 232, 543
- <i>Inter-provincial formation community</i>	Cộng thể đào luyện liên tỉnh	173, 224, 290, 300, 418, 567
- <i>Local formation community</i>	Cộng thể đào luyện địa phương	145, 160, 162, 167-168, 222-224, 246, 280, 282- 283, 287-291, 344, 364, 367-369, 412-415, 419- 421, 477-478, 483, 495, 498, 577
- <i>Provincial community (Province)</i>	Cộng thể Tỉnh (Tỉnh dòng)	14, 18, 22-23, 110, 144, 148, 202, 211, 226-227, 248, 250, 313, 316, 409, 545, 566, 573, 578

- <i>Salesian community: characteristics and tasks</i>	Cộng thể Salêdiêng: những đặc trưng và trách vụ	1, 12, 60, 65, 72, 74, 89-90, 94, 100, 107, 115, 187, 259, 265, 268, 363, 481, 534, 543, 555
Complementarity	Tính bổ sung	<i>see Interdependence / tính tương thuộc</i>
Composition (in terms of numbers and quality)	Sự thành lập (dưới diện con số và phẩm chất)	
- <i>Of the formation community</i>	Cộng thể đào luyện	219, 224, 230, 280, 282, 509, 545
- <i>Of the formation team</i>	Đội ngũ đào luyện	170, 222, 224, 230, 280, 378, 568, 578
- <i>Of the study centre</i>	Trung tâm học vụ	146, 300
Confessor	Cha Giải tội	117, 234, 260, 263, 265, 270, 292, 386, 438, 475, 517
Consecration	Sự thánh hiến	
- <i>And human values</i>	Và những giá trị nhân bản	57, 65
- <i>Basis in God</i>	Nền tảng trong Thiên Chúa	27, 29, 79, 80, 87, 92, 115, 217, 539
Conscience (formation of)	Lương tâm (đào luyện lương tâm)	7, 68-69, 84, 105, 189, 338
Constitutions	Hiến luật	
- <i>Basis for the arrangement of formation</i>	Nền tảng cho sự sắp xếp đào luyện	13-14, 20, 153, 206, 311, 316
- <i>Embodiment of the Salesian charism</i>	Sự nhập thể của đoàn sùng Salêdiêng	26, 77, 361
- <i>Project of life and holiness</i>	Dự phóng đời sống và sự thánh thiện	41, 47, 93, 504, 527
- <i>Study of the Constitutions</i>	Học hỏi Hiến Luật	48, 365, 383, 506

Contextualization	Việc đặt vào bối cảnh	5-7, 10, 13-14, 17, 19, 23, 43, 58, 70, 130, 135-136, 211, 236, 244, 246, 251, 256, 289, 316, 374, 415, 468, 535, 566, 568, 577
Continuity	Tính liên tục	
- <i>Of formation</i>	Của đào luyện	134, 211, 247, 264, 273, 280, 281, 296, 317, 345, 415, 444, 507, 549, 567, 574
- <i>Of formation personnel</i>	Của nhân viên đào luyện	144, 170, 568
Conversion	Sự hoán cải	103, 217, 277, 309, 360, 477, 542
Councillor formation	for Cố vấn Đào luyện	23, 154, 158, 170, 173, 177-178, 247, 250, 286, 306, 495, 551, 561-562, 571, 604
Crisis	Sự khủng hoảng	276, 304, 395, 540
Culture	Văn hoá	
- <i>Attitude towards</i>	Thái độ đối với	9, 14, 19, 69, 71, 124, 136, 140, 236, 256-257, 338, 396, 401-403, 450, 528
- <i>Basic culture</i>	Văn hoá cơ bản	7, 130, 137-138, 342, 347, 353, 355
- <i>Commitment to the intellectual life</i>	Sự cam kết cho đời sống tri thức	127-128, 148, 152, 185, 194, 246, 416, 466
- <i>Synthesis of faith and culture</i>	Tổng hợp đức tin và văn hoá	9, 87, 125, 133, 136, 139, 148, 189, 311, 396, 400-401, 405, 410, 414, 426, 457, 471, 521, 542, 547
Curatorium		173, 224, 300

Curriculum	Chu trình	324
- <i>Basic curriculum</i>	Chu trình cơ bản (common curriculum / chu trình chung)	182, 576
- <i>Curriculum for Salesian brothers</i>	Chu trình cho các Salêdiêng sư huynh	49, 310, 398, 408, 424, 569, 576
- <i>Guidelines to be laid down in the Provincial Plan</i>	Những chỉ dẫn phải được đưa vào trong Kế hoạch Tỉnh dòng	157, 576

D

Da mihi animas		4, 30, 34, 37, 99, 236, 246, 360, 366, 435, 461, 529, 545
Decentralization	Sự tản quyền	14, 20
Diaconate/Deacon	Chức phó tế / phó tế	See <i>salesian deacon / phó tế salêdiêng</i>
Dialogue	Đối thoại	
- <i>Aptitudes that facilitate dialogue</i>	Những thái độ làm cho đối thoại nên dễ dàng	67
- <i>Formation guides capable of dialogue</i>	Những người hướng dẫn đào luyện có khả năng đối thoại	238, 284, 416
- <i>Formation requires dialogue</i>	Đào luyện đòi hỏi đối thoại	93, 112, 214, 218, 265, 268, 308, 316
- <i>Inter-religious dialogue</i>	Đối thoại liên tôn	9, 471
Director of novices	Giám đốc Tập sinh (Tập sư)	292-293, 345, 357, 359, 369-371, 375-379, 382, 384, 417
Discernment	Sự phân định	

- <i>Attitude of discernment</i>	Thái độ phân định	81, 268, 270, 276, 281, 460, 542, 552
- <i>Criteria for discernment</i>	Những tiêu chuẩn để phân định	25, 55, 264, 270, 272-273, 281, 297
- <i>Community discernment</i>	Sự phân định cộng thể	268, 346, 477, 543
- <i>Discernment in particular circumstances</i>	Sự phân định trong những hoàn cảnh đặc thù	276, 304, 395, 481, 500, 540
- <i>Nature of discernment</i>	Bản chất của phân định	262, 271
- <i>Pastoral discernment</i>	Sự phân định mục vụ	6-7,12, 42-43, 80, 89, 93, 124, 129, 132, 140, 148, 193, 197, 256-257, 460, 466, 521-522, 528, 542
- <i>Self-discernment</i>	Tự phân định mình	270, 275, 334, 346, 386, 477, 504, 517
- <i>Vocation discernment</i>	Sự phân định ơn gọi	211, 214, 236-237, 269-270, 274, 318, 371, 503
Discipline	Kỷ luật	60, 64, 68, 215, 399, 413, 430
Dismissal	Sự thải hồi	356, 385
Don Bosco the founder	Don Bosco Đấng Sáng Lập	
- <i>Apostle of youth</i>	Vị tông đồ giới trẻ	2, 30, 193, 258
- <i>Disciple of Christ</i>	Môn đệ Đức Kitô	1-2, 25, 47, 77, 316, 360, 460
- <i>Formation guide</i>	Người hướng dẫn đào luyện	3-5, 219
- <i>Model</i>	Khuôn mẫu (embodiment of Salesian identity / sự nhập thể căn tính Salêdiêng)	26, 41, 44

- <i>Open to situations</i>	Rộng mở với các trạng huống	37, 70, 307
- <i>Originator of a school of spirituality</i>	Người khởi nguồn một trường phái linh đạo	26, 77-78, 80-82, 84, 86, 99, 100, 251, 307
- <i>Source of Salesian charism, founder</i>	Nguồn mạch của đoàn sùng Salêdiêng, Đấng Sáng Lập	3-4, 84, 142, 151, 218, 307
- <i>Splendid blending of nature and grace</i>	Sự hoà hợp tuyệt diệu của tự nhiên và ân sủng	12, 58, 66, 75, 462, 537

E

Education	Giáo dục	
- <i>Pedagogy of holiness for educator and pupil</i>	Khoa sư phạm của sự thánh thiện cho nhà giáo dục và học sinh	29, 76, 86-87, 98, 106, 186, 431
- <i>Witness of consecrated life and education</i>	Chứng nhân của đời thánh hiến và giáo dục	34, 91, 96
Educator	Nhà giáo dục	
- <i>Don Bosco educator</i>	Don Bosco nhà giáo dục	219
- <i>Salesian, educator of the young</i>	Người Salêdiêng, nhà giáo dục của giới trẻ	30, 58, 96, 100, 128, 136, 186, 435
Emotions	Những cảm xúc	62, 71, 97
Environment	Môi trường	See <i>Setting/ khung cảnh</i>
Equilibrium	Sự cân bằng	7, 58, 64-65, 74, 97, 151, 198, 212, 262, 362, 462, 538, 545

- <i>Physical</i>	Thể lý	57, 60, 333
- <i>Psychic</i>	Tâm thần	61-62
Experience	Kinh nghiệm	
- <i>Community experience</i>	Kinh nghiệm cộng thể	90, 254, 259, 522
- <i>Educative and pastoral experiences</i>	Những kinh nghiệm giáo dục và mục vụ	198-199, 202-204, 222, 343, 367, 382, 397, 411, 428, 430, 569-570, 577
- <i>Experience of daily life</i>	Kinh nghiệm của đời sống hằng ngày	42, 197, 251, 543, 555
- <i>Experience needed to personalize formation</i>	Kinh nghiệm cần thiết để nhân vị hoá đào luyện	199, 208, 221, 223, 227, 253, 278, 358, 474
- <i>Experience of one's vocation</i>	Kinh nghiệm về ơn gọi của mình	26, 75-76, 128, 214, 308, 540
- <i>Formation experience</i>	Kinh nghiệm đào luyện	81, 210, 258, 263, 269, 274, 280, 312, 314, 476
- <i>Spiritual experience</i>	Kinh nghiệm thiêng liêng	28, 75, 80-81, 86-90, 99, 106, 186, 361, 527
Experts	Những chuyên viên	51, 240, 243, 275, 299, 475, 547
Eucharist	Thánh thể	90, 99, 101-102, 115, 339, 474
Evaluations	Những lượng giá	
- <i>Evaluation of the Provincial Directory</i>	Lượng giá về Nội Quy Tỉnh	23, 571
- <i>Evaluation of community life</i>	Lượng giá về đời sống cộng thể	72, 107, 110, 222, 231, 239, 287, 529
- <i>Evaluation of educative and pastoral activities</i>	Lượng giá về những hoạt động giáo dục và mục vụ	198-199, 202-204, 247, 411, 494
- <i>Evaluation of one's progress</i>	Lượng giá về sự tiến bộ của mình	113, 213, 216, 276-277, 438, 451, 543

- <i>Evaluation of one's vocation</i>	Lượng giá về ơn gọi của mình	198, 212, 233, 276, 328, 357, 362, 372, 429, 504, 518
- <i>Evaluation of the formation process</i>	Lượng giá về tiến trình đào luyện	18, 22, 162, 178, 182, 212, 222, 233, 238, 247, 251, 261, 270, 295-296, 308, 384, 409, 417, 567, 574, 577
- <i>Evaluation of the Provincial Plan</i>	Lượng giá về Kế hoạch Tỉnh	154, 575-576
- <i>Evaluation of the Provincial Plan for the preparation of personnel</i>	Lượng giá về Kế hoạch Tỉnh để chuẩn bị nhân sự	158, 246-247
Evangelization	Loan báo Tin mừng (Phúc âm hoá)	
- <i>Evangelization of culture</i>	Phúc âm hoá nền văn hoá	457, 467
- <i>Evangelizing task</i>	Trách vụ loan báo Tin mừng	186, 193, 435, 453, 529
- <i>Integration of evangelization and education</i>	Sự hoà nhập loan báo Tin mừng và giáo dục	87, 148, 187, 189

F

Faith	Đức tin	
- <i>Communicate the faith</i>	Thông truyền đức tin	40, 126, 252, 339, 401, 435, 467, 475
- <i>Deepen the faith</i>	Đào sâu đức tin	81, 105, 139, 270, 339, 357, 365, 396-397, 405, 453, 461, 466
- <i>Synthesis of faith and culture</i>	Tổng hợp đức tin và văn hoá	See <i>culture / văn hoá</i>

Family	Gia đình	
- <i>Knowing the family of the candidate</i>	Bí quyết gia đình của ứng sinh	312, 334, 370
- <i>Relation with one's family</i>	Liên hệ với gia đình	65, 74, 223, 335, 567
Fatherhood	Cương vị làm cha	
- <i>Daily experience of the fatherhood of God</i>	Kinh nghiệm hằng ngày về Thiên Chúa là cha	28, 80
- <i>Don Bosco father's a charism</i>	Don Bosco, người cha của một đoàn sủng	4
- <i>Spiritual fatherhood</i>	Cương vị là cha thiêng liêng	96, 262, 536
Fidelity	Sự trung thành	
- <i>Dynamic fidelity</i>	Sự trung thành năng động	5, 37, 43, 309
- <i>Ongoing formation</i>	Đào luyện liên tục	10, 520, 523
- <i>To God, to Christ</i>	Với Thiên Chúa, với Đức Kitô	218, 263, 533
- <i>To one's vocation</i>	Với ơn gọi của mình	1, 5, 13, 216, 221, 249, 267-269, 272, 309, 523, 539
- <i>To the charism of Don Bosco</i>	Với đoàn sủng của Don Bosco	5, 37, 229, 246, 249, 309, 524
- <i>To the Constitutions</i>	Với Hiến Luật	236, 542, 555
Formation	Đào luyện	1, 4-5, 22, 25, 41-42, 44, 46, 185, 208-210, 265
- <i>Formation of the Salesian brother</i>	Đào luyện Salêdiêng sư huynh	130, 184, 248, 322, 396, 408-409, 412, 421, 425, 532, 569-570, 576, 579
- <i>Inculturated formation</i>	Đào luyện được hội nhập văn hoá	6-8, 10, 14, 17, 19, 23, 43, 136, 206
- <i>Initial formation</i>	Đào luyện ban đầu	49, 130, 206, 210, 222, 247, 282, 319, 323, 325-

		326, 328 and the following / và tiếp theo
- <i>Formation together with the laity</i>	Đào luyện cùng với giáo dân	35-36, 45, 52, 197, 221, 244-247, 325, 542-543, 547, 559-560
- <i>Integral formation</i>	Đào luyện toàn diện	54, 210-211, 222, 314, 398, 558
- <i>Intellectual formation</i>	Đào luyện tri thức	124-184, 401, 407, 579 see appendix n° 3 <i>guidelines for drawing up the programme of studies / xem phụ chương 3: những chỉ dẫn để soạn thảo chương trình các môn học</i>
- <i>Ongoing formation</i>	Đào luyện liên tục	10, 42, 54, 201, 221, 239, 247, 309, 311, 550-551, 520-565
- <i>Self-formation</i>	Đào luyện chính mình (tự đào luyện)	148, 216, 265, 277, 523, 542, 552
- <i>Specific formation of the Salesian brother</i>	Đào luyện chuyên biệt của Salêdiêng su huynh	159, 447-458, 479-480, 570
- <i>Specific formation of the Salesian priest (deacon)</i>	Đào luyện chuyên biệt của Salêdiêng linh mục (phó tế)	41, 49, 130, 159, 178, 308-309, 311, 322, 398, 405, 446, 459-500, 570, 579;
- <i>Application to embark upon specific formation</i>	Lời thỉnh cầu để bắt đầu đào luyện chuyên biệt	482, 570
- <i>Technical and professional formation</i>	Đào luyện kỹ thuật và nghiệp vụ/chuyên môn	128, 141, 143, 149, 246, 252, 397, 402, 407, 409, 423, 446, 456, 480, 523, 528, 542, 547, 556, 570

- <i>Those who share responsibility for formation</i>	Những người chia sẻ trách nhiệm đào luyện	21, 230-250
Formation guides	Những người hướng dẫn đào luyện	234-239, 416
- <i>Animators of the formation process</i>	Sinh động viên của tiến trình đào luyện	162, 199, 222, 237-238, 260, 294, 304, 331, 346, 395, 413, 417, 494
- <i>Attuned to the Ratio and the Provincial Plan</i>	Phù hợp với <i>Ratio</i> và Kế hoạch Tỉnh	17, 21, 211, 222, 233, 235, 248, 575
- <i>Formation team</i>	Đội ngũ đào luyện	230, 233-235, 284, 345, 378, 415-416, 569
- <i>Formation of those responsible for formation</i>	Đào luyện của những người chịu trách nhiệm đào luyện	7, 237-239, 246, 284-286, 416, 489, 547-548, <u>571</u>
- <i>Presence of formation guides of different Provinces in inter-provincial communities</i>	Sự hiện diện của những người hướng dẫn đào luyện của các Tỉnh dòng khác nhau trong cộng thể liên tỉnh	224, 290
- <i>Presence of the Salesian brother in the formation team</i>	Sự hiện diện của Salêdiêng sư huynh trong đội ngũ đào luyện	See <i>Salesian brother / xem Salêdiêng sư huynh</i>
Formation process	Tiến trình đào luyện	210, 213, 307-327, 567, 574
- <i>Assimilation of Salesian identity</i>	Sự hấp thụ căn tính Salêdiêng	25, 41-42, 312, 361
- <i>Communitarian process</i>	Bước tiến cộng thể	222, 283, 313
- <i>Comprehensive and diversified process</i>	Tiến trình bao quát và khác biệt	133, 199, 235, 314, 322, 415
- <i>Continuous and gradual process</i>	Tiến trình liên tục và tiệm tiến	235, 273, 280-281, 315

- <i>Inculturated process</i>	Tiến trình được hội nhập văn hoá	236, 316
- <i>Personalized process</i>	Tiến trình được cá vị hoá	213, 270, 278, 312, 345
Friendly talk	Đàm thoại thân tình	93, 109, 232, 261, 270, 291, 301, 369, 417, 438, 490

G

God	Thiên chúa	
- <i>Dialogue with God</i>	Đối thoại với Thiên Chúa	70, 97-106, 193, 209, 217, 246, 270, 527
- <i>Experiencing God</i>	Kinh nghiệm Thiên Chúa	29, 75-76, 81, 89-91, 97, 466, 527
- <i>God's designs for the individual</i>	Kế đồ của Thiên Chúa cho từng cá nhân	62, 95, 270, 304, 533
- <i>Meeting God in the young</i>	Gặp gỡ Thiên Chúa nơi giới trẻ	See <i>Youth / giới trẻ</i>
- <i>Presence of God</i>	Sự hiện diện của Thiên Chúa	33, 40, 65, 69, 78, 86, 257, 363, 400
- <i>Primacy of God</i>	Tính tối thượng của Thiên Chúa	34, 75, 78, 81
- <i>Works through human intermediaries</i>	Thiên Chúa làm việc qua những trung gian nhân loại	216, 218, 236, 264-265, 432, 463
God the Father	Chúa cha	
- <i>Being a father to the young: a reflection of God the Father</i>	Là một người cha của giới trẻ: một phản ánh về Thiên Chúa Cha	96, 98

- <i>Consecrates and sends</i>	Thánh hiến và sai đi	27, 80, 87-88, 92, 372, 502, 504
- <i>Filial relationship with God the Father</i>	Mối liên hệ hiền thảo với Thiên Chúa Cha	28, 42, 80-81, 93, 102, 451, 463, 527
- <i>Jesus' relationship with the Father</i>	Mối liên hệ của Đức Giêsu với Chúa Cha	28, 79, 92-93, 360
Gospel	Tin mừng / Phúc âm	
- <i>Inculturating the Gospel</i>	Hội nhập Tin mừng vào văn hoá	84, 125, 136, 139, 141, 257, 467
- <i>Life based on Gospel values</i>	Đời sống dựa trên những giá trị Tin mừng	34, 91
- <i>Living the Gospel</i>	Sống Tin mừng	31, 69, 94, 139, 189, 229, 262, 307, 366, 536
- <i>Proclaiming the Gospel</i>	Công bố Tin mừng	1, 32, 138, 189, 403, 468, 527
- <i>Reading situations in the light of the Gospel</i>	Đọc những tình trạng trong ánh sáng Tin mừng	89, 257, 338-339
Graded/gradual approach	Lối tiếp cận dần dần / được tổ chức	
- <i>Graded programme of studies</i>	Chương trình được tổ chức của các môn học	41, 51, 160, 576, 579-580
- <i>Graded programme of formation experiences</i>	Chương trình được tổ chức của các kinh nghiệm đào luyện	199, 202, 325, 382, 397, 461, 474-475
- <i>Progressive nature of formation process</i>	Tính chất tiệm tiến của tiến trình đào luyện	18, 24, 62, 207, 235, 273, 308, 312, 315, 321, 325, 358, 574
Grace of unity	Ơn thống nhất / Ôn hiệp nhất	12, 29, 106, 357, 367
Guidance	Sự hướng dẫn	4, 62, 112, 262, 276, 409, 411, 432, 437, 458, 504, 508, 526, 540, 542
- <i>Community guidance</i>	Hướng dẫn cộng thể	258-259

- <i>Don Bosco our guide</i>	Don Bosco, người hướng đạo	4, 218
- <i>God's guidance</i>	Sự hướng dẫn của Thiên Chúa	1, 80, 101, 217, 432
- <i>Guidance in formation experiences</i>	Sự hướng dẫn trong những kinh nghiệm đào luyện	199, 204, 367, 442, 494
- <i>Guided formation experience</i>	Kinh nghiệm đào luyện được hướng dẫn	180, 184, 209, 214, 235, 237, 258, 264-266, 270, 299, 312, 315, 345, 444
- <i>Pastoral guidance</i>	Sự hướng dẫn mục vụ	198-199, 203, 367
- <i>Personal guidance</i>	Sự hướng dẫn cá nhân	258, 260, 263, 358
- <i>Role of the community</i>	Vai trò của cộng thể	219-220, 224, 276, 283, 313, 428, 436, 477
- <i>Role of the Confessor</i>	Vai trò của cha Giải tội	117, 263
- <i>Role of the Rector</i>	Vai trò của Giám đốc	162, 182, 231, 233, 261, 285, 291, 295, 369, 371, 417, 428, 439-440, 534
- <i>Role of those responsible for formation</i>	Vai trò của những người trách nhiệm việc đào luyện	284, 331
- <i>Spiritual guidance on the part of various formation guides</i>	Linh hướng về phía của những người hướng dẫn đào luyện khác nhau	97, 218, 232, 240, 262, 292, 334, 336, 339, 345, 361, 369, 396, 420, 432, 437, 501, 508

H

Health	Sức khỏe	59-60, 72, 333, 347, 354-355, 537
---------------	----------	-----------------------------------

Holidays	Những ngày nghỉ	290
Holiness	Sự thánh thiện	
- <i>Constitutions, project of holiness</i>	Hiến Luật, dự phóng sự thánh thiện	93, 504
- <i>Holiness in the work of education</i>	Sự thánh thiện trong công việc giáo dục	30, 35, 76, 86
- <i>Initial formation, time of holiness</i>	Đào luyện ban đầu, thời gian nên thánh	308
- <i>Prayer, means of sanctification</i>	Cầu nguyện, phương thế thánh hoá	100, 364
- <i>Vocation to consecrated life, path to holiness</i>	Ơn gọi tới đời thánh hiến, lối đường tới sự thánh thiện	1, 26, 28, 44, 77, 527
Holy Spirit	Thánh thần	
- <i>Action of the Spirit</i>	Hoạt động của Thần khí	1, 4-5, 26, 28, 43, 54, 80, 84, 87-88, 98, 102, 193, 262, 527
- <i>Docility to the Spirit</i>	Sự dễ dạy với Thần khí	98, 213-214, 217, 307, 339, 542
- <i>Don Bosco guided by the Spirit</i>	Don Bosco được Thần khí hướng dẫn	2, 37, 80, 307
- <i>Formation, work of the Spirit</i>	Đào luyện, công việc của Thần khí	1, 4, 209, 213, 360
- <i>Life in the Spirit</i>	Đời sống trong Thần khí	75-76, 80, 364, 451, 504
- <i>Openness to the Spirit</i>	Rộng mở trước Thần khí	81, 88, 257, 262, 268-269, 307, 522
Hope	Đức cậy /niềm hy vọng	75, 105

I

Identity	Căn tính	
- <i>Growth in Salesian identity and formation</i>	Sự tăng trưởng trong căn tính Salêdiêng và đào luyện	4-5, 25-53 (chapter 2), 41, 44, 131, 208-210, 319, 520, 542
- <i>Identity to be incarnated in everyday situations</i>	Căn tính phải được nhập thể trong những tình trạng hằng ngày	5, 17, 37, 42-43, 124, 208, 211, 246, 256, 308
- <i>Identifying with Don Bosco</i>	Đồng nhất hoá với Don Bosco	26, 41, 361
Inculturation	Sự hội nhập văn hoá	
- <i>Inculturation of formation 401,415, 566, 580</i>	Sự hội nhập văn hoá của đào luyện	7, 10, 13-14, 17, 19, 23, 43, 135-136, 211, 236, 244, 246, 316, 329,
- <i>Inculturation of the faith/Gospel</i>	Hội nhập đức tin/Tin mừng vào văn hoá	9, 139, 141, 467
Interdependence	Sự tương thuộc	
- <i>Between Salesians and laity</i>	Giữa các Salêdiêng và người đời	11, 36, 192, 244-245, 325, 432
- <i>Of the Salesian brother and the Salesian priest</i>	Của Salêdiêng sư huynh và Salêdiêng linh mục	38, 236, 322, 448, 450, 457, 462
- <i>Of those responsible for formation</i>	Của những người trách nhiệm về đào luyện	211, 234, 247, 264
Interior life	Đời sống nội tâm	62, 81, 400, 463, 536, 542
- <i>Apostolic interior life</i>	Đời sống nội tâm tông đồ	84, 99, 106
Interpersonal relations	Những tương giao liên vị	64, 67, 90, 191, 210, 213, 219, 227, 251, 255, 316, 336, 341, 430, 529

J

Jesus Christ	Đức Giêsu Kitô	
- <i>Communion with Jesus Christ</i>	Sự hiệp thông với Đức Giêsu Kitô	30, 40, 65, 81, 367, 413, 431-432, 463, 527, 533
- <i>Configuration with Christ</i>	Sự đồng hình đồng dạng với Đức Kitô	25, 28, 30, 41, 47, 79, 93, 115, 208, 309, 315, 360, 400, 463-465, 508
- <i>Good Shepherd</i>	Vị mục tử nhân lành	1, 28, 30, 39, 79, 88, 98, 360, 431, 451, 461, 465, 473
- <i>Knowing Jesus Christ (initiation to the Christian mystery)</i>	Biết Đức Giêsu Kitô (khai tâm vào mầu nhiệm Kitô giáo)	105, 139-140, 339, 342, 365, 383, 405
- <i>Life centred on Jesus Christ</i>	Đời sống được tập trung vào Đức Giêsu Kitô	27, 79, 87, 339, 360, 461, 522
- <i>Realization in Christ</i>	Sự hiện thực trong Đức Kitô	1, 44, 54, 360, 462
- <i>Sequela Christi</i>	Theo Đức Kitô	2, 29, 34, 42, 81, 90-97, 307, 316, 357, 360, 397
Joy	Niềm vui	
- <i>Joy in asceticism</i>	Niềm vui trong tu đức	32, 62, 96, 360
- <i>Joy of giving oneself</i>	Niềm vui của việc hiến mình	4, 64, 255, 367, 430, 465
- <i>Joy of meeting the Lord</i>	Niềm vui gặp gỡ Chúa	33, 98, 103, 121, 364
- <i>Joy of proclaiming Christ</i>	Niềm vui công bố Đức Kitô	81, 101, 197
- <i>Living one's vocation joyfully</i>	Sống ơn gọi mình cách vui tươi	1, 55, 210, 221, 269, 396, 453

K

Kindness	Sự hiền dụ	
- <i>Of St. Francis de Sales</i>	Của thánh Phanxicô Salê	2, 26
- <i>Style of kindness</i>	Phong thái sự hiền dụ	232, 370, 430, 435

L

Laity	Giáo dân, người đời	
- <i>Contribution of laypeople to the formation of the SDB</i>	Sự đóng góp của giáo dân vào việc đào luyện người Salêdiêng	164, 201, 221, 244-245, 417, 430, 435
- <i>Lay collaborators</i>	Những cộng sự viên người đời	11-12, 40, 83, 126, 199, 204, 220-221, 227, 325, 343, 367, 430, 457, 545, 547, 560
- <i>Promoting the formation of laypeople</i>	Cổ xúy việc đào luyện người đời	40, 76, 122, 138, 146, 232
Language	Ngôn ngữ	138, 156, 342, 353, 365, 487, 550, 564
- <i>Italian</i>	Tiếng Ý	156, 365
Leave of absence	Rời bỏ vắng diện	395
Leaving the Society	Rời bỏ Tu hội	305, 356, 394
Library	Thư viện	51, 172, 288, 543, 568
Liturgy	Phụng vụ	39, 105, 364
- <i>Liturgical animation</i>	Sự sinh động phụng vụ	416, 475
- <i>Liturgical formation</i>	Đào luyện về phụng vụ	114, 136, 222, 339, 453, 468, 472
- <i>Liturgical year</i>	Năm phụng vụ	100, 105

- <i>Liturgy of life</i>	Phụng vụ đời sống	81, 451, 461, 463
- <i>Liturgy of the Hours</i>	Phụng vụ các Giờ kinh	102, 105, 118, 364, 463-464, 475
- <i>Liturgical Year</i>	Năm phụng vụ	100, 105, 121
Local Council	Ban Cố vấn địa phương	90, 231, 233, 261, 270, 295, 297, 301-302, 355, 372, 384, 436, 439, 444, 544
Love	Tình yêu, Đức ái	
- <i>And chastity</i>	Và đức thanh khiết	63-64, 91, 96-97
- <i>For Christ</i>	Dành cho Đức Kitô	40, 88, 91, 93, 139, 367
- <i>For the Church</i>	Dành cho Giáo hội	28, 82
- <i>For the confreres</i>	Dành cho các hội viên	65, 90, 363
- <i>For Don Bosco</i>	Dành cho Don Bosco	222, 236, 347
- <i>For God and for the young</i>	Dành cho Thiên Chúa và giới trẻ	1, 34, 65, 81, 87, 91, 95, 185, 215, 463, 504, 527
- <i>For the Salesian mission</i>	Dành cho sứ mệnh Salêdiêng	95, 343, 347, 461
- <i>For study</i>	Cho học hỏi	127, 148
- <i>For youth</i>	Cho giới trẻ	27, 31, 70, 76, 94-97, 410, 504
- <i>Of one's vocation</i>	Cho ơn gọi mình	63, 213, 337

M

Magisterium of the Church	Huấn quyền Giáo hội	83, 139, 218, 246, 468, 487
- <i>Mary</i>	Đức maria	
- <i>Devotion to Mary</i>	Sùng kính Đức Maria	28, 85, 97, 104, 121, 339
- <i>Don Bosco and Mary</i>	Don Bosco và Đức Maria	2, 84, 104

- <i>Immaculate and Help of Christians</i>	Mẹ Vô nhiễm và Phù hộ các Giáo hữu	2, 28, 84, 97, 104
- <i>Model</i>	Khuôn mẫu	28, 84-85, 104
- <i>Support</i>	Sự nâng đỡ	2, 84-85, 476
Maturing	Việc chín muồi, làm trưởng thành	
- <i>Human maturing</i>	Việc chín muồi nhân bản	34, 57, 58, 309, 536
- <i>Intellectual maturing</i>	Việc chín muồi trí thức	124, 140, 148, 161, 165, 253, 478
- <i>Maturing a mentality of a consecrated person</i>	Việc chín muồi não trạng của một người được thánh hiến	319, 432, 462
- <i>Maturing as a person</i>	Việc chín muồi như một nhân vị	57, 237, 255, 287, 336, 399, 430, 504, 526
- <i>Maturing in affectivity</i>	Chín muồi trong cảm tính	63-65, 97, 112
- <i>Maturing in one's vocation</i>	Chín muồi trong ơn gọi	198, 429, 525
- <i>Spiritual maturing</i>	Chín muồi thiêng liêng	365, 389, 504
Medical checks	Kiểm tra y tế	60, 333, 352
Meditation	Nguyện ngắm	101, 120, 364, 431, 471, 506, 542-543
Methodology	Phương pháp luận	
- <i>Method of prayer</i>	Phương pháp cầu nguyện	120, 123, 400
- <i>Method of study</i>	Phương pháp nghiên cứu, học hành	130, 161, 165-166, 240, 342, 401
- <i>Methodology of formation</i>	Phương pháp luận đào luyện	4, 131, 198-199, 205-306 (chapter 4°), 467, 470, 506, 525, 546, 574, 577

- <i>Pastoral methodology</i>	Phương pháp luận mục vụ	43, 60, 125, 132, 136, 148, 199, 203, 433, 473, 543
- <i>Pedagogical methodology</i>	Phương pháp luận sư phạm	32, 35, 88, 141, 186
- <i>Teaching methodology</i>	Phương pháp luận giảng dạy	133, 165, 241, 579
Ministries	Những thừa tác vụ	460-461, 474-475, 491-492, 494, 498
- <i>Pastoral ministry</i>	Thừa tác vụ mục vụ	39, 136, 139, 242
- <i>Priestly ministry</i>	Thừa tác vụ linh mục	9, 39, 293, 459-460, 462-463, 465, 468, 470, 475, 478-479
Ministry of Acolyte	Tác vụ Giúp lễ	460-461, 474, 491-492
Ministry of Lector	Tác vụ đọc sách	460-461, 474, 491-492
Mission	Sứ mệnh	29, 87
- <i>Community experience</i>	Kinh nghiệm cộng thể	33, 35, 66, 88-90, 92-93, 253, 340
- <i>Determines formation</i>	Xác định đào luyện	131-133, 137-138, 144, 149, 185
- <i>Enthusiasm for the mission</i>	Nhiệm tâm đối với sứ mệnh	4, 70, 84, 361, 413, 476, 537
- <i>Formation through an experience of the mission</i>	Đào luyện qua kinh nghiệm về sứ mệnh	197, 522, 527, 542, 545
- <i>Salesian mission to the young</i>	Sứ mệnh Salêdiêng cho giới trẻ	88, 105, 185-187, 521
- <i>Spiritual experience</i>	Kinh nghiệm thiêng liêng	29, 76, 87-88, 208, 216, 527
Missions	Truyền giáo	84, 366
- <i>Missionary drive</i>	Động lực truyền giáo	9, 37, 83, 95, 366, 464, 537
- <i>Missionary work</i>	Công việc truyền giáo	2, 32, 136, 343, 411, 432
Motives/Motivations	Động cơ/ động lực	199, 209, 432, 536

- <i>Discernment of motivations</i>	Phân định các động cơ	198, 204, 253, 269, 275, 304, 334-335, 362, 371, 384, 504, 508, 518, 543
- <i>Motives for intellectual formation</i>	Những động cơ cho đào luyện tri thức	124-127, 132, 148
- <i>Vocational motives</i>	Những động cơ on gọi	75-76, 88, 105, 215, 413, 451, 524,
Music	Âm nhạc	416

N

Novice-master	Tập sư	see Director of novices / Vị hướng dẫn các tập sinh
Novitiate	Tập viện	297, 310-311, 323, 327, 342, 347, 357-395, 415

O

Obedience	Sự vâng phục	2, 34, 69, 80, 88, 90-93, 108, 240, 347, 360, 432
Old age	Tuổi già	537, 539, 556
Orders	Các chức thánh	301-303, 321, 327, 393, 461, 474-475, 483, 493
Ordination	Sự thụ phong	118, 308-309, 311, 320, 463, 475, 488, 490, 494-496, 536

P

Participation	Sự tham gia, sự tham dự	
- <i>In prayer</i>	Trong cầu nguyện	100, 105, 114, 118-119, 121, 400, 438, 463, 474, 554
- <i>In reflection on formation</i>	Trong suy tư về đào luyện	211, 287, 417, 575
- <i>In the common mission</i>	Trong sứ mệnh chung	89, 108, 397, 451
- <i>In the community</i>	Trong cộng thể	73, 90, 111, 218, 223, 240, 289, 363, 413
- <i>In the educative and pastoral community</i>	Trong cộng thể giáo dục và mục vụ	187, 197, 201, 411
- <i>Of students</i>	Của các sinh viên	166, 241
Pastor	Vị mục tử	30, 58, 128, 134, 138, 160, 178, 186, 188, 410, 446, 459, 467, 486
Pastoral work	Công việc mục vụ	
- <i>Animation</i>	Sự sinh động	126, 192, 291, 555
- <i>Formation</i>	Đào luyện	136, 142, 150, 165, 239, 252, 425, 458, 460, 475, 478, 485, 489, 494, 547, 556
- <i>Mentality</i>	Não trạng	125, 130, 150, 165, 193, 411, 433, 470, 478
- <i>Pastoral relations</i>	Những liên hệ mục vụ	66, 462
- <i>Pastoral sense</i>	Cảm thức mục vụ	253, 451
- <i>Pastoral slant of formation</i>	Hướng chiều mục vụ của đào luyện	7, 145, 195, 406, 469, 580
- <i>Pastoral work for vocations</i>	Công việc mục vụ cho ơn gọi	49, 329, 349
- <i>Pastoral zeal</i>	Nhiệt tình mục vụ	231, 464, 477

- <i>Salesian pastoral work</i>	Công cuộc mục vụ Salêdiêng	160, 180, 185, 187, 190, 196, 199-200, 202, 406, 434, 454, 457, 469, 472
- <i>Structured pastoral work</i>	Công việc mục vụ được cấu trúc	83, 192, 198, 473
Pedagogy	Khoa sư phạm	
- <i>Formation pedagogy</i>	Sư phạm đào luyện	7, 14, 209, 212-213, 237, 247, 258, 261, 306, 315, 321, 409, 413, 448, 452, 541
- <i>Pedagogical aim of ministries and of diaconate</i>	Mục đích sư phạm của các tác vụ và của chức phó tế	474-475, 491-492
- <i>Pedagogical character of studies</i>	Đặc tính sư phạm của các môn học	145, 569
- <i>Pedagogical competence</i>	Uy tín sư phạm	125, 128, 131, 137, 149, 239, 285, 396-397, 402, 404, 408, 414, 425, 480
- <i>Pedagogical mentality</i>	Não trạng sư phạm	130, 150, 165
- <i>Pedagogical methodology</i>	Phương pháp luận sư phạm	186
- <i>Pedagogical sciences</i>	Những khoa học sư phạm	141-142, 194, 262, 579
- <i>Pedagogical sensitivity</i>	Tính nhạy bén sư phạm	141, 264, 271
- <i>Pedagogical suitability of formation guides</i>	Tính thích hợp sư phạm của những người hướng dẫn đào luyện	164, 241, 489
- <i>Pedagogy of life</i>	Khoa sư phạm của đời sống	1, 105, 219-220, 253, 460, 505, 541, 552
- <i>Salesian pedagogy (study)</i>	Khoa sư phạm Salêdiêng (học hỏi)	50, 160, 180, 247, 406, 454

- <i>Spiritual pedagogy</i>	Khoa sư phạm thiêng liêng	86, 100, 103, 114, 119, 263-264
Perseverance in vocation	Sự bền đỗ trong ơn gọi	210, 274, 276, 306
Person	Người /nhân vị	
- <i>Forming mature persons</i>	Đào tạo những nhân vị trưởng thành	7, 57-58, 124, 224, 526
- <i>Giving unity to a person</i>	Cống hiến tính duy nhất cho nhân vị	8, 57, 64, 273, 312, 399
- <i>Making use of personal talents</i>	Lợi dụng những tài năng cá nhân	44, 54, 143, 239, 262
- <i>Paying attention to the person</i>	Chú ý đến nhân vị	7-8, 65, 81, 94, 211-212, 237, 259, 264, 266, 462, 526
- <i>Reaching the depths of a person</i>	Đạt tới chiều sâu của nhân vị	54, 97, 135, 186, 208-209, 237, 262, 271, 309, 316, 360, 504, 506
Personalization Of formation	Sự cá vị hoá (nhân vị hoá) của đào luyện	44, 112, 213, 219, 223, 258, 260-261, 263, 283, 312, 329, 358, 369, 413
Philosophy	Triết học	
- <i>Philosophy open to various cultures</i>	Triết học rộng mở trước những văn hoá khác nhau	136
- <i>Philosophy and relation with the sciences</i>	Triết học và mối liên hệ với những khoa học	178, 401, 404, 414, 423, 426
- <i>Formation during postnovitiate</i>	Đào luyện trong hậu tập viện	396-397, 402-403, 423, 425
- <i>Importance of philosophical studies</i>	Tầm quan trọng của các môn triết học	135, 137, 140, 403, 408-409, 487, 569, 579
Pluralism	Tính đa nguyên	
- <i>Cultural context marked by pluralism</i>	Bối cảnh văn hoá được ghi dấu bằng tính đa nguyên	7, 9, 133

- <i>Pluralism in carrying out formation</i>	Tính đa nguyên trong việc thực thi đào luyện	14, 19, 136
Poor	Nghèo khổ	
- <i>Poor youth</i>	Giới trẻ nghèo	2, 27, 76, 79, 94-95, 185, 187-188, 338, 347, 361, 366-367, 435, 457
- <i>The poor</i>	Người nghèo	94-95, 110-111, 151, 462
Postnovitiate	Hậu tập viện	136, 145, 159, 167, 178, 297, 310-311, 342, 353, 370, 396-427, 569, 580
Poverty	Sự nghèo khó	
- <i>As a way of life</i>	Như một lối sống	34, 90, 94-95, 107, 110
- <i>Situations of poverty</i>	Những tình trạng nghèo khổ	11, 71, 95, 141, 193, 338
Practical training	Tập vụ	184, 198, 297, 310-311, 323, 396, 415, 427-446, 470, 479-480, 507, 570
Practice	Thực hành	
- <i>Educative and pastoral practice</i>	Sự thực hành giáo dục và mục vụ	13, 148
- <i>Formation practice</i>	Sự thực hành đào luyện	6, 12, 141, 143, 222, 235, 261, 267, 574
- <i>Interaction between theory and practice</i>	Sự tương tác giữa lý thuyết và thực hành (= reflection on one's experience / suy tư trên kinh nghiệm của mình)	132, 150, 152, 198-199, 433, 445
Prayer	Cầu nguyện	
- <i>Animation of prayer</i>	Sự sinh động cầu nguyện	234, 416, 435
- <i>Apostolic prayer</i>	Cầu nguyện tông đồ	99-100

- <i>Attitude of prayer</i>	Thái độ cầu nguyện	99, 118, 197, 253, 477
- <i>Community prayer</i>	Cầu nguyện cộng thể	33, 100, 105, 220, 231, 240, 268, 339, 364, 368, 400, 431, 435, 438, 508, 543, 554
- <i>Encounter with the Lord</i>	Gặp gỡ Chúa	33, 98, 100, 463, 506, 508
- <i>Forms of prayer</i>	Những hình thức cầu nguyện	100, 123, 361, 364, 400
- <i>Liturgical prayer</i>	Cầu nguyện phụng vụ	39, 105, 118, 364, 464
- <i>Personal prayer</i>	Cầu nguyện cá nhân	88, 105, 119-120, 339, 364, 400, 431, 464, 477, 542
- <i>Prayer for and with the young</i>	Cầu nguyện cho và với người trẻ	100, 123, 364, 366, 435
- <i>Prayer joined to life</i>	Cầu nguyện được nối kết với đời sống	70, 98, 100, 268, 364, 366, 368, 413
- <i>Salesian prayer</i>	Cầu nguyện Salêdiêng	100, 105, 123, 364, 477
- <i>Shared prayer</i>	Chia sẻ cầu nguyện	90, 100, 122
Prenovitate	Tiền tập viện	265, 297, 311, 327, 328-356, 370, 503, 569, 580
Preparation for perpetual profession	Chuẩn bị tuyên khấn trọn đời	311, 436, 461, 482, 501-519, 570, 576
Preventive System	Hệ thống Dự phòng	
- <i>Formation to the Preventive System</i>	Đào luyện cho Hệ thống Dự phòng	126, 185-186, 196, 397, 406
- <i>Inspiration for action</i>	Sự khởi hứng cho hoạt động	4, 97, 185, 219, 236, 275, 367, 369, 428-430
- <i>Spiritual, pedagogical, pastoral experience</i>	Kinh nghiệm thiêng liêng, sư phạm, mục vụ	11, 32, 80, 186, 252, 258, 343, 545

- <i>Translation in Salesian Youth Pastoral Ministry</i>	Sự chuyển dịch trong Tác vụ Mục vụ Giới trẻ Salêdiêng	187, 196
Priest/Priesthood	Linh mục/đời linh mục	See <i>Salesian priest / Salêdiêng linh mục</i>
Priesthood/Priest	Đời linh mục/linh mục	See <i>salesian priest / salêdiêng linh mục</i>
Process	Tiến trình	See <i>Formation process / Tiến trình đào luyện</i>
Professionalism	Tính chuyên nghiệp	40, 76, 125, 128, 143, 410, 450
Professors	Các giáo sư	145-148, 161-164, 166, 168, 170, 172-173, 240-241, 414, 417
Project/ Plan	Dự phóng/ Kế hoạch	
Apostolic project of Don Bosco	Dự phóng tông đồ của Don Bosco	1, 4, 5, 26, 29, 185, 329, 504
Community project	Dự phóng cộng thể	90, 93, 222-223, 233, 259, 287, 340, 399, 432, 436, 522, 524, 529, 543, 577
Educative and pastoral plan	Kế hoạch giáo dục và mục vụ	107-108, 148, 187, 192, 201-202, 204, 221-222, 245, 411, 473, 544
Formation plan	Kế hoạch đào luyện	210-213, 291, 317
Outlook geared to overall planning	Tầm nhìn hướng tới việc hoạch định toàn diện	192, 199, 211, 325, 430, 574
Personal plan	Kế hoạch cá nhân	69, 209, 213, 216, 220, 277, 312, 438, 504
Project of apostolic consecration	Dự phóng của sự thánh hiến tông đồ	27, 29, 38, 44, 504, 520, 527
Provincial	Giám tỉnh	
- <i>Animation of formation</i>	Sự sinh động đào luyện	17, 21-23, 246

- <i>Initial formation</i>	Đào luyện ban đầu	170, 172, 182, 224, 246, 270, 290, 298, 304-305
- <i>Novitiate</i>	Tập viện	372, 375-380, 385, 389, 390
- <i>Ongoing formation</i>	Đào luyện liên tục	547-548, 558-559
- <i>Postnovitiate</i>	Hậu tập viện	424
- <i>Practical training</i>	Tập vụ	439, 443, 444
- <i>Prenovitiate</i>	Tiền tập viện	345, 347-348, 351, 355
- <i>Preparation for perpetual profession</i>	Sự chuẩn bị cho tuyên khấn trọn đời	504, 510-511, 515
- <i>Readmission</i>	Sự tiếp nhận lại	394
- <i>Specific formation</i>	Đào luyện chuyên biệt	481-482, 495, 497, 500
Provincial Commission for formation	Ủy ban Đào luyện Tỉnh	17-18, 22-23, 202, 239, 246-247, 281, 424, 547-549, 559, 567, 571, 575, 578
Provincial Council	Ban Cố vấn Tỉnh	17, 21-22, 246, 270, 297, 301, 303, 355, 372, 394, 424, 547-548, 558-559, 567, 573, 575, 578
Provincial Delegate for formation	Ủy viên Đào luyện Tỉnh	17-18, 21-22, 239, 246- 247, 547-549, 567, 575, 578
Provincial Directory – formation section	Nội Quy Tỉnh – phần đào luyện	18, 20, 23, 24, 228, 247, 546, 566-571 (Appendix 1 / phụ chương 1), 573, 575, 577
Provincial Formation Plan	Kế hoạch Đào luyện Tỉnh	18, 20, 24, 51, 157-158, 160, 199, 202, 213, 220, 226, 233, 235, 246-247, 300, 313, 325, 329, 353, 424, 452,

		545-546, 556, 559-560, 566-568, 572-578 (Appendix 2 / Phụ chương 2)
Psychology	Tâm lý học	141, 299, 312, 352, 404, 526, 569

Q

Qualification	Nâng cao trình độ/ phẩm chất/ Phẩm chất hoá	
- <i>Of formation guides</i>	Của những người hướng dẫn đào luyện	146, 162, 170, 174, 239, 241, 246, 286, 416, 542, 550, 576
- <i>Basic</i>	Cơ bản	130, 139, 143
- <i>Educative and pastoral</i>	Giáo dục và mục vụ	131, 138-139, 143, 152, 193, 252, 427, 523, 556
- <i>Professional</i>	Chuyên môn	456
- <i>Provincial Plan for the preparation of confreres</i>	Kế hoạch Tỉnh đề chuẩn bị hội viên	144, 154, 158, 181, 246-247, 285, 547, 568, 576, 579
Quinquennium	Thời kỳ ngũ niên	248, 556, 568

R

Ratio		13-24, 51, 146, 153, 155, 170, 235, 247, 260, 566-569, 572, 574-575, 577, 579
--------------	--	--

Readmission	Sự tiếp nhận lại	394
Recollection	Sự thủ tâm	119, 400, 490, 543, 553
Reconciliation	Sự Giao hoà (sacrament / bí tích)	39, 97, 103, 117, 263, 293, 339, 364, 431, 438, 463, 472, 475
Rector	Giám đốc	
- <i>Community spiritual direction</i>	Sự linh hướng cộng thể	231, 233, 259, 291, 440, 534, 544, 555
- <i>Guides intellectual formation</i>	Hướng dẫn đào luyện tri thức	162
- <i>Personal guide</i>	Hướng dẫn cá nhân	182, 232-233, 260- 261, 417, 428, 438, 540, 555
- <i>Personal spiritual direction</i>	Linh hướng cá nhân	232-233, 260, 262, 284, 291-292, 417, 420, 438
- <i>Relationship of the confrere with his Rector</i>	Mối liên hệ của hội viên với Giám đốc	90, 216, 233, 265, 292, 438
- <i>Responsibility for each one's process of formation</i>	Trách nhiệm đối với tiến trình đào luyện của một người	233, 261, 275, 292, 304, 417, 578
- <i>Responsibility within the EPC</i>	Trách nhiệm trong CĐGDMV	232, 544, 555
- <i>Role in discernment, assessments and admissions</i>	Vai trò trong sự phân định, lượng giá và tiếp nhận	233, 261, 270, 293, 301-302, 355, 372
- <i>Roles and responsibilities</i>	Những vai trò và trách nhiệm	231-233
- <i>The Rector and the sacrament of Reconciliation</i>	Giám đốc và bí tích Giao Hoà	293
Rector Major	Bề trên cả	
- <i>Approval of Rector Major</i>	Sự phê chuẩn của Bề Trên Cả	20, 23, 174, 176-178, 282, 373, 376, 377, 566

- <i>Intellectual formation governed by the Rector Major</i>	Đào luyện tri thức được Bề Trên Cả cai quản	153-154
- <i>Rector Major, father and centre of unity</i>	Bề Trên Cả, người cha và trung tâm hiệp nhất	13, 249
- <i>Special requests to the Rector Major</i>	Những yêu cầu đặc biệt tới Bề Trên Cả	394, 481, 495, 500
Reflection	Sự suy tư	132, 253
- <i>Ability to reflect</i>	Khả năng suy tư	124, 129, 134, 140, 165, 401, 523, 538
- <i>Personal reflection</i>	Suy tư cá nhân	62, 152, 161, 194, 199, 334, 400, 451, 477, 542
- <i>Reflection and work</i>	Suy tư và làm việc	253, 367, 452, 528
- <i>Reflection on formation</i>	Suy tư về đào luyện	18, 22, 24, 146, 211, 226, 228, 239, 247-248, 567
- <i>Sharing one's reflections</i>	Chia sẻ những suy tư của mình	152, 410, 413, 439, 445, 477, 534
Regional Councillor	Vị Cố vấn Vùng	250, 286, 551, 561-562
Religious profession	Tuyên khấn tu trì	27, 35, 529
- <i>Perpetual profession</i>	Tuyên khấn trọn đời	274, 308-309, 318, 389, 391, 429, 501-504, 506, 510-511, 516-517, 570
- <i>Temporary profession</i>	Tuyên khấn tạm	311, 357, 360, 372, 388-392, 396, 398, 501-502, 510, 516, 569
Renewal	Sự canh tân	5, 9-11, 56, 110, 119, 217, 229, 239, 268, 277, 309, 400, 521-524, 527, 530, 533, 536, 542-543, 546-549, 552, 556-557
- <i>Renewal of profession</i>	Sự canh tân việc tuyên khấn	327, 392, 516

Renunciation	Sự từ bỏ	65, 88, 94-95, 97, 209, 215, 223, 238
Responsibility	Trách nhiệm	
- <i>Communitarian</i>	Cộng đoàn	26, 44, 208, 218, 227, 268, 270, 276, 447
- <i>For the charism</i>	Về đoàn sủng	3, 18, 37, 272
- <i>Of provincial animators</i>	Của những người sinh động Tỉnh	18, 50, 206, 264, 270, 286
- <i>Of the Province</i>	Của Tỉnh dòng	18, 227, 228, 236, 246, 270, 314, 368
- <i>Of the Rector</i>	Của Giám đốc	302, 370, 382, 438, 440, 490, 534, 555
- <i>Of those responsible for formation</i>	Của những người trách nhiệm về đào luyện	235, 245, 259, 284
- <i>Personal responsibility for one's formation</i>	Trách nhiệm cá nhân đối với đào luyện của mình	69, 191, 211, 215-218, 266, 277, 399, 523
- <i>Sense of responsibility</i>	Cảm thức về trách nhiệm	17, 33, 35, 64, 68-69, 92, 95, 111, 182, 198, 213, 321, 337, 462, 467
Retraining	Huấn luyện lại	152, 154, 163, 246, 285, 528, 530, 542
Rite of profession	Nghi thức tuyên khấn	506, 516
Rites	Những nghi thức	326

S

Salesian assistance	Sự hỗ trợ Salêdiêng	198, 343, 406, 411, 428, 430, 434
Salesian Congregation	Tu hội Salêdiêng	5-7, 11, 17, 141-142, 229
Salesian brother	Salêdiêng sư huynh	

- <i>Formation</i>	Đào luyện	see <i>Formation</i> / <i>đào luyện</i>
- <i>Part of the formation team</i>	Phần của đội ngũ đào luyện	234, 284, 378, 416
- <i>Vocation</i>	Ơn gọi	38, 40, 310, 323, 393, 395, 481
Salesian deacon	Salêdiêng phó tế	
- <i>Formation</i>	Đào luyện	see <i>Formation</i> / <i>đào luyện</i>
- <i>Vocation</i>	Ơn gọi	38-39, 118, 500
Salesian Family	Gia đình Salêdiêng	
- <i>Animation</i>	Sự sinh động	39, 52, 76, 100, 469
- <i>Belonging</i>	Việc thuộc về	35, 52, 325, 435
- <i>Collaboration in the area of formation</i>	Sự cộng tác trong lãnh vực đào luyện	45, 146, 246-247, 471, 542-544, 547, 553, 563
- <i>Interdependence and reciprocity of vocations</i>	Sự tương thuộc và tính hỗ tương của các ơn gọi	11, 362, 417
- <i>Sharing of spirit and mission</i>	Chia sẻ tinh thần và sứ mệnh	11, 13, 190, 204, 220, 343, 435, 457, 545, 555
Salesian Movement	Phong trào Salêdiêng	2, 12, 35-36, 39, 190, 198, 325, 365
Salesian priest	Salêdiêng linh mục	
- <i>Formation</i>	Đào luyện	see <i>Formation</i> / <i>đào luyện</i>
- <i>Vocation</i>	Ơn gọi	38-40, 118, 323, 386, 457
Salesian Pontifical University	Đại học Giáo hoàng Salêdiêng	51, 147, 155, 177, 183
Salesian spirit	Tinh thần Salêdiêng	186, 537
- <i>Assimilation</i>	Sự sinh động	208, 219, 355, 357, 363
- <i>Characteristics</i>	Những đặc tính	96, 152, 435, 460

- <i>Communion of spirit</i>	Sự hiệp thông tinh thần	2, 35-36, 45, 190, 204, 221, 223, 229, 325, 524, 545, 560
- <i>Deeper study</i>	Sự học hỏi sâu xa hơn	41, 50, 247, 396, 451
- <i>Living the spirit</i>	Sống tinh thần đó	126, 459, 506
Salesianit	Tính Salêdiêng	41, 51, 137, 142, 146, 406, 454, 466, 485, 547, 550, 564, 568, 570, 576
Sciences	Các khoa học	
- <i>Philosophical sciences</i>	Các khoa triết học	397, 403
- <i>Philosophical sciences and the sciences of man</i>	Các khoa triết học và khoa học về con người	178, 401, 414, 423, 426, 580
- <i>Psycho-pedagogical science</i>	Các khoa học tâm lý-sư phạm	262, 299
- <i>Sciences of man</i>	Các khoa học về con người	136, 141, 237, 397, 404, 414, 579
- <i>Theological sciences</i>	Các khoa thần học	139, 466, 484, 579
- <i>Theological sciences and the sciences of man</i>	Các khoa thần học và khoa học về con người	140
Scrutinies	Những thẩm định	261, 270, 296, 436, 444, 567
Secret	Sự bí mật	264, 355
Self-knowledge	Hiểu biết chính mình	62, 216, 237, 266, 270, 334, 359, 367
Sequela Christi	Theo đức kitô	see <i>Jesus Christ</i> / <i>Đức Giêsu Kitô</i>
Setting/Environment	Khung cảnh / môi trường	
- <i>Animating a setting</i>	Sinh động hoá một khung cảnh	186, 189, 191, 435, 529
- <i>Community setting</i>	Khung cảnh cộng thể	62, 90, 129, 148, 219-220, 224-227, 231, 236,

		246, 259, 279, 458, 534, 543
- <i>Formation setting</i>	Khung cảnh đào luyện	197, 207, 214, 336, 364, 368, 412-413, 477
Sexuality	Tính dục	7-8, 63-65, 96-97, 112, 335
Shared responsibility	Chia sẻ trách nhiệm	12, 36, 67, 90, 187, 190-191, 197-198, 336, 442, 533, 529
- <i>Shared responsibility in formation</i>	Chia sẻ trách nhiệm trong đào luyện	24, 186, 207, 214, 222, 224, 230, 234, 269, 287, 294, 302, 370, 413, 415, 436, 477, 501, 577
- <i>Shared responsibility in the community</i>	Chia sẻ trách nhiệm trong cộng thể	73, 89, 90, 93, 197, 226, 253, 411, 430, 543-544, 555
Sharing	Chia sẻ	
- <i>Sharing the Salesian vocation with others</i>	Chia sẻ ơn gọi Salêdiêng với những người khác	35, 100, 122, 192, 221, 529, 543
- <i>Spiritual sharing in community</i>	Chia sẻ thiêng liêng trong cộng thể	33, 65, 70, 90, 105, 107, 148, 211, 261, 270, 339, 360, 439, 466, 477, 527, 542, 552
Sickness	Sự ốm đau	537, 539-540
Situations	Những tình trạng	
Discerning approach	Lối tiếp cận phân định	6, 12, 37, 124, 135, 140, 188, 413, 417, 475, 528, 542, 574
- <i>Don Bosco, a man attuned to situations</i>	Don Bosco, một người hoà hợp với các tình trạng	37, 70
- <i>Openness</i>	Sự rộng mở	37, 70-71, 124, 187, 257, 268, 271, 307, 338, 374, 415, 526

- <i>Youth situation</i>	Tình trạng giới trẻ	37, 71, 88, 141, 199, 289, 367, 397, 433
Social teaching of the Church	Lời dạy của Giáo hội về xã hội	95, 141, 408, 453, 468
Society	Xã hội	7-8, 31, 94, 124-125, 141, 229, 251, 338, 397, 404, 409, 563
Specialization	Sự chuyên môn hoá	130, 143-144, 158, 196, 247, 285, 568, 576, 579
Spiritual direction	Linh hướng	
- <i>Choosing a spiritual director</i>	Chọn một vị linh hướng	265, 292
- <i>Nature of spiritual direction</i>	Bản chất của linh hướng	232, 262
- <i>Practice of spiritual direction during the phases of formation</i>	Sự thực hành linh hướng trong những giai đoạn đào luyện	105, 260, 267, 270, 345, 400, 410, 416-417, 432, 438, 475, 477, 506, 555
- <i>Qualities required to be a spiritual director</i>	Những phẩm tính được đòi hỏi để là một vị linh hướng	262
- <i>Spiritual direction and the sacrament of Reconciliation</i>	Linh hướng và bí tích Giao Hoà	263
- <i>Spiritual direction and vocation discernment</i>	Linh hướng và phân định ơn gọi	270, 386, 517
Spiritual retreat	Tĩnh tâm thiêng liêng (cắm phòng)	119, 381, 400, 490, 513, 527, 547, 549
Spirituality	Linh đạo	
- <i>Apostolic spirituality</i>	Linh đạo tông đồ	26, 76-77, 86, 128, 197, 431
- <i>Don Bosco, founder of a school of spirituality</i>	Don Bosco, người sáng lập một trường phái linh đạo	35, 77
- <i>Inculturation of spirituality</i>	Sự hội nhập văn hoá của linh đạo	136

- <i>Mary, model of spirituality</i>	Đức Maria, khuôn mẫu của linh đạo	28, 84
- <i>Other spiritualities</i>	Những linh đạo khác	53
- <i>Present-day need of spirituality</i>	Nhu cầu ngày nay về linh đạo	7-8, 76
- <i>Salesian Youth Spirituality</i>	Linh đạo Giới trẻ Salêdiêng	186, 196, 339, 457
- <i>Shared spirituality</i>	Chia sẻ linh đạo	35, 76, 107, 529
- <i>Sources of spirituality</i>	Những nguồn của linh đạo	89, 91, 101, 114, 117, 139
- <i>Study of Salesian spirituality</i>	Học hỏi linh đạo Salêdiêng	50, 53, 142, 180, 247, 285, 454, 469
Sport	Thể thao	60
Structured approach	lối tiếp cận được cơ cấu	
- <i>Formation plan</i>	Kế hoạch đào luyện	18, 207, 210-211, 226, 247, 468, 547, 573
- <i>Formation process</i>	Tiến trình đào luyện	22, 235, 247-248, 398, 458, 567, 574
- <i>Of the Ratio</i>	Của <i>Ratio</i>	14, 20, 566
- <i>To intellectual formation</i>	Đào luyện tri thức	126, 133, 579-580
- <i>To pastoral work</i>	Công việc mục vụ	192, 198-199
Studentate	Học viện	145, 167-168, 172-173, 414
Students	Sinh viên	145-146, 155, 160, 163, 165, 167-170, 172-173, 180, 240
Studies	Các môn học	See <i>formation / đào luyện (intellectual / tri thức)</i>
- <i>Studies leading to degrees</i>	Những môn học dẫn tới các bằng cấp	181-182, 383, 407, 427, 580
Study centre	Trung tâm học vụ	145-147, 167-180, 225, 414, 426, 478, 486

- <i>Choosing a centre according to formation criteria</i>	Chọn một trung tâm theo những tiêu chuẩn đào luyện	131, 145-146, 178, 184, 225, 426, 478, 486, 570
- <i>Non-Salesian centre</i>	Trung tâm không thuộc Salêdiêng	145, 160, 178, 180, 414, 426, 486, 569
- <i>Relation between centre and formation community</i>	Mối liên hệ giữa trung tâm và cộng thể đào luyện	145, 160, 172, 414
- <i>Salesian centre</i>	Trung tâm Salêdiêng	145-147, 160, 164, 168-171, 177, 414, 426, 478, 486, 568

T

Teaching / việc dạy học

- <i>Methodology of teaching</i>	Phương pháp luận của dạy học	133, 165, 242
- <i>Preparation for teaching</i>	Sự chuẩn bị để dạy học	164, 241, 416

Team / đội ngũ

- <i>Formation team</i>	Đội ngũ đào luyện	233-235, 246, 284, 416, 528, 569
- <i>Inter-provincial teams</i>	Những đội ngũ liên tỉnh	248, 561
- <i>Provincial teams</i>	Những đội ngũ của Tỉnh dòng	247, 546-547
- <i>Salesian brother, part of the formation team</i>	Salêdiêng sư huynh, phần của đội ngũ đào luyện	284, 416
- <i>Solid formation team</i>	Đội ngũ đào luyện vững chắc	170, 222, 224, 230, 280, 378, 568, 578

- <i>Team-work in youth pastoral ministry</i>	Làm việc nhóm trong tác vụ mục vụ giới trẻ	192, 198, 411, 435, 457, 473
Theology	Thần học	
- <i>Centres of theological studies</i>	Các trung tâm của các môn thần học	145, 155, 167, 175, 486
- <i>Initiation to theology in the postnovitiate</i>	Khai tâm vào thần học trong hậu tập viện	402, 405
- <i>Theological studies</i>	Những môn thần học	135-137, 139-140, 149, 183, 403, 460, 468, 485, 579-580
- <i>Theology for Salesian brothers</i>	Thần học cho các Salêdiêng sư huynh	447-448, 452-453, 458, 480
- <i>Theology of consecrated life</i>	Thần học về đời sống thánh hiến	139, 365, 383, 453
Theory and practice	Lý thuyết và thực hành	132, 198, 199

U

Updating	Việc cập nhật	
- <i>And ongoing formation</i>	Và đào luyện liên tục	146, 152, 522, 524, 529, 533, 542-544, 547, 549-550, 552, 554
- <i>For the various roles</i>	Đối với những vai trò khác nhau	144, 163, 241, 262, 264, 285, 489
- <i>Intellectual formation</i>	Đào luyện tri thức	105, 124, 134, 139, 148, 452, 528
- <i>Necessity</i>	Sự cần thiết	194, 239, 252, 521
- <i>Salesianity</i>	Sự thánh thiện	51, 142, 247, 543, 564, 568
UPS	Xem	<i>Salesian Pontifical University</i>

V

Values	Những giá trị	
- <i>Community, environment rich in values</i>	Cộng thể, môi trường phong phú các giá trị	4, 148, 231, 246, 336, 344, 368, 412
- <i>Examining one's own values</i>	Xem xét những giá trị của mình	69, 223, 266, 540
- <i>Formation, assimilation of values</i>	Đào luyện, sự hấp thụ các giá trị	43-45, 199, 208-209, 251, 278, 316, 357, 371, 400, 474, 508
- <i>Inculturation of values</i>	Sự hội nhập các giá trị vào văn hoá	58, 136, 211, 257
- <i>Salesian values</i>	Các giá trị Salêdiêng	142, 216, 261, 266, 269, 398, 428-429, 436, 504
- <i>Value of each person</i>	Giá trị của từng nhân vị	7-8, 94
- <i>Values of consecrated life</i>	Những giá trị của đời thánh hiến	34, 40, 91, 244, 319, 335, 435, 457
- <i>Values of the lay aspect</i>	Những giá trị của khía cạnh trần thế	40, 325
Virtues (human)	Các nhân đức (nhân bản)	58, 67, 450
Vocation	Ơn gọi	25, 29, 33, 54, 89, 307
- <i>Dynamic reality</i>	Thực tại năng động	1, 5-6, 37, 42-43, 70, 95, 135, 141, 307, 366, 552
- <i>Element that determines formation</i>	Yếu tố quyết định đào luyện	41, 43, 46, 130-131, 137, 143, 148, 469
- <i>Gift of God</i>	Tặng phẩm của Thiên Chúa	1, 81, 271, 481
- <i>Realization of baptismal vocation</i>	Sự hiện thực ơn gọi phép thánh tẩy	1, 27, 521

Vocational suitability	Sự thích hợp ơn gọi	54-55, 237, 269, 273, 299, 320-321, 328, 330-331, 342, 348, 355, 357, 387, 429, 504
-------------------------------	---------------------	---

W

Will of God	Ý Chúa	79, 81, 93, 101, 236, 262, 266, 268-269, 313, 318, 371, 384, 432, 501, 539
Witness	Chứng nhân/ chứng tá	9, 77, 252, 526
- <i>Community witness</i>	Chứng tá cộng thể	45, 95, 110, 223, 227, 229
- <i>Witness of Salesian consecrated life</i>	Chứng tá về đời thánh hiến Salêdiêng	34, 76, 79, 113, 127, 197, 236, 521
Woman	Phụ nữ	7, 65, 244, 335, 432, 462
Word of God	Lời chúa	
- <i>Discernment in the light of the Word</i>	Sự phân định trong ánh sáng Lời Chúa	124, 268
- <i>Letting oneself be evangelized by the Word</i>	Để mình được Phúc âm hoá bởi Lời Chúa	81, 90, 100-101, 116, 339, 364-365, 463
- <i>Ministry of the Word</i>	Tác vụ của Lời	39, 461, 471, 474, 492
- <i>Proclaiming the Word</i>	Việc công bố Lời	125, 471, 474-475
Work	Công việc / lao động	
- <i>Asceticism inherent in work</i>	Khoa tu đức cố hữu trong công việc	88, 400
- <i>Intellectual work</i>	Lao động tri thức	129, 148, 165-166, 240, 400-401
- <i>Love and readiness for work</i>	Tình yêu và sự sẵn sàng lao động	28, 59, 60, 95, 337, 355, 359, 437
- <i>Manual work</i>	Lao động tay chân	60, 111, 400
- <i>Sensitivity to the world of work</i>	Tính nhạy cảm đối với thế giới lao động	40, 141, 450, 455, 457

- <i>Work and prayer</i>	Làm việc và cầu nguyện	29, 75, 87-88, 98, 105-106, 198, 246, 431, 451, 465, 527
- <i>Work and temperance</i>	Làm việc và tiết độ	28, 106, 430
- <i>Working together</i>	Cùng làm việc	33, 66, 88-89, 108, 190, 192, 198, 201, 223, 235, 239, 251, 253, 273, 336, 370, 411, 435, 457, 473, 529, 543
- <i>Working with competence</i>	Làm việc với uy tín	59-60, 108, 129, 143, 199, 222, 447, 480, 542, 577

World

	Thế giới	
- <i>Signs of God in the world</i>	Những dấu chỉ của Thiên Chúa trong thế giới	257
- <i>Solidarity with the world</i>	Tình liên đới với thế giới	9, 71, 111
- <i>World in need of prophetic witness</i>	Thế giới cần chứng tá ngôn sứ	9, 76, 83, 89, 366
- <i>World in transformation</i>	Thế giới đang biến đổi	7, 42, 100, 521
- <i>World of the young</i>	Thế giới giới trẻ	11, 70, 193-194, 242, 252, 367, 401, 410, 433, 530

Y

Youth

	Giới trẻ	
- <i>Place of encounter with God</i>	Nơi chốn gặp gỡ Thiên Chúa	29-30, 78, 80, 86-87, 89, 98, 186, 193, 257, 431, 527

- <i>Salesian presence among the young</i>	Sự hiện diện của Salêđiêng giữa giới trẻ	32, 43, 65-66, 70, 85, 186, 188, 252, 347, 364, 432, 435, 522
- <i>Youth condition</i>	Điều kiện giới trẻ	8, 37, 42, 70-71, 88, 125-126, 132, 148, 188, 193, 198, 221, 229, 242, 289, 307, 309, 338, 366-367, 397, 401, 410, 433, 529, 552
- <i>Youth leadership</i>	Tư cách lãnh đạo của giới trẻ	32, 186, 529

MỤC LỤC

PHẦN MỘT: ĐÀO LUYỆN SALÊDIÊNG NÓI CHUNG	15
CHƯƠNG I: ĐÀO LUYỆN SALÊDIÊNG TRONG NHỮNG HOÀN CẢNH HIỆN NAY. <i>RATIO</i>	17
1.1 Ôn gọi và đào luyện: một tặng phẩm được hân hoan tiếp nhận và nuôi dưỡng.....	17
1.2 Nhìn vào Don Bosco, Đấng Sáng Lập và giáo dục, và nhìn vào thực tại của tu hội.....	18
1.3 Những điểm quy chiếu cho việc đào luyện hiện nay	21
1.3.1 Hiểu biết bối cảnh: những ảnh hưởng và thách đố chủ chốt.....	21
1.3.2 Kinh nghiệm và những hướng dẫn của Giáo hội.....	25
1.3.3 Kinh nghiệm và những hướng dẫn của Tu hội	27
1.4 <i>Ratio</i> : Mục đích, nội dung và những người mà tài liệu này nói đến.....	29
1.4.1 Mục đích của <i>Ratio</i>	29
1.4.2 Cấu trúc và nội dung của <i>Ratio</i>	30
1.4.3 Những người mà <i>Ratio</i> hướng đến.....	31
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	32
CHƯƠNG 2: KHỞI ĐIỂM VÀ MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC ĐÀO LUYỆN CỦA CHÚNG TA: CĂN TÍNH SALÊDIÊNG CỦA CHÚNG TA....	35
2.1 Căn tính chúng ta là những người Salêdiêng.....	35
2.1.1 Một dự phóng của đời sống thánh hiến tông đồ.....	36

2.1.1.1 Được sinh động do đức ái mục tử để nên nhà giáo dục và mục tử của giới trẻ	39
2.1.1.2 Những phần tử hữu trách của một cộng thể	41
2.1.1.3 Chứng nhân cho sự triệt để của Tin mừng	41
2.1.1.4 Người sinh động sự hiệp thông trong tinh thần và sứ mệnh của Don Bosco	42
2.1.1.5 Một thành phần của Giáo hội, mở rộng ra cho dòng các biến cố và tiếp chạm với thực tại	44
2.1.2 Những hình thức khác nhau của căn tính Salêdiêng.	44
2.1.2.1 Người Salêdiêng Linh mục.....	45
2.1.2.2 Người Salêdiêng Sư huynh	46
2.2 Đào luyện để phục vụ căn tính Salêdiêng	47
2.2.1 Căn tính Salêdiêng xác định việc đào luyện của chúng ta	47
2.2.2 Đào luyện cố xúy căn tính chúng ta trên một nền tảng vững bền.....	48
2.2.3 Đào luyện nối kết căn tính chúng ta với bối cảnh văn hóa	48
2.2.4 Đào luyện nuôi dưỡng sự tăng trưởng trong căn tính của chúng ta theo những tài năng cá nhân	49
2.2.5 ĐÀO LUYỆN GIÚP CHÚNG TA SỐNG CĂN TÍNH CỦA MÌNH TRONG SỰ HIỆP THÔNG CỦA CÁC ƠN GỌI	50
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	50

CHƯƠNG 3: NHỮNG KHÍA CẠNH CỦA ĐÀO LUYỆN VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ NHỮNG THÁI ĐỘ PHẢI ĐẢM NHẬN	55
3.1 Đào luyện nhân bản	57
3.1.1 Sức khỏe và khả năng làm việc.....	58
3.1.2 Sự quân bình tâm lý.....	60
3.1.3 Trưởng thành tình cảm và phái tính	61
3.1.4 Khả năng giao tiếp	64
3.1.5 Tự do có trách nhiệm.....	65
3.1.6 Rộng mở trước thực tại	66
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	68
3.2 Đào luyện thiêng liêng.....	69
3.2.1 Dành chỗ số một cho Thiên Chúa và chương trình cứu độ của Ngài	71
3.2.2 Cảm thức về giáo hội.....	74
3.2.3 Sự hiện diện của Đức Maria Vô Nhiễm, phù hộ các giáo hữu	75
3.2.4 Giới trẻ, chốn gặp gỡ [điểm hẹn với] Thiên Chúa.....	76
3.2.5 Kinh nghiệm Thiên Chúa trong đời sống cộng thể....	79
3.2.6 Theo Chúa Kitô vâng phục, nghèo khó và thanh khiết.....	81
3.2.6.1 Theo Chúa Kitô vâng phục.....	81
3.2.6.2 Theo Chúa Kitô nghèo khó.....	83
3.2.6.3 Theo Chúa Kitô thanh khiết.....	85
3.2.7 Trong đối thoại với Thiên Chúa.....	86

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	92
3.3 Đào luyện tri thức.....	97
3.3.1 Những lý lẽ cho tầm quan trọng của nó.....	97
3.2.2 Bản chất của đào luyện tri thức.....	99
3.3.3 Những lựa chọn nền tảng điều khiển việc đào luyện tri thức Salêdiêng	101
3.3.3.1 Sắc thái Salêdiêng	101
3.3.3.2 Tính tương tác giữa lý thuyết và thực hành và sự hài hòa với bối cảnh lịch sử ưu thắng.....	101
3.3.3.3 Tính duy nhất và toàn diện	102
3.3.3.4 Tính liên tục	102
3.3.3.5 Hội nhập văn hóa	103
3.3.4 Những lãnh vực đề tài.....	104
3.3.4.1 Một văn hóa căn bản vững chắc	104
3.3.4.2 Học hỏi đức tin cách thâm sâu hơn nhờ thần học trợ giúp	105
3.3.4.3 Hiểu biết nhất quán về con người, thế giới và Thiên Chúa nhờ triết học trợ giúp.....	106
3.3.4.4 Những khoa học nhân văn và những khoa học về giáo dục.....	106
3.3.4.5 “Tính Salêdiêng”	107
3.3.5 Sự chuyên hoá và phẩm chất chuyên môn.....	108
3.3.6 Những trung tâm học vụ để đào luyện.....	109
3.3.7 Một vài đề nghị để cổ xúy đào luyện tri thức.....	111

NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	112
3.4 Đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ	125
3.4.1 Đào luyện để thực hành hệ thống dự phòng, sự nhập thể của sứ mệnh Salêdiêng	125
3.4.2 Đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ của người Salêdiêng, sự hiện thực hệ thống dự phòng	127
3.4.3 Những giá trị và thái độ thích hợp với việc đào luyện mục vụ giới trẻ.....	128
3.4.3.1 Yêu mến và hiện diện giữa giới trẻ, nhất là những kẻ nghèo nhất	128
3.4.3.2 Một sự hoà hợp giữa giáo dục và loan báo Tin mừng.....	129
3.4.3.3 Bản chất cộng đoàn của thừa tác vụ Salêdiêng .	129
3.4.3.4. Phong thái sinh động	130
3.4.3.5 Một nhãn quan được tập trung vào một thừa tác vụ có tổ chức và kế hoạch toàn diện	130
3.4.4 Một vài đường nét hành động để đào luyện cho tác vụ mục vụ giới trẻ.....	131
3.4.4.1 Đào luyện cho tác vụ mục vụ giới trẻ.....	131
3.4.4.1.1 Đáp lại tiếng Chúa gọi trong những nhu cầu của người trẻ.....	131
3.4.4.1.2 Quan tâm đến thế giới giáo dục	132
3.4.4.1.3 Suy tư thần học và mục vụ cùng những chỉ dẫn của Giáo hội	132

3.4.4.1.4 Tiếp nhận những chỉ dẫn mục vụ Salêdiêng .	132
3.4.4.1.5 Đào luyện trong kinh nghiệm ngày qua ngày của sứ mệnh	133
3.4.4.2 Những hoạt động mục vụ suốt thời kỳ đào luyện ban đầu	133
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	135
CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA ĐÀO LUYỆN: MỘT PHÁC HỌA.....	139
4.1 Liên can đến nhân vị trong những chiều sâu của hữu thể.	140
4.2 Sinh động một kinh nghiệm đào luyện đầy đủ theo một kế hoạch được cấu trúc.....	142
4.3 Đảm bảo một môi trường đào luyện và sự can dự của mọi người trách nhiệm	145
4.3.1 Nhân vị của người Salêdiêng	145
4.3.2 Cộng thể, khung cảnh đào luyện.....	147
4.3.2.1 Cộng thể địa phương	148
4.3.2.2 Cộng thể đào luyện.....	149
4.3.2.3 Trung tâm học vụ.....	152
4.3.2.4 Cộng thể Tỉnh.....	152
4.3.2.5 Cộng thể thế giới.....	154
4.3.3 Những người cùng chung trách nhiệm đào luyện...	154
4.3.3.1 Những người cùng chung trách nhiệm đào luyện cấp địa phương	155

4.3.3.1.1 <i>Giám đốc</i>	155
4.3.3.1.2 <i>Đội ngũ đào luyện</i>	157
4.3.3.1.3 <i>Các thầy cô và chuyên viên</i>	160
4.3.3.1.4 <i>Sự đóng góp của giáo dân</i>	162
4.3.3.2 Những người cùng chịu trách nhiệm trên bình diện Tỉnh Dòng	163
4.3.3.2.1 <i>Giám tỉnh với Ban Cố Vấn ngài</i>	163
4.3.3.2.2 <i>Ủy viên và Ủy ban Đào Luyện Tỉnh</i>	165
4.3.3.3 Những liên hệ và cộng tác trên bình diện liên Tỉnh	168
4.3.3.4 Những người cùng chung trách nhiệm trên bình diện thế giới	170
4.4 Làm cho đời sống và lao động thường nhật hiệu quả hơn cho đào luyện	171
4.4.1 Sự hiện diện giữa giới trẻ	172
4.4.2 Làm việc với người khác	172
4.4.3 Sự thông giao	173
4.4.4 Những tương quan liên vị	173
4.4.5 Bối cảnh xã hội văn hóa	174
4.5 Nỗ lực tới sự hướng dẫn có hiệu quả	175
4.5.1 Hướng dẫn cộng thể	176
4.5.2 Hướng dẫn cá nhân	177
4.6 Chú ý đến sự phân định	183

4.6.1 Phân định, một khía cạnh thường hằng của đời sống Salêdiêng	183
4.6.2 Sự phân định trong thời kỳ đào luyện ban đầu	183
4.6.3 Sự phân định trong một vài trường hợp đặc thù	187
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	188
PHẦN HAI: TIẾN TRÌNH ĐÀO LUYỆN SALÊDIÊNG	197
CHƯƠNG 5: TIẾN TRÌNH ĐÀO LUYỆN SALÊDIÊNG.....	199
5.1 “Một tiến trình đào luyện trải dài suốt cuộc sống”	199
5. 2 Những đặc tính của tiến trình đào luyện.....	202
5.2.1 Một tiến trình hữu vị/ nhân vị hóa	202
5.2.2 Một tiến trình Cộng thể.....	203
5.2.3 Một tiến trình bao quát và đa biệt	203
5.2.4 Một tiến trình liên tục và tiệm tiến.....	203
5.2.5. Một tiến trình được hội nhập văn hóa	204
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	205
CHƯƠNG 6: TIỀN TẬP VIỆN.....	211
6.1 Bản chất và mục đích	211
6.2 Chương trình đào luyện	213
6.2.1 Đào luyện nhân bản.....	213
6.2.1.1 Điều kiện thể lý và sức khoẻ	214
6.2.1.2 Biết mình và làm cho mình được biết.....	214
6.2.1.3 Một cảm tính thanh thản	215
6.2.1.4 Khả năng tương giao.....	215
6.2.1.5 Một cảm thức về trách nhiệm	216

6.2.1.6 Một lương tâm ngay thẳng và sự rộng mở trước những hoàn cảnh	216
6.2.2 Đào luyện thiêng liêng	217
6.2.3 Đào luyện tri thức	218
6.2.4 Đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ	220
6.3 Một số đòi hỏi cho đào luyện	221
6.3.1 Một cộng thể đào luyện và một kinh nghiệm về sống cộng thể.....	221
6.3.2 Đội ngũ đào luyện cũng như sự hướng dẫn đào luyện và đồng hành thiêng liêng	222
6.4 Sự phân định và tiếp nhận vào nhà tập	223
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	226
CHƯƠNG 7: TẬP VIỆN.....	229
7.1 Bản chất và mục đích	229
7.2 Kinh nghiệm đào luyện	230
7.2.1 đào luyện nhân bản	230
7.2.2 Đào luyện thiêng liêng	230
7.2.2.1 Đồng hành với Chúa Kitô trong bối cảnh của <i>Da mihi animas</i>	230
7.2.2.2 Sự hấp thụ đoàn sủng Salêdiêng và đồng nhất hóa với Đấng Sáng Lập	231
7.2.2.3 Kinh nghiệm về đời sống huynh đệ.....	232
7.2.2.4 Khai tâm vào cầu nguyện bao trùm toàn cuộc đời họ.....	232

7.2.3 Đào luyện tri thức	234
7.2.4 Đào luyện cho thừa tác vụ giáo dục mục vụ	234
7.3 Một số đòi hỏi đối với đào luyện	235
7.3.1 Cộng thể và khung cảnh	235
7.3.2 Tập sự và những người chịu trách nhiệm về đào luyện	236
7.4 Sự phân định và tiếp nhận tuyên khẩn lần đầu.....	237
7.4.1 Thời gian phân định	237
7.4.2 Tuyên khẩn tạm.....	238
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	239
CHƯƠNG 8: HẬU TẬP VIỆN	247
8.1 Bản chất và mục đích	247
8.2 Kinh nghiệm đào luyện	248
8.2.1 Đào luyện nhân bản.....	248
8.2.2 Đào luyện thiêng liêng	249
8.2.3 Đào luyện tri thức	250
8.2.3.1 Những môn học	250
8.2.3.1.1 Những khoa triết học	251
8.2.3.1.2 Những khoa học nhân văn và giáo dục.....	251
8.2.3.1.3 Mẫu nhiệm Kitô giáo và giáo dục đức tin.....	251
8.2.3.1.4 Những môn học Salêdiêng	252
8.2.3.2 Những môn học khác	252
8.2.3.3 Giáo trình dành cho Salêdiêng Sư huynh	253
8.2.4 Đào luyện cho tác vụ mục vụ giới trẻ	254

8.3 Một số đòi hỏi cho đào luyện	255
8.3.1 Khung cảnh	255
8.3.1.1 Cộng thể đào luyện.....	255
8.3.1.2 Những cộng thể khác	257
8.3.2 Những người trách nhiệm việc đào luyện	257
8.3.3 Sự cộng tác liên tỉnh dòng.....	259
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	259
CHƯƠNG 9: TẬP VỤ.....	263
9.1 Bản chất và mục đích	263
9.2 Kinh nghiệm đào luyện	264
9.2.1 Đào luyện nhân bản.....	264
9.2.2 Đào luyện thiêng liêng	265
9.2.3 Đào luyện tri thức	266
9.2.4 Đào luyện thừa tác vụ mục vụ giới trẻ	266
9.3 Một vài đòi hỏi cho đào luyện.....	268
9.3.1 Cộng thể.....	268
9.3.2 Người hướng dẫn đào luyện và trách nhiệm cá nhân của những người trong tập vụ	268
9.3.3 Giám tỉnh.....	270
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	270
CHƯƠNG 10: ĐÀO LUYỆN CHUYÊN BIỆT	273
ĐÀO LUYỆN CHUYÊN BIỆT CỦA NGƯỜI SALÊDIÊNG SƯ HUYNH.....	274
10.1 Bản chất và mục đích	274

10.5.4.2.2 Đòi phó tế.....	290
10.6 Một số đòi hỏi cho đào luyện	291
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	292
CHƯƠNG 11: CHUẨN BỊ KHẨN TRỌN ĐỜI.....	299
11.1 Bản chất và mục đích	299
11.2 Kinh nghiệm đào luyện	302
11.3 Một vài đòi hỏi cho đào luyện.....	302
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	304
CHƯƠNG 12: ĐÀO LUYỆN LIÊN TỤC.....	307
12.1 Bản chất và mục đích	308
12.2 Kinh nghiệm đào luyện	309
12.2.1 Đào luyện nhân bản.....	310
12.2.2 Đào luyện thiêng liêng	311
12.2.3 Đào luyện tri thức	311
12.2.4 Đào luyện cho thừa tác vụ mục vụ giới trẻ	312
12.3 Ứng phó với một vài tình huống của đời sống.....	313
12.3.1 Những giai đoạn cuộc đời	314
12.3.1.1 Những năm đầu tiên của sự can dự hoàn toàn vào công việc giáo dục và mục vụ.....	314
12.3.1.2 Những năm trưởng thành hoàn toàn	315
12.3.1.3 Tuổi cao niên	317
12.3.2 Một vài hoàn cảnh đặc thù	318
12.4 Sự sinh động đào luyện liên tục.....	319
12.4.1 Trên bình diện cá nhân.....	319

12.4.2 Trên bình diện địa phương.....	321
12.4.3 Trên bình diện tỉnh dòng	323
12.4.4 Trên bình diện liên Tỉnh dòng	328
NHỮNG CHỈ DẪN VÀ QUI TẮC THỰC HÀNH.....	329
PHỤ CHƯƠNG *	335
Phụ chương 1: PHẦN VỀ ĐÀO LUYỆN TRONG NỘI QUY TỈNH...337	
Phụ Chương 2: KẾ HOẠCH ĐÀO LUYỆN TỈNH.....	343
Phụ chương 3: NHỮNG CHỈ DẪN VỀ TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC.349	
Phụ chương 4: NHỮNG VĂN KIỆN CỦA GIÁO HỘI VÀ SALÊDIÊNG VỀ ĐÀO LUYỆN.....	365
• Các Tổng Tu Nghị.....	368
• Các Bề Trên Cả	369
Egidio Viganò	369
Juan Edmundo Vecchi	369
• Những văn kiện đề quy chiêu.....	369
MỤC LỤC PHÂN TÍCH.....	371
MỤC LỤC.....	422